

CHUYÊN ĐỀ 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN THƯỜNG GẶP TRONG KỲ THI HỌC SINH GIỎI NGŨ VĂN

I. TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Khái niệm

Tác phẩm văn học là một công trình nghệ thuật ngôn từ, đó là kết quả của một quá trình sáng tạo, lao động trí óc miệt mài của tác giả. Một tác phẩm văn học có thể là sản phẩm của một cá nhân hoặc một tập thể cùng nhau sáng tạo ra. Những người sáng tác tác phẩm văn học sẽ được gọi là nhà văn.

Nội dung của các tác phẩm văn học thông thường sẽ mô phỏng về hiện thực cuộc sống đời thường. Cũng có khi đó là sản phẩm của sự sáng tạo, trí tưởng tượng về một thế giới không thực mà do chính tác giả muốn tạo nên. Những nhân vật trong tác phẩm văn học có thể lấy cảm hứng từ nhân vật có thật, hoặc chỉ là nhân vật hư cấu của tác giả.

2. Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học

Nội dung tác phẩm là hiện thực cuộc sống được phản ánh trong sự cảm nhận, suy ngẫm và đánh giá của nhà văn. Đó là một hệ thống gồm nhiều yếu tố khách quan và chủ quan xuyên thấm vào nhau. Trước hết, tác phẩm văn học cung cấp cho người đọc những biểu hiện phong phú, nhiều vẻ và độc đáo của đời sống mà tính loại hình của chúng tạo thành đề tài của tác phẩm. Vấn đề quan trọng nhất nổi lên từ đề tài, buộc tác giả phải bày tỏ thái độ, có ý kiến đánh giá là chủ đề. Ý kiến của tác giả trước vấn đề được nêu ra trong tác phẩm là tư tưởng. Thái độ đánh giá, nhiệt tình bảo vệ tư tưởng tạo nên cảm hứng chủ đạo hay cảm hứng tư tưởng. Quan niệm về thế giới và con người được dùng làm hệ quy chiếu để tác giả xác định đề tài, chủ đề, lý giải thế giới của tác phẩm có cội nguồn sâu xa trong thế giới quan. Cuối cùng, tương quan giữa sự biểu hiện của đời sống và sự cảm thụ chủ quan tạo nên nội dung thẩm mỹ của hình tượng. Nội dung tác phẩm là kết quả khám phá, phát hiện khái quát của nhà văn. Sự lược quy nội dung này vào các phạm trù xã hội học sẽ làm nghèo nàn nội dung tác phẩm.

a. Các khái niệm về nội dung của tác phẩm văn học

- Đề tài là lãnh vực đời sống được nhà văn nhận thức, lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản. Việc lựa chọn đề tài bước đầu bộc lộ khuynh hướng và ý đồ sáng tác của tác giả.

- Chủ đề là vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản.

+ Chủ đề thể hiện điều quan tâm cũng như chiều sâu nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống.

+ Tầm quan trọng của chủ đề không phụ thuộc vào khuôn khổ văn bản, cũng không phụ thuộc vào việc chọn đề tài. Có những văn bản rất ngắn nhưng chủ đề đặt ra lại lớn lao (ví dụ bài Sông núi nước Nam của Lí Thường Kiệt chỉ có 28 chữ nhưng là bản tuyên ngôn khẳng định chủ quyền).

+ Mỗi văn bản có thể có một hoặc nhiều chủ đề tùy quy mô, ý định của tác giả.

- Tư tưởng của văn bản là sự lí giải đối với chủ đề đã nêu lên, là nhận thức của tác giả muốn trao đổi, nhắn gửi, đối thoại với người đọc. Tư tưởng là linh hồn của văn bản văn học.

- Cảm hứng nghệ thuật là nội dung tình cảm chủ đạo của văn bản. Những trạng thái tâm hồn, những cảm xúc được thể hiện đậm đà, nhuần nhuyễn trong văn bản sẽ truyền cảm và hấp dẫn người đọc. Qua cảm hứng nghệ thuật, người đọc cảm nhận được tư tưởng, tình cảm của tác giả nêu trong văn bản.

b. Các khái niệm thuộc về hình thức của tác phẩm văn học

- Ngôn từ là yếu tố đầu tiên, là vật liệu, công cụ, lớp vỏ đầu tiên của tác phẩm văn học. Ngôn từ hiện diện trong từ ngữ, câu đoạn, hình ảnh, giọng điệu của văn bản được nhà văn chọn lọc hàm súc, đa nghĩa... mang dấu ấn của tác giả.

- Kết cấu là sự sắp xếp tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị thống nhất chặt chẽ, hoàn chỉnh, có ý nghĩa.

+ Kết cấu hàm chứa dụng ý của tác giả sao cho phù hợp với nội dung văn bản.

+ Có nhiều cách kết cấu như kết cấu hoành tráng của sử thi, đầy yếu tố bất ngờ của truyện trinh thám, kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tùy bút, tạp văn...

- Thể loại là những quy tắc tổ chức hình thức văn bản phù hợp với nội dung văn bản, hoặc có chất thơ, tiểu thuyết, kịch... thể loại có cải biến, đổi mới theo thời đại và mang sắc thái riêng của tác giả.

- Cần lưu ý, không có hình thức nào là "hình thức thuần túy" mà hình thức bao giờ cũng "mang tính nội dung". Vì vậy, trong quá trình tìm hiểu và phân tích tác phẩm, cần chú ý mối quan hệ hữu cơ, logic giữa hai mặt nội dung và hình thức của một tác phẩm một cách thống nhất, toàn vẹn.

3. Ý nghĩa quan trọng của nội dung và hình thức của tác phẩm văn học

- Nội dung có giá trị là nội dung mang tư tưởng nhân văn sâu sắc, hướng con người tới chân - thiện - mỹ và tự do dân chủ.

- Hình thức có giá trị là hình thức phù hợp với nội dung, hình thức cần mới mẻ, hấp dẫn, có giá trị cao.

- Nội dung và hình thức không thể tách rời mà thống nhất chặt chẽ trong tác phẩm văn học, nội dung tư tưởng cao đẹp biểu hiện trong hình thức hoàn mỹ.

II. BẢN CHẤT CỦA VĂN HỌC

1. Văn chương bao giờ cũng phải bắt nguồn từ cuộc sống.

Grandi từng khẳng định: “Không có nghệ thuật nào là không hiện thực”. Cuộc sống là nơi bắt đầu và là nơi đi tới của văn chương. Hơn bất cứ một loại hình nghệ thuật nào, văn học gắn chặt với hiện thực cuộc sống và hút mật ngọt từ nguồn sống dồi dào đó. Ai đó đã từng ví văn học và cuộc sống như thần Ăng-Tê và Đất Mẹ. Thần trở nên vô địch khi đặt hai chân lên Đất Mẹ cũng như văn học chỉ cường tráng và dũng mãnh khi gắn liền với hiện thực đời sống. Đầu tiên và trên hết, văn chương đòi hỏi tác phẩm nghệ thuật chất hiện thực.

Hiện thực xã hội là mảnh đất sống của văn chương, là chất mật làm nên tính chân thực, tính tự nhiên, tính đúng đắn, tính thực tế của tác phẩm văn học. Một tác phẩm có giá trị hiện thực bao giờ cũng giúp người ta nhận thức được tính quy luật của hiện thực và chân lý đời sống.

Những tác phẩm kinh điển bao giờ cũng đi được những tư tưởng lớn của thời đại trên đôi cánh của hiện thực cuộc sống. Cánh diều văn học dù bay cao bay xa đến đâu vẫn gắn với mảnh đất cuộc sống bằng sợi dây hiện thực mỏng manh mà vô cùng bền chắc. “Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp người lầm than”, “Nó ca ngợi tình thương, lòng bác ái, sự công bình, nó làm người gần người hơn” (Nam Cao)

Văn chương của người nghệ sĩ sẽ có gì nếu nó không mang dáng dấp cuộc đời? Có chăng chỉ là những dòng chữ rời rạc bị bề vụn mà thôi. Song có phải người nghệ sĩ phản ánh toàn bộ những biến đổi, những sự việc của nhân tình thế thái vào tác phẩm thì tác phẩm sẽ trở thành kiệt tác? Thành tác phẩm chân chính giữa cuộc đời? “Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng hét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó” (Belinxky).

2. Văn chương cần phải có sự sáng tạo.

Sáng tạo là quy luật đặc thù của văn học, là điều kiện tiên quyết của văn học. Theo Tê Bạch Thạch: “Nghệ thuật vừa giống vừa không giống với cuộc đời. Nếu hoàn toàn giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật mị đời. Còn nếu hoàn toàn không giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật dối đời”.

Nghệ thuật thường vừa hư vừa thực, vừa hiện thực vừa lãng mạn, vừa bình thường vừa phi thường. Mỗi tác phẩm văn học, mỗi nhân vật, mỗi câu chữ trong tác phẩm phải tạo được sự bất ngờ, lý thú đối với người đọc.

Tác phẩm văn học là tấm gương soi chiếu hiện thực cuộc sống nhưng phải qua lăng kính chủ quan của nhà văn. Chính vì vậy, hiện thực trong tác phẩm còn thực hơn hiện thực ngoài đời sống vì nó đã được nhào nặn qua bàn tay nghệ thuật của người nghệ sĩ, được thổi vào đó không chỉ hơi thở của thời đại mà cả sức sống tư tưởng và tâm hồn người viết. Hiện thực đời sống không phải chỉ là những hiện tượng, những sự kiện nằm thẳng đơ trên trang giấy mà phải hòa tan vào trong câu chữ, trở thành máu thịt của tác phẩm. Chất hiện thực làm nên sức sống cho tác phẩm và chính tài năng người nghệ sĩ đã bắt tử hóa sức sống ấy.

Ví dụ: Cùng viết về số phận, cảnh người nông dân trước cách mạng tháng Tám nhưng Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Kim Lân, Nam Cao,.. đều có những cách nhìn, cách khám phá khác nhau:

- Ngô Tất Tố đi sâu vào phản ánh nỗi thống khổ của những người nông dân nghèo trước nạn sưu thuế.
- Nguyễn Công Hoan khai thác nạn cướp ruộng đất.
- Vũ Trọng Phụng nhìn thấy nỗi khổ của người dân bởi nạn vỡ đê.
- Kim Lân đau đớn trước thảm cảnh nạn đói 1945 – hậu quả của chế độ thực dân phát xít.
- Nam Cao – sâu sắc và lạnh lùng khi khám phá ra con đường tha hóa về nhân hình In nhân tính của người nông dân. Tác phẩm của Nam Cao là tiếng chuông: hãy cứu lấy con người. Nam Cao là nhà văn có cái nhìn sắc bén về hiện thực xã hội.

Trong sáng tạo văn học, nhà văn luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi văn học không chỉ phản ánh đời sống mà còn biểu hiện thế giới quan của nhà văn: “Văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Tất cả những gì hiện diện trong sáng tác của nhà văn dường như đều được lọc qua lăng kính chủ quan của họ”.

III. CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC

Có rất nhiều tiêu chí phân biệt sự khác nhau giữa văn học và các môn khoa học khác. Nhưng có lẽ M. Gorki đã từng nói rất đúng đặc thù của bộ môn: “Văn học là nhân học”. Văn học là khoa học, khám phá thế giới tâm hồn, tính cách con người, văn học có chức năng riêng, biểu hiện trên ba mặt chính : nhận thức – giáo dục – thẩm mỹ

1. Chức năng nhận thức

Văn học có chức năng khám phá những quy luật khách quan của đời sống xã hội và đời sống tâm hồn của con người. Nó có khả năng đáp ứng nhu cầu của con người

muốn hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình. Không phải ngẫu nhiên đã có người cho rằng: “Văn học là cuốn sách giáo khoa của đời sống”. Chính cuốn sách ấy đã thể hiện một cách tinh tế và sắc sảo từng đổi thay, từng bước vận động của xã hội. Nó tựa như “chiếc chìa khoá vàng mở ra muôn cánh cửa bí ẩn, đưa con người tới ngưỡng cửa mới của sự hiểu biết thế giới xung quanh.

Văn học giúp phản ánh hiện thực để đem lại những kiến thức mênh mông về đời sống vật chất lẫn tinh thần của con người. Bởi thế mà có người cho rằng văn học chẳng khác gì bách khoa toàn thư của cuộc sống. Ta từng thấy Ăng-ghe-nhận xét khi đọc về tiểu thuyết của Ban-zắc – đó là giúp người đọc hiểu hơn về xã hội của nước Pháp.

Bên cạnh đó, chức năng nhận thức của văn học còn thể hiện ở việc giúp người đọc hiểu được bản chất của con người nói chung và tự nhận thức về bản thân mình. Những câu hỏi về sự tự nhận thức bản thân cũng được văn học giải đáp một cách chi tiết nhất.

2. Chức năng giáo dục

Nghệ thuật là hình thái đặc trưng, hình thành từ những tìm tòi, khám phá của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống. Nghệ thuật mang đến cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về xã hội, thể hiện những quan điểm của người nghệ sĩ, từ đó tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận.

Chính vì vậy, nghệ thuật luôn ẩn chứa sứ mệnh cao cả và thiêng liêng, góp phần làm đẹp cho cuộc đời. Tố Hữu đã từng phát biểu: “Nghệ thuật là câu trả lời đầy thâm mỹ cho con người; thay đổi, cải thiện thế giới tinh thần của con người, nâng con người lên”. Còn Nguyên Ngọc thì khẳng định: “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. VH giáo dục con người bằng con đường từ cảm xúc đến nhận thức bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp của những hình tượng sinh động. Văn học giúp con người rèn luyện bản thân mình ngày một tốt đẹp hơn, có thái độ và lẽ sống đúng đắn.

3. Chức năng thẩm mỹ

Văn học đem đến cho con người những cảm nhận chân thực, sâu sắc và tinh tế nhất. Nghệ thuật sáng tạo trên nguyên tắc cái đẹp, vì thế không thể thoát khỏi quy luật của cái đẹp. Cụ thể:

- Văn học mang đến cho con người vẻ đẹp muôn màu của cuộc đời (vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người...)
- Miêu tả, thể hiện cái đẹp của con người từ ngoại hình đến thế giới nội tâm phong phú tinh tế bên trong.
- Cái đẹp trong văn học không chỉ thể hiện ở nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật tác phẩm : kết cấu, ngôn từ chặt chẽ, mới mẻ, độc đáo.

4. Mối quan hệ giữa các chức năng văn học

Bên cạnh việc chuyển tải nội dung thẩm mỹ, tác phẩm nghệ thuật còn tác động đến nhận thức của con người, đánh thức những tình cảm, cảm xúc, bản năng của con người, khơi dậy sức sống và niềm tin yêu, hi vọng vào thế giới ấy.

Một tác phẩm dù lớn hay nhỏ đều ẩn chứa những giá trị nhận thức riêng biệt. Một Xuân Diệu nồng nàn, tươi trẻ với những bước chân vội vàng, cuống quýt, vồ vập trong tình yêu; một Huy Cận mang mang thiên cổ sầu; một Hàn Mặc Tử yêu đời, yêu cuộc sống đến tha thiết nhưng đành “bó tay nhìn thể phách và linh hồn tan rã”... Những nhà thơ Mới mỗi người một vẻ, một sắc thái nhưng đã hòa cùng dòng chảy của văn học, mang đến những cảm nhận mới lạ, tinh tế, tác động mạnh mẽ tới tri giác, đánh thức những bản năng khát yêu, khát sống trong mỗi con người.

Còn dòng văn học hiện thực lại tác động vào con người theo những hình tượng nhân vật. Một chị Dậu giàu đức hi sinh đã kiên cường đấu tranh với kẻ thống trị để bảo vệ gia đình; một Chí Phèo bước ra từ những trang văn lạnh lùng nhưng ẩn chứa nhiều đớn đau của Nam Cao; một Xuân Tóc Đỏ với bộ mặt “chó đũa” của xã hội... Tất cả đã tác động lên người đọc nhận thức đầy đủ, phong phú về xã hội. Từ đó khơi dậy ý thức đấu tranh giai cấp để giành lại quyền sống, ý thức cải tạo xã hội và ý thức về giá trị con người.

Trên hành trình kiếm tìm, vươn tới nghệ thuật, mỗi người nghệ sĩ lại tìm cho mình một định nghĩa, một chuẩn mực để đánh giá văn chương, nghệ thuật. Có người cho rằng giá trị cao nhất của văn chương là vì con người. Có người lại quý văn chương ở sự đồng điệu tri âm: “Thơ ca giúp ta đi từ chân trời một người đến với chân trời triệu người”. Còn có người lại coi văn chương nghệ thuật là “một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người trong sạch và phong phú thêm” (Thạch Lam). Nguyên Ngọc cũng từng khẳng định: “nghệ thuật là phương thức tồn tại của con người”...

Tất cả những quan điểm các nhà nghệ sĩ đã giúp cho chúng ta nhận ra văn học là một yêu cầu thiết yếu, một nhu cầu không thể thiếu của con người. Ta tự hỏi con người sẽ sống như thế nào nếu mai kia chẳng còn văn chương? Có lẽ tâm hồn con người sẽ khô cằn, chai sạn lắm bởi văn chương cho ta được là CON NGƯỜI với hai chữ viết hoa, với đầy đủ những ý nghĩa cao đẹp.

“Văn chương giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật”. Văn chương nâng con người lớn dậy, thanh lọc tâm hồn con người. Bởi vậy, hành trình đến với văn chương là hành trình kiếm tìm, vươn tới. “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. Xét đến cùng, hành trình của một tác phẩm văn chương là hướng con người đến con đường CHÂN – THIỆN – MỸ.

Một tác phẩm văn chương đích thực bao giờ cũng là sự hòa quyện của chức năng. Chức năng thẩm mỹ là đặc trưng của nghệ thuật. Chức năng giáo dục là nhiệm vụ của nghệ thuật. Chức năng nhận thức là bản chất của văn chương.

Ba chức năng của văn chương có quan hệ khăng khít và xuyên thấu vào nhau để cùng tác động vào con người. Chức năng này đồng thời biểu hiện chức năng kia và ngược lại.

IV. CON NGƯỜI TRONG VĂN HỌC

Đối tượng phản ánh của văn học chính là con người. Gorki nói: “Văn học là nhân học”. Nguyễn Minh Châu thì cho rằng: “Văn học và hiện thực là hai vòng tròn đồng tâm và tâm điểm là con người”.

Tuy vậy, cái mà văn học quan tâm, không phải chỉ đơn thuần là con người xét về phương cái văn học quan tâm chính là tư cách xã hội của con người. Marx từng nói: “Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”. Nếu ngành sinh học nghiên cứu về giải phẫu con người, nghiên cứu về tế bào con người, nói chung là nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, thì văn học nghiên cứu con người trên phương diện xã hội, qua việc đặt con người trong một bối cảnh xã hội, thông qua những mối quan hệ để khám phá bản chất tâm hồn con người cũng như phát hiện ra những vấn đề mang tính khái quát, cấp thiết về con người, về cuộc đời.

Vậy đâu là điểm khác biệt giữa văn học với lịch sử, triết học, xã hội học, những ngành khoa học khác cũng nghiên cứu con người trên phương diện xã hội? Thời xưa từng có quan điểm “văn, sử, triết” bất phân, đúng như vậy, trong một vài thời kì, sự phân biệt giữa văn học, lịch sử, và triết học rất khó phân định. Văn học phải thể hiện đời sống, tức văn học phải gắn với lịch sử. Đỉnh của một tác phẩm văn học chính là tính tư tưởng, là bức thông điệp của nhà văn với các vấn đề về con người, cuộc đời, vậy văn học gắn với triết học.

Nhưng văn học vẫn có một đặc điểm riêng biệt: Văn học phản ánh con người trên phương diện thẩm mỹ. Một nhà phê bình từng nhận định: “Tác phẩm nghệ thuật chân chính là tác phẩm tôn vinh con người”. Dovtoepxki từng nói: “Cái đẹp cứu chuộc thế giới”. Sự khu biệt rõ ràng nhất giữa văn học và lịch sử, triết học chính là cái nhìn con người trên phương diện của cái đẹp.

Lịch sử loại trừ cái nhìn chủ quan, triết học chỉ quan tâm đến những vấn đề cốt lõi, còn văn học, sự phản ánh nhất thiết phải gắn với cái đẹp. Ngay cả khi miêu tả một tên trộm, một cái gì đó xấu xa, giả dối, thì văn học vẫn đi theo cây kim của la bàn mang tên cái đẹp, mục đích cuối cùng, mục đích cốt lõi của văn học vẫn là hướng con người đến cái đẹp, đến những giá trị chân thiện, mỹ. Văn học không thể không phản ánh cái xấu xa, cái giả dối, cái bất nhân, nhưng mục đích vẫn phải là để tôn vinh cái đẹp, ca ngợi cái đẹp; phê phán, tố cáo, lên án cái xấu, cái ác để người đọc thêm trân trọng cái tốt, cái đẹp.

1. Con người- đối tượng phản ánh của văn học

Thứ nhất, văn học nhận thức toàn bộ quan hệ của thế giới con người, đã đặt con người vào vị trí trung tâm của các mối quan hệ. “Văn học và hiện thực là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người” (Nguyễn Minh Châu) – tính hiện thực là thuộc tính tất yếu của văn học, chính vì vậy vòng tròn văn học và vòng tròn hiện thực phải chồng lên nhau, phải có những vùng giao nhau, và cái trục vận động của hai vòng tròn ấy, cái tâm, không gì khác chính là con người. Lấy con người làm điểm tựa miêu tả thế giới, văn nghệ có một điểm tựa để nhìn ra toàn thế giới. Văn nghệ bao giờ cũng nhìn hiện thực qua cái nhìn của con người. Con người trong đời sống văn nghệ là trung tâm của các giá trị, trung tâm đánh giá, trung tâm kinh nghiệm của các mối quan hệ. Như vậy, miêu tả con người là phương thức miêu tả toàn thế giới. Việc biểu hiện hiện thực sâu sắc hay hời hợt, phụ thuộc vào việc nhận thức con người, am hiểu cái nhìn về con người.

Thứ hai, văn học nhận thức con người như những hiện thực tiêu biểu cho các quan hệ xã hội nhất định. Về mặt này, văn học nhận thức con người như những tính cách. Đó là những con người sống, cá thể, cảm tính, nhưng lại thể hiện rõ nét những phẩm chất có ý nghĩa xã hội, những “kiểu quan hệ xã hội”.

Thứ ba, con người mà văn học nhận thức bao giờ cũng mang một nội dung đạo đức nhất định. Cái nhìn con người ở đây của văn học, cũng khác cái nhìn của đạo đức học. Đạo đức nhận thức con người trên các quy tắc, các chuẩn mực. Văn học nhận thức con người trọn vẹn hơn. Tính cách mà văn học nắm bắt không trừu tượng như các khái niệm đạo đức, mà các phẩm chất đạo đức ấy được thể hiện cụ thể trong ý nghĩ, trong việc làm, trong lời nói, trong hành động. Các kiểu quan hệ cũng không đồng nhất với chuẩn mực, nguyên tắc xử thế của đạo đức mà hình thành từ các tình huống cụ thể trong đời sống. Văn học khám phá ý nghĩa đạo đức của các tính cách trong các tình huống éo le, phức tạp nhất trong các trường hợp không thể nhìn tính cách một cách giản đơn, bề ngoài.

Thứ tư, văn học cũng miêu tả con người trong đời sống chính trị, nhưng đó không phải là con người mang bản chất giai cấp trừu tượng. Văn học tái hiện những bản chất chính trị như là những cá tính, những tính cách. Chính ở đây, văn nghệ có thể làm sống lại cuộc sống chính trị của con người cũng như số phận con người trong cơn bão táp chính trị.

Thứ năm, cái đặc sắc nhất của văn học là sự quan tâm tới cá thể, tính cá nhân, quan tâm tới tính cách và số phận con người. Gắn liền với sự miêu tả thế giới bên trong con người; miêu tả thế giới văn hóa: văn hóa cộng đồng, văn hóa ứng xử, văn hóa sáng tạo. Trong các hình thái ý thức xã hội duy nhất có văn học là quan tâm đến sinh mệnh cá thể giữa biển đời mênh mông. Chỉ có văn học là quan tâm các lí giải các giá trị cá thể về sắc đẹp, tư chất, cá tính số phận. Con người tìm thấy ở văn học những tiền lệ về

ý thức cá tính, về ý nghĩa cuộc đời, về khả năng chiến thắng số phận, về khả năng được cảm thông trong từng trường hợp.

Thứ sáu, bản chất nhân học của con người được thể hiện ở việc biểu hiện con người tự nhiên: các quy luật sinh lão bệnh tử, những vấn đề có tính chất bản năng, bản chất của con người...

Nội dung phản ánh của văn học là toàn bộ hiện thực cuộc sống đặt trong mối quan hệ với con người. Cái nghệ thuật quan tâm là mối quan hệ người kết tinh trong sự vật. Miêu tả thiên nhiên, đồ vật... đều đặt trong mối quan hệ với con người, để bộc lộ bản chất của con người. Sự phản ánh của văn học bao giờ cũng bày tỏ một quan niệm nhân sinh.

Đối tượng phản ánh không đồng nhất với nội dung phản ánh. Nội dung phản ánh là đối tượng phản ánh được gạn lọc, soi chiếu dưới lý tưởng thẩm mỹ.

2. Vấn đề về hình tượng nhân vật trong văn học

Nhà văn người Đức W. Goethe có nói: “Con người là điều thú vị nhất đối với con người, và con người cũng chủ hứng thú với con người”. Con người là nội dung quan trọng nhất của văn học. Nhân vật văn học là khái niệm dùng để chỉ hình tượng các cá thể con người trong tác phẩm văn học – cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ.

a. Khái niệm Nhân vật văn học.

Đối tượng chung của văn học là cuộc đời nhưng trong đó con người luôn giữ vị trí trung tâm. Những sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, những bức tranh thiên nhiên, những lời bình luận... đều góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho tác phẩm nhưng cái quyết định chất lượng tác phẩm văn học chính là việc xây dựng nhân vật. Đọc một tác phẩm, cái đọng lại sâu sắc nhất trong tâm hồn người đọc thường là số phận, tình cảm, cảm xúc, suy tư của những con người được nhà văn thể hiện. Vì vậy, Tô Hoài đã có lý khi cho rằng “Nhân vật là nơi duy nhất tập trung hết thảy, giải quyết hết thảy trong một sáng tác”

“Văn học là nhân học” (M. Gorki). Văn học bao giờ cũng thể hiện cuộc sống của con người. Nói đến nhân vật văn học là nói đến con người được nhà văn miêu tả thể hiện trong tác phẩm, bằng phương tiện văn học. Nhân vật văn học có khi là những con người có họ tên như: Từ Hải, Thúy Kiều, Lục Vân Tiên, Chị Dậu, anh Pha, ... Khi là những người không họ không tên như: tên lính lệ, người hầu gái, một số nhân vật xưng “tôi” trong các truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình – ta trong ca dao. Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi trên hai phương diện: số lượng và chất lượng. Về số lượng, hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng, dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỷ, đồ vật, ... nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của

con người. Nhân vật trong văn học có khi là một loài vật, một đồ vật hoặc một hiện tượng nào đó của thế giới tự nhiên, mang ý nghĩa biểu trưng cho số phận, cho tư tưởng, tình cảm của con người. Có thể nói nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực.

Miêu tả con người, chính là việc xây dựng nhân vật của nhà văn. Ở đây, cần chú ý rằng nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, đó không là sự sao chép đầy mọi chi tiết biểu hiện của con người mà chỉ là sự thể hiện con người qua những đặc điểm điển hình về tiểu sử, nghề nghiệp, tính cách. Nói đến văn học thì không thể thiếu nhân vật, vì đó chính là phương tiện cơ bản để nhà văn khái quát hiện thực một cách hình tượng.

Nhà văn sáng tạo nhân vật để thể hiện nhận thức của mình về một cá nhân nào đó, về một loại người nào đó, về một vấn đề nào đó của hiện thực. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

Có thể nói, “nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực. Chức năng của nhân vật là khái quát những quy luật của cuộc sống và của con người, thể hiện những hiểu biết, những ước mơ, kì vọng về đời sống”. Các vị thần như thần Trụ trời, thần Gió, thần Mưa thể hiện nhận thức của người nguyên thủy về sức mạnh của tự nhiên mà con người chưa giải thích được. Truyền thuyết về Lạc Long Quân và Âu Cơ thể hiện niềm tự hào về nòi giống dân tộc Việt. Nhân vật lí tưởng của văn học cổ Hi – La là những anh hùng chưa có ý thức về đời sống cá nhân, tìm lẽ sống trong việc phục vụ quyền lợi bộ tộc, thành bang, quốc gia, đó là những Asin, Hécto trong Iliát, Uylítxơ trong Ôđixê, Prômê-tê trong Prômê-tê bị xiềng. Nhà văn sáng tạo nên nhân vật là để thể hiện những cá nhân xã hội nhất định và quan niệm về các cá nhân đó.

Nhân vật văn học được tạo nên bởi nhiều thành tố gồm hạt nhân tinh thần của cá nhân như: ý chí, khát vọng, lí tưởng, các biểu hiện của thế giới cảm xúc, các lợi ích đời sống, các hình thái ý thức, các hành động trong quá trình sống. Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật có những dấu hiệu để nhận biết như tên gọi, tiểu sử, nghề nghiệp, những đặc điểm riêng, ... Những dấu hiệu đó thường được giới thiệu ngay từ đầu và thông thường, sự phát triển về sau của nhân vật gắn bó mật thiết với những giới thiệu ban đầu đó. Gắn liền với những suy nghĩ, nói năng, hành động trong quá trình phát triển về sau của nhân vật. Nhân vật văn học không giống với các nhân vật thuộc các loại hình nghệ thuật khác. Ở đây, nhân vật văn học được thể hiện bằng chất liệu riêng là ngôn từ. Vì vậy, nhân vật văn học đòi hỏi người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng, liên tưởng để dựng lại một con người hoàn chỉnh trong tất cả các mối quan hệ của nó.

b. Vai trò - Chức năng:

- **Nhân vật văn học có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời.** Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có mục đích gắn liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập đến trong tác phẩm. Vì vậy, tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm, bên cạnh việc xác định những nét tính cách của nó, cần nhận ra những vấn đề của hiện thực và quan niệm của nhà văn mà nhân vật muốn thể hiện. Chẳng hạn, khi nhắc đến một nhân vật, nhất là các nhân vật chính, người ta thường nghĩ đến các vấn đề gắn liền với nhân vật đó. Gắn liền với Kiều là thân phận của người phụ nữ có tài sắc trong xã hội cũ. Gắn liền với Kim Trọng là vấn đề tình yêu và ước mơ vươn tới hạnh phúc. Gắn liền với Từ Hải là vấn đề đấu tranh để thực hiện khát vọng tự do, công lí... Trong Chí Phèo của Nam Cao, nhân vật Chí Phèo thể hiện quá trình lưu manh hóa của một bộ phận nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đằng sau nhiều nhân vật trong truyện cổ tích là vấn đề đấu tranh giữa thiện và ác, tốt và xấu, giàu và nghèo, những ước mơ tốt đẹp của con người...

- Do nhân vật có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời cho nên **trong quá trình mô tả nhân vật, nhà văn có quyền lựa chọn những chi tiết, yếu tố mà họ cho là cần thiết bộc lộ được quan niệm của mình về con người và cuộc sống.** Chính vì vậy, không nên đồng nhất nhân vật văn học với con người trong cuộc đời. Khi phân tích, nghiên cứu nhân vật, việc đối chiếu, so sánh có thể cần thiết để hiểu rõ thêm về nhân vật, nhất là những nhân vật có nguyên mẫu ngoài cuộc đời (anh hùng Núp trong Đất nước đứng lên; Chị Sứ trong Hòn Đất...) nhưng cũng cần luôn luôn nhớ rằng nhân vật văn học là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo gắn liền với ý đồ tư tưởng của nhà văn trong việc nêu lên những vấn đề của hiện thực cuộc sống. Betông Brecht cho rằng: "Các nhân vật của tác phẩm nghệ thuật không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả"

- **Nhân vật văn học là một đơn vị nghệ thuật, nó mang tính ước lệ,** không thể bị đồng nhất với con người có thật, ngay khi tác giả xây dựng nhân vật với những nét rất gần với nguyên mẫu có thật. Nhân vật văn học là sự thể hiện quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người, nó có thể được xây dựng chỉ dựa trên cơ sở quan niệm ấy. Ý nghĩa của nhân vật văn học chỉ có được trong hệ thống một tác phẩm cụ thể. Vai trò và đặc trưng của nhân vật văn học bộc lộ rõ nhất trong phạm vi vấn đề "nhân vật và tác giả". Theo Bakhtin, tương quan "nhân vật - tác giả" tùy thuộc hai nhân tố: 1. lập trường (công nhiên hoặc che giấu) của tác giả trong quan hệ với nhân vật (lập trường đó có thể là: anh hùng hoá, mỉa mai, chế nhạo, đồng cảm, v.v...); 2. bản chất thể loại của tác phẩm (ví dụ trong văn trào phúng sẽ có kiểu quan hệ của tác giả đối với nhân vật khác với trong văn xuôi tâm lí). Tùy thuộc hệ thống nghệ thuật của nhà văn, có những mức độ tự do khác nhau của nhân vật với tác giả: mức tối đa - nhân vật đối lập và đối thoại với tác giả, tính "tự trị" của nó là đáng kể (đây là cơ sở để nói đến "lôgic nội tại" của nhân vật); mức tối thiểu - nhân vật và tác giả mang các nét chung về tư tưởng, tác phẩm trở thành tấm gương soi những tìm tòi về tinh thần của nhân vật, cũng là những bước đường tư tưởng của nhà văn.

V. NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHỆ SĨ TRONG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

1. Người nghệ sĩ phải luôn luôn sáng tạo, tìm tòi những đề tài mới, hình thức mới

Nam Cao đã từng khẳng định: “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có”. Shê- khốp cũng cho rằng: “Nếu nhà văn không có một lối đi riêng của mình thì người đó chẳng bao giờ là nhà văn”.

“Khi ta gọi là một bậc thầy của nghệ thuật ngôn từ ta không hề thấy ngại miệng, một nhà văn độc đáo vô song mà mỗi dòng, mỗi chữ tuôn ra đầu ngọn bút đều như có đóng một dấu triện riêng”. (Anh Đức). Người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo phải là người trinh sát, với chiếc cần ăng ten nhanh nhạy để nhận mọi tín hiệu, mọi làn sóng; phải biết tổng hợp, đánh giá, phân tích để phát đi một tiếng nói duy nhất, đúng đắn, sâu sắc. Mỗi bài thơ, câu văn đều là kết quả quá trình sáng tạo độc đáo của người nghệ sĩ sau khi đã công phu chọn lựa và nhào nặn chất liệu hiện thực. Do vậy, khi một nhà văn mới xuất hiện, câu hỏi của chúng ta về anh ta là: Anh ta là thế nào? Tác phẩm của anh ta có gì mới mẻ?

Những câu hỏi, sự kì vọng ấy chứng tỏ: Sáng tạo là yếu tố then chốt quyết định sự sống còn của nhà văn trong quy luật phát triển chung của văn học.

2. Người nghệ sĩ phải biết rung cảm trước cuộc đời

Tâm hồn nhạy cảm là sự thể hiện trái tim giàu tình cảm của nhà văn. Đó là lúc nhà văn thâm nhập vào đối tượng với một con tim nóng hổi, chuyển hóa cái đối tượng khách quan thành cái chủ quan đến mức “tưởng như chính mình sinh ra cái khách quan ấy”. Kể từ đó, khi viết, họ dùng cái vốn bản thân sống sâu nhất để cảm nhận cuộc đời.

Tình cảm là yếu tố quyết định sự sinh thành, giá trị và tầm cỡ của tác phẩm nghệ thuật. Khi Lê Quý Đôn khẳng định: “Thơ khởi phát từ trong lòng người” là có ý nói tình cảm quyết định đến sự sinh thành của thơ. Ngô Thì Nhậm thì nhấn mạnh: “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”. Nghĩa là tình cảm quyết định đến chất lượng thơ. Còn Nguyễn Đình Thi lại đúc kết: “Hình ảnh trong thơ phải là hình ảnh thực, nảy sinh trong tâm hồn ta khi ta đứng trước trước cảnh huống, một trạng thái nào đó”.

Cái gốc của văn chương nói chung, tác phẩm nói riêng là tình cảm, nghĩa là người nghệ sĩ phải biết rung cảm trước hiện thực của đời sống thì mới sáng tạo nên nghệ thuật.

3. Mỗi nhà văn phải có phong cách riêng

Bởi đặc trưng của văn học là hoạt động sáng tạo có tính chất cá thể. Nếu cá tính nhà văn mờ nhạt, không tạo được tiếng nói riêng, giọng điệu riêng thì đó là sự tự sát trong văn chương.

Phong cách chính là nhà văn phải đem lại một tiếng nói mới cho văn học, đó là sự độc đáo mà đa dạng, bền vững mà luôn đổi mới. Đặc biệt, nó phải có tính chất thẩm mỹ, nghĩa là đem lại cho người đọc sự hưởng thụ thẩm mỹ dồi dào. Phong cách không chỉ là dấu hiệu trưởng thành của một nhà văn mà khi đã nở rộ thì nó còn là bằng chứng của một nền văn học đã trưởng thành.

Phong cách nghệ thuật có cội nguồn từ cá tính sáng tạo của nhà văn. Cá tính sáng tạo là sự hợp thành của những yếu tố như thế giới quan, tâm lí, khí chất, cá tính sinh hoạt... Phong cách của nhà văn cũng mang dấu ấn của dân tộc và thời đại. Có thể nhận ra phong cách của nhà văn trong tác phẩm. Có bao nhiêu yếu tố trong tác phẩm thì có bấy nhiêu chỗ cho phong cách nhà văn thể hiện.

VI. PHONG CÁCH SÁNG TÁC

1. Khái niệm

“Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình”(Văn học 12, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1994, trang 136). Nhận định trên đã nêu ra yêu cầu rất đặc trưng của văn chương nghệ thuật, đó là sự độc đáo. Chính sự độc đáo ấy tạo nên phong cách nghệ thuật. Một khi tác giả sáng tác văn học tạo được dấu ấn riêng biệt, độc đáo trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống, biểu hiện rõ cái độc đáo qua các phương diện nội dung và hình thức của từng tác phẩm, nhà văn đó được gọi là nhà văn có phong cách nghệ thuật.

Có một nữ văn sĩ từng nói đại ý rằng: **“Sẽ không bao giờ chúng ta gặp lại mình như chiều nay”**. Nguyễn Tuân cũng từng nói: “Tôi quan niệm đã viết văn phải cố viết cho hay và viết đúng cái tạng riêng của mình. Văn chương cần có sự độc đáo hơn trong bất kì lĩnh vực nào khác”. “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”. Mỗi khoảnh khắc trôi đi không bao giờ trở lại. Sẽ chẳng bao giờ ta gặp lại một Nam Cao, một Nguyễn Tuân, Xuân Diệu hay Thạch Lam,... thứ hai trên cõi đời này nữa. Bởi lẽ văn chương không bao giờ là sự lặp lại và mỗi nhà văn có một tạng riêng, một phong, cách riêng. “Mỗi công dân có một dạng vân tay. Mỗi nghệ sĩ thứ thiệt đều có một dạng vân chữ không trộn lẫn” (Lê Đạt)

Vấn đề phong cách còn được biểu hiện qua “cái nhìn” của mỗi người nghệ sĩ trước cuộc đời. “Đừng cho tôi đề tài, hãy cho tôi đôi mắt”. Đôi mắt nhìn đời khác nhau sẽ đem lại những trang văn khác nhau và mang đậm cá tính sáng tạo. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề về cái nhìn, mà rộng hơn là vấn đề về phong cách nghệ thuật nhà văn.

“Phong cách nghệ thuật nhà văn là sự độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện về con người và cuộc đời thể hiện qua hình nghệ thuật độc đáo và những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn sáng tạo của cá nhân người nghệ sĩ được thể hiện trong tác phẩm.”

Phong cách chính là vấn đề cái nhìn. Mỗi nhà văn phải có cách nhìn mới mẻ, độc đáo, cách cảm thụ giàu tính khám phá và phát hiện đối với cuộc đời. Cuộc sống này có gì khác biệt đâu? Từ xưa đến nay, vẫn bốn mùa không thay đổi, vẫn là những vấn đề bức thiết mang tính quy luật về cuộc sống và con người. Thế nhưng, mỗi nhà văn lại tìm thấy trong cái cũ kĩ, quen thuộc ấy những khía cạnh, những góc khuất chưa ai nhìn thấy, hoặc có thấy nhưng không để ý và giả lơ đi.

Cuộc đời qua con mắt của nhà văn lúc nào cũng chứa nhiều điều bí ẩn mãi mãi không khám phá hết. Đó chính là ý thức nghệ thuật của nhà văn chân chính. Họ không bao giờ cho phép bản thân sống lặp lại, sống nhạt nhòa, viết hời hợt và nhìn đời thờ ơ, hờ hững. Những người cầm bút chân chính mang đến cho người đọc mỗi lần đọc tác phẩm của họ là mỗi lần mở ra trước mắt thêm những điều khác lạ hơn, mới mẻ hơn.

Thế nhưng, không phải ai cũng có con mắt nhìn đời mới mẻ và không phải đôi mắt mới nào cũng tạo nên phong cách nghệ thuật. Bất cứ điều gì, việc gì cũng phải đạt đến một độ “chín”, một độ “trưởng thành” nhất định. Giai đoạn 1930-1945, chúng ta chứng kiến sự xuất hiện của hàng loạt những tên tuổi với những tác phẩm thực sự có giá trị. Với thơ, nói như Hoài Thanh đó là “một thời đại trong thi ca”, một thời mà mỗi vần thơ vang lên chứa đựng những nỗi niềm khắc khoải riêng, những thanh âm không thể nào xóa nhòa. “Chưa bao giờ ta thấy xuất hiện cũng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu ” (Hoài Thanh).

Mỗi nhà thơ góp một phần “rất riêng dù rất nhỏ” vào nền văn học dân tộc, tạo nên những thi phẩm thăng hoa về cảm xúc và in dấu ấn sâu đậm vào lòng người. Điều đặc biệt chính là mỗi người mang trong mình một cái nhìn mới mẻ về con người và cuộc đời. Không còn nhiều khuôn phép hay ước lệ, thơ Mới đạt đến đỉnh cao trong việc phá vỡ mọi nguyên tắc lâu đời của thơ xưa. Họ nhìn và cảm nhận mọi thứ khác hẳn với người xưa, họ mang đôi mắt đầy khám phá quan sát xung quanh.

Lưu Trọng Lư đã từng nhận xét: “Các cụ ta ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xanh nhạt. Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi, ta thì ta cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi, cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu”.

Đó không phải là thay đổi cách nhìn sẽ thay đổi cách viết, cách sử dụng ngôn ngữ và biểu lộ cảm xúc hay sao? Mà tất cả những điều đó góp phần tạo nên phong cách, tạo nên sự khác biệt trong sáng tạo nghệ thuật.

Trong dòng văn học hiện thực phê phán 1930 – 1945, Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Nam Cao đều là những gương mặt nhà văn xuất sắc khi hướng ngòi bút về phía cuộc sống của những người dân nghèo. Nhưng nếu như Nguyễn Công Hoan xem đời là những mảnh ghép của những nghịch cảnh, Thạch Lam xem đời là miếng vải có lỗ thủng, những vết ố, nhưng vẫn nguyên vẹn thì với Nam Cao, cuộc đời là tấm áo cũ bị xé rách tả tơi.

Những cách nhìn ấy trong mắt mỗi nhà văn đã tạo nên sự khác biệt trong phong cách. Một người trào phúng, một người hơi hướng lãng mạn, một người tả thực với ngôn ngữ trần thuật không thể lẫn lộn; cuộc đời của cả ba nhà văn tạo nên một cuộc đời lớn của văn học: dài rộng và phong phú khôn cùng.

2. Biểu hiện

– Cách nhìn nhận, khám phá cuộc sống độc đáo:

Ví dụ như cùng là nhà văn hiện thực nhưng Ngô Tất Tố quan tâm đến số phận người phụ nữ trong xã hội, Nguyễn Công Hoan vạch trần bản chất những trò lô nực cười, còn Nam Cao lại miêu tả nỗi bi kịch của người trí thức. Cùng một chủ đề nhưng cách tiếp cận và khai thác của mỗi nhà văn lại không giống nhau.

– Nội dung, chủ đề độc đáo:

Chọn lựa đề tài, triển khai cốt truyện, xác định chủ đề,... mỗi nhà văn đều sáng tạo ra cái “đất diễn” riêng của mình. Nếu Thạch Lam viết về cuộc sống mòn mỏi “một ngày như mọi ngày” của những đứa trẻ phố huyện, thì Ngô Tất Tố lại hướng ngòi bút vào miêu tả “vùng trời tối đen như mực” của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám. Chính những mảng nội dung độc đáo này sẽ góp phần định hình nên phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn.

– Giọng điệu độc đáo:

Nhắc đến Nam Cao là nhắc đến giọng điệu triết lý, nhắc đến Vũ Trọng Phụng là nhắc đến giọng điệu trào phúng, nhắc đến Nguyễn Tuân là nhắc đến giọng điệu ngông và tài tử rất đặc trưng. Giọng văn là thứ dễ ngấm và dễ thấm nhất đối với độc giả, giúp nhà văn ghi dấu ấn trong lòng người đọc.

Nghệ thuật sử dụng ngôn từ, xây dựng kết cấu, nghệ thuật xây dựng và phân tích tâm lý nhân vật... thể hiện sự tài hoa của tác giả. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Tuân được ca ngợi như bậc thầy của ngôn từ, Hoài Thanh được nhắc đến như là nhà phê bình văn học chính xác và sâu sắc nhất.

Phong cách nghệ thuật ở một nhà văn được định hình từ nhiều yếu tố, trong đó có cả những yếu tố khách quan của thời đại và tầm nhìn dân tộc. Hiểu được phong cách nghệ thuật của từng nhà văn sẽ giúp bạn có cách tiếp cận tốt hơn với những tác phẩm của họ.

VII. MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ VĂN - TÁC PHẨM - BẠN ĐỌC

1. Nhà văn và tác phẩm

Tác phẩm văn học lấy ngôn từ nghệ thuật làm chất liệu và hình tượng nghệ thuật làm phương tiện phản ánh thế giới. Thông qua đó, nhà văn thể hiện tư tưởng, tình cảm và những triết lý nhân sinh của mình. “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ.” (Nguyễn Đình Thi)

Thước đo giá trị của một tác phẩm văn học là ở sự chân thực, sâu sắc trong phản ánh đời sống với những quy luật khách quan và thế giới nội tâm của con người.

Tác phẩm là phương tiện để nhà văn thực hiện thiên chức của mình, hoàn thành chức năng cao đẹp: phản ánh hiện thực cuộc sống. Không có tác phẩm thì không có cái gọi là nhà văn, nhà thơ. Không có tác phẩm thì nhà văn không khác gì người họa sĩ không có bút, nhà quay phim hành nghề không có máy quay...

Tác phẩm chính là cái cuối cùng, là cái túi chứa đựng mọi cảm xúc, khát khao, suy cảm của nhà văn trước hiện thực cuộc sống. Có những đêm mất ngủ và lòng rực sáng, tâm hồn nhà nghệ sĩ dồn chứa những rung cảm mãnh liệt dẫn tới một nhu cầu: viết, viết và phải viết. Thậm chí có nhà nghệ sĩ cảm thấy nếu không được viết thì có thể phát điên, có thể chết hay tồn tại mà như đã chết nếu không được viết, không được thai nghén những tác phẩm.

Cái làm nên tên tuổi, thể hiện cái Tôi phong phú, làm cho những nhà văn nhà thơ cảm thấy sự sống của mình thực sự có ý nghĩa, chứ không phải một sự tồn tại mờ nhạt- đó chính là thai nghén ra được các tác phẩm có giá trị. **Qua những đứa con tinh thần này, người nghệ sĩ khẳng định được cá tính riêng của mình cũng là để khẳng định sự tồn tại của cá nhân.**

Có những tác phẩm đã thật sự giúp người nghệ sĩ – con người vượt lên khỏi ranh giới của sự lãng quên, của cái chết mà hướng tới một sự tồn tại vĩnh hằng. Đó là khi người nghệ sĩ sáng tác được những tác phẩm có giá trị cao.

“Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm, chứ không phải tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm nghệ thuật”. (Nguyễn Khải)

2. Tác phẩm và người đọc

Bạn đọc là người đánh giá tác phẩm và đồng sáng tạo với tác giả. Nếu tác giả tồn tại nhờ tác phẩm thì người đọc chính là người cấp “chứng minh thư” cho tác phẩm để tác phẩm và tác giả trở nên bất tử với cuộc đời.

Bởi vậy, khi tiếp nhận một tác phẩm, người đọc chỉ hứng thú khi tác phẩm đó thể hiện được cách nhìn mới, tô đậm được nét tính cách độc đáo của nhà văn trong đó. Những cái nhìn giống nhau, cách cảm nhận tương tự nhau sẽ bị người đọc quên lãng, đào thải.

Như vậy, để có được những tác phẩm có giá trị lay động được tới trái tim bạn đọc thì cần có một trái tim nóng bỏng, một tâm hồn nhạy cảm tinh tế; những gì viết ra cần phải xuất phát từ tình cảm chân thật sâu sắc. **Muốn vậy trái tim người nghệ sĩ phải để ở giữa cuộc đời và vì cuộc đời.**

Độc giả khi thẩm bình và hưởng thụ cái Đẹp của một tác phẩm văn học nói chung không nên nhìn vào kết cấu đồ sộ, dung lượng hoành tráng của câu từ để vội vàng đánh giá mà **phải đi sâu tìm ra được cái mạch nguồn cảm xúc dạt dào mà sâu kín của thi nhân, nắm được cái hạt ngọc mà người nghệ sĩ thai nghén gửi gắm.** Có như thế mới có thể bước vào địa hạt của cái Đẹp.

VIII. THƠ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ THƠ

1. Khái niệm

Thơ là một hình thức sáng tác văn học đầu tiên của loài người. Chính vì vậy mà có một thời gian rất dài, thuật ngữ thơ được dùng chỉ chung cho văn học. Theo nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong cuốn Từ điển thuật ngữ văn học có thể xem là chung nhất: **"Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu"**. Định nghĩa này đã định danh một cách đầy đủ về thơ ở cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Đặc biệt, đã khu biệt được đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ trong những thể loại văn học khác.

2. Đặc trưng của thơ ca

- Thơ là một thể loại văn học thuộc phương thức biểu hiện trữ tình. Thơ tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống, những liên tưởng, tưởng tượng phong phú; thơ được phân chia thành nhiều loại hình khác nhau, nhưng dù thuộc loại hình nào thì yếu tố trữ tình vẫn giữ vai trò cốt lõi trong tác phẩm.

Nhân vật trữ tình (cũng gọi là chủ thể trữ tình, cái tôi trữ tình) là người trực tiếp cảm nhận và bày tỏ niềm rung động trong thơ trước sự kiện. Nhân vật trữ tình là cái tôi thứ hai của nhà thơ, gắn bó máu thịt với tư tưởng, tình cảm của nhà thơ. Tuy vậy, không thể đồng nhất nhân vật trữ tình với tác giả.

- **Thơ là tiếng nói của tình cảm con người, những rung động của trái tim trước cuộc đời.** Lê Quý Đôn từng khẳng định: “Thơ phát khởi từ lòng người ta”, hay như nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Thơ chỉ tràn ra khi trong tim ta cuộc sống đã thật đầy”. Nhà thơ Pháp Alfred de Musset chia sẻ: “Hãy biết rằng chính quả tim ta đang nói và thở than lúc bàn tay đang viết”, “nhà thơ không viết một chữ nào nếu cả toàn thân không rung động” (dẫn theo PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hương, Tạp chí Nghiên cứu văn học số 01/2009).

- **Nhưng tình cảm trong thơ không tự nhiên mà có.** Nói về điều này, nhà văn M. Gorki cũng cho rằng: “Thơ trước hết phải mang tính chất tình cảm”. Tình cảm trong thơ gắn trực tiếp với chủ thể sáng tạo nhưng không phải là một yếu tố đơn độc, tự nó nảy sinh và phát triển.

- **Thơ tuy biểu hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư, nhưng những tác phẩm thơ chân chính bao giờ cũng mang ý nghĩa khái quát về con người, về cuộc đời, về nhân loại,** đó là cầu nối dẫn đến sự đồng cảm giữa người với người trên khắp thế gian này.

- **Thơ thường không trực tiếp kể về sự kiện, nhưng bao giờ cũng có ít nhất một sự kiện làm nảy sinh rung động thẩm mỹ mãnh liệt trong tâm hồn nhà thơ** mà văn bản thơ là sự thể hiện của niềm rung động ấy. Một miếng trầu đem mời, một cái bánh trôi nước, một tiếng gà gáy canh khuya có thể là những sự kiện gây cảm xúc cho Hồ Xuân Hương; sự kiện Dương Khuê qua đời trong “Khóc Dương Khuê” (Nguyễn Khuyến); cuộc đời tài hoa mệnh bạc của nàng Tiểu Thanh trong “Độc Tiểu Thanh kí” (Nguyễn Du),...

- **Thơ chú trọng đến cái đẹp, phần thi vị của tâm hồn con người và cuộc sống khách quan.** Vẻ đẹp và tính chất gợi cảm, truyền cảm của thơ có được còn do ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu. Sự phân dòng, và hiệp vần của lời thơ, cách ngắt nhịp, sử dụng thanh điệu... làm tăng sức âm vang và lan tỏa, thấm sâu của ý thơ. Bàn về đặc điểm này, nhà thơ Sóng Hồng viết: “Thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi. Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt thể hiện sự nồng cháy trong lòng. Nhưng thơ là có tình cảm, lí trí kết hợp một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật. Tình cảm và lí trí ấy được diễn đạt bằng những hình tượng đẹp đẽ qua những lời thơ trong sáng vang lên nhạc điệu khác thường “.

- **Về cấu trúc, mỗi bài thơ là một cấu trúc ngôn ngữ đặc biệt. Sự sắp xếp các dòng (câu) thơ, khổ thơ, đoạn thơ làm nên một hình thức có tính tạo hình.** Đồng thời, sự hiệp vần, xen phối bằng trắc, cách ngắt nhịp vừa thống nhất vừa biến hóa tạo nên tính nhạc điệu. Hình thức ấy làm nên vẻ đẹp nhịp nhàng, trầm bổng, duyên lý của văn bản thơ. Ngôn ngữ thơ chủ yếu là ngôn ngữ của nhân vật trữ tình, là ngôn ngữ hình ảnh, biểu tượng. Ý nghĩa mà văn bản thơ muốn biểu đạt thường không được thông báo trực tiếp, đầy đủ qua lời thơ, mà do tứ thơ, giọng điệu, hình ảnh, biểu tượng thơ gợi lên. Do đó ngôn ngữ thơ thiên về khơi gợi, giữa các câu thơ có nhiều khoảng

trống, những chỗ không liên tục gọi ra nhiều nghĩa, đòi hỏi người đọc phải chủ động liên tưởng, tưởng tượng, thể nghiệm thì mới hiểu hết sự phong phú của ý thơ bên trong.

Thơ thường có dung lượng câu chữ ngắn hơn các thể loại khác (tự sự, kịch). Hệ quả là nhà thơ biểu hiện cảm xúc của mình một cách tập trung hơn thông qua hình tượng thơ, đặc biệt thông qua ngôn ngữ nghệ thuật, qua dòng thơ, qua vần điệu, tiết tấu... Nhiều khi, cảm xúc vượt ra ngoài cái vỏ chật hẹp của ngôn từ, cho nên mới có chuyện “ý tại ngôn ngoại”.

- Ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu. Sự phân dòng, và hiệp vần của lời thơ, cách ngắt nhịp, sử dụng thanh điệu... làm tăng sức âm vang và lan tỏa, thấm sâu của ý thơ. Bàn về đặc điểm này, nhà thơ Sóng Hồng viết: “Thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi. Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt thể hiện sự nồng cháy trong lòng. Nhưng thơ là có tình cảm, lí trí kết hợp một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật. Tình cảm và lí trí ấy được diễn đạt bằng những hình tượng đẹp để qua những lời thơ trong sáng vang lên nhạc điệu khác thường”.

3. Đặc điểm ngôn ngữ của thơ

a. Ngôn ngữ thơ giàu nhạc tính

Thơ trữ tình phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Nếu như trong văn xuôi, các đặc tính thanh học của ngôn ngữ (như cao độ, cường độ, trường độ...) không được tổ chức thì trong thơ, trái lại, những đặc tính ấy lại được tổ chức một cách chặt chẽ, có dụng ý, nhằm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gọi ra những điều mà từ ngữ không nói hết. Bởi thế, đặc trưng tính nhạc được coi là đặc trưng chủ yếu mang tính loại biệt rõ nét của ngôn ngữ thơ ca.

Theo các nhà nghiên cứu, nhạc tính trong thơ được thể hiện ra ở ba mặt cơ bản. Đó là: sự cân đối, sự trầm bổng và sự trùng điệp:

- Sự cân đối là sự tương xứng hài hoà giữa các dòng thơ. Sự hài hoà đó có thể là hình ảnh, là âm thanh, chẳng hạn:

"Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử

Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi"

(Nguyễn Bình Khiêm).

Cũng có thể là cách sắp xếp tổ chức mà chúng ta dễ dàng nhận thấy ở cặp câu thực, câu luận trong bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú. Đối với thơ hiện đại, yêu cầu này không khắt khe. Tuy vậy, nhà thơ vẫn hết sức chú ý đến hiệu quả nghệ thuật của phép đối xứng trong thơ của mình.

- **Sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ thể hiện ở cách hoà âm, ở sự thay đổi độ cao giữa hai nhóm thanh điệu.** Xuân Diệu với hai dòng thơ toàn vận dụng vần bằng đã biểu hiện được cảm xúc lâng lâng, bay bổng theo tiếng đàn du dương, nhẹ êm:

"Sương nương theo trăng ngừng lưng trời

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi"

Chính Tố Hữu đã có lần nói đến giá trị ngữ âm của từ "xôn xao" trong câu thơ "Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa" (Mẹ Tom). Đó đâu chỉ là âm vang của tự nhiên mà là âm vang của tâm hồn. Cái làm nên âm vang đó chính là âm thanh, âm thanh của từ "xôn xao" đã cùng với nghĩa của nó làm nên điều kỳ diệu ấy. Sự trầm bổng của ngôn ngữ còn thể hiện ở nhịp điệu:

"Sen tàn/ cúc lại nở hoa

Sầu dài/ ngày ngắn/ đông đà sang xuân".

Dòng thơ cắt theo nhịp 2/4 và 2/2/4 đều đặn như nhịp chuyển vần đều đặn của tháng năm bốn mùa... Nhịp thơ ở đây là nhịp của cảm xúc, cảm nhận. Như vậy, âm thanh, nhịp điệu trong thơ không đơn thuần là hình thức mà là những yếu tố góp phần biểu hiện những khía cạnh tinh vi của đời sống tình cảm con người.

- **Sự trùng điệp của ngôn ngữ thơ thể hiện ở sự dùng vần, điệp từ, ngữ và điệp cú...** Chúng có tác dụng như một phương tiện kết dính các dòng thơ lại với nhau thành một đơn vị thống nhất, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho trí nhớ vừa tạo nên vẻ đẹp trùng điệp cho ngôn ngữ thơ:

"Lầu mưa xuống, thêm lan mưa xuống

Mưa xuống lầu, mưa xuống thêm lan

Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn

Nước non rả rích giọt đàn mưa xuân"

(Tiếng đàn mưa- Bích Khê).

Lối điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ở đây vừa diễn tả được hình ảnh cơn mưa của đất trời vừa tạo nên một ấn tượng vương vấn không dứt trong lòng người.

Như vậy, nhạc điệu trong thơ là một đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thơ. Ngày nay, nhu cầu của thơ có phần đổi khác. một số người có xu hướng bỏ vần để tạo cho câu thơ sự tự do hoá triệt để. Nhưng nếu không có một nhạc điệu nội tại nào đó như sự đối xứng giữa các dòng, các đoạn thơ, tiết tấu, nhịp điệu của câu thơ thì không còn là ngôn ngữ thơ nữa.

b. Ngôn ngữ thơ có tính hàm súc

Nếu ngôn ngữ văn xuôi tự sự là ngôn ngữ của cuộc sống đời thường, nó chấp nhận mọi lớp từ, mọi biến thái, mọi chiều kích, thậm chí cả sự xô bồ, phồn tạp đến cực độ để tái hiện bộ mặt cuộc sống, tâm lý con người trong sự sâu rộng, đa chiều vốn có của nó thì ngôn ngữ thơ lại mang nặng tính "đặc tuyển". **Là thể loại có một dung lượng ngôn ngữ hạn chế nhất trong các loại tác phẩm văn học, nhưng thơ lại có tham vọng chiếm lĩnh thế giới.** Nói như Ôgiêrôp: "Bài thơ là một lượng thông tin lớn nhất trong một diện tích ngôn ngữ nhỏ nhất". Chính sự hạn định số tiếng trong câu thơ, bài thơ buộc người nghệ sỹ phải "thôi xao", nghĩa là phải phát huy sự tư duy ngôn ngữ để lựa chọn từ ngữ cho tác phẩm.

Như vậy, tính hàm súc được hiểu là khả năng của ngôn ngữ có thể miêu tả mọi hiện tượng của cuộc sống một cách cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý, ý tại ngôn ngoại. Đây chính là cách dùng từ sao cho đắt nhất, có giá trị biểu hiện cao nhất kiểu như Nguyễn Du đã "giết chết" các nhân vật Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, mỗi tên chỉ bằng một từ: cái vô học của Mã Giám Sinh: Ghế trên ngòai tốt sỗ sàng; cái gian manh của Sở Khanh: Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào; cái tầm thường ti tiện của Hồ Tôn Hiến: Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.

Tính hàm súc của ngôn ngữ thơ, vì vậy, chứa đựng các thuộc tính khác. Hàm súc cũng có nghĩa là phải chính xác, giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sỹ. Chẳng hạn, từ "khô" trong câu thơ của Tản Đà: "Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày" là một từ có tính hàm súc cao mà những yếu tố tương đương với nó (như "tuôn") không thể thay thế. Nó không chỉ diễn tả được chiều sâu của tình cảm mà còn gợi lên cả chiều dài của những tháng năm chờ đợi. Nó vừa đảm bảo được tính chính xác, tính hình tượng, vừa có tính truyền cảm.

c. Ngôn ngữ thơ có tính truyền cảm

Tính truyền cảm cũng là đặc trưng chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, bởi tác phẩm văn học là sản phẩm của cảm xúc của người nghệ sỹ trước cảnh đời, cảnh người, trước thiên nhiên. **Cho nên, ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương phải biểu hiện được cảm xúc của tác giả và phải truyền được cảm xúc của tác giả đến người đọc, khơi dậy trong lòng người đọc những cảm xúc thẩm mỹ.** Tuy nhiên, do đặc trưng của thơ là tiếng nói trực tiếp của tình cảm, trái tim nên ngôn ngữ thơ ca có tác dụng gợi cảm đặc biệt.

Ngôn ngữ thơ không bao giờ là ngôn ngữ chú trọng miêu tả cái khách quan như ngôn ngữ trong tác phẩm tự sự. Nếu nhà văn dùng ngôn ngữ để thuyết minh, miêu tả, nhân nhủ, giải thích... thì nhà thơ dùng ngôn ngữ để truyền cảm. Tính truyền cảm của ngôn ngữ thơ không chỉ biểu hiện qua cách lựa chọn từ ngữ, các phương thức tu từ mà còn biểu hiện qua nhạc điệu thơ. Chẳng hạn:

"Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan

Đường bạch dương sương trắng nắng tràn"

(Tổ Hữu).

Sự tập trung dày đặc các nguyên âm có độ mở rộng và phụ âm mũi vang khiến câu thơ nghe giàu tính nhạc, kéo dài như âm vang của sóng biển vỗ bờ. Nhạc tính đó không đơn thuần là sự ngân nga của ngôn ngữ mà còn là khúc nhạc hát lên trong lòng người.

Tóm lại, thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi của sáng tạo văn học nghệ thuật. Vì vậy, ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ mang tính nghệ thuật; ngôn ngữ thơ trước hết mang đầy đủ những thuộc tính của ngôn ngữ văn học, đó là: tính chính xác, tính hàm súc, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm... Tuy nhiên, ở mỗi loại tác phẩm khác nhau, những đặc điểm ấy lại biểu hiện dưới những sắc thái và mức độ khác nhau. Đồng thời, mỗi loại tác phẩm lại có những đặc trưng ngôn ngữ riêng.

4. Tính nhạc, hội họa, điện ảnh và nghệ thuật điêu khắc trong thơ ca

a. Tính nhạc trong thơ (Thi trung hữu nhạc).

Văn là họa, bởi vậy đi vào thế giới văn chương cũng là đặt chân vào một thế giới tràn đầy đường nét, rực rỡ sắc màu, đẹp và sinh động như chính cuộc đời thực tại. Nhưng làm nên thơ văn không chỉ có họa mà còn là nhạc. Âm nhạc với những thanh âm, giai điệu, tiết tấu,... luôn có khả năng cuốn hút, gọi dậy những cảm xúc trong lòng người. Nhưng nhạc tính không chỉ thuộc quyền sở hữu của âm thanh mà còn ở trong thơ văn như một phần đặc biệt. Đọc thơ, ta luôn cảm nhận được một sự réo rắt gọi lên từ câu chữ âm văn.

Từ xưa đến nay, các nghệ sĩ đã khai thác các đặc tính này góp phần không nhỏ vào việc chuyển tải nhịp điệu của cảm xúc và ảnh hưởng trực tiếp đến thính giác độc giả. Thế giới âm thanh vì thế mà thả sức ulla vào khuôn khổ của câu từ chật hẹp. Thế giới âm thanh cũng là sự biểu đạt khá rõ nét thế giới tâm hồn và nhịp cảm xúc của chính người nghệ sĩ. “Thơ ca là nhạc của tâm hồn” (Vôn – te). Vậy thì tiếp cận thế giới tràn đầy âm thanh, khuôn nhạc trong mỗi tác phẩm văn chương cũng là một cách tiếp cận, nắm bắt những cảm xúc mà nhà thơ, nhà văn mang lại. Bên cạnh hội họa, âm nhạc vì thế mà đem một sức gọi, một linh hồn cho các tác phẩm văn chương. Văn có họa nhưng trong văn cũng đầy nét nhạc. “Thi trung hữu nhạc”.

b. Tính họa trong thơ (Thi trung hữu họa).

Người xưa thường nói “thi trung hữu họa”. Đó chính là khẳng định mối quan hệ giữa văn chương và hội họa. Hội họa lấy những đường nét thô sơ hay uyển chuyển, những gam màu đậm nhạt, sáng tối khác nhau để mô tả hiện thực đời sống. Bởi thế, nó có khả năng tác động mạnh mẽ đến thị giác người xem, mở được cửa sổ tâm hồn con người. Hội họa có ưu thế trong việc đem lại những cảm xúc thẩm mỹ mới mẻ, tinh tế.

Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng, nó đòi hỏi phải tái hiện được bức tranh đời sống giàu có và sinh động. Nhưng ngôn ngữ văn chương lại mang tính phi vật thể.

Vì vậy, muốn tác động trực quan đến người đọc, ngôn ngữ ấy phải giàu có về hình ảnh, phong phú về màu sắc, đường nét. Và những yếu tố trên đã tạo ra chất hội họa trong văn, làm hiển hiện trước mắt người đọc bức tranh tươi đẹp về cuộc sống. Những lúc ấy, nhà văn giống như người nghệ sĩ tài ba đem ngôn ngữ, những đường nét và gam màu tinh tế để vẽ nên những tuyệt tác bằng ngôn từ.

Sự kết hợp giữa họa và văn đã làm thỏa mãn cả con mắt và cái tâm của người thưởng thức. Mới hay sự kết hợp ấy đôi khi nâng cả họa cả văn lên đến đỉnh cao. Chất họa đi vào văn chương qua bàn tay sáng tạo của người nghệ sĩ được thể hiện bằng những bút pháp riêng như chấm phá, phát họa, điểm nhãn, tả cảnh ngụ tình,... tạo nên sự sống động cho tác phẩm.

c. Điện ảnh.

Người ta hay ví những nhà thơ, nhà văn như những nhà quay phim tài ba. Khéo léo nhất đó là khi họ chớp được những pha thần tình trong cảm xúc, hành động của nhân vật, ghi lại những sự kiện, cảnh huống nóng bỏng nhất của thời đại xã hội, những vấn đề đáng được đưa lên phim ảnh.

Khi Nguyễn Đình Thi viết những câu kết lại bài “Đất nước”:

“Súng nổ rung trời giận dữ

Người lên như nước vỡ

Nước Việt từ máu lửa

Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”

Có thể thấy ông đã ghi lại những thước phim tư liệu chân thực về một thời oanh liệt đã qua. Bốn câu thơ có thể được coi là những cảnh quay hoành tráng, mang tầm vóc, quy mô lớn. Nó dựng lại được không khí ác liệt, hào hùng của cả một thời đại. Những cảnh quay lúc ra xa, lúc đưa về gần đã tái hiện lại bức tranh chiến trận khá toàn diện và sinh động. Giữa khung cảnh rộng lớn, có âm thanh tiếng súng, có hình ảnh người lên, có ánh sáng rực rỡ của lửa cháy,.... Tất cả đều ở trong thế vận động đi lên từ bóng tối ra ánh sáng, từ nỗi buồn tới niềm vui, từ nô lệ đến tự do, hạnh phúc. Có thể xem đó như cuộn phim ghi lại cả một quá trình chiến đấu và chiến thắng của dân tộc.

d. Điều khắc.

Văn học tái hiện đời sống bằng hình tượng nhưng đó không phải là những hình tượng thực có khả năng tác động trực tiếp đến giác quan của người đọc. **Do vậy, ngôn ngữ văn học phải có khả năng khắc tạc những hình tượng đậm nét, cụ thể để người đọc có thể hình dung, tưởng tượng ra nó một cách rõ nét.** Nghệ thuật điêu khắc với những đặc trưng về mảng, hình khối dễ dàng kích thích trí tưởng tượng, óc sáng tạo của độc giả.

5. Mối quan hệ giữa thơ ca và hiện thực đời sống

a. Thơ sinh ra từ tình cảm

Cũng như văn học, thơ ca phản ánh cuộc sống bằng hình tượng. Nhưng hình tượng trong thơ không phải được xây nên từ óc quan sát, chiều sâu nhận thức, tư duy logic của lý trí, mà nó gắn với cảm xúc, với tâm hồn.

“Thơ là người thư kí trung thành của những trái tim” (Duybrlay). Đến với thơ, tâm hồn ta phải được chan hòa trong thế giới cảm xúc. Thơ là cơn gió. Tâm hồn ta là mặt nước phẳng lặng và bình yên. Cơn gió thơ có đủ mạnh để làm mặt nước tâm hồn ta xao động, đó mới thực sự là thơ.

Nhưng thơ đâu phải chỉ có thế. Hơn 2000 năm trước, Trang Tử đã có một triết lý rất hay về biển cả: “Biển cả là nơi mà tất cả các nguồn nước trên thế gian này đều đi ra từ đó nhưng nó không vội, và nó cũng là nơi đón nhận tất cả các nguồn nước nhưng nó không đầy”. Văn học cũng như những nguồn nước, đều đi ra từ biển cả cuộc đời. Hàng ngày, tiếng sóng thủy triều vẫn âm vang chuyên chở sóng biển đời thường đến với trang thơ. Những sự chuyên chở ấy có bao giờ ngừng nghỉ, cũng như mảnh đất hiện thực có bao giờ vội đi, khi người nghệ sĩ đến đó để chở nắng gió cuộc đời tưới mát muôn cây. Thơ ca phải gắn mình vào nguồn mạch cuộc sống và nhịp nối giữa thơ với cuộc đời chính là tâm hồn, trí tuệ nhà thơ.

Người, làm thơ, bình thơ xưa và nay đã bộc lộ rất nhiều quan niệm về thơ. Có người cho thơ là “thần hứng” (Platông), là “ngọn lửa thần”, là “cơn điên loạn thần thánh”, “thơ là sự tuôn trào bộc phá những tình cảm mãnh liệt”. Thơ ca không phải thuộc về một cõi huyền nhiệm, mông lung, diệu vợi; thơ ca lại càng không phải là “một thứ nghề chơi”, là trò đùa cảm hứng. **Thơ gần gũi và thân thiết biết bao, thơ gắn với cuộc đời ta đang sống, thơ phản ánh cuộc đời theo quy luật văn chương.**

b. Cuộc sống bao giờ cũng là nguồn cảm hứng mênh mông bất tận của tâm hồn người nghệ sĩ:

Thơ ca nói riêng và nghệ thuật nói chung bao giờ cũng đi ra từ cuộc đời, cũng lớn lên từ hiện thực và rồi từ đó cánh điều nghệ thuật sẽ nhờ gió đời mà cất cánh bay cao. Sẽ “chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép” (Chế Lan Viên); “sẽ chẳng có thơ khi người làm thơ không tìm được sợi dây giao cảm đối với cuộc đời, không tìm đến những cánh đồng phì nhiêu để từ đây hạt giống thơ ca được ươm trồng, nảy nở.” Lục Du đời Tống người đã viết hàng trăm câu thơ, lúc sắp mất đã tâm sự với con, lời tâm sự của một hồn thơ đi trọn cuộc đời mới hiểu cái lẽ “công phu của thơ là ở ngoài thơ”.

Sức nặng của những trang thơ chính từ cuộc đời đầy nắng gió ngoài kia. Nhà thơ phải đến đó để viết lên từ thứ mực được chưng cất từ chính cuộc sống. Gắn với cuộc sống,

đây là đặc trưng thâm mĩ của văn học, của tác phẩm văn chương mà nhịp nổi là nhà văn.

Cuộc sống với những hiện tượng phong phú, phức tạp vừa là đối tượng hướng tới, vừa là nguồn mạch nuôi dưỡng văn học. Quay lưng lại với cuộc sống, mãi mê với chuyện đúc chữ, luyện câu, mọi giá trị văn chương chỉ còn là kỹ xảo.

c. Cuộc sống mệnh mông vô tận sẽ là nơi cung cấp chất liệu cho Thơ:

“Thơ trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật” (Belinxki). Cuộc sống với hơi thở ấm nóng sẽ tô điểm cho những câu thơ, cho nghệ thuật: “Hãy nhặt lấy chữ đời mà góp nên trang” (Chế Lan Viên). Thơ ca khơi nguồn từ cuộc sống nên thơ bao giờ cũng chứa đựng bóng hình cuộc đời, bóng dáng con người. Thơ mang trong mình những buồn vui đau khổ, rạo rực đắm say. Thơ nói riêng và văn chương nói chung sẽ làm nên nhịp cầu nối trái tim trở về với trái tim, đưa tâm hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu. Thơ ca là cuộc đời nhưng thơ ca không phải là những trang giấy in nguyên vẹn bóng hình cuộc sống. Hay nói như Tố Hữu: “Cuộc đời là nơi xuất phát, cũng là nơi đi tới của văn học”

6. Những yếu tố làm nên tác phẩm thơ hay

a. Thơ hay là khi có nội dung trữ tình giàu tính nhân bản và mới lạ

Những gì xuất phát từ trái tim mới đến được với trái tim. Các thời đại đi qua nhưng trái tim con người có những hằng số, trong đó có sự xúc động trước tình người.

Đức lớn của trời đất là lòng hiếu sinh. Niềm hạnh phúc, tình yêu của con người với con người, của con người với thiên nhiên tất yếu là nội dung trữ tình của thơ ca. Nhưng đó mới là một nửa sự thật đời sống. Nhìn một phía khác thì chiến tranh, nghèo khổ, bệnh tật, tai ương, tử biệt sinh ly...luôn rình rập, vây bủa kiếp người. Không phải ngẫu nhiên mà người ta nói đời là bể khổ. Con người xứng đáng là đối tượng ngợi ca đồng thời cũng là đối tượng để cảm thông, thương xót, nâng đỡ. Thi hào Pháp Alfred De Musset đã viết:

Không gì làm ta lớn lên bằng những nỗi đau

Văn thơ đau thương là văn thơ đẹp nhất

Những tác phẩm như Truyện Kiều, Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du là những tiếng kêu đứt ruột thương xót cho những kiếp người “trong trường dạ tối tăm trời đất”. Có những hiện tượng thơ nhất thời được đề cao, tán tụng nhưng về lâu dài không tác phẩm nào được gọi là lớn, là hay mà lại xa rời tính nhân bản.

Thơ hay được sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, nhưng đó là cái đẹp mới. Chế Lan Viên đã viết: “Phân chia bờ cõi thơ bằng hai chữ mới, cũ chẳng có ý nghĩa gì”. Nhà thơ Nga A.Voznesensky cũng cho rằng: “Không có mới và cũ, chỉ có tài và bất

tài mà thôi. Ai có tài thì người đó mới”. Nhà thơ là người không chịu nhìn cuộc sống theo “lẽ phải thông thường” đã trở nên quen thuộc, sáo mòn. Đối tượng công phá thường trực của thơ là sự rập khuôn, máy móc của tư duy, của cách cảm, cách nghĩ, cách viết mà người ta sa vào một cách tự động, nhiều khi không tự biết. Thơ phải gây được hiệu ứng tâm lý ngạc nhiên, thú vị và khâm phục ở người tiếp nhận: Ngạc nhiên ở khả năng nhìn ra cái mới nơi thế giới quen thuộc, ngạc nhiên ở khả năng nói rộng tính nhân bản của con người. Bài thơ Tôi yêu em của A.Pushkine là một ví dụ. Vượt lên sự thường tình, câu thơ “Cầu cho em được người tình như anh đã yêu em” của Thi hào sẽ mãi mãi được ghi nhớ. Ấn tượng mới lạ cũng thật đậm nét với bài thơ Ngập ngừng của Hồ Dzếnh: “Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé”. Mùa Xuân là mùa mở đầu một năm nhưng với Xuân Diệu thì “Xuân không mùa”...Chế Lan Viên đã bàn về thơ đầy ý vị tuyên ngôn: “Làm thơ là làm sự phi thường”.

Làm thơ là vừa tự nói với mình, vừa gửi đến người nghe, người đọc một thông điệp. Thông điệp ấy có thể là một cảm xúc, một tâm trạng, một suy nghĩ có tính minh triết, một kinh nghiệm thẩm mỹ về cuộc sống, con người và về bản thân ngôn ngữ. Vấn đề là những thông điệp ấy phải thực sự mới mẻ.

b. Bài thơ hay là khi có cấu trúc tứ thơ độc đáo

Về tầm quan trọng của tứ thơ, Xuân Diệu đã viết: “Ngôn từ, lời chữ, vắn rất quan trọng, bởi thơ là nghệ thuật của ngôn ngữ. Tuy nhiên, đó là cái quan trọng thứ hai. Mà cái quan trọng thứ nhất làm rường cột cho tất cả là cái tứ thơ, nó chủ đạo cả bài. Làm thơ khó nhất là tìm tứ”.

Cấu trúc tứ thơ là kết quả của tư duy sáng tạo, là mô hình nghệ thuật tổng quát làm cho mọi thành phần, yếu tố đều tập trung cho ý đồ nghệ thuật, cho chủ đề của bài thơ. Nhà thơ Anh S.Koleridgơ cho rằng: “Một bài thơ hay là những ngôn từ sáng giá trong một cấu trúc hoàn hảo”. Tứ thơ cho thấy rất rõ tài năng sáng tạo của nhà thơ. Yêu cầu lý tưởng là mỗi bài thơ phải có một cấu trúc tứ thơ độc đáo, không lặp lại. Tuy nhiên trong thực tiễn sáng tạo thơ ta thường gặp một số kiểu cấu trúc tứ thơ như:

- Cấu trúc tứ thơ quy nạp

Ở những bài thơ có mục đích thuyết phục người đọc một ý tưởng nào đó, cấu trúc tứ thơ thường có dạng vận động từ cụ thể đến khái quát. Bài thơ “Tiếng bom ở Seng Phan” (Phạm Tiến Duật) là một thí dụ tiêu biểu.

- Cấu trúc tứ thơ diễn dịch

Nhà thơ đưa ra một nhận định khái quát về cuộc sống, con người rồi diễn dịch bằng nhiều ý thơ như những luận điểm nhằm thuyết phục người đọc. Tiêu biểu là bài thơ “Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?” của Chế Lan Viên.

- Cấu trúc tứ thơ đối lập

Tứ thơ dạng đối lập có tác dụng làm nổi bật tư tưởng chủ đề của bài thơ. Theo quan sát của chúng tôi, tứ thơ dạng đối lập được rất nhiều nhà thơ sử dụng làm nên những bài thơ hay. Ví dụ bài “Hai câu hỏi” (Chế Lan Viên):

Ta là ai ? Như ngọn gió siêu hình
 Câu hỏi hư vô thổi nghìn nền tắt.
 Ta vì ai? Sẽ xoay chiều ngọn bắc
 Bàn tay người thấp lại triệu chồi xanh.

- Cấu trúc tứ thơ tương đồng

So sánh tương đồng là một thao tác tư duy thường xuyên của con người nhằm làm nổi rõ đối tượng nhận thức. Cấu trúc tứ thơ tương đồng đưa đến hiệu quả là làm nổi bật chủ đề trữ tình. Bài thơ “Không đề” (Khuyết danh-Triều Tiên) là một ví dụ:

Khi trên khung cử chỉ dứt
 Cần mẫn em ngồi
 Dừng răng dừng môi
 Hai đầu nối lại.
 Khi dứt chỉ tình yêu, ời cô gái
 Em cũng nên làm như thế đừng quên.

- Cấu trúc tứ thơ ý tại ngôn ngoại

Đây là loại cấu trúc tứ thơ đặc biệt tinh tế khiến ta đọc ra cái “vắng mặt” trong văn bản. Các nhà thơ Việt Nam và Trung Quốc xưa thường sử dụng loại tứ thơ này làm nên nét đặc trưng thơ Á Đông. Bài “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương có cấu trúc tứ thơ dạng này.

- Cấu trúc tứ thơ song song

Ở cấu trúc tứ thơ song song, các khổ thơ trong bài đều có một thành phần điệp cú hoặc điệp ngữ. Tính lặp lại như vậy làm nên cấu trúc độc đáo của bài thơ. Ví dụ bài “Tự nhủ” của Bé Kiến Quốc:

Bàn chân ơi, ta đưa ngươi đi
 Mọi nẻo đường dù có khi ngươi vấp
 Có khi dẫm vào gai và biết đâu có khi...
 Ta phải đi vì ta yêu mục đích.

Vành tai ơi, ta đưa người đi

Đến miệng đời dù nghe lời đắng chát

Lời thô鄙 và biết đâu có khi...

Ta phải nghe vì ta yêu tiếng hát.

Tất nhiên, trong thực tiễn sáng tạo, còn rất nhiều kiểu tứ thơ độc đáo, giàu tính sáng tạo khác cần phải được tiếp tục tìm hiểu.

c. Bài thơ hay là khi có nhạc tính độc đáo

Quan niệm thơ đã thay đổi rất nhiều theo thời gian, trường phái, cá tính sáng tạo của nhà thơ... nhưng có một nguyên lý bất di bất dịch: Thơ phải có tính nhạc. Tính nhạc không chỉ phân biệt thơ với các loại hình nghệ thuật ngôn từ khác mà còn làm cho mỗi bài thơ là một sinh thể nghệ thuật. Có thể thấy mỗi bài thơ hay thật sự có một cấu trúc nhạc tính riêng.

Bàn về thơ, Mallarmé cho rằng: “Nhạc phải đi trước mọi sự”. Có thể dẫn ra rất nhiều bài thơ hay có nhạc tính độc đáo như: Say (Vũ Hoàng Chương), Màu thời gian (Đoàn Phú Tứ), Nguyệt cầm (Xuân Diệu)... Các bài thơ của Bích Khê như Hoàng hoa, Tỳ bà có một chất nhạc rất lạ và rất hấp dẫn.

Trong thơ cổ, tính nhạc có tính chất khuôn mẫu và đã được đúc kết trong các thể thơ. Lao động sáng tác của nhà thơ gọi người ta nghĩ đến công việc soạn lời cho các làn điệu dân ca. Trong thơ hiện đại, mỗi bài thơ phải có tính nhạc độc đáo. Ở mỗi bài thơ hay ta thấy lời thơ được linh cảm về nhạc của thi sĩ dẫn dắt, nhịp điệu vừa tự do, vừa liên hệ với kết cấu nhạc tính toàn bài, cuốn hút người đọc. Thậm chí nhạc có thể đi trước ngữ nghĩa, ta chưa kịp hiểu đã cảm thấy hay, như trong thơ tượng trưng.

d. Bài thơ hay là khi có ngôn ngữ thơ mới lạ

Thơ là nghệ thuật ngôn từ. Nhà thơ là nghệ sĩ ngôn từ. Một nguyên lý của thơ là ngôn ngữ phải mới lạ. Thơ không chấp nhận thứ ngôn ngữ quen thuộc đến sờn mòn. Tuổi trẻ hôm nay không ai tỏ tình bằng ca dao: “Đến đây mặn mới hỏi đào/ Vườn hồng có lối ai vào hay chưa”. Để diễn tả cảm xúc yêu đương thơ hôm nay sẽ có cách nói khác, phù hợp với tâm lý cảm nhận của người đọc hiện đại.

Mới lạ là yếu tính của ngôn ngữ thơ. Đã có hàng triệu câu thơ về tình yêu, Maiacovsky vẫn tìm được cách nói mới:

Anh yêu em

Như người thương binh yêu cái chân còn lại của mình.

Nhiều câu thơ găm vào trí nhớ của ta do sự sáng tạo, mới lạ:

Từ trời xanh rơi vài giọt thắp Chàm

(Văn Cao)

Ngôn ngữ thơ đôi lập với ngôn ngữ văn xuôi, ngôn ngữ hàng ngày và ít khi là lời nói thẳng. Có vô vàn thủ pháp nghệ thuật để lạ hóa ngôn ngữ như nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, cường điệu, nói giảm, nói vòng, động từ hóa tính từ... Lạ hoá trong thơ hiện đại được đẩy lên một nấc mới khi tự do, táo bạo trong việc kết hợp từ. Nhiều trường hợp dẫn đến phi giao tiếp nhưng cũng không ít khi có những sáng tạo mới lạ như: “Biển pha lê”, “đêm thủy tinh”, “lệ ngân”...(Xuân Diệu). “Nắng thủy tinh” trong thơ Thanh Tâm Tuyền, trong ca từ Trịnh Công Sơn ánh lên một vẻ đẹp mới lạ.

e. Bài thơ hay là khi có sáng tạo về nghệ thuật

Bài thơ là một giá trị tổng hợp, nhưng trước hết là nghệ thuật ngôn từ. Vì vậy các thủ pháp nghệ thuật có một vai trò quan trọng. Chất thơ thể hiện không chỉ ở nội dung trữ tình (nói điều gì?) mà còn ở chỗ nhà nghệ sĩ ngôn từ đã sáng tạo bằng các thủ pháp nào.

Trên hành trình phát triển thơ vừa tích lũy các thủ pháp nghệ thuật truyền thống, vừa không ngừng sáng tạo các thủ pháp mới. Nhận diện những bài thơ hay trong thơ hiện đại là không đơn giản do sự sáng tạo đã nói rộng đường biên lãnh địa thơ. Sáng tạo của nhà thơ thường vượt lên trước tầm đón nhận của công chúng bạn đọc. Nghĩ về Bích Khê, Chế Lan Viên đã viết: “Có những người làm thơ. Lại có những người vừa làm thơ vừa đẩy thơ về phía trước. Khê thuộc loại thứ hai”. Với phong trào Thơ mới, ngoài những thủ pháp nghệ thuật như nhân hóa, so sánh, ẩn dụ..., thơ Việt Nam đã giàu có thêm các thủ pháp mới như: miêu tả khách thể thẩm mỹ một cách cụ thể, cảm tính (thơ “tả chân”), tương hợp cảm giác, đặt cạnh nhau những từ xa nhau về ngữ nghĩa, kết cấu bài thơ bằng nhạc tính...

Tất cả kinh nghiệm sáng tạo thi ca cổ, kim, đông, tây... đều có ích, nhưng điều quan trọng là nhà thơ phải sáng tạo nên những thủ pháp nghệ thuật mới mẻ, mang dấu ấn phong cách riêng. Tư duy thơ tương hợp gắn với tên tuổi của nhà thơ tượng trưng Pháp Ch.Baudelaire. Hình thức thơ bậc thang gắn với Nhà thơ Nga V.Mayacovsky...

Như vậy, mỗi tác phẩm thơ hay “là một phát minh về nội dung đồng thời là một phát minh về hình thức” (Leonid Leonov).

IX. TRUYỆN

- Truyện là thể loại văn học xuất hiện từ lâu, sau thơ ca trữ tình. Truyện là loại văn tự sự, kể chuyện, trình bày sự việc. Truyện có cốt truyện, có nhân vật. Qui mô truyện thường lớn hơn thơ. **Truyện phần lớn được viết bằng văn xuôi, bên cạnh đó cũng có loại văn vần. Khác với thơ thiên về cái đẹp, xúc cảm và sự cô đọng, truyện có khả năng đi sâu vào từng khía cạnh phức tạp của cuộc sống và của tâm hồn.**

1. Đặc trưng của truyện

- Khác với thơ ca in đậm dấu ấn chủ quan, truyện phản ánh đời sống trong tính khách quan của nó, qua con người, hành vi, sự kiện được miêu tả và được kể lại bởi người kể chuyện (trần thuật) nào đó.

- Ở đây, cốt truyện với một chuỗi các tình tiết, sự kiện, biến cố xảy ra liên tiếp tạo nên sự vận động của hiện thực được phản ánh, góp phần khắc họa tính cách nhân vật, số phận từng cá nhân.

- Nhân vật được miêu tả chi tiết và sinh động trong mối quan hệ với hoàn cảnh, với môi trường xung quanh. Truyện không bị gò bó về không gian, thời gian, có thể đi sâu vào tâm trạng con người, những cảnh đời cụ thể.

- Truyện sử dụng nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau. Ngoài ngôn ngữ người kể chuyện còn có ngôn ngữ nhân vật. Bên cạnh lời đối đáp còn có lời độc thoại nội tâm. Lời kể khi thì ở bên ngoài khi thì nhập tâm vào nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện gần với ngôn ngữ đời sống.

2. Các kiểu loại truyện

- Trong văn học dân gian truyện có nhiều thể loại: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn.

- Văn học trung đại có truyện bằng chữ Hán và truyện thơ Nôm.

Trong văn học hiện đại, theo quy mô văn bản và dung lượng hiện thực người ta phân ra thành truyện ngắn, truyện dài, truyện vừa.

+ Truyện ngắn thường ít nhân vật, sự kiện, nó hướng tới mảnh nhỏ cuộc sống, có thể kể cả cuộc đời hay một đoạn đời, một chốc lát của nhân vật nhưng vẫn đặt ra được những vấn đề lớn lao, thể hiện những tư tưởng nhân sinh sâu sắc.

+ Truyện vừa là thể loại văn xuôi cỡ trung bình. Không có sự phân biệt rạch ròi giữa truyện dài và truyện vừa.

Truyện ngắn là thể loại gần gũi với đời sống hằng ngày, súc tích, dễ đọc, lại thường gắn liền với hoạt động báo chí, do đó có tác dụng, ảnh hưởng kịp thời trong đời sống. Nhiều nhà văn lớn trên thế giới và nước ta đã đạt tới đỉnh cao của sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật chủ yếu bằng những truyện ngắn xuất sắc của mình. Truyện ngắn xuất hiện trên một tạp chí xuất bản đầu thế kỉ XIX, phát triển lên đến đỉnh cao nhờ những sáng tác xuất sắc của văn hào Nga Chekhov và trở thành một hình thức nghệ thuật lớn của văn học thế kỉ XX.

Theo các sách giáo khoa chính thống hiện nay, Truyện ngắn được định nghĩa là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ. Nội dung thể loại của Truyện ngắn bao trùm hầu hết các phương diện của đời sống: đời tư, thể sự hay sử thi, nhưng cái độc đáo của nó là ngắn gọn. Bởi Truyện ngắn được viết ra để đọc liền một mạch. Tuy nhiên, mức độ dài ngắn chưa phải là đặc điểm chủ yếu phân biệt truyện ngắn với các tác phẩm tự sự loại khác (các

loại truyện kể dân gian cũng có độ dài tương đương với truyện ngắn). Hình hài của truyện ngắn hiện đại như ta thấy hiện nay là một kiểu tư duy mới, một cách nhìn cuộc đời, một cách nắm bắt cuộc sống rất riêng, mang tính chất thể loại. trong truyện ngắn thường có ít nhân vật, ít sự kiện phức tạp.

X. CHI TIẾT NGHỆ THUẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG

1. Khái niệm

Không phải ngẫu nhiên mà văn hào vĩ đại người Nga Macxim Gorki từng phát biểu: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”. Hơn ai hết, tác giả những thiên truyện viết ra từ trường đại học cuộc sống, người được coi là “cánh chim báo bão của cách mạng Nga”, “nhà văn của những người chân đất” là người hiểu rõ tầm quan trọng của những chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương. Tương quan đối lập trong câu nói trên đã khẳng định: Cái làm nên tầm vóc của nhà văn không hẳn là quy mô tác phẩm mà chính là “chi tiết” – yếu tố đôi khi được coi là nhỏ, là vật vãnh... Chi tiết nghệ thuật không chỉ là yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn là nơi gửi gắm những quan niệm nghệ thuật về con người, về cuộc đời... của nhà văn, nơi kí thác niềm ưu tư, trăn trở của nhà văn trước cuộc đời. Nhà văn chỉ thực sự là “người thư kí trung thành của thời đại” (H.Balzac) khi anh ta có khả năng làm sống dậy cuộc đời trên trang sách bắt đầu từ những chi tiết nhỏ. Lựa chọn chi tiết để xây dựng nên tác phẩm nghệ thuật không chỉ thể hiện bản chất sáng tạo của người nghệ sĩ mà còn bộc lộ tài năng, tầm vóc tư tưởng của người cầm bút.

Chi tiết không phải là một khái niệm xa lạ với đời sống.

Theo Từ điển Tiếng Việt (Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1988) thì chi tiết là: “Phần rất nhỏ, điểm nhỏ trong nội dung sự việc hoặc hiện tượng” (Ví dụ: Kể rành rọt từng chi tiết). “Là thành phần riêng rẽ hoặc tổ hợp đơn giản nhất của chúng có thể tháo lắp được” (Ví dụ: Chi tiết máy). Như vậy, trong đời sống hàng ngày, từ “chi tiết” được hiểu và dùng như là một thành tố, một bộ phận nhỏ của một sự việc, tổng thể. Chi tiết được hiểu như là một thành phần thuộc về cấu tạo.

Trong văn học, “chi tiết” theo định nghĩa của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Từ điển thuật ngữ văn học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997) là: **“Các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng” và họ gọi chung là chi tiết nghệ thuật.** Cũng theo nhóm tác giả này thì: “Tuỳ theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật có khả năng thể hiện, giải thích, làm minh xác cấu tứ nghệ thuật của nhà văn, trở thành tiêu điểm, điểm hội tụ của tư tưởng tác giả trong tác phẩm. Chi tiết nghệ thuật gắn với “quan niệm nghệ thuật” về thế giới con người, với truyền thống văn hoá nghệ thuật nhất định”

Như vậy, chi tiết nghệ thuật được xem như linh hồn của một văn bản nghệ thuật. Muốn hiểu, nắm chắc văn bản, phải hiểu rõ chi tiết nghệ thuật. Khái niệm chi tiết được đặt ra nhằm phân biệt với tổng thể nhưng nó không tách rời tổng thể. Sự hòa

hợp giữa chi tiết và tổng thể sẽ tạo thành chỉnh thể. Chi tiết nghệ thuật được xem là thành tố nhỏ nhất trong một chỉnh thể nghệ thuật.

2. Tầm quan trọng của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương

- **Trong truyện, nhờ chi tiết mà cốt truyện được triển khai và phát triển**, thông qua chi tiết mà cảnh trí, tình huống, tính cách, tâm trạng, hình dáng, số phận của nhân vật được khắc họa và bộc lộ đầy đủ. Nhiều chi tiết trở thành những điểm sáng thẩm mỹ của tác phẩm, có vị trí không thể thiếu trong sự phát triển của cốt truyện, gắn liền với những bước ngoặt trong cuộc đời, số phận nhân vật. Thiếu chi tiết là thiếu sự đặc tả, thiếu tính cụ thể, truyện sẽ trở nên nhạt nhẽo, hời hợt, thiếu sức hấp dẫn. Tuy nhiên, nếu ôm đồm nhiều chi tiết thì rối rắm, rườm rà, giảm giá trị thẩm mỹ của tác phẩm.

- **Trong thơ, nhờ chi tiết mà cảm xúc của nhà thơ có nơi nương náu**. Đặc thù của thơ là cảm xúc và hình ảnh. Hình ảnh chính là chi tiết trong thơ. Một cánh chim, một làn mây, một chiếc lá, một nhành hoa hay tia nắng...đi vào thơ không còn là sự vật vô tri nữa. Nó là hình ảnh phản chiếu tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ. Từ một cảnh huống, một tâm trạng mà thấy được nỗi niềm không chỉ của cá nhân thi sĩ mà của cả một lớp người, một thời đại. Cao hơn là phản ánh số phận con người của một quốc gia, dân tộc ở những chặng đường lịch sử nhất định. Đỗ Phủ, Puskin, Nguyễn Du...đều là những thi hào mà tên tuổi đã gắn liền với dân tộc và thời đại.

Như vậy, chi tiết nghệ thuật dù chỉ là yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Thiếu chi tiết, nhà văn không thể đúc nên tác phẩm. Chi tiết càng có sức biểu hiện, sức khơi gợi và ám ảnh càng lớn, càng góp phần nâng cao giá trị tác phẩm. Và không có một tác phẩm lớn nào mà chi tiết lại nhạt nhẽo, nông cạn, thiếu sức sống. Trong tiếp nhận văn học, càng không được xem nhẹ chi tiết. Đọc hiểu và cảm nhận tác phẩm văn chương từ cấp độ chi tiết là yêu cầu quan trọng và cần thiết, đặc biệt đối với việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Cảm nhận chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương

Căn cứ vào văn bản, người ta chia làm hai loại: Chi tiết trong văn xuôi và chi tiết trong thơ.

a. Chi tiết trong văn xuôi

Chi tiết trong văn xuôi thường là chi tiết sự vật và chi tiết sự việc. Chi tiết sự vật thường gắn với 3 đối tượng: cảnh vật, đồ vật, nhân vật.

Cảm nhận chi tiết trong văn xuôi khi học Ngữ văn ở trường phổ thông có thể không phân loại nhưng nhất thiết phải hiểu rõ chi tiết đó đóng vai trò gì trong mạch truyện, trong diễn biến tính cách, số phận nhân vật. Nói cách khác là luôn gắn chi tiết với tổng thể để thấy được tính thống nhất của một chỉnh thể nghệ thuật. Quan trọng hơn là

qua đó, hiểu được ý đồ nghệ thuật, đọc được tư tưởng, tình cảm nhà văn muốn gửi gắm. Đồng thời, thấy được tài năng sáng tạo của người cầm bút.

b. Chi tiết trong thơ

Khác với văn xuôi, thơ được xem là vương miện của nền văn học, là tinh chất của ngôn ngữ văn học. Một ngôn ngữ chưa có thơ là một ngôn ngữ chưa phát triển. Một sự đổi mới văn học mà chưa có sự đổi mới về thơ là sự đổi mới chưa hoàn thiện. Chi tiết vốn là lẽ sống của nghệ thuật, với thơ, chi tiết là hồn cốt. **Bài thơ sống được hay không là nhờ chi tiết. Chi tiết trong thơ thu hẹp lại trong một giới hạn nhỏ trong thi ảnh và ngôn từ.** Đối với một bài thơ, nếu nắm được thi ảnh và ngôn từ đặc sắc xem như đã nắm được linh hồn bài thơ, gọi là nắm được nhãn tự, kết tinh được thần thái linh hồn tác phẩm. Quy mô chi tiết trong thơ thường nhỏ hơn rất nhiều trong tác phẩm văn xuôi.

Trong bài thơ “Đò Lèn” (Nguyễn Duy) gồm 6 khổ, tác giả viết về một tuổi thơ nghèo khó bên cạnh người bà tần tảo. Hệ thống chi tiết cảnh vật được nhà thơ liệt kê gồm: cống Na, đồng Quan, ga Lèn, chợ Bình Lâm, chùa Trần, đền cây Thị, đền Sòng..., giúp người đọc hình dung về diện mạo một miền quê với những cảnh trí rất dân dã, gần gũi, quen thuộc. Quan trọng hơn, nó giúp Nguyễn Duy thể hiện sâu sắc thân phận người bà: Đó là thân phận con sâu cái kiến, thân phận thảo dân, mang sắc thái dân đen, đối lập với Tiên Phật, Thánh thần... Bài thơ nói về sự ân hận, sự trưởng thành muộn màng của người cháu. Sống bên bà nhưng vô tâm với nỗi khổ của bà, sống bằng sự chăm sóc, yêu thương vất vả của bà mà cháu không hề biết.

Tôi trong suốt giữa hai bờ hư thực

Giữa bà tôi và Tiên Phật thánh thần

Người cháu đã sống rất thực với cái hư và sống rất hư với cái thực. Chữ hư mang hai nghĩa: hư ảo và hư đốn. Nó chi phối quyết định đến mạch tâm sự mang màu sắc triết luận, thể hiện quá trình giải thiêng, giải ảo. Nhìn ở góc độ tình cảm, đó là quá trình rời khỏi niềm tin ngây thơ dành cho thánh thần để đến với tình thương dành cho người bà, từ đối tượng mơ hồ đến đối tượng thực. Đôi khi người ta phải trả giá cho những bài học vô cùng đắt. Khi biết yêu thương thì bà đã mất rồi. Nhìn từ góc độ đời sống, đó là cuộc rời bỏ những đối tượng không xứng đáng để đến với đối tượng xứng đáng hơn. Chính người dân kia mới làm nên hiện thực đời sống. Chỉ hai chi tiết “hư” – “thực” đã nói lên sự sụp đổ niềm tin của tác giả, rời bỏ thế giới của đức tin đơn thuần để đến với hiện thực cuộc đời gần gũi, đáng tin hơn.

Chi tiết trong thơ nhiều khi là một mật mã. Giải mã chi tiết tức nắm được ý đồ nghệ thuật, ý đồ tư tưởng của nhà thơ. Chỉ qua một vài con chữ trong Truyện Kiều, như chữ “tót” (Ghế trên ngai tót sỗ sàng), chữ “cò kè” (Cò kè bớt một thêm hai) mà thi hào Nguyễn Du đã lật tẩy cả một chân dung kẻ con buôn, vô học, thô lỗ của nhân vật Mã Giám Sinh, hay một chữ “lên” làm lộ ra một tính cách mờ ám, lén lút, tráo

trở... của Sở Khanh, hay hai chữ “mặt sắt” đã gọi ra một chân dung tính cách lạnh lùng, hiểm độc, tàn nhẫn và bỉ ổi của Hồ Tôn Hiến... Các chữ “tót”, “cò kè”, “mặt sắt” được gọi là những chi tiết đắt giá làm nổi lên hồn cốt nhân vật.

Cảm nhận chi tiết trong thơ không chỉ là đi tìm nhân tự, giải mã từ ngữ, cắt nghĩa hình ảnh mà cần đặt nó trong tương quan với các biện pháp tu từ, cách sử dụng ngôn ngữ, âm, vần, nhịp điệu... để khám phá cái hay, cái đẹp của câu thơ. Đặc biệt, cần chú ý đến tứ thơ, vì mọi chi tiết trong thơ thường xoay quanh tứ thơ. Tách rời chi tiết khỏi tứ thơ là tách rời nó khỏi chỉnh thể nghệ thuật, mọi sự khám phá sẽ thiếu tính toàn vẹn. Chi tiết có thể giống nhau nhưng tứ thơ là sáng tạo đơn nhất, không lặp lại. Gắn chi tiết với tứ thơ mới thấy được tài năng sáng tạo của thi sĩ.

Ngoài những yếu tố nêu trên, cảm nhận chi tiết trong thơ còn đòi hỏi người đọc có một năng lực thẩm thấu nhất định. Cảm thụ thơ xưa nay chưa bao giờ là điều dễ dàng, bởi đó là sự cảm thụ cái hay, cái đẹp. Để hiểu về cái hay, cái đẹp cần có sự kết hợp giữa một tâm hồn nhạy cảm biết rung động với một con mắt tinh tế biết phát hiện và một khả năng sử dụng ngôn từ chọn lọc. Cần một sự bồi đắp, trau dồi, rèn giũa lâu dài mới đạt được.

Tóm lại, khó thể phủ nhận vai trò và tầm quan trọng của chi tiết trong tác phẩm nghệ thuật. **Với nhà văn, quá trình sáng tạo gắn liền với ý thức làm nên những chi tiết đặc sắc, góp phần thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm. Chi tiết gánh trọng trách chuyển tải đến người đọc những thông điệp mà nhà văn gửi gắm, những cách nhìn và quan niệm sâu xa về con người và cuộc đời của người nghệ sĩ.** Với người đọc, cảm nhận chi tiết nghệ thuật là mở những cánh cửa đầu tiên để đi vào thế giới nghệ thuật của một tác phẩm văn học. Nhà văn sẽ không thể làm nên tên tuổi nếu tác phẩm của anh ta không bắt đầu từ những chi tiết. Người đọc sẽ không nổi được nhịp cầu tri âm với tác giả nếu không thông qua tác phẩm từ những chi tiết nghệ thuật nhỏ nhất bởi chân lí trong sáng tạo nghệ thuật luôn là: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”.

XI. TÌNH HUỐNG TRUYỆN

1. Khái niệm

Tình huống truyện là cái tình thế xảy ra truyện, là khoảnh khắc được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt khiến cho tại đó, cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất và ý đồ tư tưởng của tác giả cũng được bộc lộ sắc nét nhất.

2. Phân loại

Cách phân chia các loại tình huống truyện không phải bao giờ cũng rõ ràng. Có truyện thiên về loại tình huống truyện này nhưng có loại thiên về loại tình huống truyện khác. Có 3 loại tình huống truyện thường được các tác giả chú tâm xây dựng.

a. Tình huống hành động:

Chủ yếu xoay quanh hành động có tính bước ngoặt của nhân vật. Hành động này có chức năng làm thay đổi cảnh ngộ, trạng huống hoặc một đoạn đời của nhân vật.

b. Tình huống tâm trạng:

Chủ yếu xoay quanh tâm trạng, cảm xúc có tính phát khởi, gây biến đổi của nhân vật khi đối diện với tình thế đặc biệt diễn ra trong cảnh huống có liên quan đến bản thân (được đặt ra trong truyện). Loại tình huống này thường gặp trong những kiểu truyện trữ tình, không có cốt truyện, đậm yếu tố lãng mạn mà dòng diễn biến tâm lý nhân vật là hạt nhân cốt lõi làm nên cấu trúc của truyện (loại truyện ít diễn biến, nghèo về hành động, đối tượng chủ yếu mà nhà văn khám phá là thế giới nội tâm tinh tế, là trạng thái cảm xúc mơ hồ của nhân vật trước cuộc sống). So với tình huống hành động, loại tình huống tâm trạng khó nhận ra hơn.

c. Tình huống nhận thức:

Chủ yếu xoay quanh tình thế chứa đựng giây phút “giác ngộ” chân lý của nhân vật (sự nhận thức lại về ý nghĩa thật sự của một vấn đề, một lĩnh vực nào đó trong quan niệm hoặc trong đời sống). Nhà văn đặt nhân vật vào một tình huống đầy bất ngờ, nghịch lý để từ đó nhân vật hiểu ra, vỡ lẽ ra và nhận thức được những vấn đề mà trước đó họ hiểu chưa đầy đủ hoặc chưa hiểu hay thậm chí đã ngộ nhận về nó.

XII. GIÁ TRỊ HIỆN THỰC VÀ GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

Văn học là một hình thái ý thức xã hội đặc thù. Nó cùng với các bộ môn nghệ thuật khác tạo nên diện mạo tinh thần của một dân tộc. Nếu như phương thức phản ánh của hội họa là màu sắc, của âm nhạc là giai điệu, của kiến trúc là hình khối,...thì của văn học chính là ngôn từ nghệ thuật. Vì thế cho nên, bản thân văn học gắn bó chặt chẽ với ngôn ngữ dân tộc và là một trong những kênh quan trọng để nuôi dưỡng và phát triển hệ thống vốn từ tiếng Việt cùng với các quy tắc sử dụng nó.

Mặt khác, văn chương cũng như tất cả các loại hình nghệ thuật khác đều hướng tới việc phản ánh hiện thực, tái tạo hiện thực hoặc xây dựng một hiện thực viễn tưởng. Như thế, đối tượng phản ánh của nó chính là con người, cuộc đời và mục đích hướng tới cũng chính là cải tạo xã hội, hướng con người đến những giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Bởi vậy cho nên, trong các giá trị căn bản của văn học, người ta không thể không nói đến hai giá trị cốt lõi - giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.

1. Giá trị hiện thực

Giá trị hiện thực của tác phẩm văn học là toàn bộ hiện thực được nhà văn phản ánh trong tác phẩm văn học, tùy vào ý đồ sáng tạo mà hiện tượng đó có thể đồng nhất với thực tại cuộc sống hoặc có sự khúc xạ ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết hiện thực trong các tác phẩm văn chương đều là hiện thực được hư cấu.

Nó có ý nghĩa phản ánh hiện thực của một thời kỳ trên nhiều góc diện khác nhau hơn là các hiện thực cụ thể.

Khi làm các bài tập làm văn có dạng: Anh/ chị hãy trình bày giá trị hiện thực trong tác phẩm....? Học sinh cần xác định rõ thể nào là giá trị hiện thực, nói cách khác, cần nêu cách hiểu hay khái niệm về giá trị hiện thực. Việc nhận thức đúng, đủ sẽ giúp cho người học xác định chính xác các đặc điểm căn bản của nó, từ đó hoàn thiện được bài viết một cách tốt nhất.

Về căn bản, giá trị hiện thực gồm 2 đặc điểm chủ yếu sau:

- Đặc điểm thứ nhất: làm rõ các hiện thực được nhà văn đưa vào trong tác phẩm. Nói cách khác, tác phẩm đó phản ánh hiện thực gì? trong giai đoạn nào? Hiện thực đó được thể hiện qua những nét tiêu biểu nào? Ý nghĩa của việc phản ánh hiện thực ấy là gì?

- Đặc điểm thứ hai: Con người điển hình. Đây là nét đặc trưng của tác phẩm hiện thực. Lẽ đương nhiên gắn với mỗi thời kỳ, mỗi xã hội nhất định, bao giờ cũng có mẫu người đại diện cho toàn xã hội. Mẫu người ấy được nhà văn khái quát và xây dựng lại thành cách hình tượng điển hình trong tác phẩm của mình. Do vậy, muốn làm rõ giá trị nhân đạo của một tác phẩm nào đó, cần phân tích được hình tượng nhân vật điển hình trên các phương diện: khắc họa ngoại hình, tính cách, hành động, lời nói,... nhân vật đó đại diện cho tầng lớp, giai cấp hay lớp người nào trong xã hội? Nó có thể hiện tiếng nói chung cho lớp người nào không? Bằng việc xây dựng hình tượng nhân vật điển hình trong tác phẩm, tác giả mong muốn đạt được điều gì? Hay nhân vật điển hình giúp tác giả thể hiện hiện thực được phản ánh như thế nào?

Luôn nhớ là bất kỳ chi tiết nghệ thuật nào của tác phẩm đều có ý nghĩa của nó, ý nghĩa đó độc lập tương đối song phải luôn được đặt trong chỉnh thể để có được cái nhìn, cách đánh giá đúng đắn nhất.

2. Giá trị nhân đạo

Là một giá trị cơ bản của những tác phẩm văn học chân chính được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc của nhà văn với nỗi đau của những con người, những cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống. Đồng thời, nhà văn còn thể hiện sự nâng niu, trân trọng với những nét đẹp trong tâm hồn và niềm tin khả năng vươn dậy của con người dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào của cuộc đời.

Để làm rõ giá trị nhân đạo của một tác phẩm, cần phân tích được các khía cạnh sau:

- Tố cáo xã hội: đây chính là cái hoàn cảnh chung mà ở đó nhân vật bị đẩy vào các hoàn cảnh bi đát, đau khổ. Thông thường ở phương diện tố cáo, các nhà văn thường thể hiện quan điểm lên án, phê phán với các tầng lớp thống trị, những kẻ ăn trên ngồi

trốc, ý mạnh hiếp yếu, trả đũa cuộc sống con người và làm băng hoại các giá trị đạo lý.

- Ca ngợi: có thể ca ngợi một truyền thống tốt đẹp nào đó hoặc ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của một con người hoặc một lớp người trong xã hội. Đây chính là những vẻ đẹp bị lấp vùi bởi sự thống trị, đàn áp.

- Thương cảm, bênh vực: xuất phát từ việc phát hiện, khám phá được những nét đẹp ẩn tàng của nhân vật, hoặc nhận thức được hoàn cảnh đã đẩy những người tốt đẹp, lương thiện vào đường cùng, hoặc đẩy họ vào con đường tội lỗi nên các nhà văn bày tỏ niềm thương cảm với họ, tạo ra những tình huống, hoặc xây dựng những nhân vật phụ để làm chỗ dựa, bênh vực, che chở cho họ, giúp họ vượt qua những khó khăn, thách thức và vươn lên khẳng định bản thân, khẳng định niềm tin, ước mơ và khát vọng trong cuộc sống.

- Chỉ ra con đường, lối thoát cho nhân vật: Đặc điểm này không hoàn toàn có trong tất cả các tác phẩm. Nó phụ thuộc vào nhận thức và khả năng dự đoán trước hiện thực của nhà văn, nhờ đó nhà văn chỉ ra được con đường giải quyết những bế tắc của số phận nhân vật, hoặc tạo ra những chi tiết viễn tưởng, kỳ ảo như một lối thoát cho nhân vật khi mà mọi ngõ đường ở thực tại hay ở chốn nhân gian đều không có khả năng thay đổi được hoàn cảnh.

XIII. VĂN HỌC DÂN GIAN

I. Khái niệm

Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng được tập thể sáng tạo, nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho những sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng. Với người Việt Nam, văn học dân gian là nguồn sữa trong lành nuôi dưỡng bao thế hệ trẻ lớn lên trong chiếc nôi tre Việt Nam, trong tiếng ru ầu ơ dân tộc. Văn học dân gian không chỉ góp phần thể hiện đời sống lao động và tâm hồn người bình dân mà còn là mảnh đất màu mỡ chắp cánh cho vườn hoa tình yêu tỏa hương khoe sắc. Qua văn học dân gian, ta cảm nhận rõ hơn sự kỳ diệu của ngôn ngữ tình yêu, thấy thương hơn gốc lúa, vườn rau, thương hơn cuộc sống quanh ta.

Về chức năng nhận thức: Văn học dân gian được xem như "bộ bách khoa toàn thư về kiến thức, tôn giáo, triết học" của nhân dân. Văn học dân gian gìn giữ và lưu truyền hệ thống tri thức về tự nhiên, xã hội, tâm linh, kinh nghiệm sống, ứng xử... Văn học dân gian là người thầy lớn đem lại cho nhân loại những bài học sinh động, gần gũi và sâu sắc về mọi phương diện của đời sống.

Về chức năng giáo dục: Văn học dân gian có khả năng định hướng đạo đức, luân lý cho con người trong đời sống xã hội. Chức năng này gần gũi và có sự giao thoa với phương diện xã hội của chức năng nhận thức. Tuy nhiên, nếu chức năng nhận thức là sự phản ánh các hiện tượng xã hội một cách khách quan thì chức năng giáo dục lại là sự tác động, ảnh hưởng, chi phối cả trực tiếp lẫn gián tiếp đến cộng đồng. Có những tác phẩm, nhiều nhất thuộc thể loại hát nói, mang ý nghĩa giáo dục trực tiếp, tức ý nghĩa giáo dục được thể hiện một cách tường minh. Song, phần lớn các sáng tác dân gian chứa đựng ý nghĩa giáo dục hàm ẩn, tức ý nghĩa giáo dục gián tiếp.

Về chức năng thẩm mỹ: Văn học dân gian là nghệ thuật, là quan niệm thẩm mỹ của cộng đồng, nó mang vẻ đẹp hồn hậu, giản mộc của nhân dân. Mang bản chất nguyên hợp, văn học dân gian chỉ thực sự phô diễn vẻ đẹp của mình khi sống trong môi trường nảy sinh và tồn tại, tức thành phần nghệ thuật ngôn từ phải được kết nối với thành phần nghệ thuật âm nhạc, vũ đạo trong môi trường diễn xướng.

Về chức năng sinh hoạt: Khác với văn học viết, văn học dân gian ra đời và trở thành một bộ phận hữu cơ trong môi trường sinh hoạt và lao động của nhân dân. Văn học dân gian gắn bó mật thiết với cuộc đời mỗi người xuyên suốt "từ chiếc nôi ra tới

nắm mồ". Môi trường và thói quen sinh hoạt của nhân dân là điều kiện quan trọng cho văn học dân gian hình thành và phát triển.

II. Đặc trưng

1. Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng (tính truyền miệng)

Ra đời từ buổi sớm của xã hội loài người, lúc con người chưa phát minh ra chữ viết. Vì vậy, truyền miệng là phương thức duy nhất và tất yếu văn học dân gian. Khi nhân loại có chữ viết, đặc biệt là khi chữ viết trở nên phổ biến, một bộ phận văn học dân gian được văn bản hóa, tức phương thức truyền miệng không còn là duy nhất. Tuy vậy, đời sống thực sự của nó vẫn được duy trì bằng con đường mà nó đã nảy sinh. Đặc trưng truyền miệng phản ánh phương thức sinh thành, tồn tại và phát triển của văn học dân gian. Được sáng tác và lưu truyền thông qua con đường truyền miệng, văn học dân gian đòi hỏi ở người nghệ nhân không chỉ tài năng mà đặc biệt hơn là trí nhớ.

Văn học dân gian tồn tại, lưu hành theo phương thức truyền miệng. Đây là điểm khác biệt rất cơ bản giữa văn học dân gian và văn học viết. Trong khi văn học viết được lưu giữ bằng chữ viết thì văn học dân gian lại được truyền miệng từ người này sang người khác, qua nhiều thế hệ và các địa phương khác nhau. Quá trình truyền miệng vẫn được tiếp tục kể cả khi tác phẩm văn học dân gian đã được ghi chép lại.

Nói truyền miệng là nói đến quá trình diễn xướng dân gian hào hứng và sinh động. Người ta có thể nói, kể, hát, diễn tác phẩm văn học dân gian(1). Ở đây, lời (tức phần ngôn từ truyền miệng) ở một số thể loại có thể kết hợp với các loại hình nghệ thuật khác (lời thơ trong ca dao thường được hát theo làn điệu; một vở chèo khi trình diễn bao gồm cả lời, nhạc, hát, múa và diễn xuất của nghệ nhân).

2. Văn học dân gian là sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể (tính tập thể)

Văn học viết là sáng tác cá nhân, trong khi đó, văn học dân gian lại là kết quả của quá trình sáng tác tập thể. Tính tập thể của văn học dân gian *“biểu hiện mối quan hệ phụ thuộc của văn học dân gian vào môi trường sinh hoạt”*. Tính tập thể biểu hiện ở quan niệm thẩm mỹ, ở quá trình sáng tác và lưu truyền văn học dân gian. Về phương diện sáng tác, mỗi tác phẩm văn học dân gian là sự gia công của nhiều người, qua nhiều thế hệ khác nhau. Quá trình sáng tác tập thể diễn ra như sau: Lúc đầu, một người khởi xướng, tác phẩm hình thành và được tập thể tiếp nhận; sau đó, những người khác (có thể thuộc các địa phương khác nhau hoặc các thế hệ khác nhau) tiếp tục lưu truyền và sáng tác lại làm cho tác phẩm biến đổi dần, thường là tác phẩm được làm phong phú hơn, hoàn thiện hơn về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật.

Văn học dân gian dần dần đã trở thành tác phẩm chung của tập thể. Mỗi người đều có thể tiếp nhận, sử dụng, sửa chữa, bổ sung tác phẩm văn học dân gian theo quan niệm và khả năng nghệ thuật của mình.

Tính truyền miệng và tính tập thể là những đặc trưng cơ bản, chi phối, xuyên suốt quá trình sáng tạo và lưu truyền tác phẩm văn học dân gian, thể hiện sự gắn bó mật thiết của văn học dân gian với các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.

III. Hệ thống thể loại

Văn học dân gian Việt Nam cũng như văn học dân gian của nhiều dân tộc khác trên thế giới có những thể loại chung và riêng, hợp thành một hệ thống. Mỗi thể loại phản ánh cuộc sống theo những nội dung và cách thức riêng. Hệ thống thể loại của văn học dân gian Việt Nam gồm có:

1. Thần thoại:

Tác phẩm tự sự dân gian thường kể về các vị thần, nhằm giải thích tự nhiên, thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên và phản ánh quá trình sáng tạo văn hoá của con người thời cổ đại.

2. Sử thi:

Tác phẩm tự sự dân gian có quy mô lớn, sử dụng ngôn ngữ có vần, nhịp, xây dựng những hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng để kể về một hoặc nhiều biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng của dân cư thời cổ đại.

3. Truyền thuyết:

Tác phẩm tự sự dân gian kể về sự kiện và nhân vật lịch sử (hoặc có liên quan đến lịch sử) theo xu hướng lí tưởng hoá, qua đó thể hiện sự ngưỡng mộ và tôn vinh của nhân dân đối với những người có công với đất nước, dân tộc hoặc cộng đồng cư dân của một vùng.

4. Truyện cổ tích:

Tác phẩm tự sự dân gian mà cốt truyện và hình tượng được hư cấu có chủ định, kể về số phận con người bình thường trong xã hội, thể hiện tinh thần nhân đạo và lạc quan của nhân dân lao động.

5. Truyện ngụ ngôn:

Tác phẩm tự sự dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, thông qua các ẩn dụ (phần lớn là hình tượng loài vật) để kể về những sự việc liên quan đến con người, từ đó nêu lên những bài học kinh nghiệm về cuộc sống hoặc về triết lí nhân sinh.

6. Truyện cười:

Tác phẩm tự sự dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về những sự việc xấu, trái tự nhiên trong cuộc sống, có tác dụng gây cười, nhằm mục đích giải trí, phê phán

7. Tục ngữ:

Câu nói ngắn gọn, hàm súc, phần lớn có hình ảnh, vần, nhịp, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn, thường được dùng trong ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày của nhân dân.

8. Câu đố:

Bài văn vần hoặc câu nói thường có vần, mô tả vật đồ bằng những hình ảnh, hình tượng khác lạ để người nghe tìm lời giải, nhằm mục đích giải trí, rèn luyện tư duy và cung cấp những tri thức về đời sống.

9. Ca dao:

Lời trữ tình dân gian, thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người.

10. Vè:

Tác phẩm tự sự dân gian bằng văn vần, có lối kể mộc mạc, phần lớn nói về các sự việc, sự kiện thời sự của làng, của nước.

11. Truyện thơ:

Tác phẩm tự sự dân gian bằng thơ, giàu chất trữ tình, phản ánh số phận và khát vọng của con người khi hạnh phúc lứa đôi và sự công bằng xã hội bị tước đoạt.

12. Chèo:

Tác phẩm sân khấu dân gian, kết hợp các yếu tố trữ tình và trào lộng để vừa ca ngợi những tấm gương đạo đức, vừa phê phán, đả kích cái xấu trong xã hội. (Ngoài chèo, sân khấu dân gian còn có những hình thức khác như tuồng dân gian, múa rối, các trò diễn mang tính truyện.)

IV. Giá trị cơ bản của VHĐG

1. Văn học dân gian là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc

Tri thức trong văn học dân gian thuộc đủ mọi lĩnh vực của đời sống: tự nhiên, xã hội và con người.

Tri thức dân gian phần lớn là những kinh nghiệm lâu đời được nhân dân đúc kết từ thực tiễn. Tri thức dân gian thường được trình bày bằng ngôn ngữ nghệ thuật, vì thế hấp dẫn người đọc, người nghe, dễ phổ biến, dễ tiếp thu, có sức sống lâu bền với thời gian.

Tri thức dân gian thể hiện trình độ và quan điểm nhận thức của nhân dân, vì vậy có sự khác biệt so với nhận thức của giai cấp thống trị cùng thời, đặc biệt là về các vấn đề lịch sử, xã hội.

Việt Nam có 54 dân tộc người. Mỗi tộc người có một kho tàng văn học dân gian riêng, vì thế vốn tri thức của toàn dân tộc vô cùng phong phú và đa dạng.

2. Văn học dân gian có giá trị giáo dục sâu sắc về đạo lí làm người

Trước hết văn học dân gian giáo dục con người tinh thần nhân đạo và lạc quan. Đó là tình yêu thương đối với đồng loại, là tinh thần đấu tranh không biết mệt mỏi để bảo vệ và giải phóng con người khỏi những cảnh bất công, là niềm tin bất diệt vào chiến thắng cuối cùng của chính nghĩa, của cái thiện. Văn học dân gian góp phần hình thành

những phẩm chất tốt đẹp: lòng yêu quê hương, đất nước, tinh thần bất khuất, đức kiên trung và vị tha, tính cần kiệm, óc thực tiễn,...

3. Văn học dân gian có giá trị thẩm mỹ to lớn, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc riêng cho nền văn học dân tộc

Văn học dân gian được chất lọc, mài giũa qua không gian và thời gian, khi đến với chúng ta đã thành những viên ngọc sáng. Nhiều tác phẩm đã trở thành những mẫu mực về nghệ thuật để cho chúng ta học tập. Những truyện kể dân gian làm cho “từ đứa trẻ đầu xanh đến cụ già tóc bạc đều truyền tụng và yêu dấu” (tựa sách Lĩnh Nam chích quái). Những lời ca tiếng hát ân tình ngày xưa vẫn còn làm say đắm lòng người hôm nay và mai sau.

Nhờ có giá trị nghệ thuật to lớn như vậy nên trong nhiều thế kỉ, khi văn học viết mới hình thành, văn học dân gian đóng vai trò chủ đạo. Khi văn học viết đã phát triển, văn học dân gian vẫn là nguồn nuôi dưỡng, là cơ sở của văn học viết. Trong tiến trình lịch sử, văn học dân gian đã phát triển song song cùng văn học viết, làm cho nền văn học Việt Nam trở nên phong phú, đa dạng và đậm đà bản sắc dân tộc.

V. Kết luận

Ảnh hưởng to lớn của văn học dân gian đối với đời sống của con người chính là: “*Văn học dân gian là cội nguồn, là bầu sữa mẹ nuôi dưỡng tâm hồn dân tộc Việt Nam*”. Không ít nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc như: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Hồ Chí Minh,.... đã tiếp thu văn học dân gian để sáng tạo nên những tác phẩm văn chương lớn. Chúng ta nhận ra mối liên hệ chặt chẽ giữa văn học dân gian với văn nghệ, văn hoá dân gian và đời sống thực tiễn. Chính văn học dân gian đã giúp đưa các yếu tố văn hoá khác như: *âm nhạc, nhảy múa, diễn xướng, tâm linh* ... đến gần hơn với đời sống con người, góp phần làm phong phú và đậm đà bản sắc dân tộc. Khả năng dễ nói, dễ hiểu, dễ nhớ đã giúp văn học dân gian đi vào đời sống của nhân dân một cách tự nhiên trong mọi hoàn cảnh. Qua văn học dân gian, những bài học về cuộc sống trở nên gần gũi hơn, lung linh hơn. Văn học dân gian phản ánh chân thực cuộc sống lao động; công cuộc dựng nước và giữ nước của người xưa; thể hiện truyền thống dân chủ và tinh thần nhân văn của dân tộc; bộc lộ đời sống tâm hồn phong phú, tinh tế và sâu sắc của nhân dân; tổng kết những tri thức, kinh nghiệm về mọi lĩnh vực trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình.

Văn học dân gian là nơi hình thành nên những thể loại văn học cơ bản và tiêu biểu của dân tộc, là kho lưu giữ những thành tựu ngôn từ nghệ thuật. Văn học dân gian nêu cao những bài học về phẩm chất đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh thần nhân đạo, lòng lạc quan,... góp phần quan trọng bồi dưỡng cho con người những tình cảm tốt đẹp, cách nghĩ, lối sống tích cực và lành mạnh. Nhiều tác phẩm văn học dân gian đã trở thành những mẫu mực về nghệ thuật của mọi thời đại mà các nhà văn cần học tập để sáng tạo nên những tác phẩm có giá trị.

Mang trong mình lý tưởng thẩm mỹ, triết lý sống cao đẹp mà tác giả gửi gắm một cách kín đáo, đến với văn học dân gian, ta không chỉ cảm thấy hồn mình thư thái, quên đi bao muộn phiền, mà còn học được nhiều điều tưởng như đơn giản nhưng hết

sức cần thiết trong cuộc sống. Qua văn học dân gian, vốn tiếng Việt của ta phong phú hơn. Ta biết sống nhân ái, biết cư xử đúng mực hơn. Đặc biệt, bài học nhân sinh, bài học về lòng cao thượng mà văn học dân gian mang lại càng phát huy hiệu quả đối với thanh thiếu niên và học sinh ngày nay. Học và tiếp cận với văn học dân gian, giúp ta biết trân trọng hơn những gì mình đang có, biết hành xử đúng mực trong mọi tình huống để người gần người hơn. Sao cho truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc Việt Nam được lưu giữ và phát triển đến muôn đời sau.

XIV. VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

I. Các thành phần của văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

- Văn học giai đoạn này là văn học trung đại gồm hai thành phần chủ yếu là văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm.
- Đến giai đoạn cuối, văn học chữ quốc ngữ xuất hiện nhưng chưa có thành tựu đáng kể.

1. Văn học chữ Hán.

- Thành phần văn học chữ Hán xuất hiện sớm, tồn tại trong suốt quá trình hình thành và phát triển của văn học trung đại, bao gồm cả thơ và văn xuôi.
- Thể loại phong phú gồm chiếu, biểu, hịch, cáo, truyện truyền kì, kí sự, tiểu thuyết, chương hồi, phú, thơ cổ phong, thơ Đường luật...
- Ở loại hình nào, văn học chữ Hán cũng có những thành tựu nghệ thuật to lớn.

2. Văn học chữ Nôm.

- Văn học chữ Nôm bao gồm các sáng tác bằng chữ Nôm, ra đời muộn hơn văn học chữ Hán (khoảng cuối thế kỉ XIII), tồn tại, phát triển đến hết thời kì văn học trung đại.
- Văn học chữ Nôm chủ yếu là thơ, rất ít văn xuôi. Trong văn học chữ Nôm, chỉ một số thể loại tiếp thu từ Trung Quốc như phú, văn tế, thơ Đường luật, còn phần lớn là thể loại văn học dân tộc như ngâm khúc (viết theo thể song thất lục bát), truyện thơ (lục bát), hát nói (viết theo thể thơ tự do kết hợp với âm nhạc), hoặc thể loại văn học Trung Quốc đã được Việt hóa như thơ Đường luật thất ngôn xen lục ngôn.
- Văn học chữ Nôm có những thành tựu lớn ở tất cả các thể loại kể trên.
- Ở văn học trung đại, hai thành phần văn học chữ Hán và chữ Nôm cùng phát triển, bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển của văn học dân tộc.

II. Các giai đoạn phát triển của văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

1. Giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV.

- Văn học giai đoạn này phát triển trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt: Dân tộc ta giành được quyền độc lập tự chủ vào cuối thế kỉ X.
- Văn học giai đoạn này có những bước ngoặt lớn. Trước hết là văn học viết ra đời (thế kỉ X) và sự xuất hiện của văn học chữ Nôm (cuối thế kỉ XIII). Nội dung của văn học thế kỉ X - thế kỉ XIV là tinh thần yêu nước với âm hưởng hào hùng.

- Các tác phẩm như *Vận nước (Quốc tộ)* của Pháp Thuận, *Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu)* của Lí Công Uẩn, bài thơ *Sông núi nước Nam (Nam quốc sơn hà)* đã mở đầu cho dòng văn học yêu nước. Những tác phẩm như *Hịch tướng sĩ (Dụ chư tì tướng hịch văn)* của Trần Quốc Tuấn, *Phò giá về kinh (Tụng giá hoàn kinh sư)* của Trần Quang Khải, *Tỏ lòng (Thuật hoài)* của Phạm Ngũ Lão, *Phú sông Bạch Đằng (Bạch Đằng giang phú)* của Trương Hán Siêu... tiêu biểu cho nội dung yêu nước.

- Văn học chữ Hán với các thể loại tiếp thu từ Trung Quốc có những thành tựu lớn như văn chính luận (*Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ*), văn xuôi viết về lịch sử, văn hóa (*Đại Việt sử kí* của Lê Văn Hưu, *Việt điện u linh tập* của Lí Tế Xuyên...), thơ phú (các sáng tác của Pháp Thuận, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn...). Văn học chữ Nôm đặt nền móng phát triển cho văn học viết bằng ngôn ngữ dân tộc với một số bài thơ, bài phú Nôm.

2. Giai đoạn từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII.

- Văn học giai đoạn này có bước phát triển mới, nổi bật là những thành tựu nghệ thuật của văn học chữ Nôm. Văn học viết chính thức xuất hiện hai thành phần: Văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm.

- Văn học thế kỉ XV - thế kỉ XVII đi từ nội dung yêu nước mang âm hưởng ngợi ca đến nội dung phản ánh, phê phán hiện thực xã hội phong kiến.

+ Văn học thời khởi nghĩa Lam Sơn với các sáng tác của Nguyễn Trãi như *Quân trung từ mệnh tập, Đại cáo bình Ngô...* là sự kết tinh thành tựu văn học yêu nước của năm thế kỉ trước. *Thiên Nam ngữ lục* (thế kỉ XVII) là tác phẩm diễn ca lịch sử viết bằng chữ Nôm, mang cảm hứng hào hùng, tràn đầy niềm tự hào dân tộc.

+ Các sáng tác của Nguyễn Bỉnh Khiêm, *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ đã đánh dấu sự chuyển hướng từ cảm hứng ngợi ca đất nước và vương triều phong kiến sang cảm hứng phê phán những tệ lậu xã hội, những suy thoái về đạo đức.

- Văn học chữ Hán phát triển với nhiều thể loại phong phú, đặc biệt là thành tựu của văn chính luận (*Đại cáo bình Ngô, Quân trung từ mệnh tập* của Nguyễn Trãi) và bước trưởng thành vượt bậc của văn xuôi tự sự (*Thánh Tông di thảo tương truyền* của Lê Thánh Tông, *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ).

- Văn học chữ Nôm có sự Việt hóa thể loại tiếp thu từ Trung Quốc đồng thời sáng tạo những thể loại văn học dân tộc.

+ Thơ Nôm viết theo thể Đường luật và Đường luật xen lục ngôn (*Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, *Hồng Đức quốc âm thi tập* của các tác giả thời Lê Thánh Tông, *Bạch Vân quốc ngữ thi* của Nguyễn Bỉnh Khiêm...).

+ Khúc ngâm, khúc vịnh viết theo thể song thất lục bát (*Tứ thời khúc vịnh* của Hoàng Sĩ Khải).

+ Diễn ca lịch sử viết theo thể lục bát (*Thiên Nam ngữ lục* - khuyết danh) và song thất lục bát (*Thiên Nam minh giám* - khuyết danh).

3. Giai đoạn từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX.

- Văn học phát triển trong hoàn cảnh đất nước biến động bởi nội chiến và phong trào nông dân khởi nghĩa. Chế độ phong kiến đi từ khủng hoảng đến suy thoái.

- Văn học phát triển vượt bậc, đây là giai đoạn rực rỡ nhất của văn học trung đại Việt Nam, được mệnh danh là giai đoạn văn học cổ điển.
- Văn học thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX chứng kiến sự xuất hiện của trào lưu nhân đạo chủ nghĩa.
- + Nổi bật là tiếng nói đòi quyền sống, đòi hạnh phúc và đấu tranh giải phóng con người, nhất là người phụ nữ.
- + Những tác phẩm tiêu biểu là *Chinh phụ ngâm* (nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn), *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều, thơ Hồ Xuân Hương, thơ Bà Huyện Thanh Quan, *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái...
- + Nguyễn Du với các tập thơ chữ Hán và đặc biệt là kiệt tác *Truyện Kiều* là đỉnh cao nhất của văn học trung đại Việt Nam.
- + Thơ văn Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát... vẫn tiếp tục tinh thần nhân đạo truyền thống nhưng đồng thời hướng nhiều vào thế giới tình cảm riêng tư và ý thức cá nhân của con người.
- Văn học phát triển mạnh cả về văn xuôi và văn vần, cả văn học chữ Hán và chữ Nôm. Địa vị văn học chữ Nôm và những thể loại văn học dân tộc như thơ Nôm viết theo thể Đường luật, ngâm khúc viết theo thể song thất lục bát, truyện thơ viết theo thể lục bát... được khẳng định và đạt tới đỉnh cao.
- Văn xuôi tự sự chữ Hán cũng đạt được những thành tựu nghệ thuật lớn, tiêu thuyết chương hồi với *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái); thể kí với *Thượng kinh kí sự* (Lê Hữu Trác), *Vũ trung tùy bút* (Phạm Đình Hổ)...

4. Giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX.

- Thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam, xã hội Việt Nam chuyển từ xã hội phong kiến sang thực dân nửa phong kiến. Văn hóa phương Tây bắt đầu ảnh hưởng tới đời sống xã hội Việt Nam.
- Văn học yêu nước nửa cuối thế kỉ XIX phát triển rất phong phú và mang âm hưởng bi tráng.
- + Nguyễn Đình Chiểu với *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Ngư tiều y thuật vấn đáp*... được xem là tác giả văn học yêu nước lớn nhất của giai đoạn này.
- + Ngoài ra còn có thơ văn yêu nước của Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Xuân Ôn...
- + Tư tưởng canh tân đất nước được thể hiện trong các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ. Thơ ca trữ tình - trào phúng đạt được những thành tựu xuất sắc với những sáng tác của Nguyễn Khuyến, Tú Xương.
- Thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương là thành tựu nghệ thuật đặc sắc của giai đoạn này. Sáng tác văn học chủ yếu vẫn theo những thể loại và thi pháp truyền thống. Tuy nhiên, sự xuất hiện một số tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ quốc ngữ đã bước đầu đem đến cho văn học những đổi mới theo hướng hiện đại hóa.

III. Những đặc điểm lớn về nội dung của văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

Văn học trung đại Việt Nam chịu sự tác động mạnh mẽ của truyền thống dân tộc, tinh thần thời đại và những ảnh hưởng từ nước ngoài, chủ yếu là từ Trung Quốc.

1. Chủ nghĩa yêu nước.

- Chủ nghĩa yêu nước là nội dung lớn, xuyên suốt quá trình tồn tại và phát triển của văn học trung đại Việt Nam.
- Chủ nghĩa yêu nước trong văn học trung đại gắn liền với tư tưởng “trung quân ái quốc” (trung với vua là yêu nước, yêu nước là trung với vua).
- Chủ nghĩa yêu nước biểu hiện rất phong phú, đa dạng, là âm điệu hào hùng khi đất nước chống ngoại xâm, là âm hưởng bi tráng lúc nước mất nhà tan, là giọng điệu thiết tha khi đất nước trong cảnh thái bình thịnh trị.
- Chủ nghĩa yêu nước được thể hiện tập trung ở một số phương diện như:
 - + Ý thức độc lập tự chủ, tự cường, tự hào dân tộc (*Sông núi nước Nam*, *Đại cáo bình Ngô*).
 - + Lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù (*Hịch tướng sĩ*).
 - + Tự hào trước chiến công thời đại (*Phò giá về kinh*), tự hào trước truyền thống lịch sử (*Phú sông Bạch Đằng*, *Thiên Nam ngữ lục*).
 - + Biết ơn, ca ngợi những người hi sinh vì đất nước (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*).
 - + Tình yêu thiên nhiên đất nước (những bài thơ viết về thiên nhiên trong văn học Lí - Trần, trong sáng tác của Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến...).

2. Chủ nghĩa nhân đạo.

- Chủ nghĩa nhân đạo cũng là nội dung lớn, xuyên suốt văn học trung đại Việt Nam.
- Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học trung đại vừa bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo của người Việt Nam, từ cội nguồn văn học dân gian, vừa chịu ảnh hưởng tư tưởng nhân văn tích cực của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo.
- Truyền thống nhân đạo của người Việt Nam biểu hiện qua những nguyên tắc đạo lí, những thái độ ứng xử tốt đẹp giữa người với người... Tư tưởng nhân văn của Phật giáo là từ bi, bác ái; của Nho giáo là học thuyết nhân nghĩa, tư tưởng thân dân; của Đạo giáo là sống thuận theo tự nhiên, hòa hợp với tự nhiên.
- Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học trung đại rất phong phú, đa dạng, biểu hiện ở lòng thương người; lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo chà đạp lên con người; khẳng định, đề cao phẩm chất, tài năng của con người; những khát vọng chân chính như khát vọng về quyền sống, quyền hạnh phúc, quyền tự do, khát vọng về công lí, chính nghĩa; đề cao những quan hệ đạo đức, đạo lí tốt đẹp giữa người với người.
- Biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo qua các tác phẩm văn học của Nguyễn Trãi (*Đại cáo bình Ngô*, *Tùng, Cảnh ngày hè*...), Nguyễn Bỉnh Khiêm (*Ghét chuột*, *Nhàn*...), Nguyễn Dữ (*Chuyện người con gái Nam Xương*, *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*...).
- Cảm hứng nhân đạo đặc biệt nổi bật ở các tác phẩm thuộc giai đoạn văn học thế kỉ XVIII - giữa thế kỉ XIX như *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*, thơ Hồ Xuân

Hương (*Bánh trôi nước, Mời trầu, chùm thơ Tự tình*), *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu...

3. Cảm hứng thế sự.

- Biểu hiện rõ nét từ văn học cuối thời Trần (thế kỉ XIV). Khi triều đại nhà Trần suy thoái là lúc văn học hướng tới phản ánh hiện thực xã hội, phản ánh cuộc sống đau khổ của nhân dân.
- Cảm hứng thế sự trở thành nội dung lớn trong sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm qua những bài thơ viết về nhân tình thế thái.
- Văn học viết về thế sự phát triển trong hai thế kỉ XVIII và XIX; nhiều tác giả hướng tới hiện thực cuộc sống, hiện thực xã hội đương thời để ghi lại “những điều trông thấy”. Lê Hữu Trác viết *Thượng kinh kí sự*, Phạm Đình Hổ viết *Vũ trung tùy bút*.
- Bức tranh về đời sống nông thôn trong thơ Nguyễn Khuyến, một xã hội thành thị trong thơ Tú Xương. Cảm hứng thế sự trong văn học trung đại đã góp phần tạo tiền đề cho sự ra đời của văn học hiện thực sau này.

IV. Những đặc điểm lớn về nghệ thuật của văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

1. Tính quy phạm và sự phá vỡ tính quy phạm.

- Tính quy phạm, đặc điểm nổi bật của văn học trung đại, là sự quy định chặt chẽ theo khuôn mẫu.
- Ở quan điểm văn học: Coi trọng mục đích giáo huấn, văn để chở đạo; ở tư duy nghệ thuật nghĩ theo kiểu mẫu nghệ thuật có sẵn đã thành công thức; ở thể loại văn học với những quy định chặt chẽ về kết cấu; ở cách sử dụng thi liệu dẫn nhiều điển tích, điển cố, dùng nhiều văn liệu quen thuộc. Do tính quy phạm, văn học trung đại thiên về ước lệ, tượng trưng.
- Tuy nhiên, các tác giả văn học trung đại cũng đã phá vỡ tính quy phạm, phát huy cá tính sáng tạo trong cả nội dung và hình thức biểu hiện.

2. Khuynh hướng trang nhã và xu hướng bình dị.

- Tính trang nhã cũng là đặc điểm của văn học trung đại, thể hiện ở đề tài, chủ đề hướng tới cái cao cả, trang trọng hơn là cái đời thường, bình dị; ở hình tượng nghệ thuật hướng tới vẻ tao nhã, mỹ lệ hơn là vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc; ở ngôn ngữ nghệ thuật là chất liệu ngôn ngữ cao quý, cách diễn đạt trau chuốt, hoa mỹ hơn là thông tục, tự nhiên, gần với đời sống.
- Trong quá trình phát triển của văn học trung đại, xu hướng gần bó với hiện thực đã đưa văn học từ phong cách trang trọng, tao nhã về gần với đời sống hiện thực, tự nhiên và bình dị.

3. Tiếp thu và dân tộc hóa tinh hoa văn học nước ngoài

- Văn học trung đại Việt Nam phát triển theo quy luật vừa tiếp thu vừa dân tộc hóa tinh hoa văn học nước ngoài, chủ yếu là văn học Trung Quốc.

- Dùng chữ Hán để sáng tác, tiếp thu thể cổ phong, thể Đường luật trong văn vần, thể hịch, cáo, chiếu, biểu, truyện kí, tiểu thuyết chương hồi trong văn xuôi... sử dụng những điển cố, thi liệu Hán văn.

- Quá trình dân tộc hóa đã sáng tạo ra chữ Nôm trên cơ sở những thành tố của chữ Hán để ghi âm, biểu đạt nghĩa tiếng Việt và dùng chữ Nôm trong sáng tác; Việt hóa thể thơ Đường luật thành thơ Nôm Đường luật, thất ngôn xen lục ngôn, sáng tạo các thể thơ như lục bát, song thất lục bát, các thể ngâm khúc, truyện thơ, hát nói; sử dụng lời ăn tiếng nói, cách diễn đạt của nhân dân trong sáng tác.

- Văn học trung đại Việt Nam phát triển trong sự gắn bó với vận mệnh đất nước, nhân dân. Cùng với văn học dân gian, văn học trung đại góp phần làm nên diện mạo hoàn chỉnh và đa dạng của văn học dân tộc.

V. Những đặc trưng nổi bật của văn học trung đại Việt Nam

Gần 10 thế kỷ (từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX) phát triển trong lòng xã hội phong kiến, sự phát triển của văn học trung đại gắn liền với nền tảng mỹ học phong kiến. đó là những sáng tác nằm trong hệ thống thẩm mỹ riêng do quan niệm mỹ học phong kiến quy định. Văn học trung đại Việt Nam đã đem lại những thành tựu lớn cho văn học trung đại nước nhà. “Mỗi tác phẩm giúp ta hiểu ra suy nghĩ, cảm xúc của con người cụ thể trong một thời đại cụ thể, hiểu và sống với các tác phẩm của dân tộc làm ta nếm trải được những suy nghĩ và cảm xúc của vô số người, vô số hoàn cảnh, vô số thời đại thật đa dạng”. Văn học trung đại Việt Nam, vì thế có những đặc trưng nổi bật mà người nghiên cứu cũng như giảng dạy phải nắm được những dấu hiệu đặc trưng và xem đó như là một chìa khóa mở cánh cửa để vào tác phẩm mà không bị lạc trong mê cung của nghệ thuật.

1. Tính song ngữ trong các thể loại văn học trung đại

Thời trung đại do bị bắt buộc, tiếng Việt chịu ảnh hưởng sâu rộng của tiếng Hán, chữ Hán, văn hóa Hán. Tiếng Hán “trở thành một thứ tiếng nằm trong quỹ đạo của quy luật âm và ngữ âm lịch sử tiếng Việt và văn học chữ Hán của các nhà văn Việt Nam là một bộ phận của văn học Việt Nam”. Hai thứ tiếng, hai bộ phận văn học đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. tình hình đó tạo nên hiện tượng song ngữ trong văn học. tính song ngữ tạo thành đặc điểm văn học của nhiều thành phần và không chỉ thể hiện trong dòng văn học chữ Hán và Nôm tách biệt, mà còn thể hiện ở sự xâm nhập, pha trộn của văn học Hán và Nôm.

Đồng thời do ý thức hệ trong việc sử dụng ngôn ngữ nên ngôn ngữ được chia thành hai loại: ngôn ngữ cao nhã và ngôn ngữ tầm thường. cũng chính vì thế mà văn học chia thành loại cao nhã, cao thượng với văn học “nôm na”, thông tục mà loại sau nhiều khi không được thừa nhận từ phía học giả quan phương.

2. Văn học trung đại chịu sự chi phối mạnh mẽ của tư tưởng kinh điển, tôn giáo.

Tư tưởng kinh điển và tôn giáo đã cung cấp cảm hứng, đề tài, chủ đề và gợi ý các thể loại văn học trung đại. các tôn giáo và học thuyết Phật, Nho, Đạo đã ảnh hưởng và tạo nên những nét đặc thù trong quan niệm của người trung đại về bản chất vũ trụ, không gian và thời gian, thiên nhiên, con người. tư tưởng tôn giáo và kinh điển còn đem lại hệ quả quan trọng như: phân biệt văn học linh thiêng và phàm tục; hạn chế sự biểu hiện cá nhân và ý thức cá nhân; mặt khác đem đến việc đề cao nội dung đạo đức và tính chất giáo huấn, văn học có mối quan hệ trực tiếp với tư tưởng. những quan

điểm này có quan hệ đến việc hình thành những đặc trưng về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn chương trung đại. vì vậy muốn lí giải những vấn đề thuộc về bản chất của văn chương, cái hay cái đẹp của tác phẩm văn chương thời trung đại tất yếu phải dựa trên những quan niệm nghệ thuật đặc thù về thế giới con người thời trung đại. chẳng hạn, khi tìm hiểu các truyện trong “Truyện kỳ mạn lục” của Nguyễn Dữ, chúng ta phải thấy được các truyện được viết chịu ảnh hưởng của quan điểm Nho giáo và Phật giáo, Thuyết “nhân quả” của đạo Phật ảnh hưởng khá rõ trong các kết thúc câu chuyện.

3. Văn học trung đại chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn học dân gian.

Văn học viết Việt Nam hay bất kỳ một nền văn học dân tộc nào khác đều phát triển trên cơ sở kế thừa những tinh hoa của văn học dân gian. Mỗi quan hệ giữa văn học viết trung đại Việt Nam và văn học dân gian biểu hiện ở chỗ: văn học viết tiếp thu văn học dân gian từ đề tài, thi liệu, ngôn ngữ, quan niệm thẩm mĩ ở khía cạnh ngôn ngữ và thể loại. trong quá trình phát triển hai thể loại luôn có mối quan hệ biện chứng, tác động, bổ sung lẫn nhau để cùng phát triển. Văn học dân gian là nền tảng của sự hình thành các thể loại tự sự, các tập văn xuôi chữ Hán, các truyện Nôm và các tập thơ ca của tác giả., chẳng hạn với 22 truyện trong “Lĩnh nam chích quái lục” của Trần Thế Pháp, phần lớn truyện có tính chất truyền thuyết. Nguyễn Dữ trong “Truyện kỳ mạn lục” đã đưa motif truyện dân gian như “lấy vợ kì dị”. “gặp gỡ người chết”, “xuống thủy cung”... để tạo ra câu chuyện mới. “Đại Việt sử kí toàn thư” của Ngô Sĩ Liên có nhiều tư liệu dân gian để viết chính sử của nhà nước, nhiều sự tích vốn có của nguồn gốc từ truyền thuyết dân gian như công cuộc xây dựng thành của An Dương Vương với việc thần Kim Quy trừ tinh gà trắng và cho nhà vua móng vuốt làm lẫy nỏ. thời thơ ấu của Đinh Bộ Lĩnh với việc “cờ lau tập trận” và việc rồng hiện lên cứu Bộ Lĩnh qua sông...

4. Văn học trung đại Việt Nam thường cảm thụ và diễn tả thế giới thông qua một hệ thống ước lệ phức tạp và nghiêm ngặt.

Hệ thống ước lệ có ba tính chất: tính uyên bác và cách điệu hóa cao độ; tính sùng cổ; tính phi ngã.

Về tính uyên bác và cách điệu hóa

Chính quan niệm văn chương viết ra chỉ để dành cho bậc “tao nhân mạt khách”, “chính nhân quân tử” nên có tính uyên bác và cách điệu hóa cao độ. Các nhà nho sĩ sáng tác bằng chữ Hán có một phần vì họ cho đó mới là thứ văn chương sang trọng. Những người thương thức là tầng lớp trí thức tài hoa, có ý thức thẩm mĩ cao.

Về tính sùng cổ

Con người trung đại quan niệm thời gian xoay tròn, tuần hoàn, không mất đi mà quay trở lại gốc nguồn. bởi thế, họ coi trọng quá khứ, coi trọng cái khởi đầu, coi trọng người già. Chuẩn mực cái đẹp, của lễ phải, cái đạo đức là ở quá khứ. Xã hội hoàng kim là xã hội thời Nghiêu Thuấn, anh hùng nghĩa sĩ lí tưởng là Kỉ Tín, Do Vu, Dục Nhượng... vì vậy, văn nghị luận thường lấy tiền đề lí lẽ và kinh nghiệm cổ nhân, của lịch sử xa xưa. Do tính sùng cổ mà văn học trung đại đầy dẫy những điển cố, điển tích, những từ cổ... Trong sáng tác việc lặp lại truyện cũ, mô phỏng văn chương xưa

chẳng những không bị chê trách mà còn là một cách tạo thêm giá trị cho sáng tác của mình. Về tính phi ngã

Thời trung đại, ý thức cá nhân, cá thể chưa có điều kiện phát triển. Sự khinh trong đôi với một cá nhân không căn cứ vào phẩm giá của chính cá nhân ấy mà căn cứ cá nhân thuộc dòng họ nào, đẳng cấp nào, có địa vị gì trong bậc thang xã hội. từ đó tạo ra hệ thống ước lệ nghệ thuật có tính chất phi ngã. Nhà văn cảm thụ và diễn tả thiên nhiên không bằng con mắt quan sát của cá nhân mình, cũng như tranh vẽ, thơ vịnh cảnh đều có quy định sẵn theo công thức: tứ quý, xuân lan, thu cúc...luật phối thanh của thơ phú cũng quy định chặt chẽ khiến người làm thơ phải diễn tả thế giới bằng thính giác phi ngã của cộng đồng “tao nhân mặc khách”...người viết văn có một kho từ điển, kho thi liệu, văn liệu chung được sử dụng trong sáng tác. Vì vậy, thể loại văn học trung đại nào cũng mang tính quy phạm. Do đó khi đọc hiểu, chúng ta cần chú trọng khai thác tính quy phạm và phi ngã của văn học thời kì này.

5. Con người trong văn học trung đại là con người vô ngã và con người hữu ngã.

Vô ngã là một phạm trù đặc trưng của văn học trung đại. Vì đứng trước xã hội, con người chưa tách khỏi môi trường xã hội, còn gắn chặt với cộng đồng, gắn chặt với nước. cá nhân tồn tại trong đất nước, không tồn tại “tự nó và cho nó”. Cá nhân gắn chặt với gia tộc, với tập đoàn”. “Việc sống trong tập đoàn không đè nặng lên nó, ngược lại, đó là ngọn nguồn khoái cảm cho nó...”. Con người trung đại thấy mình gắn chặt với cộng đồng là một điều tự nhiên, là vinh dự, là đạo lí nên cảm thấy vui sướng, tự hào. Họ chưa khẳng định rõ bản ngã của mình, một con người vô ngã hoặc chủ yếu là vô ngã. Điều đó chi phối sáng tác, liên quan đến ý nghĩa hình tượng trung tâm trong các tác phẩm văn học. Bởi vậy, văn chương của Đạo, của Thiền, các vua, các vương hầu... dù nói về triết đạo, thuyết thiền hoặc bày tỏ tấm lòng thương người đượm màu sắc bác ái, từ bi hay vịnh cảnh, đều tập trung nói đến hoài bão to lớn, rõ ràng cho đất nước, cho cộng đồng. Tuy nhiên, từ thế kỷ XVI trở đi, do nhiều nguyên nhân kinh tế, chính trị tác động mạnh vào xã hội, sự tự ý thức về cá nhân lớn dần lên, đòi được quyền sống và quyền tự bộc lộ mình dù còn phải dè dặt mặt này, mặt nọ thì con người chủ yếu vô ngã chuyển sang con người hữu ngã mặc dù vẫn còn vô ngã. Điều đó làm cơ sở cho văn chương nghệ thuật phát triển lên một bước mới. Biểu hiện cụ thể đó là sự phê phán gắt gao những thói xấu xa, sự xa hoa, phung phí tiền của mồ hôi của nhân dân trong “Thượng kinh kí sự”, hoặc phê phán thẳng thừng, lên án quyết liệt từ vua quan, không trừ thần thánh, bộ lộ hết nỗi khổ của nhân dân trong “Truyền kì mạn lục”. Đặc biệt từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX, tình hình chính trị xã hội có biến động, kéo theo là sự đòi hỏi bức thiết về quyền được sống như một con người... thì con người “hữu ngã” hiện nguyên hình, là con người xương thịt trong cuộc đời. Con người cá nhân lúc này “nó không chỉ là nó, mà còn có đủ sức điển hình cho một hạng người”. Chính sự phát triển mạnh mẽ của tính hữu ngã đã góp phần làm phong phú thêm các thể loại văn học trung đại giai đoạn sau.

6. Tư duy nguyên hợp và quan niệm “văn – sử - triết bất phân” trong các thể loại văn học trung đại Việt Nam.

Tư duy nguyên hợp là kiểu tư duy thiên về kỹ năng tổng hợp trực cảm, về thể loại chưa có ý thức tách bạch, đứt khoát. Hiện tượng “văn – sử - triết bất phân” là một hiện tượng đặc trưng và phổ biến của văn học trung đại, liên quan đến quy luật văn hóa, trạng thái tư duy nghệ thuật, quan niệm văn chương thời trung đại. Nó thể hiện trong hệ thống thể loại văn học và trong cơ chế nghệ thuật ở mỗi tác phẩm văn học,

cụ thể. Văn – sử - triết bất phân “vốn là sản phẩm của một trình độ tư duy nghệ thuật mà trong đó sự phân hóa giữa hai hình thái tư duy: luận lí (gọi là khái niệm, logic) và hình tượng chưa tách bạch nhau mà có sự đan xen. Đó là trạng thái trong sáng tác văn chương, tư duy hình tượng chưa lấn át hoàn toàn tư duy luân lí. Các ý tưởng, các khái niệm mang tính chất triết học, nói chung vẫn tồn tại trong các tác phẩm một cách trực hiện bằng tư duy lý luận (trong khi với văn học hiện đại chúng tồn tại theo một kiểu gián tiếp, tan biến vào trong hình tượng). Vì vậy trong quan niệm văn học trung đại, nổi nên chủ đạo như mọi người đã thừa nhận là quan niệm “văn dĩ tải đạo” “văn dĩ minh đạo” “văn dĩ quán đạo”... Hiện tượng văn – sử - triết bất phân được thể hiện trong hệ thống thể loại của văn học trung đại, gồm hai loại hình chính là : văn vắn (thơ) và văn xuôi, thể hiện trong phạm vi văn xuôi rõ nét hơn văn vắn. trong loại hình văn xuôi, các thể loại của nó có thể chia làm hai bộ phận: bộ phận thứ nhất là những thể loại thuộc văn chính luận được viết bằng tư duy khái niệm là chủ yếu thì hiện tượng văn – sử - triết bất phân trở thành đặc trưng thể loại. Bộ phận thứ hai là những thể loại văn xuôi tự sự như truyện truyền kỳ, tiểu thuyết chương hồi...cũng là sản phẩm của quy luật này, tuy nó không thể hiện đậm nét bằng văn xuôi chính luận. Chẳng hạn: “Đại cáo bình Ngô” của Nguyễn Trãi là một kiệt tác văn chương kết tinh trên cơ sở của quy luật văn – sử - triết bất phân. Về triết đó là lí tưởng nhân nghĩa trực tiếp sáng rực lên trong lời mở đầu và tiếp tục chói lọi ở cuối tác phẩm Về sử: đó là một bản tổng kết tài tình cô đúc đầy đủ về lịch sử khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo Về văn, đó là một nguồn cảm xúc trữ tình mang đậm âm hưởng hào hùng, bề thế tới mức đời sau mệnh danh là thiên cổ hùng văn.

XIV. KHUYNH HƯỚNG HIỆN THỰC VÀ LÃNG MẠN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

1. Văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1930 - 1945.

a. Những tiền đề chính trị xã hội, văn hoá tạo nên cơ sở cho sự xuất hiện văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1930 - 1945.

Sau khi xâm lược thực dân Pháp ra sức củng cố địa vị thống trị, chúng bắt tay khai thác thuộc địa đẩy dân ta lún sâu hơn cảnh bần cùng. Tiếp đó, chúng ra sức bóc lột dân ta để bù lại những thiệt hại to lớn do cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 gây ra đẩy nền kinh tế Việt Nam vào tới chỗ điêu đứng: sản xuất bị đình đốn, ngân hàng rút bớt giấy bạc đẩy nông dân và công thương đến chỗ phá sản, vỡ nợ thất nghiệp ngày càng tăng, hạn hán lụt lội liên tiếp xảy ra, thuế khoá nặng nề, đói trầm trọng, nhân dân bị bóc lột đến tận xương tuỷ trong khi đó những ông chủ bà chủ sống xa hoa, mâu thuẫn dân tộc và thực dân Pháp, nông dân và địa chủ ngày càng sâu sắc.

Xã hội Việt Nam có sự biến đổi: đô thị mở rộng, thi trấn mọc lên, quan hệ xstb hình thành, cá nhân trở thành một thực thể, văn học Việt Nam dần dần thoát khỏi ảnh hưởng của văn học Trung Quốc, bắt đầu tiếp xúc với nền văn học phương Tây.

Xã hội Việt Nam lúc ấy chịu ảnh hưởng của rất nhiều luồng tư tưởng. Tư tưởng phong kiến được thực dân Pháp ra sức khuyến khích: suy tôn Khổng giáo, bảo tồn quốc hồn quốc túy, kêu gọi trở về với nền văn học cũ với mục đích triệt tiêu tinh thần đấu tranh

của nhân dân ta. Tư tưởng tư sản với hai chiều hướng tích cực và tiêu cực: tiêu cực ở chỗ chịu ảnh hưởng của khuynh hướng duy tâm tư sản trong triết học của Frot, Niso; tích cực là chịu ảnh hưởng của khuynh hướng dân chủ tư sản qua một số tác phẩm của các nhà văn hiện thực của Pháp, của thế giới và tiếp thu triết học duy vật biện chứng Rút-xô, Đidơ-rô... Tư tưởng Mác-xít và tinh thần nhân văn nhân đạo: hạt nhân là cái nhìn biện chứng khoa học góp phần hình thành thế giới quan tiến bộ thúc các nhà văn tìm hướng giải phóng cho con người mở ra cách nhìn mới, cảm thông, bênh vực, ca ngợi con người.

Chủ nghĩa hiện thực Việt Nam nảy sinh từ hoàn cảnh xã hội, lịch sử văn hóa đó. Nó tiếp thu thành tựu vĩ đại của trào lưu hiện thực phê phán thế giới song nó đi theo con đường riêng.

b. Quá trình phát triển của văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1930 - 1945

*** Chặng thứ nhất 1930 - 1935**

Xuất hiện một số cây bút thu hút được sự chú ý của độc giả. Nguyễn Công Hoan với tập truyện “Người ngựa người” (1934), Kép Tư Bền (1935), Vũ Trọng Phụng với hai phóng sự “Cạm bẫy người” (1933), “Kĩ nghệ lấy Tây” (1934); Tam Lang với phóng sự “Tôi kéo xe” (1935), truyện ngắn “Một đêm trước”; Ngô Tất Tố với “Giao cầu thuyền tán”; Tú Mỡ với tập thơ trào phúng “Dòng nước ngược”. Nguyễn Công Hoan là đại biểu xuất sắc nhất.

Các tác phẩm của chủ nghĩa hiện thực phê phán thời kì này đã toát lên tinh thần phê phán: phê phán tính chất bất công, vô nhân đạo của xã hội; bộc lộ sự cảm thông, thương xót đối với các nạn nhân của xã hội.

Hạn chế: nội dung phản ánh hiện thực của các tác phẩm thời kì này còn hạn hẹp, chưa sâu sắc, chỉ mới phản ánh hiện tượng nổi lên trên bề mặt của xã hội chưa tập trung vào mâu thuẫn cơ bản của xã hội, tính chất chiến đấu chưa cao, mục đích phê phán chưa thật chính xác, thế giới nhân vật mới tập trung vào dân nghèo, lưu manh thành phố. Nhiều tác phẩm chỉ mới có tính chất ghi chép, tình cảm của các nhà văn đối với người nghèo chưa được sâu sắc, cái nhìn còn có vẻ khinh bạc, một vài phóng sự chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa tự nhiên...

*** Chặng thứ hai 1936 - 1939**

Phong trào dân tộc dân chủ phát triển mạnh, các tác giả được tự do trên văn đàn, có điều kiện tiếp xúc với sách báo cách mạng công khai; lưỡi kéo kiểm duyệt của thực dân Pháp đỡ gắt gao hơn, không khí của thời đại phát huy cao độ sở trường của nhà văn nên văn học hiện thực phê phán phát triển rực rỡ hơn bao giờ hết. Lực lượng sáng tác ngày càng đông, bên cạnh những nhà văn của giai đoạn trước có thêm Mạnh Phú Tứ, Đồ Phồn, Nguyên Hồng, Trần Tiêu... Các tác phẩm phong phú, xuất hiện nhiều tiểu thuyết, tiểu phẩm, truyện ngắn phát huy được sức mạnh như một vũ khí sắc nhọn: Ngô Tất Tố với “Tắt Đèn”, “Lều chõng”; Vũ Trọng Phụng với “Số đỏ”, “Giông tố”,

“Vỡ đê”, “Cơm thầy cơm cô”; Nguyên Hồng có “Bỉ vỏ”, “Những ngày thơ ấu”, Nguyễn Công Hoan có “Bước đường cùng”, “Cái thủ lợn”...

Các nhà văn hiện thực phê phán thời kì này bắt đầu đi sâu phản ánh bản chất đích thực và những vấn đề nổi cộm trong lòng xã hội: mâu thuẫn giai cấp, những thủ đoạn của quan lại phong kiến, chính sách thâm độc của thực dân; nói lên thật thống thiết nỗi khổ của nông dân, cổ vũ, biểu dương tinh thần đấu tranh, phản kháng, xây dựng thành công nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nhiều cuốn tiểu thuyết khái quát được những mảng lớn của đời sống xã hội. Ngọn cờ của chặng này là Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng.

Cuối 1939 khi chiến tranh thế giới xảy ra dưới ách của hai đế quốc thực dân Nhật, Pháp, văn học lại bị kiểm soát gắt gao.

*** Chặng thứ ba: 1940 - 1945**

Trào lưu văn học hiện thực phê phán đi đến chỗ tàn lụi, Ngô Tất Tố không còn viết văn mà quay sang lĩnh vực khảo cứu, Nguyễn Công Hoan bị thực dân Pháp treo giò, rơi vào tư tưởng sai lầm thoái hoá (tiểu thuyết Thanh đàm ca ngợi quan lại), Vũ Trọng Phụng mất năm 1939. Xuất hiện trên văn đàn lúc bấy giờ là Tô Hoài, Bùi Hiển, Kim Lân, Nam Cao....

Các nhà văn thời kì này lảng tránh những vấn đề nóng bỏng. Truyện của Tô Hoài phản ánh phong tục tập quán sinh hoạt của vùng nông thôn ngoại ô, đằng sau đó cho thấy hình ảnh xã hội đang đói khổ, cùng quẫn, cái xã hội của những người nông dân nghèo, thợ dệt vải bị phá sản, cảnh bỏ làng đi làm thuê, những mối tình dang dở (Xóm giếng ngày xưa, Quê người, Giăng thề...), Bùi Hiển đi vào phản ánh cuộc sống làm ăn của người dân chài lưới Quảng Nam: mê tín, nóng nảy cục cằn nhưng có tinh thần nhân hậu (Năm vạ). Đáng chú ý nhất là Nam Cao. Nam Cao là cây bút có chiều sâu của chủ nghĩa hiện thực. Tác phẩm của ông đã đặt ra những vấn đề lớn lao có tính chất triết lí, khái quát xã hội sâu sắc và đã có những kiệt tác để đời.

2. Văn học lãng mạn Việt Nam

Những mầm mống của chủ nghĩa lãng mạn đã xuất hiện ở nước ta từ cuối thế kỷ XIX với thơ văn, từ khúc của Chu Mạnh Trinh, Dương Khuê, Dương Lâm, Đào Tấn... Đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa lãng mạn thể hiện khá đầy đủ những đặc trưng của nó trong thơ Tấn Đà và trong văn của Hoàng Ngọc Phách (tiểu thuyết Tố Tâm). Đến giai đoạn 1930-1945, với lớp nhà văn Tây học trẻ tuổi, cái tôi cá nhân mới thực sự được thể hiện sâu sắc. Chủ nghĩa lãng mạn do đó phát triển thành trào lưu rầm rộ với đầy đủ đặc trưng của nó trên các thể loại: thơ, truyện ngắn, bút ký, tùy bút

a. Thơ Mới lãng mạn

*** Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện phong trào thơ Mới**

Thơ Mới là thơ lãng mạn, là tiếng nói của giai cấp tiểu tư sản. Sự xuất hiện của giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị với những tư tưởng tình cảm mới, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng với sự giao lưu văn hóa Đông Tây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào thơ Mới ra đời.

Năm 1919 chấm dứt chế độ thi cử Hán học, thơ Đường mất dần vị trí độc tôn. Các tác phẩm cổ điển của Coocnây, Môlie và những tác phẩm văn học lãng mạn Pháp thế kỷ XIX của Lamactin, Bôđơle xuất hiện và được giới thiệu rộng rãi trên văn đàn, trong nhà trường...Chính những đổi mới trong sinh hoạt tư tưởng và sự tiếp xúc với văn học lãng mạn Pháp đã dần dần đem đến cho thanh niên tiểu tư sản thành thị những năm 30 của thế kỷ này những tình cảm mới, những rung động mới. Họ yêu đương mơ mộng, vui buồn khác các nhà thơ xưa. Trong buổi diễn thuyết ở nhà hội Quy Nhơn tháng 6-1934, Lưu Trọng Lư đã nói : “Các cụ ta ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa màu xanh nhạt, Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta lại nao nao vì tiếng gà đúng ngọ. Nhìn thấy một cô gái xinh xắn ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi, ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh... Cái ái tình của các cụ là sự hôn nhân nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi, cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu...”. Chính vì sự khác nhau sâu xa đó giữa hai thế hệ mà những câu thơ ngâm hoa vịnh nguyệt sáo mòn và cũ rích trên Nam Phong , Văn học tạp chí, Tiếng dân không còn hợp với tình cảm mới của họ. Phong trào Thơ mới lãng mạn Việt Nam ra đời năm 1932 chính là để đáp ứng nhu cầu tình cảm của một tầng lớp thanh niên mới. Một phong trào văn học ra đời bao giờ cũng phản ánh những đòi hỏi nhất định của xã hội. Nó là tiếng nói của một tầng lớp người, của một giai cấp vừa mới ra đời, đang lớn lên hoặc già cỗi trong xã hội. Văn học lãng mạn 1932 trở đi là tiếng nói của tư sản và tiểu tư sản thành thị. Thơ mới chủ yếu là tiếng nói của giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị là nguyên nhân chính cho phong trào Thơ mới ra đời.

b. Văn xuôi lãng mạn với nhóm Tự lực văn đoàn

*** Hoàn cảnh ra đời**

Người sáng lập Tự lực văn đoàn là Nguyễn Tường Tam, bút danh Nhất Linh. “Tự lực” là có ý tự sức mình gây nên một cơ sở chứ không cậy nhờ chính phủ hay một thế lực tài chính nào và cũng không tuân theo một chỉ thị nào, đường lối do chính họ đặt ra. Nhóm gồm có 7 thành viên: Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Nguyễn Gia Trí.

Quan điểm xã hội và nhân sinh chủ trương duy tân và cấp tiến, họ muốn phá bỏ xã hội nho phong với những tập tục lễ giáo, đả phá những hủ tục dân quê, đả phá phong thái đạo học, thành kiến chán đời của lớp người đứng tuổi trong xã hội. Họ đưa ra quan niệm sống ôn hòa, họ muốn cải cách dân chúng, nhất là dân quê. Họ đề cao tự do cá nhân, hạnh phúc vật chất và chủ nghĩa yêu đời của lớp người trẻ tuổi. Quan niệm nhân sinh này dần dần ngả theo mục tiêu chính trị, đả đảo chế độ quan liêu phong kiến, tẩy

chạy chế độ dân bản bù nhìn và đòi tự do dân chủ. Năm 1940, nhóm ngừng hoạt động, chuyển sang hoạt động chính trị.

* **Đóng góp của Tự lực văn đoàn**

- **Về nội dung:** chống lễ giáo phong kiến, đấu tranh cho tự do yêu đương và đòi quyền sống cho con người, đòi giải phóng cá nhân, cá thể. Còn ở giai đoạn này họ đề cao cuộc sống cá nhân; các nhà văn đã theo tư tưởng đứng về phía cái mới, cổ vũ cho văn minh phương Tây.

- **Về nghệ thuật:** Lối văn giản dị, ít chữ Nho, đi sâu khám phá đời sống nội tâm, tâm lý nhân vật. Các tác giả có ý thức đổi mới về cốt truyện, kết cấu trong thể loại văn xuôi. Trong văn trung đại, kết cấu thường theo thời gian, kết cấu biên niên, theo mô típ gặp gỡ – chia ly – đoàn tụ. Trong tiểu thuyết tự lực văn đoàn, kết cấu đa dạng, linh hoạt, đòi hỏi nhà văn phải xử lý tuyến sự kiện và tuyến nhân vật. Tự sự xen lẫn miêu tả, với đối thoại, độc thoại nội tâm, với những lời bình luận trữ tình ngoại đề, chi phối cách bố trí hình thức kết cấu. Tác phẩm của nhóm Tự lực văn đoàn đã xóa bỏ cách kết cấu đơn tuyến thay bằng kết cấu đa tuyến, sử dụng hình thức đối lập để tạo tình huống căng thẳng. Có thể nói: “Với Tự lực văn đoàn, tiếng Việt trong sáng hơn, chấm dứt những câu văn biền ngẫu chông chênh cổ Hán-Việt. Với Tự lực văn đoàn cũng không còn những câu lai căng cộc lốc như văn của Hoàng Tích Chu mà là những lời ăn tiếng nói của nhân dân được chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt đưa vào tác phẩm. Có thể nói, Tự lực văn đoàn đã góp phần hiện đại hóa văn chương Việt Nam”.

2. Một số điểm khác biệt trong phương thức phản ánh giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn.

a. Nguyên tắc phản ánh hiện thực

- **Chủ nghĩa hiện thực coi trọng nguyên tắc lịch sử cụ thể.** Đây là một trong những nguyên tắc phản ánh đời sống của chủ nghĩa hiện thực, là nét khu biệt giữa chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa hiện thực. Cách tiếp cận chủ quan với sự mô tả hiện thực là đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn, còn chủ nghĩa hiện thực lại chú ý đến sự mô tả khách quan đời sống. Các nhà văn hiện thực nhìn nhận sự vật theo một quá trình nào đó và họ có tham vọng biết chính xác lịch sử xã hội. Banzăc – đại biểu xuất sắc của trào lưu hiện thực phê phán nói “Chính xã hội Pháp mới là sử gia còn tôi chỉ là người thư kí”.

- **Chủ nghĩa lãng mạn coi trọng nguyên tắc biểu hiện.** Văn học lãng mạn sáng tạo nhân vật, hình ảnh, tình huống nhằm thỏa mãn việc biểu hiện lý tưởng và tình cảm mãnh liệt của nhà văn. Nhân vật hành động theo ý muốn chủ quan của tác giả, thể hiện một cách trực tiếp tư tưởng của nhà văn.

b. Đề tài, cảm hứng, lý tưởng thẩm mỹ

- **Chủ nghĩa hiện thực:**

Cảm hứng chủ đạo là phê phán, bóc trần, phê phán thực tại xã hội. Lý tưởng thẩm mỹ của chủ nghĩa hiện thực có tính nhân đạo. Nếu chủ nghĩa lãng mạn hướng vào cái phi thường thì chủ nghĩa hiện thực hướng tới cái bình thường. Với các nhà văn hiện thực, cái đẹp gắn với cái thực “Chúng tôi không đòi hỏi lí tưởng cuộc sống mà đòi hỏi chính bản thân cuộc sống như nó vốn có, tốt hoặc xấu mà ta không muốn tô điểm” (Biêlinxki). Với các nhà văn, phụng sự cái đẹp chính là thái độ phủ nhận hiện thực, cái hiện thực xấu xa, tàn ác. Vì vậy trong một số tác phẩm hiện thực, nhà văn không xây dựng hình tượng nhân vật chính diện, mang vẻ đẹp lý tưởng (Tấn trờ đời của Ban dắc, Số đỏ của Vũ Trọng Phụng...) Trả lời chất vấn của giới phê bình, Banzăc cho rằng: Người ta đòi hỏi chúng ta xây dựng những nhân vật đức hạnh nhưng tìm đâu ra nguyên mẫu của những nhân vật đó. Vũ Trọng Phụng cũng chỉ ra trong tác phẩm của mình, rằng xã hội tư sản thành thị đương thời về bản chất là chó đê và vô nghĩa lý. Trong cuộc bút chiến với Nhất Chi Mai, ông khẳng định: Các ông muốn tiêu thuyết cứ là tiêu thuyết, tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiêu thuyết phải là sự thực ở đời.

- Chủ nghĩa lãng mạn

Nhà văn lãng mạn thường hướng tới những cái phi thường có tính biệt lệ. Chẳng hạn, truyện ngắn Chữ người tử tù xây dựng một không khí thiêng liêng khác thường, con người cũng tài hoa, dũng liệt một cách rất đối nghệ sĩ như Huân Cao. Văn học lãng mạn còn xây dựng những hình tượng con người vượt lên thực tại của đời sống của hoàn cảnh, hướng tới một cái gì tốt đẹp và thánh thiện hơn hiện thực. Có khi đó chỉ là những khát vọng dầu mơ hồ nhưng cũng đủ để niềm tin của con người có điểm tựa.

Khát vọng chờ chuyến tàu đêm qua phố huyện nghèo (Hai đứa trẻ – Thạch Lam) chính là được viết theo cảm hứng lãng mạn bay bổng ấy. Hai chị em Liên đợi tàu không xuất phát từ nhu cầu vật chất. Hai đứa trẻ chờ tàu bởi nhu cầu tinh thần, chuyến tàu đêm là cả một niềm vui lớn. Con tàu mang đến phố huyện một luồng ánh sáng rực rỡ và những âm thanh sôi động xưa đi không khí tĩnh lặng của phố huyện nghèo. Bên cạnh đó, con tàu khiến chị em Liên như trở về với quá khứ tươi đẹp, con tàu chạy tới từ Hà Nội, chạy tới từ tuổi thơ đã qua. Hai chị em đã có thời sống ở Hà Nội xa xăm, tươi đẹp, huyền ảo, hai chị em từng được đi chơi bờ hồ, được ăn những thức quà ngon, uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Con tàu đã đánh thức dậy một miền kí ức tuổi thơ tươi đẹp để cân bằng lại cuộc đời không mấy niềm vui, hạnh phúc nơi phố huyện nghèo. Vì vậy khi tàu đến, Liên và An đứng cả dậy hướng về phía con tàu và khi con tàu đi rồi Liên vẫn lặng theo mơ tưởng.

Chất lãng mạn được kết hợp nhuần nhuyễn với chất hiện thực tạo nên vẻ đẹp riêng của văn xuôi lãng mạn. Cảnh cho chữ trong Chữ người tử tù được miêu tả một cách chân thực, cụ thể, chi tiết: Thời gian: lúc nửa đêm; không gian: trại giam tỉnh Sơn; sự việc: diễn ra giữa ba nhân vật Huân Cao, viên quản ngục, thầy thơ lại. Tuy nhiên cảnh hiện thực mà lại lãng mạn gợi liên tưởng tới sự bất tử của cái đẹp. Ngọn đuốc rừng rực trong bóng đêm gợi liên tưởng tới tài năng khí phách, thiên lương; mùi thơm của

chậu mực và màu trắng tinh của tấm lụa bạch là biểu tượng cho vẻ đẹp của tấm lòng và tài năng...

Đề tài trong văn học hiện thực là những vấn đề nóng bỏng trong xã hội, những xung đột và mâu thuẫn giai cấp.

Đề tài trong văn học lãng mạn lại là tình yêu, thiên nhiên, quá khứ, văn hóa..., những vấn đề có tính muôn thuở, vững bền.

c . Hệ thống hình tượng

- **Chủ nghĩa hiện thực miêu tả cuộc sống bằng hình tượng tương ứng với bản chất những hiện tượng của chính cuộc sống**, bằng điển hình hoá những hiện tượng của chính cuộc sống. Nguyên tắc này xuất phát từ tham vọng của các nhà văn hiện thực muốn mô tả hiện thực đúng như nó vốn có. Vì vậy, có nhà nghiên cứu phát biểu rằng “Chủ nghĩa hiện thực bắt đầu từ nơi nào tương quan với thực tại, nơi mà tái tạo chân lí của đời sống”. Do vậy, chủ nghĩa hiện thực hay dùng nguyên mẫu, rất ghét hư cấu bịa đặt ngay cả trong việc lựa chọn một cái tên, cái tên đối với họ cũng rất gần gũi đối với đời sống. Văn học hiện thực miêu tả các cá thể, các hiện tượng ngẫu nhiên có tính quy luật chứ không phải cái ngẫu nhiên biệt lệ; những hình tượng nhà văn mô tả phải nói lên được bản chất của đời sống.

Văn học hiện thực thường khắc họa hình tượng thông qua thủ pháp nghệ thuật điển hình hóa. Điển hình hóa là biện pháp nghệ thuật nhằm làm cho hình tượng nghệ thuật trở thành điển hình là con đường đưa sáng tạo nghệ thuật đạt đến chất lượng cao. Điển hình hóa là hình thức khái quát hóa – đặc trưng của phương pháp hiện thực hình thành trên cơ sở quan sát tình hình lặp đi lặp lại tương đối ổn định của các hiện tượng tính cách và quá trình cuộc sống cùng loại trong thực tại. “Cần phải quan sát những người cùng loại để sáng tác lên một điển hình nhất định” Leptônxtôi. Chính vì lẽ đó, chủ nghĩa hiện thực rất chú trọng mối quan hệ biện chứng giữa tính cách điển hình và hoàn cảnh điển hình.

- **Chủ nghĩa lãng mạn xây dựng những tính cách phi thường trong những hoàn cảnh phi thường**, tính cách không tồn tại trong những hoàn cảnh không tồn tại. Các nhà văn lãng mạn thường tìm kiếm những giá trị cao đẹp trong những cảnh đời tăm tối, tầm thường; khám phá cái cao cả trong những số phận bị ruồng bỏ, chà đạp. Trong Hai đứa trẻ, Thạch Lam xúc động, trân trọng cái khát vọng được đổi đời, được sống hạnh phúc hơn của những con người bé nhỏ bị lãng quên nơi phố huyện nghèo xưa. Nguyễn Tuân trong Chữ người tử tù tìm thấy sự tỏa sáng của nhân cách người tử tù nơi ngục thất tăm tối; sự vươn lên cái đẹp, cái thiên lương của một ngục quan, trong một nhà tù xã hội phong kiến xấu xa, suy tàn.

Nhân vật của văn xuôi lãng mạn hành động theo sự tưởng tượng chủ quan của nhà văn và trực tiếp thể hiện tư tưởng của tác giả. Liên và An tuy còn nhỏ nhưng phải thay mẹ trông coi một quán tạp hóa nhỏ để kiếm sống. Hàng đêm các em lại cố thức để đón

chuyến tàu đêm đi qua phố huyện. Con tàu với những toa sang trọng, đèn sáng trưng chiếu sáng xuống mặt đường và tiếng còi rít lên rầm rộ như mang theo cả một thế giới khác đối lập với cái phố huyện tăm tối, tĩnh lặng. Nó như thắp lên trong tâm hồn của các em một niềm khát vọng dầu mơ hồ nhưng thật xúc động, đáng trân trọng. Nhà văn muốn qua đó thể hiện khát vọng của những con người bé nhỏ bị lãng quên trong xã hội cũ...

Văn học lãng mạn là tự do biểu hiện tình cảm của cái tôi cá nhân, các nhà văn lãng mạn thường tuyệt đối hóa vai trò của cái tôi cá nhân, đặt chúng cao hơn thực tế khách đời sống để thể hiện tư tưởng của mình. Nhân vật trong Chữ người tử tù thể hiện quan điểm thẩm mỹ riêng của Nguyễn Tuân: Cái đẹp gắn với văn hóa dân tộc, gắn với cái thiện, có sức cảm hóa cái xấu, cái ác và cái đẹp luôn bắt tử với đời.

d. Nghệ thuật biểu hiện

- Văn học hiện thực coi trọng sự chân thực của các chi tiết.

+ Chi tiết là đơn vị nhỏ nhất của sáng tác, là chất liệu xây dựng lên hình tượng văn học. Chi tiết có thể là một lời nói, một nét tính cách ngoại hình, một khâu trong quan hệ... Chi tiết chân thực là chi tiết có thật hoặc có thể có tính thống nhất với hiện thực cuộc sống.

+ Vai trò của các chi tiết chân thực: mọi chi tiết đều có ý độc lập góp phần đan dệt nên những hình tượng sinh động, những tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình.

- Văn học lãng mạn thường sử dụng thủ pháp tương phản, đối lập, thích khoa trương, phóng đại, sử dụng ngôn ngữ giàu sức biểu hiện cảm xúc. Cảnh tượng cho chữ trong Chữ người tử tù là một đoạn văn giàu kịch tính, sử dụng thành công nghệ thuật đối lập, tương phản. Trước hết đó là sự đối lập tương phản về cảnh. Chơi chữ là một thú chơi tao nhã thường được diễn ra ở các thư phòng, lại được diễn ra tại phòng giam “chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián”. Về thời gian: Cảnh cho chữ không diễn ra lúc thanh thiên bạch nhật mà được diễn ra lúc nửa đêm khi lính canh đã ngủ, đêm cuối cùng của tử tù Huân Cao. Cả không gian và thời gian đều tăm tối. Tương phản với cái tăm tối, bản thủ ấy là ánh sáng: ánh sáng đỏ rực của bó đuốc tẩm dầu, là màu trắng tinh của tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ, là mùi thơm của chậu mực bốc lên. Tuyệt vời hơn tương phản với cái tăm tối ấy của ngục thất là sự sáng tạo ra cái đẹp: cái đẹp của nghệ thuật, cái đẹp của tài năng, của dũng khí và nhân cách. Đó còn là sự tương phản về nhân vật: Vị thế và tư thế của các nhân vật trong cảnh cho chữ cũng có sự thay bậc, đổi ngôi. Huân Cao là một người tù, “cổ đeo gông, chân vướng xiềng đang đậm tô nét chữ trên tấm lụa bạch trắng tinh” nhưng phong thái ung dung, đĩnh đạc của một người tự do nhất, uy quyền nhất vì ông là người sáng tạo ra cái đẹp, tượng trưng cho cái đẹp và phẩm giá của con người. Huân Cao đang viết những con chữ cuối cùng cho đời nhưng không phải đi vào cõi chết mà đi vào cõi bất tử bởi cái tài, khí phách và nhân cách của ông đang

được người tôn kính, giữ gìn bằng tất cả thiên lương. Trái lại, viên quản ngục là người có uy quyền nhất đang “khúm núm” nhặt những đồng tiền kẽm đánh dấu ô cho Huân Cao viết chữ. Đây không phải là cử chỉ sợ sệt luồn cúi mà là sự ngưỡng mộ, trân trọng những dòng chữ cuối cùng của Huân Cao. Nhưng nét chữ vuông, tươi tắn nó nói nên cái hoài bão tung hoành của một đời con người, những nét chữ đó kết tinh tài năng, tâm huyết, vẻ đẹp của một con người mà ông từng ngưỡng mộ. Người nghệ sĩ tài hoa có thể bị hãm hại nhưng cái đẹp phi thường thì bất tử khi ở đời vẫn có thiên lương. Ánh sáng bó đuốc phải chăng là ánh sáng thiên lương mà người tử tù đang chiếu lên để lay tỉnh ngục quan. Chi tiết ngục quan khúm núm và ngục quan vái tử tù trong nước mắt nghẹn ngào “kẻ mê muội này xin bái lĩnh”, đây là cái vái lạy trước một nhân cách hiem có cùng với lời thề danh dự. Có thể khi Huân Cao bị giải vào kinh chịu án chém cũng là lúc viên quản ngục trả áo mũ để về quê để giữ thiên lương cho lành vững bởi con người chỉ xứng đáng được thưởng thức cái đẹp khi giữ được thiên lương. Bên cạnh đó, những từ ngữ Hán-Việt cổ kính như thiên lương, bức châm, bái lĩnh được sử dụng nhuần nhuyễn vừa phù hợp với không khí, cảnh tượng vừa góp phần tạo nên sự thiêng hóa nhân vật theo bút pháp lãng mạn.

XVI. TÁC PHẨM VĂN HỌC CHÂN CHÍNH

1. Khái niệm

Tác phẩm văn học chân chính là những tác phẩm có giá trị lớn lao, đích thực, thể hiện được những chức năng và sứ mệnh của văn chương với cuộc đời (nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ...). Nói cách khác, văn học chân chính là thứ văn học đặt con người ở vị trí trung tâm để khai thác, phải đề cao phẩm giá của con người, đi sâu vào đời sống nhân loại, lấy chủ nghĩa nhân đạo làm gốc. ... Nó làm cho người gần người hơn

Mọi dòng sông đều đổ về biển rộng, cũng như mọi khám phá sáng tạo đều có đích hướng về, những vấn đề thuộc về con người, nhân sinh, nhân bản. Bởi lẽ, con người là một trung tâm khám phá của văn học nghệ thuật. Văn học có thể viết về mọi vấn đề của đời sống, mọi hình thức sáng tạo, nhưng đều hướng tới để đặt ra và cất nghĩa những vấn đề của nhân sinh. Văn học chân chính phải là thứ văn chương vì đời, nhà văn chân chính phải là nhà văn vì con người, phẩm mới đạt tới tầm nhân bản

2. Yêu cầu của một tác phẩm văn học chân chính

- Xuất phát từ phía nhà văn:

Nhà văn phải có tấm lòng chan chứa tình yêu thương, phải biết đồng cảm, xót thương, sẻ chia với những nỗi khổ đau, bi kịch của con người. Nhà văn phải là người “cho máu”. Văn chương xuất phát từ tư tưởng, tình cảm của con người. Vì thế,

tư tưởng tình cảm càng chân thực, sâu sắc, mãnh liệt thì tác phẩm càng có giá trị. Trong nỗi đau, cảm xúc của con người thường dâng lên tận cùng của sự chân thực, sâu sắc, mãnh liệt. Vì thế, có thấu hiểu được những nỗi đau ấy, nhà văn mới tạo nên những sáng tác giá trị.

L.Tonxtoi khẳng định “một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu”. “Nhà văn tồn tại ở đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giấc cho những con người cùng đường tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui, dồn đến chân tường(...) Nhà văn tồn tại ở đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực” (Nguyễn Minh Châu)

- Xuất phát từ bản chất của văn chương:

“Văn chương không phải đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có thể có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú thêm” (Thạch Lam).

XVII. VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Văn học là một thành phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Từ xa xưa văn học đã mang dấu ấn đậm nét từ những câu ca dao, tục ngữ và dần dần nó phát triển mạnh mẽ hơn không chỉ còn là truyền miệng mà nó còn là trên sách vở, có nghiên cứu khoa học và trở thành một lĩnh vực riêng biệt. Sức ảnh hưởng của văn học đối với đời sống con người vô cùng to lớn.

1. Văn học làm cho cuộc sống của con người thi vị hơn

Cuộc sống chúng ta sẽ thật nhàm chán, tẻ nhạt khi mà mọi người nói chuyện với nhau khô khan, cộc cằn. Văn học cũng thể hiện rõ nét ngay trong cách bạn ứng xử, đối đáp với người khác. Khi có màu sắc của văn học vào sinh hoạt cách con người ta nói chuyện, giao tiếp với nhau cũng trở nên thật dễ chịu, tình cảm, thân thiết.

Chắc chắn rằng văn học là thứ làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên thi vị hơn. Các tác phẩm văn học kinh điển nuôi dưỡng tâm hồn con người, nuôi dưỡng tình cảm và biến thế giới này trở nên màu sắc, hấp dẫn, đa dạng biết bao.

2. Văn học cung cấp những tri thức cần thiết

Từ văn học bạn dường như được khám phá tất cả các phong tục tập quán, văn hóa của từng địa phương, dân tộc. Đây là phương tiện tuyệt vời để chúng ta sống lại với từng giai đoạn lịch sử, các tác phẩm như tam quốc diễn nghĩa, Hoàng Lê nhất thống chí tái hiện lại một thời kỳ lịch sử hoành tráng của dân tộc, Lão Hạc cho bạn thấy được cuộc sống cùng cực của con người Việt Nam trong thời chiến, những bài thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh cho ta thấy được sức mạnh cũng như ý chí hào hùng của dân tộc.

Văn học cũng miêu tả các hiện tượng đời sống tự nhiên một cách chân thực, khách quan và sinh động nhất. Từ đó con người có thể hình dung ra một thế giới đầy đủ, khách quan và đa chiều. Có thể thấy rằng, văn học có vai trò rất to lớn trong việc mang đến kiến thức cho con người.

3. Tâm tư, tình cảm con người được khơi dậy từ văn học

Người ta vẫn nói văn học là một cái gì đó rất trừu tượng, nó không phải một bàn tay nhưng lại có sức mạnh vô hình kéo con người ta lại gần nhau hơn. Đó chính là tâm tư, tình cảm của con người, là ý thức xã hội hình thành trong não chúng ta. Văn học mang đến cảm xúc khác biệt cho từng người, làm cho tình cảm yêu thương, kiêu hãnh, bao dung đến với chúng ta.

Từ những bài thơ, câu ca dao, tục ngữ cho đến các tác phẩm văn học trong và ngoài nước đều chứa đựng rất nhiều thông điệp, tấm lòng và cả bài học nhân văn sâu sắc cho người đọc. Tiếp cận với văn học là bạn đang tự làm cho cảm xúc của mình giàu hơn, mãnh liệt hơn. Theo như nhiều nghiên cứu khoa học cũng như là khảo sát thực tế thì người đọc văn nhiều, quan tâm tới những giá trị văn học thường có lối sống nội tâm, thiên về tình cảm và sâu sắc hơn rất nhiều.

4. Văn học tô màu cho các lĩnh vực khác

Phải thừa nhận với nhau rằng văn học góp mặt trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Ngay như trong giải trí, văn học mang lại tiếng cười, niềm vui. Ứng dụng văn học vào trong miêu tả, tường thuật các trận đấu trên link sopcast xem bóng đá khiến cho chương trình trở nên cuốn hút hơn, chân thực hơn.

Tương tự như vậy với việc bạn học toán chẳng hạn, sẽ thực sự hiệu quả nếu như biến các công thức toán học thành bài thơ sinh động. Chắc chắn bạn sẽ thấy công thức toán học chẳng còn khô khan, nhợt nhạt như mình vẫn tưởng nữa.

5. Văn học là nơi lưu giữ giá trị văn hóa dân tộc

Không sai khi khẳng định rằng văn học chính là nơi lưu trữ giá trị văn hóa dân tộc. Bằng những tác phẩm văn học mà lịch sử dân tộc, nét đẹp trong văn hóa, ẩm thực, truyền thống được tái hiện, truyền tải từ đời này qua đời khác. Chính vì thế mà giá trị văn hóa của đất nước chúng ta không bị mai một, quên lãng.

CHUYÊN ĐỀ 2: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN TRONG ĐỀ THI HSG**PHẦN I: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

- Nghị luận xã hội gồm ba dạng đề cơ bản: Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí; nghị luận về một hiện tượng đời sống; nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong một tác phẩm văn học.

+ Dạng đề nghị luận về một tư tưởng, đạo lí thường mượn một câu danh ngôn, một nhận định, đánh giá nào đó để yêu cầu người viết bàn luận và thể hiện tư tưởng, quan điểm, thái độ của mình.

+ Dạng đề nghị luận về một hiện tượng đời sống thường nêu lên một hiện tượng, một vấn đề có tính thời sự, được dư luận xã hội trong nước cũng như cộng đồng quốc tế quan tâm.

+ Dạng đề nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong một tác phẩm văn học kết hợp kiểm tra được cả về năng lực đọc – hiểu tác phẩm văn học, cả về kiến thức thức xã hội của học sinh.

I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

Nghị luận về 1 tư tưởng, đạo lý có 2 dạng đề:

Đề nổi, học sinh dễ dàng nhận ra và gạch dưới luận đề trong đề bài.

Đề chìm, học sinh cần đọc kỹ đề bài, dựa và ý nghĩa câu nói, câu chuyện, văn bản được trích dẫn mà xác định luận đề.

1. Dạng đề trong đó tư tưởng, đạo lý được nói đến một cách trực tiếp.

Đề bài: “ Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết” (B.Babbles)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN

- Hướng dẫn phân tích đề : Ý kiến trên có các từ khoá trọng tâm cần giải thích :

+ “Sứ mạng” : Vai trò lớn lao, cao cả của cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái.

+ “Người mẹ”: Người sinh ra con cái, rộng hơn đó chính là mái ấm gia đình.

+ “ Chỗ dựa cho con cái”: nơi che chở, yêu thương, là nơi con cái có thể nương tựa.

Câu nói đã đưa ra quan điểm giáo dục của cha mẹ với con cái hết sức thuyết phục : Vai trò của cha mẹ không chỉ nằm trong việc dạy dỗ con mà quan trọng hơn là làm sao để con cái biết sống chủ động, tích cực, không dựa dẫm. Đây chính là vấn đề nghị luận.

Cách làm bài**a. Mở bài**

– Dẫn dắt, giới thiệu tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.

– Mở ra hướng giải quyết vấn đề.

b. Thân bài

*** Giải thích tư tưởng, đạo lý cần bàn luận: (khoảng 10 dòng)**

- Khi giải thích cần lưu ý:

+ Bám sát tư tưởng đạo lý mà đề yêu cầu, tránh suy diễn chủ quan, tùy tiện.

+ Chỉ giải thích những từ ngữ, hình ảnh còn ẩn ý hoặc chưa rõ nghĩa.

+ Phải đi từ yếu tố nhỏ đến yếu tố lớn: giải thích từ ngữ, hình ảnh trước, rồi mới khái

quát ý nghĩa của toàn bộ tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu.

*** Bàn luận tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu: (khoảng 1,5 đến 2 mặt giấy thi)**

- Bàn luận về mức độ đúng đắn, chính xác, sâu sắc của tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu.

Khi bàn luận nội dung này, cần lưu ý:

+ Phân tích, chia tách tư tưởng đạo lí thành các khía cạnh để xem xét, đánh giá.

+ Dùng lí lẽ, lập luận và dẫn chứng để chứng minh tính đúng đắn, đồng thời bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề tư tưởng, đạo lí được bàn luận.

+ Khi bàn luận, đánh giá cần thận trọng, khách quan, có căn cứ vững chắc.

Bàn luận về mức độ đầy đủ, toàn diện của tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu. Khi bàn luận nội dung này, cần lưu ý:

+ Mở rộng bằng cách giải thích và chứng minh.

- Mở rộng bằng cách đào sâu thêm vấn đề. Người viết nên tự đặt ra và trả lời các câu hỏi: Tư tưởng đạo lí ấy đã đầy đủ, toàn diện chưa? Có thể bổ sung thêm điều gì?

+ Người viết cần lật đi lật lại vấn đề, xem xét từ nhiều góc độ, nhiều quan hệ để đánh giá và bổ sung cho hợp lí, chính xác. Người tham gia nghị luận đưa ra mặt trái của vấn đề, phủ nhận nó là công nhận cái đúng, ngược lại, nếu vấn đề bình luận là sai hãy lật ngược bằng cách đưa ra vấn đề đúng, bảo vệ cái đúng cũng có nghĩa là phủ định cái sai.

+ Người viết cần có bản lĩnh, lập trường tư tưởng vững vàng, cần có suy nghĩ riêng, dám đưa ra chính kiến riêng, miễn là có lí, có tình thần xây dựng và phù hợp đạo lí.

*** Rút ra bài học nhận thức và hành động trong cuộc sống: (khoảng 10 dòng)**

- Khi đưa ra bài học nhận thức và hành động, cần lưu ý:

+ Bài học phải được rút ra từ chính tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu, phải hướng tới tuổi trẻ, phù hợp và thiết thực với tuổi trẻ, tránh chung chung, trừu tượng.

+ Nên rút ra hai bài học, một về nhận thức, một về hành động.

+ Bài học cần được nêu chân thành, giản dị, tránh hô khẩu hiệu, tránh hứa suông hứa hão.

c. Kết bài

– Đánh giá ngắn gọn, khái quát về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận.

– Liên hệ mở rộng, nâng cao vấn đề (trích dẫn câu thơ, câu hát, câu nói... hay, phù hợp)

2. Dạng đề trong đó tư tưởng, đạo lí được nói đến một cách gián tiếp (thường gặp trong đề nghị luận về 1 câu chuyện)

Cách làm bài

a. Mở bài

– Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu câu chuyện trong đề bài

– Nêu vấn đề cần nghị luận

b. Thân bài

*** Bước 1: Phân tích, hoặc nêu vấn đề nội dung câu chuyện để rút ra ý nghĩa vấn đề**

– Nhấn mạnh, khẳng định ý nghĩa nội dung từ văn bản văn học đó.

– Từ đó, khái quát chính xác vấn đề xã hội cần nghị luận.

*** Bước 2: Bàn về nội dung của thông điệp rút ra từ câu chuyện đó**

– Giải thích vấn đề (nếu cần thiết)

– Phân tích – chứng minh:

+ Đối với vấn đề xã hội là vấn đề tư tưởng, đạo lí : Làm rõ các biểu hiện của tư tưởng, đạo lí ở những phương diện khác nhau trong đời sống...; dùng thực tế xã hội để chứng minh. Đặt câu hỏi để xác định ý: Như thế nào? Ở đâu? Bao giờ? Người thật việc thật nào?... .

+ Đối với vấn đề xã hội là một hiện tượng đời sống: Xác định đó là hiện tượng tích cực hay tiêu cực, mô tả những biểu hiện của hiện tượng đó....

– Bình luận: Bình luận, chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề xã hội hiện nay

+ Đánh giá: Quan niệm, tư tưởng ấy đúng đắn, sâu sắc như thế nào? Ý nghĩa đối với tâm hồn, nhân cách con người? (tư tưởng, đạo lí) Hiện tượng ấy có ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc sống con người ?

(Cần thể hiện thái độ đồng tình, biểu dương, trân trọng trước vấn đề xã hội có ý nghĩa tích cực; phê phán những biểu hiện sai trái, suy nghĩ, quan niệm lệch lạc so với quan niệm, tư tưởng, hiện tượng được nghị luận)

+ Mở rộng: Xem xét vấn đề ở những phương diện, góc độ khác nhau (phương pháp, góc nhìn, tính hai mặt của vấn đề nghị luận...)

* Bước 3: Rút ra bài học cho bản thân

– Về nhận thức: Vấn đề xã hội đó giúp ta hiểu sâu sắc về điều gì? Rút ra được điều gì có ý nghĩa?

– Về hành động: Xác định hành động bản thân phải làm gì? Việc làm cụ thể, thiết thực.

c. Kết bài

- Khẳng định ý nghĩa của thông điệp từ câu chuyện.
- Liên hệ mở rộng.
- Liên hệ mở rộng.

Đề tham khảo 1: Đọc câu chuyện sau

NGƯỜI CHA ĐƯỢC TẠO RA NHƯ THẾ NÀO?

Khi ông Trời bắt đầu tạo ra người cha đầu tiên trên thế gian, ngài chuẩn bị sẵn một cái khung thật cao. Một nữ thần đi ngang qua ghé mắt coi và thắc mắc: “Thưa ngài, tại sao người cha lại cao đến như vậy? Nếu ông ta đi chơi bi với trẻ con thì phải quỳ gối, nếu ông ấy muốn hôn những đứa con mình lại phải cúi người. Thật bất tiện!”. Trời trầm ngâm một chút rồi gật gù: “Người nói có lý. Thế nhưng nếu ta để cho người cha chỉ cao bằng những đứa con, thì lũ trẻ sẽ biết lấy ai làm tầm cao mà vươn tới?”. Thấy Trời nặn đôi bàn tay người cha to và thô ráp, vị nữ thần lại lắc đầu buồn rầu: “Ngài có biết đang làm gì không? Những bàn tay to lớn thường vụng về. Với đôi

bàn tay ấy, người cha chặt vật lắm mới có thể găm kim băng đóng tã, cài nút áo cho con trai, thắt chiếc nơ hồng cho con gái. Bàn tay ấy không đủ khéo léo để lấy những mảnh dằm nằm sâu trong da thịt mềm mại của trẻ”. Ông Trời mỉm cười đáp: “Nhưng đôi bàn tay to lớn vững chãi đó sẽ dìu dắt bọn trẻ qua mọi sóng gió, cho tới lúc chúng trưởng thành”.

Vị nữ thần đứng bên cạnh nhìn Trời nặn người cha với một đôi vai rộng, lực lưỡng. “Tại sao ngài phí thế?”, nữ thần thắc mắc. “Thế người cha sẽ đặt con ngồi đâu khi phải đưa nó đi xa? Lấy chỗ đâu cho đứa con ngủ gật gối đầu, khi đi xem xiếc về khuya?”. “Quan trọng hơn, đôi vai đó sẽ gánh vác cả gia đình”, ông Trời đáp.

Ông Trời thức trắng đêm để nặn cho xong người cha đầu tiên. Ngài cho tạo vật mới ít nói, nhưng mỗi lời phát ra là một lời quyết đoán. Tuy đôi mắt của người cha nhìn thấu mọi việc trên đời, nhưng lại bình tĩnh và bao dung. Cuối cùng khi đã gần như hoàn tất công việc, Trời thêm vào khóe mắt người cha vài giọt nước mắt. Nhưng sau một thoáng tư lự, Ngài lại chùi chúng đi. Thành ra người đời sau không mấy khi thấy được những giọt lệ hiếm hoi của người cha, mà chỉ có thể cảm và đoán được rằng ông ta đang khóc.

Xong việc, ông Trời quay lại nói với nữ thần: “Người thấy đó, người cha cũng đáng yêu như người mẹ mà ta đã dồn bao công sức để tạo ra”

Viết bài văn nói lên suy nghĩ của anh/chị về vai trò của người cha trong gia đình.

Dàn bài

a. Mở bài:

- Vai trò người cha trong gia đình, giới thiệu câu chuyện trong đề bài

b. Thân bài

* **Tóm tắt câu chuyện:** thí sinh tự tóm tắt khoảng 5 dòng.

* **Bàn luận về vai trò của người cha dựa trên câu truyện đã cho:**

+ Người cha gánh vác mọi trọng trách của gia đình (dạy con, làm việc nặng, lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống gia đình...)

+ Người cha chỗ dựa lớn lao về mặt tinh thần (vì người cao lớn, đôi tay cứng cỏi, tâm hồn cao thượng, không yếu mềm...)

+ Cùng với người mẹ, người cha tạo ra một mái ấm hạnh phúc mang đến thuận hòa trong gia đình.

+ Phê phán những người cha thiếu trách nhiệm với gia đình, con cái và trở thành gánh nặng của gia đình, của xã hội. Lên án thói vũ phu, bạo hành của người cha, người chồng trong gia đình. Nhưng cũng cần thiết phải lên án hành động ngược đãi của con cái đối với cha mẹ mình.

* **Bài học rút ra từ câu chuyện:**

+ Trân trọng và yêu thương người cha, người mẹ trong gia đình.

+ Bảo vệ người cha và lên án thói ngược đãi của con cái trong gia đình.

c. Kết bài

Suy nghĩ của bản thân.

Đề tham khảo 2: Trình bày suy nghĩ của anh/chị về thông điệp từ câu chuyện sau:

Một cậu bé nhìn thấy cái kén của con bướm. Một hôm cái kén hở ra một cái khe nhỏ, cậu bé ngồi và lặng lẽ quan sát con bướm trong vòng vài giờ khi nó gắng sức để chui qua khe hở ấy. Nhưng có vẻ nó không đạt được gì cả.

Do đó cậu bé quyết định giúp con bướm bằng cách cắt khe hở cho to hẳn ra. Con bướm chui ra được ngay nhưng cơ thể nó bị phồng rộp và bé xiu, cánh của nó co lại. Cậu bé tiếp tục quan sát con bướm, hi vọng rồi cái cánh sẽ đủ lớn để đỡ được cơ thể nó. Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Thực tế, con bướm đó sẽ phải bỏ ra suốt cả cuộc đời nó chỉ để bò trườn với cơ thể sưng phồng. Nó không bao giờ bay được.

Cậu bé không hiểu được rằng chính cái kén bó buộc làm cho con bướm phải cố gắng thoát ra là điều kiện tự nhiên để chất lưu trong cơ thể nó chuyển vào cánh, để nó có thể bay được khi nó thoát ra ngoài kén.

(Hạt giống tâm hồn, First New, NXB TP HCM, Tr 123)

Dàn bài

a. Mở bài

- Giới thiệu câu chuyện.

b. Thân bài

*** Tóm tắt câu chuyện**

*** Phân tích: Câu chuyện đặt ra hai vấn đề:**

- Những khó khăn thử thách trong cuộc sống chính là cơ hội cho con người tự rèn luyện, phấn đấu vươn lên để khẳng định bản thân và tự hoàn thiện mình (ý chính).
- Lòng tốt nếu không thể hiện đúng cách, đúng chỗ có thể gây ra những hậu quả, những hệ lụy nghiêm trọng (ý phụ).

*** Bàn luận:**

- Tại sao những khó khăn thử thách trong cuộc sống là những cơ hội cho con người vươn lên?

+ Khó khăn thử thách buộc con người phải phấn đấu không ngừng; khó khăn thử thách rèn cho con người bản lĩnh, ý chí; khó khăn nhiều khi là động lực kích lệ 1 con người hành động... Khi vượt qua thử thách, con người sẽ trưởng thành hơn (dẫn chứng).

+ Nếu không có khó khăn thử thách, con người sẽ ỷ lại, không có môi trường để rèn luyện, phấn đấu, không có động lực để vươn lên... (dẫn chứng).

- Tại sao lòng tốt không thể hiện đúng cách, đúng chỗ có thể gây ra những hậu quả, những hệ lụy nghiêm trọng?

+ Lòng tốt rất cần trong cuộc sống...

+ Những lòng tốt phải thể hiện đúng cách, đúng chỗ, đúng lúc, hợp hoàn cảnh thì mới có tác dụng... (dẫn chứng).

*** Bài học nhận thức và hành động:**

- Mỗi quan hệ giữa khó khăn và sự trợ giúp...
- Liên hệ bản thân.

c. Kết bài

Khẳng định ý nghĩa của vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm.

II. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1. Nhận biết.

Nghị luận về một hiện tượng đời sống và nghị luận về một tư tưởng đạo lí, bên cạnh những nét khác biệt còn rất nhiều điểm tương đồng. Vì vậy học sinh cần nhận diện rõ đề thuộc kiểu bài nào để có cách làm bài phù hợp.

Kiểu bài nghị luận về hiện tượng đời sống thường đề cập đến những hiện tượng nổi bật, tạo được sự chú ý và có tác động đến đời sống xã hội như:

- + Ô nhiễm môi trường, sự nóng lên của trái đất, nạn phá rừng, thiên tai lũ lụt...
- + Bạo hành gia đình, Bạo lực học đường, tai nạn giao thông...
- + Tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục, hiện tượng chảy máu chất xám...
- + Phong trào tiếp sức mùa thi, giúp đỡ đồng bào lũ lụt, tấm gương người tốt, việc tốt, nếp sống đẹp...

2. Dàn bài Nghị luận về một hiện tượng đời sống

a. Mở bài

- Giới thiệu sự việc, hiện tượng cần bàn luận
- Mở ra hướng giải quyết vấn đề: Thường là trình bày suy nghĩ

b. Thân bài

*** Giải thích hiện tượng đời sống:** (khoảng 10 -15 dòng)

- Khi giải thích cần lưu ý:

- + Bám sát hiện tượng đời sống mà đề yêu cầu, tránh suy diễn chủ quan, tùy tiện.
- + Làm nổi bật được vấn đề cần bàn bạc trong bài.

*** Bàn luận về hiện tượng đời sống:** (khoảng 1,5 đến 2 mặt giấy thi)

- Phân tích các mặt, các biểu hiện của sự việc, hiện tượng đời sống cần bàn luận
- Nêu đánh giá, nhận định về mặt đúng – sai, lợi – hại, lí giải mặt tích cực cũng như hạn chế của sự việc, hiện tượng ấy, bày tỏ thái độ đồng tình, biểu dương hay lên án, phê phán.
- Chỉ ra nguyên nhân của của sự việc, hiện tượng ấy, nêu phương hướng(biện pháp) khắc phục mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực của sự việc, hiện tượng.

***Rút ra bài học nhận thức và hành động trong cuộc sống:** (khoảng 10 dòng)

- Liên hệ với bản thân và thực tế đời sống, rút ra bài học nhận thức và hành động.
- Đề xuất bài học về cách sống, cách ứng xử nói chung và đối với bản thân nói riêng.

c. Kết bài

– Đánh giá chung về sự việc, hiện tượng đời sống đã bàn luận.

– Phát triển, mở rộng, nâng cao vấn đề.

2. Đề bài tham khảo: Viết bài văn nghị luận từ trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng sau:

"Mới đây, dư luận lại xôn xao về một cô thiếu nữ có "khuôn mặt ưa nhìn" đã phô ra trên Facebook cả một loạt ảnh ngời ghéch chân trên bia mộ liệt sĩ..." (Theo Nỗi sợ hãi không muốn "học làm người" - Mục Góc nhìn của nhà thơ Trần Đăng Khoa-Tuổi trẻ và đời sống, số 152 ngày 14/1/2013)

HƯỚNG DẪN

Phân tích đề

a. Yêu cầu về nội dung: Bàn về hiện tượng một thiếu nữ...cho cả thế giới "chiêm ngưỡng" -> Hiện tượng thể hiện hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, đi ngược lại truyền thống đạo lí "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc,...

b. Yêu cầu về thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận.

c. Yêu cầu về phạm vi tư liệu: đời sống xã hội.

Lập dàn ý

a. Mở bài: Giới thiệu hiện tượng cần bàn.

b. Thân bài:

*** Nêu bản chất của hiện tượng - giải thích hiện tượng**

- Hiện tượng thể hiện hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, đi ngược lại truyền thống đạo lí "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc,...

*** Bàn luận thực trạng, nguyên nhân của hiện tượng bằng các thao tác phân tích, chứng minh**

- Thực trạng: Hiện nay tình trạng một bộ phận thanh, thiếu niên có suy nghĩ và hành động lệch lạc, có hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, đi ngược lại truyền thống đạo lí... không ít (dẫn chứng cụ thể từ đời sống, lấy thông tin trên các phương tiện truyền thông).

- Nguyên nhân:

+ Khách quan: thiếu vắng mối quan tâm, sự giáo dục của gia đình và nhà trường. Những ảnh hưởng của phim ảnh, internet, sự tràn lan của lối sống cá nhân thích làm nổi, thích gây sốc để nhiều người biết đến,...

+ Chủ quan: Nhiều thanh thiếu niên tuy được sinh ra và lớn lên ở môi trường giáo dục tốt nhưng lại có suy nghĩ và hành động lệch lạc, bởi họ không có ý thức hoàn thiện mình cũng như tự bồi đắp tâm hồn mình bằng những cách cư xử có văn hóa.

- Hậu quả của hiện tượng:

+ Gây xôn xao, bất bình trong dư luận, làm tổn thương, xúc phạm đến những giá trị đạo đức, đi ngược lại truyền thống đạo lí tốt đẹp "Uống nước nhớ nguồn"..., tác động không tốt đến giới trẻ

+ Bản thân người trong cuộc phải gánh chịu những lên án, bất bình của dư luận xã hội...

*** Giải pháp khắc phục:**

+ Nâng cao nhận thức ở giới trẻ: nhà trường và đoàn thanh niên cần thường xuyên tổ chức các diễn đàn để tuyên truyền, giáo dục thanh niên về lối sống đẹp và giữ gìn truyền thống "Uống nước nhớ nguồn".

+ Những hình ảnh phản cảm trên cần được dư luận phê phán quyết liệt, gia đình và nhà trường phải nghiêm khắc, nhắc nhở,...

(Lưu ý cần đưa dẫn chứng thực tế để chứng minh)

c. Kết bài:

- Bày tỏ ý kiến riêng về hiện tượng xã hội vừa nghị luận.

+ Thấy rõ sự cần thiết phải tích cực trau dồi nhân cách, bồi đắp những giá trị đạo đức, văn hóa, đặc biệt là đạo lí "Uống nước nhớ nguồn".

+ Kiên quyết lên án và ngăn chặn những biểu hiện của lối sống vô cảm, thiếu văn hóa để xã hội lành mạnh, tiến bộ hơn.

III. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐƯỢC ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC (thơ, văn xuôi)

Lưu ý:

– Dạng bài nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học là một dạng đề tích hợp giữa làm văn và đọc văn.

– Cần thấy rõ đây là kiểu bài nghị luận xã hội chứ không phải là nghị luận văn học. Tác phẩm văn học chỉ là “ cái có” khởi đầu. Mục đích chính của kiểu bài này là yêu cầu người viết bàn bạc nghị luận về một vấn đề xã hội ,tư tưởng,nhân sinh đặt ra trong tác phẩm đó mà bàn luận ,kiến giải.

1. Dàn bài Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học (thơ, văn xuôi)

a. Mở bài

– Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề xã hội đặt ra trong các tác phẩm văn học cần bàn luận.

– Mở ra hướng giải quyết vấn đề.

b. Thân bài

*** Vài nét về tác giả và tác phẩm:** (ngắn gọn)

- Giới thiệu ngắn gọn tác giả, tác phẩm có vấn đề nghị luận.

*** Bàn luận vấn đề xã hội đặt ra trong các tác phẩm văn học mà đề yêu cầu:**
(khoảng 1,5 đến 2 mặt giấy thi)

– **Nêu vấn đề được đặt ra trong tác phẩm văn học:**

+ Người viết phải vận dụng kĩ năng đọc – hiểu văn bản để trả lời các câu hỏi: Vấn đề đó là gì? Được thể hiện như thế nào trong tác phẩm?

+ Cần nhớ, tác phẩm văn học chỉ là cái có để nhân đó mà bàn bạc, nghị luận về vấn đề xã hội, vì thế **không nên đi quá sâu vào việc phân tích tác phẩm mà chủ yếu rút ra vấn đề có ý nghĩa xã hội để bàn bạc.**

– Từ vấn đề xã hội được rút ra, người viết tiến hành làm bài nghị luận xã hội, nêu những suy nghĩ của bản thân mình về vấn đề xã hội ấy:

+ Vấn đề được yêu cầu bàn luận ở đây (cũng là vấn đề xã hội mà nhà văn đặt ra trong tác phẩm văn học) có thể là 1 tư tưởng đạo lí, có thể là một hiện tượng đời sống.

+ Vì vậy người viết chỉ cần nắm vững cách thức làm các kiểu bài nghị luận xã hội (về tư tưởng đạo lí, về một hiện tượng của đời sống) để làm tốt phần này.

+ Khẳng định ý nghĩa của vấn đề trong việc tạo nên giá trị của tác phẩm.

*** Rút ra bài học nhận thức và hành động trong cuộc sống:** (khoảng 10 dòng).

- Khi đưa ra bài học nhận thức và hành động, cần lưu ý:

+ Bài học phải được rút ra từ chính vấn đề xã hội (tư tưởng đạo lí hoặc hiện tượng đời sống) được đặt ra trong tác phẩm mà đề yêu cầu, phải hướng tới tuổi trẻ, phù hợp và thiết thực với tuổi trẻ, tránh chung chung, trừu tượng.

+ Nên rút ra hai bài học, một về nhận thức, một về hành động.

+ Bài học cần được nêu chân thành, giản dị, tránh hô khẩu hiệu, tránh hứa suông hứa hão.

c. Kết bài

– Đánh giá ngắn gọn, khái quát về vấn đề xã hội đã bàn luận.

– Phát triển, liên tưởng, mở rộng, nâng cao vấn đề.

2. Đề bài tham khảo: Bài thơ Dặn con của tác giả Trần Nhuận Minh dưới đây gọi cho anh (chị) suy nghĩ gì về cách ứng xử với những người bất hạnh?

...Lòng tốt gửi vào thiên hạ

Biết đâu nuôi bổ sau này...

Dàn bài

a. Mở bài

- Con người trong cuộc đời sống phải có nhau, quý là ở cái tình. Nó có thể khiến người ta cảm thông được cho nhau, có thể giúp người ta cùng nhau chia sẻ để vơi bớt buồn đau, nhân đôi niềm hạnh phúc.

- Tuy nhiên, không phải cứ có tình cảm chân thành là đã đủ. Đôi khi, cách cư xử cụ thể cũng quan trọng không kém so với động cơ tình cảm ở bên trong. Bài thơ Dặn con của nhà thơ Trần Nhuận Minh là một bài thơ thấm thía bởi đề cập đến một cách ứng xử rất mực nhân tình với những người bất hạnh quanh ta.

b. Thân bài

*** .Khái quát về lời dặn con của người cha**

- **Cách đối xử với người bất hạnh (người ăn mày)**

+ *Đồng cảm và sẻ chia:* Hiểu được nguyên nhân của tình cảnh hiện tại mà người khác phải chịu đựng “tội trời đày” là bất hạnh do số phận, do không may, không phải

do không nỗ lực, cũng không phải ai muốn lâm vào tình cảnh ấy). Đặt mình vào tình cảnh của họ để cảm thông với họ (cần quan tâm song sự quan tâm ấy phải tế nhị, đúng lúc. Với người hành khất, hỏi gốc gác, quê hương là điều cần tránh vì sẽ tạo cảm giác chạnh lòng, xót xa). Chia sẻ với họ một phần trong những gì mình có - và sự sẻ chia ấy nên là hành động tự nguyện, tự nhiên cũng như tự nhiên họ đến với mình (*Nhà mình sát đường họ đến/Có cho thì có là bao*). Tuyệt đối tránh thái độ kỳ thị, khinh miệt, thậm chí tránh cả biểu hiện của thái độ thương hại vì trong trường hợp này lòng thương hại cũng sẽ gây tổn thương không kém gì sự coi thường, khinh miệt.

+ Bảo vệ và tránh những rào cản, ngăn cách: Tình thế của người hành khất là tình thế của con người yếu đuối, cô độc, dễ mất tự tin, sự cản trở dù nhỏ nhất cũng sẽ gây tổn thương, đau đớn. Phá bỏ rào cản mới là trọn vẹn cái tình, trọn vẹn tấm lòng mà con người có thể dành cho nhau (*Con chó nhà mình rất hư/Hễ thấy ăn mày là cắn /Con phải răn dạy nó đi/Nếu không thì con đem bán*).

- Ý nghĩa của cách đối xử ấy:

+ Giảm bớt khó khăn về vật chất, cũng giảm bớt cả những thương tổn tinh thần cho những người vốn đã bất hạnh, đau khổ. Đó là biểu hiện của tình thương, tình người - điều rất cần thiết để là người.

+ Thương người cũng chính là cách để thương mình. Cái sâu sắc của người cha khi dạy con là tạo cho con một cách sống nhân ái, góp phần tạo nên một môi trường xã hội đầy nhân ái để những bất trắc, đảo lộn, đổi thay của thời thế cũng không đẩy con người đến chỗ cùng đường tuyệt lộ (*Mình tạm gọi là no ấm/Biết đâu cơ trời vắn xoay/Lòng tốt gửi vào thiên hạ/Biết đâu nuôi bố sau này...*).

*** Bàn luận về thông điệp gọi ra từ bài thơ:** *Đánh giá quan điểm dạy con và cách sống của người cha trong bài thơ:*

- Người cha hiểu thấu lẽ đời và rất giàu tình người. Hiểu thấu được những bất trắc trong cuộc xoay vần của “cơ trời” và giàu tình người để có thể “*thương người như thể thương thân*”.

- Người cha yêu thương con theo một cách thức đặc biệt - một tình yêu thương rất sâu và rất lớn lao khi rất chú ý đến việc hoàn thiện nhân cách và vun đắp tình người cho tâm hồn người con từ một câu chuyện rất thông thường của đời sống.

- Trong bài thơ tuy không có sự hiện diện của người con song có thể hình dung tới cái đáng người con cúi đầu đón nhận lời răn dạy của người cha nhân từ.

- Nếu những bậc làm cha, làm mẹ bên cạnh việc chăm sóc nuôi dưỡng phần xác còn biết nuôi dưỡng, hoàn thiện phần hồn như người cha trong bài thơ, xã hội sẽ có những thế hệ con trẻ biết nghĩ và sống một cách khoan dung nhân ái

*** Liên hệ - rút ra bài học**

- Tự nhìn nhận, đánh giá lại bản thân mình qua hành vi ứng xử với người bất hạnh xung quanh.
- Bài học: cần biết điều chỉnh cách sống, cách ứng xử để không chỉ thể hiện được lòng thương mà còn thể hiện được sự tế nhị - đó mới là cách sống, cách ứng xử của người có văn hoá.

c. Kết bài

- Trong xã hội hiện đại, cuộc sống với quá nhiều áp lực và với nhịp độ gấp gáp có thể cuốn ta đi, khiến ta sống theo tốc độ mà khó sống với các mối liên hệ rộng lớn, phong phú và thâm sâu của đời sống. Cách sống tốc độ có thể làm ta sống có hiệu quả hơn về mặt công việc và sự phát triển bản thân song cũng khiến khoảng cách giữa con người bị nới rộng.
- Sống chậm lại, dành ra những phút để nhìn lại mình là điều cần thiết. Bài thơ Dặn con của Trần Nhuận Minh trở nên thấm thía bởi nó giúp mỗi người làm được điều đó.

PHẦN II: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC

I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN, QUAN ĐIỂM TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Khái niệm:

- Nghị luận về một ý kiến, quan điểm trong tác phẩm văn học là việc thể hiện quan điểm, chính kiến của mình bằng việc sử dụng kết hợp và linh hoạt các thao tác nghị luận: giải thích, bình luận, chứng minh, so sánh, bình luận, bác bỏ. –
- Đề bài văn nghị luận về một ý kiến, quan điểm trong tác phẩm văn học là những quan điểm, nhận xét của một nhà văn, một nhà nghiên cứu hay chính bạn đọc về tác phẩm văn học.

2. Những lưu ý khi làm bài văn nghị luận về một ý kiến, quan điểm trong tác phẩm văn học

- Cần xác định rõ ý kiến bàn về phương diện nào của tác phẩm văn học: nội dung hay nghệ thuật, tình huống truyện hay chi tiết truyện, nhân vật hay nghệ thuật xây dựng nhân vật,...
- Ý kiến được đưa ra bàn luận là đúng hay sai? Quan điểm cá nhân đối với ý kiến đó.
- Bám sát vào tác phẩm để tìm những chi tiết nổi bật và làm rõ ý kiến nhận định. Tránh việc xa rời tác phẩm, dẫn đến việc nghị luận lan man và không chính xác.
- Vận dụng thành thạo và linh hoạt các thao tác lập luận.

3. Dàn ý của bài văn nghị luận về một ý kiến, quan điểm trong tác phẩm văn học

a. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm xuất hiện trong *ý kiến nghị luận*.
- Dẫn dắt nội dung cần nghị luận vào bài.
- Trích dẫn nguyên văn ý kiến, quan điểm.

b. Thân bài

- Giải thích và làm rõ ý kiến, quan điểm.
- Bàn luận các khía cạnh của vấn đề cần nghị luận qua việc:
 - + Đưa ra ý kiến của bản thân: Đồng tình hay bác bỏ.
 - + Phân tích, chứng minh ý kiến, nhận định bằng những lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng rõ ý kiến, quan điểm bàn về vấn đề gì trong tác phẩm văn học.

c. Kết bài

- Khẳng định thái độ của người viết về ý kiến, quan điểm trong đề.

4. Đề bài tham khảo:

Đề bài : Nhận xét về bài thơ “*Rằm tháng giêng*” của Hồ Chí Minh, có ý kiến cho rằng: *Bài thơ “Rằm tháng giêng” là cả một sự hài hòa tuyệt đẹp*”.

Bằng những cảm nhận về bài thơ, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

II. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC MANG TÍNH LÍ LUẬN

1. Khái niệm

- Lí luận văn học, hiểu một cách đơn giản là bộ môn nghiên cứu văn học ở bình diện khái quát, nhằm tìm ra những quy luật chung nhất về văn học. Kiến thức lí luận văn học sẽ giúp chúng ta trả lời các câu hỏi khái quát ví dụ như: Văn học bắt nguồn từ đâu? Một tác phẩm văn học do những yếu tố nào tạo thành? Văn học được sáng tác và được tiếp nhận như thế nào? Văn học sinh ra để làm gì?...

2. Các đề NLVH thường gặp hiện nay (ba cấp độ) :

a. Cấp độ 1 (ít gặp trong đề thi HSG): Phân tích các yếu tố cơ bản trong một tác phẩm văn học.

-Phân tích nhân vật “ ông Hai’ trong tác phẩm “Làng” của nhà văn Kim Lân.

b. Cấp độ 2 (ít gặp trong đề thi HSG): Phân tích các yếu tố trong tác phẩm văn học để làm rõ một yêu cầu nào đó.

-Phân tích giá trị nhân đạo trong tác phẩm “ Lão Hạc” của nhà văn Nam Cao

-Phân tích chất thơ trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa pa” của Nguyễn Thành Long.

c. Cấp độ 3 (thường xuyên xuất hiện trong đề thi HSG): Giải quyết một nhận định lí luận văn học.

-Bình luận về ý kiến của nhà thơ Tố Hữu: “Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy”.

-Tác phẩm nghệ thuật chân chính là sự tôn vinh con người bằng cách hình thức nghệ thuật độc đáo.

- “Chỉ cần hình ảnh đẹp, giàu sức gợi là đã đủ để làm nên một bài thơ hay”.

3. Dàn bài NL về một vấn đề lí luận văn học

Kiểu bài **nghị luận về một ý kiến bàn về văn học mang tính lí luận** là kiểu bài phổ biến trong các đề thi HSG Ngữ văn. Tuy nhiên nhiều em học sinh chưa biết cách làm kiểu bài này, đôi khi các em sa đà vào phân tích lan man hoặc không biết bắt đầu từ đâu. Để làm tốt kiểu bài này các em cần có những kĩ năng nhất định. Từ những kiến thức vừa nêu, tôi đề xuất dàn ý chung để giải quyết các bài giải quyết một vấn đề LLVH như sau:

a. Mở bài

- Giới thiệu, dẫn dắt vào vấn đề nghị luận
- Trích dẫn ý kiến và định hướng triển khai.

b. Thân bài

*** Giải thích**

- Giải thích các thuật ngữ, các từ ngữ, hình ảnh khó (từ khóa) trong nhận định.
- Chốt vấn đề nghị luận: Như vậy, vấn đề cần bàn ở đây là gì?

*** Phân tích, bình luận, chứng minh:**

- Sử dụng các kiến thức lí luận văn học để lí giải vấn đề nghị luận. Trả lời cho câu hỏi “vì sao?”
- Chọn 1 hoặc vài tác phẩm(tùy theo yêu cầu của đề), phân tích kĩ tác phẩm cả về nội dung lẫn nghệ thuật để làm sáng tỏ vấn đề qua ý kiến, nhận định.

*** Đánh giá chung:**

- Đánh giá ngắn gọn về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm phân tích
- Đánh giá đúng đắn của vấn đề nghị luận.
- Bổ sung, phản biện lại vấn đề (Nếu có)
- Liên hệ so sánh, mở rộng

c. Kết bài

- Trở lại vấn đề để khẳng định ý kiến
- Liên hệ và rút ra bài học cho nhà văn trong quá trình sáng tác và bạn đọc trong quá trình tiếp nhận.

**CHUYÊN ĐỀ 3: THAM KHẢO MỘT SỐ ĐỀ- ĐÁP ÁN TRONG
CÁC KÌ THI HỌC SINH GIỎI**

ĐỀ SỐ 1:

Câu 1 (2,0 điểm).

Nêu cảm nhận của em về nội dung và nghệ thuật của đoạn văn sau:

“Văn chương gây cho ta những tình cảm không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần...”

(Ý nghĩa văn chương – Ngữ văn 7 tập 2)

Câu 2(3,0 điểm).

Hiện nay, nhiều bạn học sinh có biểu hiện không trung thực với bố mẹ, thầy cô, bạn bè, vì vậy rất hay nói dối. Hãy viết một đoạn văn khuyên các bạn rằng: Nói dối là rất có hại cho bản thân.

Câu 3(5,0 điểm).

"Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài..."

(Ý nghĩa văn chương – Hoài Thanh, Ngữ văn 7, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, Trang 60)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua truyện ngắn “Sống chết mặc bay” của Phạm Duy Tốn.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

ĐÁP ÁN	ĐIỂM
---------------	-------------

Câu 1	* Hình thức: Viết thành đoạn văn cảm thụ đúng, trình bày thể hiện được cảm nhận riêng của bản thân, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	0,5
	* Nghệ thuật: Trong đoạn văn này, tác giả đã sử dụng biện pháp điệp ngữ và liệt kê.	0,5
	* Nội dung: - Tác dụng to lớn của văn chương là chức năng giáo dục bồi dưỡng tư tưởng tình cảm cho con người, giúp con người tự khám phá, nâng cao niềm tin khát vọng hướng tới những cái đẹp của cuộc đời. + Những tình cảm ta sẵn có như tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước... + Những tình cảm ta chưa có: cảm thông, khâm phục, rung động cùng tình cảm của những người ở đâu đâu mà ta không quen biết, tình cảm yêu kính đối với lãnh tụ, tình cảm khao khát khám phá những mảnh đất xa xôi, bí ẩn....	0,5 0,25 0,25
Câu 2	* Về mặt hình thức: - HS viết thành một đoạn văn chứng minh luận điểm: Nói dối là rất có hại cho bản thân. - Câu văn mang luận điểm phải được giữ nguyên ý nghĩa. - Chọn một phương pháp viết đoạn phù hợp. - Biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục, sắc sảo	1,0
	* Về mặt nội dung: đoạn văn đảm bảo các ý sau: + Nói dối làm mất niềm tin của mọi người với mình. (Trong học tập, trong gia đình, những biểu hiện nói dối bố mẹ, thầy cô, bạn bè, có hại ra sao...) + Nói dối hình thành tính không trung thực cho bản thân, tạo thói quen sống giả tạo. + Chứng minh bằng câu chuyện của cậu bé chăn cừu, hoặc cậu bé tên Ngỗ. + Nói dối rất có hại vậy nên chúng ta không được nói dối	0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 3	a. Yêu cầu về kĩ năng: - Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận giải thích, chứng minh vấn đề gợi ra từ một tác phẩm văn học; kết hợp bày tỏ quan điểm của bản thân.	

- Lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu, bố cục hợp lí; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

b. Yêu cầu về nội dung:

Học sinh cần thực hiện được những nội dung sau:

Học sinh nêu được những ý sau:

a. Mở bài:

- Vấn đề trung tâm của văn chương là vấn đề con người và nguồn gốc cốt yếu của văn chương chính là lòng thương người.

- Lòng thương người hay nói rộng ra là giá trị nhân đạo là phẩm chất cốt lõi, là tiêu chuẩn cho một tác phẩm văn học chân chính. *(dẫn ý kiến của Hoài Thanh)*

b. Thân bài:

* *Giải thích ý kiến:*

- Hoài Thanh đã đưa ra vấn đề quan trọng, bản chất của văn chương, được coi là nguồn gốc cốt yếu của văn chương: *lòng thương người mà rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài*. Văn chương chính là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc, chỉ bật ra khi trong tim cuộc sống tràn đầy. Nói chuyện văn chương chính là chuyện của những tâm hồn đồng điệu.

- Lòng thương người, thậm chí thương cả muôn vật, muôn loài là tình cảm rộng lớn, cao cả, mang tầm nhân loại. Tình cảm ấy không chỉ là cội nguồn của văn chương mà còn là thước đo giá trị của tác phẩm văn chương chân chính. Giá trị đó chính là giá trị nhân đạo, là những ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm.

- Giá trị nhân đạo là một giá trị nhân bản của tác phẩm văn học chân chính. Nói đến giá trị nhân đạo, đến ý nghĩa nhân văn là nói đến vấn đề con người, vấn đề nhân sinh đặt ra trong tác phẩm. Ở đó, con người luôn được đặt ở vị trí hàng đầu, trong mối quan hoài thường trực của các nhà văn.

- Biểu hiện của giá trị nhân đạo rất đa dạng song thường tập trung vào những mặt cụ thể sau: lòng thương yêu, sự cảm thông, xót xa trước những hoàn cảnh, những số phận bất hạnh; lên án, tố cáo các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người; ngợi ca, đề cao những vẻ đẹp, phẩm giá cao quý; trân trọng, nâng niu khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc của con người.

* *Giá trị nhân đạo qua truyện ngắn “Sống chết mặc bay” của Phạm Duy Tốn.*

<p>- Thể hiện niềm thương cảm của tác giả trước cuộc sống vất vả, lam than cơ cực của người dân trước thiên tai....</p> <p>- Tố cáo cuộc sống xa hoa cũng như bản chất tàn nhẫn, vô trách nhiệm, vô nhân đạo của bọn quan lại – mà trực tiếp ở đây là tên quan “phụ mẫu”....</p> <p>c. Kết bài:</p> <p><i>Đánh giá ý kiến của Hoài Thanh:</i></p> <p>- Ý kiến của Hoài Thanh về nguồn gốc, phẩm chất của văn chương là ý kiến đúng đắn, khoa học bởi nó đã nói lên đặc trưng, thuộc tính quan trọng nhất của văn học: Văn học là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc; văn học mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc - “Văn học là nhân học”(M. Gorki).</p> <p>- Truyện ngắn “Sống chết mặc bay” của Phạm Duy Tồn đã thể hiện rõ nét quan niệm văn học của Hoài Thanh. Bởi cả hai đều là những tác phẩm mang giá trị nhân đạo cao cả, hướng tới con người, vì con người.</p> <p>Biểu điểm chấm:</p> <p>- Bài làm đạt được đầy đủ các yêu cầu về nội dung, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục... không mắc lỗi dùng từ, câu: đạt 4.0 điểm</p> <p>- Bài làm còn thiếu một ý trong bốn ý phần thân bài, còn một số lỗi nhỏ trong cách dùng từ, đặt câu: đạt 3.0 đến 3.75 điểm.</p> <p>- Bài làm thiếu 2 ý trong bốn ý phần thân bài, còn mắc một số lỗi về dùng từ, đặt câu, ít sử dụng được dẫn chứng: đạt 2.0 đến 2.75 điểm.</p> <p>- Bài làm sơ sài, dùng từ thiếu chính xác, chưa biết cách làm văn nghị luận chứng minh, dẫn chứng chưa tiêu biểu, chưa thuyết phục...: đạt 1.0 đến 1.75 điểm.</p> <p>- Bài làm lạc đề, viết không mạch lạc, nội dung sơ sài hoặc không làm bài: được 0 đến 0.75 điểm.</p> <p>* Giáo viên chấm bài cần nghiên cứu kỹ <u>biểu điểm nội dung</u> và <u>biểu điểm hình thức</u> để cho điểm khách quan, chính xác, trân trọng sự sáng tạo của học sinh.</p>	
---	--

ĐỀ SỐ 2

Phần I. Đọc – hiểu: (4 điểm)

MẸ VÀ QUẢ

(Nguyễn Khoa Điềm)

“...Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
 Còn những bí và bầu thì lớn xuống
 Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
 Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi.
 Và chúng tôi, một thứ quả trên đời
 Bảy mươi tuổi mẹ vẫn chờ được hái
 Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
 Minh vẫn còn là một thứ quả non xanh?”

1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì? (1đ)
2. Nêu nội dung của đoạn thơ.(1đ)
3. Chỉ ra biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh được sử dụng trong bài thơ trên? Tác dụng của các biện pháp đó?(2đ)

Phần II. Làm văn(16 điểm)

Câu 1: (6.0 điểm)

Đọc mẫu chuyện sau:

"Chuyện kể, một danh tướng có lần đi ngang qua trường học cũ của mình, liền ghé vào thăm. Ông gặp lại người thầy từng dạy mình hồi nhỏ và kính cẩn thưa:

- Thưa thầy, thầy còn nhớ con không? Con là...

Người thầy giáo già hoảng hốt:

- Thưa ngài, ngài là...

- Thưa thầy, với thầy con vẫn là đứa học trò cũ. Con có được những thành công hôm nay là nhờ sự giáo dục của thầy ngày nào..."

(Quà tặng cuộc sống)

Bằng một bài văn ngắn, hãy nêu suy nghĩ của em về những điều tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện trên.

Câu 2: (10 điểm)

Đánh giá về ca dao, có ý kiến cho rằng:

“Ca ngợi tình cảm gia đình đầm ấm, tình yêu quê hương đất nước thiết tha là một nội dung đặc sắc của ca dao”.

Qua các bài ca dao đã học và những hiểu biết của em về ca dao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

.....**Hết**.....

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Câu trả lời	Điểm
I	1	Biểu cảm.	1,0đ
	2	Thể hiện lòng biết ơn của người con đối với mẹ.	1,0đ

		<p>- So sánh: Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên Còn những bí và bầu thì lớn xuống</p> <p>- Ẩn dụ: Quả xanh non – sự đại dộ chưa trưởng thành của người con.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+Làm nổi bật công lao to lớn của mẹ, sự vun trồng bồi đắp để con là một thứ quả ngọt ngào.</p> <p>Giọt mồ hôi mẹ nhỏ xuống như một thứ suối nguồn bồi đắp để những mùa quả thêm ngọt thơm.</p> <p>+ Lay thức tâm hồn con người về ý thức trách nhiệm, sự đền đáp công ơn sinh thành của mỗi con người chúng ta với mẹ...</p>	<p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p>
II	1	<p>1. Về kĩ năng</p> <p>- Viết đúng thể thức của một bài văn ngắn, đúng kiểu bài nghị luận xã hội.</p> <p>- Bố cục 3 phần cân đối, lập luận chặt chẽ; luận điểm rõ ràng.</p> <p>- Diễn đạt lưu loát; dẫn chứng xác thực; liên hệ mở rộng tốt.</p> <p>- Trình bày sạch đẹp; ít sai lỗi câu, từ, chính tả.</p> <p>2. Về kiến thức</p> <p>Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách nhưng cần làm rõ được các yêu cầu cơ bản sau:</p> <p>+ Tóm tắt nội dung câu chuyện:</p> <p>- Câu chuyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa người học trò cũ và thầy giáo già.</p> <p>- Câu chuyện thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn thầy giáo cũ của một danh tướng.</p> <p>+ Ý nghĩa câu chuyện</p> <p>- Ca ngợi lòng biết ơn vô hạn của danh tướng với thầy giáo cũ.</p> <p>Người học trò tuy đã trở thành một nhân vật nổi tiếng, có quyền cao chức trọng (một vị danh tướng) nhưng vẫn luôn nhớ tới những người thầy đã dạy dỗ, giáo dục mình nên người. Việc người học trò trở về thăm trường, gặp thầy giáo cũ và có những cách ứng xử rất khiêm tốn và đúng mực, thể hiện thái độ kính trọng và lòng biết ơn của người học trò đối với thầy giáo mình. Ngay cả khi người thầy giáo già gọi vị tướng là ngài thì ông vẫn không hề thay đổi cách xưng hô (con – thầy).</p> <p>- Đem đến lời nhắc nhở với những kẻ vong ân bội nghĩa trong xã</p>	<p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>2,0đ</p>

	<p>hội.</p> <p>+ Bài học cho bản thân về lòng biết ơn.</p> <p>- Cần biết ơn và quý trọng thầy cô trong bất cứ hoàn cảnh nào. Dù sau này trở thành người tài giỏi, địa vị cao sang cũng luôn nhớ và kính trọng thầy cô giáo, những người đã dạy dỗ em nên người.</p> <p>- Biết ơn thầy cô không phải đem quà cáp tặng thầy cô mà chỉ cần những cử chỉ lời nói lễ phép, kính trọng. Đó là món quà quý giá nhất.</p> <p><i>Giám khảo cần nhắc các mức thang điểm trên cho điểm phù hợp.</i></p>	2,0đ
2	<p>1) Yêu cầu:</p> <p>a, Về hình thức: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài, biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lí, diễn đạt tốt, trôi chảy, có cảm xúc.</p> <p>b, Về nội dung:</p> <p>Học sinh trình bày trên cơ sở hiểu biết về ý nghĩa của ca dao, làm nổi bật được: “<i>Tình cảm gia đình đầm ấm, tình yêu quê hương đất nước</i>” trong ca dao.</p> <p>A. Mở bài: Dẫn dắt vấn đề - Trích dẫn ý kiến.</p> <p>B. Thân bài:</p> <p>* <u>Giải thích:</u></p> <p>Nước ta có một nền văn hóa nước lâu đời. Cuộc sống của nhân dân luôn gắn liền với làng quê, cây đa, bến nước, con đò và đồng quê thẳng cánh cò bay. Từ khi cất tiếng khóc chào đời người nông dân xưa đã gắn bó với làng quê và với họ ca dao là những câu hát dân gian phản ánh tâm tư, tình cảm trong đời sống, trong lao động, là “bài ca sinh ra từ trái tim.” Qua ca dao, họ gửi trọn tình yêu cho những người thân ruột thịt của mình, cho ruộng đồng, lũy tre, cho quê hương, đất nước.</p> <p>* <u>Chứng minh tình cảm trong ca dao được thể hiện:</u></p> <p>- Tình cảm gia đình đầm ấm được ca dao thể hiện qua:</p> <p>+ Lòng kính yêu với ông bà, cha mẹ. (dẫn chứng – phân tích)</p> <p>+ Tình cảm anh em, tình nghĩa vợ chồng. (dẫn chứng – phân tích)</p> <p>- Tình yêu quê hương đất nước được ca dao thể hiện qua:</p>	<p>1,0đ</p> <p>2,0đ</p>

	<p>+ Lòng tự hào yêu mến, gắn bó với xóm làng thân thuộc, với cảnh vật tươi đẹp của quê hương, đất nước. (dẫn chứng – phân tích)</p> <p>+ Niềm tự hào, yêu mến, gắn bó với nếp sống, phong tục, tập quán tốt đẹp và những địa danh nổi tiếng của đất nước. (dẫn chứng – phân tích)</p> <p>* <u>Đánh giá:</u> Tình cảm gia đình đầm ấm và tình yêu quê hương đất nước được nhân dân ta thể hiện trong ca dao rất phong phú và đa dạng. Nó được thể hiện ở nhiều phương diện, nhiều cung bậc tình cảm khác nhau. Đọc ca dao ta không chỉ hiểu, yêu mến, tự hào về phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình, về cảnh đẹp làng quê, non sông đất nước mình mà còn cảm phục, trân trọng tình nghĩa sâu nặng, cao đẹp của người dân lao động.</p> <p>C. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định ý nghĩa của ca dao.</p> <p>- Liên hệ cảm nghĩ bản thân.</p>	5,0đ
	<p>2) Thang điểm.</p> <p>- Điểm 9-10: Đáp ứng được những yêu cầu nêu trên. Văn viết có cảm xúc, dẫn chứng phong phú, phân tích và bình giá tốt, làm nổi bật được trọng tâm, diễn đạt trong sáng. Có thể còn một vài lỗi nhỏ.</p> <p>- Điểm 7-8: Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu nêu trên, phân tích và bình giá chưa thật sâu sắc.</p> <p>- Điểm 5-6: Bài làm có bố cục, có luận điểm nhưng dẫn chứng chưa phong phú, văn viết chưa hay, còn một vài lỗi về diễn đạt, dùng từ, đặt câu.</p> <p>- Điểm 3-4: Bài làm thể hiện được luận điểm nhưng dẫn chứng quá sơ sài hoặc chưa lấy được dẫn chứng, chỉ bàn luận chung chung, dẫn chứng mang tính liệt kê. Bố cục lộn xộn, mắc nhiều lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu.</p> <p>- Điểm 1-2: Không hiểu đề, sai lạc cả về nội dung và phương pháp.</p> <p>Các điểm 1,3, 5: Giám khảo cân nhắc các mức thang điểm trên cho điểm phù hợp.</p>	1,0đ

ĐỀ SỐ 3**Câu 1 (4 điểm).**

Đọc kĩ câu văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

Dân phu kẻ hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ gìn, kẻ thì thưởng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cù, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột.

(Phạm Duy Tồn, *Sống chết mặc bay*)

a) Câu văn trên miêu tả cảnh gì? Cảnh đó đối lập với cảnh nào trong văn bản?

b) Trình bày cảm nhận của em về câu văn trên.

Câu 2 (6 điểm)

Bài thơ *Tiếng gà trưa* của nhà thơ Xuân Quỳnh đã gợi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.

Em hãy làm sáng tỏ nội dung trên.

————— Hết —————

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
1	a) - Câu văn trên miêu tả cảnh tượng nhân dân đang vật lộn đến kiệt sức để giữ đê.	0,25
	- Hai cảnh đó đối lập tương phản mặt tương phản trong truyện: Một bên là cảnh tượng nhân dân đang vật lộn đến kiệt sức trước nguy cơ vỡ đê, một bên là cảnh quan phủ cùng nha lại, chánh tổng lao vào đánh tổ tôm mà quên đi nhiệm vụ hộ đê cùng với dân sinh khốn khổ lầm than.	0,5
	b) Trình bày cảm nhận của em về câu văn trên	0,25
	* Yêu cầu về kĩ năng:	
	- Học sinh viết thành 1 đoạn văn cảm thụ, diễn đạt lưu loát, trình bày khoa học	
	b. Yêu cầu về kiến thức.	0,5
	- Học sinh chỉ ra được:	
	Cần nêu được những ý sau:	0,25
	- Tác giả sử dụng nghệ thuật liệt kê: <i>kẻ thì thưởng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cù</i>	0,25
	- Phép so sánh: <i>người nào người nấy lướt thướt như chuột lột</i> - Từ láy: <i>lướt thướt</i>	1

	<p>- Tác dụng:</p> <p>+ Gọi ra không khí hộ đê căng thẳng, nhốn nháo: các hoạt động chống đỡ vừa náo động, vừa lộn xộn của người dân; cảnh dân phu đang ra sức hộ đê, đang vật lộn với thiên nhiên, gắng gượng dùng chút sức lực cuối cùng của mình để cứu con đê sắp vỡ, dành giật lấy sự sống trong cuộc chiến chống thủy tặc đầy cam go và thử thách.</p> <p>+ Câu văn thể hiện niềm thương cảm của tác giả đối với cảnh ngộ vất vả, nguy cấp của người dân khi chống chọi với nguy cơ đê vỡ.</p> <p>-> Đó cũng là giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.</p> <p><i>(Nếu HS diễn đạt khác mà đúng ý vẫn cho điểm tối đa)</i></p>	<p>0,75</p> <p>0,25</p>
2	<p>a. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>Văn nghị luận chứng minh (làm sáng tỏ một nhận định qua bài văn nghị luận văn học).</p> <p>- Yêu cầu HS biết vận dụng kiến thức đã học về tập làm văn và văn học để làm bài, trong đó có kết hợp với phát biểu cảm xúc, suy nghĩ và mở rộng bằng một số bài văn, bài thơ khác để làm phong phú thêm cho bài làm.</p> <p>- Khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có cảm xúc, giàu chất văn...</p> <p>b. Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>* Mở bài: (0,5 điểm)</p> <p>- Giới thiệu khái quát về nhà thơ Xuân Quỳnh.</p> <p>- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ và trích dẫn nội dung của đề bài: bài thơ được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Mĩ, <i>bài thơ đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.</i></p> <p>* Thân bài:</p> <p>Làm sáng tỏ về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu được thể hiện qua bài thơ. <i>Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước</i></p> <p>+ Bài thơ Tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu (3 điểm)</p> <p>-Trên đường hành quân, người chiến sĩ chợt nghe tiếng gà nhảy ổ, tiếng gà đã gọi về những kỉ niệm tuổi thơ thật êm đềm, đẹp đẽ.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,75</p> <p>0,5</p>

<p>- Hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như trong tranh hiện ra trong nỗi nhớ:</p> <p style="text-align: center;"><i>"Ổ rom hồng những trứng</i> <i>Này con gà mái mơ</i></p>	0,5
<p>- Một kỉ niệm về tuổi thơ đại: tò mò xem trộm gà đẻ bị bà mắng:</p> <p style="text-align: center;"><i>"- Gà đẻ mà mày nhìn</i> <i>Rồi sau này lang mắt..."</i></p>	0,75
<p>- Người chiến sĩ nhớ tới hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, chất chiu, dành dụm chăm lo cho cháu:</p> <p style="text-align: center;"><i>"Tay bà khum soi trứng</i> <i>Dành từng quả chắt chiu "</i></p>	0,5
<p>- Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ: được bộ quần áo mới từ tiền bán gà, ước mơ ấy đi cả vào giấc ngủ tuổi thơ...</p> <p>+ Tình cảm bà cháu đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước: (1 điểm)</p>	
<p>- Tiếng gà trưa với những kỉ niệm đẹp về tuổi thơ, hình ảnh thân thương của bà đã cùng người chiến sĩ vào cuộc chiến đấu - Những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ như tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ chiến đấu vì Tổ quốc và cũng vì người bà thân yêu của mình:</p> <p style="text-align: center;"><i>"Cháu chiến đấu hôm nay</i> <i>Vì lòng yêu Tổ quốc</i> <i>Bà ơi, cũng vì bà..."</i></p>	0,5
<p>- Qua những kỉ niệm đẹp được gợi lại, bài thơ đã biểu lộ tâm hồn trong sáng, hồn nhiên của người cháu với hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, chất chiu dành dụm chăm lo cho cháu.</p> <p>+ Đánh giá. (0,5 điểm)</p>	0,25
<p>- Tình cảm bà cháu đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương, đất nước của mỗi chúng ta. Tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ những tình cảm gia đình thật gần gũi, thân thương và cũng thật sâu sắc. Những tình cảm thiêng liêng, gần gũi ấy như tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ, như tiếp thêm sức mạnh cho mỗi người để chiến thắng...</p> <p>+ HS có thể mở rộng và nâng cao bằng việc giới thiệu một số bài thơ khác có cùng chủ đề viết về bà, về mẹ ...</p> <p>* Kết bài: (0,5 điểm)</p>	0,5

	<p>- Khẳng định lại nội dung bài thơ: Bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i> đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.</p> <p>- Học sinh có thể tự liên hệ bản thân, nêu cảm nghĩ về tình cảm gia đình - nguồn sức mạnh cho mỗi người chúng ta trong cuộc sống hôm nay</p> <p><i>*Lưu ý: Trên đây là những gợi ý cơ bản, khi chấm, giáo viên căn cứ vào bài làm cụ thể của HS để đánh giá cho phù hợp. Học sinh có thể có cách trình bày khác miễn là đảm bảo những ý trên. Khuyến khích những bài có cảm nhận riêng, giàu sức thuyết phục, trân trọng những bài viết sáng tạo.</i></p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 4:

Câu 1: (2 điểm)

Viết một đoạn văn để so sánh cụm từ ***"ta với ta"*** trong bài *"Bạn đến chơi nhà"* của Nguyễn Khuyến với cụm từ ***"ta với ta"*** trong bài *"Qua đèo Ngang"* của Bà Huyện Thanh Quan?

Câu 2: (3 điểm):

Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ trong đoạn trích sau:

*“Chón Hàm Dương chàng còn ngảnh lại
Bén Tiêu Tương thiếp hãy trông sang
Bén Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng”*

(Chinh phụ ngâm khúc - Đoàn Thị Điểm)

Câu 3: (5 điểm)

Đánh giá về ca dao, có ý kiến cho rằng:

“Ca ngợi tình cảm gia đình đầm ấm, tình yêu quê hương đất nước thiết tha là một nội dung đặc sắc của ca dao”.

Qua các bài ca dao đã học và những hiểu biết của em về ca dao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

----- **Hết** -----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	<p><u>1. Yêu cầu:</u></p> <p>a. Về hình thức: Học sinh đạt được các yêu cầu sau</p> <ul style="list-style-type: none"> -Biết xây dựng một đoạn văn; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. -Kĩ năng so sánh về một vấn đề văn học. <p>b. Về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu được điểm giống nhau: đều kết thúc bài thơ bằng cụm từ "ta với ta". -Nêu được điểm khác nhau: "ta với ta" trong bài "Bạn đến chơi nhà" là cách sử dụng từ đồng âm: "ta"(tôi, chỉ tác giả) và "ta"(chúng ta) để nhấn mạnh sự hòa hợp, gắn bó của tình bè bạn trong sự thiếu thốn về vật chất tiếp đón. "ta với ta" trong "Qua đèo Ngang" là cách sử dụng điệp từ "ta"(tôi, chỉ tác giả) để nhấn mạnh cảm giác cô đơn của tác giả trước cảnh trời nước bao la. <p><u>2. Thang điểm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 2: Đảm bảo được các yêu cầu trên - Điểm 1: Hiểu đúng yêu cầu đề nhưng nội dung còn sơ sài, diễn đạt còn hạn chế. - Điểm 0: Bỏ giấy trắng hoặc lạc đề 	<p>(0,5 đ)</p> <p>(1.5 đ)</p>
Câu 2	<p><u>1. Yêu cầu:</u></p> <p>a. Về hình thức: Học sinh đạt được các kĩ năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Biết xây dựng một đoạn văn; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Kĩ năng cảm thụ một đoạn thơ. <p>b. Về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng phép tu từ điệp ngữ: Hàm Dương, Tiêu Tương - Phân tích được hiệu quả sử dụng: <p>Điệp ngữ: Hàm Dương, Tiêu Tương-> lặp lại ba lần, được đảo vị trí trong đoạn thơ nhằm;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhấn mạnh, gợi ấn tượng cụ thể về sự xa cách và không gian xa cách giữa hai vợ chồng người chinh phụ + Giúp người đọc hình dung được cảnh ngộ chia li, tâm trạng sầu thương, nhưng nhớ triền miên đang chất chứa trong lòng, niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi của đôi vợ chồng khi phải chia xa + Khơi gợi ở người đọc lòng đồng cảm xót xa trước cảnh ngộ chia li, sự căm ghét chiến tranh phi nghĩa gây bao đau khổ cho con người <p><u>2. Thang điểm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 3: Viết thành đoạn văn phân tích (Nếu gạch đầu dòng không 	<p>(1 đ)</p> <p>(2 đ)</p>

	cho điểm hình thức), đủ các ý trên, lời văn gọi cảm.. - Điểm 2: Đủ ý, nội dung còn sơ sài, lời văn chưa thật gọi cảm. - Điểm 0: lạc đề.	
Câu 3	<p>1. Yêu cầu:</p> <p>a. Về hình thức: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài, biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lí, diễn đạt tốt, trôi chảy, có cảm xúc.</p> <p>b. Về nội dung: Học sinh trình bày trên cơ sở hiểu biết về ý nghĩa của ca dao, làm nổi bật được: “<i>Tình cảm gia đình đầm ấm, tình yêu quê hương đất nước</i>” trong ca dao.</p> <p>A. Mở bài: Dẫn dắt vấn đề - Trích dẫn ý kiến</p> <p>B. Thân bài: * <i>Giải thích:</i> Nước ta có một nền văn hóa nước lâu đời. Cuộc sống của nhân dân luôn gắn liền với làng quê, cây đa, bến nước, con đò và đồng quê thẳng cánh cò bay. Từ khi cất tiếng khóc chào đời người nông dân xưa đã gắn bó với làng quê và với họ ca dao là những câu hát dân gian phản ánh tâm tư, tình cảm trong đời sống, trong lao động, là “bài ca sinh ra từ trái tim.” Qua ca dao, họ gửi trọn tình yêu cho những người thân ruột thịt của mình, cho ruộng đồng, lũy tre, cho quê hương, đất nước.</p> <p>* <i>Chứng minh tình cảm trong ca dao được thể hiện:</i> - Tình cảm gia đình đầm ấm được ca dao thể hiện qua: + Lòng kính yêu với ông bà, cha mẹ. (dẫn chứng – phân tích) + Tình cảm anh em, tình nghĩa vợ chồng. (dẫn chứng – phân tích) - Tình yêu quê hương đất nước được ca dao thể hiện qua: + Lòng tự hào yêu mến, gắn bó với xóm làng thân thuộc, với cảnh vật tươi đẹp của quê hương, đất nước. (dẫn chứng – phân tích) + Niềm tự hào, yêu mến, gắn bó với nếp sống, phong tục, tập quán tốt đẹp và những địa danh nổi tiếng của đất nước. (dẫn chứng – phân tích) ⇒ <i>Đánh giá:</i> Tình cảm gia đình đầm ấm và tình yêu quê hương đất nước được nhân dân ta thể hiện trong ca dao rất phong phú và đa dạng. Nó được thể hiện ở nhiều phương diện, nhiều cung bậc tình cảm khác nhau. Đọc ca dao ta không chỉ hiểu, yêu mến, tự hào về phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình, về cảnh đẹp làng quê, non sông đất nước mình mà còn cảm phục, trân trọng tình nghĩa sâu nặng, cao đẹp của người dân lao động.</p> <p>C. Kết bài: - Khẳng định ý nghĩa của ca dao. - Liên hệ cảm nghĩ bản thân. (Lưu ý: Học sinh phải biết lựa chọn và phân tích dẫn chứng phù hợp)</p>	<p>(0.5đ)</p> <p>(4đ)</p> <p>(0.5 đ)</p> <p>(1.5đ)</p> <p>(1.5đ)</p> <p>0.5đ</p> <p>(0.5 đ)</p>

với luận điểm. Việc phân tích mỗi dẫn chứng phải thể hiện được các ý nhỏ trong luận điểm và thể hiện được khả năng cảm nhận văn học)

ĐỀ SỐ 5:

Câu 1:(4,0 điểm)

Cảm nhận giá trị của việc sử dụng từ láy và biện pháp tu từ trong đoạn văn sau đây:

“Mưa xuân. Không phải mưa. Đó là sự băng khuâng gieo hạt xuống mặt đất nông ẩm, mặt đất lúc nào cũng phập phồng, như muốn thở dài vì bồi hồi, xốn xang... Hoa xoan rắc nhớ nhung xuống cỏ non ướt đầm. Đồi đất đỏ lấm tấm một thảm hoa trắng trắng”.

(Vũ Tú Nam)

Câu 2:(6,0 điểm)

Bàn về vai trò của tri thức, Lê- nin cho rằng: *Ai có tri thức thì người đó có được sức mạnh*.Viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12-15 câu nêu suy nghĩ của em về vai trò của tri thức?

Câu 3:(10,0 điểm)

Hãy phát biểu cảm nghĩ của em về hình ảnh người phụ nữ trong văn học trung đại Việt Nam qua Bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương và Đoạn trích *Sau phút chia li*(trích “Chinh phụ ngâm khúc”) của Đoàn Thị Điểm.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu 1:(4,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
<i>Học sinh viết thành đoạn văn cảm nhận, có thể nêu các ý kiến khác nhau với những cách cảm nhận khác nhau nhưng phải làm rõ được nét đặc sắc về giá trị của từ láy và các biện pháp tu từ với nội dung cơ bản như sau:</i>	
*Xác định được các từ láy và biện pháp tu từ có trong đoạn văn:	
+ Từ láy: băng khuâng, phập phồng, bồi hồi, xốn xang, nhớ nhung, lấm tấm. + Biện pháp tu từ: Nhân hóa (<i>mưa xuân băng khuâng gieo hạt; mặt đất phập phồng, bồi hồi, xốn xang; hoa xoan nhớ nhung</i>). So sánh (<i>mặt đất như muốn thở dài</i>).	1,0đ
* Cảm nhận giá trị của từ láy và các biện pháp tu từ:	

<p>+ Mưa được cảm nhận như là sự băng khuâng gieo hạt, những hạt mưa xuân từ bầu trời xuống mặt đất một cách nhẹ nhàng, đem đến cho đất trời một sự nồng ấm.</p> <p>+ Mặt đất đón mưa được cảm nhận trong cái phập phồng, chờ đợi. Có lẽ sự chờ đón đó rất lâu rồi nên mặt đất thở dài, xốn xang, bồi hồi.</p> <p>+ Hoa xoan rụng được cảm nhận như cây đang rắc nhớ nhung.</p> <p>⇒ Các từ láy diễn tả về tâm trạng, cảm xúc con người kết hợp biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa để diễn tả cảnh vật, thiên nhiên đất trời lúc mưa xuân: làn mưa xuân nhẹ, mỏng, đáng yêu, đem đến hơi thở, sự sống cho thiên nhiên đất trời của mùa xuân. Mưa xuân được cảm nhận hết sức tinh tế qua tâm hồn nhạy cảm và tình yêu thiên nhiên của nhà văn Vũ Tú Nam.</p>	3,0 đ
--	--------------

Câu 2: (6,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
<p>1. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>-Biết viết một đoạn văn nghị luận kết hợp giải thích với chứng minh để từ đó nêu suy nghĩ, quan điểm của bản thân về vai trò của tri thức.</p> <p>- Đảm bảo đoạn văn hoàn chỉnh, đủ ba phần: Mở đoạn-Thân đoạn-Kết đoạn và đảm bảo đúng yêu cầu của đề: Khoảng 12-15 câu.</p> <p>- Đoạn văn chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.</p>	1,0đ
<p>2. Yêu cầu về kiến thức:</p>	
<p>a) Giải thích khái niệm của đề bài:</p> <p>Tri thức là những kiến thức ta tích lũy được. Qua câu nói Lê- nin muốn khẳng định một điều là: Con người có được sức mạnh chính là nhờ có tri thức. Đây là một nhận định sâu sắc về vai trò quan trọng của tri thức.</p>	1,0đ
<p>b) Giải thích, chứng minh vấn đề:</p> <p>Có thể triển khai các ý:</p> <p>-Ta thấy rằng câu nói của Lê- nin xuất phát từ thực tế cuộc sống văn minh nhân loại. Tri thức nhân loại là kho tàng vô cùng phong phú, khoa học kĩ thuật ngày càng phát triển. Nếu không học tập, chúng ta sẽ bị lạc hậu, không bắt kịp nhịp độ phát triển của thế giới.</p>	2,0đ

-Người có tri thức sâu rộng có thể làm được những công việc mà nhiều người khác không làm được, người có tri thức có khả năng làm tốt công việc của mình và giúp ích nhiều cho xã hội.	
c) Khẳng định, bàn bạc mở rộng vấn đề:	
<p>-Nhưng muốn có tri thức, có sức mạnh thì con người phải có cả những phẩm chất khác như tài, đức, nhân cách, kỹ năng.....</p> <p>-Có thể phê phán tư tưởng coi thường tri thức hoặc ỉ vào tài sản của bố mẹ....mà không chịu học hỏi để có tri thức.</p> <p>-Tuổi trẻ của chúng ta cần phải có ý thức hơn nữa trước lời khuyên của Lê- nin. Ý thức làm chủ tri thức để sau này xây dựng quê hương đất nước.</p>	2,0đ
Lưu ý: Học sinh có thể làm nhiều cách và triển khai ý có thể khác đáp án nhưng vẫn phải đảm bảo đúng ý nghĩa mà câu nói hướng đến.	

Câu 3:(10,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
1. Yêu cầu về kỹ năng:	
<p>- Nắm vững phương pháp làm bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.</p> <p>- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.</p> <p>- Văn trôi chảy, cảm xúc tự nhiên, chân thực.</p> <p>-Không mắc lỗi diễn đạt; không sai chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.</p>	
2. Yêu cầu về kiến thức:	
I. MỞ BÀI:	1,0đ
<p>- Giới thiệu và nêu cảm xúc chung về hình ảnh người phụ nữ trong văn học trung đại nói chung.</p> <p>-Cảm nhận ban đầu về hình ảnh người phụ nữ qua hai văn bản <i>Bánh trôi nước</i> và <i>Sau phút chia li</i> nói riêng.</p>	0,5đ 0,5đ
II. THÂN BÀI:	8,0đ
1.Bày tỏ cảm xúc ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua hai tác phẩm:	2,0đ
*Thời đại phong kiến trọng nam khinh nữ, đầy rẫy những sự bất công oan trái. Bị ảnh hưởng và phải chịu đựng nhiều nhất chính là người phụ nữ. Thế nhưng, họ vẫn luôn xinh đẹp, nét na, giàu lòng thương yêu và hết mực quan tâm đến mọi người xung quanh. Ta có thể bắt gặp lại hình ảnh của họ qua các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam, đặc biệt là trong thơ Hồ Xuân Hương và Đoàn Thị Điểm. Người phụ nữ ngày xưa xuất hiện trong văn học thường là những người	0,5 đ

<p>phụ nữ đẹp. Từ vẻ đẹp ngoại hình cho đến tính cách. Điều là đẹp nhưng mỗi người lại mang một vẻ đẹp khác nhau, mỗi thân phận có một đặc điểm ngoại hình riêng biệt:</p> <p>+Trong bài thơ “Bánh trôi nước” của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, hiện lên hình ảnh người con gái “vừa trắng lại vừa tròn”, một người phụ nữ mang vẻ bề ngoài đầy đặn, tròn trịa. Đó là vẻ đẹp tự nhiên, dân dã, thôn quê, không chăm chút mà mộc mạc, tự nhiên nhưng không kém phần duyên dáng với làn da trắng mịn màng, khuôn mặt phúc hậu như vàng trắng sáng đẹp. Viết về người phụ nữ, Hồ Xuân Hương bày tỏ niềm kiêu hãnh của mình về vẻ đẹp hình thức, vẻ đẹp tâm hồn và vẻ đẹp của tài năng, trí tuệ. Nhà thơ đã ca ngợi, đề cao, trân trọng phẩm chất kiên trinh ấy:</p> <p style="text-align: center;"><i>Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn Mà em vẫn giữ tấm lòng son</i></p> <p>Mặc dù, số phận người phụ nữ không được định đoạt, lênhênh giữa cuộc đời nhưng họ đành cam chịu. Cái duy nhất họ làm chủ được là tấm lòng mình: Trước sau như một, son sắt, thủy chung.</p> <p>+Người phụ nữ trong “Sau phút chia ly” vốn dòng dõi trâm anh, cả tuổi thanh xuân chờ đợi chồng trong cô đơn, sầu muộn. Một mình nàng sống trong kỉ niệm, nhưng nhớ và luôn thủy chung, son sắt đợi chồng:</p> <p style="text-align: center;"><i>Chôn Hàm Dương chàng còn ngảnh lại Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang</i></p>	<p>1,0đ</p> <p>0,5đ</p>
<p>2. Bày tỏ nỗi cảm thông với số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến rối ren và trong cảnh loạn li:</p>	<p>4,0đ</p>
<p>*Người phụ nữ phải sống trong một chế độ xã hội phong kiến lạc hậu, trọng nam khinh nữ, không có chỗ đứng và địa vị xã hội. Mặc dù họ có tài, có sắc nhưng cuộc đời lận đận, số phận bi đát, bé nhỏ giữa xã hội bất công như thân cò đáng thương tội nghiệp:</p> <p style="text-align: center;"><i>Thân em vừa trắng lại vừa tròn, Bảy nổi, ba chìm với nước non.</i></p> <p>*Độc đoạn trích “Sau phút chia li” ta vô cùng xót thương cho nỗi sầu nhớ thương vời vợi của người vợ có chồng ra trận:</p> <p><i>Chàng thì đi cõi xa mưa gió Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn Đoái trông theo đã cách ngăn Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.</i></p> <p>Người chồng chia tay vợ lên đường chinh chiến (một cuộc chinh chiến thật là vô nghĩa), người vợ trở về một mình trong cô đơn, buồn tủi, một mình một bóng suốt năm canh:</p> <p style="text-align: center;"><i>Chàng thì đi cõi xa mưa gió Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.</i></p> <p>Chao ôi, có sự chia tay nào xót thương hơn thế, có sự ngăn cách nào khắc nghiệt hơn thế. Cả một nỗi sầu chia li nặng nề đã phủ kín lên khí trời, sắc núi:</p>	<p>1,0 đ</p> <p>2,5 đ</p>

<p><i>Đoái trông theo đã cách ngăn</i> <i>Tuôn màu mây biếc, trái ngàn núi xanh.</i></p> <p>Sự đoái trông của người vợ trẻ thật tội nghiệp. Nàng muốn níu giữ lại mà hình bóng người chồng mà chồng thì cứ xa dần, để rồi chỉ còn lại là không gian xa thẳm. Giữa khung cảnh tuân màu mây biếc, trái ngàn núi xanh, người vợ càng trở nên lẻ loi, cô quạnh. Sự chia li từ chỗ mới chỉ là cách ngăn, chẳng mấy chốc đã tăng lên nhanh chóng cả về không gian và tâm trạng:</p> <p style="text-align: center;"><i>Chôn Hàm Dương chàng còn gánh lại</i> <i>Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang</i> <i>Bến Tiêu Tương cách Hàm Dương</i> <i>Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.</i></p> <p>Từ “cõi xa mưa gió”, “buồng cũ chiếu chăn” đến Chôn Hàm Dương- Bến Tiêu Tương rồi lại Bến Tiêu Tương - Cây Hàm Dương, thì sự ngăn cách đã lên đến mấy trùng, như mấy trùng nỗi nhớ thương sâu muộn trong lòng người chinh phụ.</p> <p>Đối với bất kì ai, khi người thân của mình phải đi vào chốn cõi xa mưa gió (chốn binh đao khói lửa, nơi chiến trận thảm khốc), cũng đều có tâm trạng buồn đau thương nhớ. Ở người chinh phụ, nỗi buồn đau sâu muộn ấy còn thêm bội phần bởi cái tình chồng vợ đương độ đầm thắm gắn bó thiết tha (còn ngoảnh lại - hãy trông sang). Gắn bó mà không được gắn bó, gắn bó mà phải chia li. Thực là oái oăm và nghịch chướng. Thực là thương tâm và đau xót bởi cái cảnh người thì tận chốn Hàm Dương, kẻ thì mãi Bến Tiêu Tương. Cái tên Hàm Dương - Tiêu Tương (dù là được dùng theo bút pháp ước lệ của văn chương cổ điển) vẫn còn là những địa danh để người vợ có ý niệm về độ xa cách, nhưng đến bốn câu thơ tiếp theo thì cả ý niệm ấy cũng không còn, sự xa cách đã đến cực độ:</p> <p style="text-align: center;"><i>Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy</i> <i>Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu</i> <i>Ngàn dâu xanh ngắt một màu</i> <i>Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?</i></p> <p>Trong cảnh trời cao đất rộng, thăm thẳm mênh mông đến khôn cùng, nỗi sầu chia li của người vợ đã trở thành khối sầu, núi sầu chất chồng, đè nặng cả trái tim và tâm hồn nàng, để rồi sau đó sẽ theo nàng về chốn buồng cũ, đè nặng lên cuộc sống mòn mỏi ngóng trông đến hóa đá của người chinh phụ.</p> <p>=>Tình cảm vợ chồng và nỗi khát khao hạnh phúc lứa đôi của người vợ trẻ thật mãnh liệt, nó làm lay động tâm thức bao thế hệ bạn đọc.</p> <p>=>Chỉ có tấm lòng đầy ắp tình yêu thương của nhà thơ mới có thể chia sẻ và diễn tả một cách xúc động đến thế.</p>	<p>0,5 đ</p>
<p>3. Đọc hai văn bản, ta như cảm nhận được tiếng nói phê phán, đả kích giai cấp thống trị đồng thời nói lên khát vọng về hạnh phúc, mơ ước tự do:</p>	<p>2,0 đ</p>
<p>* Hồ Xuân Hương là một nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa, bởi vì thơ bà trước hết là tiếng nói tâm tình của người phụ nữ. Không phải người phụ nữ lầu son gác tía,</p>	

<p>chính phụ hay cung tần, mà là người phụ nữ bình thường, người phụ nữ lao động có nhiều bất hạnh trong cuộc sống. Bởi trong xã hội lúc bấy giờ, phụ nữ là người chịu nhiều thiệt thòi nhất. Họ không chỉ bị áp bức về mặt giai cấp mà trong tư cách là người phụ nữ nói chung, họ còn bị áp bức về mặt giới tính với đạo “tam tòng”. Tất nhiên, họ cũng không lặng câm mà chịu đau khổ, họ vẫn nói, vẫn kêu, vẫn đòi hỏi. Nhưng nhìn chung, tiếng nói ấy chỉ là những tiếng kêu thương thất vọng:</p> <p><i>Thân em vừa trắng lại vừa tròn</i> <i>Bảy nổi ba chìm với nước non.</i></p> <p>*Trong “Sau phút chia li”, tác giả đã đề cao khát vọng tình yêu và hạnh phúc lứa đôi. Phê phán cuộc chiến tranh phi nghĩa đã cướp đi hạnh phúc, tuổi trẻ, thậm chí cả mạng sống của bao người. Các tập đoàn phong kiến đương thời đã đẩy đất nước vào “con gió bụi”, khiến đôi lứa phải chia lìa:</p> <p><i>Chàng thì đi cõi xa mưa gió</i> <i>Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.</i></p>	<p>1,0 đ</p> <p>1.0 đ</p>
III. KẾT BÀI:	1,0đ
<p>- Khẳng định: Cuộc đời đau khổ chẳng phải là phần riêng dành cho ai, nhưng những người chịu đựng nhiều hơn cả vẫn là phụ nữ và nỗi đau của họ bao giờ cũng có khía cạnh chua xót, tái tê riêng. Những nhà thơ trong xã hội phong kiến như Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm đã thấu hiểu tất cả những nỗi đau đó bằng kinh nghiệm của cuộc đời chung, cuộc đời riêng và bằng tiếng thơ để nói lên cả tiếng lòng mình.</p> <p>-Liên hệ: Ngày nay, cuộc sống đã đổi thay nhiều, xã hội đã công bằng hơn với người phụ nữ. Nhưng có những nỗi đau khổ đã trở thành hằng số muôn đời của người phụ nữ và đâu đó xung quanh ta vẫn còn nhiều mảnh đời bất hạnh. Vì vậy, mà những tác phẩm trên vẫn còn vẹn nguyên giá trị và sức sống. Đọc những tác phẩm ấy, không chỉ là để đồng cảm mà còn để chúng ta có cơ hội sẻ chia, chiêm nghiệm và suy ngẫm về cuộc sống hôm nay.</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>

-----HẾT-----

ĐỀ SỐ 6 :

Câu 1: (2,0 điểm)

Cảm nhận của em về “nét xuân” trong đoạn thơ sau:

“Mặt trời vừa nhóm lửa
Nên nắng còn băng khuâng
Sương mắc võng vào núi
Chùng dần trong gió xuân...

... Suối bắt đầu róc rách
Chim bắt đầu líu lo

Câu 2:(3,0 điểm)

Nhà văn Vic-to Huy-gô đã nói: *Để sáng tạo tương lai cần bắt đầu bằng ước mơ.*

Hãy viết một bài văn ngắn nêu suy nghĩ của em về câu nói trên.

Câu 3:(5,0 điểm)

Bằng những vần thơ mộc mạc, giản dị và những âm thanh quen thuộc, nhà thơ Xuân Quỳnh đã khơi dậy cả khoảng trời tuổi thơ đầy kỉ niệm trong bài thơ *Tiếng gà trưa*.

Hãy phát biểu cảm nghĩ của em về những vần thơ đó.

..... Hết.....

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

B. YÊU CẦU CỤ THỂ Câu	Nội dung đạt được	Điểm
1 (2.0đ)	<p>1. Yêu cầu:</p> <p>a. Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh viết đoạn văn hoặc bài văn ngắn hoàn chỉnh. - Cảm nhận tinh tế, diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc (Ưu tiên những bài viết có sự sáng tạo). - Không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu. <p>b. Nội dung:</p> <p>Học sinh có thể trình bày cảm nhận theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải nêu được những ý cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc sắc về nghệ thuật <ul style="list-style-type: none"> + Thể thơ năm chữ giản dị, tự nhiên + Từ gọi tả: <i>bâng khuâng, róc rách, lú lo, non tơ</i> + Phép nhân hóa: <i>mặt trời nhóm lửa, nắng bâng khuâng, sương mắc vông, đất sinh nở</i> + Nghệ thuật điệp từ <i>bắt đầu</i>, điệp cấu trúc ở khổ thơ cuối: - Giá trị nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Với những nét vẽ độc đáo, mới lạ, đoạn thơ khắc họa một bức tranh thiên nhiên xinh đẹp, tươi trẻ và sống động mở đầu bằng hình ảnh về mùa xuân hết sức trong trẻo, gam màu rực rỡ của một ngày mới đang lên lộng lẫy và ấm áp khi đất trời sang xuân. Bình minh thức giấc trong sự thẹn thùng, bâng khuâng dần xua tan đi cái lạnh lẽo của mùa đông ảm đạm. Từng làn sương mỏng manh chỉ còn vương lại nơi vách núi, tan dần trong gió 	<p>0,5</p> <p>1,5</p>

	<p>xuân. Phép điệp cấu trúc tạo nên nhịp điệu náo nức, dồn dập, như vẽ ra trước mắt một không gian bao la, cao rộng từ mặt đất đến bầu trời. Mùa xuân với sức mạnh diệu kì đã đánh thức vạn vật sinh sôi, nảy nở, tấu lên những bản nhạc rộn ràng, thánh thót, tất cả như trời dậy mạnh mẽ, bừng lên sức sống mới sau một giấc ngủ dài. Đó là mùa xuân nơi biên giới giản dị mà có hồn gọi lên cuộc sống yên bình, hạnh phúc.</p> <p>+ Đoạn thơ cho thấy sự quan sát, cảm nhận tinh tế; tình yêu thiên nhiên, cuộc sống và yêu quê hương sâu sắc của tác giả.</p> <p>2. Biểu điểm:</p> <p>- Mức tối đa (2,0 điểm): Bài làm đạt các yêu cầu như trên.</p> <p>- Mức chưa tối đa: Giám khảo căn cứ vào các tiêu chí trên để xem xét đánh giá mức chưa tối đa theo các thang điểm: 1,75 - 1,5 - 1,25 - 1,0 - 0,75 - 0,5 - 0,25 cho phần bài viết của học sinh.</p> <p>- Mức không đạt (0 điểm): Không làm bài hoặc làm sai hoàn toàn.</p>	<p>1,25</p> <p>0,25</p>
<p>2</p> <p>(3.0đ)</p>	<p>1. Tiêu chí về hình thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách làm kiểu bài nghị luận xã hội. - Bảo đảm bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. - Luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, lập luận chặt chẽ. - Trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, diễn đạt lưu loát. <p>2. Tiêu chí về nội dung:</p> <p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: ý nghĩa, giá trị của ước mơ để làm nên cuộc sống tốt đẹp. - Trích dẫn câu nói <p>b. Thân bài</p> <p>* Giải thích câu nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tương lai</i> là đời sống về sau của con người. - <i>Ước mơ</i> là những điều tốt đẹp nhất ở phía trước mà con người khát khao, hướng tới. <p>-> Ý nghĩa của câu nói trên: Để có được cuộc sống tốt đẹp trong tương lai thì con người cần phải có ước mơ. Câu nói hoàn toàn đúng đắn.</p> <p>* Phân tích, chứng minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc sống có nhiều điều tốt đẹp ở phía trước. Con người ai cũng mong muốn có được những điều tốt đẹp, nghĩa là ai cũng có ước mơ, dù đó là những điều bình dị nhất. - Ước mơ giúp con người nuôi dưỡng niềm tin và tạo sức mạnh để vượt qua những khó khăn, thử thách, trở ngại để đạt được mục tiêu đề ra. Ước mơ là động lực để mỗi con người vươn lên trong cuộc sống, là hạt mầm của mọi thành công. - Ước mơ đẹp sẽ giúp con người sống lạc quan, yêu đời, yêu 	<p>0.5</p> <p>2,5</p> <p>0,25</p> <p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>1,25</p>

	<p>cuộc sống. (HS phân tích ít nhất 2 dẫn chứng)</p> <p>* Bàn luận mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt giữa ước mơ và tham vọng. - Phê phán những con người không có ước mơ, không biết đặt ra cho mình mục tiêu sống, không biết vươn lên trong cuộc sống, sống dựa dẫm, ỷ lại vào người khác sẽ không có tương lai tốt đẹp. <p>* Liên hệ rút ra bài học về nhận thức, hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luôn hiểu được ý nghĩa tốt đẹp của ước mơ đối với cuộc sống mỗi người. - Mỗi con người sống cần phải xây dựng cho mình những ước mơ tốt đẹp, ước mơ gắn liền với các giá trị chân, thiện, mỹ của cuộc sống, không nên mơ ước những điều viển vông xa rời thực tế. - Cần hiện thực hóa bằng cách đặt ra cho mình những mục tiêu sống và cố gắng vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đạt được ước mơ. <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại tính đúng đắn của câu nói. - Liên hệ bản thân. <p>2. Biểu điểm:- Mức tối đa (3,0 điểm): Đạt các tiêu chí về nội dung và hình thức như trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức chưa tối đa: Giám khảo căn cứ vào các tiêu chí trên để xem xét đánh giá mức chưa tối đa theo các thang điểm: 2,75 - 2,5 - 2,25 - 2,0 - 1,75 - 1,5 - 1,25 - 1,0 - 0,75 - 0,5 - 0,25 cho phần bài viết của học sinh. - Mức không đạt: Không làm bài hoặc lạc đề, sai về kiến thức và phương pháp. 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>3 (5.0đ)</p>	<p>*Tiêu chí về nội dung các phần bài viết</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về tác giả Xuân Quỳnh - Giới thiệu văn bản, đoạn trích và cảm xúc chủ đạo về đoạn trích: yêu thương, xúc động trước những vần thơ bình dị, mộc mạc về khoảng trời tuổi thơ đầy kỉ niệm được lưu giữ trong kí ức người chiến sĩ. <p>- Mức tối đa: Học sinh biết cách dẫn dắt, giới thiệu vấn đề hay/ tạo ấn tượng/ có sự sáng tạo.</p> <p>- Mức chưa tối đa:(0,25 điểm): Học sinh biết cách dẫn dắt, giới thiệu vấn đề phù hợp nhưng chưa hay/ còn mắc lỗi về diễn đạt, dùng từ.</p> <p>- Mức không đạt: Lạc đề/mở bài không đạt yêu cầu, sai cơ bản về kiến thức đưa ra/hoặc không có mở bài.</p>	<p>4,0 0,5</p> <p>3,</p>

	<p>b. Thân bài:</p> <p>Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở hiểu rõ yêu cầu của đề, cần nêu được cảm nghĩ của mình về nghệ thuật và nội dung văn bản.</p> <p>* Cảm nghĩ về nghệ thuật:</p> <p>Yêu mến những vần thơ bình dị, mộc mạc, đặc sắc về nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thể loại thơ năm chữ giản dị, tự nhiên; giọng điệu kể chuyện tâm tình, nhẹ nhàng, thủ thỉ. + Tự sự xen miêu tả và biểu cảm + Hình ảnh, sự việc bình dị, mộc mạc, chân thực + Từ gọi tả: <i>khum, chắt chiu...</i> + Phép điệp ngữ <i>Tiếng gà trưa</i> kết nối các đoạn thơ, điểm nhịp cho mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, điệp cấu trúc <i>Này con gà mái mở... Này con gà mái vàng..., so sánh Lòng óng như màu nắng</i> <p>* Cảm nghĩ về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát ngắn gọn nội dung đoạn đầu bài thơ chuyển ý vào phần 2. - Cảm xúc yêu thương da diết, xúc động trước những kỉ niệm tuổi thơ trong sáng, hồn nhiên và tình bà cháu sâu nặng, thấm thiết. <ul style="list-style-type: none"> + Sống lại niềm vui trẻ thơ ... + Cảm động về hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, nhân hậu, tần tảo, chắt chiu dành dụm, hi sinh cho con cháu... + Vui chung niềm vui và mong ước bé nhỏ của tuổi thơ ... - Khái quát ngắn gọn nội dung khổ thơ cuối. <p>- Mức tối đa: Bài viết chi tiết, đảm bảo các ý trên; dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu.</p> <p>- Mức chưa tối đa: Bài viết chưa chi tiết, cảm xúc còn mờ nhạt, dẫn chứng chưa tiêu biểu. Căn cứ vào bài viết cụ thể của học sinh giám khảo đưa ra các mức điểm: 2,25- 2,0- 1,75- 1,5-1,25- 1,0- 0,75- 0,5-0,25.</p> <p>- Mức không đạt: Lạc đề/ sai cơ bản về kiến thức đưa ra/hoặc không làm bài.</p> <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khẳng định lại tình cảm yêu mến văn bản; xúc động nghẹn ngào trước những kỉ niệm thuở ấu thơ và tình bà cháu đậm đà thấm thiết + Liên hệ bản thân thêm yêu, trân trọng những kỉ niệm bình dị, mộc mạc của tuổi thơ; tình yêu gia đình; tự hào về quê hương, xứ sở. 	<p>3,0</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p>
--	--	----------------------------------

ĐỀ SỐ 7:**Câu 1(5,0 điểm)**

Thế kỉ XVI, xã hội phong kiến Việt Nam không ổn định, “Thế sự đảo điên, cuộc đời tráo trở”. Tình hình ấy đã được nhà thơ Nguyễn Bình Khiêm phản ánh khá rõ trong bài thơ “Thói đời”. Dưới đây là phần đầu của bài thơ:

“Thế gian biến cái vũng nên doi (*)

Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi

Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử

Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.”

(Theo Lã Nhâm Thìn, Bình giảng thơ Nôm đường luật, NXB Giáo dục, 2002)

a. Hãy chỉ ra những cặp từ trái nghĩa có trong khổ thơ trên.

b. Tìm biện pháp tu từ điệp ngữ (điệp từ) có trong khổ thơ và nêu ý nghĩa biểu đạt (biểu cảm) của biện pháp tu từ đó trong đoạn thơ.

Câu 2(5,0 điểm)

Trong Một thứ quà của lúa non: Cốm, Thạch Lam đã viết:

“Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa xanh bát ngát, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu tết. Không còn gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đậm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước người ngoài: những kẻ mới giàu có vô học có biết đâu mà thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?).

(Sách giáo khoa Ngữ văn 7, tập 1, NXB Giáo dục, 2012)

a. Hãy chỉ ra nhận xét của Thạch Lam về cốm. Đoạn trích còn có phát hiện về giá trị nào khác nữa của cốm?

b. Nhà văn đã phân tích cho người đọc thấy sự hài hòa của hai lễ vật hồng và cốm trên những phương diện nào? Sự phân tích đó có ý nghĩa gì?

Câu 3. (10 điểm)

Người Hà Nội luôn tự hào về thủ đô nghìn năm văn hiến của mình. Niềm tự hào ấy được thể hiện rất rõ trong một bài ca dao:

Thăng Long Hà Nội đô thành
Nước non ai vẽ nên tranh họa đồ

Cố đô rồi lại tân đô

Nghìn năm văn vật bây giờ là đây.”

Em hãy viết một bài văn biểu cảm về một cảnh đẹp của Hà Nội.

.....Hết.....

Chú thích (*) Cũng có bản phiên âm là “vững nên đời”. Dọi có nghĩa là dải phù sa ở dọc sông hay cửa sông hoặc dải đất lồi ra phía biển do cát tạo thành.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Phần	NỘI DUNG	Điểm
Câu 1 5,0 điểm	a	Các cặp từ trái nghĩa:	
		- Vững – doi (đồi)	0,25
		- Mặn – nhạt	0,25
		- Chua cay – ngọt bùi	0,25
		- Còn – hết	0,25
Câu 1 5,0 điểm	b	- Biện pháp tu từ điệp ngữ:	
		+ Còn	0,5
		+ Hết	0,5
		- Ý nghĩa biểu đạt:	
		+ Khẳng định, nhấn mạnh sự đảo điên của xã hội	1,5
		+ Cho thấy giá trị, vai trò của đồng tiền trong xã hội phong kiến thối nát, đồng tiền chi phối mọi mối quan hệ.	1,5
Câu 2 5,0 điểm	a	- Nhận xét của Thạch Lam về cốm: Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa xanh bát ngát, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam.	1,0
		- Giá trị khác: Làm quà sêu tết.	1,0
	b	- Sự hài hòa của hai lễ vật hồng và cốm trên những phương diện: màu sắc và hương vị.	1,5
		- Ý nghĩa: tôn vinh cốm, thấy được ý nghĩa văn hóa của cốm để từ đó có thái độ trân trọng đối với một món quà của dân tộc.	1,5
	1. Yêu cầu về kỹ năng:		
	- Nắm được phương pháp làm bài biểu cảm. Đảm bảo cấu trúc bài văn có đủ ba phần: mở bài – thân bài – kết bài.		0,25
	- Diễn đạt ít mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, văn viết trôi chảy, thuyết phục, dùng từ, đặt câu phù hợp		0,25

	- Xác định đúng vấn đề để biểu cảm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của mình về đối tượng. Học sinh phải biết vận dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm để bài viết thêm phong phú, sâu sắc.	0,2
	- Bài viết có ý sáng tạo (nhưng phải phù hợp).	0,25
Câu 3 10 điểm	2. Yêu cầu về nội dung:	
	2.1. Mở bài: Giới thiệu một cảnh đẹp ở Hà Nội cùng với những cảm xúc, cảm nghĩ khái quát của mình về cảnh đẹp đó.	1,0 2,5
	2.2. Thân bài	
	- Nêu những đặc điểm, tính chất của cảnh đẹp đã tác động tới cảm xúc, suy nghĩ của người viết.	1,5
	- Đặc điểm, tính chất của cảnh đẹp đã làm cho người viết liên tưởng đến những gì?	1,5 1,5
	- Người viết có kỉ niệm gắn bó sâu sắc gì với cảnh đẹp đó.	
	- Người viết thấy cảnh đẹp đó có ý nghĩa gì với đời sống của mình và mọi người.	1,0
	2.3. Kết bài: Khẳng định lại cảm xúc, suy nghĩ của mình đối với cảnh đẹp.	

ĐỀ SỐ 8:**I. Phần Đọc hiểu (6,0 điểm):**

Hãy đọc bài thơ và thực hiện các yêu cầu từ 1-5:

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng
Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng.*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi.*

*Và chúng tôi như một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ mong chờ được hái
Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi*

Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.

(Mẹ và quả - Nguyễn Khoa Điềm)

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu nội dung chính bài thơ. (0,75 điểm)
2. Theo em, phương thức biểu đạt chính tác giả sử dụng trong bài thơ trên là gì? Li giải ý kiến của mình? (0,5 điểm)
3. Giải nghĩa từ quả trong bài thơ trên. Từ quả thuộc loại từ nào? (0,75 điểm)
4. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

“Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi

Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.” (1,5 điểm)

5. Cảm nhận sâu sắc của em về khổ thơ thứ hai. (2,5 điểm).

II. Phần Làm văn (14 điểm):

Câu 1 (6,0 điểm):

Từ nội dung của đoạn thơ trên, viết một đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về nhận định: “Trong vũ trụ có lắm kì quan, nhưng kì quan đẹp nhất là trái tim của người mẹ.”

Câu 2 (8 điểm):

Thơ Bác vô cùng độc đáo, mang vẻ đẹp vừa cổ điển vừa hiện đại. Em hãy chỉ ra màu sắc cổ điển và hiện đại trong bài thơ “Nguyên tiêu”.

..... HẾT

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1	- Thể thơ: tự do - Bài thơ ca ngợi công lao to lớn của người mẹ, đồng thời nhắc nhở mỗi người về ý thức trách nhiệm, sự đền đáp công ơn sinh thành của chúng ta với mẹ.	0,25 0,5
2	- Phương thức biểu đạt chính tác giả sử dụng trong bài thơ trên là biểu cảm - Vì bài thơ là cảm xúc tha thiết của người con đối với công lao, sự dưỡng dục của mẹ.	0,25 0,25
3	- Từ “quả” có 2 nghĩa: + (1) là bộ phận của cây do bầu nhụy hoa phát triển thành, bên trong	0,5

	<p>thường chứa hạt.</p> <p>+ (2) chỉ những đứa con lớn lên bằng tình yêu và sự chăm sóc ân cần của mẹ.</p> <p>- Từ “quả” là từ nhiều nghĩa.</p>	0,25
4	<p>- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ là:</p> <p>+ Hoán dụ “bàn tay mẹ mỗi”</p> <p>+ Ẩn dụ “một thứ quả non xanh”</p> <p>- Hiệu quả: Tái hiện được tâm tư sâu kín của tác giả. Qua đó thể hiện rõ tấm lòng yêu thương và sự biết ơn mẹ rất chân thành và sâu sắc. Hai câu thơ chính là nỗi lòng của những người làm con, đồng thời thức tỉnh lương tri của những người làm con phải sống đúng đạo hiếu với đấng sinh thành của mình.</p>	1,5
5	<p>Học sinh bày tỏ cảm nhận sâu sắc của mình về khổ thơ.</p> <p>Hình thức: đoạn văn.</p> <p>Nội dung: cần hướng tới bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ về đẹp của người mẹ bình dị mà đẹp để biết bao. Tác giả khắc họa hình ảnh người mẹ tảo tần, lam lũ, nhọc nhằn nhưng giàu đức hi sinh. Mẹ vẫn âm thầm chăm sóc cho những đứa con của mình, dẫu gian truân không một chút phàn nàn. Nhà thơ đã thấu hiểu những vất vả, sự hi sinh thầm lặng của mẹ đều vì con. Qua đó đã thể hiện rõ lòng kính trọng, biết ơn sâu sắc của nhà thơ đối với mẹ.</p>	2,5

II. PHẦN LÀM VĂN (14 điểm)

Câu 1 6,0 đ		I. Yêu cầu về kĩ năng: Thí sinh biết viết bài văn nghị luận xã hội; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.	
		II. Yêu cầu về kiến thức: Bài viết cần đảm bảo được những kiến thức cơ bản sau:	
	1	Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: “Trong vũ trụ có lắm kì quan, nhưng kì quan đẹp nhất là trái tim của người mẹ.”	0,5
	2	Giải thích: <p>- Kì quan: một công trình kiến trúc hoặc cảnh vật đẹp đến mức kì lạ, hiếm thấy.</p> <p>- Đẹp nhất: đạt đến mức coi như lí tưởng, không gì có thể sánh nổi.</p>	1,0

		=> Khẳng định sự kì diệu và lớn lao của trái tim người mẹ: tấm lòng của người mẹ là vĩ đại nhất, đẹp đẽ nhất, kì diệu nhất trong vũ trụ, không có gì sánh bằng.	
		Bình luận – Bàn luận, mở rộng vấn đề: - Mọi kì quan trên thế giới dù rộng lớn, kì vĩ đến nhường nào thì cũng có giới hạn nhất định trong không gian, thời gian, thiên về ý nghĩa vật chất. Còn tình cảm mẹ dành cho con là vô hạn, thiên về giá trị tinh thần. Sự vĩ đại của trái tim người mẹ không chỉ biểu hiện ở những cái lớn lao đáng được tôn vinh, ca ngợi mà còn ở cả những điều nhỏ bé, bình dị. - Đến với kì quan là để chiêm ngưỡng, thán phục. Còn đến với trái tim người mẹ là được yêu thương, che chở, nâng bước để trưởng thành và hoàn thiện chính mình. - Người con cần phải trân trọng, biết ơn tấm lòng của mẹ, sống tròn đạo hiếu. - Phê phán những hiện tượng con cái chưa hiểu và không trân trọng tấm lòng người mẹ, có những hành động sai trái, lỗi đạo làm con,... <i>(Học sinh cần dùng lí lẽ và dẫn chứng làm sáng rõ những ý trên)</i>	3,0
3		Bài học nhận thức và hành động: - Luôn trân trọng và biết ơn, dành tình cảm tốt đẹp cho mẹ của mình. - Xác định được động lực phấn đấu của bản thân để sống tròn đạo hiếu đối với đấng sinh thành của mình. <i>(Lưu ý:- Chỉ cho điểm tối đa khi thí sinh đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.</i> <i>- Nếu thí sinh có những suy nghĩ riêng, hoặc trình bày theo cách khác mà hợp lí vẫn được chấp nhận.)</i>	1,5

	Yêu cầu kĩ năng: HS có kĩ năng viết bài nghị luận về 1 vấn đề văn học - Biết xác định đúng vấn đề nghị luận: màu sắc cổ điển và hiện đại trong bài thơ “Nguyên tiêu” của Hồ Chí Minh.	
--	---	--

<p>Câu 2 8 đ</p>	<p>- Có bố cục mạch lạc, chặt chẽ, luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, luận cứ xác đáng, thuyết phục, diễn đạt tốt, có cảm xúc, không hoặc mắc rất ít lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp, chữ viết cẩn thận...</p>	
	<p>Yêu cầu kiến thức:</p>	
	<p>Yêu cầu kiến thức:</p> <p>* <i>Dẫn dắt, giới thiệu nội dung và giới hạn vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>* <i>Giải quyết vấn đề</i></p> <p>- Giải thích:</p> <p>+ Màu sắc cổ điển trong thơ chính là nói đến những yếu tố về nội dung và thi pháp chịu ảnh hưởng của thơ ca cổ điển phương Đông về đề tài, thể thơ, bút pháp, thi liệu, cảm xúc,...</p> <p>+ Màu sắc hiện đại trong thơ ca: thể hiện không khí mới mẻ của thời hiện đại, hình tượng thơ luôn vận động một cách tự nhiên, khỏe khoắn, hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai.</p> <p>=> Thơ Bác có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa màu sắc cổ điển và hiện đại, tiêu biểu là bài thơ “Nguyên tiêu”.</p> <p>- Chứng minh</p> <p>+ “<i>Nguyên tiêu</i>” là bài thơ mang vẻ đẹp cổ điển:</p> <p>.) Ngôn ngữ: tiếng Hán. Thơ chữ Hán thường cô đọng, súc tích, lời ít ý nhiều.</p> <p>.) Thể loại: thất ngôn tứ tuyệt, thơ cổ Đường thi đòi hỏi người viết phải am hiểu sâu sắc và tinh tế mới đúc kết được tình ý trong câu chữ.</p> <p>.) Đề tài: đề tài mùa xuân quen thuộc trong thi ca cổ.</p> <p>.) Hình ảnh: trăng, trời, nước, khói sóng là những hình ảnh quen thuộc trong thơ ca cổ điển, giàu tính ước lệ, tượng trưng.</p> <p>.) Bút pháp: chấm phá, tả cảnh ngụ tình. Trong cảnh rằm xuân đẹp đẽ, tâm hồn thi sĩ hiện lên khoáng đạt, tràn trề sức xuân.</p> <p>.) Không gian, thời gian: khoáng đạt, mang không khí cổ điển.</p> <p>+ “<i>Nguyên tiêu</i>” là bài thơ mang vẻ đẹp hiện đại:</p> <p>.) Bài thơ viết về cảnh đêm rằm mùa xuân rất gần gũi với thơ cổ. Hình ảnh, âm điệu của bài thơ cũng phảng phất phong vị ấy nhưng</p>	<p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>2,5</p>

	<p>cảnh xuân ở đây tràn đầy sức sống. Thơ xưa dù miêu tả cảnh xuân nhưng chưa bao giờ niềm vui tươi, nhựa sống lại được thổi vào tràn trề như vậy. Xuân ở dưới thấp, xuân ở trên cao, xuân ở đất trời và cái gốc của xuân chính là ở lòng người.</p> <p>.) Hình ảnh hiện đại hiện ra rõ nét nhất trong không gian khói sóng bàng bạc: giữa dòng bàn bạc việc quân. Nếu như không gian này trong thơ cổ thường báo hiệu sự chia li, nhưng nhớ,... thì đằng sau không gian mịt mù khói sóng, Người đang đàm đạo việc quân cơ. Đó là công việc của người lãnh tụ đang ngày đêm lo cho dân, lo cho vận mệnh đất nước. Xuân lúc này là mùa xuân của trí tuệ, mùa xuân của niềm tin chiến thắng.</p> <p>.) Vẻ đẹp hiện đại còn được thể hiện trong mạch vận động của bài thơ. Mạch thơ vận động hướng tới ánh sáng, càng lúc càng sáng: ánh sáng của thiên nhiên lan tỏa rồi bùng lên ánh sáng của tâm hồn, của trí tuệ. Kì lạ thay trăng chỉ là một vầng ở câu đầu đã thành trăng ánh mặt trời ở câu cuối, thiên nhiên, đất trời tràn ngập ánh trăng. Và con thuyền quân dụng thoát cái đã thành con thuyền thi tứ, đong đầy ánh sáng. Qua đó cho thấy niềm vui sống tràn trề của người chiến sĩ, thi sĩ Hồ Chí Minh. Niềm vui của Người như lan tỏa ấm áp khiến người đọc thấy tâm hồn dạt dào cảm xúc với mùa xuân.</p> <p>- <i>Đánh giá, nhận xét:</i></p> <p>+ Màu sắc cổ điển và hiện đại góp phần làm nên nét đặc sắc trong bút pháp của thơ Người.</p> <p>+ Ở Bác luôn có sự kết hợp độc đáo giữa con người chiến sĩ và con người thi sĩ, con người dân tộc và con người thời đại. Đó là tinh hoa, là cốt cách của một con người vĩ đại.</p> <p>* <i>Khái quát lại vấn đề nghị luận, bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân.</i></p>	<p>2,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p>
--	--	----------------------------------

ĐỀ SỐ 9:

Câu 1 (4,0 điểm)

Ngạn ngữ Mĩ có câu: “*Trong tất cả kì quan thế giới thì trái tim người mẹ là kì quan vĩ đại nhất*”

Em hiểu như thế nào về câu ngạn ngữ trên?

Câu 2 (6,0 điểm)

Trong văn bản “*Ý nghĩa văn chương*”, Hoài Thanh khẳng định:

“Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế, văn chương còn sáng tạo ra sự sống...”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua các tác phẩm văn học, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

————— Hết —————

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Yêu cầu cần đạt về hình thức và nội dung	Biểu điểm
1 (4.0 đ)	<p>Ngạn ngữ Mĩ có câu: “<i>Trong tất cả kì quan thế giới thì trái tim người mẹ là kì quan vĩ đại nhất</i>”</p> <p>Em hiểu như thế nào về câu ngạn ngữ trên?</p> <p>1. Nội dung: đảm bảo một số ý cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói đến vẻ đẹp và sự vĩ đại của trái tim người mẹ, trích dẫn câu ngạn ngữ của Mĩ. - Giải thích cụm từ “<i>kì quan</i>”: Là những công trình kiến trúc hay những cảnh vật đẹp kì lạ, tuyệt diệu, hiếm thấy. - Nêu ý nghĩa câu nói: Trái tim người mẹ chính là kì quan vĩ đại nhất, đẹp nhất trên đời vì nó được tạo ra bằng chính tình yêu thương vô bờ mẹ dành cho con. Phép so sánh nhằm ngợi ca, tôn vinh hình tượng mẹ. - Giải thích vì sao lại như vậy: <ul style="list-style-type: none"> + Vì mỗi người sinh ra đều được tượng hình từ giọt máu đào của mẹ, suốt chín tháng mười ngày nằm trong bụng mẹ con được vỗ về, yêu thương. + Mẹ vắt kiệt sức mình, đau đớn quằn quại vượt cạn. Rồi con được sinh ra. Dòng sữa ngọt ngào của mẹ nuôi con lớn khôn. + Mẹ nuôi con ăn học, dạy dỗ con thành người. Dạy cho con biết lễ nghĩa, lễ đời. + Trái tim mẹ nhân hậu, bao dung che chở suốt cuộc đời con... + Dù con nhỏ hay đã lớn, dù ở gần mẹ hay ở xa, dù con làm gì, ở đâu, lên núi hay xuống biển thì suốt đời, lòng mẹ vẫn theo con. ->Mẹ sáng tạo ra Con người - sáng tạo nên Thế giới, không có mẹ không có nhà thơ, không có anh hùng. Trái tim là tình mẹ - biển lớn bao la, sự hi sinh cao cả - biểu tượng đẹp nhất, vĩ đại nhất trên đời, 	<p>0,25đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>1,5đ</p>

	<p>không kì quan nào có thể sánh bằng.</p> <p>- Liên hệ, mở rộng vấn đề.</p> <p>+ Đạo làm con phải kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ. Không bao giờ được phép xúc phạm, chà đạp lên tình thương yêu của cha mẹ.</p> <p>2. Hình thức:</p> <p>- Sử dụng phép lập luận giải thích.</p> <p>- Viết thành đoạn hoặc bài văn ngắn giải thích rõ ràng, lí lẽ thuyết phục, tránh mắc các lỗi: chính tả, dùng từ, viết câu.</p> <p>3. Sáng tạo.</p> <p>- Bài viết thể hiện được tính sáng tạo của bản thân người viết, sử dụng linh hoạt các kiểu câu, lập luận sắc sảo,...</p>	
2	<p>1.Yêu cầu về nội dung:</p> <p>a/ Mở bài:</p> <p>- Nêu vấn đề, trích dẫn ý kiến của Hoài Thanh.</p> <p>b/ Thân bài:</p> <p>* Giải thích, chứng minh:</p> <p>+ Ý thứ nhất: Nói “<i>văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng</i>”:</p> <p>+ Văn chương là tấm gương phản chiếu đời sống hay nói cách khác, là bức tranh về đời sống xã hội và con người. Phản ánh đời sống, văn chương quay trở lại phục vụ đời sống.</p> <p>+ Vì thế, văn chương là hình dung, hình ảnh của sự sống muôn hình vạn trạng bởi nó vô cùng phong phú đa dạng và phức tạp. Bởi nhà văn xây dựng lên tác phẩm của mình bằng chính những vật liệu lấy từ trong đời sống thực tế. (nêu dẫn chứng)</p> <p>- Văn chương phản ánh cuộc sống một cách chân thực, song không phải sao chép như một chiếc máy photocopy mà có chất lọc, chiếu xạ qua lăng kính của nhà văn để khái quát lên bức tranh cuộc sống muôn sắc màu một cách tổng quát và đầy đủ nhất, về tất cả những điều tốt đẹp và những thói xấu độc ác của con người, về những mặt sáng - tối của đời sống xã hội...Qua đó, người đọc nhận thức được cuộc sống đang diễn ra trên khắp không gian, thời gian rộng lớn như thế nào và tìm cách ứng xử (nêu dẫn chứng).</p> <p>+ Ý thứ hai: Nói “... <i>văn chương còn sáng tạo ra sự sống</i>...”</p> <p>- Văn chương phản ánh đời sống và quay trở lại phục vụ đời sống,</p>	<p>0,5 đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,75đ</p> <p>0,75đ</p>

	<p>sáng tạo ra sự sống, đó là chức năng của văn chương.</p> <p>+ Văn chương ngợi ca những phẩm chất những việc làm tốt đẹp của con người nhằm tôn vinh, khích lệ cái tốt phát triển lan tỏa. Làm cho cuộc sống ngày càng tốt hơn, con người văn minh hơn như: khích lệ tinh thần yêu nước của mọi người khi đất nước bị xâm lăng để bảo toàn lãnh thổ và cuộc sống hòa bình, ấm no, hạnh phúc; kêu gọi mọi người yêu thương đùm bọc lẫn nhau khi đồng bào gặp hoạn nạn, khó khăn (dẫn chứng)</p> <p>+ Văn chương không chỉ khơi gợi cho người đọc tư tưởng, tình cảm, thái độ sống tốt...đem lại nhận thức cuộc sống mà còn phơi bày thói xấu xa, độc ác, phi nhân tính của xã hội để cải tạo con người và xã hội. Đấu tranh với nó nhằm đem lại cuộc sống tốt đẹp cho con người, đưa xã hội đi lên, phát triển (dẫn chứng).</p> <p>=> Đánh giá khái quát: Như vậy dù phản ánh cái tốt hay cái xấu thì văn chương đều nhằm cải tạo con người ngày càng hoàn thiện hơn, cải tạo xã hội ngày một tốt đẹp hơn, hướng con người vào cái chân, thiện, mỹ của cuộc sống, đó là nhiệm vụ quan trọng và công dụng lớn lao của văn chương.(hoặc học sinh liên hệ thực tế, liên hệ bản thân)</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định vấn đề và nêu ý nghĩa của văn chương trong mọi thời đại, liên hệ bản thân.</p> <p>(Chú ý: Mỗi lý lẽ nêu một hoặc vài dẫn chứng để tăng sức thuyết phục).</p> <p>2. Hình thức:</p> <p>- Bài viết bố cục 3 phần: Mở bài - Thân bài - Kết bài.</p> <p>- Diễn đạt mạch lạc trôi chảy, lập luận chặt chẽ, luận cứ đầy đủ, phù hợp, có liên kết mạch lạc.</p> <p>- Chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, dùng từ...</p> <p>3. Sáng tạo:</p> <p>- Bài viết thể hiện được tính sáng tạo của bản thân người viết, sử dụng đa dạng các kiểu câu, lập luận sắc sảo, thuyết phục...</p> <p>* Mức chưa tối đa: GV căn cứ vào các tiêu chí ở mức tối đa để xem xét đánh giá mức chưa tối đa cho bài làm của học sinh (GV căn cứ vào mức tối đa để đánh giá điểm từ 0,25 đến 3,75)</p> <p>* Mức không đạt: Không làm bài hoặc lạc đề.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh diễn đạt cách khác nhưng trùng ý, chọn dẫn</p>	<p>1,0đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>00,5</p> <p>0,5</p>
--	---	---

ĐỀ SỐ 10:

Câu 1 (4,0điểm): Chỉ ra và phân tích cái hay của các phép tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Gió bắc cựa mình làm rơi quả khế

Mèo con ru cái bếp thăm thì

Đêm nũng nịu dụi đầu vào vai mẹ

Mùa đông còn bé tí ti.

(Ám, Bùi Thị Tuyết Mai).

Câu 2(6điểm): Nói về sách, một nhà văn nhận định: “Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người”. Em hiểu câu nói đó như thế nào? Liên hệ với văn hóa đọc của lớp trẻ hiện nay.

Câu 3 (10điểm): Nhận xét về văn học trung đại Việt Nam (giai đoạn thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX), có ý kiến cho rằng:

“Một trong những nét nổi bật nhất của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn này là tình cảm nhân đạo sâu sắc, thấm thía”.

Qua một số văn bản đã học và đọc thêm: Bánh trôi nước (Hồ Xuân Hương), Sau phút chia li (Đặng Trần Côn, dịch giả Đoàn Thị Điểm)... em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

.....**HẾT**.....

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung cụ thể	Điểm
Câu 1	<p>A.Yêu cầu chung: - Về kĩ năng: HS biết cách làm bài cảm thụ thơ, bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc.</p> <p>- Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau.</p> <p>B.Yêu cầu cụ thể.</p> <p>a.Mở bài: Đoạn thơ trên trích trong bài thơ “Ám” của tác giả Bùi Thị Tuyết Mai đã sử dụng thành công phép tu từ nhân hóa, ẩn dụ. Đoạn thơ không chỉ nói về những hình ảnh thiên nhiên sinh động mà qua đó còn nói về đời sống con người.</p>	0,5

	<p>b.Thân bài: *Lần lượt phân tích các biện pháp tu từ</p> <p>-Phép nhân hoá được thể hiện qua các từ, cụm từ “gió bắc cựa mình”, “mèo ru...thì thầm”, “đêm nũng nịu”, “dụi”, “mùa đông...bé”. Các hình ảnh gió bắc, mèo con, đêm, mùa đông được nhân hóa có những cử chỉ, trạng thái biểu hiện giống như con người. Mùa đông, gió bắc thật khủng khiếp với vạn vật, nó bứt sạch lá, quả, hoa của cây cối. Cây khế không có mẹ che chở, gió bắc chỉ cần cựa mình là quả rụng. Mèo con không có mẹ che chở phải nướng nhờ bếp tro ấm, tiếng khi khò của nó nghe như tiếng ru cái bếp hi thầm. Qua đây khiến ta liên tưởng đến cuộc đời mẹ và bé, bé có mẹ, đêm nũng nịu dụi đầu vào vai mẹ được bàn tay mẹ ôm ấp, vỗ về, che chở thì mùa đông có khủng khiếp thế nào cũng chỉ còn bé tí ti, không có gì đáng sợ.</p> <p>-Phép ẩn dụ “gió bắc, mùa đông” hàm ẩn về những khó khăn, vất vả, gian truân của cuộc đời mẹ phải chịu đựng, trải qua. Mẹ là tấm lá chắn ngăn bão giông, nắng lửa, mùa đông lạnh giá cho con.</p> <p>c.Kết bài: Đoạn thơ sử dụng thành công nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ qua đó ca ngợi tình mẹ hạt ấm áp, lớn lao đối với cuộc đời của mỗi con người.</p>	<p>3,0</p> <p>0,5</p>
Câu 2	<p>A.Yêu cầu chung: - Về kĩ năng: HS biết cách làm bài nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi dùng từ, câu.</p> <p>- Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau.</p> <p>B.Yêu cầu cụ thể.</p> <p>*Mở đoạn: Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận: Vai trò, tác dụng của sách với con người. Trích dẫn câu nói.</p> <p>*Thân đoạn:</p> <p>- Giải thích, nêu ý nghĩa: + Sách: là sản phẩm kì diệu của trí tuệ, tinh thần, tâm hồn con người.</p> <p>+ Trí tuệ: là tinh túy, tinh hoa của sự hiểu biết.</p> <p>+ Sách là ngọn đèn sáng: những tri thức, kiến thức... được ghi lại trong sách, nó giống như ngọn đèn tỏa sáng, chiếu sáng cho trí tuệ, tâm hồn con người.</p> <p>+ Sách là ngọn đèn sáng bất diệt: ngọn đèn không bao giờ tắt, sống mãi với thời gian không bao giờ bị mất đi, tiêu biến đi.</p> <p>→ Sách là nguồn sáng bất diệt được thắp lên từ trí tuệ con người.</p> <p>-Khẳng định vai trò, tầm quan trọng, tính đúng đắn của vấn đề:</p>	<p>0.5</p> <p>1.0</p>

	<p>+ Sách mở ra, đem lại sự nhận thức, hiểu biết cho con người về tất cả các lĩnh vực vô cùng phong phú, đa dạng và rộng lớn của đời sống tự nhiên và xã hội. Nó giáo dục con người biết từ bỏ cái xấu xa độc ác, tầm thường ... để hướng vào cái chân, thiện, mỹ của cuộc sống, bồi đắp tư tưởng tình cảm. Nó giúp con người nhận diện cái đẹp, hướng về cái đẹp, giúp con người có những ước mơ, khát vọng, bay cao bay xa.</p> <p>+ Sách giúp con người vượt thời gian, không gian để tiếp nhận, lĩnh hội tri thức.</p> <p>Dẫn chứng: Sách toán học, sách văn học, sách lịch sử, sách địa lý...</p> <p>+ Xã hội hiện đại có rất nhiều loại sách, bên cạnh những sách có nội dung tốt, lành mạnh còn có những sách có nội dung giáo dục không tốt nên con người phải biết chọn sách để đọc.</p> <p>-Liên hệ văn hóa đọc của lớp trẻ hiện nay:</p> <p>Sách đem lại nhiều giá trị cho con người nhưng con người tiếp nhận sách như thế nào, nhất là giới trẻ hiện nay? Cuộc đời có giới hạn nhưng sách thì không có trang cuối cùng. Có người nói được sống với những cuốn sách tôi cảm thấy hạnh phúc hơn một ông hoàng trên thế giới. Sinh thời Bác Hồ cũng nói: “Không có sách thì không có tri thức, không có tri thức thì không có chủ nghĩa xã hội”. Nhưng ngày nay xã hội phát triển với sự bùng nổ của thời đại công nghệ số thì văn hóa đọc bị lu mờ, trượt dốc, bởi có người cả đời chưa bao giờ động đến cuốn sách, sống mang tính thực dụng cao. Cái gì đã chi phối văn hóa đọc hiện nay? Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan:</p> <p>+ Công nghệ thông tin bùng nổ nhiều phương tiện thông tin đem lại nguồn giải trí phong phú như Internet, điện thoại thông minh.</p> <p>+ Người ta có nhiều thứ phải lo toan nhất là ở các đô thị lớn nên không có thì giờ đọc sách.</p> <p>-Nhận thức, thái độ, tình cảm của bản thân với sách:</p> <p>+ Hãy yêu sách, đọc sách, trân trọng, giữ gìn sách như ta yêu quý trân trọng một thứ gì đó quý nhất ở trên đời.</p> <p>+ Hãy biết chọn sách phù hợp với trình độ, lứa tuổi để tiếp nhận có hiệu quả.</p> <p>*Kết đoạn: Khẳng định tầm quan trọng của sách, bài học liên hệ bản thân.</p>	1,5
	<p>Sách đem lại nhiều giá trị cho con người nhưng con người tiếp nhận sách như thế nào, nhất là giới trẻ hiện nay? Cuộc đời có giới hạn nhưng sách thì không có trang cuối cùng. Có người nói được sống với những cuốn sách tôi cảm thấy hạnh phúc hơn một ông hoàng trên thế giới. Sinh thời Bác Hồ cũng nói: “Không có sách thì không có tri thức, không có tri thức thì không có chủ nghĩa xã hội”. Nhưng ngày nay xã hội phát triển với sự bùng nổ của thời đại công nghệ số thì văn hóa đọc bị lu mờ, trượt dốc, bởi có người cả đời chưa bao giờ động đến cuốn sách, sống mang tính thực dụng cao. Cái gì đã chi phối văn hóa đọc hiện nay? Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan:</p> <p>+ Công nghệ thông tin bùng nổ nhiều phương tiện thông tin đem lại nguồn giải trí phong phú như Internet, điện thoại thông minh.</p> <p>+ Người ta có nhiều thứ phải lo toan nhất là ở các đô thị lớn nên không có thì giờ đọc sách.</p> <p>-Nhận thức, thái độ, tình cảm của bản thân với sách:</p> <p>+ Hãy yêu sách, đọc sách, trân trọng, giữ gìn sách như ta yêu quý trân trọng một thứ gì đó quý nhất ở trên đời.</p> <p>+ Hãy biết chọn sách phù hợp với trình độ, lứa tuổi để tiếp nhận có hiệu quả.</p> <p>*Kết đoạn: Khẳng định tầm quan trọng của sách, bài học liên hệ bản thân.</p>	1.0
	<p>-Nhận thức, thái độ, tình cảm của bản thân với sách:</p> <p>+ Hãy yêu sách, đọc sách, trân trọng, giữ gìn sách như ta yêu quý trân trọng một thứ gì đó quý nhất ở trên đời.</p> <p>+ Hãy biết chọn sách phù hợp với trình độ, lứa tuổi để tiếp nhận có hiệu quả.</p> <p>*Kết đoạn: Khẳng định tầm quan trọng của sách, bài học liên hệ bản thân.</p>	0.5
Câu3	<p>A.Yêu cầu chung: - Về kĩ năng: HS biết cách làm bài nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, đúng thao tác nghị luận, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi dùng từ, câu. Xác định đúng vấn đề nghị luận và phạm vi tư liệu</p>	

	<p>- Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau.</p> <p>B. Yêu cầu cụ thể.</p> <p>a. Mở bài: Dẫn dắt nêu vấn đề: Con người Việt Nam vốn có tâm hồn cao đẹp là yêu thương, cảm thông, chia sẻ... lẫn nhau trong cuộc sống. Đó chính là tình cảm nhân đạo lớn lao. Điều đó đã được phản ánh vào trong các tác phẩm văn học, đặc biệt văn học giai đoạn thế kỉ XVIII, nửa đầu thế kỉ XIX.</p> <p>Trích ý kiến. nêu giới hạn ở hai tác phẩm đề nêu.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>*Giải thích nhận định:</p> <p>- Tình cảm nhân đạo: là tình cảm yêu thương giữa người với người, là sự khẳng định tôn vinh những giá trị con người và đấu tranh cho quyền con người.</p> <p>Chữ nghĩa nhân đạo là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình lịch sử văn học nhưng ở giai đoạn thế kỉ XVIII, nửa đầu thế kỉ XIX là sâu đậm, thấm thía nhất.</p> <p>- Tình cảm nhân đạo trong văn học giai đoạn này sâu đậm và thấm thía nhất vì chế độ xã hội phong kiến những thập niên này lâm vào tình trạng khủng hoảng, rối ren trầm trọng nhất. Nhiều cuộc chiến tranh phong kiến nổ ra, cuộc sống nhân dân chìm trong cảnh đói khổ lầm than. Hơn nữa còn tồn tại chế độ xã hội trọng nam khinh nữ nên mọi giá trị con người bị coi thường, chà đạp, áp bức tới tận cùng.</p> <p>*Chứng minh:</p> <p>- Tổng quát: Lịch sử Việt Nam giai đoạn thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX rơi vào khủng hoảng sâu sắc với chế độ phong kiến nam quyền và các cuộc chiến tranh phong kiến nổ ra. Vì vậy nhiều tác phẩm văn học giai đoạn này đã phản ánh tình trạng xã hội loạn li, đen tối ảm đạm và bày tỏ lòng cảm thương chia sẻ đối với những số phận bất hạnh, đặc biệt là người phụ nữ. Không chỉ vậy văn học còn lên tiếng bênh vực quyền con người, nói lên khát vọng tình yêu hạnh phúc sự công bằng bình đẳng của con người; đề cao quyền sống của con người tôn trọng ý thức cá nhân và vượt ra ngoài lễ giáo phong kiến.</p> <p>Tiêu biểu là những tác phẩm: Truyện Kiều của Nguyễn Du, Thơ Nôm Hồ Xuân Hương với mảng đề tài viết về người phụ nữ, cung oán ngâm khúc của Đặng Trần Côn và Chinh phụ ngâm khúc của dịch giả Đoàn Thị Điểm...</p>	<p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p>
--	---	----------------------------------

<p>-Các luận điểm:</p> <p>+ Khẳng định, tôn vinh vẻ đẹp con người.</p> <p>++ Vẻ đẹp hình thức: xinh đẹp, trong trắng “trắng, tròn”(Bánh trôi nước)</p> <p>++ Vẻ đẹp tâm hồn, tài năng: tấm lòng thủy chung son sắt của người phụ nữ dù cảnh ngộ nào vẫn giữ “tấm lòng son”(bánh trôi nước). Yêu thương chồng, thủy chung chờ chồng, khi chia tay thì lưu luyến bịn rịn, ngóng trông (Sau phút chia li).</p> <p>+ Đồng cảm, xót thương trước tình cảnh éo le, số phận bi kịch của con người.</p> <p>++ Bánh trôi nước: “Thân em”lời than về thân phận đồng thời là sự đồng cảm của tác giả với thân phận của người phụ nữ (liên hệ ca dao than thân).</p> <p>Thân phận “bảy nổi ba chìm”chìm nổi, lênhênh, lặnđạt phiêu dạt không có quyền quyết định số phận cho mình. “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn”phụ thuộc vào “tay kẻ nặn”không được quyết định điều gì, cuộc đời sướng hay khổ phụ thuộc vào người khác, phải tuân theo giới gia trưởng và sẵn sàng bị chà đạp bất cứ khi nào.</p> <p>++ Sau phút chia li: Nỗi khổ của người phụ nữ có chồng đi chiến đấu nơi xa, xót thương với cảnh ngộ đôi lứa chia li bởi chiến tranh loạn lạc. Cuộc ra đi ấy biết có ngày trở về bởi sinh li tử biệt: người đi cõi xa mưa gió cơ cực, đối diện với mũi tên lưỡi kiếm. Người trở về đối diện với buồng cũ chiếu chăn cô đơn. Phút chia li buông tay nhau ra là cả hai cùng đối diện với khoảng không gian, thời gian vô tận: tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh, chốn Hàm Dương – Tiêu Tương, cùng trông lại mà cùng chẳng thấy...</p>	4.0
<p>+Lên án, phê phán các thế lực tàn bạo gây đau khổ cho con người</p> <p>++ Bánh trôi nước: Hồ Xuân Hương phơi bày thói xấu xa, luật lệ cổ hủ của xã hội, tố cáo chế độ phong kiến nam quyền.</p> <p>++ Sau phút chia li: lên án chiến tranh phi nghĩa của các tập đoàn phong kiến vì ngai vàng, vì quyền lợi ích kỉ của những kẻ cầm quyền mà đẩy đất nước vào những cơn gió bụi khiến cuộc sống của dân lành lầm than đói khổ, đặc biệt hạnh phúc của tuổi trẻ bị cướp đoạt.</p> <p>+ Nói lên ước mơ, khát vọng chân chính của con người:</p> <p>++ Bánh trôi nước: là bức thông điệp đòi quyền bình đẳng cho người phụ nữ. Là mong muốn người phụ nữ được tôn trọng, được bình đẳng, được thể hiện tài năng.</p> <p>++ Sau phút chia li: bày tỏ khát vọng hòa bình, nhân dân hạnh phúc,</p>	2.0

	<p>nhất là tình yêu, khát vọng lứa đôi của tuổi trẻ, quyền được hưởng hạnh phúc của người phụ nữ.</p> <p>*Đánh giá khái quát: Cùng viết về nỗi thống khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến nhưng mỗi văn bản lại phản ánh thân phận họ có nỗi thống khổ khác nhau trong hoàn cảnh khác nhau. Với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, dùng cặp quan hệ từ “mặc dầu, mà”, vận dụng thành ngữ “bảy nổi ba chìm” bài thơ “Bánh trôi nước” là cái nhìn sâu sắc, toàn diện về người phụ nữ bị lệ thuộc. Đoạn trích “Sau phút chia li” sử dụng thành công thể thơ song thất lục bát, thể thơ phù hợp diễn tả tâm trạng sầu bi đắng đắng của người chinh phụ có chồng ra trận. Đồng thời kết hợp nghệ thuật đối, đảo ngữ, điệp ngữ để nói lên nỗi buồn sâu của người chinh phụ. Hai văn bản góp phần thể hiện rõ tinh thần nhân đạo sâu sắc, thấm thía.</p> <p>Thơ là tiếng hát của tâm hồn làm rung động bao trái tim con người. Các thi nhân đã giúp ta hiểu sâu sắc hơn và trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.</p> <p>c. Kết bài: khẳng định lại vấn đề: Tình cảm nhân đạo trong văn học trung đại giai đoạn này là thấm thía, sâu sắc. lần đầu tiên trong văn học tiếng nói đòi quyền con người, khẳng định giá trị con người lại thành trào lưu mạnh mẽ được xã hội quan tâm.</p> <p>Cảm ơn cha ông ta đã cho ta cuộc sống hòa bình như hôm nay, nhất là vấn đề bình đẳng giới. Người phụ nữ đã có cuộc sống tốt đẹp hơn, có quyền tự quyết định số phận cuộc đời mình.</p>	1,0
--	--	-----

ĐỀ SỐ 11

Câu 1 (4,0 điểm)

Chỉ ra và phân tích giá trị nghệ thuật của phép tu từ được sử dụng trong khổ thơ

“Trên đường hành quân xa

Dừng chân bên xóm nhỏ

Tiếng gà ai nhảy ổ:

“Cục... cục tác cục ta”

Nghe xao động nắng trưa

Nghe bàn chân đỡ mỏi

Nghe gọi về tuổi thơ”

(*Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh, SGK Ngữ Văn 7, tập I*)

Câu 2 (6,0 điểm): Trình bày cảm nhận của em về đoạn văn sau:

“Tôi yêu Sài Gòn da diết. Tôi yêu trong nắng sớm, một thứ nắng ngọt ngào, vào buổi chiều lồng gió nhớ thương, dưới những cây mưa nhiệt đới bất ngờ. Tôi yêu thời tiết trái chứng với trời đang ui ui buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thủy tinh. Tôi yêu cả đêm khuya thừa thớt tiếng ồn. Tôi yêu phố phường náo động, dập dìu xe cộ vào những giờ cao điểm. Yêu cả cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương với làn không khí mát dịu, thanh sạch trên một số đường còn nhiều cây xanh che chở. Nếu cho là cường điệu, xin thưa:

“Yêu nhau yêu cả đường đi

Ghét nhau ghét cả tông chi, họ hàng”.

(Sài Gòn tôi yêu - Minh Hương)

Câu 3(10 điểm):

Từ thực tiễn và qua những tác phẩm văn học mà em đã được đọc, được học nói về người Mẹ. Em hãy viết bài văn với tiêu đề: **Mẹ - ngọn lửa hồng soi sáng cuộc đời con!**

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
1	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hình thức: Viết thành đoạn văn. * Nội dung: Học sinh chỉ ra được các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ: <p>Cả khổ thơ là những rung cảm ban đầu của người lính trên đường hành quân khi nghe tiếng gà trưa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dòng thứ tư “Cục... cục tác cục ta” với việc lặp âm và những dấu chấm lửng đã mô phỏng sát đúng tiếng gà làm cho chuyện kể như được lồng vào một bức tranh nổi có tiếng gà vang vọng trong không gian. - Lỗi dùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy thính giác (nghe) thay cho cảm giác (thấy) và điệp ngữ “nghe” lặp lại ba lần ở đầu dòng thơ có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại, làm xao động không gian và xao động lòng người. - Trật tự đảo của kết cấu so sánh: Nghe xao động nắng trưa (nổi bật nghĩa bóng) với Nghe nắng trưa xao động (nổi bật nghĩa đen) xen vào những trật tự đảo của câu trước và câu sau, làm cho âm điệu câu thơ thay đổi, tránh được sự nhàm chán và diễn tả được sự bồi hồi, xao xuyến của tâm hồn. 	<p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p>

2	<p>* Yêu cầu:</p> <p>Đây là đoạn văn biểu cảm tình yêu Sài Gòn của nhân vật trữ tình trong tùy bút Sài Gòn tôi yêu của Minh Hương.</p> <p>- Câu mở đầu đoạn văn bộc lộ tình cảm một cách khái quát, những câu sau bộc lộ tình yêu Sài Gòn một cách cụ thể của tôi. Với những hình ảnh đối lập, sự liệt kê cho thấy tôi yêu Sài Gòn đa diện, yêu rất nhiều thứ, nhiều lúc, nhiều nơi: Yêu thiên nhiên yêu nắng, yêu mưa, yêu sớm, yêu chiều, yêu đêm, yêu ngày, yêu nhịp sống của phố phường lúc tĩnh lặng, yêu cả những lúc phố phường náo động, dập dềnh, yêu những lúc thời tiết đẹp trời, rồi yêu cả những lúc thời tiết trái chứng trở trời.</p> <p>Và cuối cùng tác giả lí giải cho cái tình cảm của mình bằng một câu ca dao càng làm nổi bật tình yêu sâu sắc đối với quê hương. Thông qua tình yêu của tác giả ta cảm nhận được nét đẹp riêng, độc đáo của thiên nhiên, khí hậu và phố phường Sài Gòn.</p> <p>- Điệp ngữ tôi yêu nhắc đi nhắc lại nhiều lần cùng với hình ảnh gợi cảm nắng ngọt ngào, gió nhớ thương, cây mưa nhiệt đới bất ngờ, trời ui ui buồn bã,... ta như cảm thấy nhân vật trữ tình huy động tất cả các giác quan để cảm nhận một cách tinh tế thiên nhiên, phố phường Sài Gòn để bộc lộ tình yêu Sài Gòn sâu nặng, thiết tha.</p> <p>- Đoạn văn gợi nhắc mọi người về tình yêu đối với quê hương, đất nước.</p>	<p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p>
3	<p>1. Yêu cầu về kỹ năng trình bày:</p> <p>- Đảm bảo một bài văn có bố cục rõ ràng, sắp xếp ý hợp lý, hành văn trôi chảy, mạch lạc, văn viết giàu cảm xúc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, ít sai lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt.</p> <p>2. Yêu cầu về nội dung:</p> <p>- Khẳng định vị trí tuyệt vời của người mẹ và hạnh phúc khi được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ.</p> <p>- Nêu được công lao sinh thành, dưỡng dục của mẹ từ khi em lọt lòng đến những năm tháng em được cắp sách đến trường (lấy dẫn chứng từ thực tế và thông qua các bài văn, thơ đã đọc, đã học như: <i>Ca dao về tình cảm gia đình</i>, “<i>Mẹ tôi</i>”, “<i>Thư gửi mẹ</i>”, “<i>Vì sao hoa cúc có nhiều cánh nhỏ</i>”, “<i>Trách nhiệm của bố mẹ</i>”, “<i>Thế giới rộng vô cùng</i>”...(Chương trình Ngữ văn 7) và các bài văn, thơ khác để chứng minh cho có sức thuyết phục.</p> <p>- Ghi nhớ công ơn của mẹ bằng hành động cụ thể, thiết thực trong đời sống hàng ngày như: học tập tốt, rèn luyện nhân cách, biết vâng lời, làm theo lời hay, ý đẹp, ở nhà là con ngoan, ở trường là trò giỏi để không phụ lòng cha mẹ, anh chị và thầy cô, bạn bè.</p> <p>- Mở rộng và nâng cao vấn đề: Mẹ- không chỉ là ngọn lửa hồng soi sáng cuộc đời con trong hiện tại mà còn soi sáng cuộc đời con cả ở</p>	<p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>3,0</p> <p>2,0</p> <p>2,0</p> <p>1,0</p>

tương lai phía trước.

Lưu ý chung:

- Khuyến khích những bài có ý tưởng sáng tạo, những phát hiện độc đáo mà hợp lý, có tính thuyết phục, bài viết có cá tính, giọng điệu, cảm xúc riêng

ĐỀ SỐ 12:

PHẦN I: ĐỌC HIỂU(4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Em yêu cánh vồng đông đưa
Cánh diều no gió chiều chưa muốn về
Đàn trâu thong thả đường đê
Chon von lá hát vọng về cỏ lau
Trăng lên lốm đốm hạt sao
Gió sông rười rượi hoa màu thiên nhiên
Em đi cuối đất cùng miền
Yêu quê yêu đất gắn liền bước chân*

(*Yêu lắm quê hương* - Hoàng Thanh Tâm, www.manhmap.com - *Thơ hay về tình yêu quê hương - đất nước*)

- 1) Xác định phương thức biểu đạt chính.
- 2) Cho biết thể thơ được sử dụng trong đoạn trích.
- 3) Tìm từ láy trong các từ: *thong thả, đường đê, chon von, vọng về, lốm đốm, rười rượi*.
- 4) Nội dung của đoạn thơ đã gợi em nghĩ đến điều gì?

PHẦN II: LÀM VĂN(16,0 điểm)

Câu 1:(4,0 điểm) Từ việc đọc hiểu văn bản *Một thứ quà của lúa non: cốm* - ngữ văn 7, tập I em hãy cho biết tại sao nhà văn Thạch Lam lại cho rằng ăn cốm phải ăn *thong thả* và *ngâm nghĩ*.

Câu 2:(12,0 điểm)

Cây bàng trước sân trường đã trở nên trơ trụi trong mùa đông rụng lá nhưng trong mình nó đang có những mầm sống cựa quậy để hướng tới một sự hồi sinh mạnh mẽ với biết bao chồi tơ, lộc biếc ...

Hãy thay lời cây bàng ấy để nói lên tâm trạng của mình về sự việc này!

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Đọc – Hiểu (4đ)	- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.	1,0
	- Thể thơ: Lục bát.	1,0
	- Từ láy trong các từ: <i>thong thả, đường đê, chon von, vọng về, lóm đóm, rười rượi</i> . là: <i>thong thả, chon von, lóm đóm, rười rượi</i> .	1,0
	- Đoạn thơ gọi người đọc nghĩ đến tình yêu quê hương đất nước với những cái đẹp đơn sơ, mộc mạc, bình dị nhưng lại gắn bó, nghĩa tình.	1,0
Câu1 Làm văn (4đ)	Cần làm rõ đây là một nghệ thuật thưởng thức cơm rất tinh tế trong truyền thống ẩm thực của con người Hà Nội ngàn năm văn hiến được nhà văn Thạch Lam thể hiện trong tập tùy bút “Hà Nội băm sáu phố phường”.	2,0
	<p>Ăn cơm phải ăn <i>thong thả và ngấm ngấm</i> tức là phải ăn từ tốn, chậm rãi và khoan thai đó là bởi vì:</p> <p>- Để thưởng thức đến tận cùng sức hấp dẫn của món quà bình dị nhưng hết sức độc đáo này. Mỗi hạt lúa non là một hạt sữa của đất trời kết đọng trong đó ngàn hoa cỏ nội nước Nam. Phải ăn thật chậm rãi thì mới cảm nhận được những điều thú vị này.</p> <p>- Cũng phải ăn <i>thong thả và ngấm ngấm</i> để thể hiện một phong thái lịch lãm trong nét đẹp của văn hóa ẩm thực. Ăn chậm rãi và khoan thai không chỉ là để thưởng thức mà còn là để bày tỏ sự nâng niu trân trọng và biết ơn đối với những con người lao động bình dị đã làm ra sản phẩm hạt cơm.</p>	2,0
Câu2 Làm văn (12đ)	Với yêu cầu của đề bài thì thí sinh phải nhập vai cây bàng để biểu cảm. (Có thể sử dụng đại từ: Tôi). Mặc dù là một đề mở, thí sinh có thể có những cách biểu cảm khác nhau, (Ví dụ viết thư cho bạn chẳng hạn) tuy nhiên cũng cần phải làm rõ một số dấu ấn cảm xúc cơ bản theo trình tự cấu trúc ba phần:	2,0
	<p>Mở bài: Tự giới thiệu được hình ảnh bản thân là một cây bàng mùa đông đang trụi lá giữa sân trường bằng những lời sinh động, giàu cảm xúc.</p> <p>Thân bài:</p> <p>+ ,Hồi tưởng một cách xúc động và sinh động về những kỷ niệm trong quá khứ đặc biệt là những sự gắn bó đối với những cô cậu học trò.</p>	2,0 3,0

	<p>+ , Nỗi buồn vì cảnh ngộ của bản thân trong hiện tại. Mùa đông khắc nghiệt đã cướp đi những màu xanh đẹp đẽ trên cành lá khiến cho bàng ta trở nên khẳng khiu, gầy guộc, trơ trọi và cũng rất cô đơn. (Vì lũ học trò chỉ hóng mát, đùa nghịch, đọc sách... dưới cây bàng khi nó sum suê cành lá).</p> <p>+ , Sự hồi hộp chờ mong những ánh nắng ấm áp của mùa xuân; niềm tin mãnh liệt về một tương lai khi cảm nhận những mầm sống đang chực quây để từ đó có thể hướng tới một sự hồi sinh mạnh mẽ với biết bao chồi tơ, lộc biếc; khát vọng được cống hiến những ngày tháng đẹp đẽ sum suê cành lá cho sân trường yêu dấu, nơi có thể thấp sáng lên những kỷ niệm đẹp đẽ của tuổi học trò.</p> <p>Kết bài: Bày tỏ tình yêu đối với mái trường, với những thầy cô giáo cũng như với các bạn học trò.</p>	<p>3,0</p> <p>2,0</p>
--	--	-----------------------

ĐỀ SỐ 13:**Câu 1(5,0 điểm)**

Xác định và phân tích giá trị của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

“Trên đường hành quân xa

Dừng chân bên xóm nhỏ

Tiếng gà ai nháy ổ:

“Cục... cục tác cục ta”

Nghe xao động nắng trưa

Nghe bàn chân đỡ mỏi

Nghe gọi về tuổi thơ”

(Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh)

Câu 2(5,0 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ về công lao của cha mẹ qua bài ca dao sau:

“ Công cha như núi ngất trời

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông

Núi cao biển rộng mênh mông

Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi”.

Câu 3 (10,0 điểm)

Cảm nghĩ của em về hình ảnh Bác Hồ qua hai bài thơ “*Cảnh khuya*” và “*Rằm tháng giêng*”.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (5,0 điểm)	Tiếng Việt	5,0
	Biện pháp tu từ: Điệp ngữ, ẩn dụ	1,0
	Dòng thứ tư “Cục ... cục tác cục ta” với việc lặp âm và những dấu chấm lửng đã mô phỏng sát đúng tiếng gà làm cho chuyện kể như được lồng vào một bức tranh nổi có tiếng gà vang vọng trong không gian.	1,5
	- Lỗi dùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy thính giác (nghe) thay cho cảm giác (thấy) và điệp ngữ “nghe” lặp lại ba lần ở đầu dòng thơ có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại, làm xao động không gian và xao động lòng người.	1,0
	- Trật tự đảo của kết cấu so sánh: Nghe xao động nắng trưa (nổi bật nghĩa bóng) với Nghe nắng trưa xao động (nổi bật nghĩa đen) xen vào những trật tự đảo của câu trước và câu sau, làm cho âm điệu câu thơ thay đổi, tránh được sự nhàm chán và diễn tả được sự bồi hồi, xao xuyến của tâm hồn.	1,0
	Cả khổ thơ là những rung cảm ban đầu của người lính trên đường hành quân khi nghe tiếng gà trưa	0,5
Câu 2 (5,0 điểm)	Phát biểu cảm nghĩ về công lao của cha mẹ qua bài ca dao	
	Yêu cầu về kĩ năng	
	- HS biết cách viết bài văn nêu suy nghĩ của mình về công lao của cha mẹ. - Diễn đạt trôi chảy, sáng rõ, linh hoạt; không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả.	
	Yêu cầu về kiến thức	
	HS có thể trình bày nhiều cách nhưng phải nêu được công lao trời biển của cha mẹ với con và bổn phận trách nhiệm của kẻ làm con trước công lao to lớn đó.	
	Dùng biện pháp nghệ thuật so sánh ví von. Đây là lời hát ru của người mẹ. - Công cha được so sánh với núi "ngất trời". Nghĩa mẹ được so sánh với nước "biển Đông". Đây là lời ví von quen thuộc ta thường gặp trong ca dao. + Núi và biển là những cái to lớn, mệnh mệnh cao rộng, vĩnh	0,5 0,5 0,5

	<p>hằng của thiên nhiên được đưa ra làm đối tượng để so sánh. Điều đó muốn nói rằng công cha nghĩa mẹ là vô cùng to lớn không thể nào kể hết được.</p> <p>+ Cha uy nghiêm, vững chãi được so sánh với núi. Mẹ dịu dàng, bao dung được so sánh với biển. Cách so sánh đầy thú vị phù hợp với tính cách của mỗi người.</p> <p>- Biện pháp đối xứng: làm khắc sâu thêm ấn tượng công cha đối xứng với nghĩa mẹ, núi đối xứng với biển.</p> <p>- Từ "công" là nghĩa trừu tượng, tác giả đã cụ thể hóa thành "cù lao chín chữ" để bất kì ai cũng có thể nhìn thấy được một cách rõ ràng.</p> <p>- Câu cuối cùng "cù lao chín chữ" đã cụ thể hóa công ơn cha mẹ tình cảm biết ơn của con cái. Nó tăng thêm sự tôn kính, tâm tình của câu hát.</p>	<p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p>
Câu 3 (10,0 điểm))	Cảm nghĩ của em về hình ảnh Bác Hồ qua hai bài thơ "Cảnh khuya" và "Rằm tháng giêng".	10,0
	Yêu cầu về kĩ năng	
	<p>- Học sinh biết cách làm bài văn biểu cảm, biết bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về hình ảnh Bác Hồ qua hai bài thơ.</p> <p>- Diễn đạt trong sáng, dùng từ đặt câu chuẩn xác.</p>	
	Yêu cầu về kiến thức	
	Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở hiểu rõ yêu cầu của đề, cần nói được cảm nghĩ của mình về hình ảnh Bác Hồ qua hai bài thơ, xúc động vì biết thêm những tình cảm cao đẹp trong tâm hồn Bác: Yêu thiên nhiên, nặng lòng vì nước vì dân, ung dung, lạc quan cách mạng. Cụ thể cần trình bày được một số ý cơ bản sau:	
	1. Mở bài	
	Nêu khái quát tình cảm của mình với Bác qua hai bài thơ Cảnh khuya và Rằm tháng giêng.	1,0
	2. Thân bài	
	<p>- Cảm động và tự hào trước vẻ đẹp của tâm hồn Bác, một tâm hồn yêu thiên nhiên, nhạy cảm và rung động trước cảnh đẹp thiên nhiên nơi chiến khu Việt Bắc. Cảnh rừng Việt Bắc qua sự cảm nhận của Người đẹp lung linh huyền ảo như chốn động tiên với tiếng suối, tiếng hát, bóng cây, bóng hoa, bóng trăng lồng vào nhau. Một tâm hồn thơ rất giàu, rất khỏe tràn đầy sức xuân hòa nhập vào ánh trăng, viên mãn chất đầy trong khoang thuyền.</p>	3,0
	<p>- Xúc động, biết ơn trước tấm lòng yêu nước của Bác. Người đã thao thức không ngủ được vì "lo nỗi nước nhà", lòng yêu nước của Bác gắn liền với nỗi lo cho dân, cho vận mệnh của đất nước. Thấm thía tình yêu thương của Bác dành cho dân, cho</p>	2,5

	nước. Tấm lòng yêu nước, thương dân của Bác thấm nhuần trong mỗi dòng thơ, nét chữ.	
	- Khâm phục tinh thần lạc quan cách mạng, phong thái ung dung, vẻ đẹp ung dung tự tại của người chiến sĩ cách mạng, nhà chiến lược vĩ đại của dân tộc giữa một không gian bát ngát đầy trăng. Với vị chỉ huy tối cao của cuộc kháng chiến trong một thời điểm đầy thử thách, phong thái ung dung ấy thể hiện bản lĩnh lớn của con người làm chủ trước mọi hoàn cảnh. Bản lĩnh đó thể hiện chất thép trong con người Bác.	2,0
	3. Kết bài	
	- Hai bài thơ của Bác khiến em vô cùng xúc động trước lòng yêu thiên nhiên, yêu nước của Bác. Khâm phục, kính trọng Bác và càng tự hào, biết ơn Bác, thế hệ trẻ luôn rèn luyện học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người.	1,0
	- Nhấn mạnh lại tình cảm và cảm xúc của mình về hình ảnh Bác Hồ qua hai bài thơ.	0,5

ĐỀ SỐ 14:

Phần I: Đọc – hiểu (4.0 điểm)

Đọc phần trích sau và trả lời các câu hỏi:

....Mùa đông lạnh lắm!Nhưng bé ngồi trong lòng mẹ luôn cảm thấy ấm áp. Một hơi ấm mềm mại, dịu dàng. Có lẽ trong người mẹ có một ngọn lửa. Ngọn lửa sưởi ấm cho bé.

Mùa đông lạnh lắm!Mọi vật xung quanh đều lạnh cả.Cái cốc, cái thìa,cái dao,cái đĩa tất cả đều lạnh.Nhưng đôi tay bé,bộ ngực bé và đôi má hồng của bé thì vẫn ấm áp.Bởi trong bé có 1 ngọn lửa.Chả thế mùa đông mẹ thích hôn lên má bé.Ngọn lửa trong bé sưởi ấm cho mẹ.

Thật thú vị biết bao, khi mỗi con người là 1 ngọn lửa thiêng liêng soi sáng và sưởi ấm cuộc đời này?

(Theo Võ Phương- Báo phụ nữ Việt Nam, số 47)

Câu 1. Phần trích trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. Chỉ ra và cho biết tác dụng của biện pháp điệp ngữ được sử dụng ở phần trích?

Câu 3. Tìm một câu chủ động có trong phần trích và chuyển thành câu bị động.

Câu 4. Nêu nội dung của phần trích?

II. Phần làm văn

Câu 1:(6.0 điểm)

Cho câu luận điểm: Đến với tục ngữ, ta có thể tìm thấy lời khuyên quý báu về phẩm chất, về lối sống mà con người cần phải có.

Hãy triển khai luận điểm trên thành một đoạn văn.

Câu 2:(10.0 điểm)

Cảm nghĩ về mùa xuân.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

	Ý	NỘI DUNG	ĐIỂM
--	---	----------	------

I		ĐỌC – HIỂU	4,0
Câu	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng: biểu cảm	0,5
	2	Chỉ ra phép tu từ điệp ngữ: <i>Mùa đông lạnh lắm, ngon lửa</i>	0,5
		Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh và tình cảm của bé cũng như của mẹ dành cho nhau. - Cả hai hình ảnh mùa đông và ngọn lửa xuất hiện xuyên suốt góp phần nhấn mạnh cảm nhận về sự lạnh lẽo và ấm áp của mùa đông; tạo giọng điệu riêng. 	0,5
	3	* Xác định đúng một trong những câu chủ động sau: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Ngọn lửa sưởi ấm cho bé.</i> - <i>Ngọn lửa trong bé sưởi ấm cho mẹ</i> * Học sinh biết dùng từ bị động thích hợp để chuyển câu chủ động thành câu bị động tương ứng (từ “được” và có thể thêm bớt từ mà không ảnh hưởng đến nội dung câu)	0,5
	4	Học sinh có thể có nhiều cách diễn đạt khác nhau, song cần bảo đảm nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ, thể hiện của em về sự ấm áp của tình mẹ, về mùa đông - Mỗi người đều có thể đem lại niềm vui hạnh phúc cho nhau trong cuộc sống. 	1.0
II		LÀM VĂN	6,0 điểm
Câu 1	*	Về kĩ năng	
		<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn. - Lập luận rõ ràng, trong sáng, dễ hiểu; Dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục. - Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc 	
	*	Về kiến thức:	
		<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thể có nhiều cách lập luận khác nhau, nhưng cần phải làm rõ các ý cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> + Những bài học về phẩm giá con người: trong sạch, biết yêu thương, lòng biết ơn ... (lấy dẫn chứng) + Những bài học về cách sống, thái độ sống... đáng trân trọng (lấy dẫn chứng) + Khẳng định: với cách diễn đạt giàu hình ảnh, hàm súc, tục ngữ dân gian luôn chứa đựng những bài học sâu sắc, có sức sống trường tồn với thời gian 	2,0 2,0 2,0
Câu 2		Cảm nghĩ về mùa xuân	10,0
	*	Yêu cầu về kĩ năng	
		<ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng đối tượng biểu cảm. - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi về câu, dùng từ, chính tả thể hiện được những cảm nhận độc đáo và sáng tạo. 	

		- Lời văn biểu cảm trực tiếp hoặc bằng kiểu câu, giọng điệu	
		Yêu cầu về kiến thức	
		Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý sau: <ul style="list-style-type: none"> - Biểu cảm về những tín hiệu, báo hiệu mùa xuân về (cây cối đâm chồi nảy lộc, muôn hoa khoe sắc, khí trời ấm áp...) - Cảm xúc về những đặc trưng của mùa xuân (nổi bánh chưng ngày tết, không khí lễ hội ngày xuân..) - Cảm xúc và suy nghĩ về ý nghĩa mùa xuân (mùa đầu tiên đẹp nhất của một năm, mùa đem lại niềm vui, sức sống...) - Ước mơ của bản thân 	
		Biểu điểm: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 9 -10: Bài làm đảm bảo đầy đủ các ý trên, viết giàu cảm xúc, diễn đạt trong sáng; không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu. - Điểm 7 -8: Bài làm cơ bản đảm bảo đầy đủ các ý trên, bài viết giàu cảm xúc, diễn đạt trong sáng; không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu. - Điểm 5- 6: Bài làm đảm bảo 1/2 các ý trên, bài viết có bố cục hoàn chỉnh, cảm xúc chân thật, diễn đạt trong sáng; còn mắc một số lỗi về dùng từ, đặt câu. - Điểm 3-4: Bài làm đảm bảo 1/3 các ý trên, bài viết xác định rõ đối tượng biểu cảm, tuy nhiên còn sơ sài. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, đặt câu. - Dưới 3 điểm: Không đạt các yêu cầu trên 	
Tổng điểm toàn bài:			20,0

ĐỀ SỐ 15:

Câu 1:(4 điểm) Chỉ ra và phân tích giá trị của các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ sau:

CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa
 Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
 Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
 Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Hồ Chí Minh-Ngữ văn 7, tập 1)

Câu 2:(6,0 điểm)

“Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: **Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con,...**”(Theo Lý Lan, *Cổng trường mở ra*, SGK Ngữ văn 7, tập 1. NXB Giáo dục)

Hãy viết một bài văn ngắn nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa được gọi ra từ hành động người mẹ *buông tay* con và *lời của người mẹ* nói với con.

Câu 3:(10,0 điểm)

Có ý kiến nhận xét về hai bài thơ “*Cảnh khuya*” và “*Rằm tháng giêng*” của Hồ Chí Minh như sau: “*Hai bài thơ đã cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Bác: Đó là sự hòa hợp thống nhất giữa tâm hồn nghệ sĩ với cốt cách của người chiến sĩ.*”.

Bằng hiểu biết của em về hai bài thơ, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
1 (4 điểm)	<p>Học sinh chỉ ra được các biện pháp tu từ: So sánh, điệp ngữ</p> <p>- Hình ảnh so sánh: <i>Tiếng suối trong như tiếng hát</i> có tác dụng khắc sâu âm thanh tiếng suối trong đêm khuya, gợi không gian yên tĩnh; cách so sánh hiện đại mà độc đáo khiến cảnh rừng khuya không lạnh lẽo mà trở nên có sức sống và ấm áp tình người.</p> <p>- Điệp từ <i>lòng</i> với các hình ảnh: trăng lòng, cỏ thụ bóng lòng hoa gợi cảnh đẹp thơ mộng, huyền ảo. Không chỉ tái hiện một đêm trăng rất sáng mà còn diễn tả rất sinh động sự quần quýt, hài hòa giữa cây cỏ và hoa tạo lên một bức tranh có đường nét, hình khối, tầng bậc...</p> <p>- Điệp ngữ <i>chưa ngủ</i> mở ra hai trạng thái cảm xúc trong tâm hồn Bác: rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên và thao thức vì lí lo việc nước.</p> <p>- Bằng các biện pháp tu từ trên, bài thơ giúp người đọc cảm nhận được bức tranh thiên nhiên đẹp, chất giàu chất họa, chất nhạc và ấm áp tình người. Đồng thời, ta còn rung động trước vẻ đẹp tâm hồn của Bác: sự hòa quyện giữa tình yêu thiên nhiên và lòng yêu nước, phong thái ung dung, lạc quan của người.</p>	<p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p>
2	<p>a. yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Triển khai thành một bài văn nghị luận ngắn.</p> <p>- Cảm nhận thấu đáo những giá trị nghệ thuật, nội dung của chi tiết.</p> <p>b. Yêu cầu về nội dung</p> <p>Học sinh cần cảm nhận được những khía cạnh sau:</p>	<p>1,0</p> <p>5,0</p>

	<p>- Hành động “mẹ buông tay con”: Mẹ không dẫn con đi tiếp mà buông tay con. Đó là một cử chỉ nhẹ nhàng, âu yếm. Cử chỉ tuy rất giản dị nhưng nó là cả một sự mong ước lớn lao song cũng rất đối giản dị của người mẹ dành cho con: Mẹ mong con ngay cả trong bước đi đầu tiên để bước vào thế giới của tri thức, con cũng phải đi bằng chính đôi chân của mình, phải đối diện với thực tế bằng ý chí và nghị lực của bản thân. Điều đó có nghĩa là người mẹ muốn con phải có ý thức tự lập.</p> <p>- Lời nói của người mẹ có ý nghĩa thật sâu sắc: Lời nói như một lời động viên, khích lệ tinh thần cho đứa con bé bỏng khi lần đầu tiên bước chân đến trường. Lời nói ấy còn thể hiện những mong ước cho con: Mong con được tiếp nhận những điều bổ ích từ: thế giới của tri thức, của tình bạn, của tình thầy trò. Trường học sẽ giúp con lớn lên về tâm hồn và trí tuệ.</p> <p>* Người mẹ có tấm lòng yêu thương con sâu sắc. Những điều người mẹ dành cho con chính là một sự nâng bước, định hướng cho con những gì tốt đẹp nhất. Bởi tự bước đi trên đôi chân của mình con sẽ tự tin, chủ động trước mọi thử thách trong cuộc sống và những gì đón nhận được từ trường học sẽ giúp con có một hành trang vững chắc để bước vào đời.</p>	<p>2,0</p> <p>1,5</p> <p>1,5</p>
3	<p>a. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Đảm bảo bài văn nghị luận văn học có bố cục rõ ràng; luận điểm đầy đủ, sáng rõ; lập luận chặt chẽ, có sự kết hợp giữa dẫn chứng và lí lẽ.</p> <p>- Lời văn chuẩn xác, diễn đạt trong sáng, có cảm xúc; ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.</p> <p>b. Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>* Giới thiệu về tác giả, hoàn cảnh sáng tác hai bài thơ, trích dẫn nhận định.</p> <p>* Giải thích: Học sinh cần giải thích được</p> <p>- <i>Tâm hồn nghệ sĩ</i>: Là tâm hồn của con người có tình yêu tha thiết với thiên nhiên, sống giao hòa với thiên nhiên, có những rung cảm tinh tế trước vẻ đẹp của cuộc sống.</p> <p>- <i>Cốt cách chiến sĩ</i>: Là tấm lòng yêu nước, phong thái ung dung, lạc quan của người chiến sĩ cách mạng.</p> <p>* Chứng minh:</p> <p>Học sinh làm sáng tỏ qua hai luận điểm cơ bản sau:</p>	<p>1,0</p> <p>9,0</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p>

	<p>1. Vẻ đẹp tâm hồn nghệ sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đó là rung cảm về âm thanh của tiếng suối từ xa vọng lại. - Là sự say mê trước vẻ đẹp của đêm trăng <p>+ Trong bài <i>Cảnh khuya</i>: Đêm trăng giữa rừng Việt Bắc, ánh trăng tỏa xuống vòm cây cổ thụ, bóng cây in xuống khóm hoa tạo nên vẻ đẹp lung linh huyền ảo, điệp từ “lòng” tạo cho bức tranh như có tầng bậc, giao hòa quần quýt, cảnh lồng trong cảnh. Gợi lên bức tranh kỳ diệu về cảnh đêm khuya.</p> <p>+ Trong bài <i>Rằm tháng giêng</i>: Vàng trăng đêm rằm sáng vàng vạc, soi tỏ khắp không gian. Điệp từ “xuân” được lặp lại ba lần tạo nên một vũ trụ tràn đầy sức xuân.</p> <p><i>HS lấy dẫn chứng, phân tích làm rõ luận điểm</i></p> <p>-> Đằng sau bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp là tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết, sự rung cảm tinh tế của thi sĩ Hồ Chí Minh trước cảnh đẹp của quê hương, đất nước.</p> <p>2. Cốt cách chiến sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cốt cách chiến sĩ thể hiện ở lòng yêu nước: <p>+ Nỗi niềm băn khoăn, trăn trở cho vận mệnh của đất nước, thức tới canh khuya lo việc nước. (HS lấy dẫn chứng, phân tích, làm rõ luận điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cốt cách chiến sĩ thể hiện ở tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác: <p>+ Cả hai bài thơ đều được làm trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp đầy gian khổ nhưng trong cả hai bài ta đều bắt gặp hình ảnh của Bác với phong thái thật ung dung.</p> <p>+ Phong thái ung dung thể hiện ở những rung cảm tinh tế trước thiên nhiên đất nước. Mặc dù ngày đêm lo nghĩ việc nước, nhiều đêm không ngủ nhưng tâm hồn Người vẫn hướng lòng mình về vẻ đẹp đêm trăng.</p> <p>+ Đêm trăng rằm tháng giêng đầy sức sống, trong trẻo, tươi sáng, rộng lớn. Đằng sau bức tranh ấy là tinh thần lạc quan, phong thái bình tĩnh ung dung tự tại của người chiến sĩ cách mạng.</p> <p>+ Niềm lạc quan cách mạng còn được thể hiện ở hình ảnh con thuyền lướt phôi phôi trên dòng sông, chở đầy ánh trăng. Vẻ đẹp của tạo vật còn là một ẩn dụ cho tình hình kháng chiến đầy triển vọng lúc bấy giờ. Đồng thời thể hiện hình ảnh của người chiến sĩ luận bàn việc quân trong giây phút trở thành thi sĩ – một tao nhân mặc khách</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p>
--	--	--

	<p>giữa thiên nhiên.</p> <p>* Đánh giá: Hai biểu hiện trong vẻ đẹp tâm hồn của Bác có sự hòa hợp thống nhất một cách tự nhiên, không tách rời. Đây là vẻ đẹp trong thơ người cũng là vẻ đẹp nhất quán trong con người Bác: Tâm hồn nghệ sĩ và cốt cách người chiến sĩ.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 16:

Câu 1. (2,0 điểm) Xác định, phân tích giá trị các từ láy và biện pháp tu từ trong đoạn văn sau:

“Mưa xuân. Không phải mưa. Đó là sự băng khuâng gieo hạt xuống mặt đất nồng ẩm, mặt đất lúc nào cũng phập phồng, như muốn thở dài vì bồi hồi, xốn xang... Hoa xoan rắc nhớ nhung xuống cỏ non ướt đầm. Đồi đất đỏ lấm tấm một thảm hoa trắng trắng”.

(Vũ Tú Nam)

Câu 2. (3,0 điểm)

- *Đem chia đồ chơi ra đi ! – Mẹ tôi ra lệnh.*

Thủy mở to đôi mắt như người mất hồn, loạng choạng bám vào cánh tay tôi. Dìu em vào trong nhà, tôi bảo:

- *Không phải chia nữa. Anh cho em tất.*

Tôi nhắc lại hai ba lần, Thủy mới giật mình nhìn xuống. Em buồn bã lắc đầu:

- *Không, em không lấy. Em để hết lại cho anh.*

(Cuộc chia tay của những con búp bê – Khánh Hoài, Ngữ văn 7, Tập I)

Đoạn trích cho em cảm nhận được điều gì? Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tình cảm gia đình.

Câu 3. (5 điểm) Ca dao thiên về tình cảm và biểu hiện lòng người. Ca dao là tiếng tơ đàn muôn điệu của tâm hồn quần chúng.

Dựa vào những hiểu biết của mình về ca dao em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Đáp án	Điểm
Câu 1. (2,0 điểm)	2,0 điểm
- Xác định được các từ láy và biện pháp tu từ có trong đoạn văn:	
+ Từ láy: băng khuâng, phập phồng, bồi hồi, xốn xang, nhớ nhung, lấm tấm.	0,5
+ Biện pháp tu từ: Nhân hóa (<i>mưa xuân băng khuâng gieo hạt; mặt đất phập phồng, bồi hồi, xốn xang; hoa xoan nhớ nhung</i>). So sánh (<i>mặt đất như muốn thở dài</i>).	0,5
- Ý nghĩa:	0,25
+ Mưa được cảm nhận như là sự băng khuâng gieo hạt, những hạt mưa xuân từ bầu trời xuống mặt đất một cách nhẹ nhàng, đem đến cho đất trời một sự nồng ấm.	0,25
+ Mặt đất đón mưa được cảm nhận trong cái phập phồng, chờ đợi. Có lẽ sự chờ đón đó rất lâu rồi nên mặt đất thở dài, xốn xang, bồi hồi.	0,25
+ Hoa xoan rụng được cảm nhận như cây đang rắc nhớ nhung.	
⇒ Các từ láy diễn tả về tâm trạng, cảm xúc con người kết hợp biện pháp tu	

từ so sánh, nhân hóa để diễn tả cảnh vật, thiên nhiên đất trời lúc mưa xuân: làn mưa xuân nhẹ, mỏng, đáng yêu, đem đến hơi thở, sự sống cho thiên nhiên đất trời của mùa xuân. Mưa xuân được cảm nhận hết sức tinh tế qua tâm hồn nhạy cảm và tình yêu thiên nhiên của nhà văn Vũ Tú Nam.	
Câu 2. (8,0 điểm) a. Cảm nhận về đoạn trích và viết đoạn văn nghị luận xã hội: - Yêu cầu về mặt kỹ năng: Hình thức là một bài văn ngắn, diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, không mắc các lỗi câu, chính tả; có sự thống nhất chủ đề trong toàn đoạn. - Yêu cầu về mặt kiến thức: Trên cơ sở nội dung đoạn trích trong văn bản " <i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i> " học sinh cần làm rõ một số ý cơ bản: - Nỗi đau buồn của hai anh em phải xa nhau khi gia đình đổ vỡ. - Sự yêu thương, nhường nhịn, lo lắng, tình cảm thấm thiết, gắn bó của Thành và Thủy. + Tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng, cao quý, được thể hiện một cách phong phú, đa dạng trong cuộc sống. + Trong đời sống mỗi người, tình cảm gia đình có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt trong việc hình thành nhân cách, bồi dưỡng tâm hồn, cảm xúc... + Hiện nay, tình trạng hôn nhân đổ vỡ, tình cảm gia đình bị rạn nứt ngày một nhiều dẫn đến những cuộc chia ly, gây tổn thương cho tâm hồn những đứa trẻ và nhiều hệ lụy khác cho xã hội. + Mỗi người cần trân trọng, gìn giữ, xây dựng tình cảm gia đình bền vững, vượt qua khó khăn, thử thách, không để xảy ra chia lìa, đổ vỡ...	3 điểm 0,5 0,25 0,25 0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 3. (10 điểm) * Yêu cầu chung: Học sinh biết làm bài văn chứng minh gồm có ba phần rõ ràng. Chú ý các dẫn chứng đưa ra cần có sự phân tích chứ không phải là bài liệt kê dẫn chứng. Diễn đạt trong sáng, lưu loát và không mắc các lỗi diễn đạt, chính tả. * Yêu cầu cụ thể: a. Mở bài Giới thiệu về ca dao và dẫn dắt nhận định. b. Thân bài * Giải thích - Người lao động xưa thường dùng ca dao để bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của mình. Ca dao là tiếng hái tâm tình của người lao động. Những cảm xúc, suy nghĩ những tình cảm được biểu hiện trong ca dao có sự gắn bó trực tiếp với những cảnh ngộ nhất định. - Ca dao chủ yếu được sáng tác theo thể thơ lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc mượt mà sâu lắng vì thế người nghệ sĩ dân gian đã dùng ca dao để biểu lộ tình cảm, cảm xúc của mình. - Ca dao đã diễn tả phong phú và tinh tế đời sống tâm hồn của người dân. * Chứng minh	5 điểm 0,5 0,25 0,25 0,5 0,5 0,25 0,25

- Tình yêu quê hương đất nước.	0,25
+ Yêu mến gắn bó làng quê nơi mình sinh ra (Dẫn chứng).	0,25
+ Tình cảm tự hào đắm say trước vẻ đẹp của Tây Hồ buổi sáng sớm (Dẫn chứng).	0,5
- Quê hương dù có nghèo khó nhưng đi đâu làm gì thì trong sâu thẳm tâm hồn họ vẫn hướng về quê (Dẫn chứng).	0,25
- Ca dao là tiếng hát chứa chan về tình cảm gia đình, bạn bè	
+ Đó là tình cảm của con cháu với ông bà (Dẫn chứng).	0,25
+ Tình cảm của con cái với bố mẹ (Dẫn chứng).	
+ Tình cảm anh chị em ruột thịt, trân trọng quý mến nhau (Dẫn chứng).	0,25
- Tình yêu lao động sản xuất.	
Không khí làm ăn vui vẻ tập nập trên cánh đồng: <i>Trên đồng cạn dưới đồng sâu/ Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.</i>	0,5
- Là tinh thần phản kháng xã hội bất công.	
Ca dao là tiếng nói ngọt ngào yêu thương nhưng cũng là tiếng nói căm hờn bởi những kẻ bóc lột.	
- Đối với bọn quan lại, nhân dân ta lưu truyền một chân lí: <i>Con vua thì lại làm vua... và họ có mơ ước: Bao giờ dân nổi can qua/ Con vua thất thế lại ra quét chùa.</i>	
- Trong xã hội cũ thân phận của người phụ nữ lại phải chịu nhiều đắng cay. Tiếng nói phản kháng của họ có khi yếu ớt thể hiện qua nỗi than thân đau đớn của mình (dẫn chứng).	
c. Kết bài	
Khẳng định giá trị to lớn của ca dao với đời sống tinh thần của nhân dân:	
- Diễn tả đời sống tâm hồn của người bình dân xưa kia, ca dao là người bạn thân thuộc đối với mỗi người dân.	
- Ca dao mãi là dòng suối mát nuôi dưỡng tâm hồn của các thế hệ người Việt Nam. Chúng ta học được nhiều bài học bổ ích về đạo làm con cháu, tình nghĩa gia đình, tình làng nghĩa xóm, tình yêu quê hương xứ sở và rộng hơn là đạo lý làm người.	

ĐỀ SỐ 17:

Câu 1: (8 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

QUẢ BÓNG ĐEN

Một cậu bé da đen đang chơi đùa trên bãi cỏ, phía bên kia đường, một người đàn ông đang thả nhẹ những quả bóng lên bầu trời, những quả bóng đủ màu sắc, xanh, đỏ, tím, vàng và có cả màu đen nữa.

Cậu bé nhìn khoái chí, chạy tới chỗ người đàn ông, hỏi nhỏ:

- Chú ơi, những quả bóng màu đen có bay cao được như những quả bóng khác không ạ?

Không biết người đàn ông nói gì mà chỉ thấy “cậu bé nở một nụ cười rạng rỡ”.

Theo em, người đàn ông đã nói gì với cậu bé? Hãy phát biểu những suy nghĩ của mình về ý nghĩa câu chuyện trên?

Viết bài văn biểu cảm với đề tài: Đôi bàn tay của mẹ.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Trang 134

	<p>+ Câu trả lời ấy có thể là: <i>Cậu bé, sự khác biệt về màu sắc bên ngoài không quyết định đến sự bay cao, bay xa của những quả bóng. Và sự khác biệt về vẻ ngoài của con người cũng không phải là yếu tố quyết định đến thành công và hạnh phúc mà con người có thể có được.</i></p> <p>=>Với câu trả lời ấy, ta có thể nhận ra một bài học ý nghĩa được rút ra đó là niềm tin vào khả năng năng lực bên trong của con người. Con người có thể bay cao bay xa được đến đâu, điều đó không phụ thuộc vào vẻ bề ngoài, vào sự khác biệt ở hình thức. Con người thuộc giống loài, màu da, sắc tộc nào cũng đều có những năng lực, trí tuệ.</p>	<p>0,5đ</p> <p>1đ</p>
	<p>2. Phân tích, lý giải</p>	<p>3 điểm</p>
	<p>- Con người phải vượt qua sự khác biệt về xuất thân, giống nòi hay ngoại hình bên ngoài và tin tưởng vào những khả năng thực sự bên trong. Vì sao?</p> <p>+ Ngoại hình chỉ là cái bên ngoài của ta, không quyết định đến cái bên trong. Dù là ai thì họ đều có trí tuệ và nhân phẩm. Ngoại hình không quyết định đến tầm vóc của con người.</p> <p>+ Khả năng thực sự, những phẩm chất bên trong mới khẳng định bạn là ai, bạn có thể bay cao bay xa tới đâu. Làm nên thành công thực sự của con người không phải là ngoại hình hay xuất thân mà là do phẩm chất và năng lực mà con người có.</p> <p>+ Vượt qua được những mặc cảm, tự ti về bản thân, con người mới có thể chiến thắng được những thử thách khác. Trên con đường bay đến chân trời mơ ước, con người có thể gặp phải khó khăn thử thách. Nỗi mặc cảm tự ti về bản thân chỉ là thử thách ban đầu. Nếu ngay từ đầu con người đã quỳ gối đầu hàng thì không thể vươn tới những điều ước mơ.</p> <p>+ Nhận thức được về khác biệt bên ngoài, con người càng phải phấn đấu rèn luyện bản thân để người khác không quy chụp, nghĩ xấu. Lịch sử nhân loại đã chứng minh có rất nhiều người da màu đã làm nên những kỳ tích lớn lao, có đóng góp quan trọng đến sự phát triển chung của loài người. Nói rộng ra, có nhiều người mang sự khác biệt về ngoại hình nhưng cũng đã chinh phục cả thế giới bằng khả năng, phẩm chất bên trong của mình. Sự khác biệt đó không hề là rào cản trong việc học bay cao, bay xa.</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>

	<p>. Dẫn chứng: Tổng thống Mỹ Barack Obama, là vị tổng thống da màu đầu tiên của nước Mỹ. Ông đã chứng minh cho cả nước Mỹ và thế giới thấy sự khác biệt về xuất thân hay ngoại hình không quyết định con đường đi đến thành công.</p> <p>- Phê phán: Có kẻ lợi dụng sự khác biệt mà tạo nên khoảng cách. Có khi còn trở nên kiêu ngạo, coi thường người khác. Hiện nay có không ít người phân biệt vùng miền. Họ không chịu rèn luyện bản thân mà chỉ nghĩ đến sự khác biệt bề mặt sẽ không bao giờ đạt được những điều cao quý. Đất nước chỉ toàn những người như thế làm sao có thể đoàn kết, phát triển.</p>	0,5đ
	3. Bình luận, liên hệ bản thân:	2 điểm
	<p>- Câu chuyện đã nhắc chúng ta tự tin vào bản thân. Quả bóng bay cao bay xa thế nào phụ thuộc vào lượng khí bên trong nó. Con người thành công toàn sáng phụ thuộc vào cái tâm, cái tài của người đó. Đó là bài học quý giá cho mỗi người khi bước vào đời. Chúng ta cần nhìn nhận lại bản thân mình để từ đó có những định hướng rèn luyện đúng đắn.</p> <p>- Rèn luyện những yếu tố, phẩm chất bên trong mình đó mới làm nên thành công và hạnh phúc thực sự cho con người.</p>	1 đ 1đ
Câu 2 (12 điểm)	* Yêu cầu về kĩ năng	3 điểm
	- Bài làm có bố cục hoàn chỉnh.	0,75đ
	- HS biết viết dạng bài biểu cảm, thể hiện tốt cảm xúc, có sự chân thật	0,75 0,75đ
	- Kết hợp được với miêu tả, tự sự để bày tỏ cảm xúc được nổi bật (HS có thể vận dụng những bài thơ, bài văn, bài hát về đôi bàn tay mẹ mà các em biết để khơi gợi cảm xúc)	0,75đ
	- Diễn đạt trong sáng, có hình ảnh, gợi cảm.. Dùng từ, đặt câu phải chuẩn xác.	
	- Bài viết thể hiện HS có tâm hồn phong phú, có năng lực cảm nhận các vấn đề cuộc sống, có sự sáng tạo	
	*- Yêu cầu về kiến thức)	9 điểm
	- HS trình bày những suy ngẫm, cảm xúc của mình về đôi bàn tay mẹ. Vì là văn biểu cảm nên coi trọng cảm nhận riêng của học sinh. Nhưng điều các em viết ra phải chân thật, tránh sáo rỗng. Những điều HS viết ra phải có ý nghĩa, thể hiện sự cảm	3đ

	<p>nhận, suy ngẫm sâu sắc về đôi bàn tay mẹ: <i>hình ảnh biểu hiện cụ thể của sự tảo tần, khéo léo của những người mẹ, sự chở che nâng đỡ, tình yêu thương dành cho con,...</i></p> <p>- Miêu tả được hình ảnh đôi bàn tay của mẹ: HS có thể cảm nhận đôi bàn tay mẹ gầy guộc, xương xương, nhiều vết chai sạn...; nhưng cũng có thể là bàn tay đẹp (miễn là HS trình bày chân thật, có kết hợp với miêu tả hình ảnh bàn tay mẹ) để làm cơ sở trình bày cảm xúc (3 điểm)</p> <p>- Trình bày cảm nhận, cảm xúc về bàn tay mẹ: (6 điểm)</p> <p>+ Bàn tay mẹ bao giờ cũng thân thuộc với con, vì bàn tay ấy chăm chút con bao nhiêu ngày tháng: mẹ bế bồng, ôm ấp từ khi con chào đời, ấp ủ con khi trời giá lạnh, quạt mát cho con khi trời oi nồng...</p> <p>+ Bàn tay mẹ nâng đỡ con, dìu dắt con trên những chặng đường đời quan trọng (Khi con tập đi; khi con vấp ngã, khi con lần đầu đi học...</p> <p>+ Bàn tay mẹ còn làm biết bao công việc gia đình... từ bàn tay mẹ, cuộc sống gia đình được chăm lo...</p> <p>+ Như vậy con đã lớn lên từ tay mẹ..., mẹ vì đã làm tất cả vì con...</p> <p>+ Từ đây, HS thể hiện được những suy nghĩ của bản thân về tình cảm yêu thương, trân trọng, và biết ơn người mẹ. Tình cảm ấy được biến thành những hành động cụ thể...</p>	<p>1đ</p> <p>1đ</p> <p>1đ</p> <p>1đ</p> <p>2đ</p>
--	--	---

ĐỀ SỐ 18:

Câu 1(6 điểm)

“Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: “Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con,...”

(Theo Lí Lan, *Cổng trường mở ra*)

Người mẹ không “cầm tay” dắt con đi tiếp mà “*buông tay*” để con tự đi. Em hiểu người mẹ mong muốn ở con có được đức tính gì? Hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 1 trang giấy thi) bàn về đức tính đó.

Câu 2: (14 điểm)

Có ý kiến đã nhận xét rằng:

“Thơ ca dân gian là tiếng nói trái tim của người lao động. Nó thể hiện sâu sắc những tình cảm tốt đẹp của nhân dân ta.”

Dựa vào những bài ca dao mà em đã được học và đọc thêm, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu 1: (6 điểm)

Yêu cầu	Điểm
a/ Nội dung: Bàn về tính tự lập	
<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Tự lập: tự đứng một mình, không có sự giúp đỡ của người khác. Tự lập là tự mình làm lấy mọi việc, không dựa vào người khác. - Người có tính tự lập là người biết tự lo liệu, tạo dựng cuộc sống cho mình mà không ỷ lại, phụ thuộc vào mọi người xung quanh. 	1,0
<p>* Bàn luận: Vai trò của tính tự lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự lập là đức tính cần có đối với mỗi con người khi bước vào đời. - Trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng có cha mẹ ở bên để dìu dắt, giúp đỡ ta mỗi khi gặp khó khăn. Vì vậy, cần phải tập tính tự lập để có thể lo liệu cho bản thân. - Người có tính tự lập sẽ đạt được thành công, được mọi người yêu mến, kính trọng. (d/c) - Trong học tập, người học sinh có tính tự lập sẽ có thái độ chủ động, tích cực, có động cơ và mục đích học tập rõ ràng, đúng đắn. Từ đó, nó sẽ giúp cho HS tìm được phương pháp học tập tốt, kiến thức tiếp thu được vững chắc, bản lĩnh được nâng cao. - Tính tự lập trong học tập là tiền đề để tạo nên sự tự lập trong cuộc sống. - Nếu không có tính tự lập, khi ra đời học sinh sẽ dễ bị vấp ngã, thất bại và dễ có những hành động nông nổi, thiếu kiềm chế. 	3,0
<p>* Liên hệ mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự lập là một phẩm chất để khẳng định nhân cách, bản lĩnh và khả năng của một con người. Chỉ biết dựa dẫm vào người khác sẽ trở thành một gánh nặng cho người thân và cuộc sống trở nên vô nghĩa. Những người không có tính tự lập, cứ dựa vào người khác thì khó thành công thực sự. - Tự lập không có nghĩa là tách mình ra khỏi cộng đồng. Có những việc chúng ta phải biết đoàn kết dựa vào mọi người để tạo nên sức mạnh tổng hợp. 	1,0
<p>* Liên hệ bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần rèn luyện khả năng tự lập một cách bền bỉ, đều đặn. - Để có thể tự lập, bản thân mỗi người phải có sự nỗ lực, cố gắng và ý chí mạnh mẽ để vươn lên... - Nếu mọi người đều biết sống tự lập kết hợp với tinh thần đoàn kết, tương trợ nhau thì xã hội sẽ trở nên tốt đẹp hơn. 	1,0
b/ Kỹ năng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Viết một bài văn ngắn khoảng 1 trang giấy thi 	

<ul style="list-style-type: none"> - Lí lẽ và lập luận chặt chẽ, thuyết phục. - Văn viết lưu loát, có cảm xúc. (Lưu ý: điểm toàn câu là điểm cả kiến thức và kĩ năng)	
---	--

Câu 2: (14 điểm)

Yêu cầu	Điểm
a/ Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài CM nhận định về VHDG (tục ngữ, ca dao) - Bố cục rõ ràng, có luận điểm, luận cứ, lập luận chặt chẽ. - Trình bày sạch đẹp, câu chữ rõ ràng, diễn đạt giàu cảm xúc và trôi chảy. 	1,0
b/ Nội dung:	
<ul style="list-style-type: none"> • Mở bài: <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt được vào vấn đề hợp lí - Trích dẫn nội dung cần chứng minh. 	1,0
<ul style="list-style-type: none"> • Thân bài: • Giải thích: <ul style="list-style-type: none"> - Thơ ca DG là phương thức biểu đạt trữ tình của VHDG gồm: ca dao-dân ca... thể hiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động với nhiều cung bậc tình cảm khác nhau, đa dạng và phong phú xuất phát từ trái tim lao động của nhân dân. - là cách nói giản dị, mộc mạc, chân thành nhưng thể hiện tình cảm to lớn, cụ thể. - là suối nguồn của tình yêu thương, là bến bờ của những trái tim biết chia sẻ. 	2,0
<ul style="list-style-type: none"> - Thơ ca DG là tiếng nói trái tim của người lao động bởi nó thể hiện tư tưởng, tình cảm, khát vọng, ước mơ của người lao động 	1,0
<ul style="list-style-type: none"> • Chứng minh: • Thơ ca DG thể hiện sâu sắc những tình cảm tốt đẹp của nhân dân ta <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu quê hương đất nước, yêu thiên nhiên (d/c) - Tình cảm cộng đồng thân ái (d/c) - Tình cảm gia đình đầm ấm, thiết tha: (d/c) + Tình cảm con cháu với ông bà + Tình cảm con ái với cha mẹ + Tình cảm anh chị em ruột thịt + Tình cảm vợ chồng - Tình cảm bạn bè gần gũi, thân thiết (d/c) - Tình thầy trò... (d/c) 	6,0
<ul style="list-style-type: none"> • Thơ ca DG đã bồi đắp, nuôi dưỡng thêm cho người đọc những tình 	2,0

cảm tốt đẹp. - Yêu quê hương đất nước mình - Yêu quý, trân trọng hơn nữa những tình cảm gia đình - Sống giữa tình yêu thương của cộng đồng...	
• Kết bài: - Đánh giá khái quát lại vấn đề - Bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của bản thân về vấn đề vừa làm sáng tỏ.	1,0

ĐỀ SỐ 19:

Câu 1:(8 điểm)

Trình bày cảm nhận của em về đoạn văn sau:

“Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyện mùa xuân.”

(Mùa xuân của tôi - Vũ Bằng – SGK Ngữ văn 7, tập I)

Câu 2:(12 điểm)

Có ý kiến cho rằng:“Bài thơ **Tiếng gà trưa** của nhà thơ Xuân Quỳnh đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước”.

Bằng hiểu biết của mình về bài thơ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
1	Nội dung trình bày: <i>Học sinh có thể trình bày cảm nhận theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải nêu được những ý cơ bản như sau:</i>	
	<i>“Mùa xuân của tôi” là phần đầu bài tùy bút Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt trong kiệt tác văn chương Thương nhớ mười hai của nhà văn Vũ Bằng. Đoạn văn được trích nằm ở đầu văn bản “Mùa xuân của tôi”</i>	0,5 đ
	<i>- Đoạn văn mở đầu bằng câu: “Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng</i>	0,5 đ

	<i>mùa xuân.</i> ” như một sự khẳng định trực tiếp: Tình yêu mùa xuân của mỗi người là một tình cảm rất tự nhiên.	
	- Bằng nghệ thuật liệt kê, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu tác giả khẳng định: Tình cảm yêu mến mùa xuân là tình cảm rất tự nhiên của con người, là quy luật tất yếu.	2 đ
	- Diễn tả một cách sâu sắc cảm xúc của nhà văn trước một quy luật rất đời tự nhiên trong tình cảm của con người: yêu mùa xuân, yêu tháng giêng... Từ đó tác động mạnh mẽ đến cảm xúc người nghe, người đọc... <i>Ai cũng chuộng mùa xuân và mê luyến mùa xuân</i> nên càng <i>triu mến</i> tháng giêng, tháng đầu của mùa xuân.	1 đ
	- Một cách viết duyên dáng, mượt mà, làm cho lời văn mềm mại, tha thiết theo dòng cảm xúc, đọc lên ta cứ ngỡ là thơ. Cảm xúc cứ trào ra qua các điệp ngữ <i>đừng, đừng thương, ai bảo được... ai cảm được... ai cảm được... ai cảm được...</i> Chữ <i>thương</i> được nhắc lại tới 4 lần, liên kết với chữ <i>yêu</i> , chữ <i>nhớ</i> đầy ấn tượng và rung động.	1 đ
	- Đoạn văn thể hiện rõ tình cảm, tâm lòng của tác giả Vũ Bằng đối với mùa xuân, với quê hương, đất nước.	0,5 đ
	- Đoạn văn cũng bồi đắp cho em tình yêu, niềm tự hào, trân trọng và gắn bó sâu nặng với quê hương đất nước mình...	0,5 đ
	b, Hình thức trình bày:	
	- Bài viết đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài	0,5 đ
	- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	0,5 đ
	c, Sáng tạo: (1 điểm)	0,5 đ
	- Thể hiện được cảm nhận riêng, sâu sắc hoặc có ý mới mang tính phát hiện mà vẫn phù hợp.	
	- Có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo.	0,5 đ

Câu 2: (12 điểm)

I. Yêu cầu chung:

- HS biết kết hợp kiến thức về VB và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục rõ ràng; luận điểm đầy đủ, chính xác;
- Văn viết có cảm xúc; bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

II. Yêu cầu cụ thể

Câu	Nội dung	Điểm
2	1. Yêu cầu về nội dung:	
	a. Mở bài: Giới thiệu khái quát về nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ “Tiếng gà trưa” . Dẫn ý kiến nhận xét.	0,5 đ 0,5 đ

b. Thân bài: <i>Phân tích dẫn chứng làm sáng tỏ những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu được thể hiện qua bài thơ. Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.</i>	7 đ
* Thứ nhất, bài thơ Tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu: Trên đường hành quân, người chiến sĩ chợt nghe tiếng gà nhảy ổ, tiếng gà đã gọi về những kỉ niệm tuổi thơ thật êm đềm, đẹp đẽ:	3,5 đ
- Hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như trong tranh hiện ra trong nỗi nhớ:	0,5 đ
- Một kỉ niệm về tuổi thơ đại: tò mò xem trộm gà đẻ bị bà mắng.	1 đ
- Người chiến sĩ nhớ tới hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, vất vả, dành dụm chăm lo cho cháu:	1 đ
- Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ: được bộ quần áo mới từ tiền bán gà - ước mơ ấy đi cả vào giấc ngủ tuổi thơ...	1 đ
* Thứ hai, tình cảm bà cháu đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước:	3,5 đ
- Tiếng gà trưa với những kỉ niệm đẹp về tuổi thơ, hình ảnh thân thương của bà đã cùng người chiến sĩ vào cuộc chiến đấu ...	0,5 đ
- Những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ như tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ chiến đấu vì Tổ quốc và cũng vì người bà thân yêu của mình: <i>" Cháu chiến đấu hôm nay Vì lòng yêu Tổ quốc Bà ơi, cũng vì bà... "</i>	1 đ
- Qua những kỉ niệm đẹp được gọi lại, bài thơ đã biểu lộ tâm hồn trong sáng, hồn nhiên của người cháu với hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, vất vả dành dụm chăm lo cho cháu.	1 đ
- Tình cảm bà cháu đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương, đất nước của mỗi chúng ta. Tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ những tình cảm gia đình thật gần gũi, thân thương và cũng thật sâu sắc. Những tình cảm thiêng liêng, gần gũi ấy như tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ, như tiếp thêm sức mạnh cho mỗi người để chiến thắng...	1 đ
c. Kết bài: - Khái quát vấn đề: Bằng thể thơ năm tiếng với cách diễn đạt tình cảm tự nhiên và nhiều hình ảnh bình dị chân thực, bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i> đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước. - Học sinh có thể tự liên hệ bản thân, nêu cảm nghĩ về tình cảm gia đình - nguồn sức mạnh cho mỗi người chúng ta trong cuộc sống hôm nay.	1 đ

	2. Yêu cầu về hình thức	
	- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học có đủ 3 phần Mở bài, Thân bài, Kết bài; có luận điểm rõ ràng, dẫn chứng tiêu biểu, lí lẽ chặt chẽ...	0,5 đ
	- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu...	0,5 đ
	3. Sáng tạo	
	- Có cách diễn đạt hay, sáng tạo, giàu cảm xúc.)	0,5 đ
	- Có những phát hiện mới mẻ.	0,5 đ

ĐỀ SỐ 20:**PHẦN I: ĐỌC- HIỂU:(4,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Yêu Tổ quốc từ những giọt mồ hôi tảo tần. Mồ hôi rơi trên những cánh đồng cho lúa thêm hạt. Mồ hôi rơi trên những công trường cho những ngôi nhà thành hình, thành khối. Mồ hôi rơi trên những con đường nơi rẻo cao Tổ quốc của những thầy cô trong mùa nắng để nuôi ước mơ cho các em thơ. Mồ hôi rơi trên thao trường đầy nắng gió của những người lính để giữ mãi yên bình và màu xanh cho Tổ quốc...

(Nguồn <http://vietbao.vn> ngày 9-5-2014)

a/ Xác định phương thức biểu đạt chính.

b/ Biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong đoạn trích trên là gì? Tác dụng?

c/ Thông điệp tác giả muốn gửi đến chúng ta là gì?

PHẦN II: LÀM VĂN:(16,0 điểm)**Câu 1:(6,0 điểm)**

*Cảm ơn mẹ vì luôn bên con
Lúc đau buồn và khi sóng gió
Giữa giông tố cuộc đời
Vòng tay mẹ chở che khế vỡ về.*

(Trích lời bài hát *Con nợ mẹ*, Nguyễn Văn Chung)

Những câu ca trên gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa của lời cảm ơn trong cuộc sống?

Câu 2:(10,0 điểm)

Nhà văn Pháp *Ana- tôn Prăng*- xơ từng nói:

Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ tâm hồn con người.

Câu nói trên giúp em cảm nhận được gì khi học hai bài thơ *Cánh khuya* và *Rằm tháng giêng* của Hồ Chí Minh.

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Yêu cầu	Điểm
I.	a. PTBD chính: Biểu cảm	(1,0 đ)

	<p>b. Biện pháp tu từ đặc sắc: Điệp ngữ.</p> <p>- Tác dụng: Nhấn mạnh những vất vả, nhọc nhằn và sự hi sinh thầm lặng của người dân lao động, qua đó bộc lộ sự trân trọng, tin yêu với những con người lao động và tình yêu Tổ quốc của tác giả....</p> <p>c. Thông điệp: HS chỉ cần đưa ra một thông điệp (hãy biết trân trọng, biết ơn người lao động,...)</p>	<p>(0,5 đ)</p> <p>(1,5 đ)</p> <p>(1,0 đ)</p>
II.1	<p>Về hình thức:</p> <p>- Bố cục bài viết rõ ràng, kết cấu mạch lạc, ngắn gọn.</p> <p>- Văn phong trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt...</p>	
	<p>Về nội dung: <i>Thí sinh có thể viết bài theo nhiều cách, dưới đây là những gợi ý định hướng chấm bài.</i></p>	
	<p>- <u>Giải thích:</u> <i>Cảm ơn</i> là từ đáp thể hiện sự biết ơn của mình với lòng tốt hay sự giúp đỡ của người khác. Nó chính là cách thể hiện tình cảm, lối ứng xử của con người có văn hóa, lịch sự và biết tôn trọng những người xung quanh mình.</p>	1,0đ
	<p>- <u>Chứng minh:</u></p> <p>+ Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, tác dụng của lời <i>cảm ơn</i> trong cuộc sống.</p> <p>+ Lấy một số dẫn chứng, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ.</p> <p>+ Khẳng định: <i>Cảm ơn</i> là nét sống văn minh của con người có học thức, có giáo dục. <i>Cảm ơn</i> hoàn toàn không phải là hình thức phức tạp hóa ứng xử, là sự khách sáo mà nó là một sự cần thiết, là quy tắc giao tiếp giữa con người với con người. Bạn đang tự làm đẹp mình khi biết nói hai từ <i>cảm ơn</i>!</p> <p>- Phê phán những hành động đi ngược lại lối sống tốt đẹp và văn minh này, đặc biệt trong xã hội ngày nay.</p> <p>- Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.</p>	<p>3,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p>
2.	<p>1. Yêu cầu hình thức:</p> <p>Trên cơ sở hiểu đúng hai bài thơ trữ tình của Hồ Chí Minh để làm sáng tỏ yêu cầu của đề bài, biết cách làm bài văn nghị luận văn học.</p> <p>2. Yêu cầu cụ thể:</p> <p>Học sinh có thể trình bày, sắp xếp theo nhiều cách khác nhau nhưng cơ bản cần đạt được những ý sau:</p> <p>a. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu về tác giả Hồ Chí Minh và hai tác phẩm.</p> <p>- Nêu nội dung cơ bản của hai bài thơ, dẫn lời <i>Ana- tôn Prăng-xơ</i></p> <p>b. Thân bài</p>	<p>1,0 đ</p> <p>2,0đ</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Bác có tâm hồn yêu thiên nhiên, gắn bó chan hòa với thiên nhiên. + Viết về thiên nhiên (đặc biệt là trăng) + Có những rung động thực sự và say mê trước vẻ đẹp của núi rừng Việt Bắc. 	2,0 đ
	<ul style="list-style-type: none"> + Sống chan hòa, gắn bó với thiên nhiên, cảnh vật. - Tình yêu thiên nhiên luôn gắn liền với tình yêu nước sâu nặng. - Chất nghệ sĩ và tâm hồn thi sĩ luôn thống nhất trong con người Bác. <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định giá trị của hai tác phẩm - Nêu bài học cho bản thân. 	1,0 đ

ĐỀ SỐ 21:

Câu 1(2.0 điểm): Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau:

“Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ: hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh, tất cả đều long lanh, lung linh trong nắng.”

(Vũ Tú Nam)

Câu 2(6.0 điểm): Viết bài văn ngắn nêu cảm nhận của em về bài ca dao sau:

*“Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.
Núi cao biển rộng mênh mông,
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!”*

(Ca dao)

Câu 3 (12,0 điểm): Có ý kiến cho rằng: “Cảnh khuya và Rằm tháng giêng của Hồ Chí Minh đã thể hiện sự thống nhất cao đẹp giữa tình yêu thiên nhiên và tình yêu đất nước”. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung và kĩ năng cần đạt	Điểm
Câu 1 (2,0 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các biện pháp nghệ thuật: + Nhân hóa: Qua từ "gọi" 	0,5đ

	<p>+ So sánh: Cây gạo với "<i>tháp đèn khổng lồ</i>"; hàng ngàn bông hoa với "<i>hàng ngàn ngọn lửa</i>"; hàng ngàn búp nõn với "<i>hàng ngàn ánh nến trong xanh</i>".</p> <p>- Phân tích tác dụng:</p> <p>+ Phép nhân hóa: Qua từ "<i>gọi</i>" làm cho cây gạo trở nên gần gũi có tình cảm thân thiết yêu quý bạn bè, chia sẻ niềm vui như con người.</p> <p>+ Phép so sánh: "<i>Cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ</i>" gọi cho người đọc thấy được sự lớn lao, hoành tráng và đẹp đẽ của cây gạo với nhiều màu sắc hoa lá rực rỡ và tươi xanh; so sánh "<i>hàng ngàn búp nõn</i>" với "<i>hàng ngàn ngọn lửa hồng</i>" giúp ta liên tưởng cây gạo nở hoa đỏ rực như một cây nến khổng lồ với những đốm lửa hồng rung rinh trong gió; "<i>hàng ngàn búp nõn</i>" với hình ảnh "<i>hàng ngàn ánh nến trong xanh</i>" gọi cho người đọc cảm nhận được độ xanh non mỡ màng, trong trẻo tràn đầy nhựa sống của búp nõn cùng với màu hồng của hoa rực rỡ.</p> <p>+ Sự kết hợp khéo léo tự nhiên của các phép tu từ với việc sử dụng các từ đặc tả "<i>khổng lồ</i>", "<i>lửa hồng</i>", "<i>trong xanh</i>" đã gợi tả hình ảnh đẹp đẽ, rực rỡ, sống động và gần gũi thân thiết giữa cây gạo và mùa xuân quê hương.</p>	<p>1,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
<p>Câu 2 (6.0 điểm)</p>	<p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>Viết hoàn chỉnh bài văn biểu cảm ngắn có bố cục rõ ràng; diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc; không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, câu...</p> <p>* Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Ca dao, dân ca có nhiều bài nói về công ơn cha mẹ, trong đó có bài "<i>Công cha....</i>"</p> <p>- Bài ca dao trên làm xúc động lòng người bởi đã gọi nên công ơn trời bể của cha mẹ đối với con cái.</p> <p>2. Thân bài</p> <p><i>Cảm xúc, suy nghĩ về công lao của cha mẹ:</i></p> <p>- Là lời ru của mẹ với đứa con mình, âm điệu tâm tình, sâu lắng gợi sự xúc động, dễ đi vào lòng người.</p> <p>- So sánh công cha nghĩa mẹ như <i>núi ngất trời</i>, như <i>nước ngoài biển Đông</i> là lấy cái trừu tượng của tình phụ tử, tình mẫu tử so sánh với cái mênh mông, vĩnh hằng, vô hạn của trời đất, thiên nhiên. Ví <i>công cha như núi ngất trời</i> là khẳng định sự lớn lao, ví <i>nghĩa mẹ như nước ngoài biển Đông</i> là để khẳng định chiều sâu, chiều rộng và sự dạt dào....</p> <p>- Công cha, nghĩa mẹ là vô cùng to lớn, không thể nào cân đo, đong đếm hết được.</p>	<p>1.0 đ</p> <p>5.0đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>4.0 đ</p> <p>0,5đ</p> <p>1,0đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>

	<p>- Nhắc đến <i>cù lao chín chữ</i> là nhắc đến công ơn mang nặng đẻ đau, công ơn sinh thành dưỡng dục nuôi nấng con thành người của cha mẹ.</p> <p>- Bài ca dao thiết tha nhắn nhủ những người con "<i>ghi lòng con ơi!</i>" những công ơn trời bể ấy. Tiếng "<i>ơi!</i>" vang lên thể hiện tình cảm thiết tha, mong muốn chân thành cảm động của tác giả dân gian.</p> <p>=> Bài cao dao nói lên công lao to lớn của cha mẹ, nhắc nhở con cái phải ghi lòng tạc dạ để sống đúng với đạo lí làm người.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Bài ca dao để lại trong lòng người đọc niềm xúc động thiêng liêng về công ơn trời bể của cha mẹ.</p>	<p>1,0đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
Câu 3 (12 điểm)	<p>1. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Xác định đúng kiểu bài chứng minh. Bài viết phải có bố cục rõ ràng, có luận điểm, luận cứ, luận chứng mạch lạc, phù hợp. Trình bày sạch đẹp, câu chữ rõ ràng, hành văn giàu cảm xúc và trôi chảy.</p> <p>2. Yêu cầu về kiến thức</p> <p><i>Bài làm của học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách song cần đảm bảo các ý sau:</i></p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Trích dẫn nhận định.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>Học sinh cần làm sáng tỏ hai luận điểm:</p> <p>Luận điểm 1. Tình yêu thiên nhiên</p> <p>- Đó là sự say mê trước vẻ đẹp của âm thanh tiếng suối từ xa vọng lại.</p> <p>- Là sự rung cảm trước cảnh đẹp của đêm trăng.</p> <p>+ Trong bài thơ "<i>Cảnh khuya</i>": Đêm trăng giữa rừng Việt Bắc, ánh trăng tỏa xuống vòm cây cổ thụ, bóng cây in xuống mặt đất như muôn ngàn bông hoa lung linh huyền ảo, điệp từ "<i>lòng</i>" tạo cho bức tranh có tầng bậc, giao hòa quán quýt.</p> <p>+ Trong bài "<i>Rằm tháng giêng</i>" vầng trăng đêm rằm sáng vằng vặc, soi tỏ khắp không gian. Điệp từ "<i>xuân</i>" được lặp lại ba lần tạo nên một vũ trụ tràn đầy sức xuân.</p> <p>(Học sinh lấy dẫn chứng phân tích làm rõ luận điểm)</p> <p>-> Đằng sau bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp là tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết, sự rung cảm tinh tế của thi sĩ Hồ Chí Minh.</p> <p>Luận điểm 2. Tình yêu đất nước</p> <p>- Nỗi niềm băn khoăn, trăn trở cho vận mệnh của đất nước,</p>	<p>2.0đ</p> <p>10,0đ</p> <p>1.0 đ</p> <p>8.0đ</p> <p>3,5đ</p> <p>1,0đ</p> <p>2,5đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>0,5đ</p> <p>3,5đ</p> <p>1,5đ</p> <p>1,5đ</p>

	thức tới canh khuya lo việc nước (<i>HS lấy dẫn chứng, phân tích làm rõ luận điểm</i>)	0,5đ
	- Tình yêu đất nước thể hiện ở hình ảnh con thuyền của vị lãnh tụ và các đồng chí lúc bàn việc quân giữa dòng sông trong bài thơ <i>Rằm tháng giêng</i>	1,0đ
	=> Vẻ đẹp tâm hồn, cốt cách cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở tình yêu đất nước sâu sắc.	1,0đ
	* Khái quát: Hai biểu hiện trong vẻ đẹp tâm hồn của Bác có sự hòa hợp, thống nhất một cách tự nhiên, không tách rời. Đây là vẻ đẹp trong thơ Người, cũng là vẻ đẹp nhất quán trong con người của Bác. Đó là một phong cách thanh cao khiến chúng ta thêm ngưỡng mộ và kính yêu Bác.	
	c. Kết bài:	
	- Cảm xúc, ý nghĩ về giá trị của hai bài thơ.	
	- Suy nghĩ của bản thân về học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ.	

ĐỀ SỐ 22:

Câu 1(2,0 điểm): Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ sau:

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.”

(*Cảnh khuya*, Hồ Chí Minh - Ngữ văn 7)

Câu 2(6,0 điểm): Trình bày cảm nhận của em về đoạn văn sau:

“Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ. ... Những cử chỉ cao

quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước”.

(*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*, Hồ Chí Minh)

Câu 3(12,0 điểm): Bài thơ “*Tiếng gà trưa*” của Xuân Quỳnh (Ngữ văn 7, Tập 1) đã thể hiện sự gắn bó sâu sắc giữa tình cảm gia đình và tình yêu quê hương đất nước. Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

CÂU	YÊU CẦU	ĐIỂM
Câu 1 (2,0 điểm)	- Học sinh chỉ ra được phép tu từ: + So sánh: <i>Tiếng suối trong như tiếng hát xa</i> + Điệp ngữ: <i>lồng, chưa ngủ</i>	0,5đ
	- Học sinh chỉ ra được tác dụng của các phép tu từ: + Hình ảnh so sánh: <i>Tiếng suối như tiếng hát</i> có tác dụng khắc họa âm thanh tiếng suối trong đêm khuya, gợi không gian tĩnh lặng; cách so sánh hiện đại, độc đáo khiến cảnh rừng khuya không lạnh lẽo mà trở nên có sức sống và ấm áp tình người.	1,5đ 0,5đ
	+ Điệp từ <i>lồng</i> với các hình ảnh: <i>trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa</i> gợi cảnh đẹp thơ mộng, huyền ảo; không chỉ tái hiện một đêm trăng rất sáng mà còn diễn tả rất sinh động sự quán quýt, hòa hợp giữa trăng và tán cây cổ thụ tạo nên một bức tranh có đường nét, hình khối, tầng bậc...	0,5đ
	+ Điệp từ <i>chưa ngủ</i> mở ra hai trạng thái cảm xúc trong tâm hồn Bác: rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên và thao thức vì lo nghĩ việc nước.	0,25đ
	=> Bằng việc sử dụng các biện pháp tu từ, bài thơ giúp người đọc cảm nhận được bức tranh thiên nhiên đẹp giàu chất họa, chất nhạc và ấm áp tình người. Đồng thời, ta còn rung động trước vẻ đẹp tâm hồn của Bác: sự hòa quyện giữa tình yêu thiên nhiên và lòng yêu nước, phong thái ung dung lạc quan của Người.	0,25đ
Câu 2 (6,0 đ)	<p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Xác định đúng kiểu bài văn biểu cảm về một đoạn trích.</p> <p>- Bài viết có bố cục 3 phần.</p> <p>- Cảm nhận đầy đủ, tinh tế, sâu sắc nội dung, nghệ thuật đoạn trích.</p> <p>* Yêu cầu về nội dung:</p> <p>Có thể trình bày bài viết của mình theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng sau:</p>	<p>1,0đ</p> <p>5,0đ</p>

	<p>- Đoạn văn nói về tinh thần yêu nước của nhân dân trong văn bản nghị luận về <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i> của Hồ Chí Minh.</p> <p>- Đoạn văn đã sử dụng phép lập luận chứng minh, cách lập luận rất rõ ràng theo quan hệ Tổng - Phân - Hợp giàu sức thuyết phục:</p> <p>+ Câu mở đoạn nêu luận điểm: <i>Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước</i> để giới thiệu tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày nay đồng thời còn có sự so sánh đối chiếu với tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày trước để bày tỏ thái độ ngợi ca, trân trọng.</p> <p>+ Các câu 2, 3, 4 liệt kê một loạt dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, toàn diện để chứng minh làm sáng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày nay nêu ra ở câu nêu luận điểm: <i>các cụ già... các cháu thiếu niên nhi đồng; các kiều bào... đồng bào vùng bị tạm chiếm; nhân dân miền ngược... miền xuôi; những chiến sĩ ngoài mặt trận... các công chức ở hậu phương; những phụ nữ... bà mẹ; nam nữ công nhân và nông dân... những đồng bào điền chủ.</i></p> <p>Cùng với những dẫn chứng tác giả trình bày chi tiết, tỉ mỉ những hành động, biểu hiện của tấm lòng yêu nước của những con người này: <i>Ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc, nhịn đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đang tiêu diệt giặc, nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, sẵn sàng yêu thương bộ đội như con đẻ của mình, thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, quên đất ruộng cho chính phủ.</i></p> <p>Kiểu câu <i>Từ... đến</i> tạo ra lối điệp kiểu câu, cùng với điệp từ <i>những, các</i> và phép liệt kê rất tự nhiên, sinh động vừa đảm bảo tính toàn diện vừa giữ được mạch văn trôi chảy thông thoáng cuốn hút người đọc, người nghe. Tác giả đã làm nổi bật tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong kháng chiến rất đa dạng, phong phú ở các lứa tuổi, tầng lớp, giai cấp, nghề nghiệp, địa bàn, hành động, việc làm.</p> <p>+ Cuối đoạn văn khẳng định: <i>Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi nồng nàn yêu nước.</i></p> <p>- Với cách lập luận chặt chẽ, tác giả ca ngợi tấm lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta từ đó kích thích động viên mọi người phát huy cao độ tinh thần yêu nước ấy trong cuộc kháng chiến chống Pháp.</p>	<p>0,5đ</p> <p>4,0 đ</p> <p>0,5đ</p> <p>1</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5 đ</p>
Câu 3	<p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Viết hoàn chỉnh bài văn biểu cảm có bố cục rõ ràng; diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, có dẫn chứng phù hợp.</p>	<p>1.0đ</p> <p>11đ</p> <p>1.0đ</p>

(12,0 đ)	* Yêu cầu về kiến thức:	
	a. Mở bài:	
	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu vấn đề cần nghị luận, dẫn ý kiến.	9.0đ 1.0đ
	b. Thân bài	
	<i>Chứng minh sự thống nhất giữa tình cảm gia đình và tình yêu đất nước</i>	8.0đ 3,5
	2.1. Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình sâu nặng: tình cảm bà cháu:	
	+ Tình cảm của cháu (người chiến sĩ) với bà, với những người thân trong gia đình và tình cảm của bà dành cho cháu (dẫn chứng).	
	+ Tình cảm với những kỉ niệm tuổi thơ mà ai cũng có (<i>dẫn chứng</i>)	3.5 đ
	2.2. Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương đất nước tha thiết:	
	+ Tình cảm với những gì bình dị của quê hương: âm thanh quen thuộc, mái nhà ...và cao hơn nữa là tình yêu quê hương (<i>dẫn chứng</i>)	1.0 đ
	+ Tình yêu đất nước và khát vọng được cống hiến, hi sinh vì đất nước. Trước khi đọc bài thơ ta cảm nhận đó là những tình cảm chung chung, trừu tượng. Sau khi đọc bài thơ, ta hiểu hơn về tình cảm ấy, ta thấy trách nhiệm của mình với đất nước từ những hành động giản dị thường ngày: phải học tập tốt, ý thức bảo vệ môi trường đất nước...	1.0 đ
	+ Ta hiểu, thêm yêu và cảm phục vẻ đẹp tâm hồn người lính trong chiến tranh. Họ đã phải từ giã những gì thân yêu nhất, gia đình, người thân, quê hương để ra đi chiến đấu. Tâm hồn họ luôn khắc khoải nỗi nhớ quê hương và lí tưởng cao đẹp, chiến đấu vì độc lập của Tổ Quốc.	
	2.3. Đánh giá, khẳng định	
	Tình cảm gia đình và tình yêu quê hương đất nước là thứ tình cảm thiêng liêng cao đẹp, là hành trang nâng đỡ con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.	
	c. Kết bài	
	Khẳng định lại vấn đề, liên hệ thực tế.	

ĐỀ SỐ 23:

Câu 1: (4điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép tu từ trong đoạn thơ sau:

“Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta,
Thương cuộc đời chung thương cỏ hoa.
Chỉ biết quên mình cho hết thảy,
Như dòng sông chảy nặng phù sa”.

(Trích “Theo chân Bác”- Tố Hữu)

Câu 2:(6 điểm)

Suy nghĩ của em về bức thông điệp mà em được nhận từ câu chuyện dưới đây:

Cơn gió và cây sồi

Một cơn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngạo nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gãy các cành cây. Nó muốn mọi cây cối đều phải ngã rạp trước sức mạnh của mình. Riêng một cây sồi già vẫn đứng hiên ngang, không bị khuất phục trước cơn gió hung hăng. Như bị thách thức, cơn gió lồng lộn, điên cuồng lật tung khu rừng một lần nữa. Cây sồi vẫn bám chặt đất, im lặng chịu đựng sự giận giữ của cơn gió và không hề gục ngã. Cơn gió mệt mỏi, đành đầu hàng và hỏi:

- Cây sồi kia! Làm sao ngươi có thể đứng vững như thế?

Cây sồi già từ tốn trả lời:

- Tôi biết sức mạnh của ông có thể bẻ gãy hết các nhánh cây của tôi, cuốn sạch đám lá của tôi và làm thân tôi lay động. Nhưng ông sẽ không bao giờ quật ngã được tôi. Bởi tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi. Càng ngày chúng sẽ phát triển càng mạnh mẽ, giúp tôi vững vàng hơn trước mọi sức mạnh của kẻ thù. Nhưng tôi phải cảm ơn ông, cơn gió ạ! Chính những cơn điên cuồng của ông đã giúp tôi chứng tỏ được khả năng chịu đựng và sức mạnh của mình.

(Quang Kiệt- theo *Viva Consulting – Hạt giống tâm hồn - Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh)

Câu 3: (10 điểm)

Từ các văn bản “Những câu hát về tình cảm gia đình”, “Mẹ tôi”(Ét-môn-đơ Đơ A-mi-xi), “Cuộc chia tay của những con búp bê”(Khánh Hoài), hãy bộc lộ những tình cảm và suy nghĩ của em khi được sống trong tình yêu thương của những người thân trong gia đình và niềm thương cảm cho những ai không có được những may mắn đó.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (4 điểm)	- Học sinh chỉ ra được phép tu từ được dùng trong đoạn thơ trên là phép tu từ điệp ngữ. Từ “thương” được nhắc đi nhắc lại 3 lần trong 2 câu thơ đầu.	0,5đ.
	- Phép tu từ so sánh trong hai câu thơ sau: So sánh sự hi sinh quên mình của Bác với hình ảnh dòng sông chảy nặng phù sa.	0,5đ.
	- Phân tích tác dụng (3,0đ)	0,5đ.
	+ Viết về Bác Hồ kính yêu - đó là nguồn cảm hứng không bao giờ vơi cạn đối với các nhà văn, nhà thơ. Tố Hữu cũng trân trọng dành một phần tâm hồn mình viết về Bác. Đoạn thơ trên được trích trong trường ca “Theo chân Bác” của Tố Hữu.	1,0đ

	<p>+ Trong đoạn thơ tác giả dùng điệp từ “thương” ở 2 câu thơ đầu để nói về tình thương yêu rộng lớn bao la của Bác dành cho ta - những người dân đất Việt cũng như toàn thể nhân dân lao động nghèo khổ trên thế giới. Tình yêu thương của Bác còn bao trùm cả vạn vật trong thiên nhiên.</p> <p>+ Hai câu thơ sau tác giả dùng phép tu từ so sánh thật độc đáo. Tác giả đã so sánh sự hi sinh quên mình vì dân vì nước của Bác như dòng sông lặng lẽ chảy trôi ngàn đời mang lượng phù sa bồi đắp cho những cánh đồng phì nhiêu.</p> <p>+ Đoạn thơ có 4 câu sử dụng hài hoà 2 phép tu từ điệp ngữ và so sánh giúp ta hiểu tình thương, sự hi sinh cao cả của Bác dành cho ta, Mỗi người đều cảm động vô cùng khi đọc đoạn thơ trên.</p>	0,5đ
Câu 2 (6 điểm)	<p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội, dạng nghị luận mở. - Bài viết có bố cục 3 phần. - Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, dẫn chứng cụ thể. - Biết vận dụng tổng hợp các phương pháp lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận... - Có kĩ năng vận dụng yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm vào bài văn nghị luận. <p>* Yêu cầu về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể trình bày bài viết của mình theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng sau: <p><u>1. Hiểu nội dung, ý nghĩa của câu chuyện:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Con gió: Hình ảnh tượng trưng cho những khó khăn, thử thách, những nghịch cảnh trong cuộc sống. - Cây sồi: Hình ảnh tượng trưng cho lòng dũng cảm, dám đối đầu, không gục ngã trước hoàn cảnh với niềm tin chiến thắng. - Ý nghĩa của câu chuyện: Trong cuộc sống, con người cần có lòng dũng cảm, tự tin, nghị lực và bản lĩnh vững vàng trước những khó khăn, trở ngại của cuộc sống. <p><u>2. Bức thông điệp từ câu chuyện:</u></p> <p>Học sinh tự cảm nhận tìm ra điều tác giả muốn nhắn gửi theo cách hiểu của mình, miễn là hợp lí. Sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong cuộc sống, luôn tiềm ẩn những khó khăn, trở ngại, những nghịch cảnh khó lường và chúng có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nếu không có lòng dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn, trở ngại thì khó hoặc không thể vượt qua được. - Lòng dũng cảm, nghị lực và bản lĩnh vững vàng sẽ tiếp thêm sức mạnh giúp con người tự tin trước khó khăn, trở ngại, những nghịch cảnh của cuộc đời. - Dũng cảm dám đối mặt với thử thách, không gục ngã trước hoàn 	<p>2,0đ.</p> <p>1,0đ</p> <p>2,0đ</p> <p>1,0đ</p>

	<p>cảnh là chìa khóa của thành công.</p> <p>Lưu ý: Trong quá trình lập luận nên có những dẫn chứng về những tấm gương dũng cảm, không gục ngã trước hoàn cảnh để cách lập luận thêm thuyết phục.</p> <p><u>3. Bài học cho bản thân:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện bản lĩnh, nghị lực vững vàng trước mọi hoàn cảnh. - Bình tĩnh tìm ra giải pháp cần thiết để từng bước vượt qua khó khăn, trở ngại. - Nuôi dưỡng niềm tin chiến thắng. Không nên tuyệt vọng, bi quan, chán nản, gục ngã trước hoàn cảnh. - Phê phán thái độ, hành động buông xuôi, thiếu ý chí, nghị lực, niềm tin. 	
<p>Câu 3 (10 điểm)</p>	<p>1. Nội dung (7 đ)</p> <p>a) Mở bài:</p> <p>Giới thiệu những tình cảm và suy nghĩ của em khi được sống trong tình yêu thương của những người thân trong gia đình và bộc lộ niềm thương cảm cho những ai không có được những may mắn đó thông qua việc đọc các văn bản <i>Những câu hát về tình cảm gia đình</i>, <i>Mẹ tôi</i>(Ét-môn-đơ Đơ A-mi-xi), <i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i>(Khánh Hoài).</p> <p>b) Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm xúc sung sướng, hạnh phúc biết bao khi được sống trong tình yêu thương của ông bà, cha mẹ, anh chị em, được cha mẹ, ông bà sinh thành dưỡng dục, nâng niu chăm sóc. (Dẫn chứng trong các văn bản trên). - Biết ơn, trân trọng nâng niu những tình cảm, công lao mà ông bà, cha mẹ, anh chị em trong gia đình đã dành cho mình. (Dẫn chứng trong các văn bản trên). - Bày tỏ tình cảm một cách sâu sắc nhất bằng cách nguyện ghi lòng tạc dạ chín chữ cù lao, làm tròn chữ hiếu, anh em hoà thuận làm cho cha mẹ vui lòng, nhớ thương cha mẹ ông bà... (Dẫn chứng trong các văn bản trên). - Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó. (Dẫn chứng trong các văn bản trên). - Bộc lộ niềm thương cảm cho những ai không có được những may mắn đó trên cơ sở văn bản “<i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i>”(Khánh Hoài). Cuộc đời còn biết bao nhiêu bạn sống thiếu những tình yêu thương của cha mẹ, anh em phải xa cách chia lìa như Thành và Thủy trong “<i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i>”(Khánh Hoài) và biết bao tình cảnh éo le khác. - Bộc lộ niềm mong ước mọi người đều được sống trong tình yêu thương của những người thân trong gia đình trên cơ sở các văn bản 	<p>1.0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p>

	<p>“<i>Những câu hát về tình cảm gia đình</i>”, “<i>Mẹ tôi</i>” (Ét-môn-đơ Đơ A-mi-xi), “<i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i>” (Khánh Hoài).</p> <p>c) Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định tình cảm gia đình cần thiết với mỗi con người. Vì vậy hãy quý trọng và gìn giữ. <p>2. Hình thức: (3đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không mắc lỗi từ và câu. - Văn viết biểu cảm. - Có sự sáng tạo trong cách lập luận và biểu đạt cảm xúc. 	
--	---	--

ĐỀ SỐ 24:**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu sau:

Tự nhiên lại gọi tên làng

Như là đứa trẻ lạc đường gọi cha

Giật mình như vạc ăn xa

Qua đêm mới kịp nhận ra chân trời

Bàn chân nhẵn bấc, nam rồi

Thương về cái cổng cóc ngòi dầm mưa

Miếng cà nhai tự ngày xưa

Bây giờ nghe lại vẫn chưa hết giòn

(*Dấu quê*, Nguyễn Minh Châu, *Các dạng bài tập làm văn và cảm thụ văn lớp 7*, NXB Giáo dục, 2004, tr.46)

Câu 1. (1,0 điểm): Xác định thể thơ

Câu 2. (1,0 điểm): Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ

Câu 3. (1,0 điểm): Xa quê hương, nhân vật trữ tình nhớ về những hình ảnh nào?

Câu 4. (1,0 điểm): Từ ý nghĩa đoạn thơ trên, hãy liên hệ tình yêu quê hương trong bản thân em? (trình bày từ 6 đến 8 dòng)

II. LÀM VĂN (16,0 điểm)**Câu 1. (6,0 điểm)**

Viết đoạn văn cảm nhận vẻ đẹp của mùa xuân trong đoạn trích sau:

Con bìm bịp, bằng cái giọng trầm và ảm, báo hiệu mùa xuân đã tới. Cả khu đồi này rộn rã hẳn lên. Mới hôm qua, đi ngang đây, tôi vẫn thấy con đường đất đỏ quen thuộc và những đám cỏ xác xơ, thế mà sớm nay đột nhiên những bông hoa mua đầu mùa đã bật nở, tím hồng như những ngọn đèn vui thấp thoáng trong làn sương ảm.

Những đợt măng trúc đội đất ngoi lên. Rồi nảy nhành, nở lá. Cào cào bột nhảy tí tách trong cỏ. Những con đông tây treo mình trên ngọn cải ngồng, ngọ ngoáy như sốt

ruột muốn mau hao thành những cánh bướm vàng rười để bay đây bay đó. Cây cỏ đổi sắc, non mơn mớn.

(Trích *Hội mùa xuân*- Vũ Tú Nam, *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2002, tr.108)

Câu 2.(10,0 điểm)

Bàn về văn bản *Cổng trường mở ra* của Lí Lan, Vũ Dương Quỹ cho rằng:

Không có sự việc, không có cốt truyện, nhưng văn bản này vẫn hấp dẫn chúng ta, bởi vì từng câu văn, từng dòng chữ dạt dào biết bao nỗi niềm tâm sự của một người mẹ rất mực thương yêu con, không nguôi nghĩ tới trách nhiệm của mình đối với những đứa con bé bỏng.

(Trích *Bình giảng văn 7*, Vũ Dương Quỹ, NXB Giáo dục, 2004, tr.6)

Hãy phân tích văn bản *Cổng trường mở ra* của Lí Lan để làm sáng tỏ ý kiến trên

.....**Hết**.....

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		4,0
	1	Thể thơ: lục bát	1,0
	2	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	1,0
	3	Xa quê hương, nhân vật trữ tình nhớ về những hình ảnh: cổng làng, miếng cà- những hình ảnh rất đời bình dị, thân thương	1,0
	4	Từ ý nghĩa đoạn thơ trên, học sinh liên hệ tình yêu quê hương của bản thân Một số gợi ý: - Yêu quê hương gắn liền với tình yêu những cảnh, những người thân thuộc, bình dị quanh mình. - Yêu quê hương là có ý thức học tập, tu dưỡng để trở thành người có ích, góp phần xây dựng quê hương...	1,0
II	LÀM VĂN		16,0
	1	Cảm nhận về đẹp của mùa xuân trong đoạn trích <i>Hội mùa xuân</i> của Vũ Tú Nam	6,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn	0,25
		b. Xác định đúng đối tượng cần cảm nhận: Vẻ đẹp mùa xuân trong đoạn trích <i>Hội mùa xuân</i> của Vũ Tú Nam	0,25

		c. Triển khai cảm nhận: Vận dụng tốt các cách biểu cảm để cảm nhận nội dung của đoạn trích. Có thể triển khai đoạn văn theo hướng sau:	3,0
		<p>*Cảm nhận về đẹp mùa xuân qua các ý sau:</p> <p>- Yêu mến, đắm say trước vẻ đẹp của mùa xuân:</p> <p>+ Sắc xuân trong trẻo, tươi sáng</p> <p>+ Âm thanh mùa xuân tươi vui, rộn rã...</p> <p>+ Muôn loài như đang sinh sôi, nảy nở, căng tràn sức sống...</p> <p>- Vẻ đẹp mùa xuân được diễn tả bằng ngòi bút miêu tả tinh tế, tài hoa: hình ảnh đẹp, giàu sức gợi; sử dụng biện pháp nhân hóa, so sánh, liệt kê...</p> <p>* Đánh giá: Qua vẻ đẹp mùa xuân thấy được tâm hồn tinh tế, nhạy cảm và tình yêu thiên nhiên, cuộc sống của nhà văn</p>	<p>3,0</p> <p>1,5</p> <p>0,5</p>
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt	0,25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, có cách cảm nhận sâu sắc về đối tượng biểu cảm	0,25
2	Nghị luận ý kiến của Vũ Dương Quỹ bàn về văn bản <i>Cổng trường mở ra</i>		10,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận với đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Sức hấp dẫn của văn bản <i>Cổng trường mở ra</i> là tấm lòng yêu thương con của người mẹ được chuyển tải bằng thể loại bút kí nhẹ nhàng	0,5
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để triển khai luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động.</p> <p>- Thí sinh có thể cảm nhận, triển khai theo nhiều cách nhưng cần đáp ứng các yêu cầu sau</p>	8,0
		* Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận	0,5
		* Giải thích ý kiến:	1,5
		- Không có sự việc, không có cốt truyện: đề cập đến đặc điểm	

	<p>của thể loại kí: không chú trọng đến sự việc, cốt truyện mà chú ý đến cảm xúc của đối tượng được phản ánh</p> <p>- Văn bản này hấp dẫn chúng ta, bởi vì từng câu văn, từng dòng chữ đạt dào biết bao nỗi niềm tâm sự của một người mẹ rất mực thương con, không nguôi nghĩ tới trách nhiệm của mình đối với những đứa con bé bỏng: khẳng định sức hấp dẫn của văn bản chính là qua dòng cảm xúc của người mẹ trong đêm trước ngày khai trường của con đã toát lên tấm lòng yêu thương con, lo lắng cho tương lai của con.</p> <p>=> Ý kiến trên đã khẳng định sức hấp dẫn của văn bản <i>Cổng trường mở ra</i> chính là tấm lòng yêu thương con của người mẹ được chuyển tải bằng thể loại bút kí nhẹ nhàng, giàu cảm xúc.</p> <p>*Chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu thương con nên trong đêm, trước ngày khai trường của con, mẹ trằn trọc, nghĩ suy về con và luôn giữ niềm tin ở con. - Yêu thương con, mẹ muốn truyền cho con những cung bậc cảm xúc đẹp đẽ của ngày đầu tiên cắp sách đến trường - Yêu thương con, người mẹ còn nhận thức rõ hơn bao giờ trách nhiệm của bản thân mình đối với việc chăm lo, giáo dục con - Yêu thương con, mẹ động viên, khích lệ con tự tin, can đảm bước vào thế giới học đường - Tấm lòng yêu thương con sâu nặng của người mẹ ấy đã được thể hiện bằng những hình thức nghệ thuật rất đối bình dị: <ul style="list-style-type: none"> + Không có cốt truyện, không gây ấn tượng bằng những tình tiết, sự việc, bài viết là dòng tâm trạng miên man của người mẹ trong đêm trước ngày khai trường của con. Nhân vật người mẹ cứ thủ thỉ tâm tình như đang nói với con nhưng thực tế là đang tự nói với mình + Giọng văn tâm tình, nhỏ nhẹ, sâu lắng... <p>*Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến của Vũ Dương Quỹ đã khẳng định sức hấp dẫn của văn bản <i>Cổng trường mở ra</i> chính là tấm lòng yêu thương của mẹ được truyền tải bằng thể kí rất nhẹ nhàng, giàu cảm xúc. - Ý kiến đã giúp ta hiểu thêm về đặc điểm thể kí, thấm thía hơn về tình mẫu tử cao đẹp trong cuộc sống 	<p>5,0</p> <p>1,0</p>
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt</p>	0,5

	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện cảm nhận sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5
--	--	-----

ĐỀ SỐ 25:**Phần I. Đọc-hiểu: (4 Điểm)**

Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu phía dưới:

“...Thời gian chạy qua tóc mẹ
 Một màu trắng đến nôn nao
 Lưng mẹ cứ còng dần xuống
 Cho con một ngày thêm cao

Mẹ ơi, trong lời mẹ hát
 Có cả cuộc đời hiện ra
 Lời ru chấp con đôi cánh
 Lớn rồi con sẽ bay xa”

(“Lời ru của mẹ” – Trương Nam Hương)

- Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?
- Tìm từ láy có trong đoạn thơ và giải nghĩa từ láy đó?
- Xác định biện pháp tu từ có trong đoạn thơ?
- Nêu nội dung chính có trong đoạn thơ?

Phần II. Làm văn (16 Điểm)

Câu 1 (6 điểm)

Từ đoạn thơ trên trong khổ đầu, em hãy nêu nhưng suy nghĩ của mình về tình mẫu tử trong cuộc sống.

Câu 3: (10 điểm)

Tinh thần nhân đạo là một trong những chủ đề xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của văn học Việt Nam. Qua những áng văn chương đã học (ca dao, thơ trung đại) trong chương trình Ngữ văn 7, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Đọc – hiểu		4.0
a	a. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: Biểu cảm	1.0
b	b. - Từ láy trong đoạn thơ: nôn nao - Giải nghĩa: “nôn nao” chỉ trạng thái xao động trong tình cảm khi đang mong hoặc gợi nhớ đến điều gì.	0.5 0.5
c	Biện pháp tu từ có trong đoạn thơ nhân hóa, ẩn dụ	1.0
d	Nội dung chính của đoạn thơ: Bộc lộ cảm xúc và suy nghĩ của người con về mẹ. Đó là lòng biết ơn vô hạn của con về mẹ, về những hi sinh vất vả mà mẹ dành cho con.	1.0

Làm văn		16.0
1	<p>* Về kỹ năng: HS viết một bài văn ngắn, đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm đúng đặc trưng nghị luận xã hội – dạng bài nghị luận về tư tưởng đạo lý. - Diễn đạt rõ ràng, chặt chẽ, có cảm xúc, dùng từ đặt câu, viết đúng chính tả. <p>* Về kiến thức: Đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải ý nghĩa đoạn thơ, từ đó nhận xét về tình mẫu tử. - Trình bày suy nghĩ về tình mẫu tử trong cuộc sống. + Đó là tình cảm tự nhiên, thiêng liêng, bất diệt. + Tình cảm đó rất cần thiết cho cuộc đời mỗi con người, cho sự phát triển bền vững của gia đình và xã hội. + Con là niềm vui, lẽ sống của mẹ, mẹ là chỗ dựa vững chắc, nâng bước cuộc đời con, cho con phát triển đúng nhân cách con người (dẫn chứng). + Cần làm gì để thực hiện tình mẫu tử thiêng liêng. - Liên hệ rút ra bài học: + Suy nghĩ về tình mẫu tử trong cuộc sống hiện nay + Liên hệ bản thân, rút ra bài học nhận thức và hành động. 	<p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>3.0</p> <p>1.0</p>
2	<p>a. Về kỹ năng: HS viết một bài nghị luận chứng minh, đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm đúng đặc trưng văn nghị luận chứng minh - Diễn đạt rõ ràng, chặt chẽ, có cảm xúc, dùng từ đặt câu, viết đúng chính tả. <p>b. Về kiến thức: Đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>* Giải thích tinh thần nhân đạo, biểu hiện của tinh thần nhân đạo.</p> <p>* Chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần nhân đạo trong văn học dân gian: + Ca dao dân ca thuộc loại trữ tình của văn học dân gian. Nó là tiếng nói của trái tim, tiếng hát tâm trạng của người dân lao động xưa. Tiếng nói, tiếng hát ấy cất lên nhiều cung bậc tình cảm thấm đẫm tinh thần nhân đạo trong các mối quan hệ giữa người với người + Đó là tình cảm yêu thương trong gia đình: như cha mẹ với con cái, cháu chắt với ông bà, ... (dẫn chứng). + Tình cảm giữa con người cá nhân với cộng đồng xã hội (dẫn chứng) + Thơ ca dân gian là tiếng nói đồng cảm, sẻ chia với những người nông dân – Kiếp phận con sâu con kiến, còn cò, con vạc quanh năm vất vả, dầu tắt mắt tối mà cuộc sống vẫn cơ cực, lầm than, bị khinh rẻ, bị chà đạp (dẫn chứng). - Tinh thần nhân đạo trong văn học trung đại: + Sống trong xã hội đầy rối ren, loạn lạc, nhiều cay đắng trong văn học 	<p>2.0</p> <p>1.0</p> <p>2.5</p> <p>3.0</p> <p>1.0</p> <p>0.5</p>

	<p>trung đại đã tập trung phản ánh bi kịch con người nhất là thân phận người phụ nữ. Một trong những muôn ngàn đắng cay của họ là cảnh cô đơn, sầu muộn triền miên trong các cuộc chiến tranh phong kiến.(dẫn chứng: Phân tích bài Chinh phụ ngâm khúc của Đặng Trần Côn và dịch giả Đoàn Thị Điểm để làm rõ).</p> <p>+ Viết về đề tài người phụ nữ các tác giả còn bày tỏ sự yêu thương, trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của họ (dẫn chứng: Phân tích bài Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương để làm rõ).</p> <p>+ Thể hiện lòng cảm thông, nói lên ước mơ khát vọng hạnh phúc lứa đôi, tố cáo xã hội phong kiến ...</p> <p>* Đánh giá lại vấn đề và suy nghĩ của bản thân</p> <p>* Có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 26:**PHẦN I: Đọc hiểu (4,0 điểm)****THẦY**

*Con gió vô tình thổi mạnh sáng nay
 Con bỗng thấy tóc thầy bạc trắng
 Cứ tự nhủ rằng đó là bụi phấn
 Mà sao lòng xao xuyến mãi không thôi*

*Bao năm rồi? Đã bao năm rồi hử? Thầy ơi...
 Lớp học trò ra đi, còn thầy ở lại
 Mái chèo đó là những viên phấn trắng
 Và thầy là người đưa đò cần mẫn
 Cho chúng con định hướng tương lai*

*Thời gian ơi xin dừng lại đây thôi
 Cho chúng con khoanh tay cúi đầu lần nữa
 Gọi tiếng thầy với tất cả tin yêu...*

(Ngân Hoàng)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên**Câu 2:** Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Mái chèo đó là những viên phấn trắng
 Và thầy là người đưa đò cần mẫn*

Câu 3: Nêu nội dung chính của bài thơ**Câu 4:** Từ nội dung bài thơ, hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của thầy cô đối với cuộc đời mỗi con người**PHẦN II: Làm văn (16,0 điểm)****Câu 1(6,0 điểm)** **Sự tích hoa cúc**

Ngày xưa, có một em bé gái đi tìm thuốc chữa bệnh cho mẹ. Em được Phật trao cho một bông cúc. Sau khi dạy em cách làm thuốc cho mẹ, Phật nói thêm: “Hoa cúc có bao nhiêu cánh, người mẹ sẽ sống thêm bấy nhiêu năm”. Vì muốn mẹ sống thật lâu, cô bé dừng lại bên đường, tước cánh hoa thành nhiều cánh nhỏ. Từ đó, hoa cúc có rất nhiều cánh...

(Theo Người mẹ và phái đẹp, NXB Văn hóa, Hà nội, 1990)

Từ ý nghĩa của câu chuyện, hãy viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em.

Câu 2(10,0 điểm)

*Có ý kiến cho rằng: “Bài thơ **Tiếng gà trưa** của nhà thơ Xuân Quỳnh đã viết về những điều bình dị, gần gũi, thân thương: kỷ niệm tuổi thơ và tình bà cháu. Chính tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc, phong phú thêm tình yêu quê hương đất nước”*

Bằng hiểu biết của em về bài thơ, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	
	1.	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	1,0
	2.	+ Chỉ ra biện pháp tu từ: So sánh + Tác dụng: diễn tả công lao và những hy sinh thầm lặng của người thầy	0,5 0,5
	3.	Nội dung chính của bài thơ: Sự thấu hiểu, tình cảm yêu thương, trân trọng và lòng biết ơn sâu sắc của người học trò đối với thầy. Càng trưởng thành, người học trò càng thấm thía hơn tấm lòng bao dung, yêu thương và công lao của thầy cô.	1,0
	4	Hs cần nêu được vai trò của thầy cô đối với cuộc đời mỗi con người: + Truyền dạy cho học trò kiến thức, kỹ năng. Dạy cho học trò biết cách học để khám phá kho tàng tri thức của nhân loại. + Thầy cô dạy cho biết bao điều hay, lẽ phải, dịu dàng, nâng đỡ học trò lớn lên, hoàn thiện về nhân cách. Dạy học trò biết yêu thương người, yêu quê hương đất nước, biết sống nhân ái, đoàn kết...Thầy cô còn là những người thắp sáng niềm tin và ước mơ cho học trò để các em biết sống có hoài bão, có lý tưởng....	1,0
II		LÀM VĂN	
	1(6,0 điểm)	<p>Yêu cầu chung: <i>Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lý lẽ và căn cứ xác đáng, được tự do bày tỏ quan điểm riêng của mình nhưng phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.</i></p> <p>Yêu cầu cụ thể: 1. Ý nghĩa của câu chuyện: -Vì yêu thương mẹ, em bé đi tìm thuốc chữa bệnh cho</p>	

	<p>mẹ và muốn mẹ sống lâu nên em đã tước cánh hoa thành nhiều cánh nhỏ</p> <p>- Chuyên ca ngợi lòng hiếu thảo của em bé. Từ đó, khẳng định tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.</p> <p>2. Bàn luận:</p> <p>- Trong cuộc sống có rất nhiều tình cảm thiêng liêng, đáng trân trọng nhưng có lẽ cao cả nhất là tình mẫu tử.</p> <p>- Hành động của em bé trong câu chuyện thật là cao quý, đáng ngợi ca và học tập.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>- Từ câu chuyện bồi đắp thêm cho chúng ta tình cảm gia đình, tình mẫu tử. Mỗi người cần nhận thức được trách nhiệm và có những hành động việc làm chuẩn mực, phù hợp với đạo lý con người.</p> <p>- Tình mẫu tử là tình cảm bất diệt. Vì thế, mỗi người con phải có những hành động thể hiện sự hiếu thuận, đừng bao giờ làm đau lòng cha mẹ từ những việc làm nhỏ nhất, đó cũng là cách trả ơn công sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.</p>	<p>1,0</p> <p>3,0</p> <p>2,0</p>
<p>2</p> <p>a)</p> <p>(10,0 điểm)</p>	<p>a) Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận văn học (nghị luận chứng minh)</p> <p>b) Xác định đúng vấn đề nghị luận</p> <p>c) Triển khai vấn đề nghị luận theo các luận điểm, có sự liên kết chặt chẽ.</p> <p>d) Bài viết có cảm xúc...</p> <p>e) Học sinh có nhiều cách trình bày khác nhau, nhưng cần có các ý sau:</p> <p>f) * Bài thơ Tiếng gà trưa viết về những điều bình dị, gần gũi, thiêng liêng: kỷ niệm tuổi thơ và tình bà cháu.</p> <p>g) Trên đường hành quân, người chiến sỹ chợt nghe thấy tiếng gà nhảy ổ, tiếng gà đã gọi về những kỷ niệm êm đềm, đẹp đẽ:</p> <p>h) + Hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như trong tranh(<i>dẫn chứng</i>)</p> <p>i) + Kỷ niệm về tuổi thơ khờ dại: tò mò xem trộm gà đẻ, bị bà mắng:</p> <p>j) “...Gà đẻ mà mày nhìn</p> <p>k) Rồi sau này lang mặt...”</p> <p>l) + Hình ảnh người bà lòng đầy yêu thương, chất chiu, dành dụm chăm lo cho cháu:</p> <p>“...Tay bà khum soi trứng</p> <p>Dành từng quả chắt chiu...</p> <p>+ Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ: có bộ quần áo mới từ tiền bán gà – mơ ước ấy đi cả vào giấc ngủ...</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>3,0</p> <p>1,0</p>

2
(10,0
điểm)

	<p>* Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc, phong phú thêm tình yêu quê hương, đất nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ và hình ảnh của người bà đã cùng người chiến sỹ vào cuộc chiến đấu. - Tình cảm than thương, nồng hậu và ấm áp ấy là điểm tựa, tiếp thêm sức mạnh, nâng đỡ bước chân người chiến sỹ trên chặng đường đầy gian nan của cuộc kháng chiến... - Tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu Tổ quốc của người chiến sỹ bắt nguồn từ tình cảm đối với bà, từ những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ: <p style="text-align: center;">“Cháu chiến đấu hôm nay Vì lòng yêu Tổ quốc ...Bà ơi, cũng vì bà...”</p> <p>* Liên hệ: Hs liên hệ bản thân: Vai trò của tình cảm gia đình và kỷ niệm tuổi thơ đối với cuộc đời mỗi con người</p>	
	<p>- Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc vấn đề nghị luận</p>	0,5
	<p>- Chính tả, dung từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt...</p>	0,5

ĐỀ SỐ 27:

Phần 1: Đọc -hiểu (3 điểm) Cho câu thơ sau:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

1. Hãy chép tiếp các câu thơ còn lại để hoàn thiện bài thơ.
2. Bài thơ em vừa chép là bài thơ nào? Của ai?
3. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ đầu của bài thơ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Phần 2: Làm văn: (7 điểm):

Câu 1 (2 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn về tình cảm của mình đối với quê hương hay một vùng mà mình từng gắn bó.

Câu 2: (5 điểm)

Cảm nghĩ về thầy, cô giáo, những”người lái đò” đưa thế hệ trẻ”cập bến” tương lai.

.....HẾT.....

uigeli.xyz
HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần I: Đọc- hiểu

Câu	Nội dung	Điểm
1	HS chép hoàn thiện bài thơ: <i>Tiếng suối trong như tiếng hát xa, Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ, Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.</i>	0.5
2	- Bài thơ <i>Cảnh khuya</i> của Hồ Chí Minh.	0.5
3	- Biện pháp tu từ: + So sánh: <i>tiếng suối trong- tiếng hát xa</i> + Điệp ngữ <i>lồng</i> .	0,25 0,25
	- Tác dụng của biện pháp tu từ: + làm cho câu thơ giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu. + NT so sánh: gợi không gian tĩnh lặng, thanh bình, tiếng suối trong trẻo, du dương, gợi cảm giác xa mà gần gũi.	0,25 0,5
	+ Điệp từ <i>lồng</i> : sự đan cài, giao hòa, hòa quyện của thiên nhiên. Bóng trăng, bóng cây, bóng lá và bóng hoa in lồng tạo thành một bức tranh đẹp.	0,5
	+ Cảnh vật vận động đầy sức sống, thiên nhiên trong trẻo, tươi sáng, có hình khối đường nét. Qua đó ta cảm nhận được tình yêu thiên nhiên của HCM.	0,25

Phần 2: Làm văn (7 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (2,0 điểm)	1. Yêu cầu về kĩ năng và hình thức: - Yêu cầu viết đúng hình thức đoạn văn: Viết lùi vào 1 khoảng, viết hoa đầu dòng và kết thúc là dấu chấm. - Lập luận rõ ràng, chặt chẽ, thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, chữ viết đẹp, dùng từ, đặt câu đúng. - Văn viết sáng tạo, diễn đạt lưu loát, mạch lạc	0,5
	2. Yêu cầu về nội dung: - Em đã gắn bó với mảnh đất đó như thế nào? - Đã có những kỉ niệm gì? - Tình yêu, nỗi nhớ của em với mảnh đất đó. VD: Mỗi lần nhớ về kí ức tuổi thơ là biết bao kỉ niệm buồn vui gắn bó với quê hương trong em lại hiện lên. Nơi đó có ngôi nhà nhỏ của em với cánh đồng lúa rộng, bằng phẳng luôn thơm ngát hương lúa – hương vị của đồng quê. Xa xa, là những rặng núi cao nhấp nhô được phủ lên màu xanh của núi rừng. Khi dịp nghỉ hè đến, em cùng các anh chị thường ra thả diều bên bờ sông. Dòng sông bên lở bên bồi, đã gắn bó ngàn đời với quê hương em, mang	0,75 0,5 0,25

	<p>dòng nước ngọt lành làm tươi mát những ruộng lúa, nương dâu. Khác với thành phố là những tuyến đường tấp nập người qua lại, quê em là những con đường làng vắng vẻ, thấp thoáng mái nhà ngói đỏ xen với những khu vườn tươi xanh, ngập tràn bóng mát. Giờ đây, khi đã đi xa quê hương, em luôn háo hức được trở về nơi chôn rau cắt rốn, nơi đã nuôi dưỡng em khôn lớn trưởng thành.</p> <p><i>* Nếu phần trình bày không đảm bảo hình thức đoạn văn trừ 0,5 điểm</i></p>	
Câu 2 (5 điểm)	a. Đảm bảo đúng cấu trúc của 1 bài văn biểu cảm: có đầy đủ 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.	0,25
	b. Xác định rõ đối tượng để biểu cảm: Thầy, cô giáo.	0,25
	<p>c. Giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p> <p>* Giới thiệu” thầy cô giáo những người lái đò đưa thế hệ trẻ cập bến tương lai”</p> <p>* Cảm nghĩ về thầy cô giáo những người lái đò đưa thế hệ trẻ cập bến tương lai</p> <p>- Cảm nghĩ về nhiệm vụ của những thầy cô- những người lái đò:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Người nuôi dạy trau dồi kiến thức cho thế hệ trẻ + Là người ươm mầm ước mơ cho mỗi học sinh + Là người truyền đạt kiến thức cho học sinh + Là người lựa chọn những con đường đúng đắn cho các em <p>- Hình ảnh thầy cô - những người lái đò trong nhà trường</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thầy cô ăn mặc rất chuẩn mực, phù hợp với môi trường giáo dục + Thầy cô cư xử đúng mực, thân thiện và đôi khi lại nghiêm khắc + Thầy cô luôn lo lắng và quan tâm học sinh + Thầy cô luôn truyền dạy hết sức mình cho học sinh <p>- Tình cảm đối với thầy cô- người lái đò:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thầy cô như cha mẹ thứ hai của em + Thầy cô luôn yêu thương và giúp đỡ chúng em + Chúng em sẽ cố gắng học tập thật tốt để không phụ lòng thầy cô <p>* Tình cảm của em về thầy cô giáo những người lái đò đưa thế hệ trẻ cập bến tương lai</p>	4,0
	d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25

ĐỀ SỐ 28:**Câu 1. (2,0 điểm)**

Trong bài thơ *Tiếng hát mùa gặt*, khi tả cảnh bà con nông dân tuốt lúa trong đêm trăng sáng, nhà thơ Nguyễn Duy có viết:

Mảnh sân trăng lúa chất đầy

Vàng tuôn trong máy tiếng quay xập xình

Theo em, ở dòng thơ thứ nhất, trong hai cách ngắt nhịp dưới đây, em chọn cách ngắt nhịp nào? Vì sao?

– *Mảnh sân/ trăng lúa chất đầy.*

– *Mảnh sân trăng/ lúa chất đầy.*

Câu 2. (4,0 điểm)

Cho hai câu thơ sau:

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(Hồ Xuân Hương, *Bánh trôi nước*)

Hãy chỉ ra và phân tích ý nghĩa của quan hệ từ trong hai câu thơ trên.

Câu 3. (4,0 điểm)

Trong văn bản *Cổng trường mở ra* của Lý Lan, người mẹ nói: “Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”. Theo em, “thế giới kì diệu” đó sẽ là những gì? Hãy viết một đoạn văn nói lên suy nghĩ của mình về “thế giới kì diệu” đó.

Câu 4. (10,0 điểm)

Các bài thơ trữ tình trung đại Việt Nam có nội dung rất phong phú nhưng vẫn tập trung vào hai chủ đề lớn là tinh thần yêu nước và tình cảm nhân đạo.

Qua các bài thơ *Sông núi nước Nam*, *Phò giá về kinh* (SGK Ngữ văn 7, tập một, NXB giáo dục), em hãy làm sáng tỏ nội dung tinh thần yêu nước của thơ trữ tình trung đại Việt Nam.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Điểm
1 (2 điểm)	Học sinh có thể khẳng định lựa chọn cách ngắt nhịp sau đó giải thích lý do lựa chọn hoặc có thể giải thích lý do sau đó khẳng định lựa chọn cách ngắt nhịp: – Nêu khái quát về cách ngắt nhịp: Mỗi cách ngắt nhịp có sức gợi tả, gợi cảm riêng. – Giải thích lý do và khẳng định lựa chọn cách ngắt nhịp: + Theo cách ngắt nhịp thứ nhất (<i>Mảnh sân/ trăng lúa chất đầy</i>), câu thơ được hiểu: Trên sân, cả lúa, cả trăng đều chất đầy, đều tràn ngập. Cảnh tượng này vừa gợi sự no đủ, vừa gợi cảm giác thơ mộng. + Cách ngắt nhịp thứ hai (<i>Mảnh sân trăng/ lúa chất đầy</i>) thì gợi được ở người đọc về một mảnh sân tràn ngập ánh trăng, lung linh huyền ảo, trên đó chất đầy lúa. + Tuy nhiên cách ngắt nhịp thứ hai có phần khiên cưỡng, thiếu tự nhiên. Do đó, cách ngắt nhịp thứ nhất được coi là hợp lý hơn. (Nếu học sinh lựa chọn cách ngắt nhịp thứ hai mà lý giải hợp lý cũng	1.0 1.0

	vẫn được chấp nhận)	
2 (4 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> * Quan hệ từ có trong hai câu thơ: <i>Mặc dầu, mà</i>. * Phân tích được ý nghĩa của việc sử dụng quan hệ từ: <ul style="list-style-type: none"> – Việc sử dụng các quan hệ từ <i>mặc dầu, mà</i> chỉ sự đối lập giữa bề ngoài của chiếc bánh trôi nước với cái nhân của nó. Chiếc bánh trôi nước có thể rắn hay nát, khô hay nhão là do tay người nặn nhưng dù thể rắn hay nát, khô hay nhão thì bên trong cũng có nhân màu hồng son, ngọt lịm. – Đó cũng là sự đối lập giữa hoàn cảnh xã hội với việc giữ gìn tấm lòng son sắt của người phụ nữ. – Việc sử dụng cặp quan hệ từ trên tạo nên cách nói đồng dạng và dứt khoát thể hiện rõ thái độ quyết tâm bảo vệ giữ gìn nhân phẩm của người phụ nữ trong bất cứ hoàn cảnh nào. – Việc dùng cặp quan hệ từ trên cũng đã thể hiện thái độ đề cao, bênh vực người phụ nữ của Hồ Xuân Hương. 	1.5 1.0 1.0 0.5
3 (4.0 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> * Về hình thức: Học sinh diễn đạt một đoạn văn. * Về nội dung: Học sinh viết đoạn văn đảm bảo các ý sau: <ul style="list-style-type: none"> – Thế giới sau cánh cổng trường là cả một khung trời mơ ước của tuổi trẻ. – Ngày mai, con sẽ bước qua cánh cổng trường, bước vào một thế giới khác, thế giới mà ở đó có biết bao điều mới mẻ đang chờ đợi con khám phá và chinh phục: <ul style="list-style-type: none"> + Thế giới của tri thức, của vốn sống, của môi trường nhân cách,... + Thế giới của những buồn vui, ngây thơ và những kỉ niệm tình nghịch tuổi học trò, có những cảm xúc xao xuyến tuổi mới lớn, có niềm vui khi được điểm cao, và cả những giọt nước mắt khi không thuộc bài, bị phạt đứng xó lớp,... + Có tình cảm gắn bó với thầy cô, bạn bè,... – Bước qua cánh cổng trường là con sẽ bước vào và đi trên một hành trình khác, nhiều điều thú vị và bí ẩn đang đón chờ. Điều đó có nghĩa là con đang đi đến con đường của những khát khao và ước mơ. Bước qua cánh cổng trường là con đang bước đến một tương lai tươi sáng. Đó là một thế giới kì diệu mở ra trước mắt con. 	1.0 3.0 1.0 1.0 1.0
4 (10 điểm)	<p>1. Yêu cầu chung: Học sinh thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đúng kiểu văn nghị luận chứng minh (làm sáng tỏ một nhận định qua bài văn nghị luận văn học). - Biết vận dụng kiến thức đã học về tập làm văn và văn học để làm bài, trong đó kết hợp giải thích, phát biểu cảm nghĩ, suy nghĩ mở rộng bằng một số bài thơ trữ tình trung đại Việt Nam khác. - Khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có cảm xúc, giàu chất văn. <p>2. Yêu cầu cụ thể:</p>	1.0 1.0 1.0

	<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu khái quát thơ trữ tình trung đại Việt Nam rất phong phú nhưng tập trung vào hai chủ đề lớn là tinh thần yêu nước và tình cảm nhân đạo. – Giới thiệu khái quát các bài thơ <i>Sông núi nước Nam</i>, <i>Phò giá về kinh</i> đã thể hiện rõ tinh thần yêu nước của dân tộc. <p>b. Thân bài:</p> <p>Học sinh có thể làm theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nêu được các ý cơ bản sau:</p>	5.0
	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích nội dung yêu nước được thể hiện qua thơ trữ tình trung đại Việt Nam: + Là nội dung lớn của văn học nói chung, của thơ trữ tình trung đại Việt Nam nói riêng. Nội dung yêu nước được thể hiện qua thơ trung đại rất phong phú. + Nội dung yêu nước thể hiện ở sự khẳng định chủ quyền về lãnh thổ, nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước; thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc; đồng thời cũng thể hiện sự hòa hợp với cảnh sắc thiên nhiên nên thơ, bình dị, sự gắn bó máu thịt với quê hương thôn dã. – Bài thơ <i>Sông núi nước Nam</i>: + Là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta, khẳng định nước Nam là của người Nam, đó là điều đã được “sách trời” định sẵn: <i>Sông núi nước Nam vua Nam ở</i> <i>Vằng vặc sách trời chia xứ sở</i> + Bài thơ nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền của đất nước, kẻ thù không được xâm phạm, nếu xâm phạm thì sẽ chuốc lấy thất bại thảm hại: <i>Giặc giữ có sao phạm đến đây</i> <i>Chúng mày nhất định phải tan vỡ.</i> => Liên hệ: Qua bài thơ HS liên hệ đến ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền về lãnh thổ, lòng tự hào và tự tôn dân tộc. – Bài thơ <i>Phò giá về kinh</i>: + Thể hiện hào khí chiến thắng của dân tộc ta trong cuộc chống quân MôngNguyên xâm lược: <i>Chương Dương cướp giáo giặc, Hàm Tử bắt quân thù.</i> + Thể hiện khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc ta thời đại nhà Trần và niềm tin sắt đá vào sự bền vững muôn đời của đất nước: <i>Thái bình nên gắng sức, Non nước ấy ngàn thu.</i> => Liên hệ: Qua bài thơ HS liên hệ đến niềm tin vào chiến thắng, ý thức xây dựng, bảo vệ và lòng yêu quê hương đất nước. <p>c. Kết bài:</p> <p>Khẳng định lại nội dung tinh thần yêu nước của thơ trữ tình trung đại Việt Nam nói chung và hai bài thơ nói riêng.</p>	<p>1.0</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>1.0</p>

ĐỀ SỐ 29:**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:

ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi bộ quần áo vừa bản, vừa cũ lại vừa rộng nữa. Cô bé buồn tủi ngồi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao? Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

- Cháu hát hay quá, một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền chậm rãi bước đi.

Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước. Khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Ông vỗ tay lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!” Nói xong cụ già lại một mình chậm rãi bước đi. Như vậy, nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không. Cô hỏi mọi người trong công viên về ông cụ:

- Ông cụ bị điếc ấy ư? Ông ấy đã qua đời rồi, một người trong công viên nói với cô.

Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.

Câu 1 (1,0 điểm). Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2 (1,0 điểm). Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 3 (2,0 điểm). Tình huống bất ngờ trong câu chuyện là sự việc nào?

Câu 4 (2,0 điểm). Ý nghĩa mà câu chuyện gửi tới chúng ta là gì?

II. LÀM VĂN (14,0 điểm)**Câu 1. (4,0 điểm)**

Từ nội dung phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lời khen trong cuộc sống.

Câu 2 (10,0 điểm) Cảm nhận của em về bài thơ “*Qua Đèo Ngang*” của Bà Huyện Thanh Quan.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự:	1,0
	2	Ngôi kể: Thứ ba. Tác dụng: làm cho câu chuyện khách quan, hay hơn	1,0
	3	Tình huống bất ngờ trong câu chuyện: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc	2,0
	4	Ý nghĩa câu chuyện gửi tới người đọc: - Trước khó khăn, thử thách, con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh. - Truyện còn đề cao sức mạnh của tình yêu thương con người.	2,0
II		LÀM VĂN	
	1	Viết đoạn văn	4.0
		<i>a. Đảm bảo thể thức một đoạn văn</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i>	0,25
		<i>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn</i>	0,25
		- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: vai trò của lời khen trong cuộc sống.	0,5
		a. Giải thích	0,25
		- Lời khen: là lời ghi nhận, động viên, khích lệ tinh thần của người khác khi họ làm được điều gì đó tốt đẹp.	0,25
		b. Phân tích vai trò của lời khen trong cuộc sống	
		- Lời khen có tác dụng tiếp thêm sự tự tin, tự hào cho người khác, để họ biết họ đang đi đúng hướng và nên duy trì, tiếp tục.	0,25
		- Tăng sự hưng phấn, tiếp thêm động lực để người khác tiếp tục cố gắng và gặt hái nhiều thành công hơn nữa.	0,25
		- Lời khen chứng tỏ việc làm của họ được quan tâm, được theo dõi. Họ sẽ cảm thấy hạnh phúc, thấy mình không đơn độc và muốn cố gắng nhiều hơn.	0,25
		- Nếu sự nỗ lực và thành quả không được ghi nhận và ghi nhận kịp thời, có thể làm người ta buồn tủi, nản chí, cảm thấy sự cố gắng của mình không có giá trị hoặc trở nên tự ti và dễ buông xuôi.	0,25
		(Học sinh lấy ví dụ cụ thể.)	
		-> Khuyến khích những lời động viên, khen ngợi kịp thời, đúng lúc, đúng người, đúng sự việc.	0,25
		c. Bàn luận	0,25

	<ul style="list-style-type: none"> - Lời khen không được giả tạo, nếu không sẽ gây ra chứng "ảo tưởng" cho người được khen. Điều đó, khiến họ không tiến bộ được, thậm chí còn chủ quan, tự mãn dễ vấp ngã, thất bại. - Lời khen không chỉ dành cho người thành công mà còn cần cho những người dù chưa thành công nhưng đã có sự cố gắng và tiến bộ hơn chính họ của ngày hôm qua. - Bên cạnh lời khen, cuộc sống vẫn rất cần những lời góp ý chân thành, mang tính chất xây dựng để giúp mỗi người khắc phục điểm yếu, hoàn thiện mình hơn. 	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> - Lời khen không chỉ dành cho người thành công mà còn cần cho những người dù chưa thành công nhưng đã có sự cố gắng và tiến bộ hơn chính họ của ngày hôm qua. - Bên cạnh lời khen, cuộc sống vẫn rất cần những lời góp ý chân thành, mang tính chất xây dựng để giúp mỗi người khắc phục điểm yếu, hoàn thiện mình hơn. 	0,25
	d. Bài học	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài học: Đừng tiết kiệm lời khen nhưng cũng đừng lạm dụng và nói những lời khen sáo rỗng; người nghe cần biết phân biệt đâu là lời khen thật, đâu là những lời sáo rỗng. - Liên hệ bản thân. 	
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp</i>	0.25
2	Viết bài nghị luận văn học	10
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0.25
	<i>c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm;</i>	0,25
	I. Mở bài	
	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.	0,5
	II. Thân bài.	0,5
	1. Khái quát về bài thơ	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ được sáng tác khi Bà Huyện Thanh Quan trên đường vào nhận chức, khi đi qua Đèo Ngang, trước cảnh đẹp nên thơ, tức cảnh sinh tình, bà đã sáng tác bài thơ này. 	0,5
	Đây là bài thơ “tả cảnh ngụ tình” rất đặc sắc thể hiện phong cách thơ hết sức điêu luyện, trang nhã của Bà Huyện Thanh Quan, tác giả mượn cảnh vật để kín đáo kí thác những nỗi niềm tâm sự của mình: Nỗi buồn cô đơn trước thực tại, nhớ về dĩ vãng để trang trải nỗi lòng.	0,5
	2. Cảm nhận về bài thơ	1,0
	a. Cảm nhận về nội dung bài thơ	
	+ Hai câu đề:	0,5
	<ul style="list-style-type: none"> - Một không gian, thời gian gợi buồn, đó là “Đèo Ngang” với “bóng xế tà”: Không gian mênh mông, thời gian chiều tà gợi trong lòng người lữ khách một nỗi <i>buồn man mác</i> 	0,75
	<ul style="list-style-type: none"> - Nét chung về phong cảnh: nhà thơ gợi một nét về thiên nhiên hoang dã nơi Đèo Ngang (Cỏ, đá, cây, hoa), phân tích cái hay của điệp từ “chen” → Thiên nhiên rậm rạp, đua nhau trong một không gian sinh tồn. Chỉ có ba sự vật nhưng ta có cảm giác rất 	1,0

	<p>nhieu.</p> <p>→ Miêu tả cận cảnh Đèo Ngang với một vài nét chấm phá: từ không gian, thời gian, thiên nhiên đều gợi nét buồn</p> <p>+ Bốn câu thực luận: Tả cụ thể hơn cảnh Đèo Ngang</p> <p>- Phép đảo ngữ, đối rất cân xứng đã khắc hoạ được sự ít ỏi, nhỏ nhoi của cảnh vật nơi đây, chú ý tập trung vào các từ láy gợi hình: lom khom, lác đác. Có sự xuất hiện của con người nhưng không làm bức tranh vui lên mà gợi trong lòng người lữ khách một nỗi <i>buồn trĩu nặng</i>.</p> <p>- Những âm thanh hoang dã nơi Đèo Ngang qua phép đảo ngữ, đối, chơi chữ rất khéo léo, trang nhã của tác giả đã gợi nỗi niềm tâm sự kín đáo, <i>da diết</i> của tác giả: nhớ nước, thương nhà → niềm hoài cổ (học sinh phải liên hệ tới hoàn cảnh sáng tác để rõ hơn ý này).</p> <p>→ Bốn câu thơ đầu tác giả thiên về tả cảnh bằng vài nét phác hoạ, chấm phá mà khá đậm nét, người đọc nhận ra tình cảm của thi nhân trong từng đường nét của cảnh vật (vì mục đích ngụ tình nên tác giả <i>chỉ lựa chọn vài nét hoang vắng, thưa thớt, nhỏ bé</i> của Đèo Ngang), từ câu luận, cảnh thực đã chìm xuống, nhường chỗ cho tâm cảnh. Đi liền với điều đó là sự liên mạch của cảm xúc: <i>từ buồn man mác → Trĩu nặng → Da diết, khắc khoải</i>. Tác giả đã chuẩn bị ý tình để hạ hai câu kết:</p> <p>+ Hai câu kết: thâu tóm cảnh và tình mà thực chất là tình của bài thơ</p> <p>- Thủ pháp đối lập: không gian rộng lớn >< con người nhỏ bé → nỗi cô đơn gần như tuyệt đối của tác giả: cách dùng từ đặc sắc “mảnh tình” → nỗi buồn như kết đọng thành hình khối trong tiếng thở dài “ta với ta” → Cảm giác cô đơn đến tuyệt đối, một mình đối diện với chính mình.</p> <p>b. Cảm nhận về nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ:</p> <p>- Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.</p> <p>- Sử dụng nghệ thuật đối rất chỉnh.</p> <p>- Hình ảnh thơ tự nhiên, gần gũi.</p> <p>- Sử dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc: đảo ngữ, điệp ngữ, liệt kê...</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p>
	<p>III. Kết bài:</p> <p>- Đánh giá khái quát lại vấn đề.</p> <p>- Bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của bản thân về vấn đề vừa làm sáng tỏ.</p>	<p>0,5</p>
	<p>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</p>	<p>0.25</p>
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ</p>	<p>0.25</p>

ĐỀ SỐ 30:**I/ ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)** Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới.

Ngày xưa, ở một gia đình kia, có hai anh em. Lúc nhỏ anh em rất hòa thuận. Khi lớn lên, anh có vợ, em có chồng, tuy mỗi người một nhà nhưng vẫn hay va chạm.

Thấy các con không yêu thương nhau, người cha rất buồn phiền. Một hôm, ông đặt một bó đu đủ và một túi tiền trên bàn, rồi gọi các con, cả trai, cả gái, dâu, rể lại và bảo:

- Ai bẻ gãy được bó đu đủ này thì cha thưởng túi tiền.

- Bốn người con lần lượt bẻ bó đu đủ. Ai cũng cố hết sức mà không sao bẻ gãy được. Người cha bèn cởi bó đu đủ ra, rồi thông thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng. Thấy vậy, bốn người con cùng nói:

-Thưa cha, lấy từng chiếc mà bẻ thì có khó gì!

- Người cha liền bảo:

- Đúng. Như thế là các con đều thấy rằng chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Vậy các con phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Có đoàn kết thì mới có sức mạnh.

(Theo Truyện cổ tích Việt Nam)

Câu 1 (1,0 điểm). Truyện được kể ở ngôi nào? Nêu tác dụng của ngôi kể đó?

Câu 2 (1,0 điểm). Phân tích cấu tạo của câu văn:

Thấy các con không yêu thương nhau, người cha rất buồn phiền.

Câu 3 (1,0 điểm). Người cha muốn các con nhận ra được những điều gì từ cách các con ông và ông bẻ bó đu đủ?

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu nhận xét của em về người cha trong câu chuyện trên?

II / LÀM VĂN (16,0 ĐIỂM)

Câu 1 (4,0 điểm). Bằng một đoạn văn khoảng 10 đến 12 câu, trình bày suy nghĩ của em về vai trò của tinh thần đoàn kết trong cuộc sống.

Câu 2. (12,0 điểm) Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ "Tiếng gà trưa" của Xuân Quỳnh.

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
-----	-----------------	------

- Có thể có nhiều cách trình bày những bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản trong Hướng dẫn chấm.
- Những bài làm có hướng đi khác nhưng phù hợp, thuyết phục vẫn chấp nhận.

Trang 177

ĐỀ SỐ 31:

Câu 1 (4 điểm): Dựa vào tư liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:



(1)

(2)

HAI BIỂN HỒ

Người ta bảo ở bên Palestín có hai biển hồ... Biển hồ thứ nhất gọi là biển Chết. Đúng như tên gọi, không có sự sống nào bên trong cũng như xung quanh biển hồ này. Nước trong hồ không có một loại cá nào có thể sống nổi mà người uống cũng bị bệnh. Không một ai muốn sống ở gần đó. Biển hồ thứ hai là Galilê. Đây là biển hồ thu hút khách du lịch nhiều nhất. Nước ở biển hồ lúc nào cũng trong xanh mát rượi, con người có thể uống được mà cá cũng có thể sống được. Nhà cửa được xây cất rất nhiều ở nơi đây. Vườn cây ở đây tốt tươi nhờ nguồn nước này.

Nhưng điều kỳ lạ là cả hai biển hồ này đều được đón nhận nguồn nước từ sông Jordan. Nước sông Jordan chảy vào biển Chết. Biển Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ, nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát. Biển hồ Galilê cũng đón nhận nguồn nước từ sông Jordan rồi từ đó mà tràn qua các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong biển hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muôn thú và con người.

Một định lý trong cuộc sống mà ai cũng đồng tình: Một ánh lửa chia sẻ là một ánh lửa lan tỏa. Một đồng tiền kinh doanh là một đồng tiền sinh lợi. Đôi môi có hé mở mới thu nhận được nụ cười. Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới ngập tràn vui sướng.

Thật bất hạnh cho ai cả cuộc đời chỉ biết giữ cho riêng mình. "Sự sống" trong họ rồi cũng chết dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết!

(Theo *Quà tặng cuộc sống* – Ngữ văn 7, tập 2, NXBGD 2016, tr10-11)

- Xác định biển Chết và biển hồ Galilê trong hai bức ảnh trên. Dựa vào đâu mà em xác định được như vậy?
- Câu cuối của văn bản sử dụng biện pháp tu từ gì? Tác dụng của biện pháp tu từ đó?

c. Em có đồng tình với quan niệm *Bàn tay có rộng mở trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui sướng* không? Vì sao?

Câu 2 (6 điểm): Câu chuyện *Hai biển hồ* gợi cho em suy nghĩ về vấn đề gì trong cuộc sống? Hãy trình bày suy nghĩ ấy bằng một đoạn văn khoảng ½ trang giấy thi.

Câu 3 (10 điểm): Có ý kiến cho rằng: *”Ca dao là tiếng nói trái tim của người lao động. Nó thể hiện sâu sắc những tình cảm tốt đẹp của nhân dân ta, nhất là tình cảm gia đình”*.

Dựa vào những bài ca dao đã học và đọc thêm, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (4 điểm)	a. - Ảnh 1: Biển Chết; Ảnh 2: Biển hồ Galilê - Cơ sở xác định: Dựa vào nội dung 2 bức ảnh: + Biển Chết chỉ có sự hoang vắng, chết chóc. + Biển hồ Galilê tràn đầy sự sống, trù phú.	0,5 0,5
	b. - BP tu từ so sánh: <i>”sự sống” trong họ rồi cũng sẽ chết dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết.</i> - Tác dụng: Nhấn mạnh sự hủy hoại vô cùng to lớn đối với cuộc sống của những người mà <i>”cả cuộc đời chỉ biết giữ cho riêng mình”</i> , chỉ có lòng ích kỉ, không biết chia sẻ.	0,5 0,5
	c. - HS khẳng định quan điểm đó là đúng. - HS lí giải được: Trong cuộc sống hàng ngày, con người có những mối quan hệ, những giao tiếp, những sinh hoạt luôn <i>”cho”</i> và <i>”nhận”</i> . Nếu biết cho đi, biết chia sẻ với người khác thì cuộc đời của chúng ta sẽ tốt đẹp, ý nghĩa, hạnh phúc hơn nhiều lần bởi hạnh phúc không phải chỉ nhận lấy mà còn là biết cho đi.	0,5 0,5
Câu 2 (6 điểm)	* Hình thức: - Trình bày suy nghĩ thành 1 đoạn văn NLXH ngắn khoảng 10 câu. - Biết vận dụng KT về đời sống xã hội để làm rõ ý nghĩa của câu chuyện. - Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi diễn đạt dùng từ đặt câu.	0,5
	* Nội dung: Học sinh có thể trình bày theo cách hiểu của mình tuy nhiên cần đáp ứng được các ý chính sau đây.	5,5
	- Vấn đề đặt ra trong văn bản:	1,5

	<p>+ Biển hồ Ga-li-ê là hiện thân cho những người biết sẻ chia, giàu lòng nhân hậu, luôn sống vì người khác, luôn mở rộng vòng tay cho và nhận.</p> <p>+ Biển Chết là tượng trưng cho loại người ích kỉ, thiếu lòng vị tha, chỉ biết sống cho riêng mình, thờ ơ, không quan tâm đến người khác.</p> <p>=> Mượn hai hình ảnh đó, tác giả đã đưa ra một quan niệm nhân sinh vô cùng đúng đắn đó là: Trong cuộc sống, con người cần phải có sự chia sẻ, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Nếu ích kỉ, chỉ biết nghĩ cho bản thân mình thì "sự sống" sẽ không có ý nghĩa gì nữa.</p> <p>- Suy nghĩ về vấn đề đặt ra từ câu chuyện:</p> <p>+ Sự sẻ chia, lòng nhân ái là những truyền thống vô cùng tốt đẹp của dân tộc ta.</p> <p>+ Sự sẻ chia giống như một ánh lửa, sẽ lan tỏa hơi ấm yêu thương, niềm vui, niềm hạnh phúc tới mọi người. Cho nên nếu biết "cho" mọi người những điều tốt đẹp thì chúng ta cũng sẽ "nhận" được những điều tốt đẹp. (dẫn chứng thực tế)</p> <p>+ Tuy nhiên trong cuộc sống không phải ai cũng có tấm lòng biết chia sẻ, vẫn còn đâu đó những người ích kỉ, thờ ơ, quay lưng với cuộc sống, họ chỉ biết giữ sự sống cho riêng mình như nước trong biển hồ Chết mà không hề biết rằng chính lòng ích kỉ ấy lại là nguyên nhân khiến cuộc đời của họ trở nên vô nghĩa. (dẫn chứng thực tế)</p> <p>- Liên hệ, xác định thái độ sống đúng đắn cho bản thân:</p> <p>+ Cách ứng xử và thái độ đối với những người xung quanh.</p> <p>+ Cách ứng xử cho và nhận với cuộc đời.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>2,0</p> <p>2,0</p>
Câu 3 (10 điểm)	* Hình thức: Đảm bảo bố cục, mạch lạc, rõ ràng, diễn đạt trong sáng.	1,0
	* Nội dung: Cần đảm bảo những ý sau:	9,0
	A/ MB:	1,0
	- Dẫn dắt được vào vấn đề hợp lí.	
	- Trích dẫn được nội dung cần chứng minh ở đề bài, đánh giá khái quát vấn đề.	
	B/TB:	7,0
	* Giải thích ca dao là gì? Ca dao, dân ca là thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.	1,0
	* Tại sao nói ca dao là tiếng nói trái tim của người lao động? Vì nó thể hiện những tư tưởng, tình cảm, khát vọng, ước mơ... của người lao động như: tình yêu quê hương, đất nước, tình bằng hữu bạn bè thân thiết, tình yêu nam nữ... và sâu sắc hơn cả là tình cảm	1,0

gia đình.	5,0
* Chứng minh: "Ca dao thể hiện sâu sắc ...tình cảm gia đình".	1,25
- Tình cảm của con cháu đối với ông bà tổ tiên.	
+ D/c: <i>Con người có tổ...có nguồn; Ngó lên nuộc lạt...bấy nhiêu...</i>	1,25
- Tình cảm của con cái đối với cha mẹ.	
+ D/c: <i>Công cha như....là đạo con; On cha...cru mang; Chiều chiều...chín chiều.</i>	1,25
- Tình cảm anh em ruột thịt.	1,25
+ D/c: <i>Anh em như chân...đỡ đần.</i>	
- Tình cảm vợ chồng keo sơn gắn bó:	
+D/c: <i>Râu tôm...khen ngon; Lấy anh thì sướng hơn vua....càng hơn vua; Chồng em áo rách....mặc người.</i>	1,0
C/KB:	
- Đánh giá khái quát lại vấn đề.	
- Bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của bản thân về vấn đề vừa làm sáng tỏ.	

Lưu ý: Những thang điểm lẻ 0.25, 0.5, 0.75, giáo viên căn cứ vào từng bài làm cụ thể của học sinh để linh hoạt chấm điểm./.

ĐỀ SỐ 32:**Câu 1. (4 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tại Thế vận hội đặc biệt Seattle (dành cho những người tàn tật) có chín vận động viên đều bị tổn thương về thể chất hoặc tinh thần, cùng tập trung trước vạch xuất phát để tham dự cuộc đua 100m. Khi súng hiệu nổ, tất cả đều lao đi với quyết tâm chiến thắng. Trừ một cậu bé. Cậu cứ bị vấp ngã liên tục trên đường đua. Và cậu bật khóc. Tám người kia nghe tiếng khóc, giảm tốc độ và ngoái lại nhìn. Rồi họ quay trở lại. Tất cả, không trừ một ai! Một cô gái bị hội chứng Down dịu dàng cúi xuống hôn cậu bé:

- Như thế này, em sẽ thấy tốt hơn.

Cô gái nói xong, cả chín người cùng khoác tay nhau sánh bước về vạch đích. Khán giả trong sân vận động đồng loạt đứng dậy. Tiếng vỗ tay hoan hô vang dội nhiều phút liền. Mãi về sau, những người chứng kiến vẫn còn lưu truyền tai nhau câu chuyện cảm động này.”

(Nguồn: <http://phapluatxahoi.vn>)

- a. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích?
- b. Tìm và nêu tác dụng của câu đặc biệt trong đoạn trích?
- c. Theo em, tại sao khán giả trong sân vận động đều đứng dậy vỗ tay hoan hô không dứt?
- d. Bài học sâu sắc nhất mà em nhận được từ câu chuyện trên.

Câu 2. (6 điểm)

Viết bài văn bàn về ý nghĩa của sự đồng cảm, sẻ chia trong cuộc sống.

Câu 3. (10 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *“Văn học trung đại tồn tại và phát triển trong suốt mười thế kỷ nhưng không bao giờ tách rời khỏi cảm hứng yêu nước”*. Hãy làm sáng tỏ điều đó qua hai bài thơ *“Nam quốc sơn hà”* (Sông núi nước Nam) của Lí Thường Kiệt và *“Tụng giá hoàn kinh sư”* (Phò giá về kinh) của Trần Quang Khải, Ngữ văn 7, tập 1.

-----**HẾT**-----

uigeli.xyz
HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu 1 (4 điểm)	a.	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0.5
	b.	- Câu đặc biệt: + Trừ một cậu bé. + Tất cả, không trừ một ai. - Tác dụng: + Thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng. + Tạo sự chú ý khác biệt của một vận động viên trên đường đua. + Nhấn mạnh gây sự chú ý về sự đồng lòng thực hiện một hành động cao cả.	2.0
	c.	Khán giả trong sân vận động đều đứng dậy vỗ tay hoan hô không dứt vì cách hành xử cao đẹp, sự đồng cảm, lòng vị tha, tinh thần thi đấu của các vận động viên khuyết tật.	1.0
	d.	Bài học được rút ra: Trong cuộc sống cần biết đồng cảm, sẻ chia với những người có hoàn cảnh thiệt thòi, kém may mắn.	0.5
Câu 2: (6 điểm)		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:</i> - Có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. - Xác định đúng vấn đề nghị luận.	0.25
		<i>b. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. HS có thể viết theo nhiều cách. Dưới đây là một số gợi ý về nội dung: 1. Mở bài: - Dẫn dắt vấn đề. - Nêu vấn đề nghị luận.	0.5
		2. Thân bài: * Giải thích: - Đồng cảm là cùng chung cảm xúc, suy nghĩ; cùng chung một trạng thái, tâm trạng; là sự hiểu nhau giữa hai con người hoặc giữa những con người và cộng đồng. - Sẻ chia là sự san sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, cùng nhau hưởng thụ hoặc cùng nhau hành động, khiến niềm vui nhân đôi và nỗi buồn vơi bớt.	0.5

		-> Đồng cảm, sẻ chia là biểu hiện của tình người, ý thức vì người khác. Đồng cảm, sẻ chia là một nếp sống đẹp trong xã hội.	
		<p>* Bàn luận: Tại sao cần có sự đồng cảm, sẻ chia?</p> <p>- Trong cuộc sống, không phải ai cũng luôn gặp những điều may mắn, không phải ai cũng thành công ngay từ lần đầu tiên và không phải ai sinh ra cũng đều hạnh phúc.</p> <p>- Sự đồng cảm, sẻ chia giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh có thêm sức mạnh, nghị lực, niềm tin, làm giảm đi những khổ đau trong cuộc sống. (Dẫn chứng)</p> <p>- Nó có vai trò quan trọng góp phần hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng một xã hội văn minh, nhân ái làm cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên tốt đẹp hơn, thân thiện hơn, mọi người gần gũi, gắn bó với nhau hơn. Người biết đồng cảm, sẻ chia sẽ được mọi người yêu quý, trân trọng. (Dẫn chứng)</p> <p>- Đồng cảm, sẻ chia là truyền thống đạo lí tốt đẹp từ ngàn xưa đến nay của con người. (Dẫn chứng)</p>	2.5
		<p>- Phê phán: Lối sống ích kỉ, thờ ơ, vô cảm.</p> <p>- Mở rộng: Đồng cảm, sẻ chia phải đặt đúng hoàn cảnh, đúng đối tượng thì mới có ý nghĩa.</p>	0.5
		<p>* Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>- Cần nhận thức được ý nghĩa quan trọng của đồng cảm, sẻ chia trong cuộc sống.</p> <p>- Cần tích cực rèn luyện bản thân, hoàn thiện nhân cách, có những hành động cụ thể biểu hiện sự đồng cảm, sẻ chia với mọi người.</p>	1.0
		<p>3. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề.</p> <p>- Liên hệ.</p>	0.5
		<p><i>c. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p> <p>- <i>Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0.25
Câu 3		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận:</i></p> <p>- Có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận.</p>	0.25

(10 điểm)	<p><i>b. Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Vận dụng các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. HS có thể triển khai các luận điểm theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần nêu được cảm nhận của cá nhân về tác phẩm; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt vấn đề. - Nêu vấn đề: Trích dẫn ý kiến và phạm vi nghị luận. 	0.5
	<p>2. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng yêu nước: Là trạng thái ý thức, tình cảm của con người với Tổ quốc, đó là thứ tình cảm vừa thiêng liêng cao đẹp, vừa gần gũi, bình dị... - Biểu hiện của lòng yêu nước trong thơ trung đại: <ul style="list-style-type: none"> + Lòng tự hào dân tộc + Phản ánh tinh thần, ý chí chống giặc ngoại xâm. + Tình yêu thiên nhiên, quê hương, xứ sở. 	1.0 0.5
	<p>*Chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm hứng yêu nước được biểu hiện trực tiếp qua niềm tự hào về độc lập chủ quyền dân tộc và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền ở bài thơ "<i>Sông núi nước Nam</i>" của Lí Thường Kiệt: <ul style="list-style-type: none"> + Niềm tự hào về độc lập chủ quyền dân tộc: (Dẫn thơ) <p>Hai câu thơ đầu khẳng định một nguyên lí khách quan, tất yếu, có giá trị như lời tuyên ngôn, nó là quyền độc lập và quyền tự quyết của dân tộc.</p> <p>Từ "<i>đế</i>" thể hiện rõ sự bình đẳng ngang hàng của dân tộc Việt Nam, vua Nam với vua phương Bắc, đập tan tư tưởng ngạo mạn của kẻ thù. Đó là ý thức tự tôn dân tộc, lòng tự hào về độc lập chủ quyền của dân tộc...</p> - Nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền: (Dẫn thơ) Hai câu cuối thể hiện ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước, đồng thời cảnh báo sự thất bại không thể tránh khỏi nếu kẻ thù sang xâm lược. Gọi kẻ thù bằng từ ngữ mang tính chất miệt thị, khinh bỉ "<i>Nghịch</i>" (trái ngược lại), "<i>lỗ</i>" (mọi rợ), "<i>nhữ đấng</i>" (bọn chúng mày)... chứng tỏ lòng căm thù giặc sâu sắc... Giọng thơ đồng dục, đanh thép gọi lòng tự hào về một dân tộc 	6.0 1.5 1.5

	<p>có chủ quyền và thể hiện bản lĩnh, ý chí, quyết tâm...</p> <p>- Cảm hứng yêu nước còn được biểu hiện qua tinh thần, hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc qua bài thơ <i>"Tụng giá hoàn kinh sư"</i> (Phò giá về kinh) của Trần Quang Khải:</p> <p>+ Tinh thần, hào khí chiến thắng: (Dẫn thơ)</p> <p>Hai câu thơ đầu cho thấy hào khí chiến thắng và sức mạnh của quân dân nhà Trần như còn vang dội, tươi mới qua các động từ mạnh như <i>"đoạt"</i> (cướp lấy), <i>"cầm"</i> (bắt) quân thù.</p> <p>Các địa danh <i>"Chương Dương"</i>, <i>"Hàm Tử"</i> gắn liền với chiến công hiển hách được nhắc đến gợi sự tự hào. Các địa danh đó như những minh chứng ghi dấu tinh thần chiến đấu quả cảm của quân ta.</p> <p>+ Khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc: (Dẫn thơ)</p> <p>Đất nước muốn có nền thái bình vững chắc thì phải ra sức xây dựng, không được chủ quan.</p> <p>Hai câu thơ thể hiện mơ ước của một con người từng kinh qua trận mạc, đồng thời như lời nhắn nhủ tới hậu thế hãy biết bảo vệ thành quả của cha ông bằng cách đoàn kết và phát triển đất nước.</p> <p>Nghệ thuật đảo ngữ, liệt kê sử dụng những động từ mạnh... thể hiện sức mạnh và niềm tự hào.</p>	1.5
	<p>* Đánh giá những đóng góp của vấn đề nghị luận với nền văn học và độc giả.</p>	1.0
	<p>3. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề</p> <p>- Liên hệ.</p>	0.5
	<p><i>c. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt độc đáo, suy nghĩ kiến giải mới mẻ về nội dung hoặc nghệ thuật của đoạn thơ.</p> <p>- <i>Chính tả:</i> Đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0.25

ĐỀ SỐ 33:**Câu 1 (2,0 điểm)**

Cảm nhận cái hay của đoạn thơ sau:

“Tiếng chim lay động lá cành
 Tiếng chim đánh thức chồi xanh dậy cùng
 Tiếng chim vỗ cánh bầy ong

Tiếng chim tha nắng rải đồng vàng thom”.

(Trích”Tiếng chim buổi sáng” - Định Hải)

Câu 2 (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

- Đem chia đồ chơi ra đi !

- Mẹ tôi ra lệnh.

Thủy mở to đôi mắt như người mất hồn, loạng choạng bám vào cánh tay tôi. Dìu em vào trong nhà, tôi bảo:

- Không phải chia nữa. Anh cho em tất.

Tôi nhắc lại hai ba lần, Thủy mới giật mình nhìn xuống. Em buồn bã lắc đầu:

- Không, em không lấy. Em để hết lại cho anh.

(Trích”Cuộc chia tay của những con búp bê” - Khánh Hòa)

Đoạn trích cho em những cảm nhận gì? Hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về tình cảm gia đình.

Câu 3 (5,0 điểm)

- Nhận xét về bài thơ”Rằm tháng giêng” của Hồ Chí Minh (Sách giáo khoa Ngữ văn 7- Tập một) có ý kiến cho rằng: Bài thơ”Rằm tháng giêng” là cả một sự hài hòa tuyệt đẹp”.

Bằng những cảm nhận về bài thơ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1	- Xác định được vị trí, nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ trích từ bài thơ”Tiếng chim buổi sáng” của nhà thơ Định Hải....	(0,25 đ)
	- Điệp ngữ cách quãng”Tiếng chim” lặp lại bốn lần ở bốn dòng thơ liên tiếp gây chú ý cho người đọc, nhấn mạnh âm thanh thân thuộc của tiếng chim trong cuộc sống, đó cũng là âm thanh của thiên nhiên trong sự cần thiết của đời sống con người	(0,25 đ)
	- Biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng ở tất cả dòng thơ để miêu tả tiếng chim. Các động từ: lay động, đánh thức, gọi cho ta nghĩ đến những hoạt động của con người. Đồng thời cũng cảm nhận tinh tế về tác động của âm thanh đó đến thế giới thiên nhiên, nó làm cho sự vật xung quanh trở nên tràn đầy sức sống, vạn vật thức giấc vươn lên, thức dậy bắt đầu một ngày mới trong niềm hân hoan. Tiếng chim còn thôi thúc vạn vật lao động, làm việc để làm cho cuộc sống này thêm tươi đẹp”vỗ cánh bay ong” đi tìm mật thom,”tha nắng rải đồng vàng thom” làm cho những hạt lúa thêm trĩu hạt, hứa hẹn mùa vàng no ấm...	(0,5 đ)
	- Điệp ngữ kết hợp phép nhân hóa một cách nhuần nhuyễn không chỉ nhấn mạnh ý nghĩa của tiếng chim buổi sáng mà còn gợi lên bao suy ngẫm về sự cần thiết của thiên nhiên với cuộc sống con người. Sự hòa hợp của con người và thiên nhiên để những thanh âm của thiên nhiên không vắng bóng đi trong cuộc sống hôm nay	(0,5 đ)

	<p>- Đoạn thơ ngắn, diễn đạt tự nhiên với việc kết hợp hai phép tu từ đã hoàn thiện mạch cảm xúc của bài thơ, làm sâu sắc thêm tình yêu thiên nhiên và lời nhắn gửi từ đoạn thơ tới mỗi người: hãy yêu quý và bảo vệ thiên nhiên</p> <p><i>*Lưu ý: Thí sinh có thể trình bày theo trình tự khác, miễn là khai thác hiệu quả các phép tu từ để khám phá các giá trị của đoạn thơ, làm chủ được ngòi bút. Khuyến khích liên hệ mở rộng hợp lý, giàu cảm xúc. Cần căn cứ vào bài làm cụ thể để cho điểm.</i></p>	
Câu 2 (3,0đ)	<p>a. Cảm nhận về đoạn trích</p> <p>- Nỗi buồn, nỗi đau đến bàng hoàng, sửng sột của hai anh em phải xa nhau khi gia đình đổ vỡ</p> <p>- Sự thương yêu, nhường nhịn, lo lắng, tình cảm thấm thiết, gắn bó của anh em trong gia đình.</p>	<p>(0,5 đ)</p> <p>(0,25đ)</p> <p>(0,25đ)</p>
	<p>b. Viết đoạn văn nghị luận về tình cảm gia đình</p> <p>* Yêu cầu về kỹ năng:</p> <p>Hình thức là một đoạn văn, lập luận chặt chẽ, diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, không mắc các lỗi câu, chính tả; có sự thống nhất chủ đề trong toàn đoạn.</p> <p>* Yêu cầu về mặt kiến thức:</p> <p>Trên cơ sở nội dung đoạn trích trong "Cuộc chia tay của những con búp bê", học sinh cần làm rõ một số ý cơ bản:</p> <p>- Tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng, cao quý; được thể hiện một cách phong phú, đa dạng trong cuộc sống</p> <p>- Trong đời sống mỗi người, tình cảm gia đình có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt trong việc hình thành nhân cách, bồi dưỡng tâm hồn, cảm xúc...</p> <p>- Hiện nay, tình trạng hôn nhân đổ vỡ, tình cảm gia đình bị rạn nứt ngày một nhiều dẫn đến những cuộc chia ly, gây tổn thương cho tâm hồn những đứa trẻ và nhiều hệ lụy khác cho xã hội</p> <p>- Mỗi người cần trân trọng, gìn giữ, xây dựng tình cảm gia đình bền vững, vượt qua khó khăn, thử thách, không để xảy ra chia lìa, đổ vỡ...</p>	<p>(2,5 đ)</p> <p>(0,5 đ)</p> <p>(0,75đ)</p> <p>(0,75 đ)</p> <p>(0,5 đ)</p>
	<p>A. Yêu cầu về kỹ năng</p> <p>- Viết được một bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học;</p> <p>- Trình tự lập luận rõ ràng, chặt chẽ;</p> <p>- Cảm nhận và làm rõ được vấn đề;</p> <p>- Diễn đạt lời văn linh hoạt, tinh tế;</p> <p>- Kỹ năng cảm thụ sâu sắc.</p> <p>B. Yêu cầu về kiến thức</p> <p>1. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu chung về tác giả và tác phẩm.</p> <p>- Nêu vấn đề: Bài thơ là cả một sự hài hòa tuyệt đẹp.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Giới thiệu chung về bài thơ:</p>	(0,5 đ)

Câu 3 (5,0đ)	<p>- Là một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt độc đáo. Tác phẩm viết về khung cảnh một đêm trăng nổi chiến khu Việt Bắc.</p> <p>b. Phân tích làm rõ sự hài hòa được thể hiện trong bài thơ:</p> <p>* <i>Hài hòa giữa màu sắc cổ điển và dáng vẻ hiện đại của con người</i></p> <p>+ Vẻ đẹp của thiên nhiên: Ánh trăng tràn ngập, tỏa sáng một vùng sông nước; tất cả cảnh vật tràn ngập sắc xuân phơi phới</p> <p>+ Hình ảnh con người: Thi nhân không ẩn mình, tan biến vào thiên nhiên mà xuất hiện với một tư thế ung dung, tự chủ của một con người đang làm chủ thiên nhiên, đang dựa vào thiên nhiên để xoay chuyển lịch sử. Đó là một việc làm vĩ đại</p> <p>* <i>Sự hài hòa giữa tâm hồn nghệ sĩ và cốt cách chiến sĩ</i></p> <p>+ Tâm hồn nghệ sĩ: tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm luôn mở rộng lòng mình để đón nhận vẻ đẹp của thiên nhiên</p> <p>+ Cốt cách chiến Sĩ: Người thương trắng không phải như các tao nhân mặc khách xưa, mà là một con người hành động, một vị lãnh tụ đang "bàn việc quân" để lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Con người mang trong mình một ước mơ, hoài bão lớn lao: Lãnh đạo nhân dân đánh giặc cứu nước</p> <p>c. Đánh giá về bài thơ:</p> <p>+ Là một tác phẩm trữ tình đặc sắc. Bài thơ là sự thể hiện một cách sinh động chất cổ điển và tính hiện đại trong thơ Bác</p> <p>+ Tác phẩm đã cho thấy một tâm hồn thanh cao và một lẽ sống đẹp của Người</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Đánh giá về nó phẩm: Là một bài thơ trăng tuyệt bút của Bác.</p> <p>- Những ảnh hưởng của tác phẩm với bản thân: Kính yêu Bác. Đọc thơ Bác ta càng thêm yêu vẻ đẹp của thiên nhiên...</p>	<p>(4,0 đ)</p> <p>(0,5 đ)</p> <p>(3,0 đ)</p> <p>(0,5 đ)</p> <p>(0,5 đ)</p>
-------------------------	--	---

ĐỀ SỐ 34:**Câu 1:** (4.0 điểm)**Trình bày cảm nhận của em về đoạn văn sau bằng một bài viết ngắn**

Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm làm quà sêu tết. Không còn gì hợp hơn với sự vấn vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đậm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để được hạnh phúc lâu bền.

(Một thứ quà của lúa non: Cốm— Thạch Lam, Ngữ văn 7- Tập 1)

Câu 2: (6.0 điểm)

"Hai bài thơ đã cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Bác, đó là sự hòa hợp thống nhất giữa tâm hồn nghệ sĩ với cốt cách người chiến sĩ".

Bằng hiểu biết của em về hai bài thơ hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- Hét -----

Câu	Yêu cầu về kĩ năng và kiến thức	Điểm
1 (4,0 đ)	<p>a. Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách viết một bài phát biểu cảm nghĩ ngắn; bố cục hợp lý; lập luận, chứng minh thuyết phục; đảm bảo độ dài theo yêu cầu.</p> <p>b. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Thạch Lam; tác phẩm "Một thứ quà của lúa non: Cốm" - Khái quát nội dung của đoạn văn: thể hiện giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam qua một thứ quà quê mộc mạc, bình dị 	1,0 0,5
	<p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cốm là thức dâng của đất trời + Cốm là món, độc đáo, gắn liền với người dân quê, với ruộng đồng. + Tác giả sử dụng các từ ngữ: <i>mộc mạc, giản dị, thanh khiết</i> để làm nổi bật hương vị của cốm là hương của lúa, một thứ hương tinh khiết của quê hương với cái nôi của nền văn minh lúa nước lâu đời. - Cốm là món quà văn hóa, phong tục nhất là quà siêu tết, gắn duyên đôi lứa. + Sự kết hợp giữa <i>cốm</i> và <i>hồng</i> không gì hài hòa hơn về cả hương vị và màu sắc qua việc sử dụng biện pháp so sánh: <i>Màu xanh tươi của Cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lưu già.</i> + Hồng và cốm là phẩm vật kết nối duyên đôi lứa, nâng đỡ hạnh phúc lâu bền trong quan niệm và phong tục của nhân dân ta 	1,0 1,0
	<p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại giá trị của cốm- phẩm vật văn hóa của người dân Việt. - Liên hệ với ý thức và trách nhiệm giữ gìn, phát huy nét văn hóa truyền thống ẩm thực của dân tộc Việt Nam 	0,5

2 (6,0 đ)	<p>a. Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách viết một bài văn nghị luận kết hợp giữa lập luận chứng minh và giải thích; có luận điểm, dẫn chứng rõ ràng; bố cục hợp lý; Văn viết diễn đạt trong sáng, trôi chảy; ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu</p> <p>b. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vài nét về tác giả, hoàn cảnh sáng tác hai bài thơ. - Trích dẫn nhận định <p>b. Thân bài</p> <p>1. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tâm hồn nghệ sĩ: là tâm hồn của con người có tình yêu tha thiết, sống giao hòa với thiên nhiên, có những rung cảm tinh tế trước vẻ đẹp của thiên nhiên. + <i>Cốt cách của người chiến sĩ</i> là lòng yêu nước, phong thái ung dung, lạc quan của người chiến sĩ cách mạng <p>2. Chứng minh:</p> <p>*Vẻ đẹp tâm hồn của người nghệ sĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đó là những rung cảm về âm thanh của tiếng suối xa vọng lại (<i>phân tích dẫn chứng và đặc sắc nghệ thuật</i>) + Là sự say mê trước vẻ đẹp đêm trăng <p>Trong bài <i>Cảnh khuya</i>: Đêm trăng giữa rừng Việt Bắc, ánh trăng hòa lẫn trong bóng cây cổ thụ tạo nên bức tranh dẹt thêu như gấm, điệp từ <i>lòng</i> làm cho bức tranh như có thần bậc, giao hòa quán quýt.</p> <p>Trong bài <i>Rằm tháng giêng</i>: trăng rằm sáng vằng vặc soi tỏ khắp không gian. Điệp từ <i>xuân</i> được lặp lại ba lần tạo nên một vũ trụ tràn sức xuân...</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đằng sau bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp là tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết, sự rung cảm tinh tế của thi nhân. <p>*Cốt cách người chiến sĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đó là lòng yêu nước nồng nàn, hi sinh tuổi thanh xuân của bản thân vì lý tưởng, độc lập, tự do của quê hương, đất nước. (<i>phân tích dẫn chứng</i>) + Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác: <p>Thể hiện ở những rung cảm trước cảnh thiên nhiên, mặc dù vẫn bộn bề việc nước nhưng tâm hồn Người vẫn hướng về vẻ đẹp đêm trăng</p> <p>Niềm lạc quan còn thể hiện ở hình ảnh con thuyền lướt phời phới trên dòng sông chở đầy ánh trăng. Tinh thần lạc quan ấy còn là niềm tin vào tình hình kháng chiến lúc bấy giờ. Đồng thời thể hiện hình ảnh của người chiến sĩ luận bàn việc quân trong giây phút trở thành thi sĩ- tao nhân mặc khách giữa thiên nhiên...(<i>phân tích dẫn chứng</i>)</p> <p>(Học sinh có thể liên hệ, nâng cao với những bài thơ của Bác cùng chủ đề)</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,5</p> <p>1,5</p> <p>0,5</p>
--------------	--	--

	<p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chung: Vẻ đẹp của tâm hồn người nghệ sĩ và cốt cách người chiến sĩ luôn có sự thống nhất, hài hòa một cách tự nhiên, không thể tách rời trong con người Bác - Đó là vẻ đẹp trong thơ nhưng cũng chính là vẻ đẹp nhất quán trong con người Bác 	
--	--	--

ĐỀ SỐ 35:**Câu 1 (4,0 điểm)**

“Chặng đường nào trải bước trên hoa hồng

Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai

Đường vinh quang đi qua muôn ngàn sóng gió.”

(Trích lời bài hát “Đường đến ngày vinh quang” - Trần Lập)

Giải thích ý nghĩa lời hát trên.

Câu 2 (6,0 điểm)

“Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan là một bài thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

Em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

CÂU	HƯỚNG DẪN CHẤM	ĐIỂM
1 (4,0 điểm)	<p>I. Tiêu chí về nội dung các phần bài viết (3,0 điểm)</p> <p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn vào vấn đề. - Nêu vấn đề: <i>Vượt qua những khó khăn, giông tố của cuộc đời, niềm vui và thành công sẽ đến với con người.</i> - Khẳng định đó là một chân lí đúng đắn. <p>+ Mức tối đa (0,25 điểm): Học sinh biết dẫn dắt, giới thiệu vấn đề hay, ấn tượng, sáng tạo.</p> <p>+ Mức không đạt (0 điểm): Lạc đề, mở bài không đạt yêu cầu, sai cơ bản hoặc không có mở bài.</p>	0,25
	<p>2. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa đen: + “hoa hồng” là loại hoa có hương thơm nồng nàn, có màu sắc rực rỡ, có nét đẹp kiều sa. - “mũi gai”: là lớp bao phủ bên ngoài của thân cây hồng, chúng được tạo thành từ lớp vỏ và mọc ra một đầu rất nhọn để bảo vệ cây hồng. Hoa hồng đẹp nhưng có gai, nhiều lúc dễ cảm bông hồng trên 	2,5

tay chúng ta cũng phải chịu đau đớn vì những gai nhọn của nó.

- Nghĩa bóng:

+ "hoa hồng" là loài hoa biểu tượng cho tình yêu, là biểu trưng cho hạnh phúc mà con người đạt được.

+ "mũi gai", "muôn ngàn sóng gió" là biểu tượng cho những khó khăn, thử thách.

+ Hình ảnh "Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai" chỉ ra trong cuộc đời chúng ta phải trải qua nhiều gian nan thử thách.

+ "Đường vinh quang đi qua muôn ngàn sóng gió" mang ý nghĩa khẳng định khi con người biết vượt qua những "phong ba, bão táp", những vất vả gian nan thì sẽ thành công.

- Qua lời hát, Trần Lập muốn đưa ra một chân lí: Muốn có hạnh phúc và thành công mỗi người phải biết chấp nhận, chịu đựng và trải qua muôn ngàn khó khăn, trắc trở.

*** Vì sao mỗi người phải biết chấp nhận, chịu đựng và trải qua muôn ngàn khó khăn, trắc trở để thành công?**

- Đường đời của mỗi người luôn ẩn chứa đầy những gian nan, thử thách. Đó là những nghịch lí trong cuộc đời mà mỗi người cần phải trải qua.

- Hạnh phúc, thành công,... luôn là ước mơ và mục tiêu phấn đấu của mọi người. Nhưng để đi tới thành công, đòi hỏi mỗi người phải vượt qua tất cả những khó khăn, chông gai gặp trên đường đời.

- Mọi hạnh phúc, thành công đều ẩn chứa trong đó những mất mát, những nỗi đau và những nỗi buồn. Biết chấp nhận đau thương, thử thách cũng là biết cố gắng, nỗ lực để đi tới đích trên con đường vinh quang.

(Học sinh lấy dẫn chứng để chứng minh cho từng luận điểm)

*** Làm thế nào để mỗi người luôn hạnh phúc và thành công trong cuộc đời?**

- Hiểu được ý nghĩa những lời hát trên của nhạc sĩ Trần Lập. Đây cũng là một bài học về lối sống đẹp mà Trần Lập muốn gửi đến mỗi chúng ta đặc biệt là thế hệ trẻ: Sống đẹp là phải biết dũng cảm đối mặt với thử thách, với phong ba bão táp và chiến thắng nó. Thành công sẽ đến với những ai không chùn bước và run sợ trước khó khăn.

- Phê phán những bạn trẻ có lối sống nhút nhát, gặp khó khăn là nản chí và dễ bỏ cuộc hoặc những người bấp chập mọi thủ đoạn để giành lấy thành công...

- Mỗi người cần xây dựng cho mình một lí tưởng sống cao đẹp, cần đặt ra những mục đích cụ thể cho từng giai đoạn trong cuộc đời và hãy không ngừng học tập, tu dưỡng để đạt được thành tích những đó. Mỗi người hãy biết đứng lên từ thất bại, vượt qua những gian

	<p><i>nan thử thách thì vinh quang, thành công, hạnh phúc sẽ không vụt khỏi tầm tay.</i></p> <p><i>- HS liên hệ với bản thân.</i></p>	
	<p>3. Kết bài</p> <p><i>- Khẳng định lại vấn đề: Lời bài hát là lời của ý chí, nghị lực, của chân lí sống đẹp.</i></p> <p><i>+ Mức tối đa (0,25điểm): Đáp ứng yêu cầu trên.</i></p> <p><i>+ Mức không đạt (0 điểm): Không có kết bài.</i></p>	0,25
	<p>II. Các tiêu chí khác (1,0 điểm)</p> <p>1. Hình thức (0,25 điểm)</p> <p><i>- Học sinh viết được một bài văn với đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài); trình bày bài sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, không mắc lỗi chính tả.</i></p> <p><i>+ Mức tối đa (0,25điểm): Học sinh đảm bảo các yêu cầu trên.</i></p> <p><i>+ Mức không đạt (0 điểm): Học sinh chưa hoàn thiện bố cục bài viết, thiếu nhiều ý, mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt.</i></p> <p>2. Sáng tạo (0,25 điểm)</p> <p><i>- Bài viết thể hiện sự tìm tòi, tự học hỏi, sáng tạo của bản thân.</i></p> <p><i>+ Mức tối đa (0,25điểm): Học sinh đảm bảo các yêu cầu trên.</i></p> <p><i>+ Mức không đạt (0 điểm): Học sinh không có tính sáng tạo, thiếu hiểu biết.</i></p> <p>3. Lập luận(0,5 điểm)</p> <p><i>- Học sinh biết cách xây dựng và triển khai các luận điểm, dẫn chứng tiêu biểu, lập luận chặt chẽ, phát triển ý tưởng đầy đủ theo trật tự lô gic giữa các phần: mở bài, thân bài, kết bài; thực hiện khá tốt việc liên kết câu, liên kết đoạn trong bài viết.</i></p>	
Câu 2 (6 điểm)	<p>I. Tiêu chí về nội dung Học sinh có nhiều cách trình bày nhưng bài viết cần bám sát các yêu cầu nội dung sau:</p> <p>1. Mở bài</p> <p><i>- Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, trích dẫn nhận định.</i></p> <p><i>+ Mức tối đa (0,5 điểm): Học sinh viết mở bài tự nhiên, cuốn hút, nêu được vấn đề nghị luận.</i></p> <p><i>+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm): Học sinh viết mở bài đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên song còn chưa hấp dẫn.</i></p> <p><i>+ Mức không đạt (0 điểm): Học sinh viết vụng về, diễn đạt không rõ ràng, không nêu được vấn đề nghị luận.</i></p>	5,0
	<p>2. Thân bài</p> <p>2.1. Giải thích:</p> <p><i>- Tả cảnh ngụ tình là bút pháp quen thuộc trong văn học thời trung đại. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là mượn cảnh vật để gửi gắm (ngụ) tâm trạng. Cảnh khi ấy không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên</i></p>	4,0

mà còn là bức tranh tâm trạng. Cảnh là phương tiện miêu tả còn tâm trạng là mục đích miêu tả.

- Bút pháp tả cảnh ngụ tình được Bà Huyện Thanh Quan sử dụng rất tài hoa, điêu luyện trong bài thơ "Qua Đèo Ngang".

2.2. Chứng minh: Bút pháp tả cảnh ngụ tình trong bài thơ "Qua Đèo Ngang"

*** Hai câu đề: Bức tranh thiên nhiên Đèo Ngang buồn, hoang vắng, cô tịch.**

- Câu thơ đầu tiên đã khái quát toàn cảnh về không gian, thời gian khi viết bài thơ. "Bóng xế tà" là thời khắc của ngày tàn, lúc này chỉ còn những tia nắng yếu ớt và màn đêm đang dần buông xuống.

- Câu thứ hai: Tác giả đã miêu tả bức tranh thiên nhiên Đèo Ngang ngút ngàn, hoang sơ, vắng vẻ.

- Bằng cách lựa chọn thời điểm "bóng xế tà" cùng các biện pháp nhân hóa, điệp ngữ, đối, tác giả đã biểu lộ sự ngạc nhiên và xúc động về cảnh sắc buồn, hoang vắng, cô tịch của Đèo Ngang.

*** Hai câu thực: Miêu tả cuộc sống con người, nhưng cảnh vẫn buồn, vẫn đìu hiu.**

- Hai câu thơ miêu tả cụ thể sự sống của con người ở Đèo Ngang. Hình ảnh con người đã hiện lên nhưng lại khiến bức tranh thêm phần hiu hắt đồng thời gợi ấn tượng về cuộc sống tiêu điều, thê lương.

- Phép đối, nghệ thuật đảo ngữ cùng từ láy "lom khom", "lác đác" gợi cảm giác con người quá nhỏ bé trước khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ của Đèo Ngang. Nữ sĩ càng cảm thấy mình bơ vơ, trơ trọi và lòng trĩu buồn không kể xiết.

- Cảnh được nhìn vào lúc chiều tà, tác giả đang trong cảnh ngộ phải xa nhà, mang tâm trạng cô đơn nên cảnh vật cũng buồn và hoang vắng. Cảnh ấy, tình ấy cho thấy bút pháp tả cảnh ngụ tình tinh tế của Bà Huyện Thanh Quan.

*** Hai câu luận: Tiếng lòng của nhà thơ qua những âm thanh thê lương.**

- Âm thanh tiếng chim quác vào chim ùa ùa kêu trên nẻo vắng, lúc chiều tạo nên âm hưởng của khúc nhạc rừng. Láy cái động (tiếng chim rừng) để làm nổi bật cái tĩnh, cái vắng lặng im lìm trên đỉnh đèo Ngang trong khoảnh khắc hoàng hôn, đó là nghệ thuật lấy động tả tĩnh trong thi pháp cổ.

- Tiếng chim cuốc (quốc), tiếng chim đa đa (gia gia) cũng chính là tiếng lòng nhớ nước, thương nhà thiết tha, da diết của tác giả. Bút pháp tả cảnh ngụ tình thật đặc sắc.

*** Hai câu kết: Sự cô đơn tuyệt đối của con người trước thiên nhiên hoang vắng, rộng lớn.**

	<p>- Hai câu thơ gôii cho ta aán tồông veà một khoáng gian trời đất bao la, núi non trùng điệp và sông nước mênh mông, bát ngát.</p> <p>- Giữa mênh mông trời, non, nước, lữ khách chỉ thấy mình lơ trôi "ta với ta". Chút "tình riêng" như tan ra thành "mảnh", tẻ tái. Chữ "một" đứng ở đầu câu thơ cuối bài đã đặc tả nỗi buồn lẻ loi, cô đơn của tác giả. Khung cảnh thiên nhiên càng rộng lớn thì nỗi cô đơn của người lữ khách càng đong đầy.</p> <p>* Đánh giá: Nghệ thuật gieo vần, phép đối và đảo ngữ, đặc biệt là bút pháp tả cảnh ngụ tình đã làm cho nhạc điệu thơ du dương, rạo rất. Lấy ngoại cảnh để phô diễn tâm cảnh cho thấy một hồn thơ rất mực tài hoa. Cảm xúc và tâm hồn nữ sĩ, nỗi buồn cô đơn, nỗi nhớ quê, nhớ nhà của khách li hương như thấm sâu vào cảnh vật...</p> <p>+ Mức tối đa (4,0 điểm): Học sinh làm sáng tỏ vấn đề bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận phù hợp.</p> <p>+ Mức chưa tối đa (0,25 - 3,75 điểm): Vấn đề bàn luận chưa được sáng tỏ, luận điểm thiếu, luận cứ chưa thuyết phục.</p> <p>+ Mức không đạt (0 điểm): Học sinh không biết chứng minh vấn đề.</p>	
	<p>3. Kết bài</p> <p>- Khẳng định vấn đề.</p>	<p>0,5</p>
	<p>II. Các tiêu chí khác</p> <p>1. Hình thức (0,25 điểm)</p> <p>- Học sinh viết được một bài văn với đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài); trình bày bài sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, không mắc lỗi chính tả.</p> <p>+ Mức tối đa (0,25điểm): Học sinh đảm bảo các yêu cầu trên.</p> <p>+ Mức không đạt (0 điểm): Học sinh chưa hoàn thiện bố cục bài viết, thiếu nhiều ý, mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt.</p> <p>2. Sáng tạo (0,25 điểm)</p> <p>- Bài viết thể hiện sự tìm tòi, tự học hỏi, sáng tạo của bản thân.</p> <p>+ Mức tối đa (0,25điểm): Học sinh đảm bảo các yêu cầu trên.</p> <p>+ Mức không đạt (0 điểm): Học sinh không có tính sáng tạo, thiếu hiểu biết.</p> <p>3. Lập luận(0,5 điểm)</p> <p>- Học sinh biết cách xây dựng và triển khai các luận điểm, dẫn chứng tiêu biểu, lập luận chặt chẽ, phát triển ý tưởng đầy đủ theo trật tự lô gic giữa các phần: mở bài, thân bài, kết bài; thực hiện khá tốt việc liên kết câu, liên kết đoạn trong bài viết.</p> <p>+ Mức tối đa (0,5điểm): Học sinh đảm bảo các yêu cầu trên.</p> <p>+ Mức chưa tối đa (0,25điểm): Học sinh đảm bảo một số các yêu cầu trên.</p> <p>+ Mức không đạt (0 điểm): Học sinh không biết cách lập luận, hầu hết các phần trong bài viết rời rạc, không biết phát triển ý, các ý</p>	<p>1,0</p>

ĐỀ SỐ 36:**Câu 1 (2 điểm): Cho đoạn văn:**

”Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật. Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch như vậy, bởi vì Người sống sôi nổi, phong phú đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân. Đời sống vật chất giản dị càng hoà hợp đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống thực sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay.”

(Đức tính giản dị của Bác Hồ, Phạm Văn Đồng)

Tác giả đã **gửi** đến chúng ta điều gì qua đoạn văn trên? Suy nghĩ của em về **lời gửi** ấy?

Câu 2: (3 điểm)

Từ thực tiễn và qua những tác phẩm văn học (*thơ, văn xuôi*) mà em đã được đọc, được học nói về người Mẹ. Em hãy viết bài văn ngắn (*khoảng 200 từ*) với tiêu đề: **Mẹ- ngọn lửa hồng soi sáng cuộc đời con!**

Câu 3: (5 điểm)

“Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, giàu hình ảnh; thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên và lao động sản xuất”. Em hãy chứng minh nhận định

HẾT

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN**Câu 1: (2 điểm)**

ĐÁP ÁN		ĐIỂM
Câu 1	Mỗi ý trả lời đúng cho 1 điểm:	
	<p>* <i>Lời gửi của tác giả</i>: Qua việc khẳng định sự hoà hợp giữa đời sống vật chất giản dị và đời sống tinh thần phong phú trong con người Bác Hồ, tác giả còn muốn nói về ý nghĩa đích thực của đời sống con người: Không phải là sự thoả mãn càng nhiều về vật chất, mà là đời sống tinh thần, tư tưởng, tình cảm phong phú, thậm chí là vô tận. Cuộc sống như thế, theo tác giả là cuộc sống thực sự văn minh mà Bác Hồ đã nêu gương sáng trong thời đại ngày nay.</p>	1,0
	<p>* <i>Suy nghĩ của em</i>: HS cần nêu được suy nghĩ về ý nghĩa thực sự của đời sống con người, về mối quan hệ giữa nhu cầu vật chất và đời</p>	1,0

	sống tinh thần. Nếu chạy theo hưởng thụ vật chất sẽ có thể dẫn đến sự nghèo nàn, què quặt về tinh thần, tình cảm...	
--	---	--

Câu 2: (3 điểm)

ĐÁP ÁN		ĐIỂM
Câu 2	1. Yêu cầu về kỹ năng trình bày:	3,0
	- Đảm bảo một bài văn có bố cục rõ ràng, sắp xếp ý hợp lý, hành văn trôi chảy, mạch lạc, văn viết giàu cảm xúc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, ít sai lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt.	0,5
	Yêu cầu về nội dung:	0,5
	- Khẳng định vị trí tuyệt vời của người mẹ và hạnh phúc khi được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ.	
	- Nêu được công lao sinh thành, dưỡng dục của mẹ từ khi em lọt lòng đến những năm tháng em được cấp sách đến trường (lấy dẫn chứng từ thực tế và thông qua các bài văn, thơ đã đọc, đã học như: <i>Ca dao về tình cảm gia đình, Mẹ tôi, Thư gửi mẹ, Vì sao hoa cúc có nhiều cánh nhỏ, Trách nhiệm của bố mẹ, Thế giới rộng vô cùng...</i> (Chương trình Ngữ văn 7) và các bài văn, thơ khác để chứng minh cho có sức thuyết phục	0,75
	- Ghi nhớ công ơn của mẹ bằng hành động cụ thể, thiết thực trong đời sống hàng ngày như: học tập tốt, rèn luyện nhân cách, biết vâng lời, làm theo lời hay, ý đẹp, ở nhà là con ngoan, ở trường là trò giỏi để không phụ lòng cha mẹ, anh chị và thầy cô, bạn bè.	0,75
	- Mở rộng và nâng cao vấn đề: <i>Mẹ- không chỉ là ngọn lửa hồng soi sáng cuộc đời con trong hiện tại mà còn soi sáng cuộc đời con cả ở tương lai phía trước.</i>	0,5

Câu 3: (5 điểm)

ĐÁP ÁN		ĐIỂM
Câu 3	* Mở bài: Dẫn nhập vào đề Trích luận đề Giới hạn vấn đề cần chứng minh	0,75
	* Thân bài:	
	a). Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp	1,5

	điệu, giàu hình ảnh: - Dẫn chứng câu tục ngữ: <i>Tấc đất, tấc vàng. Nhất thì, nhì thục</i> - Phân tích chỉ ra: số tiếng, gieo vần, ngắt nhịp, hình ảnh của các câu tục ngữ.	
	b). Tục ngữ là những câu nói dân gian thể hiện những kinh nghiệm về thiên nhiên và lao động sản xuất”. - Về thiên nhiên: + Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng Ngày tháng mười cha cời đã tối + Mau sao thì nắng, vắng sao thì ma + Ráng mỡ gà có nhà thì giữ + Tháng bảy kiến bò chỉ lo lại lụt - Về lao động, sản xuất: + Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền + Nhất nóc, nhì phân, tam cần, tứ giống + Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen Phân tích dẫn chứng, lập luận chặt chẽ	1,5
	c). Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề Suy nghĩ bản thân * Hình thức: Bố cục đầy đủ 3 phần, không sai lỗi chính tả Trình bày khoa học	0,75
	* Kết luận: - Nêu cảm nghĩ của em về những câu tục ngữ trên. - Liên hệ bản thân.	0,5

ĐỀ SỐ 37:

I. Phần đọc hiểu

Câu 1. (4,0 điểm)

*Cảm ơn mẹ vì luôn bên con
Lúc đau buồn và khi sóng gió
Giữa giông tố cuộc đời
Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*

*Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên
Mẹ dành hết tuổi xuân vì con
Mẹ dành những chăm lo tháng ngày
Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*

*Mẹ là ánh sáng của đời con
Là vàng trắng khi con lạc lối
Dẫu đi trọn cả một kiếp người
Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru...*

(Trích lời bài hát *Con nợ mẹ*, Nguyễn Văn Chung)

- Xác định các từ láy có trong lời bài hát trên.
- Em hiểu thế nào về nghĩa của từ **đi** trong câu: "Dẫu đi trọn cả một kiếp người"?
- Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong những câu sau:

*Mẹ dành hết tuổi xuân vì con
Mẹ dành những chăm lo tháng ngày
Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*

II. Phần làm văn

Câu 1. (6,0 điểm)

*Cảm ơn mẹ vì luôn bên con
Lúc đau buồn và khi sóng gió
Giữa giông tố cuộc đời
Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*

Những câu ca trên gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa của lời cảm ơn trong cuộc sống?

Câu 2. (10,0 điểm)

Hình ảnh người dân lao động qua chùm ***Ca dao than thân*** và trong truyện ngắn ***Sống chết mặc bay*** của Phạm Duy Tốn.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Phần	Yêu cầu	Điểm
-----	------	---------	------

1 (4,0 điểm)	a	- Các từ láy: <i>vỗ về, nhẹ nhàng, lạc lối.</i>	1,0
	b	- Nghĩa của từ đi : <i>sống, trải qua.</i>	1,0
	c	- Nghệ thuật: Điệp ngữ (<i>Mẹ dành</i>). - Tác dụng: + Nhấn mạnh sự chăm lo, hi sinh tuổi xuân, đánh đổi cả cuộc đời để con được trưởng thành, được chạm tới những ước mơ, khát vọng. + Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người.	0,5 1,5
2 (6,0 điểm)	1	Về hình thức: - Bố cục bài viết rõ ràng, kết cấu mạch lạc, ngắn gọn. - Văn phong trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt...	
	2	Về nội dung: <i>Thí sinh có thể viết bài theo nhiều cách, dưới đây là những gợi ý định hướng chấm bài.</i>	
		- <i>Giải thích:</i> <i>Cảm ơn</i> là từ đáp thể hiện sự biết ơn của mình với lòng tốt hay sự giúp đỡ của người khác. Nó chính là cách thể hiện tình cảm, lối ứng xử của con người có văn hóa, lịch sự và biết tôn trọng những người xung quanh mình. - <i>Chứng minh:</i> + Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, tác dụng của lời <i>cảm ơn</i> trong cuộc sống. + Lấy một số dẫn chứng, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ. + Khẳng định: <i>Cảm ơn</i> là nét sống văn minh của con người có học thức, có giáo dục. <i>Cảm ơn</i> hoàn toàn không phải là hình thức phức tạp hóa ứng xử, là sự khách sáo mà nó là một sự cần thiết, là quy tắc giao tiếp giữa con người với con người. Bạn đang tự làm đẹp mình khi biết nói hai từ <i>cảm ơn</i> ! - Phê phán những hành động đi ngược lại lối sống tốt đẹp và văn minh này, đặc biệt trong xã hội ngày nay. - Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.	1,0 3,0 1,0 1,0
3 (10,0 điểm)	1	Yêu cầu chung: - Bài viết có bố cục chặt chẽ, đủ ba phần; dẫn chứng chính xác; văn viết trong sáng, có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt; trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng. - Học sinh biết lựa chọn bài ca dao phù hợp.	
	2	Yêu cầu cụ thể: <i>Thí sinh có thể sắp xếp các ý theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo những nội dung sau:</i> a. Dẫn dắt, giới thiệu hai văn bản và nêu cảm nhận chung về	1,0

	<p>hình ảnh người dân lao động.</p> <p>b. Hai tác phẩm của hai tác giả khác nhau, ở hai thời điểm và hoàn cảnh khác nhau nhưng đều gặp gỡ ở sự cảm nhận sâu sắc, tinh tế về hình ảnh, thân phận của người dân lao động với sự cảm thương, lo lắng, xót xa trước cuộc sống lầm than của họ trong xã hội cũ.</p> <p>Mở bài 1: Hình tượng người nông dân lao động là đề tài xuyên suốt trong nền văn học Việt Nam từ cổ chí kim, từ dân ca, ca dao đến tục ngữ, từ văn học Trung đại đến văn học Hiện đại. Đó có thể là người lao động như thân phận cái cò, cái vạc, như con kiến con tằm...có thể là nỗi bất hạnh là người nông dân bần cùng hoá như Chí phèo (Nam Cao), có thể là cuộc đời đắng cay, đen tối với bao nỗi áp bức đọa đày như chị Dậu (Tắt đèn), anh Pha (bước đường cùng)... Và một lần nữa cuộc đời của họ được thể hiện một cách rõ nét, chân thực qua chùm ca dao than thân và văn bản "sống chết mặc bay" của Phạm Duy Tồn.</p> <p>Mở bài 2: Tác giả Nguyễn Văn Siêu từng cho rằng: "Văn chương có 2 loại, đáng thờ và không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chuyên chú về văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú về con người". Đúng vậy. một tác phẩm nghệ thuật muốn sống mãi với thời gian, năm tháng, muốn ở mãi trong tâm trí người đọc thì tác phẩm đó phải hướng đến cuộc sống con người, vì cuộc sống con người. Vì thế hình ảnh người lao động trong văn chương bao giờ cũng được tái hiện một cách chân thực đến đáng thương, nhất là trong ca dao than thân và văn bản sống chết mặc bay của PDT khác nhau:</p> <p><u>Luận điểm 1: Trước hết đó là hình ảnh người dân lao động trong được thể hiện sâu sắc trong chùm ca dao than thân. Đó là hình ảnh người lao động gian khổ vất vả, nhọc nhằn, gian khổ</u></p> <p><i>Thương thay lũ kiến li ti</i> <i>Kiểm ăn đợc mấy phải đi tìm mồi</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích ục từ thương thay (cụm từ này có thể phân tích sau cùng) - Lũ kiến li ti là hình ảnh ẩn dụ cho người lao động thấp cổ, bé hòng... <p>+ Trước hết, hai chữ <i>Thương thay</i> được điệp lại bốn lần ở vị trí đầu câu lục là lời tự than và than cho những kiếp người khác của người dân lao động đã làm cho giọng điệu bài ca dao đầy xót thương, oán trách.</p>	<p>1,5</p> <p>5,0</p>
--	---	-----------------------

	<p>+) <u>Đó còn là hình ảnh người lao động bị bòn rút sức lực đến cạn kiệt.</u></p> <p><i>Thương thay thân phận con tằm</i> <i>Kiểm ăn được mấy phải nằm nhả tơ</i></p> <p>+ <i>Con tằm và lũ kiến</i> là hai hình ảnh ẩn dụ cho <i>những thân phận nhỏ nhoi, thấp cổ bé họng sống âm thầm dưới đáy xã hội cũ.</i> Đó là những kiếp người suốt đời đầu tắt mặt tối bị bòn rút sức lực, kiếm ăn được mấy mà cả đời phải đi tìm mồi. Thật bất công, <i>kẻ thì ngồi chỗ mát ăn bát vàng; kẻ thì ăn không hết, người lần chẳng ra.</i></p> <p>+) <u>Ca dao còn phản ánh hình ảnh người lao động</u></p> <p>+ <i>Hạc và con cuốc</i> lại là <i>ẩn dụ về những thân phận phải nếm trải nhiều oan trái, bị kịch cuộc đời.</i> Hạc muốn lánh đường mây để tìm một cuộc sống khoáng đạt, để thỏa chí tự do nhưng chim cứ bay <i>mỏi cánh</i> giữa bầu trời với những cố gắng thật vô vọng. <i>Con cuốc</i> lại là biểu hiện của phận người với nỗi oan trái, bất công dù có <i>kêu ra máu</i> cũng không được lẽ công bằng nào soi tỏ.</p> <p>+ <u>Đánh giá: (3 ý)</u></p> <p>a. Với biện pháp nghệ thuật điệp ngữ và ẩn dụ, bài ca dao như một bức tranh sống động về nỗi khổ nhiều bề của người dân lao động trong xã hội cũ.</p> <p>b. Qua đó, thể hiện niềm đồng cảm, xót thương</p> <p>c. Đồng thời lên án, tố cáo xã hội phong kiến bất công.</p> <p><u>Luận điểm 2: Hình ảnh người dân lao động với trăm nỗi đau còn thể hiện chân thực trong truyện ngắn Sống chết mặc bay của Phạm Duy Tốn:</u></p> <p>+ <i>Làm nổi bật 2 bức tranh tương phản cuộc sống của người dân lao động và tên quan phụ mẫu và đám tùy tùng.</i></p> <p>+ <i>Sống chết mặc bay</i> của Phạm Duy Tốn được coi là bông hoa đầu mùa của truyện ngắn hiện đại Việt Nam. Với hai thủ pháp đặc sắc là tương phản và tăng cấp, tác giả đã làm sống lại cuộc sống lầm than, cơ cực của người dân lao động dưới chế độ thực dân nửa phong kiến.</p> <p>+ Trong tác phẩm, Phạm Duy Tốn đã đặt người dân vào bối cảnh: Ra sức vật lộn để giữ gìn tính mạng một khúc đê làng X, thuộc phủ X (<i>Học sinh lựa chọn chi tiết để phân tích</i>). <i>Đó là một cảnh tượng nhốn nháo, căng thẳng, cơ cực, khôn khổ và nguy hiểm vô cùng trước tình thế ngàn cân treo sợi tóc.</i></p> <p>+ Sự bất lực của sức người trước sức nước, sự yếu kém của thể đê trước sức mạnh ngày càng tăng của thiên nhiên thì</p>	<p>1,5</p> <p>1,0</p>
--	---	-----------------------

	<p>thảm họa tất sẽ xảy ra: cảnh đê vỡ. Người dân rơi vào thảm cảnh, kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết.</p> <p>+ Đánh giá: (3 ý)</p> <p>a. Với hai thủ pháp tương phản và tăng cấp, <i>Sống chết mặc bay</i> đã thể hiện niềm cảm thương của tác giả trước cuộc sống lầm than cơ cực của người dân lao động đồng thời lên án, tố cáo thái độ vô trách nhiệm, vô nhân tính của quan lại phong kiến với bản chất <i>lòng lang dạ thú</i>.</p> <p>b. Lòng cảm thương cho số phận của người nông dân lao động thấp cổ bé họng</p> <p>- Lên án, vạch trần tội ác, lòng lang dạ thú của tên quan và cả XHPK bất công, vô nhân tính</p> <p>=>c. Qua hai văn bản, ta dễ dàng nhận thấy sự giao thoa trong cảm xúc của các tác giả. Nếu tác giả dân gian sử dụng hình thức lời thơ lục bát với giọng điệu xót xa, thương cảm cùng những hình ảnh mang tính biểu tượng thì Phạm Duy Tồn lại dùng lời văn cụ thể, sinh động với việc vận dụng khéo léo hai thủ pháp tương phản và tăng cấp. Sự cảm nhận và phản ánh của các tác giả thể hiện tâm hồn tinh tế, nhạy cảm với <i>lòng cảm thương, xót xa trước cuộc sống lầm than, cơ cực của người dân lao động. Đó còn là lời phản kháng, lên án, tố cáo xã hội phong kiến bất công, vô nhân tâm, vô nhân tính.</i></p> <p>e. Khái quát lại vấn đề và rút ra bài học.</p>	
Tổng điểm		20,0

ĐỀ SỐ 38:**Câu 1 (6 điểm)**

Đọc câu chuyện sau:

Một chàng trai đang gặp nhiều khó khăn, anh bị tổn thương và trở nên mất niềm tin vào cuộc sống. Anh đến hỏi một ông già thông thái. Nghe kể xong, ông chẳng nói lời nào mà chỉ im lặng đặt chiếc nồi lên bếp, đổ vào nồi một ít nước và cho vào một củ cà rốt, một cục muối và một quả trứng. Sau khi đun sôi, ông mở nắp và trầm ngâm im lặng nhìn vào chàng trai. Sau một hồi ông bắt đầu nói:

- Ai sống trên đời cũng phải trải qua khó khăn, thử thách cả. Nhưng điều quan trọng là sau đó mọi việc sẽ như thế nào?

Hãy nhìn xem cục muối với vẻ rắn chắc bên ngoài nhưng bỏ vào nước là tan, củ cà rốt cứng cáp khi bị nóng cũng trở nên mềm đi. Còn quả trứng tuy mỏng manh nhưng khi qua nước sôi nóng bỏng lại trở nên cứng cáp hơn.

(*Hạt giống tâm hồn*- Từ những điều bình dị, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2012).

Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu chuyện trên bằng một bài văn ngắn (*khoảng hai trang giấy thi*).

Câu 2 (14 điểm)

Nói về thơ, có ý kiến cho rằng:

Đường đi của thơ là con đường đưa thẳng vào tình cảm, không quanh co, qua những chặng, những trung gian, những cột cây số. Thơ chỉ chọn một ít điểm chính, bám vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo.

Phân tích bài thơ "*Cảnh khuya*" của Hồ Chí Minh để làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (6 điểm)	<p>Yêu cầu</p> <p>a. Hình thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo là một bài văn ngắn theo dung lượng đã quy định, kết cấu chặt chẽ gồm 3 phần, hành văn trôi chảy, diễn đạt mạch lạc, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. <p>b. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết có thể trình bày theo các cách khác nhau nhưng cơ bản nêu được các ý sau: <p>* Tóm tắt và nêu ý nghĩa câu chuyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt: Một chàng trai gặp nhiều khó khăn, bị tổn thương và mất niềm tin vào cuộc sống. Anh đến hỏi ông già thông thái và được ông cho lời khuyên qua việc được nhìn thấy quả trứng trở nên cứng cáp sau khi luộc còn muối thì tan, củ cà rốt thì mềm nhũn. - Ý nghĩa của câu chuyện: Động viên con người ý thức được rằng khó khăn, thử thách của cuộc sống mới khiến cho con người trưởng thành hơn. <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Khó khăn, thử thách</i>: là những trở ngại con người gặp phải trong học tập, trong công việc. Những trở ngại ấy có khi vượt khả năng, sức lực mỗi người và người ta khó thực hiện. <p>Câu chuyện nhắc nhở mỗi người phải có nghị lực, ý chí để vượt qua những trở ngại mà bản thân mình gặp phải. Vì không có ai thành công mà không phải đối mặt với khó khăn trở ngại.</p> <p>* Bàn luận, mở rộng vấn đề</p> <p>Học sinh có thể trình bày quan điểm cá nhân nhưng cần hợp lí, thuyết phục; dưới đây là một hướng giải quyết:</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>1</p>

	<p>- Khẳng định ý kiến hoàn toàn đúng:</p> <p>+ Sinh ra và sống trong cuộc đời này ai cũng phải đối mặt với khó khăn, trở ngại. Thành công không tự nhiên mà có - đó là một qui luật tất yếu.</p> <p>+ Khó khăn của cuộc sống rất đa dạng: đó là những công việc vượt khả năng, những tình huống nan giải cần con người phải giải quyết; là những thiếu thốn về vật chất; những bất hạnh về tinh thần; những vấp ngã, thất bại trong học tập, trong công việc;</p> <p>- Mở rộng vấn đề:</p> <p>+ Có người may mắn sẽ gặp ít khó khăn trở ngại, người thiếu may mắn thì phải đối mặt với khó khăn nhiều hơn. Tuy nhiên, không gặp trở ngại nào thì người ta không thể thành công.</p> <p>+ Hãy chuẩn bị những điều kiện tốt nhất như tri thức, đạo đức,... để có thể vượt qua thử thách dễ dàng hơn.</p> <p>+ Mỗi người hãy tiếp sức đồng nghiệp, bạn bè trong hoàn cảnh họ gặp khó khăn. Có như thế, những khi bản thân ta gặp khó khăn, chúng ta cũng được tiếp sức từ những người chung quanh.</p> <p>* Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Phải có ý chí và nghị lực vượt khó.</p> <p>- Phải hiểu rằng: <i>gian nan rèn luyện mới thành công.</i></p>	1
<p>Câu 2 (14 điểm)</p>	<p>Câu 2 (14 điểm)</p> <p>Yêu cầu</p> <p>Hình thức:</p> <p>- Kết cấu mạch lạc, kết hợp các thao tác nghị luận một cách linh hoạt, hệ thống lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc, phù hợp với nội dung và hình thức của bài.</p> <p>Nội dung:</p> <p>- Bài làm của học sinh có thể trình bày theo các cách khác nhau, song phải làm sáng tỏ được vấn đề cần nghị luận, đúng trọng tâm yêu cầu. Qua việc phân tích dẫn chứng, bài viết phải thể hiện được hiểu biết về một số nội dung chính như sau:</p> <p>* Mở bài</p> <p>* Thân bài</p> <p>a. Giải thích ý kiến:</p> <p>- "<i>Đường đi của thơ là con đường đưa thẳng vào tình cảm, không quanh co, qua những chặng, những trung gian, những cột cây số.</i>": khái quát (bằng hình ảnh) một trong những đặc trưng của thơ, đó là tác động thẳng vào cảm xúc của con người, không cần qua trung gian...</p> <p>- "<i>Thơ chỉ chọn một ít điểm chính, bám vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo.</i>": chỉ ra đặc điểm cấu tứ của thơ đó là có một số điểm chính; để hiểu được cấu tứ chỉ cần nhấn vào đó là hiện lên các mạch ý, mạch cảm xúc trong bài.</p>	<p>1</p> <p>3</p> <p>4</p>

	<p>b. Phân tích bài thơ “Cảnh khuya” để làm sáng tỏ ý kiến trên:</p> <p>* Luận điểm 1: Thơ tác động thẳng vào trái tim con người, không quanh co, không qua trung gian.</p> <p>- Minh họa 1: Hình tượng bức tranh thiên nhiên cảnh khuya nơi núi rừng Việt Bắc</p> <p>+ Được khắc họa ở chiều sâu của ý thức, của cảm xúc.</p> <p>+ Tác động vào trái tim độc giả: rung động trước vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên.</p> <p>- Minh họa 2: Hình tượng Bác thao thức không ngủ được vì lo cho vận mệnh đất nước</p> <p>+ Được miêu tả ở những ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.</p> <p>+ Chạm vào trái tim độc giả: quý trọng, yêu mến, tự hào...</p> <p>* Luận điểm 2: Một số điểm chính tạo nên cấu tứ, chỉ cần chọn được điểm chính nhấn vào đó là hiện lên các mạch ý, mạch cảm xúc.</p> <p>c. Đánh giá ý kiến:</p> <p>- Là một ý kiến chính xác, sâu sắc; dẫn dắt người đọc tiếp nhận bằng sự rung động, đi sâu vào mạch ngầm văn bản để cảm nhận sâu.</p> <p>*Kết bài</p>	<p>4</p> <p>1</p> <p>1</p>
--	--	---

ĐỀ SỐ 39:

Câu 1:(6 điểm)

Ngày 3/12/2016, câu chuyện một cậu bé lớp 2 dừng xe xin lỗi tài xế sau va chạm được chia sẻ trên diễn đàn Otofun đã gây chú ý mạng xã hội. Người tài xế chia sẻ câu chuyện cho biết khi anh đang đỗ xe trên đường Đào Nhuận (Thành phố Hải Phòng) thì cậu bé đi xe đạp không may tông trúng. Sau va chạm, cậu bé không bỏ đi mà dừng lại, đợi lái xe hạ kính xuống rồi đứng ngay ngắn khoanh tay xin lỗi.

(Sưu tầm, theo nguồn Internet)

Từ những thông tin trên, hãy viết đoạn văn (*khoảng nửa trang giấy thi*) trình bày suy nghĩ của em về cách cư xử của bạn học sinh và rút ra bài học cho bản thân.

Câu 2: (14 điểm)

“Cảnh khuya” và “Rằm tháng giêng” là hai bài thơ tứ tuyệt nổi tiếng của Hồ Chí Minh. Hai bài thơ miêu tả cảnh trăng ở chiến khu Việt Bắc, đồng thời cho thấy tình

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Trang 210

	<p>thức cảnh đêm trăng.</p> <p>- Tâm hồn nghệ sĩ (chất tình) và tinh thần chiến sĩ (chất thép) luôn thống nhất trong con người Bác.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh cần xen cảm nghĩ của bản thân (xúc động, kính trọng, khâm phục, tự hào, biết ơn Bác).</p> <p><i>c. Kết bài:</i></p> <p>- Nhấn mạnh lại cảm xúc và ấn tượng của em về vẻ đẹp tâm hồn của Bác Hồ qua hai bài thơ "Cảnh khuya" và "Rằm tháng giêng".</p>	1
	<p>3. Biểu điểm</p> <p>- Điểm 13 - 14: Bài viết đúng thể loại biểu cảm, có cảm xúc, có ý tưởng mới mẻ, sáng tạo, diễn đạt mạch lạc, hầu như không mắc lỗi chính tả.</p> <p>- Điểm 11 - 12: Bài viết đáp ứng được các yêu cầu nhưng chưa sâu, còn mắc vài lỗi chính tả và diễn đạt.</p> <p>- Điểm 9 - 10: Bài viết đáp ứng được các yêu cầu nhưng đôi chỗ còn sơ sài, ít cảm xúc, còn mắc một số lỗi về diễn đạt, lỗi chính tả.</p> <p>- Điểm 7 - 8: Bài viết đáp ứng được một số yêu cầu trên, viết còn sơ lược, diễn đạt được ý nhưng chưa mạch lạc.</p> <p>- Điểm 5 - 6: Bài viết đáp ứng được một số yêu cầu trên, viết còn sơ lược, các ý chưa mạch lạc, một số ý nội dung sơ sài, có mắc lỗi diễn đạt.</p> <p>- Điểm 3 - 4: Bài viết cơ bản nêu được một số chi tiết theo yêu cầu nhưng nội dung sơ sài, trình bày còn lộn xộn, sai nhiều lỗi diễn đạt.</p> <p>- Điểm 1 - 2: Bài viết không nắm vững yêu cầu của đề, nội dung quá sơ sài, mắc nhiều lỗi diễn đạt.</p> <p>- Điểm 0: Lạc đề, sai thể loại hoặc không làm bài.</p> <p>* Lưu ý: Trong quá trình chấm, GV có thể linh hoạt để cho điểm HS; cần khuyến khích những bài viết hay, sáng tạo.</p>	

ĐỀ SỐ 40:**Câu 1 (4,0 điểm)**

Đêm nay, mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con. Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: "Đi, đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra".

(Trích **Cổng trường mở ra**, Lý Lan, **Ngữ văn 7**, tập 1)

Từ việc người mẹ không “cầm tay” dắt con đi tiếp mà “buông tay” để con tự đi, hãy viết bài văn bàn về tính tự lập.

Câu 2. (6,0 điểm)

“*Thơ Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa vẻ đẹp cổ điển và tinh thần hiện đại*”.

Em hãy chứng minh ý kiến trên qua bài thơ: “*Rằm tháng giêng*” (Nguyên tiêu) của Hồ Chí Minh

----- HẾT -----.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (4đ)	I.Yêu cầu về kĩ năng: -Học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội (Trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa đặt ra từ một hình ảnh trong câu chuyện, vận dụng tốt các thao tác nghị luận đã học: chứng minh, giải thích). -Bố cục rõ ràng; lập luận chặt chẽ; diễn đạt sáng tạo.	
	II.Yêu cầu về nội dung: 1.Mở bài: Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: Hai chữ “buông tay” là bước ngoặt của hai trạng thái bao bọc và phải đi một mình. Việc phải bước đi một mình trên đoạn đường phía trước là biểu hiện của tính tự lập.	0,5
	2.Thân bài:	
	a.Giải thích tính tự lập:	
	-Tự lập là do chính bản thân mình, không có sự giúp đỡ của người khác.	0,25
	-Người có tính tự lập là người biết tự lo liệu, tạo dựng một cuộc sống cho mình mà không ỷ lại. Chủ động đưa ra quyết định và làm lấy mọi công việc, không dựa vào người khác...	0,25
	b.Dùng lí lẽ, dẫn chứng: (Dẫn chứng thực tế về tự lập trong học tập, lao động, sinh hoạt hàng ngày...) để thể hiện được suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của tính tự lập nhưng về cơ bản cần đảm bảo được các ý sau:	
	-Tự lập là đức tính quan trọng đối với mỗi con người.	0,25
	-Trong cuộc sống không phải lúc nào cũng có cha mẹ bên cạnh để dìu dắt hay một người nào đó bên mình để giúp đỡ những khó khăn. Vì vậy cần rèn luyện tính tự lập để chủ động làm việc, ứng phó với	0,5

	cuộc sống. (dẫn chứng)	
	-Người có tính tự lập sẽ dễ đạt được thành công, giá trị bản thân được khẳng định, mọi người trân trọng (dẫn chứng)	0,5
	c. Bình luận, mở rộng để rút ra bài học:	
	-Tự lập là cần thiết nhưng thực tế không phải ai cũng làm được. Nhiều người sống dựa dẫm. Khi dựa dẫm sẽ trở thành gánh nặng cho người thân và cuộc sống sẽ thụ động, vô nghĩa, khó thành công. (dẫn chứng)	0,25
	-Tự lập không có nghĩa là tự tách mình ra khỏi cộng đồng, không phải là sự tự tin thái quá. Chúng ta phải đoàn kết, dựa vào mọi người để chia sẻ, học tập tạo sức mạnh tập thể.	0,25
	-Mỗi cá nhân cần rèn luyện tính tự lập để hình thành tính cách lâu bền. Nỗ lực vượt qua mọi thử thách trong cuộc sống.	0,5
	-Cần phê phán những người thiếu tinh thần tự lập, sống thụ động, ỷ lại...	0,25
	3.Kết bài: Khẳng định lại vấn đề:	
	Tính tự lập là đức tính rất cần thiết với mỗi con người trong xã hội hiện nay, cần rèn luyện đức tính tốt đẹp đó ngay từ khi còn nhỏ...	0,5
	<i>Lưu ý: HS cần lấy những dẫn chứng cụ thể, sát thực đời sống, phù hợp để làm rõ vấn đề</i>	
Câu 2 (6đ)	I.Yêu cầu về kĩ năng: - Học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận chứng minh một ý kiến nhận xét về giá trị của bài” <i>Rằm tháng giêng</i> ”. -Sự dụng linh hoạt các thao tác lập luận. -Bố cục rõ 3 phần, hệ thống ý sáng tỏ, mạch lạc. -Diễn đạt chính xác trôi chảy; lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. -Biết phân tích văn bản phiên âm chữ Hán trong sự đối chiếu dịch thơ.	
	II.Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	
	1.Giải thích:	
	-Cổ điển là vẻ đẹp tinh hoa mẫu mực của cổ thi phương Đông. Trong thơ ca chính là những yếu tố về nội dung và thi pháp chịu ảnh hưởng của thơ ca cổ điển phương Đông: đề tài, thể thơ, thi liệu, cảm xúc, ngôn ngữ, bút pháp miêu tả, tính hàm súc, phong thái của	0,25

nhân vật.	
<p>-Tinh thần hiện đại là cách thể hiện con người, tâm trạng nhân vật trữ tình trong mối quan hệ với thiên nhiên, cảnh vật phải mang tính thời đại.</p> <p>-Thể hiện quan điểm nghệ thuật, tư tưởng của con người trong xã hội mà nó nảy sinh, thậm chí vượt trước thời đại...</p>	0,25
<p>2. Ý nghĩa khái quát của nhận định:</p> <p>Nhận định trên đã khẳng định phong cách thơ của Hồ Chí Minh, nhất là thơ trữ tình. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa vẻ đẹp tinh hoa của thơ ca cổ và tinh thần thời đại, tinh thần của người chiến sĩ cách mạng.</p>	0,25
3.Giới thiệu tác giả, tác phẩm:	
<p>-Hồ Chí Minh vừa là một chiến sĩ cách mạng vừa là một nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ của Người luôn có sự hòa quyện giữa vẻ đẹp cổ điển và tinh thần hiện đại.</p>	0,25
<p>-Mùa xuân Mậu Tý năm 1948, Bác” xuất hành” công tác trên chiến khu Việt Bắc, Bác viết bài thơ xuân:”<i>Rằm tháng giêng</i>” (Nguyên tiêu).</p>	0,25
4.Phân tích bài thơ để làm rõ sự kết hợp hài hòa giữa vẻ đẹp cổ điển và tinh thần hiện đại:	
a.Vẻ đẹp cổ điển	
<p>-Ngôn ngữ tiếng Hán. Thơ chữ Hán thường cô đọng, hàm súc.</p>	0,25
<p>-Thể loại: Thất ngôn tứ tuyệt, sát mô hình cấu trúc kể cả cách ngắt nhịp. Một thể thơ rất cô đọng, hàm súc, cân đối. Đây là thể thơ quen thuộc của thơ ca phương Đông. (<i>“Xa ngắm thác núi Lư”</i> của Lí Bạch).</p>	0,25
<p>-Đề tài: Mùa xuân, trăng, một đề tài quen thuộc trong thơ cổ</p>	0,25
<p>-Thi liệu quen thuộc trong thơ ca cổ: trăng, trời, dòng sông, khói sóng. (Tích hợp hình ảnh trong” <i>Tĩnh dạ tứ</i>”- Lí Bạch)</p> <p>+Không gian bao la, trăng thanh, gió mát. Trời, sông, nước, nổi lên bởi ánh trăng. Cảnh vật hòa hợp, nhất thể.</p> <p>+Không gian nơi sâu thẳm thâm cùng: khói sóng gợi ra một không gian mờ ảo, thơ mộng, gắn với ẩn sĩ thời xưa.</p> <p>+Thời gian đêm khuya tĩnh mịch.</p>	0,75
<p>-Phong thái nhân vật trữ tình: Ung dung, thưởng ngoạn thiên nhiên, đắm say cảnh sắc.</p>	0,25

<p>-Bút pháp: Châm phá tả cảnh ngụ tình. Chỉ qua vài nét vẽ nhưng làm hiện lên bức tranh sơn thủy trong một đêm trăng viên mãn thật thơ mộng, huyền ảo, cổ điển và đồng thời làm hiện lên chân dung nhân vật trữ tình tự do, tự tại như ẩn sĩ phương Đông đang hòa mình vào cảnh.</p>	0,25
<p>b. Tinh thần hiện đại:</p>	
<p>-Trong thơ ca cổ, hình ảnh con người thường rất nhỏ bé, thậm chí bị hòa tan vào thiên nhiên rộng lớn, con người như ẩn sĩ ẩn dật, lánh đời.</p> <p>Tích hợp với Nguyễn Trãi qua bài”<i>Côn Sơn ca</i>” hay”<i>Qua Đèo Ngang</i>” của bà Huyện Thanh Quan.</p>	0,25
<p>-Hình ảnh nhân vật trữ tình:</p> <p>“<i>Yên ba thâm xứ đàm quân sự</i> <i>Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền</i>”</p> <p>+Không gian cụ thể, gắn với núi rừng Việt Bắc. Nếu như không gian này trong thơ cổ báo hiệu sự chia li, sự nhung nhớ,... thì đằng sau không gian mịt mù khói sóng của núi rừng Việt Bắc là không gian của cách mạng, của việc nước.</p> <p>+Con người thể hiện cụ thể”<i>bàn bạc việc quân</i>”.Thi sĩ là chiến sĩ, người chỉ huy, người lãnh đạo cuộc kháng chiến, không có trong thơ xưa. Hình ảnh ấy gắn với thời đại, gắn với những giây phút bàn bạc việc nước, không đơn thuần chỉ là thả hồn như những thi sĩ ẩn dật trong thơ cổ. Đó là công việc của người lãnh tụ đang ngày đêm lo cho dân, cho nước.</p> <p>+ Tâm hồn: Giữa bộn bề tiếng súng kháng chiến lại có một không gian thơ mộng hiện ra với một ánh trăng sáng hòa quyện cùng dòng sông lấp lánh. Thể hiện tâm hồn lãng mạn, tinh thần thép của một người cộng sản yêu nước, yêu tự do. Dù trong bất kì cảnh ngộ nào, dù bận trăm công nghìn việc,Người cũng luôn hướng về cái đẹp, về ánh sáng, về tương lai với một tinh thần lạc quan.</p> <p>(Khác với”<i>Tĩnh dạ tứ</i>”, nhìn trăng mà nhớ cố hương,tâm trạng hoài cổ, gọi nỗi buồn)</p>	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>-Sự vận động mạch thơ:</p> <p>+Thơ xưa cảnh thường tĩnh lại vì quan niệm tĩnh tại là cái đẹp.Hồ Chí Minh, một người cộng sản, một nhân vật có trí tuệ uyên thâm nên đã nhìn thiên nhiên theo quy luật vận động tất yếu của nó. Hình tượng thơ luôn có sự vận động từ bóng tối ra ánh sáng. Hình ảnh trăng trong câu thơ cuối thể hiện sự vận động tất yếu ấy. Ánh sáng</p>	0,25

	<p>lan tỏa, viên mãn, làm cho không gian nơi sông vắng trở nên lung linh, ấm áp, thơ mộng.</p> <p>+ Vẻ đẹp ấy tỏa ra từ cảnh và được thăng hoa từ trong tâm hồn yêu thiên nhiên, đất nước. Việc nước và trăng xuân hài hòa tạo lên ý nghĩa sâu xa: sắc xuân, ý xuân, sức xuân trên dòng sông đêm xuân chính là màu sắc, âm thanh náo nức của mùa xuân tiến quân lịch sử với niềm tin mãnh liệt:” <i>Trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi!</i>”. Sự lạc quan phơi phới chính là vẻ đẹp của bài thơ mang tinh thần thời đại, đầy chất thép trong hồn thơ xuân của Bác. Đó là sức mạnh của một con người trí tuệ và chiều sâu trong tâm hồn.</p>	0,5
	3.Đánh giá vẻ đẹp của chất cổ điển kết hợp với tinh thần hiện đại trong bài thơ:	
	<p>-Ngay từ nhỏ Hồ Chí Minh đã được học chữ Hán, thơ phú Đường Tống, tiếp thu nhuần nhuyễn văn hóa phương Đông, đồng thời Người là một nhà hoạt động cách mạng, một kiểu nhà văn mới, nhà văn chiến sĩ am hiểu văn hóa phương Tây đã tạo nên vẻ đẹp riêng độc đáo: Hài hòa vẻ đẹp cổ điển và tinh thần hiện đại, giữa chất thép và chất trữ tình, thi sĩ và chiến sĩ.</p> <p>- Qua bài thơ,ta có thể cảm nhận được tâm hồn nhạy cảm, lãng mạn, yêu thiên nhiên, đất nước, tin vào chiến thắng. Phong thái ung dung, tâm hồn thanh cao của vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc mang cốt cách nghệ sĩ nhà hiền triết phương Đông.</p>	0,25 0,25
	<i>Lưu ý: Giám khảo linh động khi chấm, đặc biệt những bài viết có tính sáng tạo, khám phá và thể hiện được sự xúc động chân thực.</i>	

ĐỀ SỐ 41:**Phần I. Tiếng Việt (4.0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Con sẽ không đợi một ngày kia
 Khi mẹ mất đi mới giật mình khóc lóc
 Những dòng sông trôi đi có trở lại bao giờ?
 Con hốt hoảng trước thời gian khắc nghiệt
 Chạy điên cuồng qua tuổi mẹ già nua.*

(Trích”Mẹ” – Đỗ Trung Quân)

Phát hiện và chỉ ra biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong hai câu thơ:”*Con hốt hoảng trước thời gian khắc nghiệt/ Chạy điên cuồng qua tuổi mẹ già nua*”?Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Phần II. Đọc hiểu văn bản (6,0 điểm)

Đọc phần trích sau và trả lời các câu hỏi

....Mới đây các giáo sư tâm lí học ở Trường Đại học York và Toronto đã tìm ra những bằng chứng để chứng minh rằng: Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.

Những nghiên cứu của các giáo sư đã cho thấy những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ. Ngược lại những cá nhân có khả năng thấu cảm tốt cũng thường lựa chọn sách văn học để đọc.

Sau khi đã tìm thấy mối liên hệ hai chiều ở đối tượng độc giả là người lớn, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành với trẻ nhỏ và nhận thấy những điều thú vị, rằng những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành những đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.

(Trích *Đọc sách văn học giúp chúng ta thông minh hơn*- Dân trí)

1. Phần trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)
2. Trong phần trích trên, theo nghiên cứu của các giáo sư tâm lí học, việc đọc sách văn học có tác dụng gì với con người? (1,5 điểm)
3. Em có nhận xét gì về văn hóa đọc sách của giới trẻ Việt Nam (đặc biệt là giới học sinh) trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay? (1,0 điểm)
4. Hãy nêu chính xác tên một cuốn sách văn học, hoặc một tác phẩm văn học em đã được học, được đọc (có tên tác giả). Viết 5 đến 6 câu văn chia sẻ về tác dụng của cuốn sách (tác phẩm) đó đối với bản thân em? (3,0 điểm)

Phần III. Tập làm văn (10,0 điểm)



1. Bức tranh trên gợi trong em những cảm xúc, suy tư sâu lắng về tác phẩm văn học nổi tiếng nào, của ai... được học trong chương trình ngữ văn lớp 7? Hãy chép một số câu thơ trong tác phẩm đó mà theo em là minh họa chính xác nhất cho bức tranh trên. (1,5 điểm)

2. Hãy viết bài văn phát biểu cảm nghĩ sâu sắc của em về tác phẩm văn học được gợi lên từ bức tranh. (8,5 điểm)

Hết

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần I. Tiếng Việt (4.0 điểm)

Câu	Yêu cầu	Điểm
Phát hiện và chỉ ra biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong hai câu thơ: "Con hốt hoảng trước thời gian khắc nghiệt/ Chạy điên cuồng qua tuổi mẹ già nua"? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó? (4.0 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp tu từ: Nhân hóa (<i>Thời gian khắc nghiệt.... chạy điên cuồng...</i>) - Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Cho thấy thời gian trôi qua nhanh chóng. + Cho thấy tâm trạng hốt hoảng của nhà thơ khi thấy thời gian trôi nhanh và mẹ mỗi ngày một thêm già yếu. + Thể hiện niềm xúc động tình cảm thương yêu sâu sắc của người con đối với người mẹ. * Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt linh hoạt nhưng phải trình bày rõ ràng và đảm bảo được các ý chính của đáp án. 	1.0 đ 3.0 đ

Phần II. Đọc hiểu văn bản (6,0 điểm)

Câu	Yêu cầu	Điểm
1. Phần trích trên được		

viết theo phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)	- Phương thức biểu đạt: Nghị luận	0,5 đ
2. Trong phần trích trên, theo nghiên cứu của các giáo sư tâm lý học, việc đọc sách văn học có tác dụng gì với con người? (1,5 điểm)	<p>- Việc đọc sách có tác dụng:</p> <p>+ <i>Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.</i></p> <p>+ <i>Những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ.</i></p> <p>+ <i>Những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành những đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.</i></p>	<p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>
3. Em có nhận xét gì về văn hóa đọc sách của giới trẻ Việt Nam (đặc biệt là giới học sinh) trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay? (1,0 điểm)	<p>- Nhận xét gì về văn hóa đọc sách của giới trẻ Việt Nam (đặc biệt là giới học sinh) trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay:</p> <p>+ Giới trẻ hiện nay còn thờ ơ với việc đọc sách, chưa có thói quen đọc sách, không dành thời gian để đọc sách.</p> <p>+ Giới trẻ không mặn mà với các loại sách văn học, không quan tâm và không biết đến các tác phẩm văn học kinh điển nổi tiếng của Việt Nam và thế giới.</p> <p>+ Một số học sinh đọc theo phong trào, chưa xác định được mục đích đúng đắn của việc đọc sách.</p> <p>+ Đọc sách chưa có sự lựa chọn, một số còn lựa chọn "sách đen" (Sách tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy, sách có nội dung bạo lực ...) để đọc, tiêm nhiễm vào đầu óc những tư tưởng thiếu trong sáng, lành mạnh.</p> <p>+ Nhiều người trẻ cho rằng đọc sách thời nay là lạc hậu vì ở thời đại công nghệ thông tin phát triển như vũ bão hiện nay lên mạng đọc nhanh và dễ hơn.</p> <p>+ Xu hướng đọc theo cách "mì ăn liền", đọc nhanh, đọc ngắn và ít có thời gian suy ngẫm đang là trào lưu thịnh hành của giới trẻ.</p> <p>+ Giới trẻ hiện nay thờ ơ hững với văn hóa đọc vì</p>	1.0 đ

	<p>điện thoại và Internet. Nói cách khác văn hóa đọc của giới trẻ hiện nay đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự bùng nổ thông tin, với sự xuất hiện của các loại hình đa phương tiện ...v.v..</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, có thể có những cách nhìn nhận và quan điểm khác nhau nhưng cần phải đưa ra được những nhận xét xác đáng hợp lí, phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>- Học sinh đề xuất được 4 ý trở lên thì cho điểm tối đa (Mỗi ý cho 0,25 đ). Chấp nhận các ý khác hợp lí ngoài đáp án.</p>	
4. Hãy nêu chính xác tên một cuốn sách văn học, hoặc một tác phẩm văn học em đã được học, được đọc (có tên tác giả). Viết 5 đến 6 câu văn chia sẻ về tác dụng của cuốn sách (tác phẩm) đó đối với bản thân em? (3,0 điểm)	<p>* Các yêu cầu cụ thể:</p> <p>- Nêu chính xác tên một cuốn sách văn học, hoặc một tác phẩm văn học em đã được học, được đọc (có tên tác giả).</p> <p>- Viết đúng số lượng từ 5 đến 6 câu văn chia sẻ về tác dụng của cuốn sách (tác phẩm) đó đối với bản thân em.</p> <p>Cần nêu các tác dụng cụ thể dựa trên các khía cạnh sau:</p> <p>+ Tác dụng về việc cung cấp tri thức hiểu biết.</p> <p>+ Bồi dưỡng tâm hồn, rèn giũa nhân cách, đạo đức.</p> <p>+ Rèn luyện ngôn ngữ, giao tiếp, tư duy..</p> <p>+ Nâng cao kĩ năng sống...v...v...</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Học sinh có thể diễn đạt linh hoạt, sáng tạo</p> <p>- Phần tác dụng học sinh nêu được 34 ý trở lên thì cho điểm tối đa 1,5 đ (Mỗi ý cho 0,5 đ).</p>	<p>1.0 đ</p> <p>0.5 đ</p> <p>1.5 đ</p>

Phần III. Tập làm văn (10,0 điểm)

Câu	Yêu cầu	Điểm
1. Bức tranh trên gợi trong em những	- Bức tranh trên gợi trong em những cảm xúc, suy tư sâu	1,0 đ

<p>cảm xúc, suy tư sâu lắng về tác phẩm văn học nổi tiếng nào, của ai... được học trong chương trình ngữ văn lớp 7? Hãy chép một số câu thơ trong tác phẩm đó mà theo em là minh họa chính xác nhất cho bức tranh trên. (1,5 điểm)</p>	<p>lắng về bài thơ: <i>Tiếng gà trưa</i> của tác giả <i>Xuân Quỳnh</i>.</p> <p>- Những câu thơ minh họa chính xác nhất cho bức tranh:</p> <p style="padding-left: 40px;">Tiếng gà trưa</p> <p style="padding-left: 40px;">Tay bà khum soi trứng</p> <p style="padding-left: 40px;">Dành từng quả chắt chiu</p> <p style="padding-left: 40px;">Cho con gà mái ấp.</p>	<p>0,5 đ</p>
<p>2. Hãy viết bài văn phát biểu cảm nghĩ sâu sắc của em về tác phẩm văn học được gọi lên từ bức tranh. (8,5 điểm)</p>	<p>* Yêu cầu về kĩ năng: (1,5 đ)</p> <p>- Đảm bảo được bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>- Diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dung từ, đặt câu, thể hiện tư duy mạch lạc, rõ ràng. Bài viết trình bày sạch đẹp, khoa học, không gạch xóa.</p> <p>- Đảm bảo đúng đặc trưng của kiểu bài tập làm văn biểu cảm, bộc lộ những suy nghĩ cảm xúc sâu sắc về tác phẩm văn học.</p>	<p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>
	<p>* Yêu cầu về kiến thức: (7,0 đ)</p> <p style="text-align: center;"><i>Định hướng cho bài làm</i></p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Nêu cảm nhận khái quát về tác phẩm.</p> <p>2. Thân bài:</p> <p><u>a. Cảm nghĩ chung về bài thơ:</u></p> <p>- Trình bày một số nét về tác giả, hoàn cảnh sáng tác tác phẩm. (Bài thơ được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, in lần đầu trong tập:” Hoa dọc chiến hào” – 1968 của tác giả Xuân Quỳnh).</p> <p>- Nêu những nét đặc sắc chung về nghệ thuật, nội dung của tác phẩm. ...</p> <p><u>b. Biểu cảm cụ thể về bài thơ: 4,5 đ</u></p> <p><u>b.1. Phát biểu cảm nghĩ về khổ thơ đầu của bài thơ:</u></p>	<p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>

	<p>(Tiếng gà trưa trên đường hành quân.)</p> <p>- Hoàn cảnh: Trên đường hành quân xa, dừng chân bên xóm nhỏ.</p> <p>- Âm thanh tiếng gà trưa:” Cục... cục tác cục ta” – Âm thanh tự nhiên, chân thực</p> <p>- Nghệ thuật điệp từ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.</p> <p>+ Nghe xao động nắng trưa</p> <p>+ Nghe bàn chân đỡ mỏi</p> <p>+ Nghe gọi về tuổi thơ.</p> <p>- Tiếng gà trưa gợi về kỉ niệm tuổi thơ, tình cảm xóm làng và xua tan những vất vả mệt nhọc trên đường hành quân của người lính trẻ. Khổ thơ gợi trong ta nỗi niềm băng khuâng xao xuyến về những kỉ niệm của tuổi ấu thơ thân thương bình dị.</p> <p>b.2. Phát biểu cảm nghĩ về 5 khổ thơ đầu tiếp theo của bài thơ:</p> <p>(Tiếng gà trưa gợi những kỉ niệm thời thơ ấu): 3.0 đ</p> <p>Phần này có thể trình bày cảm nghĩ theo từng khổ thơ, hoặc theo ý tuý theo cách triển khai của người viết.</p> <p>* Kỉ niệm về đàn gà: 1,0 đ</p> <p>- Điệp từ” này”, nghệ thuật miêu tả kết hợp với biện pháp so sánh, vừa như lời khoe vừa như lời giới thiệu về những con gà trong kỉ niệm tuổi ấu thơ. Thế giới đàn gà trong tâm trí người chiến sĩ là một thế giới đầy màu sắc. <i>Hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như trong tranh, khiến người đọc vô cùng thích thú, như được sống lại trong không gian vườn tược đồng nội dân già mà tươi tắn sống động.</i></p> <p>* Kỉ niệm về bà và những ước mơ tuổi thơ: 2,0 đ</p> <p>- Ngôn ngữ thơ mộc mạc giản dị đã gợi lại những kỉ niệm tuổi thơ chân thực và cảm động:</p> <p>+ Kỉ niệm về tuổi thơ đại tồ mò xem trộm gà đẻ bị bà mắng.</p> <p>+ Kỉ niệm về người bà đông đầy yêu thương. Tay bà khum soi trứng, chặt chiu dành dụm chăm lo cho cháu...</p> <p>+ Kỉ niệm về ước mơ tuổi thơ, về những bộ quần áo mới:</p>	1,0 đ
		1,0 đ

Quần chéo go, áo cánh trúc bầu... mang đến cho ta cảm giác về một vẻ đẹp giản dị đậm chất thôn quê dân già. Niềm vui và mơ ước của cháu đi cả vào trong giấc ngủ tuổi thơ.

**Với ngôn ngữ mộc mạc giản dị dân dã, những hình ảnh chân thực gợi cảm, điệp ngữ "Tiếng gà trưa" như một nốt nhấn điểm nhịp cho dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình, nhà thơ đã khơi dậy những kỉ niệm tuổi thơ giản dị mà ấm áp của người cháu trong tình yêu thương sâu nặng của người bà. Đoạn thơ để lại cho chúng ta biết bao nhiều nhớ thương ngậm ngùi về bà, về những kỉ niệm tuổi thơ trong sáng. Có thể thấy tiếng gà trưa đã mang về cả một miền kỉ ức tuổi thơ vô cùng ấm êm và tươi đẹp, khiến người đọc chúng ta xúc động đến nao lòng.*

b.3. Phát biểu cảm nghĩ về khổ thơ cuối của bài thơ: 0.5đ

(Những cảm xúc, suy tư của người cháu)

- Nghệ thuật điệp từ, điệp cấu trúc (vì lòng yêu tổ quốc, vì xóm làng thân thuộc, vì bà...) đã nhấn mạnh mục đích chiến đấu vừa cao cả và thiêng liêng nhưng cũng hết sức bình dị của người cháu- người chiến sĩ cách mạng...

- Những cảm xúc suy tư trong lòng người cháu khiến cho bài thơ thêm có sức dư vang, lắng đọng. Đọc đoạn thơ ta thấy trân trọng tấm lòng, tình cảm của người cháu, thêm gắn bó với những kỉ niệm tuổi thơ, thấy dạt dào trong tim tình yêu thiết tha với quê hương đất nước.

c. Đánh giá chung: 1,0 đ

- Bài thơ được làm theo thể thơ năm chữ, hình ảnh thơ bình dị, gần gũi với cách sử dụng điệp ngữ rất thành công. Bài thơ đã gọi về những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ và tình bà cháu.

- Bài thơ nhắc trong ta tình yêu gia đình, tình cảm với người bà yêu quý, sự trân trọng gắn bó với những gì thân quen bình dị xung quanh ta. Đó là cơ sở cao đẹp của tình yêu quê hương đất nước.

- Có thể liên hệ mở rộng với những tác phẩm khác cùng chủ đề mà em biết; liên hệ với tình cảm của bản thân em với người thân, gia đình và quê hương...

	<p>3. Kết bài: 0.5đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định thành công của tác phẩm và nêu suy nghĩ ấn tượng bản thân về tác phẩm. <p>Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận các cách diễn đạt khác nhau của học sinh trên cơ sở các ý chính câu đáp án. - Giám khảo không đếm ý mà cần căn cứ vào chất lượng làm bài cụ thể của học sinh điều chỉnh khung điểm cho phù hợp. cần khuyến khích những bài làm tốt, thể hiện được những cảm xúc, suy ngẫm chân thành sâu sắc. 	
--	--	--

ĐỀ SỐ 42:

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Chẳng ai muốn làm hành khất
 Tội trời đày ở nhân gian
 Con không được cười giễu họ
 Dù họ hôi hám úa tàn.

Con chó nhà mình rất hư
 Cứ thấy ăn mày là cắn
 Con phải răn dạy nó đi
 Nếu không thì con đem bán.

Nhà mình sát đường, họ đến
 Con cho thì có là bao
 Con không bao giờ được hỏi
 Quê hương họ ở nơi nào.

Mình tạm gọi là no ấm
 Ai biết cơ trời vẫn xoay
 Lòng tốt gửi vào thiên hạ
 Biết đâu nuôi bố sau này.

(Trần Nhuận Minh – Dặn con)

Câu 1 (1,0 điểm): Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ?

Câu 2 (1,0 điểm): Cho biết thái độ của người cha trong bài thơ qua cách nói với con: *Con không được, con không bao giờ được, con phải?*

Câu 3 (2,0 điểm): Tìm ít nhất 03 từ Hán Việt được sử dụng trong bài thơ? Vì sao tác giả lại dùng từ "hành khất" mà không dùng từ "người ăn mày" trong câu thơ đầu?

Câu 4 (2,0 điểm): Theo em người cha muốn dặn con điều gì?

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm): Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ, tương đương 20 - 25 dòng) với chủ đề: ***Tình thương yêu***

giữa con người với con người.

Câu 3 (10,0 điểm): Nhận định về tác phẩm ***Sống chết mặc bay*** của Phạm Duy Tốn, có ý kiến cho rằng: “*Tên quan phủ lòng lang dạ thú ấy chính là hiện thân chobản chất xấu xa, tàn bạo, vô nhân đạo của chế độ phong kiến thời bấy giờ.*”

Bằng hiểu biết về tác phẩm ***Sống chết mặc bay*** (Ngữ văn 7, Tập II), hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

---- HẾT ----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Yêu cầu	Điểm
	PHẦN I. ĐỌC - HIỂU	6,0
Câu 1 (1,0 đ)	- Thể thơ: sáu chữ - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5 0,5
Câu 2 (1,0 đ)	- Qua cách nói với con: <i>Con không được, con không bao giờ được, con phải</i> , thể hiện thái độ nghiêm khắc của người cha với con, mong muốn con mình thấu hiểu và sống đúng với đạo lí làm người.	1,0
Câu 3 (2,0 đ)	- Từ Hán Việt: <i>Hành khát, nhân gian, thiên hạ</i> . - Tác giả lại dùng từ “ <i>hành khát</i> ” mà không dùng từ “ <i>người ăn mày</i> ” vì: + “ <i>Hành khát</i> ”, “ <i>ăn mày</i> ”: đều chỉ người kém may mắn trong cuộc sống, phải đi lang thang xin ăn. + Từ “ <i>Hành khát</i> ” là một từ Hán Việt thể hiện thái độ tôn trọng của tác giả đối với những người không may cơ nhỡ trong cuộc sống.	0,5 0,5 1,0
Câu 4 (2,0 đ)	- Người cha muốn nói với con: Cần tôn trọng, đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người không may mắn trong cuộc sống.	2,0
	PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN	14,0
Câu 1 (4.0 đ)	a. <i>Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn</i> : Mở đoạn giới thiệu vấn đề; Thân đoạn làm rõ vấn đề, triển khai được các ý rõ ràng; Kết đoạn khái quát được nội dung.	0,5

	<p>b. Xác định đúng vấn đề: Tình thương yêu giữa con người với con người trong cuộc sống.</p> <p>c. HS triển khai vấn đề cụ thể, rõ ràng, vận dụng tốt các thao tác viết đoạn văn. Có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình thương yêu là sự đồng cảm, sẻ chia, gắn bó, thấu hiểu... giữa con người với con người. - Biểu hiện của tình thương yêu rất đa dạng và phong phú trong cuộc sống: cảm thông, quan tâm, giúp đỡ những người có cảnh ngộ bất hạnh, khó khăn trong cuộc sống; yêu mến và trân trọng những người có phẩm chất, tình cảm cao đẹp. - Tình thương yêu làm cho mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp, cuộc sống trở nên ấm áp, vui vẻ và hạnh phúc hơn, làm cho mọi người xích lại gần nhau hơn; tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần cùng nhau vượt qua gian khổ, thử thách, xóa tan những hận thù và cảm hóa được những con người lầm lỗi; giúp bồi đắp tâm hồn chúng ta trở nên trong sáng, cao đẹp hơn... - Lên án lối sống thiếu tình thương yêu, ích kỉ, vô cảm trước nỗi đau của đồng loại; phê phán những kẻ lợi dụng tình yêu thương để thực hiện những mục đích xấu.. - Tình yêu thương được nhân rộng và trân trọng, ca ngợi trong cuộc sống hôm nay, cần phải sống có tình yêu thương với tất cả mọi người, sẵn sàng chia sẻ, cảm thông, giúp đỡ người khác. 	0,5
		0,5
		1,0
		0,5
		0,5
Câu 2 (10.0 đ)	<p>1. Yêu cầu về kĩ năng: Đảm bảo một bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh, lập luận chặt chẽ, bố cục hợp lí, hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp cơ bản.</p> <p>2. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:</p> <p>2.1 Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Phạm Duy Tốn, tác phẩm "Sống chết mặc bay". - Giới thiệu nhân vật quan phụ mẫu và nêu vấn đề nghị luận. <p>2.2 Thân bài:</p> <p>a, Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm</p> <p>b, Chứng minh:</p> <p>* Tên quan phủ là một kẻ xấu xa, tàn bạo, vô trách nhiệm:</p>	1,0
		1,0
		1,0
		2,0

	<p>+ Đi hộ đê nhưng quan lại chọn ở trong đình cao ráo, an toàn (dẫn chứng) đối lập với cảnh dân hộ đê.</p> <p>+ Mang theo những đồ dùng sang trọng, kẻ hầu người hạ tấp nập (dẫn chứng).</p> <p>+ Công việc chính của quan không phải cùng dân hộ đê mà là chơi tổ tôm...</p> <p>* Tên quan phủ là một kẻ vô nhân đạo, lòng lang dạ thú:</p> <p>+ Bỏ mặc tính mạng người dân trước nguy cơ đê vỡ (ham mê tổ tôm, bỏ ngoài tai khi có bẩm báo, gắt, quát, dọa nạt,...)</p> <p>+ Thái độ hủ hê, sung sướng, mãn nguyện khi thắng bài cũng là lúc đê vỡ dân rơi vào cảnh nghìn sầu muôn thảm.</p> <p>* Nghệ thuật xây dựng nhân vật:</p> <p>- Thủ pháp tăng cấp và tương phản trong nghệ thuật miêu tả và kể chuyện.</p> <p>- Nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình xuất sắc mang ý nghĩa khái quát cao.</p> <p>* Đánh giá:</p> <p>- Truyện ngắn có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc:</p> <p>+ Lên án, phê phán, tố cáo tên quan phủ mẫu lòng lang dạ thú</p> <p>+ Cảm thương cho số phận thê thảm của người dân</p> <p>- Nghệ thuật đặc sắc: Kết hợp thủ pháp tăng cấp và tương phản.</p> <p>2.3 Kết luận:</p> <p>- Khẳng định lại nhận định và bày tỏ thái độ của người viết.</p>	<p>2,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p>
--	---	---

ĐỀ SỐ 43:

Câu 1 (3.0 điểm)

Xác định và nêu tác dụng của phép điệp ngữ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Mẹ ru khúc hát ngày xưa

Qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn

Chân trần mẹ lội đầu non

Che giông giữ tiếng cười giòn cho ai...

Vì ai chân mẹ giẫm gai

Vì ai tất cả vì ai dãi dầu

Vì ai áo mẹ phai màu

Vì ai thao thức bạc đầu vì ai?

(Trích Ca dao và mẹ- Đỗ Trung Quân)

Câu 2 (7.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 12 đến 15 dòng) biểu cảm về **Lời ru của mẹ**.

Câu 3 (10.0 điểm)

Viết về cuộc chia li đầy nước mắt khi tổ ấm gia đình tan vỡ, thế nhưng, truyện ngắn *Cuộc chia tay của những con búp bê* của Khánh Hoài vẫn để lại trong lòng người cảm giác ấm áp của tình yêu thương.

Em hãy viết bài văn làm sáng tỏ điều đó.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

	Nội dung yêu cầu	Điểm
Câu 1	Xác định và nêu tác dụng của phép điệp ngữ được sử dụng trong đoạn thơ:	(3.0 điểm)
	Thí sinh nêu được: - Điệp ngữ: vì ai. - Tác dụng: Nhấn mạnh công lao của cha mẹ đồng thời nhắc nhở con cái phải biết ơn và ghi nhớ công lao của cha mẹ.	1.5 1.5
Câu 2	Viết đoạn văn (khoảng 12 đến 15 dòng) biểu cảm về Lời ru của mẹ	(7.0 điểm)
	I. Yêu cầu về kĩ năng - Thí sinh biết cách viết đoạn văn biểu cảm, có sáng tạo trong cách trình bày. - Đoạn văn đảm bảo 3 phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. Cách trình bày hợp lí. - Cảm xúc rõ ràng kết hợp nhuần nhuyễn tự sự và miêu tả. - Diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	2.0
	II. Yêu cầu về nội dung Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần	5.0

	đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây.	
	- Tuổi thơ chúng ta ai cũng từng ít nhất một lần được đấm mình trong lòng ru ngọt ngào của mẹ trước khi chìm vào giấc ngủ.	1.0
	- Lời ru của mẹ bao giờ cũng ngọt ngào êm ái, thân thương, triu mến. Nghe tiếng hát ru, trẻ thơ cảm nhận được sự yêu thương, nâng niu của mẹ	2.5
	- Lời ru của mẹ còn là tri thức sơ khai góp phần định hình tính cách, tâm hồn trẻ thơ. Qua lời ru, lòng nhân ái được hình thành, trẻ thơ biết thương yêu ông bà, cha mẹ, anh chị và những người thân.	2.5
	- Lời ru của mẹ có sức sống mãnh liệt và sẽ theo ta đi suốt cả cuộc đời.	1.0
Câu 3	Viết về cuộc chia li đầy nước mắt khi tổ ấm gia đình tan vỡ, thế nhưng, truyện ngắn <i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i> của Khánh Hoài vẫn để lại trong lòng người cảm giác ấm áp của tình yêu thương. Em hãy viết bài văn làm sáng tỏ điều đó.	(10.0 điểm)
	I. Yêu cầu về kĩ năng - Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để viết bài văn biểu cảm. - Bài viết phải có bố cục chặt chẽ, rõ ràng; kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố tự sự và miêu tả; diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	2.0
	II. Yêu cầu về kiến thức Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng phải cảm nhận được bài văn của Khánh Hoài vẫn để lại trong lòng người cảm giác ấm áp của tình yêu thương. Sau đây là một số ý cơ bản mang tính định hướng:	8.0
	1. Mở bài: Giới thiệu, dẫn dắt vấn đề: - Tác giả, tác phẩm. - Đối tượng biểu cảm: bài văn của Khánh Hoài vẫn để lại trong lòng người cảm giác ấm áp của tình yêu thương.	1.0
	2. Thân bài: a. Cảm nhận về cuộc chia li đầy nước mắt khi tổ ấm gia đình tan vỡ Thành và Thủy là hai anh em rất yêu thương nhau, đùm bọc cho nhau mà còn rất mong muốn bố mẹ không chia tay thế nhưng họ phải chia tay vì bố mẹ li hôn. + Thành là một cậu anh trai rất hiền lành và yêu thương, chiều chuộng em gái: Chiều nào cũng đi đón em, nhường đồ chơi cho em + Lúc anh chia đồ chơi ra Thủy tru tréo: có điều gì đó mâu thuẫn trong diễn biến tâm lí của Thủy. + Thủy luôn quan tâm đến anh: Dem kim ra tận sân vận động vá áo cho anh. Để con em nhỏ quàng vai con vệ sĩ để nó canh gác cho	4.0 4.0

<p>anh</p> <p>+ Nỗi xót xa, cay đắng khi hai anh em phải chia lìa: Hai anh em Thành và Thủy còn quá nhỏ để phải chịu đựng cảm giác như vậy.</p> <p>→ Cuộc chia tay đã làm nhói đau Thành và Thủy, để lại trong tim hai em một vết thương rất lớn không gì hàn gắn nổi.</p> <p>b. Khánh Hoài vẫn để lại trong lòng người cảm giác ấm áp của tình yêu thương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai em có thể xa rời nhau, nhưng chúng vẫn luôn nhớ về nhau, nhớ khung trời tuổi thơ với những cảnh vật quen thuộc, mãi mãi không quên. - Tình yêu thương, sự quan tâm chăm sóc cho nhau của hai anh em khiến người đọc xúc động. - Kết thúc truyện hình ảnh Thủy để con em nhỏ ở lại để lại trong lòng người đọc sự xúc động và ngưỡng mộ. <p>→ Mặc dù hai anh em phải rời xa nhau nhưng tình cảm của hai anh em Thành Thủy không có gì có thể chia cắt.</p> <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách kể chuyện tự nhiên, chân thật. - Câu chuyện đã khép lại không chỉ nhấn nhủ mọi người về tổ ấm gia đình vô cùng quan trọng mà để lại trong lòng người đọc một cảm giác của tình yêu thương 	1.0
---	-----

ĐỀ SỐ 44:

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Lặng rồi cả tiếng con ve
 Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
 Nhà em vẫn tiếng ả ời
 Kéo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.
 Lời ru có gió mùa thu
 Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
 Những ngôi sao thức ngoài kia
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
 Đêm nay con ngủ giấc tròn
 Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Mẹ - Trần Quốc Minh)

Câu 1: (1.0 điểm) Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2: (1.0 điểm) Trong bài thơ những âm thanh nào được tác giả nhắc đến?

Câu 3: (2.0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

Câu 4: (2.0 điểm) Nêu khái quát nội dung của bài thơ.

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 1: (4.0 điểm) Từ nội dung bài thơ ở phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 20 – 25 dòng) nêu ý nghĩa lời ru của mẹ trong cuộc đời mỗi con người.

Câu 2: (10.0 điểm) Có ý kiến cho rằng: ”**Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ**”

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ *Qua đèo Ngang* của **Bà Huyện Thanh Quan**.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. ĐỌC HIỂU	1	Bài thơ được viết theo thể thơ: lục bát	1.0
	2	Trong bài thơ những âm thanh được tác giả nhắc đến là: Tiếng ve, tiếng vông kêu, tiếng mẹ hát ru.	1.0
	3	- Biện pháp tu từ: +Ẩn dụ: Giấc tròn +So sánh: Mẹ là ngọn gió - Tác dụng: +Cách nói ẩn dụ ”giấc tròn” không phải chỉ là giấc ngủ của con mà còn mang ý nghĩa cuộc đời con luôn có mẹ theo sát bên nâng bước con đi, che chở cho con, dành cho con tất cả yêu thương. +Hình ảnh so sánh đặc sắc về mẹ ” Mẹ là ngọn gió” – Mẹ như ngọn gió mát lành làm dịu êm những vất vả trên đường đời, ngọn gió bền bỉ theo con suốt cuộc đời. Hình ảnh thơ giản dị nhưng giúp ta thấy được tình thương yêu lớn lao, sự hi sinh thầm lặng, bền bỉ suốt cuộc đời của mẹ đối với con.	2.0
	4	Nội dung bài thơ: Nói lên tình yêu thương bao la, sự hi sinh và những công lao vĩ đại mẹ đã dành cho con đồng thời bày tỏ niềm trân trọng, yêu thương, biết ơn mẹ của con.	2.0
		Từ nội dung bài thơ ở phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 20 – 25 dòng) nêu ý nghĩa lời ru của mẹ trong cuộc đời mỗi con người.	4.0
		<i>a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn.</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng chủ đề: ý nghĩa lời ru trong cuộc đời mỗi</i>	0.25

II. TẠO LẬP VĂN BẢN	1	người.	
		<i>c. Đoạn văn của học sinh cần đảm bảo các ý cơ bản sau:</i> - Lời ru của mẹ chứa chan tình mẫu tử: Là dòng sữa ngọt ngào, là tri thức sơ khai góp phần định hình tính cách, tâm hồn trẻ thơ. - Từ câu hát ru của mẹ mà con hiểu được cuộc đời, hiểu được sự vất vả và tình yêu thương mà mẹ dành cho con. - Lời ru của mẹ đã chấp cho con đôi cánh, chấp cho con ước mơ, niềm tin và nghị lực để con bay cao, bay xa. - Liên hệ về trách nhiệm của bản thân.	3.0
		<i>d. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ phù hợp với vấn đề nghị luận.	0.25
		<i>e. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo qui tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25
	2	Có ý kiến cho rằng: "Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ" Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ "Qua đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan.	10.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học:</i> Mở bài nêu được vấn đề. Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài kết luận được vấn đề.	0.5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Bài thơ Qua đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan bắt rễ từ lòng người và nở hoa nơi từ ngữ.	0.5
		<i>c. Triển khai các vấn đề nghị luận thành các luận điểm:</i> Học sinh có thể giải quyết theo hướng sau: 1. Mở bài: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu vấn đề và trích dẫn ý kiến. 2. Thân bài: * Giải thích ý kiến: - <i>Thơ ca bắt rễ từ lòng người:</i> Thơ ca là tiếng nói chân thành của tình cảm. Thơ do tình cảm mà sinh ra. Thơ luôn thể hiện những rung cảm tinh tế, thâm sâu của tác giả. - <i>Nở hoa nơi từ ngữ:</i> Lời thơ bao giờ cũng chặt chẽ, giàu hình tượng có khả năng gợi cảm xúc cho người đọc. Vẻ đẹp ngôn từ chính là yêu cầu bắt buộc đối với thơ ca. -> Ý cả câu: Thơ ca khởi nguồn từ cảm xúc của tác giả trước cuộc sống và tình cảm ấy thăng hoa nơi từ ngữ biểu hiện. * Chứng minh: HS cần phân tích bài thơ để làm sáng tỏ:	1.0
		Luận điểm 1: Bài thơ Qua đèo Ngang bắt rễ từ lòng	1.5
			3.0

	<p>người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ <i>Qua đèo Ngang</i> được sáng tác khi Bà Huyện Thanh Quan vào Huế nhậm chức <i>Cung trung giáo tập</i> qua đó thể hiện nỗi nhớ nước thương nhà, nỗi buồn thầm lặng cô đơn của tác giả. - Bài thơ <i>tả cảnh ngụ tình</i> đặc sắc mượn cảnh vật để kín đáo kí thác những nỗi niềm tâm sự của mình: Nỗi buồn cô đơn trước thực tại, nhớ về dĩ vãng để trang trải nỗi lòng. - Hai câu đề: Nói lên không gian, thời gian gợi buồn. Khắc họa cảnh vật Đèo Ngang heo hút, vắng vẻ, hoang vu, thiếu bàn tay chăm sóc của con người. - Hai câu thực: Gợi tả cuộc sống và con người nơi đèo Ngang ít ỏi, lẻ loi, thưa thớt – Nữ sĩ càng thấy mình bơ vơ, trơ trọi và buồn khôn xiết. (<i>Phân tích từ láy tượng hình: lom khom, lác đác; cách đảo ngữ...</i>) - Hai câu luận: Với bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhà thơ đã thể hiện tiếng lòng mình với nỗi nhớ nước thương nhà, nhớ quá khứ của dân tộc. Tâm trạng buồn, cô đơn, hoài cổ của nhà thơ (<i>Phân tích nghệ thuật chơi chữ, phép đối</i>) - Hai câu kết: Tâm trạng cô đơn gần như là tuyệt đối của tác giả. Một mình đối diện với cảnh mênh mông rộng lớn: <i>trời – non – nước</i> như càng khắc họa nỗi cô đơn, lẻ loi của nhân vật trữ tình. (<i>Phân tích nghệ thuật đối, cách dùng cụm từ "ta với ta"...</i>) <p>-> Cảnh Đèo Ngang, tâm tình nữ sĩ – khách li hương như chan hòa, cộng hưởng. Tình yêu thiên nhiên, nỗi nhớ quê, nhớ nhà, nỗi buồn cô đơn của li khách đã kết đọng thành vẻ đẹp nhân văn của bài thơ.</p> <p>Luận điểm 2: Bài thơ <i>Qua Đèo Ngang</i> nở hoa nơi từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giọng thơ nhẹ nhàng, du dương đã diễn tả được nỗi niềm hoài cổ buồn thương man mác, băng khuâng. - Sử dụng phép đối đặc sắc ở các câu thực, luận, kết đã làm nổi bật được khung cảnh vắng vẻ, hoang sơ, thưa thớt của Đèo Ngang và bộc lộ được tâm trạng thâm kín của nhà thơ. - Phép đảo ngữ được vận dụng tài tình ở các câu thực, luận để nhấn mạnh sự heo hút, thưa thớt của cảnh vật và nỗi nhớ nước thương nhà da diết của nhà thơ. - Phép chơi chữ độc đáo ở hai câu luận đã bộc lộ tâm trạng buồn, hoài cổ của nhà thơ một cách kín đáo. - Sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật hàm súc, cô đọng nhưng đã diễn tả được nội dung phong phú. Ngôn ngữ, hình ảnh thơ giàu sức gợi hình, gợi cảm. 	<p>1.5</p> <p>1.0</p>
--	---	-----------------------

	<p>- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình: Cảnh vật chỉ được chấm phá vài nét rất thực nhưng cũng đủ hiện rõ thế giới tâm trạng của con người.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Nhận định đã đề cập đến giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Một tác phẩm chân chính phải khởi phát từ tình cảm dạt dào của tác giả và được thể hiện bằng ngôn từ chất lọc, chau chuốt.</p> <p>- Người nghệ sĩ phải có trái tim nhạy cảm, tinh tế và khả năng lao động nghệ thuật nghiêm túc thì mới tạo được những vần thơ tuyệt tác.</p>	
	<i>d. Sáng tạo:</i> Có cách làm bài mới mẻ và độc đáo.	0.5
	<i>e. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo các qui tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.5

*** Lưu ý:** Nếu bài viết không làm rõ hệ thống các luận điểm mà chỉ đi vào phân tích bài thơ thì không cho quá 1/3 số điểm.

ĐỀ SỐ 45:**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

“...*Quê hương là vòng tay ấm*

Con nằm ngủ giữa mưa đêm

Quê hương là đêm trăng tỏ

Hoa cau rụng trắng ngoài thềm

....

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người.”

(Trích bài thơ “**Quê hương**” – Đỗ Trung Quân)

Câu 1(0.5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?

Câu 2(1.0 điểm). Xác định nội dung của đoạn thơ?

Câu 3(2.5 điểm). Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ?

Câu 4(2.0 điểm). Qua đoạn thơ tác giả muốn gửi gắm tới người đọc thông điệp gì?

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1(4.0 điểm)

Từ nội dung đoạn thơ ở phần Đọc- hiểu, em hãy viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về tình yêu quê hương của mỗi người.

Câu 2(10.0 điểm)

Hoài Thanh nhận xét: “*Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có*”. Qua bài thơ “*Bánh trôi nước*” của Hồ Xuân Hương, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- Hết -----

uigeli.xyz
HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Phýõng thức biểu đạt chính: biểu cảm	0.5
	2	- Đoạn thơ đã thể hiện đợc tình cảm yêu thýõng, gắn bó tha thiết, sâu nặng với quê hýõng của tác giả.	1.0
	3	- Biện pháp tu từ: + Điệp ngữ” quê hýõng” đợc lặp lại 4 lần. + So sánh: <i>Quê hýõng là vòng tay ấm; là đêm trăng tỏ; nhý là chỉ một mẹ thôi.</i> - Tác dụng: Nhấn mạnh tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hýõng của tác giả. Đồng thời đã làm nổi bật hình ảnh quê hýõng thật bình dị, mộc mạc nhýng cũng thật ấm áp, gần gũi, thân thýõng, máu thịt, thấm thiết.	1.0 1.5
	4	- HS trình bày thành một đoạn văn (từ 5-7 câu) - HS xác định thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân: + Vai trò của quê hýõng. + Giáo dục tình yêu quê hýõng.	 1.0 1.0
II		TẠO LẬP VĂN BẢN	14.0
	1	Viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ	4.0
		*Yêu cầu chung: a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.	 0.25 0.25
		* Yêu cầu cụ thể: c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau: - Tình yêu quê hýõng: + Là tình cảm tự nhiên mang giá trị nhân bản, thuần khiết trong tâm hồn mỗi ngýời. quê hýõng chính là nguồn cội, nơi chôn rau cắt rốn, nơi gắn bó, nuôi dưỡng sự sống, đặc biệt là đời sống tâm hồn mỗi ngýời. + Quê hýõng là bến đỗ bình yên, là điểm tựa tinh thần của con ngýời trong cuộc sống. Dù đi đâu ở đâu hãy luôn nhớ về nguồn cội. (<i>dẫn chứng</i>) - Bàn luận: Tình cảm đối với quê hýõng sẽ gợi nhắc đến tình yêu đất nước. Hýõng về quê hýõng không có nghĩa là chỉ hýõng về mảnh đất nơi mình sinh ra mà phải biết hýõng tới tình cảm lớn lao, thiêng liêng bao trùm là Tổ quốc. - Phê phán: Có thái độ phê phán trýớc những hành vi không coi trọng quê hýõng, suy nghĩ chýa tích cực về quê hýõng: chê quê hýõng nghèo khó, lạc hậu, phản bội lại quê hýõng; không có ý thức xây dựng quê hýõng. - Bài học nhận thức và hành động: Có nhận thức đúng đắn về tình cảm đối với quê hýõng; có ý thức tu dưỡng, học tập, phấn	3.5 1.0 0.5 0.5 0.5 0.5

		<p>đầu xây dựng quê hýõng; xây đắp bảo vệ quê hýõng, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hýõng là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi con người.</p> <p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận</p> <p>e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p>
2		<p>*Yêu cầu chung:</p> <p>a. Đảm bảo thể thức của một bài văn nghị luận có bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. <i>Mở bài</i> giới thiệu vấn đề nghị luận; <i>Thân bài</i> giải thích nhận định và triển khai các luận điểm làm rõ đýợc nhận định; <i>Kết bài</i> khái quát đýợc nội dung nghị luận.</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Những tình cảm sẵn có, những tình cảm không có qua bài thơ "Bánh trôi nýớc".</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p>
		<p>* Yêu cầu cụ thể:</p> <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hýõng sau:</p> <p>1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và tác phẩm liên quan đến vấn đề nghị luận: <i>Văn chýõng gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có</i> qua bài thơ "Bánh trôi nýớc" của Hồ Xuân Hýõng.</p> <p>2. Giải thích ý kiến trên:</p> <p>- <i>Văn chýõng gây cho ta những tình cảm ta không có:</i> Trýợc khi đọc tác phẩm văn chýõng, những tình cảm đó chýa xuất hiện trong ta. Sau khi đọc tác phẩm, văn chýõng khơi gợi, giúp ta tiếp thu những tình cảm cao đẹp, mới mẻ, những nét ứng xử tinh tế, những bài học về cuộc đời để ta làm giàu thêm tâm hồn.</p> <p>- <i>Văn chýõng luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có:</i> Văn chýõng bồi đắp thêm tình cảm, giúp ta nhận thức sâu sắc thêm về vấn đề để ta biết suy nghĩ, ý thức về mình, về những tình cảm đã có, để cho tình cảm ấy sâu sắc hơn, cao đẹp hơn.</p> <p>3. Phân tích, chứng minh qua bài thơ "Bánh trôi nýớc":</p> <p>* Bài thơ "Bánh trôi nýớc" bồi đắp cho ta những tình cảm ta sẵn có:</p> <p>- Bài thơ lấy đề tài dân dã, gần gũi, bình dị (Bánh trôi nýớc). Qua hình ảnh chiếc bánh trôi, bài thơ gửi gắm chủ đề về người phụ nữ trong XH phong kiến – một chủ đề quen thuộc của văn học trung đại Việt Nam (về đẹp và thân phận người phụ nữ trong XHPK).</p> <p>- Bánh trôi nýớc là một bài thơ vịnh vật tài tình, tả chính xác chiếc bánh trôi đồng thời còn khơi gợi nhý</p> <p>Ngx liên týợng sâu xa:</p> <p>+ Bài thơ thể hiện niềm kiêu hãnh, tự hào của tác giả về vẻ đẹp ngoại hình, đặc biệt là ngời ca, khẳng định vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của người phụ nữ (dẫn chứng)</p>	<p>9,0</p> <p>0.5</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>2.0</p>

	<p>+ Bài thơ làm ngời đọc xúc động, thấm cảm sâu sắc về thân phận chìm nổi, đắng cay, bất hạnh, phụ thuộc của người phụ nữ trong XHPK bất công (<i>dẫn chứng</i>).</p> <p>* Bài thơ "Bánh trôi nước" gợi mở cho ta những tình cảm ta không có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm đã giúp chúng ta hiểu thêm về XHPK xưa – một XH trọng nam khinh nữ. - Từ đó khơi gợi trong lòng người đọc niềm căm phẫn, thái độ tố cáo XH đầy rẫy những bất công tàn bạo đã chà đạp lên số phận của người phụ nữ. <p>* Nghệ thuật thể hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh, ngôn ngữ dân dã, gần gũi, không cầu kì kiêu cách, yóc lệ mà tự nhiên, mang đậm dấu ấn dân gian. - Giọng điệu: vừa kiêu hãnh, tự hào, vừa ngậm ngùi, xót xa, có thách thức. - Thể thơ và kết cấu: Thể thơ Đường luật đượ sử dụng nhuần nhuyễn và sáng tạo. Kết cấu chặt chẽ và độc đáo, sự đối lập giữa thân phận và phẩm chất, bài thơ đã tạo ấn tượng về một vẻ đẹp ngời sáng của người phụ nữ, về một bản lĩnh Xuân Hýõng kiên cýõng, mạnh mẽ dám nhìn thẳng vào số phận, vượt lên số phận và thách thức với hoàn cảnh sống. 	<p>0.5</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p>
	<p>4. Đánh giá, mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định trên cho thấy giá trị của văn chýõng: nuôi dýõng, bồi đắp tình cảm con ngýõng, tạo ra phép màu trong cuộc sống, mở rộng cánh cửa lòng nhân ái, giúp ta hiểu thêm tình đời, tình ngýõng. - Bài thơ vừa ca ngợi vẻ đẹp cao quý, son sắt của người phụ nữ trong XHPK, vừa thể hiện niềm thýõng cảm đối với thân phận khổ đau của họ. "Bánh trôi nước" là một bài thơ hay bởi nó giản dị, để lại xúc động và ám ảnh trong lòng người đọc, có sức sống lâu bền trong trái tim những người yêu thơ. <p><i>d. Sáng tạo:</i> cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận</p> <p><i>e. Chính tả, dùng từ đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	<p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
Điểm tổng cộng: 20.0 điểm		

ĐỀ SỐ 46:**Câu 1 (4 điểm):**

Cho đoạn thơ:

...Trên đường hành quân xa

Dừng chân bên xóm nhỏ

Tiếng gà ai nhảy ổ:

“Cục...cục tác cục ta”

Nghe xao động nắng trưa

Nghe bàn chân đỡ mỏi

Nghe gọi về tuổi thơ...

(Trích *Tiếng gà trưa* - Xuân Quỳnh, SGK ngữ văn 7, tập I)

- Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.
- Tại sao trong vô vàn âm thanh của làng quê, nhà thơ lại chọn âm thanh tiếng gà nhảy ổ? Từ đó, em hiểu gì về tình cảm của người chiến sĩ trên đường hành quân?
- Ghi lại một vài câu thơ về tình yêu quê hương, đất nước mà em biết.

Câu 2 (6 điểm):

Nhận xét về ca dao có ý kiến cho rằng: *”Ca dao là tiếng nói từ trái tim, nó thể hiện những tình cảm tốt đẹp của nhân dân ta”*

Bằng hiểu biết về những bài ca dao đã học trong chương trình, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

---Hết---

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1.a	<p>Dưới đây chỉ là một gợi ý, các giám khảo cần vận dụng linh hoạt khi cho điểm. Đặc biệt tôn trọng những kiến giải riêng mang tính sáng tạo và thuyết phục của học sinh. Các thang điểm cũng có thể linh hoạt điều chỉnh tùy từng bài cụ thể theo cảm nhận của giám khảo.</p> <p>* Yêu cầu về hình thức và kĩ năng: HS viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Thành thạo trong cảm thụ và phân tích vẻ đẹp của văn chương.</p> <p>* Yêu cầu về nội dung: HS chỉ ra được các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong khổ thơ.</p> <p>- Miêu tả âm thanh tiếng gà trưa thông qua lặp từ <i>”Cục...cục tác cục ta”</i> và những dấu chấm lửng (...): mô phỏng sát và đúng tiếng gà mái nhảy ổ để vào buổi trưa để mở đầu một bức tranh quê hương có âm thanh tiếng gà vọng vào trong không gian.</p> <p>- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: lấy thính giác <i>”nghe”</i> nắng trưa xao động để diễn tả cảm giác của thị giác (nhìn thấy); cảm giác của xúc giác bàn chân đỡ mỏi để tiếp nhận cảm xúc của tuổi thơ bất chợt ủa về.</p> <p>- Điệp từ <i>”nghe”</i> lặp lại ba lần ở đầu các câu thơ: vừa nhấn mạnh cảm xúc được gợi ra từ âm thanh tiếng gà, làm lay động không gian và</p>	<p>2,5</p> <p>1,0</p> <p>0,75</p>

	đánh thức lòng người. -> Đoạn thơ thể hiện tình yêu quê hương, rộng ra là tình yêu đất nước của nhân vật trữ tình.	0,75
Câu 1.b	- Trong vô vàn những âm thanh của làng quê, nhà thơ chọn miêu tả âm thanh tiếng gà nhảy ổ vì: + Đó là âm thanh thân thuộc, bình dị của mọi miền quê. + Là sợi dây âm thanh đánh thức mọi cảm xúc của người chiến sĩ (người cháu) trên đường hành quân xa nhớ về tuổi thơ, nhớ về người bà thân yêu, mở đầu mạch cảm xúc xuyên suốt bài thơ. + Âm thanh ấy là biểu hiện cho triết lý giản dị: những gì gần gũi thân thiết nhất luôn có sức sống lâu bền trong trái tim người đi xa.	1,0 0,25 0,25 0,25
	- Hiểu biết của HS về tình cảm của người chiến sĩ trên đường hành quân: tha thiết gắn bó với quê hương. Quyết tâm lên đường vì nhiệm vụ thiêng liêng, cao cả: bảo vệ Tổ quốc thân yêu. Đó chính là biểu hiện cao đẹp của tình yêu quê hương, tình yêu đất nước.	0,25
Câu 1.c	- HS ghi lại từ 2 câu ca dao về tình yêu quê hương, đất nước trở lên (trong hoặc ngoài chương trình Ngữ văn 7 đều được).	0,5
Câu 2	- HS có thể cảm nhận và trình bày theo những cách khác nhau, nhưng phải rõ hệ thống luận điểm, có luận cứ khoa học, xác đáng, thuyết phục, lập luận chặt chẽ, lời cuốn. - Diễn đạt trong sáng, hấp dẫn, giàu cảm xúc, dung từ đặt câu chuẩn xác.	0,5
	1. Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu được vấn đề nghị luận	0,5
	2. Thân bài: a. Dẫn dắt, giới thiệu, lý giải chung về ca dao: - Là những bài có hoặc không có chương khúc, sáng tác bằng thể văn vần dân tộc (thường là lục bát), để miêu tả, tự sự, ngụ ý và diễn đạt tình cảm. - Là phương thức sinh hoạt văn hóa độc đáo của nhân dân ta từ xa xưa, là tiếng nói từ trái tim người nông dân lao động. Thông qua ca dao, người xưa thể hiện phong phú và sinh động những tình cảm tốt đẹp của nhân dân.	1,0
	b. Chứng minh ca dao thể hiện những tình cảm tốt đẹp của nhân dân ta. * Ca dao là tiếng nói tình cảm gia đình:	1,0

<p>- Tình cảm của cha mẹ dành cho con cái và con cái đối với cha mẹ:</p> <p><i>Công cha như núi Thái Sơn</i></p> <p><i>Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra</i></p> <p><i>Một lòng thờ mẹ kính cha</i></p> <p><i>Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.</i></p> <p>- Tình cảm của vợ chồng dành cho nhau:</p> <p><i>Râu tôm nấu với ruột bầu</i></p> <p><i>Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon</i></p> <p>- Tình cảm của anh chị em trong gia đình:</p> <p><i>Anh em nào phải người xa</i></p> <p><i>Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân</i></p> <p><i>Yêu nhau như thể tay chân</i></p> <p><i>Anh em hào thuận hai thân vui vầy</i></p> <p>(Mỗi ý lấy 1-2 dẫn chứng để chứng minh)</p>	
<p>* Ca dao biểu hiện đa dạng tình yêu quê hương đất nước:</p> <p>- Tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương đất nước:</p> <p><i>Đường vô xứ Huế quanh quanh</i></p> <p><i>Non xanh nước biếc như tranh họa đồ</i></p> <p><i>Ai vô xứ Huế thì vô..</i></p> <p>- Tự hào về di tích lịch sử, truyền thống của quê hương đất nước:</p> <p><i>Rủ nhau xem cảnh Kiến Hồ</i></p> <p><i>Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn</i></p> <p><i>Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn</i></p> <p><i>Hỏi ai gây dựng nên non nước này?</i></p> <p>- Yêu những điều bình dị, gần gũi thân thuộc của quê hương:</p> <p><i>Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát</i></p> <p><i>Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông</i></p> <p><i>Thân em như chèn lúa đồng đồng</i></p> <p><i>Phát phơ giữa ngọn nắng hồng ban mai.</i></p> <p>- Khi đi xa thì nhớ về nơi mình sinh ra:</p> <p><i>Anh đi anh nhớ quê nhà</i></p>	1,0

<p><i>Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương</i></p> <p><i>Nhớ ai dãi nắng dầm sương</i></p> <p><i>Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao</i></p> <p>(Mỗi ý lấy 1-2 dẫn chứng để chứng minh)</p>	
<p>* Ca dao phản ánh thế giới nội tâm con người.</p> <p>- Phản ánh nỗi khổ của cuộc đời oan trái,飄u bạt, thấp cổ bé họng:</p> <p><i>Thương thấy thân phận con tằm,</i></p> <p><i>Kiểm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.</i></p> <p><i>Thương thay lũ kiến li ti,</i></p> <p><i>Kiểm ăn được mấy phải đi tìm mồi.</i></p> <p><i>Thương thay hạc lánh đường mây,</i></p> <p><i>Chim bay mỗi cánh biết ngày nào thôi.</i></p> <p><i>Thương thấy con cuốc giữa trời,</i></p> <p><i>Dầu kêu ra máu có người nào nghe.</i></p> <p>- Phản ánh số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến:</p> <p><i>Thân em như trái bần trôi</i></p> <p><i>Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu</i></p> <p>(Mỗi ý lấy 1-2 dẫn chứng để chứng minh)</p>	1,0
<p>c. Đánh giá khái quát:</p> <p>- Nghệ thuật</p> <p>- Nội dung: Qua các bài ca dao, ta nhận ra tình yêu gia đình, yêu quê hương đất nước của người lao động. Đó là tình cảm đầm thắm, sâu sắc,...</p>	0,5
<p>3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề</p>	0,5

ĐỀ SỐ 47:**Phần I. Đọc - Hiểu (4,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Cô ơi !

Cô không phải người nông dân một nắng hai sương làm ra hạt thóc, nhưng cô dạy con biết quý bát cơm chan chứa mồ hôi. Cô không phải người công nhân kỹ sư kiến thiết mọi nơi, nhưng cô xây cho đời một tương lai phía trước.

Cha mẹ là người cho con cuộc sống, bạn bè là những chỗ dựa niềm tin, thử thách rồi những thất bại đã cho con trưởng thành hơn thì chính cô là người dạy con vượt qua khó khăn vấp ngã trên đường đời.

Chính cô là người nâng niu, uốn nắn cho con từng lời ăn tiếng nói, từng cử chỉ đáng đi. Con lớn dần trong vòng tay yêu thương của cô mà không hay rằng năm học đã sắp kết thúc. Con sắp phải xa cô thật rồi sao? Con chỉ muốn mãi là cô trò nhỏ được cắp sách vở đến trường, ngày ngày được nghe cô giảng bài.

Nhưng con phải đi để còn nhường chỗ cho thế hệ các em học sinh mới. Đây cũng là lúc con vận dụng những bài học về cuộc đời của cô ở ngôi trường khác, to lớn hơn trường mình.

(Trích Thư gửi cô ngày tri ân, <http://giaoducthoidai.vn>, 3-6-2014)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính.

Câu 2: Chỉ ra một phép tu từ và cho biết giá trị biểu đạt của phép tu từ đó?

Câu 3: Chỉ ra và nêu ý nghĩa của một thành ngữ xuất hiện trong phần trích.

Câu 4: Nội dung của văn bản.

Phần II: Làm văn (16.0 điểm)

Câu 1: (6.0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn làm sáng tỏ luận điểm sau: Phá hoại thiên nhiên và môi trường sẽ dẫn đến những hiểm họa khôn lường.

Câu 2: (10.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến không chỉ vẽ nên vẻ đẹp của vườn tược làng quê mà còn thể hiện một cách chân thật, cảm động tình bạn thiêng liêng cao cả*

Dựa vào việc đọc hiểu văn bản *Bạn đến chơi nhà*, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

..... **HẾT**

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

ĐÁP ÁN		Điểm
PHẦN I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)		4,0
Câu 1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5đ
Câu 2	Biện pháp tu từ Điệp ngữ: <i>Cô không phải là</i>	0,5đ
	- Tác dụng: + Nhấn mạnh: Cô không giống như những người bình thường khác (là nông dân, là công nhân...) mà là người dạy dỗ con những hay lẽ phải, là người xây dựng tương lai cho đời.	0,5đ

	+ Thể hiện tình cảm biết ơn với người đã dạy dỗ "con" nên người. <i>Lưu ý:</i> Ngoài ra học sinh có thể chỉ ra điệp từ "con", "cô" đều có tác dụng và nhấn mạnh thể hiện tình cảm chân thành, sâu sắc của người học trò đối với người cô đã dạy dỗ mình.	0,5đ
Câu 3	Thành ngữ: <i>Một nắng hai sương</i> . Ý nghĩa: Chỉ sự gian nan, vất vả.	1,0đ
Câu 4	Nội dung văn bản: Bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc của người học trò đối với người cô đã có công lao dạy dỗ mình nên người.	1,0đ
PHẦN II. LÀM VĂN (16,0 điểm)		
Câu 2 (6.0đ)	* Yêu cầu về kĩ năng: - Biết cách viết đúng hình thức, quy cách của một đoạn văn lập luận chứng minh làm sáng tỏ một luận điểm - Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng, trong sáng; lập luận hợp lí.	1,0 đ
	* Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể làm sáng tỏ luận điểm theo quan điểm riêng của mình song cần logic, hợp lí và đảm bảo những ý cơ bản sau:	5,0đ
	- Nguồn tài nguyên thiên nhiên cung cấp cho con người bị cạn kiệt.	0.5đ
	- Môi trường sống của con người bị đe dọa gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người.	1.0đ
	- Bầu khí quyển ngày càng bị ô nhiễm, tầng ô dôn bao bọc trái đất bị chọc thủng.	1.0đ
	- Nhiệt độ trái đất tăng cao gây hiện tượng biến đổi khí hậu như lũ lụt, hạn hán...	1.0đ
Câu 3 (10.0đ))	Viết bài văn nghị luận văn học làm sáng tỏ ý kiến cho rằng: <i>Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến không chỉ vẽ nên vẻ đẹp của vườn tược làng quê mà còn thể hiện một cách chân thật, cảm động tình bạn thiêng liêng cao cả</i>	
	a.Yêu cầu về kỹ năng: Đảm bảo một bài văn nghị luận văn học, có bố cục và lập luận chặt chẽ. Hệ thống luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng linh hoạt, phù hợp. Lời văn trong sáng, mạch lạc, ít lỗi chính tả.	0.5đ
	- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Làm sáng tỏ bài thơ Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến làm toát vẻ đẹp vườn tược làng quê và thể hiện một cách chân thật, cảm động tình bạn thiêng liêng, cao cả.	0.5đ

	<p>- Triển khai các vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; phân tích dẫn chứng phù hợp với luận điểm, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	
	<p>b. Yêu cầu về kiến thức:</p> <p><i>1. Vẻ đẹp của vườn tược làng quê:</i></p> <p>- Khung cảnh vườn tược quen thuộc của làng quê vùng đồng chiêm trũng với nhiều sự vật, nhiều màu sắc.</p> <p>+ Những khu vườn rộng hiện lên với màu sắc tươi tắn, mát dịu và tràn đầy sự sống....(qua <i>sắc xanh của cải, sắc tím từ cà, sắc vàng tươi của "mướp"</i>)</p> <p>+ Bức tranh đang có sự vận động, chứa đầy sự sống (<i>mới, vừa, đang...</i>)</p> <p>+ Bức tranh gợi cuộc sống thanh bình, yên ổn gắn bó với con người của làng quê Bắc Bộ.</p> <p><i>2. Nhà thơ còn thể hiện một cách chân thực, cảm động tình bạn thiêng liêng cao cả.</i></p> <p>+ Tình huống gặp bạn: Xa cách bấy lâu nay mới gặp gỡ, trong nhà có mà dường như không có gì để tiếp đãi bạn.</p> <p>+ Lời chào như tiếng reo vui, cách xưng hô thân mật mà kính trọng: <i>Bác- ta</i></p> <p>+ Đón tiếp bạn bằng cả tâm lòng chân tình, nồng hậu, thấm thiết vượt lên mọi nghi lễ vật chất (<i>chỉ "Ta với ta"</i>)</p> <p>- <i>Đánh giá:</i></p> <p>+ Bằng hình ảnh thơ gợi cảm, ngôn ngữ thơ giản dị, giọng điệu hóm hỉnh, vui đùa hài hước; sự sáng tạo trong việc vận dụng thể thơ Đường luật tạo nên sự thành công cho bài thơ.</p> <p>+ Tấm lòng chân thành, thấm thiết gợi ra những suy ngẫm sâu sắc về một tình bạn chân chính.</p>	<p>3,5đ</p> <p>3,5đ</p> <p>1,0đ</p>
	<p>c. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</p>	0,5đ
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0,5đ

ĐỀ SỐ 48:**Phần I. Đọc hiểu văn bản(4,0 điểm).**

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.

Khi tôi lên tám hay chín tuổi gì đó, tôi nhớ thỉnh thoảng mẹ tôi vẫn nướng bánh mì cháy khét. Một buổi tối nọ, mẹ tôi về nhà sau một ngày làm việc dài và bà làm bữa tối cho cha con tôi. Bà dọn ra bàn vài lát bánh mì nướng cháy, không phải cháy xém bình thường mà cháy đen như than. Tôi nhìn những lát bánh mì và đợi xem có ai nhận ra điều bất thường của chúng mà lên tiếng hay không.

Nhưng cha tôi chủ động ăn miếng bánh của ông và hỏi tôi về bài tập cũng như những việc ở trường học như mọi hôm. Tôi không còn nhớ tôi đã nói gì với ông hôm đó, nhưng tôi nhớ đã nghe mẹ xin lỗi ông vì đã làm cháy bánh mì. Và tôi không bao giờ quên được những gì cha tôi nói với mẹ tôi: "Em à, anh thích bánh mì cháy mà".

Đêm đó, tôi đến bên chúc cha ngủ ngon và hỏi có phải thực sự ông thích bánh mì cháy không. Cha khoác tay qua vai tôi và nói:

- Mẹ con đã làm việc vất vả cả ngày và rất mệt. Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, nhưng con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai, trách móc cay nghiệt đấy.

Rồi ông nói tiếp:

- Con biết đó, cuộc đời đầy rẫy những thứ không hoàn hảo và những con người không toàn vẹn. Cha cũng khá tệ trong rất nhiều việc, chẳng hạn như cha chẳng thể nhớ được ngày sinh nhật hay ngày kỉ niệm như một số người khác. Điều mà cha học được qua những năm tháng, đó là học cách chấp nhận sai sót của người khác và chọn cách ủng hộ những khác biệt của họ. Đó là chìa khoá quan trọng nhất để tạo nên một mối quan hệ lành mạnh, trưởng thành và bền vững con ạ. Cuộc đời rất ngắn ngủi để thức dậy với những hối tiếc và khó chịu. Hãy yêu quý những người cư xử tốt với con, và hãy cảm thông với những người chưa làm được điều đó.

(Nguồn: Quà tặng cuộc sống)

1. Đặt nhan đề phù hợp cho văn bản. (0,5 điểm)
2. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. (0,5 điểm)
3. Theo người cha, "Chìa khoá quan trọng nhất để tạo nên một mối quan hệ lành mạnh, trưởng thành và bền vững" là gì? (1,0 điểm)
4. Em hiểu như thế nào về lời của người cha: "Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, nhưng con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai, trách móc cay nghiệt đấy." (1,0 điểm)
5. Thông điệp nào của văn bản có ý nghĩa nhất đối với em? (1,0 điểm)

Phần II. Tạo lập văn bản (16,0 điểm).

Câu 1 (4,0 điểm). Từ văn bản đọc hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ về tình yêu thương với người thân trong gia đình.

Câu 2 (12,0 điểm).

“Bài thơ *Tiếng gà trưa* của nhà thơ Xuân Quỳnh đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.”

Hãy phân tích bài thơ *Tiếng gà trưa* để làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
PHẦN I		
Câu 1	Học sinh có thể đặt nhiều nhan đề khác nhau, miễn sao hợp lí, sát với nội dung và ý nghĩa của văn bản. Gợi ý: Miếng bánh mì cháy.	0.5
Câu 2	Phương thức biểu đạt chính của văn bản là: Tự sự.	0.5
Câu 3	Theo người cha, “ <i>Chìa khoá quan trọng nhất để tạo nên một mối quan hệ lành mạnh, trưởng thành và bền vững</i> ” là: học cách chấp nhận sai sót của người khác và chọn cách ủng hộ những khác biệt của họ.	1.0
Câu 4	Học sinh chỉ ra được ý nghĩa của lời nói: những lời chê bai, trách móc sẽ để lại những tổn thương rất lớn cho con người. Vì vậy, hãy tha thứ, cảm thông cho nhau khi có thể.	1.0
Câu 5	. Học sinh có thể tùy chọn một trong những thông điệp mà câu chuyện gửi gắm như: tình yêu thương yêu trong gia đình, sự tha thứ, lòng cảm thông, cách chấp nhận những khiếm khuyết của người khác...	1.0
PHẦN II		
Câu 1	<p>Yêu cầu về kĩ năng: Viết đoạn văn theo yêu cầu; lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, xác đáng; diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc; ngôn từ trong sáng, dễ hiểu; hình thức trình bày sạch sẽ.</p> <p>Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo một số ý sau:</p> <p>- Giới thiệu được vấn đề nghị luận: Tình yêu thương với</p>	4.0

	<p>người thân trong gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: đó là sự yêu mến, cảm thông, chia sẻ... với những người thân yêu quanh ta. - Ý nghĩa của tình yêu thương với những người thân: + Giúp mối quan hệ giữa những người thân thêm gần gũi, gắn bó. + Đem lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi thành viên trong gia đình. + Làm cuộc sống tốt đẹp, ý nghĩa hơn... - Bài học nhận thức và hành động: + Giữ gìn, phát huy tình yêu thương với những người thân trong mái ấm. + Lên án thái độ thờ ơ, vô cảm, thiếu tình yêu thương giữa những người thân yêu với nhau. <p>Thang điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 4,0: Đáp ứng tốt các yêu cầu. Bài làm có tính sáng tạo. - Điểm 3,0 – 3,5: Đáp ứng 2/3 các yêu cầu; lập luận tốt; chứng cứ xác thực; ngôn ngữ biểu cảm; còn một vài sai sót về chính tả. - Điểm 2,0 – 2,5: Đáp ứng 50% các yêu cầu; biết lập luận; đưa dẫn chứng hợp lý; diễn đạt có chỗ chưa thoát ý, còn mắc một số lỗi chính tả. - Điểm 1,0 – 1,5: Đáp ứng 1/3 các yêu cầu; lập luận chưa chặt chẽ; dẫn chứng chưa toàn diện; diễn đạt lủng củng; ngôn ngữ thiếu sức biểu cảm. - Điểm 0,0: Lạc đề hoặc không làm bài. 	
Câu 2	<p>Yêu cầu về hình thức, kĩ năng: Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học đúng theo yêu cầu của đề bài; đảm bảo bố cục; các ý trong thân bài được sắp xếp hợp lý; lập luận chặt chẽ; dẫn chứng toàn diện, thuyết phục; diễn đạt tốt, dùng từ chuẩn mực, chữ viết rõ ràng.</p> <p>Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo một số ý sau:</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>Có thể giới thiệu khái quát về nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ</p>	12.0

Tiếng gà trưa.

Dẫn ý kiến nhận xét:”Bài thơ *Tiếng gà trưa* của nhà thơ Xuân Quỳnh đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.”

2. Thân bài: Học sinh cần làm sáng tỏ ý kiến.

Bài thơ Tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu:

- Trên đường hành quân xa, người chiến sĩ chợt nghe tiếng gà nhà ai nhảy ổ, tiếng gà đã gọi về những kỉ niệm tuổi thơ thật êm đềm, đẹp đẽ:

“Trên đường hành quân xa

Dừng chân bên xóm nhỏ

Tiếng gà ai nhảy ổ

Cục..cục tác...cục ta

Nghe xao động nắng trưa

Nghe bàn chân đỡ mỏi

Nghe gọi về tuổi thơ.”

- Kỉ niệm về hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như trong tranh hiện ra trong nỗi nhớ.

“Ổ rom hồng những trứng

Này con gà mái mơ

Khắp mình hoa đốm trắng

Này con gà mái vàng

Lông óng như màu nắng”

- Một kỉ niệm về tuổi thơ đại: tò mò xem trộm gà đẻ bị bà mắng, nỗi lo sợ của trẻ thơ khờ dại.

“- Gà đẻ mà mày nhìn

Rồi sau này lang mặt

Cháu về lấy gương soi

Lòng dại thơ lo lắng”

- Người chiến sĩ nhớ tới hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, chắt chiu, dành dụm chăm lo cho cháu:

“Tay bà khum soi trứng

Dành từng quả chắt chiu

Cho con gà mái ấp”

- Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ: được bộ quần áo mới từ tiền bán gà – ước mơ ấy đi cả vào giấc ngủ tuổi thơ...

“Để cuối năm bán gà

Cháu được quần áo mới

.....

Đi qua nghe sột soạt”

- Lần thứ tư *Tiếng gà trưa* lại cất lên. Tiếng gà gọi về những giấc mơ của người lính trẻ.

“Tiếng gà trưa

Mang bao nhiêu hạnh phúc

Đêm cháu về nằm mơ

Giấc ngủ hồng sắc trứng.”

Tình cảm bà cháu đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước:

- Tiếng gà trưa với những kỉ niệm đẹp về tuổi thơ, hình ảnh thân thương của bà đã cùng người chiến sĩ vào cuộc chiến đấu ...

- Những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ như tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ chiến đấu vì Tổ quốc và cũng vì người bà thân yêu của mình.

“Cháu chiến đấu hôm nay

Vì lòng yêu Tổ quốc

Vì xóm làng thân thuộc

Bà ơi, cũng vì bà

Vì tiếng gà cục tác

Ổ trứng hồng tuổi thơ”

.- Qua những kỉ niệm đẹp được gợi lại, bài thơ đã biểu lộ tâm hồn trong sáng, hồn nhiên của người cháu với hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, chắt chiu dành dụm chăm lo cho cháu.

- Tình cảm bà cháu đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương, đất nước của mỗi chúng ta. Tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ những tình cảm gia

	<p>đình thật gần gũi, thân thương và cũng thật sâu sắc. Những tình cảm thiêng liêng, gần gũi ấy như tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ, như tiếp thêm sức mạnh cho mỗi người để chiến thắng...</p> <p>HS có thể mở rộng và nâng cao bằng việc giới thiệu một số bài thơ khác có cùng chủ đề viết về bà, về mẹ ...</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>Khẳng định lại nội dung bài thơ.</p> <p>Học sinh có thể tự liên hệ bản thân, nêu cảm nghĩ về tình cảm gia đình – nguồn sức mạnh cho mỗi người chúng ta trong cuộc sống hôm nay, có thể mở rộng và nâng cao qua một số tác phẩm văn học khác nói về tình cảm gia đình...</p> <p><i>Lưu ý: giáo viên linh hoạt khi chấm bài, ưu tiên những bài viết độc đáo, sáng tạo, giàu chất văn chương.</i></p>	
TỔNG ĐIỂM		20.0

ĐỀ SỐ 49:**Câu 1:** (2,5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi

Dù giáp mặt cùng biển rộng

Cửa sông chẳng dứt cội nguồn

Lá xanh mỗi lần trôi xuống

Bống ...nhớ một vùng núi non...

(*Cửa sông* – Quang Huy)

- (0,5đ) Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?
- (0,5đ) Khổ thơ gợi cho em liên tưởng tới câu tục ngữ nào?
- (1,5đ) Chỉ ra và phân tích tác dụng biện pháp tu từ có trong đoạn thơ trên?

Câu 2: (2,5 điểm)

Có ý kiến cho rằng:

“Trong trường học, không có học sinh yếu, nhưng không phải ai cũng nhận ra mục tiêu đến lớp của mình. Việc đánh giá kết quả đạt được còn phụ thuộc vào sự nỗ lực của mỗi cá nhân”

Hãy viết bài văn ngắn (khoảng 25-30 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 3: (5,0 điểm)

Truyện ngắn "Cuộc chia tay của những con búp bê" – Khánh Hoài đã ngợi ca những tình cảm nhân hậu, trong sáng, vị tha của trẻ thơ, miêu tả và thể hiện nỗi đau đớn, tủi hờn của những bạn nhỏ phải rơi vào hoàn cảnh bất hạnh.

Bằng sự hiểu biết của mình, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Yêu cầu về kĩ năng và kiến thức	Điểm
1 (2,5đ)	a. Phương thức biểu cảm	0,5
	b. Khổ thơ gợi liên tưởng tới câu tục ngữ: Uống nước nhớ nguồn	0,5
	c. Biện pháp nhân hóa (chăng dứt cội nguồn, giáp mặt, nhớ)	0,5
	- Tác dụng: Biện pháp nhân hóa khiến hình ảnh của sông hiện lên thật sinh động, có tâm tư tình cảm như con người. Ngoài ra tác giả đã mượn hình ảnh của sông như thương mà nói về tình cảm của những con người sống ở cửa sông với đất liền. Mượn tình cảm của dòng sông mà truyền cho ta bài học sâu sắc của đạo lí làm người: phải biết ơn nguồn cội. Do đó, câu thơ như lời tâm tình chia sẻ và có khả năng khơi gợi nhịp rung đồng điệu trong trái tim người đọc.	1,0
2 (2,5đ)	1. Yêu cầu về kĩ năng:	
	- Biết cách viết một bài văn nghị luận (đảm bảo độ dài theo yêu cầu)	
	- Đảm bảo ý và khai triển tốt; diễn đạt suôn sẻ, mắc ít lỗi dùng từ, đặt câu.	
	2. Yêu cầu về kiến thức:	
	Học sinh có thể trình bày, sắp xếp theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5
	- Học sinh giải thích các từ khóa, nhận diện rõ nội dung các câu nói: khẳng định sự hiểu biết, chất lượng của việc học tập và rèn luyện không chỉ ở môi trường và quá trình giáo dục mà phụ thuộc rất lớn vào sự nỗ lực, quyết tâm của người học.	0,25
	- Bày tỏ thái độ đối với ý kiến trên.	1,25
	- Bàn luận, mở rộng vấn đề: không có người học yếu, chỉ có những người không có ý chí, không quan tâm đến việc học, rèn luyện bản thân, không xác định được mục tiêu, đích đến của việc học. Có những người bình thường nhưng nhờ sự chăm chỉ, nỗ lực nên đã đạt kết quả tốt, ngược lại có những người học giỏi nhưng không có mục đích, không quan tâm nên việc học sa sút. Vì vậy cần chủ động, tự giác, xác định động cơ, mục đích học tập, rèn luyện đúng đắn, phù	0,5

	<p>hợp với bản thân để mang lại kết quả cao.</p> <p>- Rút ra bài học nhận thức và hành động.</p>	
	<p>1. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Biết cách làm bài văn nghị luận.</p> <p>- Bố cục bài làm rõ ràng, kết cấu hợp lí; hình thành và khai triển ý tốt.</p> <p>- Diễn đạt suôn sẻ, mắc ít lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.</p>	
3	<p>2. Yêu cầu kiến thức:</p> <p>Học sinh có thể trình bày, sắp xếp theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>* Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận.</p>	0,75
5,0đ	<p>* Giải thích, làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.</p> <p>- Truyện ngắn đã ngợi ca những tình cảm nhân hậu, trong sáng, vị tha của trẻ thơ:</p>	0,75
	<p>+ Những cử chỉ quan tâm, chăm sóc của anh em Thành và Thủy khi sống bên nhau...(dẫn chứng)</p>	0,75
	<p>+ Thái độ, lời nói, hành động của hai đứa trẻ khi chia đồ chơi: thương những con búp bê, nhường nhịn nhau...(dẫn chứng)</p>	
	<p>- Truyện đã miêu tả và thể hiện nỗi đau đớn, tủi hờn của những bạn nhỏ phải rơi vào hoàn cảnh bất hạnh:</p>	0,75
	<p>+ Tâm trạng buồn tủi của hai anh em trong cuộc chia ly khi gia đình tan vỡ...(dẫn chứng)</p>	0,75
	<p>+ Hé lộ sự thực phũ phàng về tương lai của Thủy khi chia tay lớp học (dẫn chứng)</p>	
	<p>* Đánh giá, nâng cao:</p>	0,25
	<p>- Cách kể chuyện chân thật, cảm động qua việc am hiểu về thế giới trẻ thơ, tâm hồn trẻ thơ của người viết...</p>	0,25
	<p>- Truyện đem đến tình yêu thương, cảm thông sâu sắc đối với những trẻ em bất hạnh. Mang đến thông điệp về quyền được sống trong tình yêu thương, được học hành, vui chơi của trẻ em, trách nhiệm của các bậc cha mẹ đối với mái ấm gia đình và tương lai của con cái. Mong ước cho trẻ em được sống, được yêu thương, hưởng những điều tốt đẹp nhất.</p>	0,75
	<p>* Khái quát, khẳng định lại vấn đề.</p>	

Câu 1(4,0 điểm).

Em hãy viết đoạn văn từ 8 đến 15 câu phân tích giá trị của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau:

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi. Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm bè lũ bán nước và cướp nước...”

(Ngữ văn 7, tập 2, NXB Giáo dục)

Câu 2(4,0 điểm).

Viết một đoạn văn từ 8 đến 15 câu với chủ đề:” Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là con đường quan trọng của học vấn.”

Câu 3(12 điểm).

Trong bức thư của bố En-ri-cô gửi cho con có đoạn:” En-ri-cô này! Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó.”

(Mẹ tôi, É-t-môn-đơ A-mi-xi, Ngữ văn 7 tập II, NXB Giáo dục năm 2015)

Đóng vai En-ri-cô, em hãy phát biểu cảm nghĩ của mình khi đọc được những dòng thư đó.

Hết

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	Yêu cầu:	
4,0 điểm	<p>* Yêu cầu về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Học sinh biết vận dụng kiến thức và kỹ năng nêu cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích Hành văn rõ ràng mạch lạc, viết đúng chính tả, trình bày sạch sẽ. 	
	<p>* Yêu cầu về nội dung: Bài làm cần bảo đảm những yêu cầu sau:</p>	
	Mùa xuân của tôi là phần đầu bài tùy bút Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt trong kiệt tác văn chương Thương nhớ mười hai của nhà văn Vũ Bằng.	0.25
	Đoạn văn mở đầu bằng câu khẳng định:” <i>Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân.</i> ” Tình cảm yêu mến mùa xuân là tình cảm rất tự nhiên của con người, là quy luật tất yếu.	0.5
	Bằng nghệ thuật liệt kê, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu” Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng” tác giả khẳng định: Ai cũng chuộng mùa xuân và mê luyện mùa xuân nên	2,5

	<p>càng trùu mển tháng giêng, tháng đầu của mùa xuân. Tình cảm ấy rất chân tình không có gì lạ hết.</p> <p>- Cách so sánh, đối chiếu của Vũ Bằng rất phong tình gợi cảm: "Ai bảo được non đừng thương nước,... thì mới hết được người mê luyến mùa xuân". Cảm xúc cứ trào ra qua các điệp ngữ <i>đừng, đừng thương, ai bảo được...ai cảm được</i>. Chữ thương được nhắc lại tới 4 lần, liên kết với chữ yêu, chữ nhớ đã tạo nên trường thương nhớ mênh mang tràn ngập khắp các câu văn. Một cách viết duyên dáng, mượt mà, làm cho lời văn mềm mại, tha thiết theo dòng cảm xúc, đọc lên ta cứ ngỡ là như lời thơ, lời hát</p>	
	<p>- Đoạn văn thể hiện rõ tình cảm, tấm lòng của tác giả Vũ Bằng đối với mùa xuân, với quê hương, đất nước (0,5) cũng cho ta thấy ngòi bút tài hoa của tác giả (0,25)</p>	0,75
<p>Câu 2 4,0 điểm</p>	<p>* Yêu cầu về hình thức:</p> <p>- Học sinh viết đúng mô hình đoạn văn, biết vận dụng kiến thức và kỹ năng viết đoạn văn.</p> <p>- Hành văn rõ ràng mạch lạc, trình bày sạch sẽ. Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; lập luận vững chắc; dùng từ, đặt câu, chính tả đúng.</p> <p>- Đảm bảo số câu theo quy định.</p>	1.0
	<p>* Yêu cầu về nội dung: Bài làm cần bảo đảm những yêu cầu sau:</p> <p>Học sinh dựa vào câu kết để trình bày suy nghĩ về "thế giới kỳ diệu" được mở ra khi "bước qua cánh cổng trường". Sau đây là một số gợi ý:</p> <p>- Được đến với cả một chân trời tri thức: tri thức về tự nhiên, về thế giới và con người....</p> <p>- Được sống trong vòng tay yêu thương của thầy cô, bè bạn...</p> <p>- Có ước mơ, khát vọng được chấp cánh để bay cao, bay xa...</p> <p>- Nơi giúp ta hoàn thiện nhân cách: về lẽ sống, tình thương, quan hệ xử thế,...</p> <p>Suy nghĩ của thí sinh có thể rất đa dạng và những suy nghĩ ấy có thể được trình bày bằng nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, cơ sở của mọi suy nghĩ chính là nội dung của câu văn đã cho trong đề bài. Giám khảo cần linh hoạt trong việc chấm bài của thí sinh. Khuyến khích những bài viết có cảm xúc, có sự sáng tạo, phát hiện và phong cách riêng nhưng giàu tính thuyết phục.</p>	3.0
<p>Câu 3 12,0 điểm</p>	<p>Hai bài thơ Cảnh khuya và Rằm tháng Giêng đã cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Bác đó là sự hòa hợp thống nhất giữa tâm hồn nghệ sĩ với cốt cách người chiến sĩ</p> <p>* Yêu cầu về kỹ năng:</p> <p>- HS biết làm bài văn biểu cảm về nhân vật trong tác phẩm văn học, biết lấy dẫn chứng phù hợp.</p> <p>- Trình bày và diễn đạt tốt, bố cục rõ, chữ viết đẹp, bài làm có cảm</p>	

	xúc và sáng tạo.	
	* <i>Yêu cầu về nội dung:</i> HS có thể trình bày, sắp xếp theo nhiều cách, cảm thụ đôi chỗ khác nhau nhưng cần đạt được các ý sau:	
	a.Mở bài: Giới thiệu khái quát về 2 bài thơ. Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả: tình yêu thiên nhiên gắn với lòng yêu nước sâu nặng...	1.0
	b.Thân bài	
	<p>*<i>Tâm hồn yêu thiên nhiên, gắn bó chan hoà với thiên nhiên, rung động, say mê trước vẻ đẹp của thiên nhiên</i> Việt Bắc, đặc biệt là trăng.</p> <p>+Trong bài thơ Cảnh khuya, Hồ Chí Minh đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp:</p> <p>“Tiếng suối trong như tiếng hát xa Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa</p> <p>-Tiếng suối róc rách chảy trong đêm vang vọng trong không gian như”tiếng hát xa”, làm cho không gian vốn tĩnh lặng của đêm khuya tràn ngập âm thanh...</p> <p>-Hình ảnh của bóng trăng lồng vào bóng của cây cổ thụ, bóng của cây cổ thụ lại lồng vào hoa, một sự kết hợp thật độc đáo.</p> <p>+Trong bài”Rằm tháng Giêng” gợi ra khung cảnh của trời đất, sông nước khi có ánh trăng rằm soi chiếu:</p> <p>“ Rằm xuân lồng lộng trăng soi Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân”</p> <p>-Từ láy”lồng lộng” đã gợi ra giới hạn vô tận của không gian. Trong không gian rộng lớn ấy, ánh trăng Rằm không chỉ soi chiếu lên vạn vật làm cho chúng trở lên sáng rõ, tươi sắc hơn.</p> <p>- Sự kết hợp màu sắc giữa bầu trời, ánh trăng và không khí của mùa xuân, làm cho dòng sông mùa xuân vốn tươi đẹp lại tràn ngập sắc”xuân”, làm cho không sáng đêm khuya sáng bừng lên bởi vẻ đẹp của đất trời, của vạn vật.</p>	5.0
	<p>*<i>Tình yêu thiên nhiên luôn gắn liền với tình yêu nước sâu nặng.</i></p> <p>+Trong bài thơ Cảnh khuya, Hồ Chí Minh đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, nổi bật lên trong bức tranh ấy là vẻ đẹp của một con người cách mạng đang trăn trở, suy tư về công việc của dân tộc, của đất nước:</p> <p>“Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”</p> <p>Trong không gian thanh vắng của đêm khuya, hình ảnh nhân vật trữ tình hiện lên với những nỗi trăn trở, suy tư. Đó là những suy tư về vận nước, về tương lai của một dân tộc, hình ảnh ấy làm cho người chiến sĩ cách mạng hiện lên thật đẹp, thật đáng trân trọng.</p> <p>+Bài thơ Rằm tháng Giêng là bức tranh mùa xuân dưới ánh trăng</p>	5.0

	<p>Rầm, hình ảnh của nhân vật trữ tình đang trong tư thế lạc quan tự tại và niềm tin vào sự chiến thắng của Cách mạng:</p> <p>“Giữa dòng bàn bạc việc quân Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền”</p> <p>- Câu thơ gợi hình dung ra hình ảnh của Bác với những người chiến sĩ của mình đang luận bàn việc nước, những công việc có liên quan trực tiếp đến vận mệnh của một dân tộc.</p> <p>- Trong câu thơ này còn có sự kết hợp giữa cảnh vật với lòng người”<i>Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền</i>”. Hình ảnh ánh trăng ngân như báo hiệu một tương lai tươi sáng, rục rịch của cách mạng, của đất nước.</p>	
	<p>c.Kết bài:</p> <p>- Đánh giá khái quát: ở trong cả hai bài thơ, Hồ Chí Minh đều thể hiện được tình yêu đối với thiên nhiên và dành trọn vẹn tình cảm, tâm hồn mình cho đất nước, cho quê hương.</p> <p>-Nêu cảm xúc, suy nghĩ của bản thân</p>	1.0

ĐỀ SỐ 51:

Câu 1. (5,0 điểm)

Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong đoạn văn sau:

“Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!”

(*Cây tre Việt Nam - Thép Mới. SGK Ngữ văn 6 tập 2*)

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong văn bản”*Cổng trường mở ra*” của Lý Lan, người mẹ nói: Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói:” *Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra*”.

Hãy viết một đoạn (*khoảng một trang giấy thi*) văn trình bày suy nghĩ của em về thế giới kì diệu được mở ra khi *bước qua cánh cổng trường*.

Câu 3. (10 điểm)

Cảm nghĩ của em về bài thơ "Tiếng gà trưa" của tác giả Xuân Quỳnh.

..... Hết.....

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	1	* Chỉ ra các biện pháp tu từ: Điệp ngữ: "tre" (7 lần), "giữ" (4 lần), "anh hùng" (2 lần).	0,5
		Điệp cấu trúc: "Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu !".	0,5
		Nhân hoá: Tre <i>chống lại, xung phong, giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín, hi sinh, anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.</i>	0,5
	2	* Tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn văn: Tạo ra cách diễn đạt sinh động, hấp dẫn, nhấn mạnh công dụng của cây tre.	0,5
		+ Cây tre trở thành vũ khí đặc lực, có mặt khắp nơi, xông pha tung hoành trong khói lửa: "chống lại sắt thép quân thù", "xung phong vào xe tăng, đại bác", "giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín".	0,75
		+ Tre xả thân để bảo vệ quê hương, đất nước: "Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người".	0,75
		+ Trong lao động sản xuất, trong chiến đấu để bảo vệ tổ quốc, tre mang bao phẩm chất cao quý của con người Việt Nam.	0,75
		=> Tre là biểu tượng tuyệt đẹp về đất nước và con người Việt Nam anh hùng, về người nông dân cần cù, dũng cảm, giàu tình yêu quê hương, đất nước.	0,75
2		* Về hình thức: - Bài viết có bố cục rõ ràng, văn viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi diễn đạt, chính tả. * Về nội dung: - Học sinh viết đoạn văn đảm bảo các ý sau:	
		- Thế giới sau cánh cổng trường là cả một khung trời mơ ước của tuổi trẻ.	0,5
		- Ngày mai, con sẽ bước qua cánh cổng trường, bước vào một thế	0,75

		giới khác, thế giới mà ở đó có biết bao điều mới mẻ đang chờ đợi con khám phá và chinh phục:	
		+ Thế giới của tri thức, của vốn sống, của môi trường nhân cách,...	0,5
		+ Thế giới của những buồn vui, ngây thơ và những kỉ niệm tình nghịch tuổi học trò, có những cảm xúc xao xuyến tuổi mới lớn, có niềm vui khi được điểm cao, và cả những giọt nước mắt khi không thuộc bài hoặc khi con mắc lỗi...	0,75
		- Có tình cảm gắn bó với thầy cô, bạn bè,...	0,5
		- Bước qua cánh cổng trường là con sẽ bước vào và đi trên một hành trình khác, nhiều điều thú vị và bí ẩn đang đón chờ đón con.	0,5
		- Điều đó có nghĩa là con đang đi đến con đường của những khát khao và ước mơ.	0,5
		- Bước qua cánh cổng trường là con đang bước đến một tương lai tươi sáng.	0,5
		=> Đó là một thế giới kì diệu mở ra trước mắt con.	0,5
3		<p>* Yêu cầu chung.</p> <p>- Về kĩ năng.</p> <p>+ Bài văn có bố cục rõ ràng, luận điểm đầy đủ, chính xác.</p> <p>+ Lời văn chuẩn xác, không sai lỗi chính tả.</p> <p>- Về kiến thức.</p> <p>+ Biết cách làm bài văn biểu cảm văn học.</p> <p>+ Bố cục hợp lí, rõ ràng, văn phong trong sáng.</p> <p>* Yêu cầu cụ thể.</p>	
	a.	- Giới thiệu về tác giả, văn bản và hoàn cảnh sáng tác.	0,25
	Mở bài	- Nêu khái quát về cảm xúc của bài thơ.	0,25
		<i>* Tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu.</i>	0,75
		- Trên đường hành quân, người chiến sĩ chợt nghe tiếng gà nhảy ổ, tiếng gà đã gọi về những kỉ niệm tuổi thơ thật êm đềm, đẹp đẽ.	0,75
		- Hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như trong tranh hiện ra trong nỗi nhớ.	0,75
		<p>“Ổ rơm hồng những trứng</p> <p>Này con gà mái mơ...”</p>	

b. Thân bài	- Một kỉ niệm về tuổi thơ đại: Tò mò xem trộm gà đẻ bị bà mắng: <i>“ Gà đẻ mà mày nhìn Rồi sau này lang mặt...”</i>	0,5
	- Người chiến sĩ nhớ tới hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, chắt chiu, dành dụm lo cho cháu: <i>“ Tay bà khum soi trứng Dành từng quả chắt chiu”</i>	0,5
	- Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ: được mặc bộ quần áo mới từ tiền bà bán gà - ước mơ ấy đi vào cả giấc ngủ tuổi thơ.	0,75
	* <i>Tình cảm bà cháu đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương, đất nước.</i>	0,75
	- Tiếng gà trưa với những kỷ niệm đẹp về tuổi thơ, hình ảnh thân thương của bà đã cùng người chiến sĩ vào cuộc chiến đấu.	0,75
	- Những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ như tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ chiến đấu vì tổ quốc và cũng vì người bà thân yêu của mình: <i>“ Cháu chiến đấu hôm nay Vì lòng yêu Tổ quốc Vì xóm làng thân thuộc Bà ơi, cũng vì bà Vì tiếng gà cục tác Ổ trứng hồng tuổi thơ”.</i>	0,75
	- Qua những kỉ niệm đẹp được gợi lại, bài thơ đã biểu lộ tâm hồn trong sáng hồn nhiên của người cháu với hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, chắt chiu dành dụm, chăm lo cho cháu.	0,75
	- Tình cảm bà cháu đẹp đẽ và thiêng liêng ấy đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước của mỗi chúng ta.	0,5
	=> Tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu tổ quốc bắt nguồn từ những tình cảm gia đình thật gần gũi, thân thương và cũng thật sâu sắc.	0,75
	=> Những tình cảm thiêng liêng, gần gũi ấy như tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ trên bước đường hành quân.	0,75
c. Kết bài:	- Khẳng định lại nội dung bài thơ.	0,25
	- Liên hệ bản thân về tình yêu gia đình- nguồn sức mạnh cho mỗi chúng ta trong cuộc sống hôm nay.	0,25

ĐỀ SỐ 52**Câu 1:** (6.0 điểm)

Suy nghĩ của em về bức thông điệp mà em nhận được từ câu chuyện dưới đây:

Cơn gió và cây sồi

Một cơn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngạo nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gãy các cành cây. Nó muốn mọi cây cối đều phải ngã rạp trước sức mạnh của mình. Riêng một cây sồi già vẫn đứng hiên ngang, không bị khuất phục trước cơn gió hung hăng. Như bị thách thức, cơn gió lồng lộn, điên cuồng lật tung khu rừng một lần nữa. Cây sồi vẫn bám chặt đất, im lặng chịu đựng sự giận dữ của cơn gió và không hề gục ngã. Cơn gió mệt mỏi, đành đầu hàng và hỏi:

-Cây sồi kia! Làm sao ngươi có thể đứng vững như thế?

Cây sồi già từ tốn trả lời:

-Tôi biết sức mạnh của ông có thể bẻ gãy hết các nhánh cây của tôi, cuốn sạch đám lá của tôi và làm thân tôi lay động. Nhưng ông sẽ không bao giờ quật ngã được tôi. Bởi tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi. Càng ngày chúng sẽ phát triển càng mạnh mẽ, giúp tôi vững vàng hơn trước mọi sức mạnh của kẻ thù. Nhưng tôi phải cảm ơn ông, cơn gió ạ! Chính những cơn điên cuồng của ông đã giúp tôi chứng tỏ được khả năng chịu đựng và sức mạnh của mình.

(Quang Kiệt- Hạt giống tâm hồn- Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh)

Câu 2: (14 điểm)

Cảm nghĩ của em về hình tượng người phụ nữ trong xã hội xưa qua văn bản **”Bánh trôi nước”** (Hồ Xuân Hương) và **”Sau phút chia li”** (Đoàn Thị Điểm).

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1: (6.0 đ)	<p>*Yêu cầu kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội, dạng nghị luận mở. -Bài viết có bố cục 3 phần. -Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, dẫn chứng cụ thể. -Biết vận dụng tổng hợp các phương pháp lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận... 	2.0 đ

	-Có kĩ năng vận dụng yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm vào bài văn nghị luận.	
	<p>*Yêu cầu kiến thức:</p> <p>HS có thể trình bày bài viết của mình theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo 1 số ý cơ bản mang tính định hướng sau:</p> <p>1.Hiểu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện:</p> <p>-<i>Con gió</i>: Hình ảnh tượng trưng cho những khó khăn, thử thách, những nghịch cảnh trong cuộc sống.</p> <p>-<i>Cây sồi</i>: Hình ảnh tượng trưng cho lòng dũng cảm, dám đối đầu, không gục ngã trước hoàn cảnh với niềm tin chiến thắng.</p> <p>-<i>Ý nghĩa câu chuyện</i>: Trong cuộc sống, con người cần có lòng dũng cảm, tự tin, nghị lực và bản lĩnh vững vàng trước những khó khăn, trở ngại của cuộc sống.</p>	<p>0.25 đ</p> <p>0.25 đ</p> <p>0.5 đ</p>
	<p>2.Bức thông điệp từ câu chuyện:</p> <p>HS tự cảm nhận tìm ra điều tác giả muốn gửi gắm theo cách hiểu của mình, miễn là hợp lí. Sau đây là gợi ý:</p> <p>-Trong cuộc sống, luôn tiềm ẩn những khó khăn, trở ngại, những nghịch cảnh khó lường và chúng ta có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nếu không có lòng dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn, trở ngại thì khó hoặc không thể vượt qua.</p> <p>-Lòng dũng cảm, nghị lực và bản lĩnh vững vàng sẽ tiếp thêm sức mạnh giúp con người tự tin trước khó khăn, trở ngại, nghịch cảnh của cuộc đời.</p> <p>-Dũng cảm dám đối mặt với thử thách, không gục ngã trước hoàn cảnh là chìa khóa của thành công.</p> <p>Lưu ý: Trong quá trình lập luận nên có những dẫn chứng về những tấm gương dũng cảm, không gục ngã trước hoàn cảnh để cách lập luận thêm thuyết phục.</p> <p>3.Bài học cho bản thân:</p> <p>-Rèn luyện bản lĩnh, nghị lực vững vàng trước mọi hoàn cảnh.</p> <p>-Bình tĩnh tìm ra giải pháp cần thiết để từng bước vượt qua khó khăn, trở ngại.</p> <p>-Nuôi dưỡng niềm tin chiến thắng. Không nên tuyệt vọng, bi quan, chán nản, gục ngã trước hoàn cảnh.</p> <p>-Phê phán thái độ, hành động buông xuôi, thiếu ý chí, nghị lực, niềm tin.</p>	<p>1.0 đ</p> <p>0.5 đ</p> <p>0.5 đ</p> <p>0.25 đ</p> <p>0.25 đ</p> <p>0.25 đ</p> <p>0.25 đ</p>
Câu 2 (14 điểm)	<p>1.Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>-Biết viết 1 bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết sáng rõ, các luận điểm trình bày mạch lạc, liên kết chặt chẽ; văn phong trong sáng, có cảm xúc...</p> <p>-Biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức tập làm văn và năng lực cảm thụ văn học.</p>	4.0 đ

<p>2.Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>HS có thể sắp xếp các luận điểm trong bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau:</p> <p>-Giới thiệu về đề tài phụ nữ trong thơ ca nói chung và thơ ca trung đại nói riêng.</p> <p>-Cảm nhận về hình tượng người phụ nữ xưa qua hai văn bản:</p> <p>+Người phụ nữ xưa hiện lên với vẻ đẹp thanh tao, tâm hồn trong sáng, phẩm chất tốt đẹp.</p> <p>(HS dựa vào văn bản Bánh trôi nước làm rõ nội dung trên: thân em”trắng tròn”,”tấm lòng son”).</p> <p>+Tuy nhiên, số phận của họ bất hạnh, long đong, phụ thuộc, không tự quyết định được cuộc đời mình:</p> <p>(Cuộc đời”bảy nổi ba chìm”,”rắn nát”... bởi”tam tòng”, bởi xã hội trọng nam khinh nữ,...)</p> <p>+ Họ luôn khao khát hạnh phúc, muốn khẳng định giá trị của mình trong xã hội.</p> <p>(Sau phút chia li: chiến tranh phong kiến đã chia lìa đôi lứa, nỗi buồn, cô đơn, tâm trạng lưu luyến của người phụ nữ tiễn chồng ra trận: chàng đi- thiếp về; thấy- thấy; xanh- xanh; ngàn dâu- ngàn dâu...)</p> <p>Cho dù bất hạnh, phụ thuộc nhưng người phụ nữ luôn giữ gìn phẩm hạnh, khẳng định giá trị mình trong xã hội (giữ tấm lòng son)- Bánh trôi nước...).</p> <p>-Khái quát: Viết về những người phụ nữ trong xã hội xưa các tác giả đã thể hiện sự đồng cảm chân thành tha thiết đối với số phận của họ. Chính vì vậy, những tác phẩm ấy sẽ còn mãi với thời gian bởi giá trị nhân đạo sâu sắc.</p> <p>-Liên hệ ngày nay.</p>	10.0đ
<p>3.Biểu điểm:</p> <p>-Điểm Giỏi: (12-14 điểm): Hiểu sâu sắc. Đáp ứng được những yêu cầu về kiến thức và kĩ năng, viết cảm xúc, nổi bật trọng tâm. Có thể có những sai sót nhỏ.</p> <p>-Điểm Khá (9- 11 điểm): Hiểu đề. Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu về kiến thức và kĩ năng, viết cảm xúc, nổi bật trọng tâm, song chưa sâu sắc hoặc có những lỗi sai về diễn đạt, dùng từ, câu, chính tả.</p> <p>-Điểm Trung bình (7-8 điểm) Tổ ra hiểu đề. Bài làm có bố cục, song chưa đầy đủ về nội dung, diễn đạt lưu loát song văn viết chưa hagi, phân tích bình giá chưa sâu sắc và còn những sai sót về dùng từ, diễn đạt, chính tả.</p> <p>-Điểm Yếu (5-6 điểm): Bài làm thể hiện được ½ yêu cầu của đề; phân tích chung chung, chưa làm rõ nội dung. Bố cục rõ ràng, song</p>	

	<p>còn mắc nhiều lỗi.</p> <p>-Điểm kém (1-4 điểm): Chưa hiểu đề. Nội dung sơ sài, kỹ năng kém, chữ xấu, mắc nhiều lỗi.</p> <p>-Điểm 0: Không làm được gì hoặc lạc đề.</p> <p>(Giám khảo căn cứ cụ thể bài viết của học sinh để cho điểm phù hợp)</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 53:**Câu 1: 8 (điểm)**

Cảm nhận đoạn thơ sau trích từ bài "Xuân về" của Nguyễn Bính:

“..Từng đàn con trẻ chạy xun xoe
 Mưa tạnh trời quang nắng mới hoe
 Lá nõn nhành non ai trắng bạc
 Gió về từng trận gió bay đi
 Thong thả dân gian nghỉ việc đồng
 Lúa thì con gái mượt như nhung
 Đầy vườn hoa bưởi, hoa cam rụng
 Ngọt ngào hương bay, bướm vẽ vòng...”

Câu 2: (12 điểm)

Có ý kiến cho rằng: "Thơ ca là tiếng nói của tình cảm".

Từ ý kiến trên, em hãy phát biểu cảm nghĩ về bài thơ "Qua Đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan.

.....HẾT.....

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

	Nội dung	Điểm
KHỔ 1	<p>- Cảnh xuân trong khổ thơ vừa đẹp, vừa sống động, hồn nhiên và tươi xinh:</p> <p>+ Gió xuân thổi về từng trận rồi "gió bay đi", gợi lên sự phơi phới.</p> <p>+ Sau những tháng ngày mưa xuân, mưa bụi trắng trời, nay mưa đã tạnh, bầu trời rất đẹp, một không gian ấm áp: "trời quang, nắng mới hoe".</p> <p>+ Nắng mới là nắng đầu xuân: "nắng mới hoe" là nắng hồng nhạt, có cây đâm chồi nảy lộc: "Lá nõn, nhành non, ai trắng bạc?"</p> <p>+ Cảnh xuân càng trở nên rộn ràng, vui tươi và hồn nhiên khi xuất hiện "Từng đàn con trẻ chạy xun xoe". Các em nô đùa, các em đón nắng mới, các em theo bà, theo chị đi trải hội mùa xuân > Cảnh xuân càng trở lên ý vị đậm đà.</p>	2.5
KHỔ 2	<p>- Nét xuân đẹp thứ hai trong bức tranh xuân của Nguyễn Bính mở ra một không gian nghệ thuật rộng lớn gợi lên cái hồn quê buổi xuân</p>	2.5

	<p>về:</p> <p>+ Giêng hai là thời gian nông nhàn, bà con dân cày”nghỉ việc đồng”, ai nấy đều tít tít trong lễ hội mùa xuân.</p> <p>+ Cánh đồng làng bát ngát”lúa con gái mượt như nhung”. Một so sánh rất hay, rất gợi cảm làm hiện lên những cánh đồng quê lúa xanh thẫm, biển lúa êm đềm”mượt như nhung”.</p> <p>+ Vườn tược, xóm thôn nở trắng màu hoa cam, hoa bưởi”ngào ngạt hương bay”. Mùi thơm nồng nàn, quần quýt”bướm vẽ vòng”. Cảnh bướm, hoa trong vườn xuân thật trữ tình nên thơ.</p> <p>-> Nguyễn Bính đã đem cái tình yêu mùa xuân, yêu làng mạc đồng quê để viết lên những câu thơ tuyệt bút về hương hoa, về bướm hoa trong mùa xuân.</p>	
ĐÁNH GIÁ NÂNG CAO	<p>Cảnh xuân, tình xuân được nhà thơ nói đến rất bình dị, mộc mạc, rất thân thuộc đậm đà, đáng yêu. Nguyễn Bính đã gọi lên cái hồn quê nơi thôn quê, đã để thương để nhớ trong lòng người bấy nay. Đoạn thơ cũng bồi đắp cho em tình yêu, niềm tự hào, trân trọng và gắn bó sâu nặng với quê hương đất nước mình...</p>	1.0

Câu 2: 12 điểm

I. Yêu cầu chung:

- Đây là đề bài kiểm tra năng lực tạo lập văn bản biểu cảm. HS biết kết hợp kiến thức về VB, biết huy động kiến thức về TPVH, lí luận VH, khả năng cảm thụ văn chương, kĩ năng biểu cảm tạo lập văn bản biểu cảm để làm bài.

- Bài viết phải có bố cục rõ ràng; luận điểm đầy đủ, chính xác.

- Văn viết có cảm xúc; bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- Có thể cảm nhận và diễn đạt khác nhau nhưng phải nêu được cảm xúc và suy nghĩ cá nhân của mình.

II. Yêu cầu cụ thể:

1. Nội dung trình bày: (9 điểm)

Nội dung	Điểm
<p>1. Khái quát chung:</p> <p>- Dẫn dắt vấn đề biểu cảm. trích ý kiến.</p> <p>- Khái quát về tác giả, hoàn cảnh ra đời của bài thơ.</p>	1.0
2. Khẳng định ý kiến: thơ ca là tiếng nói của tình cảm.	0.5

- Thơ là tình cảm, cảm xúc, tâm trạng, những rung động của tác giả trước cuộc sống.	
3. Phát biểu cảm nghĩ: Cần tập trung biểu cảm một số nội dung sau:	
a. Tình cảm, cảm xúc của tác giả trước thiên nhiên: - Cảnh Đèo Ngang lúc xế tà: Trước núi đèo bát ngát, thấp thoáng sự sống của con người nhưng còn hoang sơ, nhà thơ gửi gắm tâm trạng buồn, cô đơn hoài cổ thông qua bút pháp tả cảnh ngụ tình.	3.0
b. Tình cảm của tác giả với quê hương, đất nước: - Tiếng lòng tha thiết của tác giả như nhà, nhớ quá khứ vàng son của đất nước. - Nỗi buồn cô đơn trong tương quan đối lập giữa trời, non, nước và mảnh tình riêng. => Gửi gắm kín đáo nỗi niềm yêu nước.	3.0
c. Khái quát và mở rộng: - Cách thể hiện: + Thể thơ Đường luật TNBC: trang nhã, cô đọng, súc tích. + Biện pháp nghệ thuật: điệp, đối, so sánh,...ngôn ngữ hàm súc. - Không gian: cảnh núi rừng hoang vu. - Thời gian: chiều tà gợi buồn. => Cảnh vật buồn, vắng lặng, bộc lộ sự cô đơn tuyệt đối. - Bài thơ kín đáo gửi gắm tình cảm, nỗi niềm của nhà thơ về cố quốc. - Liên hệ mở rộng với những tác phẩm khác. - Bài học liên hệ cho bản thân.	1.5

ĐỀ SỐ 54

Câu 1(2.0 điểm)

Tìm câu bị động trong đoạn trích dưới đây. Giải thích vì sao tác giả chọn cách viết như vậy?

Người đầu tiên chịu ảnh hưởng thơ Pháp rất đậm là Thế Lữ. Những bài thơ có tiếng của Thế Lữ ra đời từ đầu năm 1933 đến 1934. Giữa lúc người thanh niên Việt Nam bấy giờ ngập trong quá khứ đến tận cổ thì Thế Lữ đưa cho họ một cái hương vị phương xa. Tác giả Mấy vần thơ liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ.

(Theo Hoài Thanh)

Câu 2(4.0 điểm)

Phân tích ngắn gọn phép liệt kê được sử dụng trong đoạn trích sau:

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

(Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ*)

Câu 3(4.0 điểm)

Hãy chỉ ra và phân tích giá trị của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong khổ thơ sau:

[...]Ôi! Sáng xuân nay, xuân 41

Trắng rừng biên giới nở hoa mơ

Bác về...Im lặng. Con chim hót

Thánh thót bờ lau, vui ngẩn ngơ...

(Tố Hữu, *Theo chân Bác*)

Câu 4(10.0 điểm)

Nhà văn Pháp Ana-tôn Prăng- xơ từng nói:

“Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ tâm hồn con người”

Câu nói trên giúp em cảm nhận được gì khi học hai bài thơ”Cảnh khuya” và”Rằm tháng giêng” của Hồ Chí Minh.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Điểm
1	<p>Tìm câu bị động trong đoạn trích dưới đây. Giải thích vì sao tác giả chọn cách viết như vậy?</p> <p><i>Người đầu tiên chịu ảnh hưởng thơ Pháp rất đậm là Thế Lữ. Những bài thơ có tiếng của Thế Lữ ra đời từ đầu năm 1933 đến 1934. Giữa lúc người thanh niên Việt Nam bấy giờ ngập trong quá khứ đến tận cổ thì Thế Lữ đưa cho họ một cái hương vị phương xa. Tác giả Máy vẫn thơ liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ.</i></p> <p>(Theo Hoài Thanh)</p>	2.0 điểm
	<p>- Câu bị động: <i>Tác giả Máy vẫn thơ liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ</i></p> <p>- Tác giả chọn như vậy để tránh lặp lại kiểu câu trước đó, đồng thời để</p>	1.0

	liên kết tốt hơn giữa các câu trong đoạn văn.	1.0
2	<p>Phân tích ngắn gọn phép liệt kê được sử dụng trong đoạn trích sau:</p> <p><i>Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.</i></p> <p>(Trần Quốc Tuấn, <i>Hịch tướng sĩ</i>)</p>	4.0 điểm
	<p>- Biện pháp liệt kê:</p> <p>+ (<i>Ta thường</i>) <i>tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa</i></p> <p>+ (<i>chỉ căm tức</i>) <i>chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù.</i></p> <p>+ <i>trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng</i></p> <p>- Phân tích:</p> <p>+ Thể hiện nỗi căm giận, phần uất quân giặc đến quên ăn, mất ngủ của Trần Quốc Tuấn.</p> <p>+ Mỗi căm thù, uất hận vô hạn với quân giặc.</p> <p>+ sẵn sàng xông pha ra chiến trường, hi sinh tất cả để trả mối thù, quốc hận.</p>	<p>2.0</p> <p>2.0</p>
3	Hãy chỉ ra và phân tích giá trị của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong khổ thơ	4.0 điểm
	<p><i>Học sinh viết đoạn văn có thể nêu các ý kiến khác nhưng phải làm rõ được nét đặc sắc về giá trị của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong câu thơ với nội dung cơ bản sau:</i></p> <p>- Về các yếu tố hình thức nghệ thuật:</p> <p>+ Từ ngữ, hình ảnh: từ láy (thánh thót, ngần ngơ; hình ảnh(trắng rừng...nở hoa mơ)</p> <p>+ Phép tu từ: liệt kê(xuân); đảo ngữ(trắng rừng...; thánh thót...)</p> <p>+ Dấu câu có giá trị tu từ: Dấu !; dấu...; dấu ngắt câu ở câu thứ ba.</p> <p>- Về giá trị của các yếu tố nội dung:</p> <p>+ Khắc đậm mốc thời gian, sự kiện lịch sử (Thời điểm Bác Hồ trở về Tổ quốc)</p> <p>+ Tăng cường độ diễn tả một khung cảnh đẹp trong thời khắc lịch sử.</p> <p>+ Sự lắng đọng thời gian, không gian->sự xúc động thiêng liêng đến</p>	<p>2.0</p> <p>2.0</p>

ĐỀ SỐ 55:

Câu 1 (4.0 điểm) Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở bên dưới:

Yêu Tổ quốc từ những giọt mồ hôi tảo tần. Mồ hôi rơi trên cánh đồng cho lúa thêm hạt. Mồ hôi rơi trên những công trường cho những ngôi nhà thành hình, thành khối. Mồ hôi rơi trên những con đường nơi rẻo cao Tổ quốc của những thầy cô trong mùa nắng để nuôi ước mơ cho các em thơ. Mồ hôi rơi trên nhwungx thao trường đầy nắng gió của những người lính để giữ mãi yên bình và màu xanh cho Tổ quốc....

(Nguồn <http://vietbao.vn> ngày 9-5-2014)

a.Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.

b.Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn trên.

c.Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta là gì?

Câu 2 (6.0 điểm)

Dựa vào đoạn văn trên em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 15 dòng) bày tỏ suy nghĩ của em về lòng biết ơn.

Câu 3(10.0 điểm)

Nhận định về tác phẩm *Sống Chết mặc bay* của Phạm Duy Tốn, có ý kiến cho rằng: “*Tên quan phủ lòng lang dạ thú ấy chính là hiện thân cho bản chất xấu xa, tàn bạo, vô nhân đạo của chế độ phong kiến thời bấy giờ.*”

Bằng hiểu biết của mình về tác phẩm *Sống chết mặc bay* (Ngữ văn 7, tập 2), hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Ý	Yêu cầu	Điểm
1		<i>Về đoạn văn trích từ http://vietbao.vn ngày 9-5-2014</i>	4.0
	a	- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm	1.0
	b	Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng: - Biện pháp nghệ thuật: Điệp ngữ: <i>Mồ hôi rơi</i> - Tác dụng: + Nhấn mạnh những nhọc nhằn, vất vả và sự hí sinh thâm lặng của người lao động. + Qua đó bộc lộ sự trân trọng, tin yêu với những con người lao động và đồng thời thể hiện tình yêu Tổ quốc của tác giả.	2.0 0.5 1.5 0.75 0.75
	c	Thông điệp: HS chỉ cần đưa ra một thông điệp: (<i>Hãy biết trân trọng thành quả của người lao động, biết ơn họ...</i>)	1.0

		Viết đoạn văn bàn về lòng biết ơn.	6.0
2	a	Về kĩ năng	2.0
		- Biết cách viết một đoạn văn nghị luận xã hội. Đưa ra được chủ kiến khi giải quyết vấn đề. - Bố cục bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục; không mắc các lỗi chính tả, diễn đạt,...	
	b	Về nội dung	
		- Đây là một đề bài nghị luận xã hội được ra theo hướng mở. Học sinh được bày tỏ những suy nghĩ, cảm nhận của mình về lòng biết ơn dựa trên những trải nghiệm và hiểu biết của bản thân. Chấp nhận những suy nghĩ và kiến giải riêng của người viết nếu suy nghĩ đó được trình bày thuyết phục.	6.0
		Đoạn văn đảm bảo các ý cơ bản như sau: + Nêu vấn đề nghị luận: Lòng biết ơn là một phẩm chất đáng quý. + Giải thích: lòng biết ơn chính là sự trân trọng những gì mà người khác đã giúp đỡ mình. Nó chính là cách thể hiện tình cảm, lối ứng xử của con người có văn hóa, lịch sự và biết tôn trọng những người đã từng giúp đỡ mình. *Chứng minh: + Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò của lòng biết ơn trong cuộc sống. + Phê phán những hành động trái với lòng biết ơn. * Rút ra bài học cho bản thân.	1.0 1.0 3.0 2.0 1.0 1.0
3		Nhận định về tác phẩm <i>Sống Chết mặc bay</i> của Phạm Duy Tồn, có ý kiến cho rằng: “ <i>Tên quan phủ lòng lang dạ thú ấy chính là hiện thân cho bản chất xấu xa, tàn bạo, vô nhân đạo của chế độ phong kiến thời bấy giờ.</i> ” Bằng hiểu biết của mình về tác phẩm <i>Sống chết mặc bay</i> (Ngữ văn 7, tập 2), hãy làm sáng tỏ nhận định trên.	10.0
	a	Về kỹ năng	1.0
		- Đảm bảo một bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh, lập luận chặt chẽ, bố cục hợp lí, hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp cơ bản. - Quá trình phân tích tác phẩm có kĩ năng bám sát yêu cầu của đề bài. Phân tích cho điểm nhấn, hành văn trong sáng, không mắc lỗi ...	
	b	Về kiến thức	
		<i>Thí sinh có thể trình bày, sắp xếp các luận điểm theo nhiều cách</i>	

	<i>nhưng về cơ bản cần đảm bảo những nội dung sau:</i>	
	1. Mở bài - Giới thiệu khái quát về tác giả Phạm Duy Tốn, tác phẩm Sống chết mặc bay - Giới thiệu quan phụ mẫu và nêu vấn đề nghị luận (Phải trích dẫn được vấn đề nghị luận).	2.0 1.0 1.0
	2. Thân bài: a. Nêu hoàn cảnh sáng tác; Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm. b. Chứng minh nhận định bằng kiến thức tác phẩm: *. Tên quan phủ là một kẻ xấu xa, tàn bạo, vô trách nhiệm: + Đi hộ đê nhưng lại chọn ở trong đình cao ráo, an toàn (dẫn chứng) đối lập với cảnh dân hộ đê. + Mang theo những đồ dùng sang trọng, xa xỉ, kẻ hầu nguwoif hạ táp nập. (dẫn chứng) + Công việc chính của quan phủ không phải cùng dân hộ đê mà là đánh tổ tôm. *. Tên quan phủ là một kẻ vô nhân đạo, lòng lang dạ thú. + Bỏ mặc tính mạng người dân trước nguy cơ đê vỡ (ham mê tổ tôm, bỏ ngoài tai khi có bão báo, gắt, quát, đe dọa..) + Thái độ hủ hê sung sướng, mãn nguyện khi thắng bài mà đó cũng là đê vỡ, nhân dân rơi vào cảnh “ muôn sầu nghìn thảm” *. Nghệ thuật xây dựng nhân vật: - Thủ pháp tăng cấp và tương phản trong nghệ thuật miêu tả và kể chuyện. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình xuất sắc mang ý nghĩa khái quát cao. * Đánh giá: - Truyện có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc: + Lên án, phê phán tố cáo tên quan phụ mẫu lòng lang dạ sói. + Cảm thương cho số phận thê thảm của người dân. - Nghệ thuật: tăng cấp và tương phản..	6.0 0.5 2.0 2.0 1.0 0.5
	3. Kết bài - Khẳng định giá trị tác phẩm thông qua nhận định. - Bày tỏ thái độ của người viết.	2.0

ĐỀ SỐ 56:**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Thứ sáu, ngày 28

"En-ri-cô con ơi! Việc học đối với con hình như khó nhọc, mẹ con nói phải đấy. Cha chưa bao giờ trông thấy con đi học với cái dáng quả quyết và nét mặt hớn hở như cha mong muốn! Con thử tưởng tượng nếu con ngồi không ở nhà thì ngày giờ của con sẽ trống trải biết là dường nào! Cha chắc chỉ trong vòng một tuần lễ là con lại muốn trở lại nhà trường. Con ơi! Hiện thời, không một đứa trẻ nào là không đi học. Con hãy nghĩ đến những người thợ làm lưng cũi cả ngày, tối đến còn phải cắp sách đi học, những cô thiếu nữ suốt tuần lễ bị giam giữ trong xưởng, chủ nhật đến cũng rủ nhau đi học, những binh lính hết giờ luyện tập cũng đem ra học, viết. Cho đến những trẻ mù, trẻ câm, chúng cũng đều học cả.

... Cố lên! Tên lính nhỏ trong đạo quân lớn lao kia! Cố lên! Con ơi! Lấy sách vở làm khí giới, lấy lớp học làm quân đội, lấy thế giới làm bãi chiến trường, coi sự ngu dốt là cừu địch và lấy sự văn minh của nhân loại làm cuộc khai hoàn, con phải phấn đấu luôn luôn và chớ hề làm tên lính hèn nhất".

(Trích "Những tấm lòng cao cả", É-t-môn-đô-đơ A-mi-xi, Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn)

Câu 1. (1.0 điểm): Tác giả đã dùng phương thức biểu đạt chính nào trong đoạn trích trên?

Câu 2. (1.0 điểm): Cụm từ "tên lính nhỏ" trong đoạn trích trên chỉ ai?

Câu 3. (2.0 điểm): Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên và nêu tác dụng của nó.

Câu 4. (2.0 điểm): Em tự thấy mình là "người lính hèn nhất" hay "người lính dũng cảm" trong học tập? Vì sao?

II. TẬP LÀM VĂN. (14.0 điểm):

Câu 1. (4.0 điểm):

Từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 20 - 25 dòng tờ giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng dũng cảm trong cuộc sống.

Câu 2. (10.0 điểm): Có ý kiến cho rằng: "*Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ*".

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua bài thơ "*Qua Đèo Ngang*" của Bà Huyện Thanh Quan.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: biểu cảm	1.0
	2	Cụm từ "tên lính nhỏ" trong đoạn trích trên chỉ En-ri-cô	1,0

Đọc- hiểu	3	<p>- Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên là điệp ngữ kết hợp với liệt kê:</p> <p>+ <i>những người thợ làm lưng cặm cũi cả ngày, tới đến còn phải cắp sách đi học, những cô thiếu nữ suốt tuần lễ bị giam giữ trong xưởng, chủ nhật đến cũng rủ nhau đi học, những binh lính hết giờ luyện tập cũng đem ra học, viết.</i></p> <p>+ <i>Lấy sách vở làm khí giới, lấy lớp học làm quân đội, lấy thể giới làm bãi chiến trường, ... và lấy sự văn minh của nhân loại làm cuộc khai hoàn</i></p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ diễn tả đầy đủ, sinh động và nhấn mạnh sự cần thiết của việc học ở mọi tầng lớp người, mọi lứa tuổi,...</p> <p>+ Người cha muốn động viên, khích lệ tinh thần, ý chí học tập của người con.</p>	0,5	0,25	0,25	0,5	0,5				
	4	<p>- Học sinh tự lựa chọn một trong hai ý</p> <p>- Diễn đạt thành đoạn văn khẳng định 7 – 10 dòng, lí giải được một cách hợp lí về sự lựa chọn của mình.</p> <p>(Lưu ý: tôn trọng sự sáng tạo của học sinh)</p>	0,5	1,5							
Phản TLV	1.	<p>a. <i>Đảm bảo thể thức của một đoạn văn</i></p> <p>b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i></p> <p>c. <i>Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn</i>: vận dụng tốt thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn về lòng dũng cảm theo hướng sau:</p> <p>* Giới thiệu vấn đề nghị luận: Lòng dũng cảm là một trong những đức tính vô cùng cần thiết và đáng quý ở mỗi con người. Dù ở nơi đâu khi làm bất cứ việc gì con người cũng đều cần đến lòng dũng cảm.</p> <p>* Giải thích và nêu biểu hiện: Dũng cảm là không sợ nguy hiểm, khó khăn. Biểu hiện trong ngữ liệu và trong thực tế đời sống (người có lòng dũng cảm là người không run sợ, không hèn nhát, dám đứng lên đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, các thế lực tàn bạo để bảo vệ công lí, chính nghĩa,...)</p> <p>* Bàn luận: Dũng cảm là phẩm chất tốt đẹp và cần thiết của con người ở mọi thời đại:</p> <p>+ Trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm, trong lao động sản xuất của dân tộc Việt Nam (lấy dẫn chứng)</p> <p>+ Trong cuộc sống hàng ngày: đấu tranh phòng chống tội phạm, cứu người bị hại, gặp nạn (lấy dẫn chứng)</p> <p>+ Phê phán: những người nhầm tưởng lòng dũng cảm với hành động liều lĩnh, mù quáng, bất chấp công lí. Phê phán những người hèn nhát, bạc nhược không dám đấu tranh, không dám đương đầu với khó khăn thử thách để vươn lên trong cuộc</p>	0,25	0,25	3,0	0,5	1,0	1,0	0,5	0,25	0,25

	<p>sống.</p> <p>* Bài học nhận thức và hành động của bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc rèn luyện lòng dũng cảm, phát huy truyền thống quý báu của dân tộc + Rèn luyện tinh thần dũng cảm từ việc làm nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày nơi gia đình, nhà trường như dám nhận lỗi khi mắc lỗi, dũng cảm chỉ khuyết điểm của bạn <p>d. <i>Sáng tạo</i>: HS có thể có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</p> <p>e. <i>Chính tả</i>: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV.</p>	
2	<p>1. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo bài văn nghị luận văn học có bố cục rõ ràng, luận điểm đầy đủ, chính xác. - Xác định đúng vấn đề và phạm vi kiến thức bài nghị luận <p>2. Yêu cầu về kiến thức</p> <p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận và hướng vào nhận định - Giới thiệu về Bà Huyện Thanh Quan và bài thơ "Qua Đèo Ngang", ấn tượng chung về bài thơ. <p>b. Thân bài</p> <p>* Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thơ ca bắt rễ từ lòng người: Thơ ca là tiếng nói chân thành của tình cảm. Thơ do tình cảm mà sinh ra. Thơ luôn thể hiện những rung cảm tinh tế, thâm sâu của tác giả. + Nở hoa nơi từ ngữ: Lời thơ bao giờ cũng chặt chẽ, giàu hình tượng, có khả năng gợi cảm xúc của người đọc. Vẻ đẹp ngôn từ chính là yêu cầu bắt buộc đối với thơ ca. -> Khái quát nhận định: Thơ ca khởi nguồn từ cảm xúc của tác giả trước cuộc sống và tình cảm ấy, thăng hoa nơi từ ngữ biểu hiện. <p>* Chứng minh: phân tích bài thơ "Qua Đèo Ngang" để làm sáng tỏ nhận định</p> <p>Luận điểm 1: Bài thơ "Qua Đèo Ngang" bắt rễ từ lòng người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ được sáng tác khi Bà Huyện Thanh Quan vào Huế để nhận chức <i>Cung trung giáo tập</i>. Bài thơ sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc để kín đáo thể hiện nỗi nhớ nước thương nhà và nỗi buồn cô đơn thẳm lặng của thi nhân. <p>Học sinh dẫn thơ và phân tích:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hai câu thơ đề: Khung cảnh đèo Ngang trong buổi chiều hoàng hôn "bóng xế tà" gợi cho ta một nét gì đó buồn man mác, mênh mang, có chút nuối tiếc về một ngày đang sắp qua. Với 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>0,5</p>

	<p>việc nhân hoá cảnh vật qua động từ "chen" cùng với phép liệt kê hàng loạt cho ta thấy nét sống động trong bức tranh thiên nhiên Đèo Ngang hoang vu với sức sống thật mãnh liệt.</p> <p>+ Hai câu thực: Hình ảnh cuộc sống con người nơi Đèo Ngang. Tác giả sử dụng biện pháp đảo ngữ cũng với từ láy gợi tả để sự nhỏ bé, lẻ loi, heo hút của con người so với cảnh thiên nhiên hùng vĩ của đèo Ngang. Dường như không khí vắng vẻ, hiu quạnh bao trùm lên toàn cảnh vật càng gợi lên nỗi buồn khốn xiết của người lữ khách.</p> <p>+ Hai câu luận: Khung cảnh Đèo Ngang còn được khắc họa rõ nét qua những âm thanh thê lương của chim cuốc và chim đa đa</p> <p>Tiếng kêu thiết tha hay chính là tiếng lòng tác giả. Nghệ thuật chơi chữ đồng âm "cuốc cuốc" "gia gia" độc đáo kết hợp nhân hóa gây ấn tượng mạnh đã cho ta thấy được tấm lòng yêu nước thương nhà của Bà Huyện Thanh Quan.</p> <p>+ Hai câu kết: Thể hiện sâu sắc và rõ nét hơn tâm trạng của nhân vật trữ tình.</p> <p>Cảnh vật Đèo Ngang thật hùng vĩ khiến tác giả dừng chân không muốn rời. Cái bao la của đất trời, núi non, sông nước như níu chân người thi sĩ. Nhưng đứng trước không gian bao la hùng vĩ ấy, tác giả chợt nhận ra nỗi cô đơn trong lòng mình dần dâng lên "một mảnh tình riêng ta với ta". Khung cảnh thiên nhiên càng rộng lớn thì nỗi cô đơn của người lữ khách càng đầy. Một mảnh tình riêng, một nỗi lòng sâu kín, những tâm sự đau đáu trong lòng mà không biết chia sẻ nhắn nhủ với ai. Hình tượng thơ đặt trong thể tương phản, âm hưởng nhịp điệu câu thơ như một tiếng thở dài nuôi tiếc.</p> <p>=> Cảnh Đèo Ngang", tâm tình nữ sĩ - khách li hương như chan hòa, như cộng hưởng. Bài thơ không chỉ là một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ đượm nét buồn mà còn là những tiếc nuối, một tấm lòng yêu nước thương dân. Phải thật giàu cảm xúc, thật yêu thiên nhiên cùng con người, Bà Huyện Thanh Quan mới có thể để lại những vần thơ tuyệt tác như vậy.</p> <p>Luận điểm 2: Bài thơ "Qua Đèo Ngang" nở hoa nơi từ ngữ.</p> <p>- Bài thơ "Qua đèo Ngang" được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật hàm xúc, cô đọng nhưng diễn tả được nội dung phong phú. Hình tượng thơ mang tính ước lệ tượng trưng giàu sắc thái biểu cảm.</p> <p>- Giọng thơ nhẹ nhàng, du dương đã diễn tả được nỗi niềm hoài cổ buồn thương man mác, băng khuâng.</p> <p>- Sử dụng phép đối đặc sắc ở các câu thực, luận, kết làm nổi bật khung cảnh vắng vẻ, hoang sơ, thưa thớt của Đèo Ngang và bộc lộ tâm trạng của nhà thơ.</p> <p>- Phép đảo ngữ, nghệ thuật chơi chữ độc đáo, phép nhân hóa, từ láy, ... đã diễn tả được tâm trạng, nỗi niềm hoài cổ của thi nhân một cách kín đáo.</p> <p>* Đánh giá chung: "Qua Đèo Ngang" là một tuyệt phẩm của bà</p>	<p>2</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
--	--	--------------------------------

	<p>Huyện Thanh Quan đã để lại cho nền thi ca Việt Nam. Tác phẩm đã chứng tỏ nhận định "Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ" là xác đáng.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>+ Nhận định đã đề cập đến giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Một tác phẩm chân chính phải khởi phát từ tình cảm dạt dào của tác giả và được thể hiện bằng ngôn từ chất lọc, chau chuốt.</p> <p>+ Người nghệ sĩ phải có trái tim nhạy cảm, tinh tế về khả năng lao động nghệ thuật nghiêm túc thì mới tạo được những vần thơ trác tuyệt.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 57:

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Hãy sống mỗi ngày như bông hoa hướng dương

Trong muôn nghìn bông hoa rực rỡ ấy có một bông hoa tên là hướng dương. Hoa hướng dương cũng mang trong tim một tình yêu cháy bỏng với mặt trời. Hoa quyết định nhuộm vàng mình, cũng như luôn vươn cao mình hướng về mặt trời mặc cho những lời đường mật của ong bướm, lời thì thầm của làn gió và sự dịu dàng của mây; mặc cho những tia nắng chói chang nóng rát chiếu vào hoa vẫn vàng tươi và tràn đầy sức sống.

Hoa hướng dương được tượng trưng cho sự tích cực, vươn lên luôn hướng ra ánh sáng. Chính vì thế mà hoa hướng dương luôn mang màu vàng ấm áp thấp sáng những nơi tối tăm cho cuộc sống thêm tươi mới và đầy sức sống. Hãy luôn nhìn vào điểm tích cực của cuộc sống, giống như hoa hướng dương luôn hướng về phía mặt trời chứ không phải những đám mây đen.

Trong cuộc sống rồi ai cũng sẽ có lúc cảm thấy cô đơn, mệt mỏi nhưng bạn hãy nhớ rằng có khó khăn, nghịch cảnh luôn luôn tồn tại trong cuộc sống này để thử thách bản lĩnh, nghị lực và ý chí của mỗi chúng ta. Nên hãy luôn hướng về những điều tốt đẹp như bông hoa hướng dương hướng về mặt trời nhé!

(Nguồn Internet)

Câu 1(0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2(1,0 điểm):Hãy luôn nhìn vào điểm tích cực của cuộc sống, giống như hoa hướng dương luôn hướng về phía mặt trời chứ không phải những đám mây đen.

Câu văn trên thuộc kiểu câu gì? Nêu tác dụng của kiểu câu ấy?

Câu 3(1,5 điểm): Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ trong đoạn văn thứ nhất của ngữ liệu trên.

Câu 4 (1,0 điểm): Qua hình ảnh hoa hướng dương, tác giả muốn gửi tới chúng ta thông điệp gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (16,0 điểm)

Câu 1(6,0 điểm):

“Sống là cho đâu phải nhận riêng mình”. Em hãy viết một đoạn văn nêu lên suy nghĩ của mình về lẽ sống cao đẹp ấy.

Câu 2(10,0 điểm):

“Nếu truyện cổ tích chiếu rọi một ánh sáng hi vọng vào một cuộc sống khác, khác hẳn cuộc đời hàng ngày tẻ nhạt, khô cằn thì ca dao dân ca tìm thì hứng ngay ở cái cuộc đời hàng ngày đó...”

Bằng những hiểu biết của em về ca dao, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
PHẦN I: ĐỌC - HIỂU		
1	- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5
2	- Câu văn trên thuộc kiểu câu rút gọn - Tác dụng: + Làm cho câu gọn hơn, vừa thông tin được nhanh, vừa tránh lặp lại những từ ngữ trong câu đứng trước. + Lược bỏ chủ ngữ: “chúng ta,...” vì ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người.	0,5 0,25 0,25
3	Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ trong đoạn văn thứ nhất của ngữ liệu; - Điệp ngữ: Hoa hướng dương: nhấn mạnh đối tượng được bàn luận. - Nhân hóa: Hoa hướng dương được miêu tả và giới thiệu như con người, có tâm tư tình cảm, có hành động, suy nghĩ. Làm cho hoa gần gũi hơn với con người. - Ẩn dụ: Hình ảnh hoa hướng dương gợi cho chúng ta liên tưởng đến	1,5

	con người luôn có ý chí nghị lực vươn lên trong cuộc sống.	
4	- Ý nghĩa chung về loài hoa hướng dương: thể hiện niềm tin và hi vọng trong tình yêu, luôn hướng về điều tươi sáng nhất.	0,5
	- Hạnh phúc luôn đến với những người lạc quan và mạnh mẽ như thông điệp “Hoa hướng dương luôn hướng tới mặt trời”.	0,5
PHẦN II: LÀM VĂN		
1	Đảm bảo thể thức đoạn văn	0,5
	Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,5
	<p>Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau</p> <p>* Mở đoạn:</p> <p>Dẫn dắt, giới thiệu câu nói “Sống là cho đâu phải nhận riêng mình”. Nêu suy nghĩ, cái nhìn của em về câu nói này.</p> <p>* Thân đoạn:</p> <p>+ Giải thích ý nghĩa câu nói</p> <p>- Sống là gì? Sự tồn tại của con người trong môi trường. Trong câu nói này ta có thể hiểu: “Sống” ngoài ý nghĩa tồn tại còn mang ý nghĩa là sự hòa nhập, giao thoa giữa người với người trong cộng đồng xã hội.</p> <p>- Cho là gì? Là sự trao đi một món đồ, một sự vật hay một thứ gì đó mà không nhận lợi ích. “cho” trong câu nói có thể hiểu là sự đóng góp giá trị của bản thân cho lợi ích chung của cộng đồng mà không cần đền đáp.</p> <p>- Nhận là gì? Là sự tiếp thu, thừa hưởng thành quả hoặc lợi ích từ phía người khác. Trong câu nói trên, có thể hiểu “nhận” là sự tiếp thu mà không biết đáp trả.</p> <p>- “Sống là cho đâu phải nhận riêng mình” là câu thơ thể hiện quan niệm sống tích cực của nhà thơ. Con người chỉ thực sự đang “sống” khi biết đóng góp giá trị của mình.</p> <p>+ Lợi ích của lối sống biết cho đi:</p> <p>+ Tác hại của lối sống vụ lợi chỉ biết “nhận”</p> <p>* Kết đoạn:</p> <p>Khẳng định lại quan điểm của câu nói (đúng đắn, ý nghĩa,...). Bình luận mở rộng vấn đề.</p>	4,0

	Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.	0,5
	Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,5
2	<p>A. Yêu cầu:</p> <p>* Về phương pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài nghị luận. - Viết bài có bố cục rõ ràng, có luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng phù hợp. - Trình bày sạch đẹp, câu chữ rõ ràng, hành văn giàu cảm xúc trôi chảy. <p>* Về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng sau: 	
	<p>I. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về truyện cổ tích. - Dẫn nhập định. 	0,5
	<p>II. Thân bài:</p> <p>1. Truyện cổ tích chiếu rọi một ánh sáng hi vọng vào một cuộc sống khác, khác hẳn cuộc đời thực hàng ngày:</p> <p>Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện cổ tích: là tác phẩm tự sự dân gian kể về một số kiểu nhân vật qua đó thể hiện ước mơ, khát vọng, công bằng của người dân lao động xưa. - Ánh sáng hi vọng mà cuộc sống xưa gợi nhắc đến ở đây chính là tinh thần lạc quan của những nhân vật cổ tích, hay chính là niềm tin, niềm hi vọng, ước mơ của nhân dân lao động về một cuộc sống tốt đẹp, mà ở cuộc sống ấy cải thiện: cái thiện chiến thắng cái ác, người bất hạnh luôn chiến thắng kẻ độc ác... Đây chính là một đặc điểm về nội dung của truyện cổ tích. - Khác hẳn cuộc sống hàng ngày: Tại sao ánh sáng mà truyện cổ tích chiếu rọi khác hẳn cuộc sống hàng ngày? <p>Chứng minh:</p> <p>Chứng minh qua các câu chuyện cổ tích, đặc biệt là cổ tích thần kỳ</p>	4,0
	<p>2. Ca dao dân ca tìm thấy ngay ở cái cuộc đời hàng ngày đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ca dao được bắt nguồn từ đâu? 	3,0

- Nội dung của ca dao?	
3. Dẫn chứng - Các bài ca dao về tình cảm gia đình - Các bài ca dao về quê hương đất nước - Các bài ca dao than thân - Các bài ca dao châm biếm Liên hệ hình ảnh bánh trôi nước (Hồ Xuân Hương)	2,0
III. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề nghị luận.	0,5
<p>Lưu ý: HS cần lựa chọn, phân tích dẫn chứng tiêu biểu, xác hợp, làm rõ các luận điểm. Nếu HS diễn giải lan man hoặc không đảm bảo kỹ năng, giám khảo cần nhắc để cho điểm tương xứng.</p> <p>Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 9,0 -> 10,0: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, văn viết có cảm xúc, có sự sáng tạo, diễn đạt tốt; - Điểm 6,0 -> dưới 9,0: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên, văn viết có cảm xúc, diễn đạt tương đối tốt, có thể còn vài lỗi nhỏ về chính tả, diễn đạt; - Điểm 4,0 -> dưới 6,0: Đáp ứng được khoảng một nửa số ý trên, có thể còn mắc một vài lỗi nhỏ; - Điểm 2,0 -> dưới 4,0: Năng lực cảm nhận phân tích còn yếu, trình bày sơ sài, - Điểm 1,0 -> dưới 2,0: trình bày sơ sài, mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt; - Điểm 0: Hoàn toàn lạc đề. 	

ĐỀ SỐ 58:

Câu 1(4.0 điểm).

Cảm ơn mẹ vì luôn bên con

Lúc đau buồn và khi sóng gió

Giữa giông tố cuộc đời

Vòng tay mẹ chờ che khẽ vỗ về.

Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên

Mẹ dành hết tuổi xuân vì con

Mẹ dành những chăm lo tháng ngày

Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.

Mẹ là ánh sáng của đời con

Là vàng trắng khi con lạc lối

Dẫu đi trọn cả một kiếp người

Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru...

(Trích lời bài hát Con nợ mẹ, Nguyễn Văn Chung)

Từ lời ca từ trên, em hãy viết một bài văn bàn về ý nghĩa của tình mẹ trong cuộc đời của mỗi người.

Câu 2 (6,0 điểm).

Nhận xét về thơ có ý kiến cho rằng:

Thơ là tiếng lòng.

(Diệp Tiệp)

Em hãy làm rõ “tiếng lòng” của Bác qua hai bài thơ “Cảnh khuya” và “Rằm tháng giêng”.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 4,0 điểm	I.Yêu cầu về kĩ năng:	
	Hs làm kiểu bài nghị luận xã hội có bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; luận điểm đúng đắn, sắc sảo; lập luận chặt chẽ; trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc,...	
	II.Yêu cầu về kiến thức:	
	*Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Tình mẹ trong cuộc đời của mỗi người	0,25
	* Giải thích: - Tình mẹ là tình cảm ruột thịt nồng nàn giữa người mẹ và đứa con của mình. Nó còn là sự hy sinh vô điều kiện của người mẹ dành cho con.	0,25
	*Bàn luận về ý nghĩa của tình mẹ: - Tình mẹ là tình cảm thiêng liêng nhất trong lòng mỗi người bởi: + Đó là tình cảm đầu tiên mà mỗi người sinh ra đều cảm nhận	0,5

	<p>được và sẽ gắn bó với nó trong suốt cuộc đời: từ khi mẹ mang nặng đẻ đau, nâng đỡ con khi chập chững vào đời, sánh bước cùng con qua từng nấc thang của cuộc đời. Cuộc đời của người con cũng chính là cuốn nhật ký của người mẹ.</p> <p>+ Là tình cảm mang tính cao cả: mẹ là người bao dung ta trong mọi hoàn cảnh, là nơi cho ta nương tựa mỗi lần vấp ngã, giúp con người thức tỉnh khi lầm đường lạc lối, sống tốt hơn và sống có trách nhiệm hơn.</p> <p>+ Tình mẹ có thể soi sáng con đường cho mỗi người, là nơi để ta gửi gắm những điều thầm kín, là nguồn động lực, sức mạnh kì diệu giúp con người vượt lên những khó khăn, giông tố của cuộc sống để thành công.</p> <p>+ Nếu được sống trong tình mẹ thì con người ta sẽ vô cùng hạnh phúc, còn nếu thiếu thốn tình mẹ thì sẽ là người chịu thiệt thòi và bất hạnh..</p> <p>+ Dẫn chứng: Hs chọn dẫn chứng về tình cảm của mẹ dành cho con trong cuộc sống...</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>
	<p>*Bàn luận mở rộng:</p> <p>- Thương yêu con nhưng không có nghĩa nuông chiều con. Ngược lại con cái không được sống ỷ lại vào mẹ.</p> <p>- Phê phán những hành động đi ngược lại với đạo lí: con đối xử không tốt với mẹ, bỏ mặc mẹ hoặc mẹ bỏ rơi con.</p>	0,5
	<p>*Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Tình mẹ là tình cảm vô cùng bao la, rộng lớn và vĩ đại, mẹ là người đã suốt đời hi sinh vì con. Chính vì thế con cái cần:</p> <p>+ Trân trọng những tình cảm của mẹ và phải sống làm sao để xứng đáng với tình cảm đó.</p> <p>+ Không ngừng nỗ lực học tập, tu dưỡng đạo đức; nghe theo lời dạy bảo của cha mẹ để trở thành con người có ích cho xã hội.</p> <p>+ Yêu thương, chăm sóc, phụng dưỡng mẹ từ những việc nhỏ nhất, ...</p>	0,5
	*Khẳng định lại vấn đề nghị luận; liên hệ bản thân...	0,25
<p>Câu 2</p> <p>6,0 điểm</p>	<p>I.Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>Hs làm kiểu bài nghị luận văn học có bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; luận điểm đúng đắn, sáng tỏ; lập luận chặt chẽ; trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc,...</p>	

II. Yêu cầu kiến về thức: HS có thể viết bài theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo những nội dung sau:	
1. Mở bài: - Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận... - Hai bài thơ “Cảnh khuya” và “Rằm tháng giêng” thể hiện được “tiếng lòng” của Bác.	0,5
2. Thân bài: a. Giải thích: - “Tiếng lòng” là những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của tác giả được gửi gắm qua tác phẩm,... - Trong hai bài thơ, “tiếng lòng” của thi sĩ, chiến sĩ Hồ Chí Minh là tình yêu thiên nhiên thiết tha, phong thái ung dung, lạc quan, tự tại và tình yêu nước sâu sắc.	0,5
b. Chứng minh:	
b.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm: - Hai bài thơ ra đời vào thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, tại chiến khu Việt Bắc...	0,25
b.2. Tình yêu thiên nhiên thiết tha, phong thái ung dung, lạc quan của Bác	
+ Trong bài thơ “Cảnh khuya”, thiên nhiên hiện lên sống động, bình dị mà lung linh, huyền ảo. Tiếng suối chảy róc rách, văng vẳng mơ hồ khiến nhà thơ tưởng như có tiếng hát êm ái, trong trẻo, ngân xa của ai đó vọng lại làm cho đêm rừng chiến khu bỗng trở nên gần gũi, thân thương với con người, + Bài thơ vẽ nên một hình ảnh hữu tình, ấm cúng: ánh sáng của trăng bao trùm lên cây cỏ thụ, bóng cây đổ xuống bao trùm lên hoa tôn lên vẻ đẹp của nhau. Điệp từ “lòng” được nhắc đi nhắc lại hai lần tạo nên âm hưởng ngọt ngào cho câu thơ,...	1,0
+ Trong bài thơ “Rằm tháng giêng”, thiên nhiên hiện lên là vẻ đẹp lồng lộng, bát ngát trắng vàng giữa dòng sông xuân mênh mang của đêm nguyên tiêu. Bầu trời, vàng trắng và dòng sông tưởng như không có giới hạn. + Điệp từ “xuân” được nhắc đi nhắc lại ba lần mang âm điệu bay bổng, gợi cảm giác trong trẻo, rộng lớn, thanh bình. + “nguyệt mãn thuyền” là một hình ảnh ẩn dụ độc đáo, thể hiện sự	1,0

	<p>tinh tế của người thi sĩ</p> <p>+ Thủy, nguyệt, thiên vốn là những chất liệu của thi ca cổ nhưng Bác đã có sự sáng tạo tài hoa để làm nổi bật cái thần của bức tranh “nguyên tiêu” tươi sáng, rực rỡ, tràn đầy sức sống của vạn vật, con người,...</p>	
	b.3. Tình yêu nước sâu sắc của Bác	
	<p>+ Trong bức tranh đêm rừng chiến khu, xuất hiện hình ảnh con người “chưa ngủ”. Thì ra Người “chưa ngủ” không phải chỉ vì bất gặp vẻ đẹp tinh tế của thiên nhiên mà còn vì “lo nỗi nước nhà”, lo cho cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc.</p>	0,75
	<p>+ Hình ảnh Bác, người chiến sĩ hiện lên đẹp như trong huyền thoại ở nơi bàn chuyện hệ trọng sống còn của đất nước, Người vẫn vừa đắm say tận hưởng vầng trăng viên mãn vừa bàn “việc quân”. Con thuyền chở những bí mật quân sự, chở vị lãnh tụ hết mình lo cho vận mệnh của dân tộc.</p>	0,75
	<p>b.4. Đánh giá chung</p> <p>- Hai bài thơ có nhiều hình ảnh thiên nhiên đẹp, màu sắc cổ điển mà bình dị, tự nhiên; sử dụng hiệu quả phép so sánh, nhân hóa, điệp ngữ,...</p> <p>- Hai bài thơ không chỉ thể hiện “tiếng lòng”- những suy nghĩ, tình cảm, tâm hồn nhạy cảm của Bác trước vẻ đẹp thiên nhiên, phong thái ung dung, lạc quan; lòng yêu nước sâu nặng của Bác mà còn khẳng định tài năng sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc sử dụng ngôn từ...</p> <p>- Người sáng tác không chỉ bám rễ vào hiện thực mà còn biết rung động, nảy nở cảm xúc; và sáng tạo. Người đọc phải biết tri âm, đồng điệu cùng tâm hồn của tác giả để có thể hiểu được “tiếng lòng” của người sáng tác....</p>	0,75
	<p>3. Kết bài</p> <p>- Khái quát lại vấn đề, liên hệ hoặc bộc lộ cảm xúc.</p>	0,5

ĐỀ SỐ 59:

Câu 1.(4,0 điểm)

Cho đoạn thơ sau:

..."Giặc nước đuổi xong rồi. Trời xanh thành tiếng hát
Điện theo trăng vào phòng ngủ công nhân

Những kẻ quê mùa đã thành trí thức

Tăm tối cần lao nay hóa những anh hùng..."

("Người đi tìm hình của nước" - Chế Lan Viên)

a) Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

b) Cho biết tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

Câu 2.(4,0 điểm)

Qua bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương và những bài ca dao bắt đầu bằng hai chữ “Thân em”, em hãy viết đoạn văn khoảng 15 đến 20 dòng làm rõ cuộc đời chìm nổi bấp bênh của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Câu 3.(12,0 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ của em về hình ảnh người bà trong bài thơ Tiếng gà trưa của nhà thơ Xuân Quỳnh.

----- Hết-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 (4 điểm)	a	* Các biện pháp tu từ trong đoạn thơ:	
		- Nhân hóa: "Điện theo trăng vào phòng ngủ công nhân".	1,0
		- Điệp từ:...Trời xanh thành tiếng hát. ...Những kẻ quê mùa đã thành trí thức.	1,0
	b	* Tác dụng diễn đạt của các biện pháp tu từ:	
		- Các biện pháp tu từ: Nhân hóa, điệp từ được Chế Lan Viên vận dụng sáng tạo làm cho lời thơ giàu hình tượng và biểu cảm.	1,0
		- Chất thơ lãng mạn diễn tả khát vọng, niềm tin chói ngời của lãng tị Nguyễn Ái Quốc về đất nước ta sau khi giặc nước đuổi xong rồi, Tổ quốc được độc lập tự do, nhân dân được ấm no hạnh phúc, làm chủ đất nước.	1,0
2 (4 điểm)		* Hình thức: - Văn viết ngắn gọn, diễn đạt mạch lạc trong sáng, không mắc lỗi chính tả. - Đảm bảo bố cục (mở đoạn - thân đoạn - kết đoạn), đảm bảo 15 đến 20 dòng	0,5
		* Nội dung: HS có thể viết theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các nội dung sau:	
		- Giới thiệu chung về hình ảnh người phụ nữ trong thơ và ca dao.	0,5

	- Người phụ nữ trong xã hội xưa có thân phận bấp bênh, trôi nổi giữa cuộc đời (dẫn chứng).	1,0
	- Họ không được làm chủ cuộc đời mình, số phận phụ thuộc hoàn toàn vào người khác (dẫn chứng).	1,0
	- Nghệ thuật Ẩn dụ, so sánh, đối lập,...=> thân phận người phụ nữ cay cực, xót xa hơn...	0,5
	- Cảm nhận của em về người phụ nữ trong xã hội xưa.	0,5
3 (12 điểm)	a) Yêu cầu về kĩ năng: - Bài viết đủ ba phần: Mở bài – Thân bài - Kết luận. - Nắm vững kĩ năng làm bài phát biểu cảm nghĩ - Bố cục hợp lí, diễn đạt trôi chảy.	1,0
	b) Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo được các yêu cầu sau:	
	- Giới thiệu tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ “Tiếng gà trưa”(Hoặc đi từ đề tài viết về bà). - Khái quát cảm xúc về bà.	1,0
	* Trân trọng người bà tần tảo, vất vả, chịu thương chịu khó trong khó khăn để bảo tồn sự sống:	
	+ Bà nhặt nhạnh từng quả trứng hồng để xây dựng cho cuộc sống gia đình no đủ trong cần kiệm.	1,5
	+ Tay bà khum khum soi trứng với tấm lòng chi chút, nâng đỡ từng sự sống nhỏ nhoi trong từng quả trứng. “Tay bà khum soi trứng Dành từng quả chắt chiu Cho con gà mái ấp”.	1,5
	* Người bà gần gũi, gần bó và yêu thương cháu tha thiết:	
	+ Dành trọn vẹn tình thương yêu để chăm lo cho cháu, bà bảo ban nhắc nhở cháu, ngay cả khi có mắng yêu cháu khi cháu nhìn trộm gà đẻ cũng là vì thương cháu. “Có tiếng bà vẫn mắng Gà đẻ mà mày nhìn Rồi sau này lang mặt !”	1,5
	- Bà dành dụm, chi chút chăm sóc, nâng đỡ từng quả trứng, từng chú gà	1,5

con như chất chiu, nâng đỡ những ước mơ hạnh phúc đơn sơ nhỏ bé của đứa cháu yêu.	
- Bà hi vọng cháu có niềm vui khi mùa xuân đến qua một quá trình lâu dài: Từ lúc soi trứng cho gà ấp, nuôi gà lớn, chăm sóc khi mùa đông đến, bán lấy tiền mua quần áo mới.	1,5
- Cảm phục người bà giàu đức hi sinh vì con cháu vì đất nước.	1,5
* Khẳng định vấn đề: Bà hiện lên có nhiều phẩm chất tốt đẹp: Tàn tảo, chịu thương, chịu khó, giàu tình thương yêu, đức hi sinh. Bà là tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam.	0,5
- Liên hệ: trân trọng, biết ơn những người bà...	0,5

ĐỀ SỐ 60:**PHẦN I (8 điểm)**

Một giai điệu trong lời hát giàu sức gợi:

“Trưa nay qua đường phố quen, gặp những tiếng ve đầu tiên”

(Kỉ niệm thành phố tuổi thơ - Hồng Đăng)

Hãy ghi cảm xúc của em khi nghe âm thanh “tiếng ve đầu tiên” bằng một bài văn ngắn khoảng một trang giấy kiểm tra.

PHẦN II (12 điểm)

Trong văn bản “Lòng yêu nước”, nhà văn I. Ê-ren-bua đã viết: “Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.”

Từ việc hiểu nội dung phát biểu trên và qua các văn bản Một thứ quà của lúa non: Cốm (Thạch Lam), Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng), Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh), em hãy làm sáng tỏ tính đúng đắn của nhận định trên.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần I:

1-Yêu cầu về kĩ năng: (3,0 đ)

Bố cục rõ 3 phần (MB: 0,5 đ; KB: 0,5đ)	1,0 đ
Biểu cảm kết hợp hài hòa với tự sự, miêu tả	0,5 đ
Diễn đạt cảm xúc mạch lạc, trong sáng, khơi gợi được sự đồng cảm.	1,0 đ
Dung lượng đúng yêu cầu	0,5 đ

2- Yêu cầu về nội dung: (5,0đ)

- Biết chọn một cách lập ý phù hợp	0,5 đ
- Trình bày được hoàn cảnh tiếng ve đem lại cảm xúc cho mình (tình huống, thời gian, không gian hay kỉ niệm nào) (biểu cảm kết hợp tự sự)	2,0 đ
- Trình bày được trực tiếp và cả gián tiếp cảm xúc của mình về tiếng ve đầu tiên ấy (biểu cảm kết hợp miêu tả)	2,0 đ
- Từ tiếng ve đầu tiên bày tỏ những liên tưởng hoặc mong muốn, hứa hẹn của mình.	0,5 đ

PHẦN II (12 điểm)

* Yêu cầu về kỹ năng: (3,0)

Bố cục rõ 3 phần	
------------------	--

-MB:	0,25 đ
- KB:	0,25đ
- TB chia thành nhiều đoạn, mỗi đoạn trình bày rõ một ý hợp lý	0,5 đ
Biết lấy dẫn chứng và đưa ra nhận xét hợp lí	0,5 đ
Diễn đạt chủ đề mạch lạc, dễ hiểu và có cảm xúc.	1,0 đ
Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp thông thường.	0,5 đ

Yêu cầu về nội dung: (9,0đ) *

PHẦN	KIẾN THỨC – KĨ NĂNG	ĐIỂM
II	<p>A/ MB: (0,75 đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt vấn đề hợp lí - Trích dẫn câu nói và nêu được đầy đủ vấn đề nghị luận: nhiều bài văn, bài thơ đã học ở lớp 7 đã cho thấy những biểu hiện cụ thể, sinh động của lòng yêu nước 	<p>0,75</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>
	B/ Thân bài	7,75
	<p>1. Giải thích nội dung câu nói của nhà văn I.Ê-ren-bua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào đại trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể”: nhiều cái bé nhỏ (suối) dồn vào, góp lại sẽ hình thành nên những cái lớn lao hơn (sông) thậm chí lớn lao, vĩ đại vô cùng (bể) - Cũng như vậy: Lòng yêu nước vốn là một khái niệm trừu tượng, thiêng liêng, lớn lao được thể hiện được tạo nên bởi chính những tình cảm cụ thể, quen thuộc hàng ngày (lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê) <p>2. Tại sao I.Ê-ren- bua có thể nói như vậy?(1,0 đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi con người sinh ra, lớn lên đều gắn bó với một ngôi nhà, một ngõ xóm, một đường phố hay một làng quê, với những người thân thiết như cha mẹ, vợ chồng, con cái, bạn bè,... + Chính đời sống thân thuộc, bình thường ấy làm nên tình yêu mến của con người đối với quê hương, xứ sở. Tình yêu Tổ quốc được bắt đầu từ chính tình yêu những điều nhỏ bé, đơn sơ, giản dị mà thân thương ấy. + Đó chính là một quy luật, một chân lí của cuộc sống. 	<p>0,75</p> <p>1,0</p> <p>2,0</p>

	<p>3. Chứng minh qua các văn bản</p> <p>Một thứ quà của lúa non: Cốm(Thạch Lam) (2,0 đ)</p> <p>+ Bài tùy bút tác giả viết về một thứ quà đơn sơ, bình dị đó là Cốm: nguồn gốc hình thành cốm, giá trị của cốm và cách thưởng thức (phân tích và nêu được dẫn chứng)</p> <p>+ Bài viết không chỉ được viết lên bằng những câu văn giàu cảm xúc, giàu hình ảnh, ngôn từ chất lọc (phân tích và nêu được dẫn chứng) mà còn bằng sự am hiểu sâu sắc của tác giả về một thứ quà tưởng rất đơn sơ, bình thường đó (phân tích và nêu được dẫn chứng)</p> <p>+ Qua đó người đọc lại cảm nhận tình yêu đất nước qua khắc họa vài vẻ đẹp của quê hương đất nước, sự khéo léo, tinh tế của con người và những nét đẹp văn hóa phong tục truyền thống lâu đời (phân tích và nêu được dẫn chứng)</p> <p>+ Tình yêu quê hương đất nước còn bộc lộ qua lời nhắn nhủ và thái độ trân trọng, tôn vinh của nhà văn về những thứ quà mộc mạc giản dị riêng biệt của đất nước. (phân tích và nêu được dẫn chứng)</p> <p>Mùa xuân của tôi(Vũ Bằng) (2,0 đ)</p> <p>+ Chứng minh được: văn bản Mùa xuân của tôi đã thể hiện, khơi gợi được tình yêu quê hương đất nước sâu sắc, thấm thía như thế nào. (Cách thức chứng minh có thể tương tự như ở văn bản Một thứ quà của lúa non: Cốm)</p> <p>Tiếng gà trưa(Xuân Quỳnh) (2,0 đ)</p> <p>+ Chứng minh được nội dung bài thơ tuy mượn âm thanh bình dị, quen thuộc của làng quê Việt Nam (âm thanh gắn bó với tuổi thơ, với đời sống gia đình) nhưng lại thể hiện được tình cảm bà cháu nồng ấm và nó đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước của người chiến sĩ (cách thức chứng minh: dẫn ra được câu thơ phù hợp, tiêu biểu rồi phân tích nội dung và đi đến kết luận, đánh giá đúng biểu hiện của tình yêu quê hương đất nước thể hiện trong chi tiết, hình ảnh ấy)</p>	2,0
	<p>C/. Kết bài:</p> <p>Chấp nhận các cách kết bài khác nhau miễn là hợp lí.</p> <p>VD: Khẳng định được điểm chung và giá trị của văn bản cũng như câu nói của I. Ê- ren bua.</p>	0,5

ĐỀ SỐ 61:**I. PHẦN ĐỌC- HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc phần trích sau và trả lời các câu hỏi:

Quê hương là một tiếng ve,
Lời ru của mẹ trưa hè à ơi,
Dòng sông con nước đầy vui,
Quê hương là một góc trời tuổi thơ.

(...)

Quê hương là cánh đồng vàng,
Hương thơm lúa chín mênh mang trời chiều.

Quê hương là dáng mẹ yêu,
Áo nâu nón lá liêu xiêu đi về...

(Quê hương, Nguyễn Đình Huân)

Câu 1 (1.0 điểm) Phần trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (1.0 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn thơ?

Câu 3 (1,0 điểm) Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó trong việc làm nổi bật nội dung, cảm xúc của đoạn thơ?

Câu 4 (1,0 điểm) Đoạn thơ đã gửi đến cho em bức thông điệp gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (16,0 điểm)

Câu 1 (6,0 điểm) Từ đoạn thơ trong phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về vai trò của quê hương trong cuộc đời của con người.

Câu 2 (10,0 điểm) Phát biểu cảm nghĩ của em về truyện ngắn “Cuộc chia tay của những con búp bê” của Khánh Hoài.

..... Hết

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Yêu cầu	Điểm
I.	ĐỌC - HIỂU (2,0 điểm)	
1	Thể thơ: lục bát	1.0
2	Nội dung chủ yếu của đoạn thơ: vai trò của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người.	1.0
3	- Biện pháp nghệ thuật tu từ: + So sánh, liệt kê: Quê hương là một tiếng ve, lời ru của mẹ, dòng sông, con nước đầy vui; Quê hương là một góc trời tuổi thơ; Quê hương là cánh đồng vàng; Quê hương là dáng mẹ yêu.	1,0

	<p>+ Điệp ngữ: Quê hương là</p> <p>- Phân tích tác dụng:</p> <p>+ Quê hương là những gì bình dị, thân thuộc, gần gũi, gắn bó máu thịt với cuộc đời mỗi con người;</p> <p>+ Quê hương là nơi chúng ta sinh ra, lớn lên, nơi chôn rau cắt rốn - cội nguồn của đời ta; nơi đó có tuổi thơ đầu yêu, có người mẹ hiền tần tảo sớm hôm nuôi ta nên người.</p> <p>+ Đoạn thơ bồi dưỡng cho chúng ta tình yêu quê hương - cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người.</p>	
4	<p>- HS có thể trả lời bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải hướng tới thông điệp giàu ý nghĩa mà đoạn thơ đem lại, đồng thời phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Dưới đây là một số gợi ý:</p> <p>+ Mỗi chúng ta cần phải biết coi trọng quê hương, gốc rễ, hướng về cội nguồn của mình. Thiếu đi tình cảm này là một khiếm khuyết trong cuộc sống tâm hồn, tình cảm khiến con người không được làm người một cách trọn vẹn.</p> <p>+ Biết yêu quê hương và có ý thức gìn giữ, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương....</p>	1,0
II	LÀM VĂN (16,0 điểm)	
	Câu 1 (6,0 điểm)	
	a. Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận: Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; phát triển đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được vấn đề nghị luận; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận.	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: vai trò của quê hương đối với cuộc sống mỗi con người.	0,5
	<p>c. HS triển khai vấn đề nghị luận cụ thể, rõ ràng. Có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>* Giải thích khái niệm: “Quê hương”: quê hương là nơi ta sinh ra và lớn lên, nơi mà ta có nhiều kỉ niệm gắn liền với kí ức và tâm hồn của mỗi con người. Cùng với gia đình, quê hương là cái nôi đầu tiên cho ta trưởng thành...</p> <p>* Bàn luận về vai trò của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người:</p> <p>- Quê hương nuôi dưỡng con người về cả tâm hồn và thể chất, từng bát cơm dẻo thơm, ngụm nước mát trong ngọt ngào, tiếng sáo diều vi vu trong gió chiều....mà chúng ta được tận hưởng</p>	<p>1.0</p> <p>2,0</p>

	<p>mỗi ngày đều từ quê hương ban tặng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quê hương dõi theo từng bước ta đi trong cuộc đời, là chỗ dựa tinh thần vững chắc để chúng ta vượt qua những khó khăn, thử thách của cuộc sống; là bến đỗ bình yên cho ta tìm về sau những chặng đường vất vả mưu sinh... Hình ảnh quê hương yêu dấu đã in sâu vào trong tâm trí chúng ta để khi đi xa ta vẫn nhớ về. - Cảm thấy tự hào về những vẻ đẹp của quê hương - cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người (HS liệt kê một số biểu hiện tiêu biểu ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước.) - Phê phán những con người có lối sống lệch lạc, không coi trọng gốc rễ, cội nguồn của mình... <p>* Bài học nhận thức và hành động: Quê hương có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc đời của con người. Bởi vậy, chúng ta cũng phải trân trọng, yêu quý và tri ân quê hương của mình; luôn có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, xây dựng quê hương giàu đẹp....</p> <p>* Lưu ý: HS có thể có cách trình bày suy nghĩ về vai trò của quê hương theo cách khác. Tuy nhiên phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức.</p>	1.0
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0.5
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.5
2	Văn biểu cảm về tác phẩm văn học (10,0 điểm)	
	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học đã học trong chương trình.	0.5
	b. Xác định đúng đối tượng, nội dung biểu cảm.	0.5
	<p>c. Triển khai bài văn biểu cảm theo định hướng sau</p> <p>c1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện ngắn Cuộc chia tay của những con búp bê của tác giả Khánh Hoài được trao giải Nhì cuộc thi viết về thiếu nhi do Viện khoa học giáo dục và Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển tổ chức năm 1992. - Nêu khái quát nội dung chính của truyện đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc: nội dung truyện đề cập đến những vấn đề bức xúc của gia đình và xã hội, cụ thể là nạn li hôn dẫn tới sự tan vỡ gia đình và nỗi bất hạnh của trẻ thơ. 	<p>1.0</p> <p>3.0</p>

	<p>C2. Thân bài</p> <p>* Cảm nhận về nỗi khổ tâm của hai anh em Thành và Thủy khi cha mẹ li hôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành: Đau lòng khi nghĩ đến chuyện phải chia tay với đứa em gái yêu quý. + Suốt đêm, nghe tiếng khóc tức tưởi của em. Thành phải cắn chặt môi để không bật lên tiếng khóc, nhưng nước mắt cứ tuôn ra như suối, ướt đầm cả gối và hai cánh tay áo. + Cô giấu kín nỗi buồn, rón rén đi ra ngoài, ngồi xuống gốc cây hồng xiêm. Thấy em gái theo ra thì thương em vô cùng, kéo em ngồi xuống và khẽ vuốt lên mái tóc. + Chưa chát nghĩ rằng cảnh vật vẫn vui tươi như mọi ngày mà sao tai họa lại giáng xuống đầu hai anh em nặng nề như vậy. + Những kỉ niệm đẹp đẽ, cảm động của tình anh em ruột thịt hiện lên rõ ràng trong tâm trí càng làm cho Thành đau đớn. + Lúc phải chia đôi đồ chơi theo lệnh của mẹ, Thành nhường tất cả cho em gái. <p>→ Tâm trạng đau đớn, xót xa của Thành khiến trái tim người đọc rung động, thương cảm...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủy: Tủi thân và hoảng sợ trước cảnh ngộ éo le của gia đình. + Biết tin bố mẹ li hôn, Thủy khóc suốt đêm. + Nghe mẹ ra lệnh chia đôi đồ chơi, Thủy bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn anh. Cặp mắt....buồn thăm thẳm, hai bờ mi đỏ sưng mọng lên vì khóc nhiều. + Thấy anh ra vườn, Thủy len lén ra theo, ngồi nép bên cạnh anh... + Lúc chia đồ chơi, thấy anh đặt hai con búp bên Vệ Sĩ và Em nhỏ ra hai phía, Thủy giận dữ mắng: Sao anh ác thế? Bởi bé không muốn chúng phải xa nhau. + Cô bé thương anh, nhường cả cho anh hai con búp bê và bắt anh hứa không bao giờ để chúng ngồi cách xa nhau. <p>→ Trào dâng cảm xúc ghen ngào, xót xa cho tình cảnh đáng thương, nỗi khổ tâm mà Thủy đang phải gánh chịu.</p> <p>* Cảm nhận về những khao khát, ước mong của hai anh em Thành và Thủy:</p>	2,0
--	--	-----

	<ul style="list-style-type: none"> - Mãi mãi được sống bên nhau cùng cha mẹ, dưới mái ấm gia đình hạnh phúc. - Mong cho hai con búp bê cũng không bao giờ phải xa nhau. * Cảm nhận nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện ngắn “Cuộc chia tay của những con búp bê” được nhà văn thể hiện trong tác phẩm. - Hình ảnh ẩn dụ trong nhan đề. (con Vệ sĩ và con Em nhỏ: cũng là hình ảnh ẩn dụ cho hai anh em Thành và Thủy) - Lựa chọn ngôi kể thích hợp. (Ngôi kể thứ nhất, Thành là người kể chuyện → khiến câu chuyện chân thực, cảm động, đáng tin cậy) - Xây dựng nhân vật tài tình, thành công. - Nghệ thuật đối lập nội tâm với ngoại cảnh... - Lời kể chân thành, giản dị, truyền cảm... - Tính chân thực, nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế khiến người đọc xúc động. * Trình bày suy nghĩ của bản thân về ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên trong gia đình trong việc xây dựng, giữ gìn tổ ấm hạnh phúc gia đình (HS tự bộc lộ theo quan điểm cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật...) 	1.0
	<p>C3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện đề cập đến vấn đề nhức nhối mà cả xã hội quan tâm: sự đổ vỡ hạnh phúc trong gia đình và bi kịch của con trẻ trong hoàn cảnh bất hạnh đó. Tác giả khẳng định li hôn là một vấn đề nhức nhối, gây ra những hậu quả đau lòng mà con cái phải gánh chịu. - Cuộc chia tay đầy đau đớn giữa hai đứa trẻ trong truyện có nghĩa nhắc nhở, cảnh báo mọi người: Gia đình là tổ ấm hạnh phúc vô cùng quý giá nên phải cố gắng giữ gìn, bảo vệ. 	1.0
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,5
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5

ĐỀ SỐ 62:

Đọc hiểu văn bản (6 điểm)

Phân kết văn bản Ca Huế Trên Sông Hương (Ngữ văn 7, tập 2), tác giả Hà Anh Minh viết:

“Đêm đã về khuya. Xa xa bờ bên kia Thiên Mụ hiện ra mờ ảo, ngọn tháp Phước Duyên dát ánh trăng vàng. Sóng vỗ ru mạn thuyền rồi gợn vô hồi xa mãi cùng những tiếng đàn réo rắt, du dương. Đây là lúc các ca nhi cất lên những khúc điệu Nam nghe buồn man mác, thương cảm, bi ai, vương vấn như: nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân, tương tư khúc, hành vân. Cũng có bản nhạc âm hưởng điệu Bắc, phong cách điệu Nam không vui, không buồn như tứ đại cảnh. Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, băng khuâng, có tiếc thương, ai oán.... Lời ca thông thả, trang trọng, trong sáng, gọi lên tình người, tình đất nước, trai hiền gái lịch.

Nghe tiếng gà gáy bên làng Thọ Cương, cùng tiếng Chuông chùa Thiên Mụ gọi năm canh mà trong khoang thuyền vẫn đầy ắp lời ca tiếng nhạc.

Không gian như lắng đọng. Thời gian như ngừng lại”.

Câu 1: (1 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 2: (1,5 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu: “Nghe tiếng gà gáy bên làng Thọ Cương, cùng tiếng Chuông chùa Thiên Mụ gọi năm canh mà trong khoang thuyền vẫn đầy ắp lời ca tiếng nhạc”.

Câu 3: (2 điểm) Em cảm nhận được những vẻ đẹp nào của ca Huế trên sông Hương qua đoạn văn trên?

Câu 4: (1,5 điểm) Những làn điệu dân ca như: Dân ca Quan Họ, hát xoan, dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh... được Unesco công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Theo em, Vì sao các làn điệu dân ca ấy lại được tôn vinh?

Tập làm văn:

Câu 1: (4 điểm) Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của nụ cười được gọi ra từ câu chuyện sau đây:

Khi người ta gửi đi một nụ cười.

Cô gái cười với một người xa lạ rầu rĩ, nụ cười làm cho anh ta cảm thấy phần chần hơn. Anh mơ đến sự tử tế của một người bạn cũ và viết cho người ấy một lá thư cảm ơn. Người bạn này vui sướng vì nhận được thư của người bạn cũ lâu ngày không gặp đến nỗi sau bữa trưa anh boia một món tiền lớn cho chị hầu bàn. Chị hầu bàn ngạc nhiên về món tiền to quá lớn, đã quyết định mang tất cả đi mua vé số. Và trúng số. Ngày hôm sau, chị đi nhận giải và cho người ăn mày trên phố một ít tiền lẻ. Người ăn mày rất biết ơn vì đã hai ngày nay anh ta chẳng được ăn gì. Sau bữa tối, anh ta trở về

căn phòng tối tăm của mình. Trên đường về anh ta thấy một chú chó con đang rét run lập cập, anh mang nó về để sưởi ấm cho nó. Chú chó rất vui mừng vì được cứu khỏi cơn bão tuyết sắp đến gần. Đêm ấy, trong khi mọi người đang ngủ say thì ngôi nhà bốc cháy, chú chó con sủa sảng siết. Chú chó sủa cho đến khi đánh thức tất cả mọi người trong nhà dậy và cứu tất cả mọi người thoát chết. Một trong những chú bé được cứu thoát đêm ấy sau này trở thành bác sĩ tìm ra một loại vắc-xin chữa khỏi 1 căn bệnh vô cùng nguy hiểm cho loài người. Tất cả là nhờ một nụ cười.

(Nguồn internet)

Câu 2: (10 điểm)

Lời nhắn nhủ của người cha gửi cho En- ri-cô trong văn bản Mẹ tôi (Ét- môn-đô đơ A-mi-xi) và tình anh em của Thành và Thủy dành cho nhau trong văn bản cuộc chia tay của những con búp bê (Khánh Hoài). Em hãy phát biểu cảm nghĩ về tình cảm gia đình.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Phần I	Đọc hiểu văn bản	6,0
Câu 1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	1,0
Câu 2	<p>Biện pháp tu từ ẩn dụ: trong khoang thuyền vãn đầy ắp lời ca tiếng nhạc. Đây là một ẩn dụ chuyển đổi cảm giác</p> <p>- Tác dụng: Khiến lời văn trở nên sinh động, giàu sức gợi, làm nổi bật không gian ca Huế trên sông Hương, con thuyền với lời ca tiếng nhạc được như không dứt, vãn đắm say lòng người như bỏ quên thời gian “đêm đã về khuya” thể hiện sự cảm nhận tinh tế của tác giả.</p>	<p>0,5</p> <p>1,0</p>
Câu 3	<p>Học sinh cảm nhận được:</p> <p>- Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa âm nhạc anh lịch tao nhã.</p> <p>- Mỗi làn điệu ca Huế gợi cho người nghe cảm xúc riêng, tâm trạng riêng.</p> <p>- Ca Huế khiến người nghe quên cả không gian, Thời gian, chỉ còn cảm thấy tình người.</p> <p>- Ca Huế làm giàu tâm hồn con người, hướng con người đến những vẻ đẹp của tình người xứ Huế: trầm tư, sâu lắng, đôn hậu...</p> <p>- Ca Huế mãi mãi quyến rũ, làm say đắm lòng người bởi vẻ</p>	2,0

	<p>đẹp bí ẩn của nó.</p> <p>Học sinh trả lời được 4 ý: 2 điểm</p> <p>Học sinh trả lời được 3 ý: 1,5 điểm</p> <p>Học sinh trả lời được 2 ý: 1 điểm</p> <p>Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm</p> <p>Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm</p>	
Câu 4	<p>Học sinh có thể lý giải bằng các ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các làn điệu dân ca mang điệu hồn dân tộc, lay động lòng người, là món ăn tinh thần không thể thiếu được trong đời sống vì khiến tâm hồn con người thêm phong phú, lắng đọng, thanh thoát giữa bộn bề cuộc sống. - Mang giá trị văn hóa truyền thống. - Thể hiện sự trân trọng, mong muốn giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa dân tộc. 	1,5
Phần 2	Tập làm văn	14,0
Câu 1	<p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Đảm bảo thể thức của đoạn văn - Xác định đúng vấn đề nghị luận, diễn đạt mạch lạc, không sai chính tả. <p>* Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận. - Tóm tắt lại được nội dung câu chuyện - Giải thích: tiếng cười là trạng thái cảm xúc vui mừng, sảng khoái của con người trước đời sống và trong mối quan hệ giữa con người với nhau. - Ý nghĩa của tiếng cười trong câu chuyện: + Nụ cười mang lại nhiều cảm xúc khác nhau: niềm vui, phấn chấn, may mắn, sẻ chia, cứu giúp, no ấm và thành công, sáng tạo. + Nụ cười có sức mạnh kỳ diệu mang lại nhiều điều tốt đẹp cho con người: tiếng cười tạo niềm vui nhân đôi, giúp con người thắt chặt tình cảm và động viên khích lệ. + Nụ cười người giúp ta sống lạc quan yêu đời + Dẫn chứng 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

	<p>- Thông điệp:</p> <p>+ Câu chuyện là một thông điệp quý giúp chúng ta nhìn nhận khía cạnh khác nhau của tiếng cười đó là sức mạnh kỳ diệu của nó.</p> <p>+ Tiếng cười chỉ phát huy sức mạnh khi xuất phát từ tình cảm chân thành và phù hợp với từng tình huống hoàn cảnh. Người thiếu tinh thần lạc quan, nhìn đời bằng cái bi quan sẽ không thấy hết sự kỳ diệu của tiếng cười.</p> <p>+ Nhắc nhở mọi người hãy sống lạc quan, yêu đời đem niềm vui chia sẻ tiếng cười cho mọi người xung quanh.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 2	<p>Về kỹ năng:</p> <p>- Bài văn có bố cục đầy đủ, chữ viết cẩn thận, đúng chính tả.</p> <p>- Vận dụng linh hoạt kỹ năng làm văn biểu cảm về tác phẩm văn học và đời sống</p> <p>- Bài văn có cảm xúc, trình bày trong sáng, lời cuốn và có sáng tạo trong cảm nhận và diễn đạt.</p> <p>Về kiến thức:</p> <p>Mở bài:</p> <p>Giới thiệu những cảm xúc, tình cảm về tình cảm gia đình qua việc đọc các văn bản mẹ tôi (Ét- môn-đô đơ A-mi-xi), cuộc chia tay của những con búp bê (Khánh Hoài).</p> <p>Thân bài: Học sinh bộc lộ những cảm xúc, tình cảm về tình cảm gia đình một cách trực tiếp hoặc gián tiếp hướng đến các cảm xúc sau:</p> <p>Niềm hạnh phúc biết bao khi được sống trong tình yêu thương của cha mẹ, anh em:</p> <p>- Tình yêu thương, sự hi sinh của mẹ dành cho con; con tình cảm trách nhiệm và sự dạy bảo ân cần của cha. (Chú ý các chi tiết biểu hiện những tình cảm trên trong văn bản Mẹ tôi):</p> <p>+ Kỉ niệm về mẹ: Một lần En- ri-cô bị ốm. lúc đó mẹ đã thức suốt đêm, quần quai, khóc vì lo sợ sẽ mất con.</p> <p>+ Lời khẳng định của bố: Người mẹ ấy còn sẵn sàng bỏ một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau khổ, có thể đi ăn xin, thậm chí hi sinh tính mạng vì con.</p> <p>+ Tình huống giả định: nỗi buồn thấm nhất trong cuộc đời này là mất mẹ.</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>4,5</p>

	<p>+ Vì yêu thương con nên bố đã nghiêm khắc, dày công rèn rũa, giáo dục con với mong muốn con nên người, sống có đạo đức.</p> <p>+ Chỉ một lỗi nhỏ của En- ri-cô với mẹ trước mặt cô giáo khiến người bố vô cùng đau đớn và tức giận</p> <p>+ Bằng tình yêu thương, sự quan tâm của mình đối với con, trong lời tâm sự, người bố đã nghiêm khắc chỉ rõ lỗi lầm của con.</p> <p>+ Yêu thương con, người bố giáo dục con đầy nghiêm khắc nhưng cũng rất tế nhị.</p> <p>- Cảm xúc trước sự quan tâm, yêu thương, nhường nhịn của hai anh em. (Chú ý những chi tiết thể hiện tình cảm của Thành và Thủy dành cho nhau qua văn bản cuộc chia tay của những con búp bê)</p> <p>+ Tình cảm anh em của hai đứa trẻ trong đêm trước ngày chia tay.</p> <p>+ Không chỉ vậy tình cảm anh em còn được thể hiện qua kỷ niệm đầy cảm động giữa hai anh em lúc gia đình còn yên ấm.</p> <p>+ Tình cảm anh em càng được bộc lộ rõ nét hơn qua sự việc chia đồ chơi, chia búp bê vô cùng xúc động.</p> <p>+ Tình anh em còn được thể hiện qua nỗi lòng của Thành khi chứng kiến cuộc chia tay đầy đau đớn của em ở lớp học</p> <p>+ Lời dặn dò của Thủy trước lúc lên xe và Thành “mếu máo đứng như chôn chân xuống đất nhìn theo bóng em” đã làm cho người đọc không sao cầm nổi nước mắt.</p> <p>=> Tình cảm anh em là tình cảm thiêng liêng, cao quý, được bộc lộ rõ nét hơn trong hoàn cảnh đặc biệt.</p> <p>* Bộc lộ niềm thương cảm cho cảnh chia ly anh em phải xa cách (như Thành và Thủy trong cuộc chia tay của những con búp bê)</p> <p>+ Thành, Thủy đau đớn khi mẹ yêu cầu chia đồ chơi</p> <p>+ Nỗi đau đớn của hai anh em khi chia tay</p> <p>* Liên hệ mở rộng:</p> <p>+ Thật đáng xấu hổ cho những ai chà đạp lên những tình cảm thiêng liêng đó đó.</p> <p>+ Biết ơn, trân trọng, nâng niu những tình cảm, công lao mà cha mẹ, anh chị em trong gia đình đã dành cho mình.</p>	<p>2,0</p> <p>1,5</p> <p>0,5</p>
--	--	----------------------------------

	<p>+ Tổ ấm gia đình là quý giá và quan trọng, mọi người hãy cố gắng giữ gìn, bảo vệ, không nên vì bất cứ lý do nào mà làm tổn hại đến tình cảm tự nhiên, trong sáng ấy.</p>	
--	---	--

	<p>Kết bài: Khẳng định cảm xúc về những tình cảm gia đình gợi lên từ hai văn bản. Liên hệ bản thân.</p>	
--	---	--

CHUYÊN ĐỀ 4: THAM KHẢO NHỮNG BÀI VĂN HAY

PHẦN I: NHỮNG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI HAY

ĐỀ SỐ 1: Nghị luận xã hội về tinh thần đoàn kết .

BÀI LÀM

Nơi nào có sự đoàn kết, nơi đó có thắng lợi. Tinh thần đoàn kết tạo sức mạnh phi thường mà trong điều kiện bình thường không thể có. Khi có sự chung sức và hợp tác, ta có thể đạt được những điều tuyệt vời. Không biết đoàn kết nhất định sẽ thất bại, thậm chí là bị hủy diệt. Trong lịch sử, có những dân tộc nhỏ bé vì biết phát huy sức mạnh của tinh thần đoàn kết mà làm được những điều vĩ đại. Ngược lại, có những dân tộc hùng mạnh vì không biết đoàn kết mà sớm bị diệt vong.

Đoàn kết là tập hợp mọi sức mạnh, trí tuệ con người lại thành một khối mạnh mẽ, vượt qua khó khăn để dẫn đến thành công. Tinh thần đoàn kết giúp chúng ta biến những cái không thể thành có, chỉ cần đến sự hợp tác của tất cả mọi người. Mục đích là nhằm đem lại lợi ích vì sự phát triển của tập thể. Tinh thần đoàn kết thể hiện qua sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau bằng những hành động cụ thể. Nhất là những khi gặp hoạn nạn, khó khăn, cùng chung tay giúp đỡ người khác.

Sức mạnh tinh thần đoàn kết đã được thể hiện rõ ràng trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. Chúng ta đã đi qua hàng trăm năm lịch sử với biết bao nhiêu cuộc xâm lược của các nước đế quốc và láng giềng. Người dân Việt Nam vốn hiền lành và thân thiện, yêu chuộng hòa bình và không bao giờ thích xung đột. Khi cuộc sống thanh bình, họ vui

thú với ruộng vườn, chăm lo hạnh phúc. Khi có giặc ngoại xâm, họ biết đoàn kết với nhau tạo ra một tập thể vững chắc để đánh tan mưu đồ của bọn xâm lược.

Thái độ hiền hòa và nhân nhượng của dân tộc ta có thể khiến cho kẻ thù chủ quan và khinh thường, sẵn sàng khởi binh xâm chiếm bất cứ lúc nào. Lúc ban đầu, chúng có thể đạt được mục đích nhanh chóng vì nhân dân ta chưa có sự chuẩn bị kĩ càng. Nhưng, sau đó, chúng thường bị đánh bại bởi nhân dân đã liên kết lại. Toàn thể dân tộc đồng lòng, quyết chí, sẵn sàng hi sinh tất cả để đánh giặc cứu nước. Tinh thần ấy khiến kẻ thù vô cùng kinh ngạc vì trong một thời gian ngắn mà dân tộc ta đã có thể tìm tiếng nói chung, ý chí chung, hình thành một mặt trận đánh giặc với tinh thần đoàn kết chặt chẽ, tạo nên một sức mạnh phi thường. Khi kẻ xâm lăng đã bị đánh tan, họ lại trở về với cuộc sống hiền hòa, bình dị vốn có. Sức mạnh đoàn kết lại trở về với thái tiềm ẩn trong nhân dân.

Đúng như câu nói “Đoàn kết đại đoàn kết, thành công đại thành công”, tinh thần đoàn kết mãnh liệt của nhân dân đã đem lại chiến thắng cho đất nước, góp phần tạo nên một dân tộc ấm no, bình yên mà chúng ta được sống như hôm nay.

Trong bối cảnh ngày nay, tinh thần đoàn kết vẫn được thể hiện rõ ràng. Những lần nhân dân cả nước đồng lòng chống lại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Nhân dân đồng lòng nhất quyết không tiếp tay cho mọi hành động đi ngược lại với chủ trương của Đảng và nhà nước. quyết chí bảo vệ biên cương, biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa trước âm mưu xâm chiếm của kẻ thù. Dù cuộc chiến này còn kéo dài nhưng tinh thần đoàn kết của nhân dân ta cũng khiến kẻ thù phải dè chừng.

Khi nhân dân miền trung, miền Bắc hứng chịu thiên tai, bão lũ, nhân dân cả nước lại đồng lòng tương trợ, giúp đỡ nhau, san sẻ những gánh nặng mà những người gặp nạn phải chịu đựng, giúp đồng bào vượt qua khó khăn, hoạn nạn. Rất nhiều quỹ quyên góp ra đời, hàng ngàn máy bay cứu hộ đã tới giúp đỡ, những chuyến hàng cứu trợ ngày đêm lên đường, hàng triệu tấm lòng được gửi đi, những lời động viên, ai nấy đều hướng về nhân dân ruột thịt đang trong cơn hoạn nạn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: *“Đoàn kết là sức mạnh vô địch”*. Người cũng nhấn mạnh rằng: *“Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”*. Một khi đoàn kết lại với nhau, chúng ta có thể phát huy được tài năng riêng của từng thành viên liên kết thành một sức mạnh lớn hơn. Bởi một cá nhân dù tài năng đến đâu cũng không thể đạt được mục đích nếu không có sự giúp sức của nhiều người. Mọi người đều phải đoàn kết khi tất cả cùng nhìn về một hướng, biết đặt lợi ích chung lên cao nhất. Đó là một hành động thông minh bởi không có ai trong chúng ta mạnh bằng tất cả chúng ta.

Một khi đoàn kết, ta có đủ sức mạnh để vượt qua mọi trở ngại. Mỗi chúng ta chỉ là một cá thể bé nhỏ trong xã hội này, nhưng nếu từng cá thể biết hợp tác, nắm tay lại

với nhau, điều đó sẽ tạo ra một tổ chức to lớn, vững mạnh và đảm bảo hơn về mức độ thành công. Chính vì vậy, ta có thể nói rằng đoàn kết chính là chiếc chìa khóa mở ra cánh cổng dẫn đến thành công.

Quyết liệt phê phán, lên án những kẻ phá hoại sự đoàn kết, gây chia rẽ tập thể. Cần chỉ trích thái độ và lối sống kiêu căng, tự cao, tự đại, chỉ sống cho bản thân mình mà không chịu hợp tác với bất cứ ai. Chính do sự “ảo tưởng” rằng bản thân là nhất, họ thờ ơ, vô cảm với công việc chung. Họ cố tách mình ra khỏi tập thể vì lo sợ những trách nhiệm chung. Đó là những người rất đáng chê trách.

Là một học sinh, chúng ta cần phải biết đoàn kết với nhau để tạo nên một tập thể vững mạnh, xây dựng một môi trường giáo dục tốt đẹp, hiệu quả cao. Chính nhờ tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái giúp cho mọi người đến gần nhau, yêu thương nhau hơn. Biết đoàn kết và giúp đỡ nhau trong học tập, cùng phấn đấu để mai sau khi lớn có thể trở thành một công dân có ích cho đất nước.

Muốn đi nhanh hãy đi một mình. Muốn đi xa phải đi cùng nhau. Tinh thần đoàn kết là động lực mạnh mẽ giúp ta vượt qua khó khăn và là một truyền thống quý báu của dân tộc. Phải biết đoàn kết để cùng bảo vệ nền hòa bình dân tộc và xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Có thể nói, chính tinh thần đoàn kết đã tạo nên sự hưng thịnh của mọi quốc gia.

ĐỀ SỐ 2: Phát biểu suy nghĩ về câu nói: “Trên con đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng”

BÀI LÀM

Trong cuộc sống, có lẽ ai trong chúng ta cũng đều mong muốn gặt hái được nhiều thành công. Thành công, đó có thể là lúc chúng ta tự mình nỗ lực đặt chân lên đỉnh núi cao vời vợi rồi lặng ngắm cả thế giới, là phút giây giạt tung dải ruy băng và vỡ òa trong chiến thắng vì biết mình là người về đích trên đường đua sớm nhất,... Đó chính là kết quả của sự rèn luyện và phấn đấu không ngừng. Không ai trong chúng ta đạt được thành công mà không phải chăm chỉ, miệt mài, khổ luyện. Cũng giống như câu nói: **“Trên bước đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng”**

Thành công là khi bạn đạt được một mục tiêu, một điều gì đó trong cuộc sống và có lẽ thành công là ước muốn của rất nhiều người. Một con người thành công thường là người có đỉnh cao trên cuon đường công danh sự nghiệp, có địa vị nhất định. “Lười biếng” là không chịu làm việc, không chịu suy nghĩ, là thụ động, không cố gắng nỗ lực phấn đấu. Còn “dấu chân” là một cách nói hình tượng để chỉ những dấu ấn của con người trên bước đường thành công, những con người đó là những con người luôn lao động miệt mài, chăm chỉ học tập, sáng tạo không ngừng nghỉ. Và học xứng đáng được bước trên con đường đó. Nói “Trên bước đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng” tức là khẳng định hành trình đến thành công không bao giờ có sự góp mặt của những kẻ lười biếng. Và chúng ta không thể thành công nếu không chăm chỉ, miệt mài làm việc và cố gắng theo đuổi mục tiêu mà mình đã đặt ra. Cánh cửa thành công chỉ chào đón những ai nỗ lực không ngừng nghỉ. <https://kienthucvan.com/soan-bai-trong-long-me-trich-hoi-ky-nhung-ngay-tho-au-cua-nguyen-hong>

Có thể thấy, thành công không phải là đích đến mà là cả một hành trình dài dằng dặc. Liệu rằng những con người biếng lười có đủ kiên nhẫn để bước đi trên con đường đó? Hơn nữa, con đường ấy không chỉ dài mà nó còn nhiều cạm bẫy, những chông gai, thử thách. Những kẻ lười biếng khi bước đi trên con đường đấy, chắc chắn sẽ vấp ngã và gặp phải những thất bại đau đớn. Đường thành công cũng không phải là con đường mòn mà nó là con đường mới, đòi hỏi sự đột phá, sáng tạo. Những người chỉ trông chờ, ỷ lại, thụ động không chịu suy nghĩ chắc chắn sẽ không thể thành công được. Kẻ lười biếng thụ động, dựa dẫm, thích hưởng thụ sẽ trở thành con người ích kỉ, vô dụng cho người thân, gia đình, và xã hội. Trái lại, nếu chúng ta chăm chỉ, chịu khó, kiên nhẫn nỗ lực không ngừng trên con đường dài ấy, chắc chắn chúng ta sẽ gặt hái được nhiều quả ngọt, hoa thơm. Thành công cần có năng lực tốt, nhưng kẻ cả khi bạn có điểm xuất phát thấp, năng lực chưa tốt chỉ cần bạn chịu khó, kiên trì bền bỉ, chắc chắn bạn sẽ đạt được điều bạn muốn. Chịu khó suy nghĩ, lao động, sáng tạo không ngừng nghỉ sẽ giúp bạn có kinh nghiệm vững chắc, từ đó giúp bạn tự tin hơn trên con đường thành công của mình.

Câu nói “Trên bước đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng” là một ý kiến vô cùng đúng đắn và xác đáng. Chìa khóa của cánh cửa thành công chỉ nằm trong tay những con người chăm chỉ, miệt mài, coi sáng tạo là yếu tố quan trọng của cuộc sống. Thật đáng tiếc là ngày nay, không phải ai cũng ý thức đầy đủ được điều này. Bên cạnh những con người chăm chỉ, luôn không ngừng học tập và làm việc thì lại có những con người ỷ lại, biếng lười. Căn bệnh lười biếng, chây ỳ này đã trở thành căn bệnh của biết bao người. Điều đáng buồn, trong số đó, giới trẻ lại chiếm một phần không nhỏ. Họ suốt ngày chỉ ăn chơi, chạy đua theo những thứ giá trị ảo mà quên mất sự thể hiện giá trị thật của bản thân mình. Thật đáng chê trách cho những con người làm mất niềm tin mà xã hội đã đặt vào.

Dẫu biết rằng, chăm chỉ sẽ là chìa khóa giúp bạn mở ra cánh cửa thành công nhưng bên cạnh đó, bạn cũng phải luôn luôn sáng tạo, có lòng quyết tâm, ý chí và nghị lực. Nếu chỉ chăm chỉ, siêng năng mà dập khuôn máy móc cũng khó có thể chạm tay đến cánh cửa thành công được. Vì vậy, chúng ta cần phải năng động, sáng tạo đặc biệt là phải sáng tạo một cách có trách nhiệm. “Không ngừng tìm tòi, sáng tạo để hoàn thiện bởi mọi đích đến đều có lối đi của riêng mình”. Đồng thời, chúng ta cũng cần phải luôn thấp lùn cho mình một ngọn lửa ý chí và nghị lực để có thể giúp ta vượt qua khó khăn, biết đứng dậy sau vấp ngã. Việc rèn luyện cho mình các kĩ năng sống là vô cùng quan trọng và cần thiết. Vậy làm thế nào để chúng ta có thể chăm chỉ, siêng năng? Đầu tiên chúng ta cần có lòng tự trọng. Khi tự trọng về danh dự của bản thân, chúng ta sẽ có thể đặt ra mục tiêu, từ đó phấn đấu, cố gắng. Tự trọng và trách nhiệm là thứ động cơ để giúp chúng ta thoát khỏi căn bệnh lười biếng. Tiếp đó, việc đặt ra cho mình một kế hoạch làm việc cụ thể, cố gắng bám sát kế hoạch và hoàn thành trọn vẹn mục tiêu đã đặt ra. Như vậy, mỗi chúng ta đều có thể tự chữa khỏi căn bệnh lười biếng này cho mình được.

Tôi từng rất tâm đắc với câu nói của nhà bác học Albert Einstein: “Không phải là tôi quá thông minh, chỉ là tôi chịu bỏ nhiều thời gian hơn với rắc rối”. Chúng ta đều có thể thấy rằng, không ai đạt được thành công mà lại không phải trải qua sự rèn luyện khó khăn, vất vả. Để có được một tác phẩm hội họa được cả thế giới chiêm ngưỡng thì người họa sĩ cũng phải chăm chỉ, miệt mài, cố gắng. Để có được một giọng hát hay được nhiều người mến mộ người ca sĩ cũng phải ngày đêm cần cù, rèn luyện. Tất

cả đều nhờ vào sự chăm chỉ, siêng năng thì họ mới có thể thành công. Vậy nên “Trên bước đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng”, gặp bài toán khó không suy nghĩ sao biết mình làm được hay không. Mỗi chúng ta hãy tự rèn luyện bản thân mình, chăm chỉ, miệt mài ắt sẽ thành tài, thành giỏi.

ĐỀ SỐ 3: Nghị luận về bản lĩnh sống của con người .

BÀI LÀM

Xukhôm linxki đã từng khẳng định: “Con người sinh ra không phải để tan biến đi như một hạt cát vô danh. Họ sinh ra để lưu lại dấu ấn trên mặt đất, trong trái tim người khác”. Quả vậy, trong cuộc sống, mỗi người cần có được bản lĩnh để vượt qua được những thử thách và bước đến thành công.

Bản lĩnh được hiểu là năng lực đương đầu với mọi thử thách, dám nghĩ dám làm. Người có bản lĩnh là người có năng lực, tự tin, quyết đoán và không lùi bước trước những khó khăn. Biểu hiện của bản lĩnh nằm ở sự quyết đoán, không vì lời nói của người khác mà ý chí bị lung lay. Người có bản lĩnh sẽ luôn biết chịu trách nhiệm với lời nói và hành động của bản thân. Khi gặp phải khó khăn, họ sẽ không khóc lóc, than thở mà thay vào đó là tìm cách giải quyết vấn đề sao cho tốt nhất. Những người có bản lĩnh thường xác định cho mình một lý tưởng tốt đẹp. Họ không ngại dấn thân để có thể hiện thực hóa được ước mơ của bản thân.

Cuộc sống là một hành trình dài đầy những khó khăn và thử thách. Chính vì vậy, chỉ người có bản lĩnh sống mới có thể chinh phục được thành công. Trên thế giới, có thể kể đến rất nhiều cái tên tiêu biểu cho bản lĩnh sống. Nhưng tôi lại muốn kể đến Arianna Huffington. Bà là một nữ doanh nhân, một chính trị gia, một nhà báo và là người phụ nữ quyền lực nhất giới truyền thông. Để có được thành công như vậy, bà từng nhận phải thất bại cay đắng khi chỉ có 0.55% phiếu bầu cho cuộc chạy đua tổng thống Mỹ năm 2003. Bà cũng đã cho xuất bản nhiều quyển sách nổi tiếng, được nhiều người đón nhận. Trước đó, cuốn sách đầu tiên là The Female Woman - xuất bản năm 1973 viết khi bà 23 tuổi được bán khá thành công, nhưng đến quyển sách thứ hai thì đã bị từ chối xuất bản 36 lần. Tuy nhiên, không vì thế mà Arianna Huffington nản lòng. Với lòng nhiệt huyết, quyết tâm cao độ dám vượt lên thất bại, bà đã tiếp tục viết và cho ra đời thêm 13 cuốn sách nữa, thường về các chủ đề quan điểm chính trị và viết tiểu sử. Các cuốn sách của bà đều đem lại những giá trị nhất định cho xã hội. Trở về với dải đất hình chữ S thân yêu, chắc hẳn chúng ta đã từng nghe đến cái tên Nguyễn Thị Ánh Viên - “kình ngư vàng” của bộ môn bơi lội. Cô gái có bản lĩnh phi thường, phải xa nhà khi còn nhỏ tuổi. Mỗi năm chỉ được về thăm bố mẹ có vài lần. Trong suốt khoảng thời gian đó, Ánh Viên chỉ sống với bơi lội. Cô phải tập luyện và ăn uống theo một chế độ nghiêm ngặt của một vận động viên chuyên nghiệp. Có thành công, có thất bại. Nhưng tất cả đã tôi luyện ở cô là một bản

lĩnh phi thường để đến hiện tại có thể đem được niềm vinh quang về cho tổ quốc. Gần đây nhất, tại SEA Games 30, Nguyễn Thị Ánh Viên đã để lại một thành tích ấn tượng (8 tấm huy chương) dù tuổi đời không còn thuận lợi đối với một vận động viên nữa.

Xã hội càng phát triển đòi hỏi mỗi bạn trẻ phải rèn luyện một bản lĩnh sống. “Dám nghĩ, dám làm” chính là tinh thần của một con người có bản lĩnh. Tuy nhiên bên cạnh đó, có một bộ phận không nhỏ, nhất là ở giới trẻ thiếu đi bản lĩnh sống. Họ sợ hãi khó khăn, không dám đối mặt với thất bại. Nhiều người chỉ biết phụ thuộc vào người, sống một cách thụ động mà không chịu cố gắng rèn luyện bản thân. Những trường hợp đó thật đáng xấu hổ, cần phải tránh xa.

Đối với một học sinh như tôi, việc rèn luyện cho mình bản lĩnh sống là vô cùng cần thiết. Đó là hành trang cần thiết để chuẩn bị cho tương lai. Mỗi người hãy rèn luyện cho mình bản lĩnh sống để vươn tới đích của thành công.

ĐỀ SỐ 4: Nghị luận về câu nói: “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”

BÀI LÀM

Trên thế giới, có rất nhiều người đã đạt được thành công của riêng mình, họ đều có bí quyết, nhưng họ cũng không ngần ngại mà chia sẻ cho mọi người để học tập theo. Công thức thành công của họ cũng vô cùng đơn giản nhưng không phải ai cũng có thể thực hiện được: “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”.

Thành công là thành tựu, kết quả tốt đẹp mà ai cũng mong muốn đạt được. Khi thành công, con người ta sẽ cảm thấy tự hào, hạnh phúc với chính bản thân mình. Muốn thành công đến, thì bạn ít nhất cũng phải trang bị cho chính mình hai yếu tố: Cố gắng hết sức và luôn hoàn thiện bản thân.

Cố gắng hết sức là khi bạn không bao giờ bỏ cuộc khi khó khăn ập tới, luôn tìm ra những cách giải quyết để vượt qua những thử thách đó. Bởi hành trình để đến thành công vô cùng gian lao và vất vả, hết khó khăn này, khó khăn kia lại kéo đến, cứ chồng chất lên nhau. Thất bại không chỉ đến lần một, lần hai mà còn nhiều hơn thế nữa, vậy nên bạn vẫn phải tiếp tục đối mặt, bền bỉ, kiên trì mà vượt qua nó. Kết hợp với sự cố gắng đó là một nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc hoàn thiện bản thân mình. Dù bạn có cố gắng tới mức nào mà không chịu hoàn thiện bản thân, thì thành công cũng khó mà đến nhanh với bạn được. Vì sao? Vì xã hội ngày càng phát triển, con người ta không thể chỉ giỏi về một lĩnh vực mà có thể thành công ngay được, bạn cần phải có những kỹ năng mềm cần thiết như sự tự tin, tinh thần tự lực tự cường,... Rồi không ngừng trau dồi thêm kiến thức, tìm tòi sáng tạo ra cái mới để làm sao phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại. Khi bạn nắm vững được kiến thức cơ bản này hãy bắt tay vào hành động tức khắc, rồi thành công sẽ gõ cửa.

Có rất nhiều tấm gương về quá trình dẫn đến thành công, Bác Hồ thân yêu của chúng ta là một trong những tấm gương sáng đó. Người đã phải trải qua bao nhiêu năm bôn

ba nước ngoài, nhiều lần bị bắt vào tù, nhưng Người không hề nản chí mà vẫn tiếp tục đấu tranh tìm con đường giải phóng cho dân tộc. Trong những năm tháng đó, Người cũng không ngừng nỗ lực rèn luyện bản thân, học tập nhiều cái mới của đất nước phát triển để áp dụng cho dân tộc mình. Hay một nhân vật đang rất nổi tiếng trên thế giới hiện nay, ông Jack Ma – một tỷ phú người Trung Quốc, là người đã phải trải qua hàng nghìn lần thất bại. Ông trượt đại học hai lần, nhưng ông vẫn không bỏ cuộc mà vẫn ôn thi tiếp và đỗ. Sau khi tốt nghiệp, ông đã nộp đơn cho hơn 30 công việc và lại bị từ chối tiếp. Nhưng không dừng lại ở đó, ông tiếp tục nỗ lực và phát triển công ty của chính mình và giờ nó trở thành một tập đoàn lớn mạnh của Trung Quốc. Bác Hồ hay Jack Ma hay những người thành công khác, tất cả họ đều là những người truyền cho ta cảm hứng. Ta học hỏi ở họ sự cố gắng bền bỉ, kiên trì, nỗ lực không ngừng nghỉ để rồi ta cũng có thành công của riêng mình.

Sự cố gắng, nỗ lực để đạt được thành công là vô cùng đúng nhưng không có nghĩa là bạn bắt chấp đúng sai để đạt được điều bạn muốn, điều mà bạn cho đó là thành công. Bên cạnh đó, cũng cần chê trách một số người hễ cứ thấy khó khăn là bỏ cuộc hay khi đã đạt được một điều mình mong muốn mà lại trì trệ, không chịu trau dồi thêm, khi đó thành công của họ sẽ không thể đứng vững lâu được mà nó chỉ là tạm thời mà thôi. Là học sinh, thế hệ trẻ tương lai của đất nước, việc đầu tiên chúng ta cần làm đó là học tập thật tốt, rèn luyện đạo đức không ngừng và quan trọng hơn cả là trang bị cho mình những kỹ năng sống để sau này có thể tự tin bước vào đời.

Cố gắng hết sức và không ngừng nỗ lực, hai tiền đề này sẽ mang ánh sáng thành công đến với bạn, bởi “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”. Từ đó, khi bạn đạt được thành công mình mong muốn, bạn đã khẳng định được bản thân trong cuộc đời, hơn thế nữa bạn còn góp phần giúp cho gia đình và xã hội ngày một tươi đẹp hơn.

ĐỀ SỐ 5 : Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh chị về bài học cuộc sống qua câu chuyện Hai hạt mầm.

CÂU CHUYỆN VỀ 2 HẠT MẦM

Có hai hạt mầm nằm cạnh nhau trên một mảnh đất màu mỡ. Hạt mầm thứ nhất nói:

- Tôi muốn lớn lên thật nhanh. Tôi muốn bén rễ sâu xuống lòng đất và đâm chồi nảy lộc xuyên qua lớp đất cứng phía trên... Tôi muốn nở ra những cánh hoa dịu dàng như dấu hiệu chào đón mùa xuân... Tôi muốn cảm nhận sự ấm áp của ánh mặt trời và thưởng thức những giọt sương mai đọng trên cành lá.

Và rồi hạt mầm mọc lên.

Hạt mầm thứ hai bảo:

- Tôi sợ lắm. Nếu bén những nhánh rễ vào lòng đất sâu bên dưới, tôi không biết sẽ gặp phải điều gì ở nơi tối tăm đó. Và giả như những chồi non của tôi có mọc ra, đám côn trùng sẽ kéo đến và nuốt ngay lấy chúng. Một ngày nào đó, nếu những bông hoa của tôi có thể nở ra được thì bọn trẻ con cũng sẽ vặt lấy mà đùa nghịch thôi. Không, tốt hơn hết là tôi nên nằm ở đây cho đến khi cảm thấy thật an toàn đã.

Và rồi hạt mầm nằm im và chờ đợi.

Một ngày nọ, một chú gà đi loanh quanh trong vườn tìm thức ăn, thấy hạt mầm nằm lạc lổng trên mặt đất bèn mổ ngay lập tức.

BÀI LÀM

Tôi từng nghe ai đã nói rằng “Ước mơ có thành công hay không phụ thuộc vào những gì bạn làm ngày hôm nay”. Đúng như vậy, trong cuộc sống mỗi con người phải có những ước mơ để vươn lên, để sống cho ra sống, để có được thành công và hạnh phúc của chính mình. Nhưng thực hiện để thành công hóa ước mơ là một điều không dễ, nó là cả một nỗ lực phấn đấu của con người. Mượn hình ảnh hai hạt mầm và câu chuyện về chúng, **Câu chuyện hai hạt mầm** đã đem đến một quan niệm sống rất tích cực, sống phải có ước mơ cao đẹp dám đương đầu với những khó khăn, thử thách để thực hiện ước mơ.

” **‘Câu chuyện hai hạt mầm’** kể về cách nghĩ và dẫn đến hành động giữa chúng, hạt mầm thứ nhất muốn lớn lên, bén rễ, đâm chồi nảy lộc, nở hoa dịu dàng nên đã mọc lên. Hạt mầm thứ hai sợ đất sâu tối tăm, sợ trời non bị côn trùng nuốt, sợ trẻ con đùa nghịch vấp hoa nên đã nằm im chờ đợi và thấy đây là một cách an toàn, thế nhưng kết cục là bị gà mổ tức khắc. Mượn câu chuyện của hạt mầm tác giả đã nêu lên và khẳng định một quan niệm nhân sinh, đúng đắn, tích cực: **Con người sống phải có ước mơ, mong muốn những điều tốt đẹp trong tương lai, dám đối đầu với khó khăn để biến ước mơ thành hiện thực và tỏa sáng. Sống không có ước mơ, hèn nhát, sợ hãi thụ động chỉ nhận được thất bại, thậm chí là sự hủy diệt là lối sống đáng phê bình.**

Cuộc sống rất đa dạng và phong phú, có cơ hội cho con người lựa chọn, nhưng cũng lắm thử thách gian nan. Hành trình sống của con người là không ngừng vươn lên để sáng tạo, in dấu ấn trong cuộc đời. Khó khăn không hoàn toàn là trở lực và là động lực thôi thúc hành động để đạt đến thành công. Hành động của con người dựa vào những gì mà họ mong muốn. Cuộc đời như một đường chạy, đường chạy nó không hề bằng phẳng mà rất nhiều chông gai, thử thách. Đó là những khó khăn mà chúng ta phải vượt qua, đã ước mơ thì đó là điều dĩ nhiên mà chúng ta phải làm. Gặp khó khăn không phải sợ sệt mà phải vượt qua chúng, học được những bài học, từ đó con người ta trưởng thành hơn đến gần với những ước mơ mà ta mong muốn hơn.

Ước mơ tạo nên bản lĩnh là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn giúp con người vượt qua khó khăn “xuyên qua đá cứng”, để sống và tận hưởng hương vị vẻ đẹp của cuộc đời. Ước mơ là động lực thôi thúc con người tìm tòi, khám phá, đóng góp sức mình làm cho cuộc sống trở nên tươi đẹp hơn. Mỗi con người sống là để ước mơ, vì vậy nó là cái nền tảng, cái gốc rễ cho tinh thần vượt khó, cho hành động không ngừng của con người. Ước mơ giúp con người ta có hướng sống tích cực, có suy nghĩ tích cực, từ đó có hành động tích cực. Suy cho cùng, ước mơ nuôi dưỡng tốt cả lý trí và hành động của con người. Người sống không có ước mơ chẳng khác nào đèn có giàu mà không cháy, suốt có bác mà không bùng. Đó là những con người thụ động, sống không hành động là gánh nặng của xã hội, của cộng đồng.

Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người có ước mơ, khát vọng và nỗ lực vượt khó, chinh phục mọi thử thách để sinh tồn và phát triển. Ngược lại sợ hãi trước cuộc sống, không dám làm bất cứ điều gì, chỉ biết thu mình trong vỏ bọc hèn nhát, thụ động, chờ đợi con người sẽ trở nên yếu hèn. Xã hội chỉ chấp nhận và tôn vinh những người biết ước mơ và hiện thực hóa ước mơ của mình. Đó là những lối sống lành

mạnh, từ ý nghĩ cho đến hành động, đó là những con người trưởng thành mạnh mẽ và cứng cỏi. Trong suy nghĩ của chính họ và cộng đồng thì cuộc sống quả là có ý nghĩa, bởi mình đã tận hưởng và tận hiến. Nhưng đối nghịch với đó chính là những con người sống thụ động, khiến cuộc sống dần mất đi thiên chức và ý nghĩa của nó. Con người lịch sự không nên sống theo lối sống nhút nhát, ít suy nghĩ và hành động như vậy.

Cuộc sống không ước mơ, không dám đương đầu với thực tế là cuộc sống vô vị, nhàm chán, sống thừa, sống vô ích, con người chỉ có thể sẽ chỉ nhận được thất bại, thậm chí có thể tan biến trong cuộc đời. Con người sinh ra là để cống hiến và hưởng thụ ước mơ và hành động. Đó là mối quan hệ tất yếu trong sự sống của con người. Cuộc sống mà không ước mơ khiến ta chỉ như một khối xác thịt mà không suy nghĩ. Đó đã là điều không nên, hơn nữa xã hội là một cộng đồng mà tất cả mọi người đều ước mơ và hành động. Nếu chỉ mình ta sống thụ động, thì đó là một điều riêng biệt đáng chê trách. Nói tóm lại, con người sống phải có ước mơ hành động để cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn.

Trong thực tế, cuộc sống có biết bao tấm gương sống để ước mơ, để hành động và để thành công. Thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký là một người như vậy, liệt hai tay từ thuở còn nhỏ, bất hạnh hơn so với bạn bè cùng trang lứa rất nhiều lần. Thế nhưng, ước mơ được đi học đã thôi thúc con người đầy nghị lực đó vẫn lên. Thầy đã tập viết bằng chân, có những lúc con chuột rút tái phát, đau đớn vô cùng nhưng đó chỉ là những chuyện nhỏ đối với thầy. Bằng Mọi sự cố gắng thầy đã viết bằng chân rất đẹp trở thành một người thầy đáng quý của toàn dân tộc Việt Nam. Hai cô gái vàng của thể thao Việt Nam Nguyễn Ánh Viên là người đoạt huy chương vàng môn bơi lội trong SEA Games nhưng đằng sau vinh dự đó là có bao cố gắng Bao nỗ lực vượt qua khó khăn gian khổ của Ánh Viên... Đó là những tấm gương sáng ngời đáng để mọi người nhìn theo và học tập.

Tuy nhiên bên cạnh những người có ước mơ không ngừng vươn lên để sáng tạo cũng còn không ít người sợ hãi né tránh gian khổ khó khăn. Dường như đối với họ khó khăn thật sự không thể vượt qua là một điều mà dường như khi gặp nó là họ bất lực. Đó là cách sống thụ động đáng phê phán. Hãy bên cạnh những ước mơ cao đẹp của cộng đồng cũng có những ước mơ vụn vặt tầm thường ích kỷ vụ lợi cá nhân. Thuộc có những người có ước mơ mà không hành động thì đó cũng là điều đáng chê trách. Shakespeare đã từng khẳng định “ước mong mà không làm theo hành động, thì dù hi vọng có cánh cũng không bao giờ bay tới mục đích...”

Câu chuyện hai hạt mầm vừa là lời khuyên, vừa là động lực, cũng là lời phê phán. Trong xã hội ta nên biểu dương những người có ước mơ, có nghị lực vươn lên. Ước mơ của họ cũng là ước mơ của xã hội của cộng đồng, đó là những ước mơ chân chính cố gắng vươn lên, cố gắng hành động sẽ đạt được mục đích, được xã hội kính trọng. Ngược lại câu chuyện còn là lời phê phán những người sống không có ước mơ, chủ động, ngại khó, ngại khổ, không có ý chí, nghị lực. Đó là những người yếu đuối trước khó khăn, không kiên trì chỉ biết kêu ca dề thời gian trôi đi một cách phí phạm, là một cuộc sống vô nghĩa, sống hoài, sống phí.

Qua câu chuyện “hai hạt mầm”, chúng ta như được thức tỉnh giấc mơ. Tuy nhiên ước mơ trong cuộc sống phải là một ước mơ cao đẹp, vì xã hội thì mới đáng trân trọng. Nếu là những ước mơ cá nhân, những tư lợi riêng thì phần nào đã quay ngược lại với ý nghĩa nhân sinh của câu chuyện. Hơn nữa ước mơ là cái gốc, cái nền cho mọi suy

nghĩ, hành động của chúng ta. Có ước mơ tốt thì dĩ nhiên nó sẽ sản sinh ra ý nghĩ rất tốt, và hành động tốt, hoặc ngược lại. Nói như vậy, ta không quá đề cao vai trò của ước mơ mà quên đi cái nhiệm vụ thực tại. Ước mơ cao đẹp, hành động chính đáng mới đúng là người hoàn thiện.

Bản thân chúng ta đang là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, phải không ngừng hành động để xây dựng tương lai tốt đẹp hơn. Biểu hiện đó chính là những ước mơ tốt đẹp, là cố gắng học tập để hiện thực hóa ước mơ đó và đó là sự rèn luyện để xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn. Đó chính là một viên gạch nhỏ, từ ngay ngày đầu hôm nay để sau này bồi đắp một ngôi nhà mà chúng ta luôn tự hào về ngôi nhà đó, ngôi nhà của thành công, giấc mơ của vinh dự và của sự nỗ lực.

Qua câu chuyện “hai hạt mầm”, chúng ta đã phân nào ý thức được vai trò của ước mơ và hành động. Ước mơ cao đẹp phải đi đến với hành động, phải dám đương đầu với khó khăn, thử thách để hiện thực mơ ước. Và cuộc sống phải trọn vẹn, ước mơ phải hoàn chỉnh thì đó mới là cuộc sống đúng nghĩa, như Tố Hữu đã viết.

*“Nếu là con chim chiếc lá,
thì con chim phải hót chiếc lá phải xanh”.*

Một câu chuyện đơn giản nhưng biết bao ý nghĩa rút ra từ đó, chúng ta phải hành động ngay từ hôm nay để sau này nhìn quay lại ta không phải ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí.

ĐỀ SỐ 6: Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh chị về bài học cuộc sống qua câu chuyện Bốn ngọn nến.

CÂU CHUYỆN BỐN NGỌN NẾN

Trong phòng tối, có bốn ngọn nến đang cháy. Xung quanh thật yên tĩnh, đến mức ta có thể nghe thấy tiếng thì thầm của chúng.

Ngọn nến thứ nhất nói: Tôi là hiện thân của hòa bình. Cuộc đời sẽ như thế nào nếu thiếu tôi? Tôi thực sự quan trọng cho mọi người.

Ngọn nến thứ hai lên tiếng: Còn tôi là hiện thân của lòng trung thành. Hơn tất cả, mọi người đều phải cần đến tôi.

Đến lượt mình, ngọn nến thứ ba nói: Tôi là hiện thân của tình yêu. Tôi mới thực sự quan trọng. Hãy thử xem cuộc sống sẽ như thế nào nếu thiếu đi tình yêu?

Đột nhiên, cánh cửa chợt mở tung, một cậu bé chạy vào phòng. Một cơn gió ùa theo làm tắt cả ba ngọn nến. “Tại sao cả ba ngọn nến lại tắt?” Cậu bé sững sốt nói. Rồi cậu bé a lên khóc.

Lúc này, ngọn nến thứ tư mới lên tiếng: Đừng lo lắng, cậu bé. Khi tôi vẫn ẹn đang cháy thì vẫn có thể thắp sáng lại cả ba ngọn nến kia. Bởi vì, tôi chính là niềm hi vọng.

Lau những giọt nước mắt còn đọng lại, cậu bé lần lượt thắp sáng lại những ngọn nến vừa tắt bằng ngọn lửa của niềm hi vọng.

(Trích”những bài học về cuộc sống, NXB Thanh Niên, 2005)

BÀI LÀM

Có người từng nói, đại ý, cuộc đời đều dành tặng ta thứ gọi là cơ hội, vì đó là ngày mai. Có những người gần như trong cuộc sống đều gặp nhiều khó khăn, kém may mắn, những thử thách luôn luôn rình rập. Và nhiều người ngay từ khi sinh ra đã gặp nhiều bất trắc, nếu lúc đó ta tuyệt vọng, hãy nhớ vẫn còn “ngày mai” nghĩa là đừng bao giờ ngừng hi vọng. Đọc xong “**Câu chuyện bốn ngọn nến**” ta càng thêm tin tưởng về cuộc sống và không ngừng cố gắng nỗ lực từng ngày.

Câu chuyện kể về bốn ngọn nến trong phòng tối, chúng đang cháy và thấp sáng cả căn phòng. Trong đó có ba cây nến đều mang một sứ mệnh riêng và là hiện thân của nhiều điều khác nhau. Ngọn nến thứ nhất tự xưng, mình là hiện thân của hòa bình, nếu có ngọn nến thứ nhất thì thế giới và lòng người sẽ luôn tĩnh tại, an nhiên và không xảy ra những xung đột. Còn ngọn nến thứ hai là hiện thân của lòng trung thành, nhờ có ngọn nến thứ hai, con người sẽ sống với nhau bằng tình cảm chân thành, không có lật lọng và lừa dối. Còn ngọn nến thứ ba là hiện thân của tình yêu. Nhờ có ngọn nến thứ ba cuộc sống sẽ luôn được duy trì bằng tình cảm gắn bó giữa con người với con người, để cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Ngọn nến nào cũng chứng minh và thể hiện tầm quan trọng của mình, khi nói rằng “hơn tất cả mọi người đều cần đến tôi”. Nhưng ngay đó khi có một cơn gió thổi đến, lần lượt ba cây nến đều bị tắt đi. Khiến cậu bé òa lên khóc và không hiểu vì sao, ba cây nến có thể tắt khi nó quan trọng như vậy? Cơn gió là minh chứng cho những phong ba bão táp, những khó khăn, bất trắc hiểm nguy, những điều đó thổi đến khiến cho tình yêu, lòng trung thành và hòa bình đều không duy trì được sự sống và dễ dàng bị thổi tắt. Hòa bình rồi cũng có thể có chiến tranh, tình yêu rồi sẽ đến lúc tan vỡ khi ta gặp những thử thách, lòng trung thành cũng sẽ không thể trụ vững với thời gian hoặc vì ta không đủ niềm tin đối mặt với thử thách. Nhưng lúc ấy chú bé không hề biết rằng, trong căn phòng ấy có một cây nến đến bây giờ mới lặng lẽ lên tiếng, cây nến an ủi cậu bé bằng chính sứ mạng của mình, bằng tấm lòng và với những gì cây nến có thể mang lại cho cậu bé. Câu nói của cây nến thứ tư mới thật thâm thúy làm sao và gợi cho ta thật nhiều suy nghĩ: “Khi tôi vẫn còn cháy thì vẫn có thể thấp sáng lại cả ba ngọn nến kia. Bởi vì tôi chính là niềm hy vọng” Dù những cây nến có bị thổi tắt thì chỉ cần có niềm hi vọng ta sẽ tìm cách vượt qua và thấp sáng lại dù trong khó khăn. Vậy ta mới thấu hiểu niềm hi vọng quan trọng như thế nào, và mới biết được giá trị thiết thực của nó. Hình ảnh cuối của câu truyện khi cậu bé “lần lượt thấp sáng lại những ngọn nến vừa tắt bằng ngọn lửa của niềm hi vọng” thì cũng có nghĩa ba cây nến hiện thân cho ba điều quan trọng sẽ được thấp lên một lần nữa. Vì thế ta có thể hiểu rằng, dù trong một hoàn cảnh khó khăn, bị vùi lấp bởi bóng tối và bất trắc thì chỉ cần người ta nuôi dưỡng niềm hi vọng cho bản thân và không bao giờ từ bỏ một cơ hội nào đến với mình, luôn cố gắng tìm kiếm lối thoát thì tất cả những thứ như hòa bình, tình yêu, lòng trung thành sẽ được duy trì mãi và khó có thể bị khuất phục kể cả khi người ta nghĩ tất cả đã đến bước đường tuyệt vọng. Bài học nhận thức này ta không khó tìm kiếm những tấm gương nổi bật trong chính cuộc sống này ta từ trước đến nay. Ta không quên một lục vân tiên cứu Thúy Kiều Nguyệt Nga? Một tác phẩm kinh điển của Nguyễn Đình Chiểu, nhưng đằng sau sự tài hoa ấy, ta có biết Nguyễn Đình Chiểu đã từng có một cuộc sống cực kì gian truân mà có lẽ nếu rơi vào hoàn cảnh ấy ta khó có thể đứng vững trước bão tố như ông. Vậy mà vượt lên trên bệnh mù của mình, ông cống hiến hết mình cho tổ quốc, từ việc là một nhà thơ mù yêu nước, đến nhiều nghề khác như thầy giáo, thầy thuốc, ông đều cố gắng bằng niềm hi vọng và một niềm tin mãnh liệt kiên cường. Hay như Andecxen, sinh ra vốn trong một gia đình nghèo khó, không đủ bánh mì để ăn, lại luôn bị cười chê khinh bỉ bởi ngoại hình xấu xí. Nhưng Andecxen

cuối cùng đã vượt lên trên tất cả, ông sống và cống hiến như một nhà nghệ sĩ vĩ đại nhất mọi thời đại. Ông không có một cuộc sống trong mơ, nhưng chính Andecxen nhờ hi vọng và niềm tin của mình, ông đã thấp lên những ước mơ của hàng triệu em nhỏ. Và cảm ơn Andecxen vì ông đã không từ bỏ cuộc sống, từ bỏ chính mình.

Câu chuyện bốn ngọn nến thật sự ý nghĩa, cho ta biết cuộc sống này không có gì là không thể nếu ta có niềm hi vọng và không từ bỏ chính mình. Cuộc sống là một chuỗi những thử thách nếu ta không cố gắng vươn lên mỗi ngày thì sẽ chìm trong tuyệt vọng và cùng nỗi chán chường. Hãy biết quan tâm đến bản thân chính mình, và nếu ta không tự cứu lấy mình khỏi tuyệt vọng thì sẽ chẳng ai khác có thể giúp được ta.

Từ đó ta hãy học cách nuôi dưỡng niềm hi vọng mỗi ngày, dù trong hoàn cảnh nào hãy bình tĩnh và can đảm đối mặt. Hãy dũng cảm để đối diện với những khó khăn, thử thách, bởi khi vượt qua thử thách, ta sẽ bản lĩnh, tự tin và thành công sẽ đến với mình. Mặt khác, câu chuyện cũng chính là sự phê phán đối với những người hèn nhát, và nhu nhược, thiếu bản lĩnh., với bản thân mình và thiếu tự tin khi đối diện với những thử thách trong cuộc sống.

Câu chuyện là một thông điệp vô cùng đúng đắn và thiết thực, giúp ta tự nhận ra giá trị của niềm hi vọng. Hãy luôn hi vọng về một điều tươi sáng cho dù cuộc sống này của bạn khó khăn thì chỉ cần bạn luôn hi vọng, bạn sẽ tìm ra cách giải quyết vấn đề hiệu quả nhất. Hãy luôn tin tưởng và hi vọng, vì cuộc đời luôn dành tặng cho bạn những bất ngờ

ĐỀ SỐ 7: Nghị luận về tình bạn .

BÀI LÀM

Tuổi thanh xuân cũng giống như một cơn mưa rào. Dù cho tôi cũng bị cảm lạnh vì tắm mưa, tôi vẫn muốn đắm mình trong cơn mưa ấy lần nữa để có bạn và được ở bên bạn trong những ngày đã qua. Quả thật, trong đời sống tinh thần phong phú của con người có rất nhiều tình cảm thiêng liêng như tình mẫu tử, tình yêu đôi lứa, tình anh em, tình thầy trò..., thì tình bạn cũng có vai trò quan trọng trong cuộc sống của mỗi chúng ta, có bạn có bè cũng là nhu cầu tình cảm rất tự nhiên và cần thiết với mỗi người, vì không ai sống trên đời mà không thể có một vài người bạn, vậy thì cuộc sống thật nhàm chán và cô đơn!

Từ xưa thì ông cha ta đã có rất nhiều câu ca dao, dân ca hay nói về loại tình cảm đặc biệt này:

“Bạn bè là nghĩa tương tri

Sao cho sau trước một bè mới yên”

“Chim lạc bầy thương cây nhớ cội

Xa bạn xa bè lặn lội tìm nhau”

Vậy tình bạn là gì? Thế nào là một tình bạn đẹp? Trước hết, đó phải là một tình cảm chân thành, trong sáng, vô tư, không vụ lợi, đầy tin tưởng giữa người với người, có thể là hai người bạn cùng trang lứa, có thể là bố mẹ sẽ trở thành những người đồng hành cùng con cái mình trong quá trình trưởng thành. Tình bạn có thể hình thành ở bất cứ nơi nào, tại mọi thời điểm, mà không phân biệt già trẻ, lứa tuổi, giới tính, quốc gia, địa

vì, kinh tế... Đơn giản là vì hợp tính, hợp gu, cùng chung sở thích, đam mê và cú thể là có tình bạn, thường là thấy thiện cảm yêu thích, ngưỡng mộ đối phương và muốn giao lưu kết bạn với họ. Ví dụ là trong số đông bạn bè chung trường, ta có thể chọn, kết thân, tiếp xúc dần với một vài người và lâu dần trở thành một người bạn với nhau lúc nào không hay. Đó sẽ là người mà ta có thiện cảm thật sự, hiểu ta, có chung sở thích với ta, mặc dù cùng hay không cùng cảnh ngộ.

Muốn hình thành được một tình bạn đẹp trước hết ta phải hiểu tình bạn là gì? Bạn là người luôn sát cánh bên ta, luôn chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, hoạn nạn, khó khăn. Là người cho ta những lời khuyên nhủ chân thành, nói ra những điểm xấu để ta biết và khắc phục, luôn lắng nghe những câu chuyện tế nhạ mà vẫn cười đùa. Bạn cũng chính là người thầy, là tấm gương cho ta học hỏi.

Cuộc sống của mỗi người đều sẽ có những người bạn của riêng mình. Lúc nhỏ ba mẹ là người bạn cùng ta bập bẹ tập nói, tập đi. Lớn lên bạn có thể là người cùng cấp sách tới trường mỗi ngày, bạn sẽ là những người xa lạ mà ta bắt gặp trong cuộc sống và công việc. Thực tế thì có những tình bạn đẹp gắn bó như keo sơn đó là tình bạn của Các Mác và Ăng Ghen, Nguyễn Khuyến và Dương Khuê, Lý Bạch và Mạnh Hạo Nhiên, câu chuyện tình bạn giữa mình và hiểu hơn 10 năm cộng nhau đi học để đến với con chữ sau bao khó khăn cả hai đều đạt điểm số cao trong kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia năm 2020 đã khiến cho nhiều người trầm trồ ngưỡng mộ. Những người bạn tri ân tri kỷ như vậy đã được nảy sinh ở những người có một tâm hồn đẹp, yêu thương quý mến thấu hiểu được tính cách, hoàn cảnh của nhau.

BaCon đã từng nói “Tình bạn chân chính làm niềm vui tăng lên gấp đôi và nỗi buồn giảm đi một nửa”. Việc có những người bạn tốt, tình bạn đẹp sẽ giúp chúng ta khám phá, trải nghiệm thế giới cảm xúc phong phú của con người: Có vui, có buồn, hờn giận và yêu thương, từ đó mà khiến ta trở nên yêu đời, lạc quan hơn “Thanh xuân cuộc đời nhờ có những người bạn như các cậu mà trở nên ý nghĩa không phải hối tiếc”. Tôi đói bụng, bạn có một cái bánh bạn chia cho tôi phân nửa.

“Áo anh rách vai

Quần tôi có mảnh vải vá

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Tình bạn chính là nguồn động lực giúp ta mạnh mẽ vươn lên để vượt qua khó khăn, thử thách, những vấp ngã trong cuộc sống, người bạn ấy sẽ nhẹ nhàng quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ ta đứng dậy và không hề bỏ mặc ta. Họ sẽ nói rõ ra những khuyết điểm những điều xấu của mình để ta sửa chữa những khuyết điểm của bản thân giúp ta trưởng thành hơn, nên người hơn. Vì vậy có được một tình bạn chân chính sẽ giúp mỗi người học hỏi được nhiều điều mà trong sách vở không thể mang lại được và nhận được nhiều điều ý nghĩa mà ta chưa bao giờ ngờ tới.

Tình bạn vô hình không nhìn thấy được nhưng lại có giá trị lớn đối với mỗi người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Tình bạn có thể là chỗ dựa tinh thần, giúp vượt qua những khó khăn, giúp ta ngày càng hoàn thiện nhân cách hoàn thiện bản thân, hướng tới chân thiện mỹ. Hiểu được sự hy sinh, sự vị tha, ý nghĩa của sự kết nối, sự đồng cảm. Vào một giây phút nào đó trong cuộc sống, ta hiểu được một người có thể thay đổi cuộc sống của ta

dù chỉ là một phần nhỏ đi nữa, trao cho chúng ta thêm nhiều niềm tin nghị lực, làm chỗ dựa khi ta thất bại. Cuộc sống luôn chuyển động không ngừng nghỉ có những thăng trầm biến hóa, bầu trời đang trong xanh đẹp thế kia thế nhưng chẳng mấy chốc mà lại xuất hiện những cơn mưa bất ngờ ập đến lúc nào mà chúng ta không hay, những lúc như thế chỉ muốn có một người bạn bên cạnh đồng hành, động viên, chia sẻ. Ta lại càng hiểu được giá trị của tình bạn là như thế nào tuy nhiên bạn hiểu đơn thuần là người mà ta quen biết, nhưng trong vô số những người mà ta quen biết được ấy không phải ai cũng tốt, thật tâm là một người bạn đúng nghĩa mọi người nhé!. Bạn gặp được những người sẽ quên bạn và bạn cũng sẽ quên đi người mình gặp, nhưng đôi khi bạn cũng sẽ gặp được những người mà bạn không thể quên. Và đó là những người bạn, tình bạn đáng yêu, đáng quý, ý nghĩa thế đấy vì vậy chúng ta cần phải biết giữ gìn, vun trồng cho nó trở nên tốt đẹp và xanh tươi hơn, hãy dang rộng vòng tay kết nối tình bạn bè, tình thân ái và hãy nhớ rằng sự chân thành chính là sự gắn kết giúp cho tình bạn ngày càng gắn kết bền lâu hơn.

Tình bạn chỉ được hình thành ở những tình cảm đồng điệu, thành thật, tin tưởng nhau vô điều kiện và không giả dối trục lợi. Hãy biết phân biệt và chọn bạn mà chơi vì gần mực thì đen gần đèn thì sáng, tránh giao du, kết thân với những người bạn không tốt, coi trọng vật chất ích kỷ ngạo mạn, lợi dụng ta vào mục đích nào đó. Minh chơi với bạn hết lòng, bạn chơi lại mình hết hồn, câu này là câu nói vui của tuổi trẻ thời nay nhưng để ngầm suy nghĩ thì câu nói này rất đúng khi chúng ta hết lòng chơi tốt tâm sự cho nhau nghe nhưng sau lưng thì bạn lại đâm chọt bịa chuyện để nói xấu. Các mối quan hệ bạn bè không phải lúc nào cũng chân thành và tốt đẹp, có những người cho ta cảm giác là người bạn đúng nghĩa nhưng thật chất lại lợi dụng, bán đứng, hãm hại ta. Khi ta tâm sự với ai đó tôi khuyên các bạn đừng bao giờ tâm sự nói hết ra những bí mật của mình, không biết trước được chuyện gì xảy ra, rồi sẽ một ngày chúng ta xích mích không còn chơi nữa học sẽ biết hết bí mật của mình và thêm mắm, thêm muối để kể cho người khác. Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, miệng không vành méo mó tứ phương, vậy nên đừng thổ lộ hết những gì bí mật cho người khác hãy giữ cho mình một chút bí mật của riêng mình nhé!. Tôi không mong bản thân mình phải có thật nhiều bạn bè mà tôi chỉ cần những người bạn chất lượng hơn là số lượng.

Thế thì làm sao để có những người bạn chân chính? Cách duy nhất để trả lời câu hỏi này đó chính là làm cho bản thân mình trở nên tốt hơn, biết lắng nghe yêu thương, gắn kết, tương tác với mọi người xung quanh nhiều hơn, xây dựng được sự tin tưởng và trách nhiệm, tôn trọng những bí mật của nhau, hơn hết là biết cân bằng giữa cho và nhận, ta biết giúp đỡ bạn qua khó khăn, hoạn nạn, không a dua bao che cho những hành vi xấu, thẳng thắn phê bình đóng góp khi bạn mắc sai lầm để cùng nhau vươn lên, tiến bộ hơn. Cho đi là một cách đúng đắn và phù hợp tránh việc giúp đỡ thái quá sẽ làm cho người khác nảy sinh ra lợi dụng mình, ý lại mà không nỗ lực cố gắng, tránh những suy nghĩ thái độ ích kỷ cho rằng mình giúp bạn nhiều nhưng bạn lại giúp mình ít hơn từ đó gây ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi không đáng có. Tình bạn phải được xây dựng trên sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, đồng điệu, thông cảm, thấu hiểu lắng nghe của cả hai phía nhiều hơn, hạ cái tôi mình xuống để tìm được tiếng nói chung với bạn mình, học cách biết tha thứ lỗi lầm và giúp bạn sửa chữa.

Quả thật, một người bạn tốt sẽ cho ta rất nhiều điều và ta cũng cần phải biết nỗ lực cố gắng duy trì phát triển tình bạn ấy bền lâu, trong sáng, lành mạnh hơn. Sống đâu chỉ là nhận cho riêng mình (Tổ Hữu), trong tình bạn nói riêng hay bất kỳ mối quan hệ nào

đó cũng đều phải cân bằng giữa cho và nhận để mỗi quan hệ ấy được bền vững lâu dài tiếp tục phát triển. Có một người bạn thân đã khó, giữ được tình bạn ấy càng khó hơn. Ngày nay, chúng ta có thể giữ được tình bạn đẹp, trong sáng, như tham gia đôi bạn cùng tiến trong học tập, tham gia vào các câu lạc bộ, các phong trào, các buổi ngoại khóa nói về tình bạn mà được nhà trường, cha mẹ chú trọng cho con em mình, công nghệ ngày nay phát triển hơn chúng ta có thể ngồi ở nhà và kết bạn giao lưu văn hóa với các nước khác nhau, nhưng phải thật cẩn thận với những hình thức lừa đảo của những người mưu mô trên không gian mạng.

Tình bạn đẹp tô điểm cho cuộc sống của mỗi người thêm phần vui hơn, là động lực, là sức mạnh to lớn để gắn kết con người lại với nhau. Tình bạn không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả ngọt ngào của cả một quá trình gắn bó lâu dài, thấm thiết. Vì vậy, hãy trân trọng những người bạn tốt mà bạn đang có bởi đó là tình cảm thiêng liêng và cao quý mà mỗi người luôn muốn có trong cuộc sống này. Chúng ta cần biết dang rộng vòng tay, nối kết tình bè bạn và phải luôn nhớ rằng: Tình bạn đó là niềm hạnh phúc lớn lao của mỗi con người.

ĐỀ SỐ 8: Trình bày suy nghĩ về ý nghĩa được gọi ra từ câu chuyện sau:

“Một chiếc lá vàng tự bứt khỏi cành rơi xuống gốc. Cái gốc tròn mắt ngạc nhiên hỏi: “Sao sớm thế?” Lá vàng giơ tay lên chào, cười và chỉ vào những lộc non”.

(Theo “Những câu chuyện ngụ ngôn chọn lọc” – NXB Thanh niên, 2003)

BÀI LÀM

“Bàn tay tặng hoa hồng bao giờ cũng phảng phất hương thơm”. Trái tim biết sẻ chia, cống hiến chính là trái tim đẹp nhất, tâm hồn cao quý nhất. Nếu cuộc sống trở nên xấu xa, tăm tối bởi những toan tính nhỏ nhen, thấp hèn thì sự cao thượng của tâm hồn, sự vị tha của trái tim giúp cho cuộc sống có thêm những vì sao sáng. Cùng trong dòng mạch cảm xúc ấy, ta thấy được lẽ sống cao đẹp, bài học đạo đức triết lý về sự hi sinh, cống hiến vì người khác trong câu chuyện ngụ ngôn xúc động kể về chiếc lá vàng trích từ “Những câu chuyện ngụ ngôn chọn lọc”, NXB Thanh niên 2003”:

“Một chiếc lá vàng tự bứt khỏi cành rơi xuống gốc. Cái gốc tròn mắt ngạc nhiên hỏi: “Sao sớm thế?” chào, cười và chỉ vào những lộc non”.

Câu chuyện kể về chiếc lá vàng, nó có hồn, suy nghĩ và hành động. Việc chiếc lá tự mình bứt khỏi cành rơi xuống gốc cây tượng trưng cho lòng vị tha, hết mình cống hiến cho người khác, thậm chí hi sinh bản thân để gieo mầm sự sống, tiếp nhựa cho những “lộc non” – sự sống mới, hi vọng mới đang nảy nở, căng tràn. Cái chào, cái cười, cái thân nhiên của chiếc lá không chỉ gọi quy luật của tự nhiên, vạn vật trên cõi đời này mà ẩn đằng sau đó là cả một bài học nhân sinh sâu sắc, lời khuyên chân thành mà câu chuyện muốn gửi gắm tới bạn đọc: Sống trong cuộc đời, con người không nên chỉ sống cho riêng mình mà hãy hướng lòng mình đến cả những người khác, chấp nhận hi sinh, cống hiến cho họ.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có những lời hát rất hay:

*“Sống trong đời sống
Cần có một tấm lòng
Để làm gì em biết không?
Để gió cuốn đi...”*

“Tấm lòng” ấy là trái tim cao cả, vị tha, là cái “cho” cao quý trong cuộc đời. Hạnh phúc là gia vị ngọt ngào của cuộc sống, giúp con người sống có ý nghĩa hơn. Nếu con

người cứ ích kỉ nghĩ đến cá nhân mình thì sẽ không bao giờ thưởng thức được thứ gia vị ấy. Giống như chiếc lá vàng kia, nó rời khỏi thân mẹ để gieo sự sống cho những lộc non. Nếu nó cứ ích kỉ ở lại cành thì liệu có những nhánh non mới, sự sống mới hay không? Nếu chúng ta biết cống hiến, chúng ta sẽ đem cơ hội và hạnh phúc đến cho mọi người, cả những người khôn khéo, bất hạnh và cả những người cần được quan tâm.

Việc làm suốt cuộc đời tần tảo của người mẹ chính là sự hi sinh cao cả nhất cho những đứa con của mình. Mẹ hi sinh tuổi xuân, công sức, tình cảm, mọi thứ tốt đẹp và đáng quý nhất trao cho đứa con thân yêu của mình tất cả, bằng một trái tim đong đầy tình cảm, bằng sự sẵn sàng cho đi cao đẹp nhất. *“Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ”, “Chẳng có gì so được tình thương – Của mẹ dành cho con như đất dành cho cây sự sống – Dẫu biển kia có sâu có rộng – Sánh chi bằng ở mẹ tâm lòng tiên”*.

Chúng ta xúc động trước những chiến sĩ dũng cảm, những anh hùng đã ngã xuống trên mặt trận chiến cường khóc liệt. Họ nguyện đem thân mình, máu thịt mình hòa vào sắc cờ đỏ thắm của dân tộc Việt Nam hôm nay. Nhờ có lòng vị tha và trái tim khoan dung, nghệ sĩ Phan Anh đã tình nguyện quyên góp của cải vật chất, quyên góp cả “tình thương” của mình cho đồng bào miền Trung đang phải đối mặt với bão lũ, hiểm họa thiên nhiên. Như vậy, lẽ sống vì người khác được thể hiện ở cả những hành động đời thường nhất.

Việc trao đi cơ hội và niềm vui cho những người khác giúp cho chính những người cho đi ấy được sống hạnh phúc hơn. “Bạn càng cho nhiều, bạn càng nhận được nhiều”. Câu danh ngôn rất đúng. Lá vàng kia rời cành, nhường chỗ cho sự sống khác, màu xanh khác. Nó rơi xuống đất, tưởng như mọi thứ kết thúc nhưng chính hành động ấy bồi cho đất thêm tốt. Dưới gốc cây, chiếc lá được “chứng kiến” sự sống mới, thành quả mà nó đã làm được, chắc hẳn là hạnh phúc. Niềm vui ấy đáng quý hơn nhiều lần việc cứ ngồi chờ đợi trên cành cây chờ thời gian bóc mòn. Cùng lắng nghe tâm sự của người phụ nữ tình nguyện hiến thận cho một bệnh nhân trong cơn nguy kịch: *“Tôi rất vui vì đã làm được điều gì đó có nghĩa cho họ, cảm giác thật tuyệt vời khi nhận từ họ lời cảm ơn chân thành nhất”*. Thật đáng quý, hạnh phúc nhận lại đôi khi chỉ giản dị như thế: một cái ôm thay lời muốn nói, cái nhìn trìu mến, cảm kích, cái nắm tay thật chặt, nụ cười chân thành hay giọt nước mắt xúc động...

“Chỉ có cuộc sống vì người khác mới là cuộc sống đáng quý”. Khi chúng ta biết mở rộng lòng mình, đem tình thương và sự cao thượng vốn ẩn rất sâu ở bên trong để trao cho mọi người thì cũng chính là lúc sợi dây yêu thương giữa con người ngày càng bền chặt. Cuộc sống sẽ tốt đẹp, nhân văn, con người sống với nhau bằng tình cảm thay vì sự hờ hững, vô tình, vô cảm.

Còn ngược lại, nếu có những tấm lòng đẹp thì cũng có những tâm hồn đen, đó là biểu hiện của những kẻ dửng dưng, ích kỉ, không chia sẻ, không quan tâm, không còn biết đến tình người trong cuộc sống vốn tươi đẹp này. Những kẻ đó sẽ không bao giờ biết đến sự khoan dung, biết vươn đến vẻ đẹp của chân – thiện – mỹ. Nếu không có hành động cao đẹp của cụ Bơ-men trong truyện ngắn **“Chiếc lá cuối cùng”**, chắc hẳn Giôn-xi sẽ chết. Tuổi trẻ của cô giống như chiếc lá thật vậy, bị gió bão và sương tuyết dập vùi. Nếu không có sự cống hiến hết mình của anh thanh niên trong truyện ngắn **“Lặng lẽ Sa Pa”**, liệu có người tự nguyện dậy lúc một giờ sáng trên đỉnh núi để đo gió, đo mưa và cam chịu cái rét đến thấu xương của thời tiết khắc nghiệt?

Hãy làm tất cả những điều tốt đẹp bạn có thể làm, cho tất cả những người bạn có thể, theo mọi cách bạn có thể, chừng nào bạn còn có thể. Sống vì người khác, hi sinh để trao cơ hội và niềm vui cho người khác nhưng đó phải là một sự hi sinh sáng suốt,

tỉnh táo. Nếu đem cơ hội cho những người xấu xa, vụ lợi, đem sự giúp đỡ, độ lượng cho những kẻ hèn kém thì chẳng phải sự cho đi ấy là vô nghĩa hay sao?

Từ câu chuyện về chiếc lá vàng, mỗi người hãy tự mình nhận thức, biến hành động của chiếc lá thành lẽ sống của bản thân. Cần có bản lĩnh, tấm lòng đẹp, bao dung, độ lượng, lòng nhân ái để đem những gì tinh túy, tốt đẹp cho xã hội của chúng ta, cho những con người đang rất cần đến sự giúp đỡ ấy. Cho đi bằng sự chân thành, không đòi hỏi thì hạnh phúc sẽ tự đến với mọi người. Hãy thẳng thắn phê phán những kẻ còn quá ích kỉ, nhỏ nhen, sống trong vỏ bọc của mình mà vô cảm với người khác, thậm chí phê phán chính bản thân chúng ta nếu chúng ta là những người như thế. Hãy luôn cho mà không ghi nhớ và luôn nhận mà không lãng quên.

“Người giàu có không phải là người có nhiều, mà là người cho nhiều” (Erich Fromm). Qua câu chuyện về chiếc lá vàng, chúng ta học được bài học sâu sắc về sự cho đi trong cuộc sống. Sống trên đời này là để “in dấu trên mặt đất, in dấu trong tim người khác”, vậy nên hãy chọn mình lối sống phù hợp nhất để đem lại cho cuộc đời những gì tốt đẹp nhất. Là thế hệ trẻ, là những con người chịu trách nhiệm về tương lai của xã hội, chúng ta hãy tôi rèn bản thân để sống đẹp nhất, để cảm nhận hạnh phúc từ những hành động của mình:

“Đủ nắng hoa sẽ nở

Đủ yêu thương hạnh phúc sẽ đong đầy.

ĐỀ SỐ 9: Nghị luận về tình mẫu tử

BÀI LÀM

Có biết bao bài thơ lời ca đi cùng năm tháng viết về tình mẫu tử thiêng liêng. Đó là những tiếng lòng của mỗi người con gửi đến mẹ, là những niềm thương da diết trong trái tim người mẹ dành trọn cho con trên mỗi bước đường đời. Như nhà thơ Chế Lan Viên từng viết:

"Con dù lớn vẫn là con của mẹ

Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con."

Tình cảm thiêng liêng và đáng trân trọng nhất là tình mẫu tử. Trên đời này, điều gì cũng có thể dễ dàng thay đổi nhưng có lẽ tình mẫu tử là tình cảm mãi nguyên vẹn và tròn đầy, lớn lao, cao đẹp nhất.

Tình mẫu tử là tình cảm mẹ con ruột thịt, là tình thân bền chặt. Người mẹ suốt chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau, đợi chờ đứa con cất lên tiếng khóc chào đời cũng là lúc lòng mẹ thấy tự hào và sung sướng nhất. Mẹ dành trọn cuộc đời để cưu mang, dạy dỗ và nuôi nấng con nên người. Bao sự vất vả, gian lao, nhọc nhằn không làm mẹ mệt mỏi khi nghĩ về những đứa con yêu. Người mẹ dành trọn sự hi sinh thầm lặng lo cho con, những nếp nhăn hằn sâu trên trán, những đôi tay chai sần, làn da nắng rám ấy là bao nhiêu vất vả mà mẹ đã trải qua vì những người con. Nước biển bao la cũng không đong đầy sự hi sinh ấy, những người con lớn lên xinh đẹp, khỏe mạnh, tài giỏi đều từ bàn tay chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Tình mẫu tử ấy còn là tình cảm của những người con dành cho mẹ mình, đó là sự kính trọng, quan tâm, lo lắng khi mẹ ốm đau bệnh tật. Là sự yêu thương, chăm sóc mẹ khi về già, là sự nỗ lực phấn đấu từng ngày mang lại thành quả để mẹ có thể mỉm cười, an lòng, mãn nguyện.

Tình mẫu tử thật đẹp để biết bao! Tình cảm ấy dịu dặt tâm hồn ta, khiến ta cảm thấy được đủ đầy trọn vẹn, được hạnh phúc yên ấm. Mẹ như là ánh trăng dịu hiền, bao dung, thứ tha cho những lỗi lầm con trẻ của mỗi chúng ta, là những vì sao đêm dẫn lối ta mỗi bước trên đường đời. Mẹ là một điểm tựa tinh thần không thể thiếu cho mỗi

người con khi mệt mỏi hay những lúc yếu lòng. Là sức mạnh cổ vũ, động viên ta mỗi khi thất bại, khó khăn, nghĩ về mẹ ta càng thêm động lực để cố gắng. Những nỗ lực, những khát khao và ước mơ của những người con đều mang bóng dáng mẹ, là mục đích sống mỗi ngày tốt đẹp hơn, mỗi ngày cố gắng hơn để không khiến mẹ phải phiền lòng, mệt mỏi.

Đừng kiếm tìm tình mẫu tử trong những điều gì xa xôi hay quá đỗi lớn lao. Ngay đây thôi, nó hiển hiện trong cuộc sống hàng ngày, hàng giờ. Đó là sự vất vả, khó nhọc mẹ mang nặng đẻ đau con suốt chín tháng mười ngày để con có một hình hài vẹn tròn và đủ đầy; là những đêm mất ngủ bên giường con ốm; những giọt nước mắt mẹ rơi cùng con khi con phạm sai lầm,... Người ta hay nói “ở đời có vay có trả” nhưng riêng với mẹ, mọi sự hi sinh không bao giờ đòi hỏi bất cứ sự đền đáp nào, có chăng chỉ là mẹ mong *nhìn thấy nụ cười trên môi con mỗi ngày. Ơn sinh thành dưỡng dục ấy bảo ta làm sao trả hết:*

*“Ta đi trọn kiếp con người
Cũng không đi hết những lời mẹ ru”*
(Nguyễn Duy)

Nếu con là nguồn sống của mẹ thì mẹ mãi là thế giới, là điều đẹp đẽ nhất mà ông trời ban tặng cho những người con, tình mẫu tử mãi mãi gắn bó, yêu thương và mệnh mông rộng lớn. Vậy mà đâu đây, vẫn còn có những bà mẹ sẵn sàng phá bỏ đi đứa con của mình chỉ vì những ích kỉ của bản thân, giết chết đi sự sống của đứa trẻ khi đang mang hình hài trong bụng mẹ. Những đứa trẻ ấy thật tội nghiệp và đáng thương biết bao, chúng cũng cần được yêu thương, muốn được nghe lời ru của bà, được bú mớm dòng sữa ngọt ngào của mẹ. Vậy mà! Thật đau xót khi ngày ngày vẫn đầy rẫy tin tức những ca hút thai trên báo, trên truyền hình đầy xót xa. Tàn nhẫn hơn, có những bà mẹ sẵn sàng vứt bỏ đứa trẻ mình vừa sinh ra nơi sọt rác, bồn cầu hay ném con từ tầng cao xuống, một hành động thiếu lương tri khiến người người phẫn nộ. Một bộ phận khác đánh đập, đe dọa chính con mình. Hay những vụ con cái cãi bướng, ngược đãi, khiến ba mẹ buồn lòng. Nhiều bạn trẻ vì ham mê cờ bạc hút chích mà lâm vào lao lý khiến mẹ đau khổ, khóc không thành tiếng, nói chẳng nên lời. Còn gì thương tâm hơn! Đó là những hành động cần phải bị lên án mạnh mẽ, không một ai có quyền làm vắn đục đi tình mẫu tử thiêng liêng ấy, hãy sống trọn vẹn nhất có thể.

Ngoài kia, cuộc sống chảy trôi quá nhanh con người cũng vì vậy mà mãi miết và bị cuốn theo vòng xoáy lợi danh, tiền tài vật chất, tự bao giờ mà chúng ta không hề hay biết?. Có bao giờ bạn muốn dừng lại? Có bao giờ bạn thấy cuộc sống thật bế tắc quanh quẩn không thoát ra được? Có bao giờ bạn thấy cô đơn lạc lõng giữa thế giới rộng lớn này? Nếu có, hãy sống chậm lại một chút quay về bên vòng tay mẹ. Đó mãi mãi là vòng tay bình yên nhất, ấm áp nhất trong cuộc sống này. Và mỗi chúng ta, hãy sống sao cho xứng đáng với những giọt mồ hôi, hi sinh của mẹ, yêu thương và trân quý những phút giây còn có mẹ trên cõi đời này:

" Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc
Đừng để buồn lên mắt mẹ nghe không"

ĐỀ SỐ 10: Phát biểu suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự khác biệt trong cuộc sống.

BÀI LÀM

Tôi rất thích câu nói: **Sinh ra là một bản thể, đừng để chết như một bản sao** bởi câu nói đã đề cao sự khác biệt trong cuộc sống của mỗi người. Rõ ràng, bạn chẳng

thể nào thành công nếu bạn cứ đi theo lối mòn đã có sẵn hay cố gắng bắt chước một ai đó mà bạn luôn ngưỡng mộ. Chính sự khác biệt giúp chúng ta nhận ra chính mình và tìm kiếm được những hướng đi mới mẻ. Thành công chỉ đến nếu con đường bạn đi là con đường khác biệt. Một hướng đi mới tuy sẽ nhiều gian nan nhưng nếu bạn dũng cảm bước đi, bạn có thể tạo ra một con đường mới.

Sự khác biệt là những nét riêng, sự độc đáo được khẳng định, được đề cao gắn với đời sống của cá thể trong xã hội. Sự khác biệt có thể được thể hiện ở suy nghĩ, quan điểm, lối sống, hành động, cách ứng xử của bản thân với người khác.

Có thể thấy, sự khác biệt khiến con người thể hiện được bản sắc riêng, không bị hòa tan trong đám đông, trong cộng đồng. Edison sẽ không tài nào chế tạo được đèn điện nếu ông mãi làm theo những chỉ dẫn hiện có. Sự thật, ông đã dám phá vỡ các nguyên tắc, thử một lần khác biệt và ông đã thành công.

Trong cuộc sống, sự khác biệt giúp chúng ta có những suy nghĩ độc lập, táo bạo, thể hiện được cá tính của bản thân. Mỗi cá nhân là một thực thể với những màu sắc đa dạng. Sống khác biệt để tránh rập khuôn, một màu một cách sáo rỗng. Những suy nghĩ khác, góc nhìn về thế giới và mọi vật xung quanh sẽ tạo điều kiện con người tìm kiếm cơ hội vươn lên.

Chính nhờ sự khác biệt bạn đối với thế giới xung quanh khiến người khác quan tâm, tôn trọng bạn nhiều hơn. Họ tìm thấy ở bạn những giá trị tích cực, mới mẻ, cần quan sát và học hỏi. Sự khác biệt ở người khác luôn tạo cho ta động lực không ngừng vươn lên.

Vậy, bạn phải làm gì để tạo nên sự khác biệt? Để tạo nên sự khác biệt, trước hết, bạn phải tin tưởng ở bản thân mình và phát huy cao nhất những giá trị mình có, chớ đua đòi hay bắt chước người khác. Bạn luôn thay đổi tư duy, suy nghĩ về các vấn đề cũ, tạo cho mình cách tiếp cận, nhìn nhận mới mẻ về sự vật, hiện tượng. Và, dù trong bất kì hoàn cảnh nào, bạn phải không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện tạo nên những giá trị riêng biệt đóng góp cho cộng đồng, xã hội. Mặt khác, bạn cũng cần phải có sự bản lĩnh, tự tin, dám chấp nhận sự đánh giá của người khác đối với những khác biệt của mình với số đông.

Tuy nhiên, không phải sự khác biệt nào cũng có ý nghĩa. Có sự khác biệt có ý nghĩa tích cực nhưng cũng có những sự khác biệt có ý nghĩa tiêu cực. Sự khác biệt tiêu cực chính là sự kì dị, quái gở, phá vỡ những nét đẹp văn hóa truyền thống. Khác biệt của họ chỉ có một mục đích đó là làm cho mình thật nổi bật giữa đám đông. Chẳng xa lạ gì với cái kiểu tạo ra sự khác biệt một cách kịch cỡm trong trang phục của một số các bạn trẻ hiện nay. Hay lối sống khác biệt theo kiểu ta đây của một vài người trong xã hội. Họ cố tạo ra sự khác biệt tức thời chỉ để khoe mẽ bản thân, tiếp thị hình ảnh hay thậm tệ hơn là chỉ để thỏa mãn sở thích lập dị của mình. Bởi thế, đề cao sự khác biệt không có nghĩa là cổ vũ cho lối sống hẹp hòi, ích kỉ, chối bỏ trách nhiệm với cộng đồng.

Khác biệt là yếu tố cần thiết với mỗi cá nhân để tạo dấu ấn riêng trong cộng đồng. Nhưng sự khác biệt phải phù hợp với quy chuẩn đạo đức và thuần phong mỹ tục của xã hội. Người tạo ra sự khác biệt lớn nhất thường là người làm những điều nhỏ nhất

một cách kiên định. Có một sự khác biệt nhỏ giữa người và người, nhưng khác biệt nhỏ ấy tạo ra khác biệt lớn. Khác biệt nhỏ là thái độ. Khác biệt lớn là việc nó tích cực hay tiêu cực.

Ý nghĩa của sự khác biệt đối với cuộc sống con người là rất quan trọng, rất cần thiết. Bạn cần phải khác biệt, đừng sống bằng hình ảnh của người khác, điều đó chỉ làm bạn mờ nhạt mà thôi. Bạn đừng sợ vấp ngã, bởi con đường mới mẻ nào cũng đầy những gian nan. Hãy dũng cảm sống khác, hãy mạnh dạn khác biệt để khẳng định bản thân và tìm kiếm thành công trong cuộc sống này.

ĐỀ SỐ 11:

Nghị luận về quan niệm: “Sống không mục đích khác nào con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi mà không có la bàn”(J.Ruskin).

BÀI LÀM

Chuyện thành bại trong cuộc sống là lẽ thường tình, không ai thành công mà không thất bại lấy đôi lần. Nếu có những mục đích sống rõ ràng và biết phấn đấu cho những mục tiêu ấy thì dù có thất bại chúng ta cũng sẽ rút ra được những bài học, từ đó để có phương hướng thành công. Nhưng nếu như không có những mục đích rõ ràng, sống mông lung không chủ đích thì dù đạt được những thành tựu thì người ấy cũng chẳng thể cảm nhận được ý nghĩa của cuộc sống. Bàn về cách sống không mục đích, J.Ruskin đã nói: “Sống không có mục đích khác nào con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi mà không có la bàn”.

“Mục đích” là kết quả mà ta mong muốn, là điểm đích cuối cùng ta đạt được sau những cố gắng, nỗ lực. “Sống không có mục đích” là sống không có lí tưởng, sống không mơ ước và mơ hồ trong cuộc sống của chính mình. So sánh việc sống không mục đích với con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi không có la bàn nhằm nhấn mạnh sự vô định, mất phương hướng trong cuộc sống nếu không có mục đích sống rõ ràng, khi ấy con người ta không biết sẽ đi đâu về đâu, không biết mình muốn gì và sẽ làm gì.

Câu nói niệm “ Sống không có mục đích khác nào con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi mà không có la bàn” của J. Ruskin đã khẳng định vai trò của việc sống phải có mục đích.

Trong cuộc sống xã hội chúng ta, có người thành tài, sau này giúp ích được cho xã hội, nhưng có người mãi mê học tập nhưng vẫn không định hướng được tương lai cho sau này. Hoá ra là họ đã không có trong mình một mục đích sống, một lý tưởng sống để có thể tạo thêm động lực cho chính mình để tiến đến thành công. “Sống không mục đích khác nào con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi mà không có la bàn”. Quan niệm trên đã nói lên được rất nhiều điều về mục đích sống cần nên có ở mỗi người . Người sống không có mục đích sẽ trở thành người vô dụng, không thể giúp gì được

cho xã hội sau này cũng như mọi việc vì không làm được gì cả. Họ không đặt trong mình một mục đích xác định để mà tiến bước thì họ khó có thể thành công.

Những người không có khát vọng cao đẹp, không có mục đích lớn lao để có thể thay đổi bản thân mình thì họ sẽ trở thành những người tầm thường, họ sẽ có cuộc sống buồn tẻ và thật vô vị. Những người như thế đã làm cho đất nước chúng ta ngày một lạc hậu nếu họ cứ sống mà không có mục đích đúng đắn cũng nhưng chắc chắn.

Có mục đích, con người mới có động lực thúc đẩy trong công việc, họ có khát vọng để có đạt được mục đích mà họ đã đề ra, những mục đích tốt đẹp khiến cho họ có thể vui vẻ và lạc quan trong đời sống. Sống có mục đích sẽ giúp cho ta rất nhiều, nó sẽ soi sáng trên con đường mình đã đặt ra, nó sẽ dẫn dắt cho mình vươn lên đến thành công hoặc thất bại tùy vào người có mục đích như thế nào. Hành động thiếu mục đích thường không đạt được hiệu quả cao. Nếu chúng ta hành động một việc nào đó mà đã có sẵn trong mình một mục đích tốt đẹp, nó sẽ là phương hướng, dẫn dắt mình trong mọi hoạt động một cách suôn sẻ.

Người không có mục đích, con người sẽ trở nên thụ động, vô dụng, cuộc đời của những người đó sẽ không có sắc màu, dần dần mất đi hết ý nghĩa. Nhưng sẽ có người những người có mục đích được gọi là tầm thường nếu như họ chỉ nghĩ cho đến lợi ích cho bản thân mình, không quan tâm đến những người xung quanh họ, họ chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân, làm gì cũng chỉ cho bản thân, kết quả cũng chỉ có mình được có thì đó được gọi là mục đích tầm thường.

Bên cạnh đó, cần nên tuyên dương cho những người có mục đích vì dân tộc, họ đề ra mục đích thật vĩ đại đó là chiến đấu giặc ngoại xâm để mang lại độc lập dân tộc. Chẳng hạn như các anh hùng: Trần Hưng Đạo, Hoàng Văn Thụ, Hai Bà Trưng, Quang Trung, Nguyễn Trãi,... họ đã có một mục đích thật to lớn để có thể bảo vệ được cho dân tộc ta, chiến đấu hết sức mình chỉ muốn mang lại hoà bình cho đất nước mình. Công lao của họ thật to lớn, vì thế đã được nhân dân ta ca tụng và ghi ơn họ rất nhiều.

Mục đích tốt đẹp của con người không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả quá trình rèn luyện và phấn đấu cho bản thân, là kết quả của sự chăm chỉ lâu dài trong quá trình họ đã cố gắng. Hãy cố gắng phấn đấu để có thể đạt được hiệu quả tốt trong mọi việc. Trong mỗi con người ta, cần nên có sẵn cho mình một mục đích nào đó để ta có thể thực hiện, dùng nó là động lực, là bàn đạp để đưa ta lên một tầm cao mới.

Chẳng hạn như trong học tập, có người từng hỏi : “Học để làm gì ?“ nếu như chúng ta không có mục đích cho việc học tập chúng ta có thể dễ bị nhụt chí. Quá trình từ lớp một đến lớp mười hai là một khoảng thời gian dài trong cuộc đời học sinh cần trải qua, là một quá trình dài đầy gian nan, mệt mỏi, nhưng chỉ cần có được mục đích cho riêng bản thân, chúng ta có thể vượt qua được điều đó. Học để mai sau này có thể bước vào đời có một vốn kiến thức để có thể trở thành người có ích.

Thế nhưng, ta cũng chẳng thể làm nên điều gì vĩ đại nếu mục đích của ta tầm thường. Mục đích vĩ đại không phải là cái gì lớn lao cả mà chỉ đơn giản là điều ta đang hướng tới có phải là vì sự tiến bộ của nhân loại hay không. Nếu mục đích là hướng đến những lợi ích của bản thân thì đó là mục đích nhỏ hẹp. Nếu mục đích ta đang hướng tới tầm cao nhân loại, rất có thể ta sẽ làm nên những điều lớn lao mà ta cũng không thể ngờ tới được. Có thể ta sẽ thất bại nhưng sau khi đã rất cố gắng. Còn nếu chúng ta chưa từng cố gắng thì ta luôn luôn là người thất bại.

Trong cuộc sống chúng ta, ai ai cũng cần có mục đích cho riêng mình, cần nên có lý tưởng sống cho riêng mình để mình có thể tự làm chủ bản thân, dễ dàng tiến bước đến thành công trong tương lai sau này của mình. Tùy vào mục đích của mình đặt ra, nó sẽ quyết định được cuộc sống bạn đều nhờ vào mục đích ấy. Sống không mục đích nghĩa là bạn đã bỏ rơi cuộc đời bạn trong mệnh mông mẫm tố.

ĐỀ SỐ 12: Phát biểu suy nghĩ của em về câu nói của nhà thơ Tố Hữu: “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”.

BÀI LÀM

“Sống trên đời sống cần có một tấm lòng

Để làm gì em có biết không

Đề gió cuốn đi”

Tình cảm là yếu tố vô cùng cần thiết trong cuộc sống con người. Nhờ có tình cảm cuộc sống mới trở nên có giá trị và ý nghĩa. Mỗi người chúng ta phải luôn biết trao đi yêu thương, sẻ chia với mọi người xung quanh như nhà thơ Tố Hữu đã từng tâm niệm: “ *Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình*”.

Đây là một câu nói nổi tiếng và có sức lan tỏa mạnh mẽ. Ý nghĩa mà câu nói muốn nhấn nhủ đến đó là: Mỗi chúng ta hãy luôn biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ mọi người xung quanh. Mọi người phải luôn mở rộng tấm lòng, mở rộng vòng tay để cứu mang giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn. Sự cho đi ở đây có thể là vật chất có thể là tinh thần giản đơn. Bản thân không được toan tính thiệt hơn, hẹp hòi ích kỷ cá nhân mà lúc nào cũng phải suy nghĩ đến lợi ích chung tập thể. Sống không chỉ riêng cho bản thân mà phải sống vì cộng đồng, vì xã hội, sống có ý nghĩa.

Tại sao lại như vậy, bởi cuộc sống ta tồn tại là sự kết tinh đan xen của nhiều yếu tố, nhiều chủ thể chứ không riêng một cá thể đơn nhất nào. Bởi vì lẽ đó chúng ta phải luôn biết đoàn kết, yêu thương lẫn nhau hỗ trợ nhau cùng phát triển, có như thế thì cuộc sống mới dung hòa, đồng bộ và phát triển đi lên được.

Đây là một lẽ sống nhân văn cao đẹp. Sống với tâm hồn yêu thương, đong đầy sẻ chia khiến con người ta yêu đời hơn, lạc quan vui sống. Sống biết cho đi sẽ làm hồng cuộc sống ta, khiến tâm hồn ta nhẹ nhàng, thư thái. Hơn nữa sống ý nghĩa như vậy còn

giúp ta nhận lại được tình cảm quý mến kính trọng từ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và mọi người xung quanh. Đôi khi chính sự nhiệt thành của ta còn giúp ích trong công việc hay sự nghiệp sau này. Sống với một tấm lòng chan chứa yêu thương, không ngại khó ngại khổ luôn sẵn lòng với mọi người xung quanh cũng giúp ta trưởng thành hơn trong cả suy nghĩ và hành động, từ đó dần hoàn thiện chính bản thân mình, đóng góp xây dựng xã hội. Điều ấy thật có nghĩa và đáng trân trọng biết bao.

Trong cuộc sống ngày nay có rất nhiều tấm gương tiêu biểu cho tinh thần này như màu áo xanh tình nguyện có lẽ đã rất đời quen thuộc đối với mỗi chúng ta. Những trưa tháng 6 oi ả những anh chị ấy chẳng ngại vất vả đi tiếp nước giấy bút phục vụ các sĩ tử và người nhà đi thi. Những chuyến xe ôm tiếp sức mùa thi luôn được huy động đông đảo đưa đón tận tình các em đi thi. Họ chẳng được hưởng bất cứ thù lao hay một khoản hỗ trợ nào cả. Họ đơn giản chỉ là vì sự nhiệt tình vì tình yêu thương và để viết nên một tuổi trẻ có ý nghĩa. Hay cứ đến ngày 31/12 hằng năm Đài truyền hình Việt Nam lại long trọng tổ chức chương trình Nối Vòng Tay Lớn để gây các quỹ tình nguyện ủng hộ những mảnh đời bất hạnh, cơ nhỡ trong cuộc sống. Những quán cơm bình dân tình nguyện hay những dãy trọ giá rẻ được dựng lên cho những số phận bất hạnh, khó khăn, tha hương cầu thực sinh hoạt, làm ăn. Biết bao quỹ từ thiện cứu trợ được thành lập và tổ chức trên mọi miền đất nước. Chính những con người nhân ái ấy đã làm cho cuộc sống này có ý nghĩa và phát triển hơn.

Trái ngược lại với tấm lòng nhân hậu cao cả ấy là một số không ít các bạn trẻ cậy thế gia đình yêu chiều, có điều kiện, không chịu khó học hành, suốt ngày chỉ ham lo bài bạc, tiêu khiển. Đó còn là những con người ích kỉ, suốt ngày chỉ biết nghĩ đến lợi ích cá nhân, vì lợi ích bản thân có thể sẵn sàng trả đũa lên lợi ích người khác, thậm chí hãm hại người khác để đạt được mục đích bản thân. Không biết bao nhiêu vụ việc trộm cắp tài sản, lừa đảo, tham nhũng lên đến hàng chục tỉ đồng được lên án phanh phui. Và rồi cả thái độ thờ ơ, dửng dưng với người hoạn nạn. Mới gần đây trên mạng xã hội có phát tán một đoạn video clip ghi lại được hình ảnh một nhóm các bạn sinh viên mặc áo cờ đỏ hát bài Việt Nam ơi nhưng lại dửng dưng với cụ già đang bị kẻ xấu ức hiếp ở gần đó. Thử hỏi như thế có xứng đáng hay không? Những con người ấy chính là những con sâu đục khoét, họ sống một cách vô nghĩa, đáng phê phán và bài trừ khỏi xã hội phát triển này.

Tạo hóa ban cho chúng ta được sống là điều vô cùng giá trị, vì thế chúng ta phải biết sống sao cho đáng được sống. Mỗi chúng ta phải luôn biết yêu thương, đồng cảm, giúp đỡ những người xung quanh. Thấy hoạn nạn, khó khăn không được dửng dưng đứng nhìn. Sống lành mạnh, có định hướng tích cực. Sống không chỉ cho riêng bản thân mình mà phải sống vì cộng đồng. Chúng ta phải luôn cố gắng học tập, trau dồi

tri thức để có thể đóng góp cho xã hội, xây dựng đất nước ngày càng văn minh tốt đẹp.

Đúng như Tố Hữu đã khẳng định “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”, chúng ta đừng ích kỉ mà phải biết cho đi, phải biết cống hiến để đem đến những điều có ý nghĩa cho cuộc sống. Câu nói trên cũng là lời răn dạy chúng ta cách sống đúng đắn, biết yêu thương, san sẻ tình yêu thương với tất cả mọi người trong xã hội. Đó chính là tình cảm chân thành, đáng quý để mỗi chúng ta sẽ có được cuộc sống tươi đẹp, lối sống đẹp, ý nghĩa như lời bài hát:

Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui

Chọn những bông hoa và những nụ cười...

(Trịnh Công Sơn)

ĐỀ SỐ 13: Henry Van Dyke đã có câu nói: “ Có một khát vọng còn cao quý hơn cả việc được đứng đầu trong thiên hạ , đó là việc cúi xuống để nâng đồng loại của mình lên cao hơn.” Hãy cho biết suy nghĩ của bạn về câu nói này?

BÀI LÀM

Khi tôi đang rất bức mình vì chuyện người bạn đã cư xử không tốt với mình, vô tình, tôi lại thấy hai người bạn cười đùa vui vẻ, trêu chọc nhau trong khi họ vừa cãi nhau một trận kịch liệt ngày hôm qua, tôi bỗng dung nghẹn lại. Đúng vậy, khi tôi tưởng chừng như mọi thứ đang sụp đổ ngay trước mắt, lại thấy người ta dễ dàng mà quên đi. Khi tôi cứ ích kỉ giữ mãi mối thù hằn vào bên trong trái tim mình, thì người ta đã có thể thanh thản mà đón nhận nó. Tất cả chỉ bởi một lí do đơn giản, đó là họ có tấm lòng vị tha và cao thượng. Chính bởi lẽ đó mà Henry Van Dyke đã có câu nói: “ Có một khát vọng còn cao quý hơn cả việc được đứng đầu trong thiên hạ, đó là việc cúi xuống để nâng đồng loại của mình lên cao hơn.”

“Hãy tha thứ và hãy quên”, lòng vị tha và sự cao thượng là hai thứ cần thiết và quan trọng để tạo nên tình người. Với khát vọng cao quý và tuyệt đẹp, con người ta luôn muốn hướng đến sự hoàn thiện về cả tâm hồn lẫn thể xác, thành công trong công danh sự nghiệp và hướng thiện. Chính vì lẽ đó, lòng vị tha và sự bao dung là điều quan trọng hơn bao giờ hết. Đó là sự giao hòa cảm xúc, lòng trắc ẩn thiêng liêng nhất của một con người đến với một trái tim, là tấm lòng cùng tinh thần chăm lo một cách vô điều kiện đến người khác, có thể vì người mà hi sinh bản thân mình.

Tại sao lại cần có lòng vị tha? Vì đó là đức hi sinh, là tinh thần trọng nghĩa, là biểu hiện tốt đẹp nhất của đạo lí làm người. Lòng vị tha và bao dung đem đến cho lòng người sự thanh thản trong tâm hồn, sự yên bình trong giấc ngủ say, hạnh phúc và hơn cả là tình yêu thương giữa con người đến với con người. So với việc giẫm đạp lên nhau, vụ lợi, bon chen lẫn nhau để được là người đứng đầu trong thiên hạ, đứng một mình trên đỉnh cao mà không có sự yêu thương, lạc lõng, cô đơn, thậm ghen tị, khao khát được yêu thương, tại sao chúng ta không chọn cách cúi xuống để nâng đồng loại của mình lên cao hơn, để ta và bạn cùng cố gắng phấn đấu, để ta và bạn vừa có thể là đối thủ cạnh tranh công bằng, vừa có thể là bạn tốt của nhau?

“Lòng vị tha” , cụm từ ấy dường như đã quá quen thuộc bên mỗi trang sách, cuốn truyện, trong những câu chuyện làm người của một ai đó, là chủ đề quen thuộc trong thế giới văn học. Lòng vị tha và bao dung luôn đan xen trong cuộc sống của mỗi chúng ta từ những hành động rất vụn vụn. Khi ta quyết định tha thứ lỗi lầm cho một ai đó, khi đó ta đã đem lòng vị tha của mình trao đi. Khi một người mẹ sẵn lòng cầm roi quật mạnh vào tấm da thịt của người con, rồi một lúc sau lại sẵn lòng lấy tay lau đi những giọt nước mắt mặn nồng trên đôi gò má, khi một đứa em nghịch ngợm làm rách chiếc váy đẹp nhất của chị, nó rồi rít xin lỗi và những giọt nước mắt hối hận chảy ra, chị không quan tâm và giận tím mặt quay đi, nhưng khi quay lại , thật kì diệu thay, một cây kẹo mút được cầm trên tay cùng nụ cười tươi dễ dàng tha thứ. Đúng vậy, đó là những công việc hằng ngày diễn ra một cách thoải mái và vô tư như vậy, bởi vì một lẽ, ta đang “cúi xuống để nâng đồng loại của mình lên cao hơn.”

Tôi nhớ, ó một câu chuyện kể rất hay về hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Khi tranh luận xảy ra, một trong hai người bạn không kiềm chế được đã dùng những lời miệt thị xúc phạm người kia. Anh cảm thấy bị xúc phạm và không nói gì cả, chỉ viết lên cát: “Hôm nay người bạn của tôi đã làm khác đi những gì tôi nghĩ.” Họ đi tiếp và cho đến khi người bạn bị xúc phạm gặp nạn và được người kia cứu, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá:” Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi.” Lòng vị tha và bao dung còn giúp ta có thêm những người bạn tốt. “Nếu như bạn muốn thấy sự dũng cảm, hãy nhìn những người biết cách tha thứ.” “Khi ta sẵn lòng quên đi những vết thương lòng và mạnh mẽ mở lòng đón nhận những lỗi lầm của người khác, quên đi bao niềm đau và vết thương đã tạo nên khoảng cách giữa hai người, thì khi ấy, bạn là người dũng cảm cùng vết sáng lấp lánh trong đôi mắt người ,

Một người mẹ, người vợ luôn tận tảo trong gia đình, dùng cả trái tim lẫn tình yêu thương hòa quyện vun đắp vào từng món ăn, chăm lo cho mọi thành viên trong gia đình mà nào có kêu than. Một người lính tay giơ cao cây súng sẵn sàng tuyên thệ hi sinh cả tuổi thanh xuân cùng tình yêu lứa đôi của mình để tham gia kháng chiến chống ngoại xâm nơi biên thùy, anh đã dùng lòng vị tha và bao dung để đổi lấy sự bình yên cho đất nước. Người mẹ già ngày đêm mòn mỏi trông con trở về, người mẹ ấy đã làm một công việc vĩ đại là động viên con đi lính để bảo vệ đất nước, để bây giờ bà ngóng đứa con từng phút từng giây mà trong lòng vẫn trào dâng niềm hạnh phúc, bà mẹ ấy xứng đáng là người phụ nữ anh hùng. Tất cả, tất cả, họ đang chỉ làm theo sự dẫn dắt của trái tim và sự đồng cảm giữa tâm hồn, họ không ngại ngần mà trao đi lòng vị tha và bao dung, không ngại ngần mà “cúi xuống để nâng đồng loại của mình lên cao hơn”. Họ làm được, chẳng lẽ chúng ta lại không thể? Không phải cứ việc làm vĩ đại mới xây dựng lên lòng tốt, không phải cứ việc làm vĩ đại mới được đón nhận, mà khi ta trao đi lòng vị tha và bao dung, ta sẽ được sống chan hòa trong tình yêu thương và niềm hạnh phúc, xã hội sẽ không còn những bất công ,vụ lợi và lăm bon chen, những cay đắng cùng niềm đau sẽ qua đi nếu ta có lòng vị tha.

Đồng tiền luôn có hai mặt phải trái, bàn tay cũng có mặt úp mặt ngửa, bát cơm có khi đầy khi vơi, và lòng vị tha thì luôn song hành cùng lòng vị kỉ. Lòng vị kỉ xuất phát từ chính sự ích kỉ của bản thân, chỉ biết chăm lo cho lợi ích của riêng mình, có thể vì lợi ích của mình mà sẵn sàng chà đạp, hủy diệt người khác để vụ lợi cho bản thân. Lòng vị kỉ có thể giết chết nhân cách của một con người, có thể gây nên sự thờ ơ, vô cảm, lạnh lùng, toan tính và tham lam, để rồi từ đó con người sống tách biệt với thế giới bên ngoài, trái tim luôn đè nặng những tảng đá vô hình với nhiều trăn trở, suy ngẫm và dằn vò rất nhiều, để rồi từ đó không tìm lại được sự bình yên và thanh thản trong tâm hồn. Ngày nay, một bộ phận giới trẻ Việt Nam cũng đang tồn tại tình trạng của

lòng vị kỉ. Họ không biết đến yêu thương con người, học cách tha thứ và bao dung cho nhau mà ngày càng thờ ơ, vô cảm với thế giới xung quanh. Thật dễ dàng nhận thấy một nhóm nữ sinh đang túm đầu giật tóc, đánh nhau, làm những hành động thiếu văn minh nơi lứa tuổi học trò và những con người đứng xung quanh thì tùm năm tùm ba chen nhau hò hét, quay video, cổ vũ, hay chỉ một câu nói sáo rỗng vu vơ thôi cũng đủ để gây nên một cơn đại hồng thủy đánh nhau đến sứt đầu mẻ trán, tất cả thật đúng với câu nói của Erich Fromm :” Những người ích kỉ không có khả năng yêu người khác, và họ cũng không có khả năng yêu chính bản thân mình.”

Lòng vị tha và bao dung là yếu tố rất cần thiết trong cuộc sống. Hãy sống và biết yêu thương, hãy coi việc “ cúi xuống để nâng đồng loại của mình lên cao hơn” là một điều vinh hạnh và là niềm vui trong cuộc sống. Không ai trong chúng ta sinh ra đã hoàn hảo cả, và chẳng ai sống mà không có tình yêu thương và lòng vị tha. Vì vậy, mỗi chúng ta hãy nên tự ý thức và trách nhiệm với bản thân mình hơn. Hãy sống một cuộc sống thanh thản, đừng bon chen và vụ lợi để đứng đầu thiên hạ, mà hãy làm việc mà con tim mình cho là đúng đắn. “Một đóm lửa sẽ chia là một đóm lửa lan tỏa”. Ngày hôm nay, nếu như bạn chưa sẵn lòng tha thứ cho một ai đó, hay chưa đủ dũng cảm để đến gặp và làm lành với một ai, vậy thì hãy cố gắng lên, hãy là một đóm lửa nhỏ và tôi sẽ là ngọn gió truyền lửa cho bạn, hãy thổi bùng và lan tỏa đến mọi ngõ ngách trong trái tim và tâm hồn người đó nhé, vì “Yêu thương sẽ ngọt ngào hơn nếu ta cho đi lòng vị tha”.

ĐỀ SỐ 14: Nghị luận về lòng biết ơn trong cuộc sống.

BÀI LÀM

Mỗi chúng ta sinh ra đều có nguồn cội. Ông cha ta có câu “ Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Chỉ hai câu đơn giản đã khắc họa được tầm quan trọng của lòng biết ơn. Khuyến chúng ta nhớ đến cội nguồn những bậc sinh thành đã sinh ra ta, cho ta cuộc sống tốt đẹp với sự biết ơn sâu sắc nhất. Không ai trên đời tự nhiên được sinh ra đời, chúng ta đều có nguồn cội có cha mẹ sinh ra nuôi dạy dưỡng dục ta khôn lớn và thành công như ngày hôm nay. Chính vì vậy chúng ta phải biết ơn, đền đáp công lao to lớn và sự hi sinh thầm lặng của đấng sinh thành.

Để có nền độc lập, đất nước thái bình như hiện giờ thì dân tộc ta phải trải qua muôn vàn khó khăn gian khổ, bốn ngàn năm đô hộ giặc tàu, tám mươi năm đô hộ giặc tây, phải gánh chịu biết bao đau thương, mất mát người thân gia đình, đồng đội. Chủ tịch Hồ Chí Minh từ căn dặn rằng: “Máu đào của các liệt sĩ đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ đã chuẩn bị cho đất nước ta nở hoa độc lập, kết quả tự do. Nhân dân ta đời đời ghi nhớ công ơn các liệt sĩ”. Các anh hùng liệt sĩ, họ đã hy sinh vì sự nghiệp độc lập thống nhất đất nước của dân tộc ta họ đã phải cả tính mạng của bản thân để lấy sự vinh quang cho nước nhà. Để biết ơn những công lao to lớn đó đảng ta đã chọn ngày 27-07 hằng năm để làm ngày Thương binh liệt sĩ để vinh danh những tấm gương anh hùng, liệt sĩ đã hy sinh bản thân mình cho sự nghiệp độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, để cùng tưởng nhớ công lao của các chiến sĩ anh hùng cách mạng.

Do đó mỗi chúng ta được ăn no, mặc đẹp, được học tập phát triển ổn định như ngày hôm nay là nhớ các chiến sĩ cách mạng, hãy ghi nhớ công ơn của họ, hãy nhìn về quá khứ để hiểu được thành quả của ngày hôm nay là điều không dễ dàng có được.

Trong kho tàng ca dao, tục ngữ dân tộc, ông cha ta đã nhắc nhở mỗi người về lòng biết ơn “ Tôn sự trọng đạo”, “ Muốn sang thì bắt cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy” tỏ lòng biết ơn với thầy cô đã truyền đạt kiến thức cho chúng ta để có được thành công như hôm nay. Ngày 20/11 ngày nhà giáo Việt Nam là ngày kỷ niệm được tổ chức hằng năm đây được xem là lễ hội của ngành giáo dục, ngày tôn sự trọng đạo nhằm mục đích tôn vinh những giáo viên đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy trong sự nghiệp trồng người. Những ngày này học sinh thường tặng hoa và biểu quà cho các thầy giáo để tỏ lòng biết ơn đối với các thầy cô kính yêu của mình.

Không ngẫu nhiên mà nước ta có ngày 10/3 ngày giỗ tổ Hùng Vương để nhớ công ơn dựng nước ông ta cha có câu dành riêng cho ngày lễ trọng đại này: “dù ai đi ngược về xuôi, nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba”. Lòng biết ơn được thể hiện rất nhiều trong cuộc sống trong cuộc sống hàng ngày, đơn giản chỉ là lời nói cảm ơn với những ai sẵn sàng giúp đỡ, thể hiện qua hành động thực tế như biết ơn công ơn sinh thành của cha mẹ là phải phụ giúp việc nhà san sẻ một phần cơ cực của ba mẹ, cố gắng học tập thật giỏi để không phụ lòng thầy cô giáo. Mỗi cá nhân phải biết thể hiện tấm lòng mình với người đã giúp đỡ mình trong lúc gặp khó khăn, hoạn nạn. Mặt khác sẵn sàng giúp đỡ những người xung quanh để xã hội ngày càng trở nên tốt đẹp hơn.

Lòng biết ơn là một trong những truyền thống đạo lí của dân tộc ta từ bao đời nay được ghi ấn trong tiềm thức của mỗi người, thể hiện rõ tinh thần hết sức tốt đẹp, sâu sắc và trường tồn mãi theo thời gian. Nhờ sự khắc ghi và tưởng nhớ công ơn của thế hệ cha ông đi trước phải biết trân trọng, nâng niu, giữ gìn và phát huy mãi về sau. Để có được cuộc sống hạnh phúc, ấm no sống trong nền hòa bình như ngày nay đều trải qua quá trình lao động, sản xuất chăm chỉ, tinh thần đoàn kết để hướng về một tương lai tốt đẹp. Những con người tần tảo, chịu thương chịu khó không ngại khó khăn, cực nhọc để cống hiến cho tổ quốc thân yêu. Quá trình xây dựng nước nhà phát triển được như hiện tại là không hề đơn giản mà đạt được họ phải trải qua những ngày lao động mệt nhọc, thấm đẫm mồ hôi nước mắt thậm chí là sự hi sinh mất mát vô cùng to lớn. Những hạt lúa hạt gạo dẻo thơm mà hằng ngày ta thưởng thức cũng trải qua một quá trình chăm sóc, vun trồng, bón phân mới có được. Người nông dân đã dãi nắng dầm sương, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời đã làm ra nó. Chúng ta phải trân quý và không được lãng phí những thành quả đó cũng thể hiện lòng biết ơn.

Tuy nhiên trong thực tế xã hội không phải ai cũng mang trọng người có lòng biết ơn từ tâm, một số người họ sống vô ơn với những người tổ sẵn sàng ra tay giúp họ. Chỉ biết nghĩ lợi ích cho riêng mình, không nhớ đến sự giúp đỡ của người khác để đền đáp trả ơn. Những câu ca dao nói lên sự vô ơn: “Ăn cháo đá bát, qua cầu rút ván, vong ơn bội nghĩa...”

Thực tế cuộc sống còn nhiều biểu hiện không tôn trọng, thậm chí xúc phạm hoặc đánh đập cha mẹ của họ. Người xưa có câu: “Nhà có người già như có báu vật” được phụng dưỡng cha mẹ già chính là một phúc phận lớn của những người con. Vậy mà nhiều người con xem điều ấy là gánh nặng, ruồng bỏ, từ bỏ trách nhiệm không làm tròn đạo hiếu làm con của mình. Không phải tự nhiên mà “bách thiện hiếu vi tiên”, chữ hiếu luôn là nhân tố hàng đầu để đánh giá phẩm chất và đức hạnh của con người. Sống trọn đạo hiếu sẽ được mọi người ca tụng, là tấm gương sáng cho con cháu noi theo. Ngược lại, những ai không thể làm tròn đạo Hiếu cũng chính là tự cắt đứt nhân duyên tốt lành của chính mình. Đến công lao sinh thành dưỡng dục của các đấng sinh thành còn

có thể phủ nhận, họ làm sao có thể trân trọng thiện ý và tấm lòng từ những người xung quanh. Thực tế nhiều người sống qua cầu rút ván ẹn biểu hiện khi họ khó khăn cần vay tiền, bản thân mình có lòng tốt giúp đỡ. Tuy nhiên khi đến hạn trả tiền họ lại trốn tránh, cắt đứt liên lạc để không phải trả tiền, lòng tốt đã bị người vô ơn làm mất lòng tin. Chúng ta cần lên án, phê phán những hành động cần phải được bài trừ ra khỏi xã hội. Cuộc sống chẳng còn tốt đẹp và ý nghĩa khi con người quên đi lòng biết ơn, biến con người ta thành những người vô cảm, thờ ơ, vô tâm.

Giới trẻ ngày nay là thế hệ mang trọng trách to lớn để đưa nước ta đến một tầm cao mới. Các bạn phải giữ gìn, phát huy truyền thống quý báu đó là lòng biết ơn mà ông cha từ xưa để giữ gìn đến ngày nay. Chúng ta luôn nhớ công lao to lớn của những anh hùng cách mạng đã giữ nền hòa bình, nhớ công ơn sinh thành hiếu thảo với mẹ cha, nhớ những người tốt đã giúp đỡ mình khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Đây là những hành động rất thiết thực không quá khó để thực hiện.

Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây chính là nét đẹp, bản sắc, đạo lý vô cùng quý báu của dân tộc ta. Hãy cùng gìn giữ và quý trọng, hãy sống sao để tưởng nhớ, biết ơn, mở rộng trái tim nhân hậu của chúng ta để cùng tạo nên những trang sử mới tốt đẹp cho dân tộc Việt Nam. Những ai có lòng biết ơn sẽ thấy tâm trạng thoải mái, an nhiên, thấy cuộc sống vui tươi, hạnh phúc, nhân ái hơn. Lòng biết ơn là phẩm chất đáng quý tạo nên đức hạnh tốt đẹp cho mỗi người. Sống sao cho trọn tình trọn nghĩa với những người có lòng tốt giúp đỡ, nuôi nấng mình chắc chắn các bạn sẽ nhận lại được muôn vàn điều tốt đẹp hơn trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

ĐỀ SỐ 15: Phát biểu suy nghĩ của em về câu nói của John Mason “Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao”.

BÀI LÀM

Chơi vơi giữa dòng nước lũ, tôi cần một khúc gỗ để bám víu, một mình giữa hoang mạc rộng lớn, tôi cần một ngụm nước để tồn tại, còn nếu lạc giữa rừng sâu tôi cần một chiếc la bàn để tìm ra phương hướng. Người ta bảo rằng nước lũ, hoang mạc, rừng sâu chính là những khó khăn trong cuộc sống mà con người ta hay vấp phải; còn khúc gỗ, ngụm nước, la bàn chính là kim chỉ nam, là triết lý sống con người cần có để vượt qua những khó khăn ấy. Vậy triết lý sống của bạn là gì? Riêng tôi, tôi chọn câu nói của John Mason làm triết lý sống cho mình: “Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao”.

Có thể hiểu triết lý sống là những điều được rút tĩa bởi trải nghiệm, như một quan niệm nền tảng, cốt lõi trên cơ sở nhìn nhận điều gì là nguồn cội tâm thế, giá trị tinh thần, sức mạnh ứng xử được phát biểu ngắn gọn, xúc tích như một tín điều, làm kim chỉ nam cho cách xử thế, hành động hay lối sống của một cá nhân hay một cộng đồng. Còn “nguyên bản” là bản gốc, bản đầu tiên. “Mỗi người sinh ra là một nguyên bản” có nghĩa là mỗi người sinh ra là một cá thể riêng biệt, duy nhất độc đáo. Bản sao là theo bản gốc mà sao ra. “Đừng chết như một bản sao” là đừng lặp lại, bắt chước, nói theo, nghĩ theo để trở thành bản sao của người khác. Ý nghĩa câu nói của John Mason là

mỗi người sinh ra trên đời cần giữ được bản sắc riêng của mình trong suốt hành trình cuộc sống.

Trời sinh ra không ai giống ai. Mập ốm, lùn cao, vẹt, thiên nga không phải là vấn đề. Bởi lẽ vẹt có giá của vẹt cũng như thiên nga có giá của thiên nga. Tôi sinh ra không xinh đẹp, tài năng nhưng tôi luôn tìm cách để hoàn thiện bản thân mình. Không phải là thiên tài hay bác học nên không thể đóng góp cho nhân loại những tri thức mới, những phát kiến sáng tạo độc đáo, nhưng hằng ngày, hằng giờ tôi vẫn sống và tiếp thu những tri thức ấy một cách có hiệu quả. Không phải là một nghệ sĩ tài hoa nên chẳng thể đem giọng hát của mình góp vui cho nhân loại, hay dùng đôi tay này để vẽ nên những bức họa ngàn đời sinh động, nhưng tôi vẫn luôn sống vui vẻ và chăm chỉ thưởng thức những tác phẩm ấy và đánh giá chúng. Giống như Everett Hale từng nói: “Tôi chỉ là một, nhưng tôi vẫn là một người. Tôi không thể làm tất cả mọi thứ, nhưng chí ít tôi cũng làm được một việc nào đó, và vì tôi không thể là tất cả mọi việc, nên tôi sẽ chẳng từ chối làm những gì mình có thể”. Vì vậy mỗi người trong chúng ta cần giữ được nét riêng của mình. “Sinh ra là duy nhất, đừng sống là bản sao”.

Những ngày còn bé, tôi mê tí các nhân vật trong truyện Doremon. Đặc biệt là những tập truyện dài Doremon cùng những người bạn là Nobita, Chaiken, Xuka và Xeko phiêu lưu đến những thế giới khác ngoài Trái Đất và gặp những nhân vật có những đặc điểm rất giống với Doremon, Nobita, Chaiken, Xuka và Xeko ngoài đời thực. Nhưng tính cách thì không phải vậy, mỗi nhân vật có một tính cách đặc trưng: hung dữ, hiền lành, nhu mì,... Đọc những câu chuyện hay ấy tôi lại càng thấm câu nói của John Mason hơn. Cứ thử nghĩ xem nếu mọi người đều nói và nghĩ giống nhau thì há chẳng phải cuộc sống sẽ mất đi sự phong phú, đa dạng và dần trở nên đơn điệu, buồn tẻ hay sao?

Tương truyền rằng Chúa trời tạo ra con người với những hình hài khác nhau, tính cách khác nhau cũng bởi vì muốn cuộc đời thêm phong phú và đa sắc màu. Ví như hai người cùng đứng trước phong cảnh núi Phú Sĩ hùng vĩ và tráng lệ. Người thứ nhất khi nhìn thấy cảnh đẹp ấy thì vỗ tay hoan hô. Còn người thứ hai khi nhìn thấy cảnh ấy thì chỉ nói: “Thì ra là vậy.” rồi quay mặt bỏ đi. Nhiều người cho rằng người thứ hai vô tâm, không có khiếu thẩm mỹ. Nhưng tôi lại nghĩ khác, tôi cho rằng người thứ hai hoàn toàn bình thường. Việc anh ấy không reo hò như người thứ nhất bởi lẽ rất đơn giản vì đối với anh ấy phong cảnh núi Phú Sĩ không đẹp như những phong cảnh mà anh ấy từng thấy hoặc chưa thấy. Cùng đứng trước một sự vật, nhưng có đến hai cách nhìn, hai cách phản ứng khác nhau. Thái độ của hai người trước cảnh núi Phú Sĩ của Nhật Bản cho ta thấy phần nào tính cách của hai con người ấy. Mà nói theo John Mason thì đó chính là “nguyên bản”. Phần gốc rễ mà con người cần gìn giữ để không bị nhầm lẫn trong guồng quay cuộc sống.

Tuy nhiên, giữ gìn nét riêng không có nghĩa là cố gắng tỏ ra nổi bật hơn thiên hạ bằng những hành động lỗ lã, quá khích, ăn mặc quá “khác người” để bị xem là dị nhân. Giữ được cá tính của mình là không sai nhưng việc gì cũng có giới hạn của nó, cần có điểm dừng cho mọi suy nghĩ và hành động. Chẳng hạn như trong một cuộc họp cổ đông quan trọng, mọi người đưa ra chiến lược phát triển kinh tế. Trong những trường hợp thế này thì việc bộc lộ cá tính là điều cần thiết. Tự tin đưa ra sáng kiến mà mình

đã dày công chuẩn bị chứ không ngồi yên một chỗ làm con lật đật ai nói gì, làm gì cũng gât. Thế nhưng nếu ở trường hợp ngược lại, sáng kiến của ta không mấy khả thi, nếu đưa vào thực hiện có thể sẽ lỗ vốn rất lớn thì nên rút lui và nhường chỗ cho các sáng kiến khác hay hơn. Không nên cố chấp giữ khư khư cái của mình và gât bỏ ý kiến của mọi người. Đến khi mọi việc đổ vỡ thì lại đổ trách nhiệm cho “nguyên bản”. Làm người thì phải có cái riêng, cái mới để không bị nhầm lẫn nhưng cái riêng của mình nhất thiết không nên để ảnh hưởng đến mọi người. Sống cho mình là không sai nhưng còn cần sống cho gia đình, xã hội. Vì có gia đình, xã hội thì cái riêng của ta mới được bộc lộ và phát triển mạnh mẽ.

Cuộc sống xã hội ngày càng phát triển, nền văn hóa giữa các quốc gia trên thế giới có sự giao thoa sâu sắc. Đó là một biểu hiện tích cực cho việc học hỏi và mở mang tri thức, gắn kết tình thân ái và xây dựng mối quan hệ hòa bình hữu nghị lâu dài giữa các quốc gia. Cũng như con dao hai lưỡi, bên cạnh các mặt tích cực còn có một số mặt tiêu cực cần tránh xa. Điều đầu tiên phải nói đến chính là làn sóng thần tượng tràn lan, phong cách ăn mặc “ngôi sao” lên ngôi. Cái mà nhiều bạn trẻ Việt ngày nay gọi là “mốt”, là xu hướng. Họ dần đánh mất “nguyên bản” và chấp nhận trở thành “bản sao” của người khác. Những cỗ máy photocopy thời @ ra đời. Từ đầu tóc, quần áo đến giày dép đều rất giống nhau. Đi ra đường không thể phân biệt nổi ai lớn hơn ai, ai nhỏ hơn ai. Vì lẽ tất cả đều là bản sao của nhau. Tôi tự hỏi họ được gì khi làm vậy. Sự nổi tiếng chẳng? Không. Vì họ chẳng hề tài năng. Nhiều tiền bạc? Không. Vì khi để giống thần tượng của mình họ phải chi một khoảng không nhỏ cho các tiệm làm tóc và các shop thời trang danh giá. Thế thì là cảm giác thỏa mãn. Vâng, cái này thì đúng. Cảm giác thỏa mãn cho những thú vui xa xỉ và vô bổ. Nhưng rồi thời gian trôi qua, giống như một cơn sóng lớn, sau đỉnh điểm hào nhoáng tất cả lại lắng xuống và trở thành bọt biển lẫn tăn. Cái gì quá nhiều thì dễ nhàm chán. Con bão đi qua con người sức tỉnh và tự hỏi mình là ai? Là “nguyên bản” hay “bản sao”?

Có được nét riêng là điều tốt nhưng làm thế nào để giữ cho nét riêng ấy không bị lu mờ theo thời gian là điều mà mọi người trong chúng ta luôn trăn trở. Tôi có người quen một người chú có thú vui nhiếp ảnh, hiện nay đã và đang công tác tại một công ty dược phẩm. Công việc tuy bận rộn nhưng không vì thế mà chú từ bỏ thú vui của mình, nhiều hôm vì mãi vui chơi với chiếc máy ảnh mà chú suýt bị mất việc. Gia đình và bạn bè khuyên chú nên từ bỏ hoặc chuyển sang thú vui khác ít tốn thời gian hơn nhưng chú vẫn bỏ ngoài tai tất cả, vẫn giữ thói quen thức khuya, dạo khắp thành phố để tìm cho mình một góc ảnh đẹp. Và tôi gọi đây là nét riêng. Nét riêng chú vẫn cố giữ cho riêng mình mặc lời qua tiếng lại, mặc dòng đời chảy trôi.

Trong cuộc sống với quá nhiều thách thức như hiện nay, khi mà xã hội dân chủ đề cao cái tôi và chủ nghĩa cá nhân, việc giữ được nét riêng là bộ mặt đầu tiên để tiếp cận với mọi vấn đề, giúp con người ta tin tưởng vào khả năng của bản thân, từ đó sống hữu ích và đóng góp cho xã hội. Nét riêng của bản thân còn là động lực cần thiết giúp con người có thêm niềm tin và nghị lực để bước tiếp ở mỗi lần do dự và vấp ngã. Mỗi người cần xác định lối sống đúng đắn để vừa dung hòa với cộng đồng vừa giữ được cá tính của mình. Cần sống chân thành với bản thân và mọi người xung quanh, biết yêu thương và sẻ chia với những người có hoàn cảnh khó khăn và quan trọng hơn là luôn tự tin với những gì mình nghĩ, mình làm. Không ba phải ai nói gì cũng nghe theo, làm

theo. Chỉ có sống hết mình thì mới có thể vừa giữ gìn cái riêng vừa tạo nên những mối quan hệ tốt đẹp.

“Nguyên bản” hay cá tính đều là những tính từ hay và đẹp mà con người luôn muốn được nhắc đến khi nói về mình. Nhưng để có được hai cụm từ ấy không hề đơn giản. Sống và giữ “nguyên bản” luôn nổi bật là điều không phải riêng gì tôi mà ai trong chúng ta cũng mong muốn đạt được. Là thế hệ thanh niên trẻ mang trên mình nhiều hoài bão và ao ước tôi hiểu thế nào là sự quan trọng của “nguyên bản” và tác hại ghê gớm của những “bản sao”. Đó là lí do vì sao tôi chọn câu nói của John Mason làm triết lí sống cho riêng mình.

ĐỀ SỐ 16: Phát biểu suy nghĩ của em về ý kiến: “Tôi nghĩ trưởng thành là khi ta trở thành một chỗ dựa cho bất cứ ai, kể cả bản thân mình. Trở thành chỗ dựa cho bản thân là điều tối quan trọng” (Phạm Lữ Ân)

BÀI LÀM

Nhà giáo dục nổi tiếng người Mỹ William Arthur Ward đã từng phát biểu: “Chuyến phiêu lưu của cuộc đời là học hỏi. Mục đích của cuộc đời là trưởng thành”. Đúng như vậy! Cuộc sống là một chuyến phiêu lưu, một chặng đường dài mà ở đó mỗi người lính học hỏi làm gốc và trưởng thành làm đích. Sự trưởng thành luôn là điều quý giá của mỗi người, bởi đó chính là yếu tố cần thiết để sống đẹp sống tốt với người với đời và với mình hơn. Bàn về vấn đề này, trong cuốn “Nếu biết trăm năm là hữu hạn”, tác giả Phạm Lữ Ân viết “Tôi nghĩ trưởng thành là khi ta trở thành một chỗ dựa cho bất cứ ai, kể cả bản thân mình. Trở thành chỗ dựa cho bản thân là điều tối quan trọng”.

Cuộc sống của mỗi người là một chặng đường dài, nếu không có sự trưởng thành thì chúng ta sẽ mãi thất bại trên chặng đường đó. Trưởng thành, tức là sự che chắn lớn khôn của mỗi người trong việc nhìn nhận tiếp thu và xử lý cuộc sống. Theo tác giả Phạm Lữ Ân thì, “Trưởng thành” tức là khi ta trở thành chỗ dựa nguồn động viên an ủi chắc chắn cho người khác và cho chính mình. “Chỗ dựa” cho bất cứ ai, tức là niềm động lực vững chắc cho mọi người và chỗ dựa cho “kể cả bản thân mình” tức là nguồn động lực, an ủi cho chính mình đều là biểu hiện của sự trưởng thành. Tác giả đặc biệt chú trọng “chỗ dựa cho bản thân”, là điều rất quan trọng mà ai cũng cần phải có đó là điều tối yêu “tối quan trọng”. Như vậy quan niệm của Phạm Lữ Ân muốn khẳng định, trưởng thành trước hết chính là trở thành nguồn sống, nguồn động viên khuyến khích người khác và quan trọng hơn là chính mình.

Trưởng thành là khi ta đã chín chắn, đã cứng cáp trước sóng gió cuộc đời hiểm và ứng xử trước những sóng gió đó lại càng chứng tỏ ta đã trưởng thành hơn. Vì vậy, nếu đã trưởng thành thì lúc đó là khi “ta có thể làm chỗ dựa cho bất cứ ai”. Cuộc sống không phải cũng lúc nào đều theo ý mình muốn. Những con người yếu đuối hay chí kém bền

gặp những trắc trở đó dường như họ lại càng yếu đuối, thậm chí còn có cái nhìn bi quan. Nếu chúng ta có thể trở thành chỗ dựa trở thành nguồn sống, nguồn động viên cho họ, chúng ta là ta đã trưởng thành đã cứng cáp và chín chắn. Bởi chỉ khi ta hiểu cuộc sống biết chia sẻ biết, hướng họ tới một điều tốt đẹp thì đó chính là đã trưởng thành. Hơn nữa, mỗi khi trở thành chỗ dựa cho ai đó dường như ta có thể hiểu biết thêm có kinh nghiệm cuộc sống thêm. Cuộc sống muôn hình vạn trạng, giúp người tức là cùng giúp mình khi đó ta không chỉ trưởng thành về ý chí, về kinh nghiệm mà đó còn là sự trưởng thành về tình cảm.

Khi đã trở thành chỗ dựa cho người khác, thì khi đó ta trưởng thành. Vậy khi làm chỗ dựa cho chính bản thân thì sao? Theo tác giả khi làm chỗ dựa cho chính bản thân, tức là ta đã trưởng thành mà thậm chí nó còn là “sự tối trọng”. Bản thân mỗi người sinh ra chính là một cá thể riêng biệt. Đối mặt với cuộc đời với sóng gió dường như chỉ có mỗi chúng ta tự ý thức vươn lên, và vượt qua đó. Nếu như ta làm “chỗ dựa”, cho chính mình tức là ta đã hiểu mình hiểu cuộc sống. Mà một khi đã hiểu mình thì đó chính là trưởng thành. Hơn nữa nếu như sự am hiểu về chính bản thân đó, giúp cho chúng ta vượt qua mọi chông gai cuộc đời, thì ta lại càng trưởng thành hơn nữa. Làm chỗ dựa cho bản thân chính là “điều tối quan trọng”, bởi khi ta làm được chỗ dựa cho bản thân thì ta mới đủ khả năng làm chỗ dựa cho người khác. Hơn nữa làm chỗ dựa cho bản thân thì ta mới có sức mạnh vượt qua chông gai, thử thách sẽ làm cho con người ta chín chắn và cứng cỏi hơn nhiều. Cuộc sống tức là ta làm chủ bản thân, vì vậy một khi ta đã đến được với cái mốc thành chỗ dựa cho chính mình, thì lúc đó ta đã trưởng thành.

Trong thực tế cuộc sống, có rất nhiều tấm gương bộc lộ sự trưởng thành về ý thức, nhận thức tình cảm... công việc mình làm chỗ dựa cho người khác, hay chính bản thân mình, tiêu biểu trong số đó chính là nhà lãnh đạo vĩ đại bậc thầy thành trì chủ nghĩa xã hội Lê Nin. Người chính là chỗ dựa vững chắc cho toàn thể dân tộc Nga, là niềm tin nguồn động viên cổ vũ lớn lao của người dân. Chính vì “chỗ dựa” vững chắc ấy, từ một nước nghèo bị tàn phá từ chiến tranh bước ra nhưng Liên Xô đã trở thành cường quốc mạnh nhất nhì thế giới lúc bấy giờ. Điều đó đã cho thấy Lênin, chính đã trưởng thành trong chiến lược, trong suy nghĩ và tình cảm thì mới có thể làm được những việc như vậy. Hai người thầy giáo đáng quý của dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ngọc Ký cũng chính là một tấm gương sáng về việc trưởng thành trong cuộc sống. Từ nhỏ thầy đã bị liệt hai tay, tưởng chừng việc đi học là điều không thể nhưng với ý chí quyết tâm, đặc biệt là sự tự tin về mình luôn khuyến khích động viên, “làm chỗ dựa” cho chính mình, thầy đã tập và viết được bằng hai chân. Thử hỏi nếu không có chỗ dựa vững chắc từ bản thân, thầy làm sao có thể vượt qua được những cơn ruột rất đau tê tái, những trắc trở của cuộc đời...

Trưởng thành trong cuộc sống là một điều dĩ nhiên và bắt buộc mà ai cũng cần phải có. Sự trưởng thành giúp mỗi người mở mang thêm trí thức thêm kinh nghiệm. Nhưng trước hết muốn trưởng thành, đều cần có và bắt buộc, hay nói như Phạm Lữ Ân biểu hiện cần có chính là ta làm chỗ dựa cho người khác, cho chính mình, đặc biệt là cho chính mình. Nếu như vậy không chỉ có thêm sự lớn lên về mọi thứ, mọi điều mà còn là sự bồi đắp tình cảm cũng diễn ra mạnh mẽ hơn. Nhưng nhiều khi chỗ dựa đó cũng cần phải xem xét lại, khi đó là sự ỷ lại, lười biếng của bất cứ ai đó. Hai chỗ dựa đó cần cứng cáp hơn khi chính mình đang gặp những khó khăn, thử thách tưởng như khó có thể vượt qua được, những điều không mong muốn... Sự trưởng thành có thể rất linh động, không hẳn lúc nào nó cũng là “chỗ dựa”, bởi “chỗ dựa” có đặt đúng lúc, đúng nơi thì sự trưởng thành mới có ý nghĩa.

Trong xã hội hiện nay, bên cạnh những người mong muốn trưởng thành mong muốn thành chỗ dựa vững chắc cho người khác và cho chính mình. Họ thật lòng để thực hiện điều đó, thì vẫn còn một số người ỷ lại vào người khác, sống yếu đuối vô cảm trước người khác, thậm chí càng không nhận thức được chính mình, không thể làm niềm tin chỗ dựa cho mình, để cuộc đời trôi qua một cách vô nghĩa. Đó là một lối sống đáng phê phán lên án.

Cuộc sống bao giờ cũng đầy sóng gió, giông tố, thậm chí là nhục nhã, thất bại, thế nhưng ta hãy làm “chỗ dựa” cho chính mình thì sẽ thấy điều đó thật sự thú vị. Nó chỉ như một chướng ngại vật để mỗi chúng ta vượt qua và trưởng thành. Và đôi lúc mỗi người cần làm “chỗ dựa”, cho người khác để trưởng thành hơn trong cuộc sống, thêm vào đó mỗi chúng ta sẽ được bồi đắp lớn lên trong tình cảm, lớn lên trong sự chia sẻ và đồng cảm. Sự trưởng thành trong cuộc sống luôn luôn cần thiết, bởi có trưởng thành cuộc sống nhìn qua lăng kính của ta mới đầy đủ toàn diện. Bản thân đang là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, mỗi chúng ta hãy là niềm tin của người khác mỗi khi họ cần và cũng là niềm tin của chính mình. Đó chính là một yếu tố để trở thành một người trưởng thành trong cuộc sống, học tập, rèn luyện những phẩm chất tốt khác như tự lập, kiên trì, dũng cảm...

Quả thật như William Arthur Ward đã khẳng định: “ Mục đích cuối cùng là trưởng thành”. Con người sinh ra là quỹ hữu hạn của khoảng thời gian vô hạn, vì vậy mỗi người cần phải biết trưởng thành từng ngày để cuộc sống có ý nghĩa hơn. Muốn vậy, mỗi người phải là “chỗ dựa” vững chắc cho người khác, mà cho chính họ một điều cần thiết để con người lớn lên biết cảm, biết nghĩ và trân trọng cuộc đời hơn.

ĐỀ SỐ 17: Nghị luận về câu nói của chủ tịch Hồ Chí Minh: "Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó"

BÀI LÀM

Để trở thành người có ích cho xã hội, chúng ta cần phải có những phẩm chất nào? Có trí tuệ siêu việt hay là phải có đạo đức tuyệt vời cao cả? Trong một cuộc nói chuyện với học sinh, những người đang ra sức rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội, Hồ Chủ tịch đã nói: Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.

Câu nói của Hồ Chủ tịch đã khẳng định giá trị cơ bản của một con người là tài và đức. Trong ý kiến của Bác, tài chính là tài năng, là kiến thức, là hiểu biết, là kỹ năng kỹ xảo, là kinh nghiệm sống để con người có thể hoàn thành công việc của mình một cách tốt nhất, đặc biệt là trong những hoàn cảnh khó khăn, những tình huống phức tạp.

Đức chính là đạo đức, là tư cách tác phong, là lòng nhiệt tình, là những khát vọng chân thiện, mỹ. Người có đức biết tôn trọng và bảo vệ chân lý, dám đấu tranh với sai lầm, sẵn sàng hi sinh quyền lợi cá nhân cho quyền lợi của tập thể.

Tài và đức là những phạm trù khác nhau nhưng gắn bó chặt chẽ không thể tách rời. Có tài mà không có đức là người vô dụng, bởi vì tài năng đó không được sử dụng để phục vụ nhân dân mà chỉ để mưu cầu lợi ích cho cá nhân thì cũng trở thành vô ích. Người ta không thể sống một mình, càng không thể tách rời gia đình, bạn bè, giai cấp, dân tộc và đồng loại.

Giá trị của một con người được xem xét trên cơ sở những đóng góp hữu ích đối với cộng đồng. Người ích kỷ là người không quan tâm đến quyền lợi của người khác. Nếu có tài, họ cũng chỉ tìm cách sao cho có lợi cho mình. Người có tài mà phản bội Tổ quốc, đi ngược lại lợi ích của nhân dân thì chẳng những vô dụng mà còn có tội. Người càng có tài mà kém đạo đức thì tác hại gây ra cho gia đình và xã hội càng lớn.

Nhưng nếu chỉ có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Có đức, tức là có khát vọng hành động, cống hiến vì lợi ích của mọi người nhưng kiến thức ít ỏi và năng lực kém thì những ý định dù tốt đến đâu cũng khó trở thành hiện thực. Tài năng giúp cho con người lao động có hiệu quả. Thiếu tài năng, người ta phải làm việc rất vất vả mà chất lượng công việc lại không cao.

Rõ ràng là giá trị của con người phải bao gồm cả tài và đức. Đức và tài bổ sung, hỗ trợ cho nhau để con người trở thành toàn diện, đạt hiệu quả cao trong quá trình làm việc và cống hiến. Nhưng trong ý kiến của Hồ Chủ tịch, rõ ràng vị trí của đức được coi là hàng đầu, là yếu tố quyết định. Chính vì thế, thiếu đức con người trở thành vô dụng, thiếu tài người ta làm việc gì cũng khó.

Cách nói của Bác rất giản dị và cụ thể, giúp ta nhận thức đúng đắn hơn về vai trò quan trọng của đức trong phẩm chất của mỗi con người.

Đức và tài là một thể thống nhất có tác dụng nâng đỡ lẫn nhau. Đức là gốc, cái gốc vững vàng thì tài năng có điều kiện nảy nở đơm hoa kết trái, ngược lại, tài năng là biểu hiện sinh động cụ thể của đức càng tô thắm thêm cái đức. Để trở thành công dân

hữu ích, chủ nhân xứng đáng của đất nước trong tương lai, ngay từ tuổi học sinh, chúng em phải không ngừng học tập, tu dưỡng. Như vậy mới có đủ đức và tài – tiêu chuẩn của con người mới như Bác Hồ hằng mong ước

ĐỀ SỐ 18: Nghị luận xã hội về tinh thần tự học.

BÀI LÀM

Trong cuộc sống, muốn đạt được mọi kết quả như ý, bên cạnh sức khỏe dẻo dai con người ta cần phải có một kiến thức tương đối đầy đủ để phục vụ cho công việc của mình. Việc thu nạp kiến thức không chỉ có ở nhà trường mà còn có ở xung quanh ta một khi ta quan tâm và muốn học hỏi mọi điều. Với một người có ý chí muốn vươn lên thì việc tự trau dồi kiến thức cho mình sẽ luôn đem lại niềm thích thú đối với bản thân họ, và chân trời kiến thức sẽ luôn rộng mở cho bất cứ ai có ý chí đáng khâm phục như vậy.

Con người ta một khi muốn bồi dưỡng kiến thức sẽ tìm được nhiều phương pháp học tập phù hợp với điều kiện của bản thân mình, có nhiều con đường rộng mở cho việc học, học từ thầy cô bạn bè, học từ sách vở báo chí, học từ những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống, và còn một cách học nữa cũng đem lại hiệu quả cao trong học tập, đó là việc tự học. Đối với những người được may mắn sinh ra có cha có mẹ, được sống trong điều kiện đầy đủ thì việc cắp sách đến trường không mấy gì khó. Nhưng cuộc sống vẫn còn đồ nhiều mảnh đời bất hạnh, những người kém may mắn hơn vì họ sinh ra trong hoàn cảnh thiếu thốn và không có điều kiện sống tốt như chúng ta. Và đối với những người kém may mắn như vậy thì việc tự học sẽ là con đường tốt nhất giúp họ trau dồi kiến thức để vươn lên trong xã hội. Vậy tự học là như thế nào? Tự học là tự nguyện không ai bắt buộc mà chính bản thân ta tự tìm tòi khám phá, tự làm phong phú thêm vốn hiểu biết cho mình, đó cũng là nhu cầu tự nhiên tất yếu của con người. Tục ngữ Việt Nam có câu: “Không thầy đố mày làm nên”, chúng ta vẫn phải đến trường để nghe sự chỉ dạy của thầy cô, kiến thức học từ nhà trường là những điều cần bản mà mỗi người cần biết. Nếu ai đó không có được một người thầy dạy bảo trực tiếp cho mình thì cũng có những người thầy gián tiếp dạy mình bằng tấm gương về cách sống và cách hành động của họ. Nhưng dù có thầy hay không có thầy thì chính bản thân ta tự vận động, tự học vẫn tốt hơn. Người tự học hoàn toàn có khả năng làm chủ bản thân mình và biết mình cần gì, mình muốn học như thế nào và vào thời điểm nào cũng được. Nếu chúng ta có một cái đầu tốt cùng với sự chăm chỉ cao thì tự học là phương pháp học hiệu quả nhất. Khi chúng ta đi học ở trường, có một số môn ta phải học thuộc như một con vẹt, cần nhớ thuộc lòng như một cái máy, khi đó người học sinh sẽ ít vận dụng cái đầu, không làm cho nó động não, như vậy thì chẳng khác nào đào tạo ra các con rô-bốt không hơn không kém. Nếu ta muốn làm con người chứ không phải mãi mãi chỉ là một cái máy thì điều tất nhiên là ta phải tự học. Tuy nhiên không phải ai cũng hoàn toàn có khả năng tự học. Bất kì ai cũng có tính tò mò muốn hiểu biết thêm nhưng phần lớn trong số họ có tính lười biếng, lười suy nghĩ, không chịu khó tìm tòi học hỏi mà chỉ thích những thú vui dễ tìm. Và một khi đã thỏa mãn thì chẳng cần bồi dưỡng đạo đức và tinh thần nữa nên số người tự học rất ít và người nào kiên tâm tự học sớm muộn gì cũng vượt lên hẳn những kẻ khác, không giàu hơn thì cũng được kính trọng hơn. Mỗi người chúng ta đều có bản năng tò mò muốn hiểu rõ hơn về bản thân và vạn vật xung quanh, vì vậy loài người mới văn minh làm chủ

được chính mình và làm chủ cả mọi vật, thế nên có người đã nói khôi hài rằng: con người chỉ hơn loài vật ở chỗ là con người biết hỏi: “Tại sao?”.

Tự học là việc rất cần thiết với con người, trước tiên vì nó bổ sung kiến thức còn thiếu ở nhà trường. Mỗi ngày sự hiểu biết của con người càng tăng lên, nếu chúng ta không tự giác học tập thì sẽ không theo kịp và bị tụt hậu, sẽ trở thành người thừa của xã hội. Khi làm ở bất cứ ngành nghề hay lĩnh vực nào thì việc tự học luôn là cần thiết. Chẳng hạn như một bác sĩ, một luật sư nếu không có ý thức, tự học thì khi mới ra trường họ cũng có biết gì về sử ký, về địa lí hơn một cậu tú đầu, và ngành chuyên môn của họ cũng đã có thể giúp ích được gì nhiều cho họ đâu. Vì thế họ phải tự học để mở mang đầu óc, trau dồi thêm kinh nghiệm cho nghề nghiệp và nhất là để tu dưỡng tâm tính của bản thân mình. Bản chất của việc tự học là tự làm việc với chính mình trước, tự nghiên cứu tài liệu hoặc tự trao đổi với bạn bè. Muốn học, muốn hiểu sâu một chủ đề nào, điều quan trọng nhất là phải tự mình chạm tới nó trước, như gieo mầm cho việc tiếp thu, thẩm thấu của mình. Nhưng trên con đường học vấn của người tự học vẫn luôn có những cạm bẫy nguy hiểm khiến cho tri thức của họ có nguy cơ lệch lạc hoặc chứa những lỗ hổng rất lớn mà ngay cả bản thân họ cũng không hề hay biết. Không có một người thầy nào để kiểm tra mình, để thường xuyên nhắc nhở cho mình trong việc tự học, vì thế người tự học không nên chủ quan với bản thân mình. Trong cuộc sống có biết bao tấm gương sáng vì không chịu thua thiệt và bị khuất phục trước người khác nên họ đã cố gắng tự học để vươn lên, và thành công của họ là không thể phủ nhận, những con người đầy nghị lực ấy đáng để chúng ta khâm phục và học hỏi theo.

Tự học cũng là một cách học như bao cách học khác. Tự học là con đường ngắn nhất dẫn đến sự thành công và rèn luyện thêm cho bản thân nhiều điều cần thiết trong cuộc đời mỗi người. Tự học từ trong lí thuyết để áp dụng ra ngoài thực tiễn. Cuộc sống là những trải nghiệm từ khó khăn này đến khó khăn khác, do đó tự học là một việc rất cần thiết, là đôi chân cho con người ta đứng vững trước những sóng gió của cuộc đời. Chẳng còn cách nào khác ngoài việc tự học, chính mình phải vượt qua những khó khăn chông gai đó để vững bước theo kịp thời đại. “Hãy nói cho tôi biết anh học như thế nào, tôi sẽ nói cho anh biết anh có thành công hay không”.

ĐỀ SỐ 19: Nghị luận về tình yêu quê hương đất nước.

BÀI LÀM

“Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người”

Vâng, quê hương chính là nơi chôn rau cắt rốn của ta, là nơi cho ta cội nguồn, gốc rễ bền chặt. Từ ngày xưa, tình yêu quê hương đất nước luôn là nguồn mạch quán thông kim cổ, đông tây. Là mạch nguồn nuôi dưỡng tâm hồn trí óc ta gắn với truyền thống tự hào, tinh thần tự tôn của dân tộc.

Tình yêu quê hương đất nước là một khái niệm, phạm trù rộng lớn và có nhiều ý nghĩa khác nhau. Tình yêu quê hương đất nước trước hết xuất phát từ tình cảm yêu gia

đình, nhà cửa, xóm làng. Nói như Ê-ren-bua: lòng yêu nhà, yêu làng xóm trở nên tình yêu tổ quốc. Chính xuất phát từ những điều giản dị, bình dị ấy, lòng yêu nước của ta càng được bồi đắp hơn. Tình yêu quê hương từ thuở xa xưa, trong những câu ca dao như tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc là tinh thần tự hào, tự tôn về vẻ đẹp và cảnh trí non sông. Đến thơ ca trung đại tình yêu nước gắn liền với quan niệm trung quân ái quốc, vậy nên trong các bài thơ việc nói chỉ tỏ lòng của bậc tao nhân mặc khách với mong muốn xoay trục đất, kinh bang tế thế cũng chính là biểu hiện cao nhất của con người đạo nghĩa lúc bấy giờ. Đến thời hiện đại, văn học lãng mạn thì yêu nước là yêu lý tưởng, yêu cách mạng, yêu Đảng. Niềm vui tươi, phấn khởi của người chiến sĩ cách mạng khi được giác ngộ ánh sáng cách mạng đảng trong “Từ ấy” chính là minh chứng sâu sắc cho điều ấy:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lý chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim”

Tình yêu nước, yêu quê hương là cội nguồn, gốc rễ bền chặt cho sự phát triển bền vững của ta. Nếu chỉ sống bằng những giá trị tức thời, những ham muốn của bản thân mà không khắc cốt ghi tâm cội nguồn, đạo lý truyền thống dân tộc thì sớm muộn sự phát triển của ta cũng sẽ như cây cao bị trơ rễ, bật gốc dù chỉ là một cơn gió nhẹ. Lòng yêu quê hương, đất nước làm nên bản sắc trong đời sống tình cảm của cá nhân, giúp ta không trở nên ích kỉ vì biết gắn liền với cộng đồng, biết hòa nhập và đắm mình với những đạo lý truyền thống ngàn đời của dân tộc.

Tình yêu quê hương đất nước nói cách khác chính là lòng căm thù giặc khi đất nước bị xâm lăng, khi tổ quốc gặp gian nguy. Trong “Hịch tướng sĩ”, Trần Quốc Tuấn từng bày tỏ lòng căm thù giặc sâu sắc khi chứng kiến đất nước bị giày xéo dưới gót giày quân thù: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, lòng đau như cắt, nước mắt đầm đìa chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù.” Đủ để thấy, tình yêu quê hương đất nước từ ngàn xưa đã trở thành một thứ vũ khí lợi hại, là đợt sóng ngầm nhấn chìm lũ bán nước và lũ cướp nước. Tình yêu nước cũng chính là lòng tự hào, tự tôn dân tộc trước cảnh trí non sông, trước vẻ đẹp của núi sông, cũng chính là khát vọng muốn giữ gìn và bảo tồn bản sắc văn hóa của dân tộc.

Thật đáng buồn khi ngày nay, nhiều người sống một cách vô nghĩa lý khi đảo lộn những chân giá trị dân tộc. Họ quên đi cội nguồn, thay vì sống theo đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, ăn cây táo rào cây sung. Những cá nhân như thế sớm muộn cũng sẽ bị đào thải, cô đơn lạc lõng giữa tình đồng loại, giữa nhân quần rộng lớn.

Trong thời buổi đất nước đang phát triển, hướng đến xây dựng một xã hội văn minh, công bằng và hạnh phúc thì với tư cách là những người trẻ, chúng ta cần chuẩn

bị hành trang vững chắc và rèn luyện bản lĩnh cho cá nhân để đáp ứng những nhu cầu và đòi hỏi của dân tộc. Đó cũng chính là biểu hiện kín đáo và sâu sắc của lòng yêu nước.

ĐỀ SỐ 20: Nghị luận về vai trò của sự sáng tạo trong cuộc sống. **BÀI LÀM**

Steve Jobs đã từng cho rằng “Đôi khi bạn sẽ mắc sai lầm khi sáng tạo. Điều quan trọng là phải nhanh chóng thừa nhận nó và tiếp tục phấn đấu.” Đó chính là những lời truyền cảm hứng đến cho chúng ta, khi chúng ta gặp phải bế tắc trong công việc vì nghĩ mãi không lên được những ý tưởng mới, độc đáo, lạ. Sáng tạo là một yếu tố giúp ta định vị được bản thân, giúp ta phát triển thêm tư duy rộng mở, bản thân bứt phá được thêm nhiều thứ khác.

Trong công việc, học tập hay trong chính cuộc sống hàng ngày của chúng ta luôn có những biến đổi, để có thể đáp ứng và bắt kịp theo biến đổi ấy cũng như tạo ra những cái mới mang tính đột phá phải cần đến sự sáng tạo. Đó chính là sáng tạo. Sự sáng tạo của con người chính là một trong những chìa khóa để khẳng định bản thân trong xã hội, sáng tạo cũng có nghĩa là bạn đang sống được nhiều hơn so với những gì mà tạo hóa đã ban tặng cho con người nói chung.

Cuộc sống này vốn sẽ không có điều mới mẻ cho đến khi chính chúng ta làm thay đổi và làm mới chúng bằng chính sự sáng tạo. Sự sáng tạo được hiểu là khả năng tạo ra bất cứ thứ gì có hiệu quả và tiên tiến hơn những thứ đã có trong cùng một phạm vi áp dụng. Giống như sự sáng tạo trong giáo dục phải được xét trong phạm vi giáo dục với những cái đã có và chưa có, không thể đem so sánh sự sáng tạo trong giáo dục với sự sáng tạo trong điện tử. Sáng tạo được coi là dạng hoạt động cao nhất của con người, người có sự sáng tạo là người luôn tìm tòi, không ngừng tìm kiếm và cải tiến những cái đã có thành cái mới mẻ, hoặc tạo ra một cái hoàn toàn mới mang những giá trị đáp ứng yêu cầu thực tế và có hiệu quả vượt trội. Có năng lực sáng tạo mới có hoạt động sáng tạo, năng lực sáng tạo là tiền đề tiên quyết đến hoạt động sáng tạo, năng lực ấy được xác định thông qua trí nhớ, tư duy, cảm xúc và ý chí của con người.

Vậy sự sáng tạo có vai trò như thế nào trong cuộc sống? Đối với người học sinh, sinh viên đang ngồi trên ghế nhà trường, sự sáng tạo đem đến cho họ có được kết quả cao trong học tập bởi họ không chỉ biết làm chủ kiến thức mà còn biết vận dụng sáng tạo kiến thức vào giải quyết vấn đề nảy sinh. Sự sáng tạo đôi khi chỉ đơn giản là biết khái quát vấn đề, kiến thức để tự mình có thể dễ học, dễ hiểu và dễ ghi nhớ. Sự sáng tạo trong con người còn được sử dụng trong việc tạo dựng các mối quan hệ xã hội, có sáng tạo sẽ có được sự tín nhiệm, yêu quý và kính trọng từ mọi người xung quanh. Trong công việc đặc biệt là những lĩnh vực đòi hỏi cao về tính sáng tạo như công nghệ

thông tin, kinh doanh, marketing,... sự sáng tạo sẽ giúp đưa ra những phương pháp, chiến lược và định hướng kinh doanh hiệu quả. Chỉ có sáng tạo mới đưa con người đi trên những con đường tiến bộ, vượt trội, phát minh ra những công trình vĩ đại mang ý nghĩa thời đại và đóng vai trò to lớn trong chuyển biến xã hội.

Con người cần phải có ý thức về sự sáng tạo và không ngừng sáng tạo, bởi điều đó là cần thiết để đáp ứng sự thay đổi tiến bộ của xã hội. Ví như trong công việc và học tập nảy sinh những vấn đề mà phương thức cũ không còn giải quyết triệt để được buộc bạn phải có kỹ năng sáng tạo ra một giải pháp mới để giải quyết vấn đề một cách tối ưu. Để có được sự sáng tạo không phải điều đơn giản, ta cần trải qua quá trình rèn luyện, mở rộng tầm hiểu biết của mình, chủ động tìm kiếm cơ hội và cách giải quyết vấn đề không phụ thuộc hay chờ đợi vào người khác. Sự sáng tạo đôi khi đòi hỏi người muốn sáng tạo phải có bản lĩnh từ bỏ những thứ vốn là điều chắc chắn, can đảm từ bỏ những cái cũ, không bám vào cái cũ mà tìm cách thay đổi, không sợ làm sai, chỉ sợ không dám làm. Nếu không có sáng tạo bạn sẽ không có được niềm vui thực sự trong cuộc sống cũng như trong công việc, sự trải nghiệm trong sáng tạo hứa hẹn đem lại cho ta mọi xúc cảm, chỉ cần bạn dũng cảm đi tìm sáng tạo.

Giới trẻ hiện nay được đánh giá là khá năng động và sáng tạo, họ sáng tạo trong cách chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình, tích cực đưa ra ý tưởng và luôn hướng ý tưởng đến những miền đất tươi tốt, đối với mỗi nhiệm vụ họ đều hướng đến sự sáng tạo chứ không dập khuôn. Đó là những người được đánh giá rất cao trong xã hội về cả năng lực và trình độ. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại không ít người cực kỳ thụ động, không hề có ý thức về sự sáng tạo, họ chấp nhận những cái đã có sẵn, sống theo khuôn mẫu và chỉ hướng đến một cuộc đời bình lặng. Chắc chắn trong một vài trường hợp, họ phải chật vật với những khó khăn không thể giải quyết được nếu không có sáng tạo nhưng họ vẫn chấp nhận sống chung mà không chịu thay đổi. Những nhân tố như vậy là một trong số các yếu tố gây ra sự trì trệ trong phát triển xã hội. Để khắc phục được điều này đòi hỏi rất lớn từ nền giáo dục của Việt Nam, cần đổi mới nền giáo dục hơn nữa.

Cuộc sống luôn biến đổi không ngừng, nếu chúng ta không nỗ lực trau dồi tri thức tức là tự đẩy mình ra ngoài, tự mình đào thải mình ra khỏi xã hội. Để có được cuộc sống cần phải lao động, để có những giá trị mới tiến bộ phù hợp với thời đại cần phải không ngừng sáng tạo. Chính vì vậy, dù ở thời điểm nào của cuộc đời chúng ta phải sáng tạo để khẳng định giá trị bản thân, làm mới chính mình.

PHẦN II. NHỮNG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC HAY NHỮNG BÀI VĂN HAY LỚP 7

ĐỀ SỐ 1: Nghị luận về vai trò của thơ ca trong cuộc sống .

BÀI LÀM

Thơ ca là sáng tạo đặc biệt của con người. Nó là những sợi tơ rút ra từ cuộc sống và quay trở lại trang điểm cho cuộc sống bằng vẻ đẹp muôn màu của nó. Thơ ca đã có mặt cùng với sự phát triển của nhân loại suốt bao thời kì lịch sử và người ta cũng bắt đầu chú ý đến những vai trò, tác dụng kì diệu của nó đối với cuộc sống, đối với tâm hồn con người. Hiểu được vai trò, tác dụng của thơ ca để con người chúng ta nghiêm túc hơn trong sáng tác, trân trọng hơn trong tiếp nhận, để thơ ca có thể phát huy hết vai trò cao quý của nó: làm cho cuộc sống phong phú hơn, đẹp đẽ hơn, nhân văn hơn.

Bất cứ phong cách ngôn ngữ nào cũng có chức năng riêng của nó. Thơ ca thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ đời sống để đạt được giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ cao nhất. Nó không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người.

Chức năng thông tin nói cụ thể chính là giá trị tư tưởng, nhận thức và giáo dục của thơ ca. Bằng những ngôn từ đặc sắc có sắp xếp một cách khéo léo, thơ ca dễ dàng tác động đến nhận thức, tư tưởng của con người. Chính vì thế nó gửi gắm những giá trị đạo đức nhân sinh một cách khéo léo, tinh tế. Đó không bao giờ là những tri thức khô khan, giáo điều mà là những lời nhắn nhủ chân thành, gần gũi nhất. Những bài học về lối sống, về cách nhìn nhận thế giới, nhận xét con người, cả những kinh nghiệm trong lao động, trong ứng xử đều thể hiện dưới những hình thức ngôn từ tinh tế, uyển chuyển. Chúng ta hãy lắng nghe lời nhắn nhủ của đại thi hào Nguyễn du từ mấy trăm năm trước:

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài

Đó là một chiêm nghiệm của người đã từng trải qua bao cuộc bể dâu, là triết lý rút ra từ thực tế đời sống, cô đúc thành bài học nhân sinh sâu sắc nhưng rất dễ cảm thông, dễ tác động vào nhận thức của con người. Truyện Kiều còn hàm chứa bao nhiêu bài học nhân sinh sâu sắc nhưng nó chưa bao giờ là một cuốn sách luận lý khô khan. Thế mới biết rằng thơ ca góp phần nâng cao tri thức đời sống bằng chính cách riêng của nó mà hiệu quả thì không thua bất cứ hình thức truyền đạt nào.

Bên cạnh chức năng nhận thức, giáo dục, thơ ca còn có chức năng giao tiếp, biểu đạt và truyền cảm. Chức năng này vô cùng quan trọng vì kể cả khi thơ ca muốn gửi gắm một bài học, một tri thức thì nó cũng gửi gắm bằng cái giọng tình cảm, thiết tha. Giá trị biểu cảm là giá trị đặc trưng của thơ ca. Nó bắt đầu bằng những cảm động của tâm hồn thi nhân trước cuộc sống, truyền tải qua đường dẫn là ngôn từ nghệ thuật và rồi đến và lay động tình cảm của người đọc. Chính vì thế con người chúng ta không chỉ hiểu biết về cuộc đời, lối sống của cha ông mình thuở trước mà còn có những cảm xúc, những tự hào, những căm phẫn theo dòng diễn tả của thi ca. Chức năng này làm cho thơ ca có sức mạnh và sức sống vượt ra ranh giới không thời gian, tác động mãnh liệt vào trái tim con người. Những tác phẩm của Lý Bạch, Đỗ Phủ đâu chỉ tác động đến tình cảm của người Trung Quốc thời đại nhà Đường mà nó còn lay động con tim của độc giả thế giới nhiều thế kỷ sau. Tác động tình cảm của văn chương giúp mỗi giao tiếp giữa người và người mở rộng đường biên đến vô cùng, vô tận và còn là những mối giao tiếp chân thành nhất, vô vụ lợi nhất, đẹp đẽ nhất.

Cuối cùng và cũng là một vai trò, chức năng quan trọng nhất của thơ ca đó chính là tính thẩm mỹ. Thơ ca là một loại hình nghệ thuật nên tính thẩm mỹ là đặc trưng của nó. Từ đặc trưng này, thơ ca có tác động mạnh mẽ đến năng lực thẩm mỹ của con người. Nó giúp con người nâng cao khả năng cảm thụ cái đẹp, cái đẹp của ngôn từ và qua ngôn từ sẽ cảm nhận những cái đẹp của thế giới khách quan. Khi ta đọc những câu thơ:

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Trước hết tâm hồn ta rung cảm trước một bức tranh thiên nhiên tươi tắn, tinh khôi. Rồi chúng ta cảm nhận sự khéo léo tinh tế trong cách dùng từ, cách phối thanh, ngắt nhịp của một bậc thầy ngôn ngữ thi ca. Cái đẹp giúp cho con người rung cảm, thanh lọc tâm hồn và hướng về cái chân, thiện, mỹ. Để làm được điều đó, thơ ca phải chú trọng đến hình thức nghệ thuật của nó. Nó cần sự rung động thật sự của thi nhân, cần tài hoa và cả sự nghiêm túc của người cầm bút. Thơ ca không phải là sản phẩm của những người thợ, nó là đứa con tinh thần của người nghệ sĩ.

Thơ ca đã đồng hành cùng cuộc sống con người từ thuở bình minh của những nền văn hóa. Nó mang đến những hiểu biết về nhiều mặt của đời sống, nó tác động và nâng cao những tình cảm nhân văn, nó làm đa dạng thêm khả năng cảm thụ thẩm mỹ của con người. Những tri thức, tình cảm và cái đẹp mà nó mang đến làm cho cuộc sống thêm phong phú, thêm đẹp đẽ và làm cho con người gần gũi nhau hơn. Chính vì thế, dù thế giới không ngừng vận động và đã có nhiều sản phẩm, nhiều giá trị mai một với thời gian nhưng thi ca thì mãi mãi gắn liền với tâm hồn nhân loại.

ĐỀ SỐ 2: Vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong ca dao.

BÀI LÀM

Thần thoại Hi Lạp kể rằng: “Thượng đế đã lấy vẻ đầy đặn của mặt trăng, đường uốn cong của loài dây leo, dáng run rẩy của các loài cỏ hoa, nét mềm mại của loài lau cói, màu rực rỡ của nhị hoa, điệu nhẹ nhàng của chiếc lá, cảm giác tinh vi của vòi voi, cái nhìn dăm chiêu của mắt hươu, cái xúm xít của đàn ông, ánh rực rỡ của mặt trời, nỗi xót xa của tầng mây, luồng biến động của cơn gió, tính nhút nhát của con hươu rừng, sắc lộng lẫy của con chim công, chất cứng rắn của ngọc kim cương, vị ngọt ngào của đường mật, khí lạnh lẽo của băng tuyết, đức trung trinh của chim uyên ương, đem mọi thứ ấy hỗn hợp lại nặn thành người phụ nữ”. Phụ nữ là linh hồn của cuộc sống muôn loài. Hình tượng người phụ nữ là một trong những đề tài lớn có sức hấp dẫn của Văn học thế giới. Trong Văn học Việt Nam, hình tượng người phụ nữ chứa đựng nhiều vẻ đẹp kỳ diệu, đặc biệt là hình ảnh người phụ nữ trong ca dao Việt Nam. Có thể nói rằng, ca dao đã làm tròn sứ mệnh của nó trong việc lưu giữ những nỗi lòng của người phụ nữ bình dân và mang đến cho ta cái nhìn toàn diện về họ, trong khổ đau cũng như những vẻ đẹp tâm hồn ngời sáng.

Nói đến phụ nữ Việt Nam, trước hết phải nói đến lòng hiếu thảo đối với mẹ cha và tiết hạnh đối với bản thân. Không phải chỉ có một nàng Kiều của cụ Nguyễn Du mới biết báo hiếu mà bất cứ người con gái Việt Nam nào cũng đều nhớ đến ơn sinh thành, công lao nuôi dưỡng bao la của đấng song thân:

“Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng thờ mẹ, kính cha,

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

Đó là đối với cha mẹ, còn đối với bản thân thì:

“Trai thời trung hiếu làm đầu,

Gái thời tiết hạnh làm câu trao mình”.

Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong ca dao hiện lên với nét đẹp thanh tao, duyên dáng, một nét đẹp Á Đông đầy đức hạnh, chân thực, gần gũi. Hình ảnh đẹp ấy lẽ ra phải được nâng niu, trân trọng, nhưng trái lại cuộc sống của người phụ nữ lúc bấy giờ trăm đắng, ngàn cay bởi chế độ phong kiến thối nát.

Có ai đó đã nói, nếu dùng một từ để nói về số phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến thì đó là “tủi nhục”. Quãng thời gian họ sống trên đời được đong đếm bằng những nỗi đau khổ mà họ phải gánh chịu. Khi còn nhỏ, sống trong gia đình, người thiếu nữ đã phải chịu sự bất công của quan niệm “trọng nam khinh nữ”:

“Cô kia cắt cỏ đồng màu

Chăn trâu cho béo làm giàu cho cha

Giàu thì chia bảy chia ba

Phận cô là gái được là bao nhiêu”

Hay:

“Em như quả bí trên cây

Dang tay mẹ bứt những ngày còn non”

Đến khi trưởng thành họ là những thiếu nữ duyên dáng, đẹp cả hình thức bên ngoài lẫn tâm hồn bên trong, nét đẹp của họ được ví như “hoa ngâu”, như “tắm lụa đào”:

“Nụ cười như thể hoa ngâu,

Cái khen đội đầu như thể hoa sen”.

Hay :

“Trúc xinh trúc mọc đầu đình

Em xinh, em đứng một mình cũng xinh”

Họ luôn phải rèn luyện để có những phẩm chất tốt đẹp, làm nên giá trị của con người.

Đặc biệt quan trọng với người phụ nữ là phải đạt đến “tứ đức”

“Phận gái tứ đức vẹn tuyền

Công, dung, ngôn, hạnh, giữ gìn chớ sai”.

Họ đẹp gần như toàn vẹn nhưng họ không có quyền bình đẳng, quyền lựa chọn hạnh phúc trăm năm cho mình, cũng như quyền làm một con người đúng nghĩa. Khi đến tuổi cập kê thì hôn nhân của họ là do “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”, giá trị người con gái bị đem lên bàn cân vật chất:

“Mẹ em tham gạo, tham gà

Bắt em để bán cho nhà cao sang”.

Hay:

“Mẹ em tham thúng xôi rền

Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng

Em đã bảo mẹ rằng đừng

Mẹ hăm, mẹ hứ mẹ bưng ngay vào

Bây giờ chồng thấp, vợ cao

Như đôi đũa lệch so sao cho bằng”.

Số phận của người phụ nữ trong xã hội còn bọt bèo, lênh đênh, vô định, họ không biết số phận của mình rồi sẽ ra sao, đi đâu, về đâu khi mang theo mình một địa vị thấp bé, hèn mọn trong xã hội:

“Thân em như tắm lụa đào

Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai”,

“Thân em như hạt mưa sa,

Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày”,

Hay:

“Thân em như chổi sau hè

Phòng khi mưa gió đi về chùi chân”.

Người phụ nữ suốt đời mang theo ba chữ “tòng”, hạnh phúc đối với họ thật quá mong manh, theo chồng thì chết cũng làm ma nhà chồng: “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”. Tuy cuộc sống bất công “Trai năm thê, bảy thiếp. Gái chính chuyên chỉ có một chồng” nhưng người phụ nữ luôn son sắt, thủy chung, một lòng một dạ yêu thương chồng.

“Trăng tròn chỉ một đêm rằm

Tình duyên chỉ hẹn một lần mà thôi”,

“Chồng em áo rách em thương

Chồng người áo gấm, xông hương mặc người”,

Hay:

“Có xấu cũng thể chồng ta

Dù cho tốt đẹp cũng ra chồng người”

Họ luôn đồng cam, cộng khổ cùng chồng, luôn làm một người vợ hiền, chung thủy, dù chân trời, góc bể, khó khăn cũng không sờn lòng:

“Đi đâu cho thiếp theo cùng

Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cũng cam”.

Biết bao người vợ không quản gian nan “ngày thì dãi nắng, đêm thì dầm sương”, nuôi chồng ăn học, công thành danh toại:

“Em thời canh củi trong nhà

Nuôi anh đi học đăng khoa bảng vàng

Trước là vinh hiển tổ đường

Bổ công đèn sách, lưu phương đời đời”.

Trong cuộc sống vợ chồng cũng có những lúc “com không lành, canh không ngọt” thì người phụ nữ cũng luôn biết cách ứng xử khôn khéo để cửa nhà yên vui:

“Chồng giận thì vợ làm lành

Miệng cười hớn hỏ hỏi anh giận gì

Thưa anh anh giận em chi

Muốn cười vợ bé, em thì cười cho”

Thái độ thật vui vẻ, hài hước, biết tự kiềm chế bản thân để giữ hòa khí trong gia đình ấy thật đáng khâm phục:

“Chồng giận thì vợ bớt lời

Com sôi nhỏ lửa, một đời không khô”.

Tình yêu đối với chồng thì son sắt như thế, còn đối với đứa con yêu quý của mình thì tình mẫu tử thật thiêng liêng, dành trọn những gì tốt đẹp nhất cho con:

“Nuôi con chẳng quản chi thân

Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn”.

Người phụ nữ là người mẹ, người vợ tuyệt vời với bao nhiêu tình yêu thương, sự hy sinh là thế nhưng xã hội bất công có bao giờ thấu hết được nỗi lòng người phụ nữ. Họ không những chịu vất vả về thể xác mà còn bị tổn thương về tinh thần khi mà “trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng”, thân phận thấp bé, không có tiếng nói trong xã hội, bị chồng ruồng bỏ.

“Ngày nào anh búng anh beo

Tay cắt chén thuốc tay đeo mũi chanh

Bây giờ anh khỏe anh lành

Anh mê nhan sắc, anh tình phụ tôi”.

Hay:

“Gió đưa bụi chuối sau hè

Anh mê vợ bé, bỏ bè con thơ”.

Dưới chế độ phong kiến hủ tục lạc hậu người phụ nữ phải chịu cảnh làm vợ lẽ, chịu sự thiệt thòi, không có quyền hưởng hạnh phúc, hạnh phúc đơn thuần đáng có được của một người vợ và còn chịu sự đối xử bất công của vợ lớn:

“Lấy chồng làm lẽ khổ thay

Đi cấy, đi cày chị chẳng kể công

Tối tối chị giữ mát chồng

Chị cho manh chiếu nằm không chuồng bò

Mong chồng chồng chẳng xuống cho

Đến khi chồng xuống, gà o o gáy dồn”

Hay:

“Thân em làm lẽ chẳng nề

Có như chính thất ngồi lê giữa đường”.

Khao khát của người phụ nữ ở đây không phải là cái khao khát mang tính chất bản năng thuần túy mà là những khát khao hạnh phúc chính đáng nhất của một con người. Vì thế họ đã nhẫn nhủ nhau:

*“Đói lòng ăn nắm lá sung
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng”*

*“Chồng con là cái nợ nần
Thà rằng ở vậy nuôi thân béo mập”.*

Và khi người phụ nữ đã theo chồng thì không được quay về nhà, dù cho có nhớ mẹ, thương cha thì cũng phải cam chịu, khiến bao người phụ nữ xa quê phải ngậm ngùi nuốt đắng cay, thấm thía nỗi buồn khi nghĩ về quê mẹ:

*“Chiều chiều ra đứng bờ sông
Muốn về với mẹ mà không có đò”,*

*“Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”.*

Nhớ nhà không được về với cha mẹ mà còn phải chịu sự cay đắng của nhà chồng, đặc biệt là mẹ chồng:

*“Tiếng đòn cha mẹ anh hiền
Cấn cơm không vỡ, cấn tiền vỡ tan”*

Hay:

*“Trách cha, trách mẹ nhà chàng
Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau
Thật vàng chẳng phải thau đâu
Đừng đem lửa thử mà đau lòng vàng”.*

Quên đi những nhọc nhằn, vất vả của cuộc sống lao động, những người phụ nữ bình dân ấy cũng có những phút giây sống cho cảm xúc riêng tư, cũng trải qua các cung bậc nhớ nhung của một trái tim mới yêu:

*“Gió sao gió mát sau lưng
Dạ sao dạ nhớ người đứng thế này”
– “Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa như ngồi đống than”*

Có cô gái hồn nhiên, tinh nghịch hơn thì:

*“Ước gì sông rộng một gang
Bắc cầu dài yếm cho chàng sang chơi”*

Có thể thấy, ở thời nào cũng vậy, vẻ đẹp của người phụ nữ như một hằng số, bất biến ngàn đời. Đó là sự nhẫn nại, cam chịu, là sự thủy chung son sắt. Dù bao khổ đau, bất hạnh vẫn không thể vùi lấp được những vẻ đẹp đó. Nó như những “viên ngọc thô” mà thời gian, những bất hạnh khổ đau là chất xúc tác mài giũa, càng ngày càng toả sáng lấp lánh. Nhưng chỉ chừng ấy thôi cũng đủ để góp phần làm nên giá trị vô cùng to lớn cho văn học dân gian nói riêng cũng như văn chương Việt Nam nói chung, và “Ca dao Việt Nam đã trở thành viên ngọc quý óng ánh trong kho tàng văn học dân gian dân tộc”

ĐỀ SỐ 3: Phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ Qua đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan.

BÀI LÀM

Có nơi đâu đẹp tuyệt vời

Như sông như núi, như người Việt Nam

Câu thơ thể hiện niềm kiêu hãnh, tự hào về non sông đất trời Việt Nam. Thiên nhiên trên quê hương ta có vẻ đẹp mộng mơ, chan hoà sức sống. Chính vì vậy, thiên nhiên luôn là đề tài bất tận của thi ca. Lúc thì lung linh, huyền diệu như trong mộng, lúc lại rực rỡ, kiêu sa tựa ánh mặt trời. Nhưng đồng thời, cảnh vật cũng sẽ nhuốm màu ảm đạm, thê lương dưới ánh mắt của các nhà thơ mang một tâm sự u hoài khi sáng tác một bài thơ tức cảnh. Vì thế, đại thi hào Nguyễn Du đã từng nói: Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Câu thơ thật thích hợp khi ta liên tưởng đến bà Huyện Thanh Quan với bài thơ **Qua đèo Ngang**.

Mở đầu bài thơ là bức tranh phong cảnh thắm đẫm nỗi buồn hiu quạnh:

Bước đến đèo Ngang bóng xế tà

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa

Hai câu thơ mở ra không gian, thời gian nghệ thuật quen thuộc trong thơ trung đại, đây đồng thời cũng là nét đặc trưng phong cách của Bà Huyện Thanh Quan: chiều tà và bóng hoàng hôn. Thời gian là buổi chiều nhưng không phải là lúc đầu hôm mà là chiều tà, thời điểm chuyển giao giữa chiều và tối, ánh nắng chỉ còn nhạt nhòa và sắp lặn. Không gian mênh mông, rộng lớn, với cả trời, non, nước nhưng tất cả đều im ắng, vắng lặng đến rợn ngợp.

Trong không gian đó, hình ảnh cây cối, hoa cỏ hiện lên có phần hoang dại, chúng chen chúc nhau mọc lên. Từ “*chen*” gợi sức sống mãnh liệt của muôn loài trước cái cần cỗi của đất đai, cái khắc nghiệt của thời tiết. Đồng thời từ này còn gợi lên thiên nhiên có phần hoang dã, vô trật tự. Không gian và thiên nhiên cây cỏ hòa quyện vào nhau càng làm sâu đậm thêm ấn tượng về mảnh đất hoang vu.

Bức tranh được điểm thêm hơi thở, sự sống của con người:

Lom khom dưới núi tiều vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà

Những tưởng rằng với sự xuất hiện của sự sống con người quang cảnh sẽ bớt vắng lặng, cô đơn hơn nhưng thực tế lại không phải vậy. Sự xuất hiện của con người trái lại càng khiến cảnh vật thêm phần heo hút, hoang vắng hơn. Nghệ thuật đảo ngữ nhấn mạnh vào dáng “*lom khom*” của những chú tiều, cái “*lác đác*” của mấy ngôi nhà ven sông kết hợp các từ chỉ số lượng ít ỏi “*vài*”, “*mấy*” khiến cho hình bóng con người đã nhỏ lại càng nhỏ hơn, cuộc sống đã hiu quạnh lại càng hiu quạnh hơn. Bức tranh về một thế giới cô liêu hiện lên rõ hơn bao giờ hết. Nhìn lại cả hai câu thơ ta thấy chúng có đầy đủ các yếu tố của một bức tranh sơn thủy, hữu tình: núi, sông, tiều phu, chợ. Thế nhưng những yếu tố ấy khi hợp lại với nhau và khúc xạ qua cảm nhận của nhà thơ lại gợi lên một miền sơn cước hiu quạnh, heo hút.

Bốn câu thơ cuối nói lên nỗi niềm, tâm sự của tác giả: “*Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc/ Thương nhà mỗi miệng cái gia gia*”. Những âm thanh của cuộc kêu cũng chính là nỗi lòng của Bà Huyện Thanh Quan. Tài dùng chữ của bà đã đạt đến độ điêu luyện: chữ quốc là nước đồng âm với chữ cuộc tức con chim, chữ gia là nhà gần âm với từ chữ đa là chim đa đa. Chữ vừa ghi âm thanh nhưng đồng thời còn bộc lộ tâm trạng, ý tứ của tác giả, qua đó làm nổi bật tâm trạng, nỗi niềm của nữ sĩ. Vì phải xa quê hương, vào miền đất mới nhận chức nên bà nhớ nhà, nhớ gia đình. Còn nhớ nước tức là bà đang nhớ về quá khứ huy hoàng của triều đại cũ. Hai chữ *nhớ nước, thương nhà* được tác giả đảo lên đầu câu càng nhấn mạnh và làm nổi bật nỗi niềm của bà.

Hai câu thơ cuối bộc lộ trực tiếp nỗi niềm cô đơn khắc khoải của nhà thơ: “*Dừng chân đứng lại trời, non, nước/ Một mảnh tình riêng ta với ta*”. Không gian mệnh mông khiến con người lại càng trở nên bé nhỏ, cô đơn hơn. Sự vật tưởng là hòa quyện, gắn kết với nhau mà thực chất lại đang chia lìa đôi ngả, trời, non, nước được tách biệt với nhau bằng những dấu phẩy, đó là cái nhìn mang tính tâm trạng của chính tác giả. Câu thơ cuối như là một lời khẳng định trực tiếp nỗi cô đơn đó “*một mảnh tình*” “*ta với ta*”. Đại từ “*ta*” không còn mang ý nghĩa chỉ chung, cộng đồng mà là cá nhân, chỉ một mình tác giả. Trong hai câu kết, tất cả là một sự gián cách, là một thế giới riêng, cô đơn đến tuyệt đối.

Không chỉ đặc sắc về nội dung, tác phẩm còn là điển hình mẫu mực về nghệ thuật cổ điển Đường thi. Bà sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú, chuẩn mực về niêm, luật, đối, ngôn ngữ trau chuốt, mượt mà mặc dù đã được Việt hóa. Sử dụng thành công đảo ngữ, chơi chữ. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình xuất sắc, tả cảnh vật mà bộc lộ nỗi niềm, tâm trạng của tác giả.

Qua bài thơ *Qua đèo Ngang* ta không chỉ ấn tượng bởi nghệ thuật tài tình, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất cổ điển đường thi và chất dân dã của dân tộc, mà còn bị cuốn hút bởi nội dung. Bức tranh phong cảnh đèo Ngang hiu quạnh, mệnh mông đã thể hiện tâm trạng buồn bã, nỗi niềm nhớ nước, thương nhà của tác giả.

ĐỀ SỐ 4: Cảm nhận về bài thơ *Bánh trôi nước* của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

BÀI LÀM

Trong xã hội phong kiến xưa, người phụ nữ luôn phải chịu những bất công, những định kiến đầy nghiệt ngã của xã hội. Sinh ra là người phụ nữ đã định sẵn những bất công, khác với các bậc nam nhi, họ bị coi thường, khinh rẻ, đối xử tàn nhẫn. Đó chính là nàng Kiều, nàng Tiểu Thanh trong thơ Nguyễn Du, là Vũ Thị Thiết trong tác phẩm của Nguyễn Dữ... Trong xã hội phong kiến ấy, người phụ nữ không có tiếng nói, cũng như bất kì địa vị gì. Hồ Xuân Hương đã được xem như một hiện tượng của nền văn học Việt Nam. Vì lần đầu tiên trong lịch sử văn chương, có người phụ nữ đề cao người phụ nữ, cất những vần thơ đấu tranh cho số phận của người phụ nữ, châm biếm, đả kích, thậm chí là hạn bệ các "thần tượng" trong xã hội lúc bấy giờ

là vua chúa, quan lại, giai cấp thống trị. Một trong những bài thơ tiêu biểu của Hồ Xuân Hương là bài thơ "Bánh trôi nước".

Thơ Hồ Xuân Hương có cái sắc sảo trong câu từ, châm biếm chua cay khi phê phán giai cấp thống trị, những con người có chức có quyền nhưng sống tàn nhẫn, giả dối, đáng khinh. Lần đầu tiên có người dám lên tiếng và đả kích mạnh mẽ như vậy. Tuy nhiên, khi viết về những người phụ nữ, Hồ Xuân Hương lại luôn dành cho họ sự đồng cảm sâu sắc cùng với thái độ thiết tha nhất, bài thơ "Bánh trôi nước" viết về thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, đó là một thân phận nổi trôi, phù du và vận mệnh, cuộc sống của mình họ không được tự định đoạt mà hoàn toàn là do những người đàn ông, những người chồng của họ.

"Thân em vừa trắng lại vừa tròn"

Bảy nổi ba chìm với nước non"

Mở đầu bài thơ, nhà thơ Hồ Xuân Hương đã gợi mở những hình ảnh của những chiếc bánh trôi nước. Bánh trôi nước là loại bánh làm bằng bột gạo nếp, qua bàn tay của những người nghệ nhân thì khi nặn xong chúng có hình dạng tròn trịa cùng một màu trắng đặc trưng của gạo. Ở trong bài thơ này, nhà thơ Hồ Xuân Hương đã mượn hình ảnh của những chiếc bánh trôi nước để nói về cuộc sống và số phận của những người phụ nữ trong xã hội xưa. Hiểu như thế ta có thể thấy qua hình ảnh tròn, trắng của những chiếc bánh trôi gợi ra vẻ đẹp bên ngoài, vẻ đẹp hình thể của những người phụ nữ.

Đó chính là một vẻ đẹp tươi mới, tròn trịa, đầy sức sống "Thân em vừa trắng lại vừa tròn". Nhưng đối nghịch với vẻ đẹp đầy sức sống đó lại là một số phận, tương lai đầy mịt mờ, tăm tối "Bảy nổi ba chìm với nước non". Về ý nghĩa tả thực, ta có thể hiểu đây là quá trình luộc chín bánh, hoàn thành bước cuối cùng. Nhưng đây cũng chỉ là một hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng. Bởi nó gợi ra số phận, cuộc đời đầy thăng trầm, biến đổi của những người phụ nữ. Như đã nói, trong xã hội xưa, sinh ra trong thân phận của người phụ nữ vốn đã là một thiệt thòi, bất công.

Bởi từ khi sinh ra đến lúc dựng vợ gả chồng thì họ hoàn toàn không được quyết định bất cứ vấn đề gì, kể cả tình yêu, đối tượng kết hôn, hạnh phúc của cả cuộc đời mình, vì trong xã hội xưa có quan niệm "Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy", hay "xuất giá tòng phu", nghĩa là một khi đã lấy chồng thì mọi việc đều phải theo chồng. Vì vậy mà số phận thăng hay trầm đều hoàn toàn dựa vào người chồng của mình:

"Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn"

Mà em vẫn giữ tấm lòng son"

Đến câu thơ này thì ý niệm của hai câu thơ đầu được thể hiện, triển khai một cách rõ nét, cụ thể hơn. Nếu như những chiếc bánh trôi tròn, méo, rắn, nát đều phụ thuộc vào

tay người nặn, nếu như được họ cẩn trọng, nâng niu thì khi hoàn thành chiếc bánh sẽ có hình tròn mà màu trắng trong. Ngược lại, nếu người nghệ nhân vô tâm, hời hợt thì chiếc bánh sẽ bị méo mó, và khi luộc trong nước sẽ bị vỡ. Đối với người con gái trong xã hội xưa cũng vậy, nếu may mắn gặp được người cũng biết yêu thương, trân trọng thì cuộc sống của họ sẽ hạnh phúc, vui vẻ; còn khi lấy phải người chồng độc đoán, vũ phu thì họ sẽ có cuộc sống đau khổ, bất hạnh. Nhưng dẫu cuộc sống có bất biến, phù du thì những người con gái ấy vẫn giữ được vẻ đẹp trong trắng thủy chung trong tâm hồn. Đến đây thì hình ảnh của những người phụ nữ trong xã hội xưa được hoàn thiện, không chỉ có vẻ đẹp ngoại hình mà vẻ đẹp tâm hồn của họ rất đáng được trân trọng.

Mượn hình ảnh của những chiếc bánh trôi, nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã xây dựng thành công hình ảnh của người phụ nữ xưa, đó là những người phụ nữ có vẻ đẹp toàn diện, không chỉ là vẻ đẹp hình thức mà còn là vẻ đẹp của tâm hồn. Dẫu có những bất hạnh, đau khổ thì vẻ đẹp tâm hồn ấy không những không mất đi mà còn sáng rực lên những tia sáng của phẩm chất, đạo đức. Thông qua bài thơ, nhà thơ cũng thể hiện sự đồng cảm sâu sắc với thân phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

ĐỀ SỐ 5: Cảm nhận về bài thơ Tiếng gà trưa của nhà thơ Xuân Quỳnh

BÀI LÀM

Xuân Quỳnh (1942 – 1988) là nhà thơ nữ được nhiều người yêu thích. Thơ chị trẻ trung, sôi nổi, giàu chất trữ tình, vốn xuất thân từ nông thôn nên Xuân Quỳnh hay viết về những đề tài bình dị, gần gũi của cuộc sống đời thường như tình mẹ con, bà cháu, tình yêu, tình quê hương, đất nước. Ngay từ tập thơ đầu tay *Tơ tằm – Chồi biếc* (in chung – 1963), Xuân Quỳnh gây được sự chú ý bởi phong cách thơ mới mẻ. Hơn hai mươi năm cầm bút, chị đã sáng tác nhiều tập thơ có giá trị, tạo ấn tượng khó quên trong lòng người đọc, trong đó “**Tiếng gà trưa**”.

Bài thơ **Tiếng gà trưa** được viết trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ trên phạm vi cả nước. Bị thua đau ở chiến trường miền Nam, giặc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh phá hoại bằng máy bay, bom đạn... ra miền Bắc, hòng tàn phá hậu phương lớn của tiền tuyến lớn. Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, hàng triệu thanh niên đã lên đường với khí thế : Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người chiến sĩ trẻ đang cùng đồng đội trên đường hành quân vào Nam chiến đấu.

Đây là tác phẩm viết theo thể thơ tự do, trừ cụm từ Tiếng gà trưa ba tiếng, còn lại, mỗi câu thơ gồm năm âm tiết, nối nhau, mở đầu và kết thúc theo ý tưởng và cảm xúc của nhà thơ. Ta có thể coi bài Tiếng gà trưa là thơ ngũ ngôn, một thể thơ gốc Việt

Nam, bắt nguồn từ thể hát dặm Nghệ Tĩnh và về dân gian. Bài thơ, vì thế, có giọng điệu kể chuyện tâm tình, nhẹ nhàng, thủ thỉ, tự sự, miêu tả và biểu cảm xen nhau. Trong bài thơ, cụm từ ba âm tiết Tiếng gà trưa điệp lại bốn lần ở đầu mỗi khổ thơ. Mỗi lần cất lên, câu thơ ấy gợi một hình ảnh, hoặc sự việc trong kỉ niệm tuổi thơ của chính tác giả và của nhân vật trữ tình - người chiến sĩ đang hành quân. Điệp ngữ Tiếng gà trưa như dòng nhạc chủ âm vừa kết nối các đoạn thơ vừa điểm nhịp cho từng cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình.

Tiếng gà trưa đã gợi nhớ về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình, quê hương đã làm sâu sắc thêm tình yêu đất nước. Bao trùm bài thơ là nỗi nhớ còn cao, da diết. Nhớ nhà, đó là tâm trạng tất yếu của những người lính trẻ vừa bước qua hoặc chưa bước qua hết tuổi học trò đã phải buông cây bút, cầm cây súng ra đi đánh giặc cứu nước. Nỗi nhớ ở đây thật giản dị và cụ thể. Chỉ một tiếng gà trưa bất chợt nghe thấy khi dừng chân bên xóm nhỏ là đã gọi dậy cả một trời thương nhớ. Tiếng gà nhảy ổ làm xao động nắng trưa và cũng làm xao xuyến hồn người. Nghe tiếng gà mà như nghe thấy tiếng quê hương an ủi, vỗ về và tiếp thêm sức mạnh. Điệp từ nghe được nhắc lại ba lần, mở đầu ba câu thơ liên tiếp thể hiện sự rung cảm cao độ trong tâm hồn chiến sĩ:

Trên đường hành quân xa

Dừng chân bên xóm nhỏ

Tiếng gà ai nhảy ổ

Cục... cục tác cục ta

Nghe xao động nắng trưa

Nghe bàn chân đỡ mỏi

Nghe gọi về tuổi thơ...

Quê nhà hiện lên rõ nét trong tâm tưởng và những kỉ niệm tuổi thơ lần lượt sống dậy qua những hình ảnh thân thương. Tiếng gà trưa nhắc nhở đến ổ rơm hồng những trứng của mấy chị mái mơ, mái vàng xinh xắn, mắn đẻ. Tiếng gà trưa khiến người cháu xa nhà nhớ đến người bà kính yêu một đời tần tảo. Thương biết mấy là cảnh đứa cháu tò mò xem gà đẻ, bị bà mắng: *Gà đẻ mà mày nhìn, / Rồi sau này lang mắt*. Chẳng hiểu hư thực ra sao nhưng cháu tin là thật: *Cháu về lấy gương soi, / Lòng đại thơ lo lắng*. Giờ đây, đứa cháu đã trưởng thành ao ước trở về thời bé bỏng để lại được nghe tiếng mắng yêu của bà, được thấy bóng dáng quen thuộc của bà khum tay soi trứng, chắt chiu từng mầm hi vọng sẽ có được một đàn gà con đông đúc.

Suốt một đời lam lũ, lo toan, bà chẳng bao giờ nghĩ đến bản thân mà chỉ lo cho cháu, bởi đứa cháu đối với bà là tất cả. Bà thầm mong đàn gà thoát khỏi nạn dịch mỗi khi mùa đông tới: *Để cuối năm bán gà, / Cháu được quần áo mới*. Ao ước của đứa cháu có được cái quần chéo go, cái áo cánh chúc bầu còn nguyên vẹn lần hồ sột soạt và thơm mùi vải mới được nhân lên gấp bội trong lòng bà yêu cháu. Hạnh phúc gia đình giản dị, đầm ấm mà rất đời thường liêng cùng bao khát vọng tuổi thơ dường như gói gọn cả trong tiếng gà trưa:

Tiếng gà trưa

Mang bao nhiêu hạnh phúc,

Đêm cháu về nằm mơ

Giấc ngủ hồng sắc trứng.

Thông qua nỗi nhớ được khơi dậy từ tiếng gà trưa, nhà thơ Xuân Quỳnh đã miêu tả tâm hồn trong sáng, hồn nhiên và tình cảm yêu mến, kính trọng bà của một em bé nông thôn. Tình bà cháu thấm thiết đã trở thành một phần quan trọng trong đời sống tinh thần của người chiến sĩ hôm nay đang trên đường hành quân chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước:

Cháu chiến đấu hôm nay

Vì lòng yêu Tổ quốc

Vì xóm làng thân thuộc

Bà ơi, cũng vì bà

Vì tiếng gà cục tác

Ổ trứng hồng tuổi thơ.

Khổ thơ cuối cùng là lời tâm sự chân thành của đứa cháu chiến sĩ trên đường ra tiền tuyến gửi về người bà kính yêu ở hậu phương. Từ tình cảm cụ thể là tình bà cháu đến tình cảm lớn lao như lòng yêu Tổ quốc, yêu xóm làng thân thuộc đều được biểu hiện bằng hình thức nghệ thuật giản dị, mộc mạc như lời ăn tiếng nói hằng ngày; ấy vậy mà nó lại gây xúc động sâu xa bởi nhà thơ đã nói giúp chúng ta những điều thiêng liêng nhất của tâm hồn.

Đọc bài thơ *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh, một lần nữa chúng ta nhận thấy rằng nhà văn Nga I-li-a Ê-ren-bua thật sáng suốt khi đúc kết nên chân lí: Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.. "Tiếng gà trưa" đã gọi về những kỉ niệm của tuổi thơ thơ mộng và tình bà cháu đậm đà thấm thiết. Những tình cảm gia đình, quê hương đã làm sâu sắc thêm tình yêu nước và nhắc nhà chúng ta tinh thần, trách nhiệm đối với đất nước hôm nay.

ĐỀ SỐ 6: Phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ *Rằm tháng giêng* của chủ tịch Hồ Chí Minh.

BÀI LÀM

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam. Người được biết đến không chỉ với tư cách là một nhà hoạt động cách mạng, mà còn với vị trí của một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc. Trong số những tác phẩm Bác để lại, bài thơ “Rằm tháng giêng” là một tác phẩm nổi bật để lại trong lòng người đọc nhiều suy tư sâu sắc.

Bài thơ được Bác viết bằng thể thơ cổ, sử dụng trong thơ ca trung đại: thất ngôn tứ tuyệt. Về sau, bài thơ được dịch giả Xuân Thủy dịch sang thể thơ lục bát với tên gọi quen thuộc đó là “Rằm tháng giêng”:

*“Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân
Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.”*

Bài thơ được sáng tác vào năm 1947, lúc này Bác đang bận bịu công việc, chiến trận đang diễn ra ác liệt, người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh phải vượt qua khắc nghiệt của thời đại, ngắm nhìn vàng trăng và đưa ra vần thơ tuyệt diệu:

*“Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân”*

Bức tranh đêm trăng đẹp được bác vẽ ra thật đẹp, lúc ấy đã về khuya, trời đã bắt đầu có những cơn gió nhẹ. Mặt trăng tròn, tỏa ánh sáng khắp nơi khiến nhân gian dòng sông trăng lấp lánh. Trăng soi màu trời, trăng soi tiếng hát, trăng soi cả những con người đang ngồi ngắm ánh trăng giữa đêm khuya với tâm trạng đầy những tâm sự. Bác sử dụng từ láy “lồng lộng” để nói về sắc thái ánh trăng đêm nay. Ánh trăng tỏa sáng như đang ấp ôm, xoa dịu những tâm hồn lo lắng nhay cảm trước những quyết sách lớn đối với vận mệnh của đất nước.

Ánh trăng ngày xuân làm vạn vật cũng trở nên xuân. Sắc xuân từ ánh trăng chan hòa vào cảnh vật, vào thiên nhiên, vào cuộc sống:

“Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân”

Các hình ảnh “sông xuân”, “nước xuân” và “trời xuân”. Các hình ảnh trên của mùa xuân như đang soi chiếu vào lẫn nhau, tôn lên nhau làm rạng rỡ thêm cho vẻ đẹp mùa xuân. Điệp từ “xuân” lặp lại ba lần như khẳng định cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân trong đêm rằm. Không gian ấy được mở ra theo chiều cao, chiều sâu và cả chiều rộng khiến bức tranh đêm nguyên tiêu không chỉ bó hẹp mà lại mở ra đến vô cùng vô tận.

*“Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền”*

Vẻ đẹp thiên nhiên rực rỡ cũng không làm cho người chiến sĩ quên đi nhiệm vụ trọng đại đang gánh vác. Ánh trăng kia thấu cảm cho sự vất vả, lo toan của người thi nhân – chiến sĩ. Có lẽ chỉ cần như thế là đủ để thấy được tinh thần trách nhiệm và niềm mong muốn của Bác to lớn đến thế nào. Vàng trăng vẫn lặng lẽ dõi theo con người với tâm hồn cao đẹp đợi chờ lúc họ trở về:

“Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền”

Đã đến khuya vậy mà trăng vẫn tràn ngập khắp nơi, trăng như đang chờ, đồng hành, đồng cảm cùng thi nhân. Hình ảnh “trăng ngân đầy thuyền” rất đẹp và lạ, ánh trăng soi rọi nước hay là ánh trăng “roi xuống mạn thuyền” theo thi nhân đi vào bàn bạc quân tình, chính sự.

Trăng gần bó với người nghệ sĩ biết trân quý vẻ đẹp của trăng và chính người nghệ sĩ ấy cũng có một tâm hồn lãng mạn mới đủ sức nhìn thấy đêm trăng đồng hành, đồng cảm. Trong hoàn cảnh chiến tranh mà con người và thiên nhiên vẫn giao cảm, đồng hành và chia sẻ cùng nhau. Tác giả phải có tâm hồn lạc quan, yêu thiên nhiên thì mới viết nên những vần thơ hay và lay động lòng người như vậy.

Bài thơ “Rằm tháng giêng” Bác đã vẽ ra bức tranh ngày xuân tuyệt đẹp và có nhiều điều trăn trở về vận mệnh ẩn sâu trong từng câu thơ. Bài thơ cũng cho thấy được phong thái ung dung, tinh thần lạc quan trong mọi hoàn cảnh của Bác, Bác phải có tâm hồn lạc quan, yêu thiên nhiên thì mới viết nên những vần thơ hay và lay động lòng người như vậy.

Có thể nói “Rằm tháng giêng” là bài thơ tứ tuyệt cô đọng nhưng đã thể hiện được nhiều nội dung ý nghĩa đặc sắc. Qua bức tranh trăng trên sông nước mùa xuân đẹp thi vị lãng mạn, tâm hồn của người thi sĩ – chiến sĩ Hồ Chí Minh cũng được thể hiện sâu sắc. Đây chỉ là một trong vô vàn bài thơ viết về ánh trăng của Bác, mỗi bài thơ lại là một nét vẽ đặc sắc riêng, thế nhưng vàng trăng trong bài thơ “rằm tháng giêng” mãi là ghi dấu ấn đặc biệt trong lòng độc giả mọi thời đại..

ĐỀ SỐ 7: Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ *Cảnh khuya* của chủ tịch Hồ Chí Minh.

BÀI LÀM

Chủ tịch Hồ Chí Minh vốn là một con người có tâm hồn nghệ sĩ. Người có tình yêu thiết tha với thiên nhiên vạn vật, ngay lúc còn trong ngục tối, thời gian bị giam hãm nhưng đứng trước vẻ đẹp của thiên nhiên, bằng những rung cảm mãnh liệt Bác đã tạo ra những bài thơ tuyệt tác. Cho đến những ngày hoạt động ở chiến khu Việt Bắc đầy gian lao, vất vả nhưng tâm hồn Bác vẫn không thôi hướng về thế giới. Và bài thơ *Cảnh khuya* là một trong những bài thơ được tạo ra từ những rung động trước cuộc sống như thế.

Bài thơ *Cảnh khuya* được viết bằng chữ quốc ngữ mang đậm tính hiện đại. Cũng vẫn là khung cảnh núi rừng Việt Bắc nhưng lại là khung cảnh thiên nhiên ở một chiều kích không gian khác. Mở đầu bài thơ là âm thanh vang vọng núi rừng:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

Hai câu thơ đầu của bài thơ, tác giả diễn tả về cảnh về đêm của núi rừng Việt Bắc. Càng về đêm, trăng càng lên cao, càng sáng tỏ, ánh trăng bao phủ khắp mặt đất, tưởng chừng như khắp bầu trời Việt Bắc trong đêm tối bỗng có ánh trăng làm thức tỉnh biết bao nhiêu cảnh vật đẹp đến lạ lùng. Trong đêm thanh vắng, núi rừng yên tĩnh chỉ có tiếng suối chảy văng vẳng đâu đây. Tiếng suối ở đây không phải ào ạt như

thác chảy, cũng không róc rách nhưng tiếng nước nhỏ giọt mà ngược lại, đây là tiếng âm thanh rì rào từ xa vọng đến. Nghe như một bản nhạc ru dương không người đánh mà do chính mẹ thiên nhiên đang hát ru cho những đứa con bé bỏng của mình ngủ yên. Cảm nhận của Bác thật tinh tế và độc đáo, chỉ là tiếng nước chảy mà Bác lắng nghe ra tiếng hát từ xa vọng lại. Tiếng suối trong đêm phá tan đi bầu yên tĩnh, chỉ có tiếng suối và người nghe, êm ả, vang vọng trong đêm sâu lắng. Bác đã sử dụng nghệ thuật lấy động tả tĩnh, lấy nét vẽ tinh tế để gợi tả được cảnh núi non hùng vĩ nhưng cũng đầy nét mộng mơ giữa núi rừng nơi đây.

“Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”

Đến câu thơ tiếp theo, Bác ngẩng nhìn lên bầu trời cao, nơi có ánh trăng chiếu rọi và những ngôi sao sáng lấp lánh trong đêm. Phía trên cao nhất là ánh trăng, tầng giữa là những tầng cây cổ thụ và tầng thấp nhất là hoa, là rừng là tất cả những sinh vật trên mặt đất. Ánh trăng bao phủ khắp nơi, ánh trăng xuyên qua kẽ lá, tán cây, ánh trăng như đang âu yếm và dang rộng vòng tay che chở và ôm chặt lấy thiên nhiên, hoa cỏ. Ánh trăng lồng vào tán cây, ánh trăng chiếu rọi vào những giọt sương còn lấp đọng trên những chiếc lá, những bông hoa. Dường như trăng đang làm ông hoàng ngự trị khi màn đêm buông xuống. Không còn nóng bức giống như mặt trời, trăng nhẹ nhàng, dịu mát ôm ấp tất cả những điều của cánh rừng Việt Bắc này. Tác giả sử dụng chữ “lồng” như đang muốn nói đến sự chở che, bao bọc của người mẹ thiên nhiên, muốn dang rộng vòng tay, đón lấy những đứa con của mình vào lòng.

Cảnh khuya trong sáng, lung linh huyền ảo. Đọc vần thơ ta nghe như có nhạc, có họa, bức tranh cảnh núi rừng Việt Bắc thơ mộng biết bao. Người xưa từng nói thi trung hữu họa, thi trung hữu nhạc quả thật không sai. Đối với Bác trăng đã trở nên tri âm tri kỷ nên làm sao có thể hờ hững trước cảnh đẹp đêm nay. Trăng luôn làm bạn với Bác trong những đêm khuya thanh tĩnh. Trăng và người như đôi bạn tri kỷ, không lúc nào có thể thiếu nhau. Trăng cùng Bác tâm sự, bày tỏ nỗi lòng mình. Bác đi đến đâu, trăng cũng luôn soi rọi, chiếu sáng cho người bạn “già” của mình.

Với một tâm hồn thi sĩ đang ngây ngất trước những giây phút đắm mình giữa cảnh khuya của chiến khu Việt Bắc. Khác với những trận chiến đấu sinh tử, nơi mà con người ta phải luôn đối mặt với sự sống và cái chết, không ngờ lại có một cảnh đẹp tuyệt mỹ đến vậy. Tâm hồn người nghệ sĩ bỗng hòa quyện với đêm trăng thanh tĩnh, bởi làm sao bác có thể bỏ lỡ được cảnh sắc tuyệt đẹp nơi trần gian đến vậy. Phải chăng, đêm nay Bác không ngủ là do Bác muốn ngắm cảnh đẹp? Không cuộc đời Bác có phút nào không nghĩ về nhân dân, về đất nước. Cuộc đời Bác là một chặng đường dài không nghỉ. Bởi vậy mà đêm nay Bác không ngủ không phải vì Bác chỉ muốn ngắm trăng mà Bác còn lo cho nước nhà:

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà

Nước nhà vẫn đang chiến tranh, nhân dân vẫn phải chịu nhiều áp bức, biết bao nhiêu đồng chí của ta phải ngã xuống. Chặng đường giải phóng còn ở phía trước thì làm sao Bác có thể ngủ yên giấc được. Nỗi nhớ nhà lo cho nước nhà làm cho trái tim Bác luôn thổn thức. Bác thức trong đêm khuya không sao ngủ được. Đã có biết bao đêm Bác của chúng ta cũng mất ngủ như vậy, Bác luôn trăn trở và canh cánh trong lòng về nước nhà:

Một canh, hai canh, lại ba canh

Trần trọc bần khoản giấc chẳng thành

Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh

Người chưa ngủ vì lo cho nước, lo cho dân, lo cho những chiến sĩ, lo cho cuộc kháng chiến gian nan của dân tộc. Hình ảnh ấy của Người thật đẹp, thật rạng rỡ, phần nào tưởng còn phát ánh hào quang mạnh hơn cả chính bóng trắng đang vẽ chân dung Người.

Sóng Hồng đã từng nói: "Thơ là thơ, là nhạc, là họa, là trạm khắc theo một cách riêng". Người nghệ sĩ làm thơ đâu chỉ là sự sắp xếp vần và con chữ mà còn bằng cảm xúc của mình vẽ nên hình cho người ta thấy, khắc vào lòng người ta những ấn tượng khó phai. Và có lẽ đó là tất cả những gì mà ta có thể cảm thấy trong bài "Cảnh khuya". Đọc bài thơ, ta không chỉ thấy tâm hồn thi sĩ của Bác mà còn cảm nhận sâu sắc nỗi lòng vì dân vì nước của vị lãnh tụ vĩ đại đồng thời khắc vào lòng những ấn tượng về một tượng đài có sức sống vĩnh hằng.

ĐỀ SỐ 8: Cảm nhận của em về nhân vật Thành và Thủy trong “ Cuộc chia tay của những con búp bê”- Khánh Hoài.

BÀI LÀM

Trong cuộc sống, bất cứ cuộc chia tay nào cũng khiến người ta phải đau lòng và thổn thức, đó là sự chia ly bất đắc dĩ của tình yêu, tình thân bởi vì những lý do khác nhau, mà sự chia ly trở thành cách giải quyết hợp lý nhất. Trong đó có lẽ đau đớn nhất là viễn cảnh cuộc chia tay của các bậc làm cha, làm mẹ đã vô tình khiến con cái của họ, những đứa trẻ ngây thơ chưa hiểu thế nào là chia ly phải đau đớn, phải chịu cú sốc lớn trong cuộc đời mà như nhân vật Thành trong truyện ngắn **Cuộc chia tay của những con búp bê** của Khánh Hoài đã để lại cho người đọc những thổn thức, xót xa không nguôi.

Câu chuyện diễn ra trong hoàn cảnh hết sức buồn bã, bố mẹ của hai đứa trẻ là Thành và Thủy ly hôn, người mẹ được quyền nuôi đứa em là Thủy, còn Thành vì lớn hơn nên ở với bố. Hai đứa trẻ đáng thương chẳng có quyền lựa chọn cuộc sống cho riêng mình, phải chia cắt trong nước mắt. Nhan đề "Cuộc chia tay của những con búp bê", chính là sự ẩn dụ cho sự chia tay của hai đứa trẻ, búp bê cũng như hai đứa trẻ ấy, chúng chẳng có lỗi làm gì, lỗi là ở người lớn nhưng tai họa lại đổ lên đầu trẻ con, búp bê vô tri, nhưng vì Thành và Thủy chia tay nên chúng cũng phải xa nhau. Đó chính là mối quan hệ liên hoàn nối tiếp các sự việc. Đặt nhan đề như thế vừa gây ấn tượng với độc giả, vừa gây nên cho người ta những suy nghĩ thật sâu xa, về hành động của con người, của những bậc làm cha đã gián tiếp để lại những đau khổ cho con em của mình như thế nào.

Câu chuyện có sự xuất hiện của hai nhân vật chính là người anh tên Thành, đứa em gái tên Thủy, toàn bộ câu chuyện và diễn biến tâm lý nhân vật đều được thể hiện thông qua cái nhìn của người anh với ngôi kể thứ nhất. Điều đó là hoàn toàn hợp lý vì Thành đã lớn, đã hiểu chuyện, dưới sự quan sát của cậu, nhân vật Thủy được bộc lộ rõ hơn cả về nội tâm và hành động, khiến câu chuyện trở nên chân thực và cảm động

hơn. Thủy là một cô bé ngoan, khéo tay, lại rất thương anh, cô bé còn nhỏ nên vẫn không thể tin nổi vào chuyện ba mẹ chia tay nhau, mình sắp phải xa anh trai, xa bố. Thế nên tất cả cảm xúc của cô bé đều biểu lộ ra ngoài, Thủy kinh hoàng, tuyệt vọng và bất lực, ở độ tuổi ấy cô bé chỉ biết khóc, tiếng khóc ấy "nức nở, tức tưởi" tức tưởi cả đêm, khóc đến mức "hai bờ mi đã sưng mọng", đôi mắt thương ngày vốn lanh lợi, tinh nghịch, nay chỉ còn một nỗi buồn thăm thẳm. Có lẽ cô bé vẫn chưa thể chấp nhận chuyện đau khổ này, gia đình vốn đang êm ấm lắm cơ mà.

Cuộc chia tay như cơn ác mộng ập đến khiến Thủy trở nên im lặng hơn, dường như nội tâm cô bé đã thay đổi, đã trưởng thành hơn, cú sốc này đau đớn quá khiến cô bé trở nên dờ dẩn, thần thờ. Đến chuyện chia đồ chơi, vốn là những thứ trẻ con quan tâm nhất, nhưng Thủy cũng không màng nữa, Thủy nhường hết cho anh, bởi Thủy thương anh, gia đình tan vỡ, đồ chơi còn có nghĩa lý gì nữa không, đôi mắt cô bé cứ "ráo hoảnh nhìn vào khoảng không, thỉnh thoảng lại nấc lên khe khẽ", một cảnh tượng khiến người ta thất lòng, thất ruột. Thế nhưng duy chỉ việc Thành chia đôi con "Vệ Sĩ" với con "Em Nhỏ" thì Thủy lập tức thay đổi thái độ, cô bé "tru tréo lên giận dữ", nói như hét lên "Anh lại chia rẽ con Vệ Sĩ với con Em Nhỏ ra à? Sao anh ác thế?". Có thể nhiều người nghĩ đó là hành động trẻ con của một đứa bé khi thấy chuyện không vừa ý, nhưng không phải vậy đâu. Thủy đã cố kiềm chế cảm xúc của mình từ sau trận khóc hôm qua và đang cố chấp nhận sự thật, nhưng hành động của Thành đã khiến lớp vỏ nguội trang ấy vỡ vụn, bởi đôi búp bê ấy là tượng trưng cho tình của hai anh em, vốn thân thiết gắn bó bấy lâu, nay Thành với Thủy phải chia tay, nhưng Thủy không muốn nhìn thấy búp bê cũng phải chia tay, bởi chúng chẳng có lỗi gì cả, thật ác độc khi làm như vậy. Câu nói của cô bé dường như cũng như là lời trách móc sâu cay hành động của cha mẹ, vì sao cha mẹ chia tay mà còn bắt anh em Thủy chia tay nữa, thật nhẫn tâm vậy sao. Nhưng Thủy cũng ái ngại vì nếu để con Vệ Sĩ đi theo mình, thì ai sẽ canh giấc ngủ cho anh. Đặc biệt cho sự chu đáo, ân cần, hiếu thảo của Thủy còn thể hiện ở việc cô bé muốn được chào bố trước khi đi, nhưng buồn thay người bố vẫn biệt tăm.

Hai anh em lại dắt tay nhau đến trường, để cho Thủy chào tạm biệt trường, cô và các bạn. Thủy chẳng hề muốn rời xa nơi cô bé đã gắn bó suốt từ khi sinh ra một chút nào, thế nên suốt quãng đường "mắt em cứ nhìn đau đáu vào một gốc cây hay một mái nhà nào đó", để khắc sâu vào trong tim những hình ảnh rất quen thuộc đó, Thủy sợ mai đi xa, Thủy sẽ quên mất, sẽ không còn nhớ đến nơi này nữa. Bước đến trường, những thứ quen thuộc như ghế đá, sân trường, cảnh cô giáo giảng bài bỗng khiến Thủy bật khóc thút thít. Hóa ra Thủy sẽ không được đi học nữa, mà phải bước vào cuộc sống mưu sinh cùng mẹ ở quê với một thùng hoa quả, cuộc chia tay của cha mẹ đã khiến Thủy rơi vào bế tắc như vậy. Thủy vẫn rất tinh tế, vì sợ ảnh hưởng đến giờ học, câu nói cuối cùng của Thủy dường như đã đánh một dấu mốc quan trọng trong sự thay

đổi nơi tâm hồn của cô bé "Thôi, em chào cô ở lại. Chào tất cả các bạn tôi đi", như vậy đây là sự chia đầu tiên trong cuộc đời Thủy, với cô, với bạn bè, với trường lớp.

Cảnh Thủy chính thức chia tay Thành lại càng khiến người ta thổn thức. Cô bé, sau nhiều đắn đo suy nghĩ, cuối cùng cũng phải chấp nhận chia cắt Vệ Sĩ và Em Nhỏ, bởi quan trọng hơn hết, cô bé quan tâm cho anh trai hơn cả. Còn đặc biệt dặn dò anh trai "Bao giờ áo anh có rách, anh tìm về chỗ em, em vá cho, anh nhé,...". Có thể thấy được tình cảm gắn bó sâu sắc của hai anh em Thành và Thủy, đặc biệt là tấm lòng yêu thương, hiếu thảo với anh trai của cô bé Thủy. Kết truyện, cô bé Thủy vẫn không muốn Vệ Sĩ và Em Nhỏ rời xa nhau, đó là chấp niệm trong lòng cô bé, đó là hình ảnh tượng trưng cho tình cảm của hai anh em. Thủy bắt Thành hứa không để hai con búp bê rời xa nhau, như một lời cam kết về tình cảm vững bền của hai anh em, dù xa nhau nhưng vẫn mãi nhớ đến nhau.

Trong truyện những chi tiết miêu tả về nội tâm của nhân vật Thành rất ít, vì Thành đóng vai trò là người kể, người quan sát mọi việc. Tuy nhiên qua những lời nói là hành động của Thành ta dễ dàng nhận ra Thành là một đứa trẻ hiểu chuyện, có suy nghĩ trưởng thành. Thành cố tạo ra cho mình lớp vỏ bọc mạnh mẽ, kiềm chế cảm xúc "cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc to", mặc dù lòng rất đau "nước mắt cứ tuôn ra như suối, ướt đầm cả gối và hai cánh tay áo". Thành ví chuyện cha mẹ chia tay, hai anh em Thành phải xa nhau là một "tai họa", chỉ mong đó là giấc mơ chứ không phải sự thực. Chứng tỏ so với Thủy, Thành cũng đau đớn vô cùng, nỗi đau của Thành hiện lên trong cái cười nhếch mép đầy cay đắng, khi Thành nhớ về chuyện Thủy để con Vệ Sĩ gác đêm cho mình ngủ. Thành rất thương em gái, chia đồ chơi cũng dành phần lớn cho em, ánh mắt nhìn em gái đầy xót xa khi thấy em trông bố về. Trong cả câu chuyện thế giới nội tâm của Thủy được miêu tả rất kỹ càng và chi tiết chính là nhờ vào tình cảm yêu thương em gái tha thiết của nhân vật Thành. Nếu như Thủy cố gắng nhìn thật kỹ từng cảnh vật nơi phố phường, để khắc sâu vào tâm trí, thì Thành lại dành phần lớn thời gian để dõi theo em gái, với ánh mắt yêu thương, xót xa, đau đớn. Cũng giống như Thủy, Thành đang cố gắng khắc sâu bóng hình em gái vào tim, Thành sợ khoảng cách sẽ làm tình cảm anh em phai nhạt dần, nên Thành phải nhớ kỹ từng giây phút còn ở bên Thủy. Phút chia tay, sự mạnh mẽ của Thành cuối cùng cũng đổ vỡ, cậu khóc nức lên, méo méo hứa không chia cắt cặp búp bê với Thủy, bắt lực chôn chân nhìn mẹ và em rời xa. Đoạn kết truyện mãi để lại cho độc giả những cảm xúc không thể nói thành lời, nỗi xót xa, cảm động cho tình cảm của hai anh em trước cuộc chia ly bất đắc dĩ, mà thủ phạm lại là những người lớn trong gia đình.

Cuộc chia tay của những con búp bê là một truyện ngắn rất sâu sắc và cảm động về tình cảm anh em ruột thịt trong gia đình, về nỗi đau đớn, xót xa khi phải chia lìa nhau. Từ đó mỗi con người chúng ta đều rút ra được bài học sâu sắc về tình cảm gia đình, hãy biết trân trọng những người thân yêu ở bên cạnh bạn. Đồng thời các bậc

cha mẹ phải ý thức được việc mình làm, đừng vì sự ích kỷ của bản thân mà khiến con trẻ phải chịu tổn thương sâu sắc như hai nhân vật Thành và Thủy trong câu chuyện.

1. “Bài thơ anh anh làm một nửa mà thôi
Còn một nửa cho mùa thu làm lấy
Cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá
Nó không là anh nhưng nó là mùa” (Sổ tay thơ, Chế Lan Viên),
2. “Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên ; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn”. (Thạch Lam)
3. “Một nhà nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo trong cốt tủy”. (Sê khốp)
4. “Nhà văn phải là người thư kí trung thành của thời đại”. (Banlzac)
5. “Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng”. (CharlesDuBos)
6. “Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp”. (Ai ma tôp)
7. “Thi ca là một tôn giáo không kỳ vọng.” (Jean Cocteau)
8. “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nẩy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý.” (M.Gorki)
9. “Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (Nam Cao)
10. “Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người . (Nguyễn Văn Siêu)
11. “Thơ ca làm cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời trở thành bất tử.” (Shelly)
12. “Thơ là rượu của thế gian.” (Huy Trục)
13. “Trong tâm hồn con người đều có cái van mà chỉ có thơ ca mới mở được.” (Nhêcoraxop).
14. “Trên đời, có những thứ chỉ giải quyết được bằng thơ.” (Maiacôpxki)
15. “Niềm vui của nhà thơ chân chính là niềm vui của người mở đường vào cái đẹp, của người biết đi tới tương lai.” (Pautôpxki)
16. “Nhà thơ, ngay cả các nhà thơ vĩ đại nhất cũng phải đồng thời là những nhà tư tưởng.” (Biêlinxki)
17. “Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên Trái Đất.” (Béc-tôn Brếch)
18. “Thơ là sự sung mãn của tình cảm mãnh liệt.” (Ban-zắc)
19. “Thơ là chuyện đồng điệu.” (Tố Hữu)
20. “Thơ là tiếng gọi đàn.” (Xuân Diệu)
21. “Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp.” (Sóng Hồng)
22. “Thơ sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù, từ nụ cười trong sáng hay những giọt nước mắt cay đắng.” (Raxun Gamzatôp)
23. “Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm”. (Voltaire)
24. “Thơ là viên kim cương lấp lánh dưới ánh mặt trời.” (Sóng Hồng)
25. “Thơ là thần hứng.” (Platon)
26. “Thơ là ngọn lửa thần.” (Đecgiavin)
27. “Thơ ca là niềm vui cao cả nhất mà loài người đã tạo ra cho mình”. (C.Mac)
28. “Thơ, trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật”. (Biêlinxki)

29. “Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy”. (Phạm Văn Đồng)
30. “Một nhà văn thiên tài là người muốn cảm nhận mọi vẻ đẹp man mác của vũ trụ”. (Thạch Lam)
31. “Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân”. (Nam Cao)
32. “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp...” (Nguyễn Tuân)
33. “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các bậc tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên cũng là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm lớn” (Nguyễn Khải)
34. “Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và khám phá về nội dung”. (Lêonit Lêonop)
35. “Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình”. (Ivan Tuốcghênhiep)
36. “Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả... Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ” (Sê khốp)
37. “Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình – nghĩa là trở thành nhà thơ.” (Raxun Gamzatop)
38. “Đối với con người, sự thực đôi khi nghiệt ngã, nhưng bao giờ cũng dừng cảm cũng cố trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người”. (Sô lô khốp)
39. “Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn.” (M.L.Kalinine)
40. “Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải cuộc sống.” (Giooc-giơ Duy-a-men)
41. “Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này, luôn luôn rộng hơn bất kỳ một câu trả lời cặn kẽ nào”. (Claudio Magris – N.văn Ý)
42. “Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy.” (Tổ Hữu)
43. “Làm thơ là cân một phần nghìn milligram quặng chữ.” (Maiacopxki)
44. “Một câu thơ hay là một câu thơ có sức gợi.” (Lưu Trọng Lư)
45. “Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng bái ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại.” (Leptonxtoi)

46. “Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn.” (Thạch Lam)
47. “Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức.” (Thạch Lam)
48. “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư.” (Lê Ngọc Trà)
49. “ Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn.” (Nam Cao)
50. ”Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện.” (Nam Cao)
51. “Tôi khuyên các bạn nên đọc truyện cổ tích... thơ ngụ ngôn, các tuyên tập ca dao... Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích... Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị của sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa... Hãy đi sâu vào sáng tác của nhân dân, nó trong lành như nước nguồn ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra.” (M.Gorki)
52. “Thi sĩ là một con chim sơn ca ngồi trong bóng tối hát lên những tiếng êm dịu để làm vui cho sự cô độc của chính mình.” (B. Shelly)
53. “Thơ là một bức họa để cảm nhận thay vì để ngắm.” (Leonardo De Vinci)
54. “Đề trong lòng là chí, ngụ ra ý là thơ. Người có sâu, cạn cho nên thơ có mờ có tỏ, rộng hẹp khác nhau.. Người làm thơ không ngoài lấy trung hậu làm gốc, ý nghĩa phải hàm súc, lời thơ phải giản dị.” (Nguyễn Cư Trinh)
55. “Giống như ngọn lửa thần bốc lên từ trong cảnh khô, tài năng bắt nguồn từ những tình cảm mạnh mẽ nhất của con người.” (Raxun Gazatôp)
56. “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra.” (Andecxen)
57. “Thơ là người thư kí chân thành của trái tim.” (Đuybralay)
58. “Andecxen đã lượm lặt những hạt tro trên luống đất của những người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp lều, từ đó lớn lên và nảy nở những đoá hoa thơ đẹp, chúng an ủi trái tim của những người cùng khổ.” (Pauxtopxki)
59. “Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng... Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần, nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái mà nhỏ nhen, độc hại...” (Phương Lựu)
60. “Vật áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang.” (Chế Lan Viên)
61. “Tôi thu thập hình tượng cũng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng sáu lần xích đạo trong một năm ba tháng và đậu lên bảy triệu bông hoa để làm nên một gam mật.” (P.Povlenko)
62. “Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm.” (Pauxtopxki)
63. “Những câu thơ lấp lánh như những tấm huy chương.” (Pon-Valeri)
64. “Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học.” (Tổ Hữu)
65. “Nhà văn là người cho máu.” (Enxa Toriole)

66. “Thơ là bà chúa của nghệ thuật.” (Xuân Diệu)
67. “Văn học là nhân học.” (Gorki)
68. “Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng.” (M.Gorki)
69. “Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc.” (Phương Lưu)
70. “Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình.” (Sách Lý luận văn học)
71. “Phải đẩy tới chóp đỉnh cao của mâu thuẫn thì sự sống nhiều hình mới vẽ ra.” (Heghen)
72. “Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng nội tâm, như sự dẫn dắt và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật.” (Aimatop)
73. “Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người.” (Nguyễn Minh Châu)
74. “Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bê nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động... Thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người... Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thực sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian.” (LLVH)
75. “Mỗi tác phẩm nghệ thuật là một phát minh về một hình thức, một khám phá mới về nội dung.” (Leonit Leonop)
76. “Thơ là tiếng nói của tri âm.” (Tố Hữu)
77. “Cái đẹp là cuộc sống.” (Secnursepxki)
78. “Giọng ca buồn là thích hợp nhất cho thơ ca.” (Etga Pô)
79. “Thơ ca phải say mới thích.” (Tố Hữu)
80. “Bạn ơi hay suy nghĩ bằng trái tim
Và hãy đọc cảm xúc bằng lý trí” (Phônatan)
81. “Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết là thực sự ở đời.” (Vũ Trọng Phụng)
82. “Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả.” (M.Gorki)
83. “Hãy đập vào tim anh – Thiên tài là nơi đó.” (A.De Muytxe)
84. “Từ bao giờ cho đến bây giờ, từ Homero đến kinh thi, đến ca dao Việt Nam thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người cho đến ngày tận thế.” (Hoài Thanh)
85. “Thơ chính là tâm hồn.” (M.Gorki)

86. “Văn chương phải là thể trận đuổi nghìn quân giặc.” (Trần Thái Tông)
87. “Do tình sinh ý, do ý sinh chữ, bởi cái này mà có cái kia cũng là thể cả.” (Bùi Dương Lịch)
88. “Trước hết là các nghệ sĩ lớn, sau đó mới đến các nhà khoa học, họ xứng đáng hơn ai hết được hưởng sự kính trọng của con người.” (Einstein)
89. “Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhứt nhối của tôi.” (Nguyễn Hồng)
90. “Mỗi tác phẩm đều có ít nhiều nhà văn.” (Thạch Lam)
91. “Nền đất ẩm, chiếu manh, trang giấy trắng
Anh khi sinh bao nhiêu vật cho đời
Nên anh chết như chuyển đi dài hạn
Bởi họ sống thay anh có mặt giữa muôn đời.”(Đào Cánh)
92. “Nếu tác giả không có lối nói riêng của mình thì người đó không bao giờ là nhà văn cả. Nếu anh ta không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ.” (Sekhop)
93. “Thơ là thơ, đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng.” (Sóng Hồng)
94. “Có những đêm không ngủ, mắt rực cháy và thôn thức, lòng tràn ngập nhớ nhung... Khi đó tôi viết.” (Lecmôntop)
95. “Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sôi sục dâng lên trong lòng thì tôi viết.” (Nêkratxtop)
96. “Mỗi khi có gì chất chứa trong lòng, không nói ra, không chịu được thì lại cần thấy làm thơ.” (Tổ Hữu)
97. “Thi sĩ không phải là Người, nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ...” (Chế Lan Viên)
98. “Thơ là tiếng lòng.” (Diệp Tiếp)
99. “Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên.” (Puskin)
100. “Đau đớn thay cho những kiếp sống muốn cất cánh bay cao nhưng lại bị cùm áo gài sát đất.” (Sông Mòn – Nam Cao)
101. “Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại.” (Đặng Thai Mai)
102. Tổ Hữu nói: "Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy"
103. Nói như Maiacopxki: "Làm thơ là cân 1 phần nghìn milligram quặng chữ"
104. L.Tôn x tôi khẳng định: "Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì 1 xã hội công bằng, bình đẳng bất ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt kiệt tất cả những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại"
105. Với Thạch Lam thì: "Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt đẹp trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn"
106. Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư"(Lê Ngọc Trà)

